**HỌC KÌ I**

**Ngày soạn :**

|  |
| --- |
| **Buổi 1**  **CHỦ ĐỀ: VĂN XUÔI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1930-1945**  **VĂN BẢN: TÔI ĐI HỌC**  **ÔN TẬP TỔNG QUÁT VỀ VĂN BẢN** |

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:**

***1. Kiến thức:***

- Nắm được bối cảnh lịch sử- xã hội Việt Nam những năm 1930-1945.

- Biết và chỉ ra được những đặc trưng của văn xuôi Việt Nam giai đoạn 1930-1945 (theo hai dòng chính là: văn xuôi lãng mạn và văn xuôi hiện thực).

- Cảm nhận được tâm trạng của nhân vật “ tôi” buổi đầu tiên đến trường.

- Hiểu và phân tích được tính thống nhất về chủ đề trong văn bản.

***2. Kĩ năng:*** Rèn kĩ năng đọc, hiểu VB, phân tích tâm trạng của nhân vật .

***3. Thái độ:*** - Xác định đúng đắn động cơ học tập.

- Biết cảm thông chia sẻ với những cuộc đời bất hạnh.

***4. Năng lực hướng tới:*** Giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, giao tiếp, thưởng thức văn học.

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Kiểm tra bài cũ**

**2. Giới thiệu bài mới**

**Tiết 1: CHỦ ĐỀ: VĂN XUÔI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1930-1945**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***GV dẫn dắt về lịch sử cai trị của Pháp ở Đông Dương những năm 1930- 1945, tình hình xã hội VN dưới tác động của những chính sách cai trị của Pháp.***  ***GV: chia nhóm, giao nhiệm vụ để các nhóm HS thực hiện:***  ***(chia lớp thành 4 hoặc 8 nhóm, mỗi nhóm thực hiện một câu hỏi)***  ***1. Bằng kiến thức lịch sử đã học em hãy liệt kê các phong trào yêu nước nước ở VN những năm 1930-1945?***  - GV bổ sung: Do vai trò độc quyền cách mạng của Ðảng, do đường lối chiến lược sách lược vững vàng sáng suốt của Ðảng đã đoàn kết và phát huy được mạnh mẽ tính tích cực, tính sáng tạo của quần chúng nhất là công nông.  ***2. Trong bối cảnh lịch sử nêu trên tình hình kinh tế- xã hội ở nước ta có đặc điểm gì nổi bật?***  ***3. Giai đoạn này có phải xã hội nước ta chỉ toàn những khó khăn, lạc hậu? hãy chỉ ra những biến đổi tích cực trong lòng xã hội VN giai đoạn này?***  ***4. Hãy chỉ ra những nét mới về văn hóa, tư tưởng trong bộ phận tư sản Việt Nam thời kì này?***  ***GV: 1. dựa trên ý kiến “văn học là tấm gương phản chiếu lịch sử” em hãy phân chia các giai đoạn phát triển của văn xuôi nước ta trong chặng đường 15 năm (1930-1945) này?***  GV giảng về khái niệm VHHT, VHLM cho HS.  ***2. Hãy nêu những đặc điểm cơ bản của văn xuôi hiện thực VN trong từng giai đoạn kể trên?***  ***3. Trong từng giai đoạn trên văn xuôi lãng mạn VN có đặc điểm gì giống và khác với văn xuôi hiện thực?***  ***- GV dẫn dắt về truyện kí và chuyển ý vào tác phẩm “Tôi đi học” sẽ tìm hiểu lại ở tiết 2.*** | **I. Khái quát tình hình chính trị - xã hội ở nước ta trong những năm 1930 – 1945**  ***1. Sự phát triển của các phong trào yêu nước trong những năm từ 30-45***  - Những biến đổi của các phong trào yêu nước trong thập niên 20. phong trào quốc gia mang màu sắc tư sản và phong trào cộng sản.  - Những năm 36-39, sự đột khởi của phong trào cộng sản. Giai đoạn hoà hoãn và hợp tác.  - sự trỗi dậy của những đảng phái quốc gia với khuynh hướng thân Nhật và sự lớn mạnh của phong trào cộng sản những năm 40-45.    **2 Một xã hội rối ren, đen tối về  kinh tế cũng như về kiến trúc thượng tầng.**  ***- Nền kinh tê kiệt quệ dưới ách thực dân phong kiến:***  Chế độ sưu thuế, chế độ bắt phu bắt lính của thực dân Pháp và chế độ Phong kiến.  Xã hội Việt Nam là một địa ngục, khắp nơi nạn đói hoành hành, bọn đầu trâu mặt ngựa tác oai tác quái, người chết hàng loạt và khủng khiếp nhất là nạn đói vào mùa xuân năm 1945, hai triệu người bị chết đói.  ***- Những thế lực thống trị mâu thuẫn nhau:***  Mâu thuẫn giữa thực dân phong kiến.  Mâu thuẫn giữa phong kiến với tư sản.  Mâu thuẫn giữa tư sản với thực dân.  ***- Những lực lượng đối kháng giao tranh,*** có những chiến tuyến rõ rệt như cách mạng, phản cách mạng; có người yêu nước nhưng hoang mang, có người lơ láo, bàng quang, lẩn trốn...  ***3. Sự biến đổi tích cực trong cơ cấu xã hội Việt Nam và những khuynh hướng vận động của xã hội trong những năm 32-45***  - Sự trưởng thành của một cơ cấu xã hội hiện đại với ba tầng lớp : phú hào tân đạt, tư bản bản xứ; trí thức mới và thị dân (theo cách định danh của Phạm Thế Ngũ).  - sự canh cải về phong hoá và thẩm quan  - phong trào cải cách xã hội có tính cách cải lương trong những năm 36-39  - cuộc khủng hoảng của xã hội Đông Dương trong những năm 40-45  **4. Một ý thức mới, một tâm lí mới lan tràn.**  ***- Ý thức tâm lí tư sản và tiểu tư sản:***  Trí thức, thành thị âu hóa, chịu ảnh hưởng của những sinh hoạt mới, của giai cấp mới và của văn hóa tư sản phương Tây.  Lối sống hưởng lạc phát triển ở thành thị: ăn mặc theo mốt thời trang, lối sống tài hoa son trẻ, vui vẻ trẻ trung, dạy họ cách hưởng thụ cuộc đời một cách hiện đại và thú vị nhất.  Báo chí tư sản, tiểu tư sản nhất là tờ báo Phong hóa, Ngày nay thường huấn luyện phụ nữ cách cải tiến y phục, huấn luyện thanh niên cách chinh phục gái đẹp.  ***- Giai cấp tư sản Việt Nam thất bại về mặt kinh tế và chính trị hoang mang, dao động, xoay ra đấu trang về mặt văn hóa chống giáo lí phong kiến để đòi tự do cá nhân:***  Chống giáo lí phong kiến như cảnh mẹ chồng nàng dâu, mẹ ghẻ con chồng, chế độ đa thê v.v...  Ðề cao hạnh phúc cá nhân, đề cao tình yêu lứa đôi.   |  | | --- | | **II. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ NHỮNG ÐẶC ÐIỂM NỔI BẬT** |   Quá trình phát triển văn xuôi trong 15 năm này đi theo 2 khuynh hướng cơ bản là Hiện thực và Lãng mạn, chia làm 3 thời kỳ :  **1. Thời kỳ 1930-1935: Mở đầu là sáng tác thơ văn gắn liền với cao trào cách mạng 1930-1931 mà đỉnh cao nhất là Xô Viết Ngệ Tỉnh.**  Bộ phận văn học tư sản, tiểu tư sản thời kỳ này là văn học lãng mạn: Tiểu thuyết Tự lực văn đoàn và thơ mới.  Xu hướng văn học phê phán có từ trước 1930 đến thời kỳ này phát triển hơn và xác định rõ ràng hơn về phương pháp thể tài.  **2. Thời kỳ 1936-1939**  ***2.1:- Văn học hiện thực phê phán phát triển mạnh mẽ và đạt được nhiều thành tựu xuất sắc:***  Vấn đề nông dân, nông thôn được đặt ra trong tác phẩm hiện thực phê phán Bước đường cùng của Nguyễn Công Hoan, Vỡ đê của Vũ Trọng Phụng, Tắt đèn của Ngô Tất Tố  Vấn đề phong kiến thực dân được nêu lên một cách gay gắt trong các tác phẩm hiện thực phê phán: Số đỏ, Giông tố của Vũ Trọng Phụng, Tắt đèn của Ngô Tất Tố...  Tác phẩm hiện thực phê phán không dừng lại ở truyện ngắn, phóng sự mà phát triển mạnh mẽ thể tài tiểu thuyết. Ðây chính là một thành công lớn của văn học hiện thực phê phán thời kì này  ***2.2:- Văn học lãng mạn tư sản, tiểu tư sản vẫn tiếp tục phát triển song nó phân hóa theo các hướng khác nhau.***  Bên cạnh chủ đề cũ chống lễ giáo phong kiến và đề cao hạnh phúc cá nhân, Tự lực văn đoàn còn nêu chủ đề mới: chủ trương cải cách bộ mặt nông thôn và cải thiện đời sống  cho nông dân Gia đình của Khái Hưng, Con đường sáng của Hoàng Ðạo.  Tiểu thuyết Tự lực văn đoàn đề cập tới hình tượng người chiến sĩ Ðoạn tuyệt, Ðôi bạn của nhà văn Nhất Linh  **3. Thời kỳ 1939-1945:**  ***3.1 Văn học hiện thực phê phán có sự phân hóa:***  Có nhà văn thì chết (Vũ Trọng Phụng);  Có nhà văn không viết tiểu thuyết nữa chuyển sang khảo cứu dịch thuật như Ngô Tất Tố.  Có nhà văn mắc phải sai lầm như Nguyễn Công Hoan viết tiểu thuyết Thanh Ðạm.  Một thế hệ nhà văn hiện thực mới ra đời:Nam Cao, Nguyễn Tuân, Mạnh Phú Tư, Nguyễn Ðình Lạp, Bùi Hiển, ...  Nhà văn hiện thực vẫn tiếp tục miêu tả cuộc sống tăm tối của người nông dân Chí Phèo, lão Hạc của Nam Cao; Sống nhờ của Mạnh Phú Tư. Cuộc sống bế tắc mòn mỏi của người trí thức tiểu tư sản cũng được các nhà hiện thực đề cập một cách sâu sắc Sống mòn, Ðời thừa, Trăng sáng của Nam Cao.  Các nhà văn nêu lên mâu thuẫn gay gắt giữa giai cấp thống trị với tầng lớp nhân dân lao động.  ***3.2 Văn học lãng mạn:***  - Cái Tôi bế tắc, cực đoan, có sự phân hóa.  + Tự lực văn đoàn: Mang một tâm trạng. Nhất Linh, Khái Hưng đưa ra một chủ nghĩa vô luân, đó là tác phẩm Bướm trắng của Nhất Linh và tác phẩm Thanh đức của Khái Hưng. Thạch Lam miêu tả những sinh hoạt nâng lên thành nghệ thuật như nghệ thuật ăn tết, Hà Nội 36 phố phường.  + Thế Lữ - thành viên của Tự lực văn đoàn đi vào truyện trinh thám đường rừng, truyện ma quỷ như truyện Cái đầu lâu.  + Nguyễn Tuân là cây bút tiêu biểu cho trào lưu lãng mạn tư sản, tiểu tư sản trong văn xuôi. Cái ngông của Nguyễn Tuân xuất hiện, đó là một thứ ngông lịch lãm tài hoa. Ở Nguyễn Tuân còn xuất hiện chủ nghĩa xê dịch, đó cũng là thứ xê dịch chân thành và những rung cảm rất tinh tế.  - Thời kì này ghi nhận sự phát triển của thể loại truyện kí, tiêu biểu là tập truyện “Quê mẹ” (Thanh Tĩnh) và Hồi kí “Những ngày thơ ấu” (Nguyên Hồng). Mỗi tác phẩm như chứa đựng câu chuyện của chính nhà văn, là sự hồi tưởng lại những sự việc và những cảm xúc đã nảy nở trong lòng tác giả. |

***TIẾT 2: VĂN BẢN: TÔI ĐI HỌC***

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ?Em hãy nêu những nét sơ lược về nhà văn Thanh Tịnh?  ?Nêu xuất xứ của truyện ngắn “***Tôi đi học***”?  ?Truyện ngắn “***Tôi đi học***” có kết cấu như thế nào?  ?Trong truyện ngắn “***Tôi đi học***”, Thanh Tịnh đã kết hợp những phương thức biểu đạt nào để thể hiện những hồi ức của mình?  ? Nét đặc sắc về nghệ thuật của văn bản?  ? Nêu nội dung chính của văn bản “***Tôi đi học***”?  - GV đọc, ghi đề lên bảng  - HS chép đề và tìm các hình ảnh so sánh và chỉ ra hiệu quả nghệ thuật của các hình ảnh so sánh đó .  - HS đọc đề, tìm ý và lập dàn bài theo gợi ý  **- Câu hỏi gợi mở**:  ? Xuất phát từ đâu mà nhân vật tôi lại hồi tưởng lại những cảm xúc cũ trong ngày tựu trường đầu tiên của mình?  ? Tâm trạng của tôi thay đổi như thế nào ở các thời gian và không gian khác nhau?  - HS trả lời diễn biến tâm trạng tôi ở 3 thời điểm gắn với 3 không gian khác nhau là: +Trên đường tới trường cùng mẹ.  + Khi ở sân trường.  + Lúc ở trong lớp học. | **I. Khái quát lí thuyết**  **1**. ***Vài nét về tác giả Thanh Tịnh***:  - Thanh Tịnh ( 1911 – 1988 ) là bút danh của Trần Văn Ninh, quê ở tỉnh Thừa Thiên - Huế, có gần 50 năm cầm bút sáng tác.  - Sự nghiệp văn học của ông phong phú, đa dạng.  - Thơ văn ông đậm chất trữ tình đằm thắm, giàu cảm xúc êm dịu, trong trẻo. Nổi bật nhất có thể kể là các tác phẩm: ***Quê mẹ*** ( truyện ngắn, 1941 ), ***Ngậm ngải tìm trầm*** ( truyện ngắn, 1943 ), ***Đi từ giữa mùa sen*** ( truyện thơ, 1973 ),...  **2.** ***Truyện ngắn “Tôi đi học”***.  **a. *Những nét chung***:  *- Xuất xứ*: “***Tôi đi học***” in trong tập “***Quê mẹ***” (1941), một tập văn xuôi nổi bật nhất của Thanh Tịnh.  *- Kết cấu*: Truyện được kết cấu theo dòng hồi tưởng của nhân vật “tôi”. Dòng hồi tưởng được khơi gợi hết sức tự nhiên bằng một khung cảnh mùa thu hiện tại và từ đó nhớ lại lần lượt từng không gian, thời gian, từng con người, cảnh vật với những cảm giác cụ thể trong quá khứ.  - *Phương thức biểu đạt*: Nhà văn đã kết hơp các phương thức tự sự, miêu tả và biểu cảm để thể hiện những hồi ức của mình.  ***b. Khái quát nội dung và nghệ thuật*** *:*  *+ Nghệ thuật:*  - So sánh đặc sắc, miêu tả tâm lý sinh động, phong phú.  - Ngôn ngữ, hình ảnh giàu sức gợi.  - Biểu cảm nhẹ nhàng, sâu lắng.  - Kết hợp hài hoà giữa kể, tả với bộc lộ tâm trạng, cảm xúc.  + *Nội dung chính:* Bằng giọng văn giàu chất thơ, chất nhạc, ngôn ngữ tinh tế và sinh động, tác giả đã diễn tả những kỉ niệm của buổi tựu trường đầu tiên. Đó là tâm trạng bỡ ngỡ mà thiêng liêng, mới mẻ mà sâu sắc của nhân vật “tôi” trong ngày đầu tiên đi học.  **II. Bài tập vận dụng và nâng cao:**  **Đề 1:** Tìm những hình ảnh so sánh đặc sắc trong văn bản “***Tôi đi học***”. Hãy chỉ ra hiệu quả nghệ thuật của các hình ảnh so sánh đó?  **\*Gợi ý:**  + Có 3 hình ảnh so sánh đặc sắc:  - “*Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng*”.  - “*Ý nghĩ ấy thoáng qua trong trí tôi nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi*”.  - “*Họ như con chim con đứng bên bờ tổ... khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ*”.  + ***Hiệu quả nghệ thuật:***  - Ba hình ảnh này xuất hiện trong ba thời điểm khác nhau, vì thế diễn tả rất rõ nét sự vận động tâm trạng của nhân vật “tôi”.  - Những hình ảnh này giúp ta hiểu rõ hơn tâm lí của các em nhỏ lần đầu đi học.  - Hình ảnh so sánh tươi sáng, nhẹ nhàng đã tăng thêm màu sắc trữ tình cho tác phẩm.  - Lưu ý: Ngoài 3 hình ảnh trên HS có thể kể thêm những câu văn khác trong văn bản có sử dụng phép so sánh.  **Đề 2:** **Hãy phân tích những biến đổi trong tâm trạng của nhân vật tôi trong buổi tựu trường đầu tiên?**  **I. Mở bài**  - Giới thiệu đôi nét về tác giả Thanh Tịnh: Nhà văn với những sáng tác toát lên vẻ đẹp đằm thắm, tình cảm êm dịu, trong trẻo.  - Vài nét về văn bản “Tôi đi học”: in trong tập “Quê mẹ”, xuất bản 1941, kể lại những kỉ niệm và cảm xúc của nhân vật “tôi” trong buổi tựu trường đầu tiên  **II. Thân bài**  **1. Cơ sở để nhân vật tôi có những liên tưởng về ngày đầu tiên đi học của mình**  - Biến chuyển của cảnh vật sang thu: Cuối thu, thời điểm tựu trường, cảnh thiên nhiên với lá rụng nhiều, mây bàng bạc khiến lòng người nhẹ nhàng mà bồi hồi nhớ lại “*Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức mơn man những kỉ niệm của buổi tựu trường”.*  - Hình ảnh những em bé núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đến trường “*mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đi đén trường, lòng tôi lại tưng bừng rộn rã”.*  ⇒ gợi nhớ, cơ sở liên tưởng tương đồng tự nhiên  **2. Những hồi tưởng của nhân vật tôi**  **a. Tâm trạng khi cùng mẹ đi trên đường đến trường**  - Cảnh vật, con đường vốn rất quen nhưng lần này cảm thấy lạ: “*con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên thấy lạ”.*  - Tự cảm thấy có sự thay đổi lớn trong lòng mình, cảm thấy trang trọng, đứng đắn hơn: “*Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học”…*  - Bỡ ngỡ, lúng túng: cố ghì chặt quyển vở nhưng 1 quyển vẫn xệch ra và chúi đầu xuống đất; nghĩ rằng chỉ những người thạo mới cầm nổi bút thước….  ⇒ Từ ngữ gợi tả, nghệ thuật so sánh, chọn lọc chi tiết tiêu biểu, cụ thể: tâm trạng bỡ ngỡ của “tôi” trong bổi tựu trường đầu tiên  **b. Khi đứng giữa sân trường và nghe gọi tên vào lớp học**  - Không khí của ngày hội tựu trường: náo nức, vui vẻ nhưng cũng rất trang trọng: “*sân trường: dày đặc cả người. Người nào cũng áo quần sạch sẽ, gương mặt vui tươi sáng sủa”.*  - Cảm thấy nhỏ bé so với trường, lo sợ vẩn vơ: *“cũng như tôi, mấy cậu học trò mới đứng nép bên người thân… Họ như con chim non đứng bên bờ tổ nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ”.*  - Hồi hộp, lo sợ chờ nghe gọi tên mình: Nghe tiếng trống giục thì bước chân cứ *“dềnh dàng mãi”, “toàn thân các cậu đang run run theo nhịp bước rộn ràng”, “Tôi cảm thấy quả tim tôi như ngừng đập”, “tự nhiên giật mình lúng túng”..*  - Khi sắp vào lớp học thì lo sợ, bật khóc “*Tôi bất giác quay lưng lại dúi đầu vào lòng mẹ tôi nức nở khóc theo”…*  ⇒ Diễn tả sinh động tâm trạng của nhân vật “tôi” với từng cung bậc, cảm xúc, có nhiều trạng thái cảm xúc đối lập, tâm trạng phức tạp  **c. Khi ngồi trong lớp học**  **-** Khi rời vòng tay mẹ để vào lớp cảm thấy nhớ mẹ: “*trong thời thơ ấu tôi chưa lần nào thấy xa mẹ tôi như lần này”.*  - Cảm thấy vừa xa lạ, vừa gần gũi với mọi vật, với nguời bạn ngồi bên: *“Một mùi hương lạ xông lên trong lớp”, “trông hình gì treo trên tường tôi cũng thấy lạ lạ và hay hay”, “lạm nhận” bàn ghế chỗ ngồi là của riêng mình, “nhìn người bạn tôi chưa hề quen biết, nhưng lòng tôi lại không cảm thấy xa lạ chút nào”*  + Làm quen, tìm hiểu phòng học, bàn ghế, … ⇒ thấy quyến luyến.  ⇒ Tâm trạng, cảm giác của nv “tôi” khi ngồi trong lớp học, đón nhận giờ học đầu tiên hợp tự nhiên, sinh động, hấp dẫn.  **III. Kết bài**  - Khẳng định lại những nét tiêu biểu về nghệ thuật làm nên thành công của đoạn trích: Miêu tả tinh tế, chân thật diễn biến tâm trạng, ngôn ngữ giàu yếu tố biểu cảm, hình ảnh so sánh độc đáo và giọng điệu trữ tình, trong sáng.  - Đoạn trích ngắn gọn nhưng để lại trong lòng người bao niềm bồi hồi, xúc động khi nhớ về ngày đầu tiên đi học của mình  **Yêu cầu HS: viết hoàn thành bài văn vào vở.** |

***TIẾT 3: CHỦ ĐỀ: TỔNG QUAN VỀ VĂN BẢN***

|  |  |
| --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS*** | ***KIẾN THỨC CẦN ĐẠT*** |
| - GV: Em hãy nhắc lại khái niệm văn bản là gì?  - HS nhắc lại khái niệm VB  GV: Thế nào là chủ đề của văn bản? Phân biệt chủ đề với đề tài/ với chuyện trong tác phẩm.  HS nêu khái niệm chủ đề  ***GV mở rộng, lưu ý cho HS:***  – Chủ đề là đối tượng và vấn đề chính mà văn bản biểu đạt.  – Theo đó, khái niệm đề tài giúp người đọc xác định: văn bản viết về cái gì? Còn khái niệm chủ đề giải đáp câu hỏi: Vấn đề cơ bản của văn bản là gì?  Ví dụ: Chủ đề của bài thơ “Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh là: tình yêu gia đình và quê hương dào dạt trong tâm hồn người lính trẻ trên đường hành quân ra trận thời kháng chiến chống Mĩ.  – Lưu ý: Cần phân biệt chuyện với chủ đề.  Ví dụ: Bài “Buổi học cuối cùng” của An-phông-xơ Đô-đê.  + Chuyện của “Buổi học cuối cùng” là em bé Prăng kể lại buổi dạy học cuối cùng của thầy Ha-men ở vùng An-dát của nước Pháp bị Đức chiếm đóng.  + Chủ đề của truyện là: Nỗi đau của nhân dân dưới ách thông trị của ngoại bang; biết yêu tiếng mẹ đẻ và yêu nước; biết giữ tiếng nói của dân tộc mình là nắm được chìa khoá để giải phóng, để giành lại tự do.  Đại ý với chủ đề  – Đại ý là ý lớn trong một đoạn thơ, một tình tiết; một đoạn, một phần của truyện. Một đoạn thơ, một tình tiết; một đoạn, một phần của truyện thì chưa hình thành được chủ đề.  – Một tác phẩm có thể chỉ có một chủ đề, nhưng cũng có thể có nhiều chủ đề (đa chủ đề).  Ví dụ:  Bài thơ “Bánh trôi nước” của Hồ Xuân Hương có các chủ đề sau:  + (1) Tự hào về một loại bánh ngon của dân tộc.  + (2) Ca ngợi phẩm chất người phụ nữ Việt Nam (nhan sắc, thuỷ chung…).  + (3) Cảm thông với thân phận ngươi phụ nữ trong xã hội cũ.  - GV đọc/ ghi đề lên bảng  - HS chép đề và chỉ ra sự thống nhất về chủ đề của văn bản trên các phương diện: nhan đề, từ ngữ, các câu văn tập trung cho nội dung vb.  ***Bài 2: Viết đoạn văn ngắn chủ đề vai trò của quê hương. Phân tích tính thống nhất về chủ đề trong đoạn văn em viết.*** | ***A. KHÁI NIỆM VĂN BẢN***  ***1. Khái niệm văn bản và sự liên kết trong văn bản***  ***a. khái niệm văn bản***  - Văn bản là chuỗi lời nói miệng hay bài viết, có chủ đề thống nhất, có liên kết, mạch lạc, vận dụng phương thức biểu đạt phù hợp để thực hiện môc đích giao tiếp.  Có sáu kiểu văn bản thường gặp với các phương thức biểu đạt tương ứng: tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết ninh, hành chính – công vụ. Mỗi kiểu văn bản có mục đích giao tiếp riêng.  ***b. Liên kết trong văn bản***:  Liên kết là một trong những tính chất quan trọng nhất của văn bản, làm cho văn bản trở nên có nghĩa, dễ hiểu.  Để văn bản có tính liên kết, ng­êi viết (người nói) phải làm cho nội dung của các câu, các đoạn thống nhất và gắn bó chặt chẽ với nhau; đồng thời phải biết kêt nối các câu, các đoạn đó bằng các phương tiện ngôn ngữ (từ ngữ, tổ hợp từ, câu,…) thích hợp.  **2. Chủ đề và bố cục của văn bản**  - Khái niệm chủ đề trong lí thuyết văn bản bao gồm đối tượng và vấn đề chính mà văn bản biểu đạt. Chủ đề có nội dung bao quát hơn đề tài  - Tính thống nhất về chủ đề của văn bản là một trong những đặc trưng quan trọng tạo nên văn bản. Đặc trưng này có liên hệ mật thiết với tính mạch lạc, tính liên kết.  - Tính thống nhất về chủ đề của văn bản được thể hiện trên cả hai bình diện: nội dung và cấu trúc - hình thức  - Việc sắp xếp các ý có ảnh hưởng trực tiếp đến việc tiếp thu của người đọc - phụ thuộc vào đối tượng phản ánh, loại hình văn bản. Một số cách trình bày:  + Theo thứ tự thời gian  + Theo lô gíc khách quan của đối tượng  + Theo lô gíc chủ quan  + Theo quy luật tâm lý, cảm xúc  **B. LUYỆN TẬP**  **Bài 1: phân tích tính thống nhất về chủ đề của văn bản “cuộc chia tay của những con búp bê”**  Truyện ngắn “Cuộc chia tay của những con búp bê” của Khánh Hoài, từ nhan đề đến cốt truyện, các tình tiêt đều mang tính liên kết chặt chẽ:  + Thành và Thuỷ đau khổ khóc suốt đêm.  + Sáng sớm, Thành đau buồn đi ra vườn ngồi một mình thì em gái theo ra.  + Hai anh em chia đồ chơi.  + Thành dẫn Thuỷ về trường cũ, chào giã biệt cô giáo Tâm và các bạn lớp 4B.  + Trước lúc lên xe, Thuỷ để lại cho anh trai cả hai con búp bê… Thành nhìn theo bóng em gái rồi khóc.  Như vậy, những con búp bê ngây thơ, ngộ nghĩnh không biết nỗi buồn phải chia tay. Chính cuộc chia tay của bố mẹ đã dẫn đến cuộc chia tay của con cái, của bạn bè và dẫn đến cuộc chia tay của búp bê.  Trong thực tế, Thành và Thuỷ đã không để cho búp bê phải chia tay. Điều đó nói lên nguyện vọng mãi mãi ở bên nhau của các em. Đó là điều khiến cho các bậc cha mẹ phải suy nghĩ.  Gia đình có ý nghĩa vô cùng quan trọng với các em nhỏ. Hãy giữ gìn hạnh phúc gia đình, đừng bao giờ để gia đình tan võ, khiến cho người lốn chia tay và kéo theo bao cuộc chia tay đau đớn của các em nhỏ ngây thơ, hiền lành, vô tội.  Qua đó, ta rút ra chủ đề của truyện là:  + Sự đau khổ của các em nhỏ trước bi kịch gia đình (cha mẹ bỏ nhau).  + Tình thương yêu của anh em, của bạn bè.  ***Bài 2: gợi ý***  ***+ đoạn văn tham khảo***  Quê hương- hai tiếng thân thương mà tha thiết, giản dị mà thiêng liêng. Từ khi còn thơ ấu, tôi đã luôn tự hỏi: “quê hương là gì hả mẹ/ Mà cô giáo dạy phải yêu?”. Và đến bây giờ khi đã trưởng thành hơn, tôi nhận ra quê hương đối với tôi hay bất cứ ai trên cõi đời này đều có vai trò vô cùng quan trọng. Đó là chiếc nôi nơi tôi sinh ra, cất tiếng khóc chào đời và tập những bước đi chập chững đầu tiên. Làm sao quên được nơi chôn rau cắt rốn ấy, nơi đã chứa đựng biết bao kỉ niệm buồn vui của tuổi thơ tôi hồn nhiên, vô tư, êm đềm chẳng còn thắm lại. Quê hương là niềm tự hào mà tôi luôn sướng danh thật to để bạn bè mọi miền của tôi được biết về. Với tôi, quê hương là hình ảnh mẹ cha tần tảo vác cuốc ra đồng, là cánh diều biêng biếc chúng tôi kéo trên lưng trâu, là làn khói lam những chiều đông lạnh cả lũ xô nhau sưởi ấm quanh bếp đất tự làm, là tiếng đám bạn gọi nhau í ới đi học đi chơi, và cả những trận đòn roi khi trốn học ra sông bắt cá…. Chính những dòng sữ ngọt ngào thân thương ấy của quê hương đã nuôi dưỡng tâm hồn tôi, chắp cánh cho tôi bay đến muôn nơi. Những câu ca dao, những lời ru à ơi, những câu chuyện cổ… tất cả đều từ những mái nhà quê hương tỏa ra mà tô thắm cuộc đời những đứa trẻ chúng tôi. Chẳng nơi đâu chan chứa tình thương và sẵn lòng chào đón ta trở về như quê hương của ta. Vì thế mỗi chúng ta hãy nỗ lực phấn đấu để xứng đáng với ân tình quê hương và làm giàu đẹp thêm cho quê mình.  + ***gợi ý phân tích tính thống nhất về chủ đề***  Tùy vào từng đoạn văn của HS để phân tích tính thống nhất:  Tập trung vào các từ ngữ tả quê hương, các từ nói về vai trò của quê hương (vd: nơi chôn rau cắt rốn, nơi nuôi dưỡng tâm hồn ta, nơi ai đi xa cũng nhớ nhiều, nơi ta tự hào nhắc về trong lí lịch…)  Các câu liên kết thể hiện rõ chủ đề vai trò quê hương như thế nào? |

***3. Luyện tập, củng cố****:*

*- Giáo viên hướng dẫn học sinh hệ thống lại nội dung kiến thức của bài.*

***4. Hoạt động tiếp nối:****:*

- Học bài. Tập phân tích truyện ngắn Tôi đi học.

- Hãy phân tích làm sáng tỏ chất thơ toát lên từ thiên truyện '' Tôi đi học''?

**Gợi ý:**

+ Chất thơ là một nét đẹp tạo nên giá trị tư tưởng và nghệ thuật của truyện ngắn này, thể hiện ở những vấn đề sau:

- Trước hết, chất thơ thể hiện ở chổ: truyện ngắn không có cốt truyện mà chỉ là dòng chảy cảm xúc, là những tâm tư tình cảm của một tâm hồn trẻ dại trong buổi khai trường đầu tiên. Những cảm xúc êm dịu ngọt ngào, man mác buồn, thơ ngây trong sáng làm lòng ta rung lên những cảm xúc.

- Chất thơ toát lên từ những tình tiết sự việc dào dạt cảm xúc( mẹ âu yếm dẫn đi..., các cậu học trò..., con đường tới trường.... ).

- Chất thơ toát lên từ cảnh sắc thiên nhiên rất thơ mộng và nên thơ trong trẻo.

- Chất thơ còn toả ra từ giọng nói ân cần, cặp mắt hiền từ của ông đốc và khuôn mặt tười cười của thấy giáo.

- Chất thơ còn toả ra từ tấm lòng yêu thương con hết mực ( 4 lần Thanh Tịnh nói về bàn tay mẹ). Hình tượng bàn tay mẹ thể hiện một cách tinh tế và biểu cảm, tình thương con bao la vô bờ của mẹ.

- Chất thơ còn thể hiện ở các hình ảnh so sánh đầy thú vị, ở giọng văn nhẹ nhàng, trong sáng gợi cảm ở âm điệu tha thiết.

- Chất thơ còn thể hiện ở chổ tạo được sự đồng cảm, đồng điệu của mọi người (kỉ niệm tuổi thơ cắp sách tới trường, hình ảnh mùa thu yên lặng quê Việt.

**Ngày soạn: Ngày dạy:**

**Buổi 2**

**CHỦ ĐỀ: VĂN XUÔI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1930 – 1945;**

**TỪ VỰNG; TỔNG QUÁT VỀ VĂN BẢN**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

1. ***Về kiến thức***: Ôn tập lại đặc điểm của thể văn hồi kí qua ngòi bút Nguyên Hồng: thấm đượm chất trữ tình với lời văn tự truyện chân thành giàu sức truyền cảm.

- Ôn tập kiến thức về Trường từ vựng; cách sử dụng trường từ vựng

- Ôn tập về bố cục văn bản

***2. Về kĩ năng***: Rèn kĩ năng phân tích nhân vật, kĩ năng so sánh, khái quát. Kĩ năng đọc hiểu, vận dụng làm bài tập thực hành. Rèn kĩ năng sử dụng từ vựng và tạo lập văn bản.

***3. Về thái độ***: Bồi dưỡng tình cảm gia đình, sự cảm thông với những cảnh ngộ bất hạnh. Lên án những thành kiến hủ tục, nhỏ nhen, độc ác đã làm khô héo tình cảm ruột thịt thiêng liêng; ý thức học tập bộ môn

***4. Định hướng phát triển năng lực***:

+ NLC: Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân.

+ NLCB: Năng lực đọc – hiểu; năng lực cảm thụ thẩm mỹ; năng lực giao tiếp tiếng Việt; năng lực tự học; năng lực sử dụng ngôn ngữ...

**II. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

**TIẾT 1 ÔN TẬP VĂN BẢN TRONG LÒNG MẸ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ? Nhắc lại những kiến thức trọng tâm về tác giả?  ? Văn bản “Trong lòng mẹ” được trích trong tác phẩm nào Nguyên Hồng?  ?Tác phẩm được viết trong hoàn cảnh nào?  ?Đây là tập hồi kí như thế nào của Nguyên Hồng?  *Chương hồi ký này là nỗi đắng cay, uất nghẹn về tình yêu thương vô bờ bến của Bé Hồng đối với người mẹ nhân từ, tần tảo mà cuộc đời đầy bất hạnh. Có hai sự kiện đã trở thành kỷ niệm không thể phai mờ được nhà văn ghi lại trong chương này. Đó là những sự kiện gì ?* | **A. Hệ thống lại kiến thức đã học**  **I – Vài nét về tác giả, tác phẩm**  ***1. Tác giả:***  + Nguyên Hồng ( 1918 - 1982), tên thật là Nguyễn Nguyên Hồng.  - Ngòi bút của ông luôn hướng về những người cùng khổ, đặc biệt là phụ nữ và nhi đồng. Khi viết về họ, ông tỏ rõ niềm yêu thương sâu sắc, mãnh liệt và lòng trân trọng.  - Là nhà văn hiện thực xuất sắc, tự học mà thành tài.  ***2. Tác phẩm:***  *\* Xuất xứ:*  - *Những ngày thơ ấu* là tập hồi kí về tuổi thơ cay đắng của tác giả (1938), gồm 9 chương.  *- Tác phẩm viết năm 1938 và đến năm 1940 thì được in trọn vẹn thành sách. Đó là một tập hồi ký gồm 9 chương ghi lại một cách trung thực những năm tháng tuổi thơ cay đắng của tác giả. Đó là một tuổi thơ có quá ít những kỷ niệm êm đềm, ngọt ngào, mà chủ yếu là những kỷ niệm đau buồn, tủi cực của một “đứa bé côi cút, cùng khổ” sinh ra trong một gia đình sa sút, bất hoà, sớm phải sống lêu lổng, bơ vơ giữa sự ghẻ lạnh cay nghiệt của họ hàng và thái độ dửng dưng một cách tàn nhẫn của xã hội.*  - Đoạn trích *Trong lòng mẹ* là chương IV của tập hồi ký.  *\* Tóm tắt:*  *+ Sự kiện 1: Cuộc trò chuyện giữa bé Hồng và bà cô.*  *+ Sự kiện 2: Mẹ bé Hồng trở về – cuộc gặp gỡ đầy nước mắt của niềm vui và hạnh phúc*  *\* Thể loại* : Hồi kí ( Ghi lại chuyện đã xảy ra trong cuộc đời 1 con người thường là chính tác giả).  *\* Phương thức biểu đạt :* Tự sự, miêu tả và biểu cảm. |
| ? Qua tìm hiểu đoạn trích, em hãy cho biết bé Hồng có hoàn cảnh như thế nào?  ? Em nhận xét như thế nào về hoàn cảnh đó của bé Hồng?  ?Em hãy cho biết tâm trạng bé Hồng như thế nào khi đối thoại với bà cô?  ?Qua đó đã diễn tả tình cảm nào của em với mẹ?  ? Tâm trạng của bé Hồng thay đổi ra sao khi gặp mẹ? Nhắc lại các chi tiết, hình ảnh làm rõ điều đó?  ?Nhắc lại những nét chính về nội dung và nghệ thuật? | **II. Phân tích đoạn trích**  ***1. Cảnh ngộ của bé Hồng.***  - Gia cảnh sa sút, cha nghiện ngập mất sớm.  - Mẹ Hồng : Một người phụ nữ trẻ, khao khát yêu đương phải chôn vùi tuổi xuân của mình trong cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Sau khi chồng mất 1 năm, mẹ bé Hồng đã có con với người đàn ông khác => Cùng túng quá phải bỏ con đi tha phương cầu thực.  - Hồng trở thành đứa trẻ côi cút, sống lang thang, thiếu tình thương ấp ủ, bị ghẻ lạnh hắt hủi của những người họ hàng bên nội.  =>Tuổi thơ của Nguyên Hồng có quá ít những kỉ niệm êm đềm ngọt ngào. Chủ yếu là những kỉ niệm đau buồn, tủi cực của một đứa trẻ côi cút, cùng khổ.  ***2. Tâm trạng của bé Hồng khi đối thoại với bà cô.***  - Kìm nén khi bà cô hỏi: « *Có muốn vào Thanh Hoá chơi với mợ mày không»*: Bé Hồng đã kìm nén xúc động, kìm nén nỗi đau, nhẫn nhục chịu đựng(cúi đầu không đáp, lòng thắt lại, khoé mắt cay cay).  - Khi bà cô nhắc dến em bé: nước mắt ròng ròng, chan hoà, đầm đìa ở cằm và ở cổ, hai tiếng em bé « ***xoắn chặt lấy tâm can em »*** và bé Hồng đã đau đớn: « ***cười dài trong tiếng khóc »***. Nỗi đau đớn, sự phẫn uất không kìm nén lại được khiến Hồng : ***cười dài trong tiếng khóc***.  - Khi nghe kể về tình cảnh của mẹ : ***ăn vận rách rưới, mặt mày xanh bủng, người gầy rạc đi…***: cổ họng nghẹn ứ, khóc không ra tiếng.  => Diễn tả tình yêu thương mẹ, sự nhạy cảm và lòng tự trọng cao độ của chú bé Hồng, sự uất ức, căm giận với hủ tục phong kiến.  ***3. Tâm trạng của bé Hồng khi ở trong lòng mẹ.***  - Khi thoáng thấy bòng người ngồi tren xe giống mẹ: vội vã, đuổi theo, gọi rối rít -> Lòng khắc khoải mong chờ, sự khao khát được gặp mẹ*: “khác gì cái ảo ảnh….sa mạc .*  *-* Khi ngồi trên xe: oà khóc nức nở -> khóc vì hờn dỗi, vì sung sướng, hạnh phúc, vì mãn nguyện.  - Khi trong lòng mẹ: Được ngắm gương mặt mẹ, được cảm nhận hơi thở thơm tho phả ra từ khuôn miẹng xinh xắn nhai trầu của mẹ -> Hồng vô cùng sung sướng hạnh phúc, bé đã cảm nhận được : ***những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng mơn man khắp da thịt.***  =>Những rung động cực điểm của tâm hồn cực kì đa cảm, cảm xúc chân thành của 1 chú bé khao khát tình mẫu tử : ***phải bé lại……… mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng.***  ***4. Nội dung, nghệ thuật***  ***\*Nội dung :*** Nỗi cay đắng, tủi cực cùng tình thương yêu cháy bỏng đối với người mẹ bất hạnh của bé Hồng.  ***\*Nghệ thuật :*** Nghệ thuật miêu tả tâm lý tinh tế, sâu sắc. Chất trữ tình trong văn bản thế hiện:Cuộc gặp gỡ bất ngờ và cảm động giữa cậu bé Hồng và người mẹ ở cuối văn bản. Ngôn ngữ thể hiện rất chân thực và thấm đẫm chất trữ tình, giọng văn tuôn trào cảm xúc. |
| **1. Đọc đoạn văn sau và trả lời theo các yêu cầu bên dưới:**  “… *Mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi òa lên khóc rồi cứ thế nức nở. Mẹ tôi cũng sụt sùi theo:*  *- Con nín đi! Mợ đã về với các con rồi mà*”. *(Ngữ văn 8- Tập1)*  a. Cho biết tên tác giả, tên đoạn trích của đoạn văn trên?  b. Xác định các tình thái từ có trong đoạn văn trên.  c. Xác định câu ghép và chỉ ra quan hệ ý nghĩa giữa các vế trong câu ghép ấy.  d. Nêu công dụng của dấu hai chấm trong đoạn văn trên.  **2. Đọc đoạn văn sau và trả lời theo các yêu cầu bên dưới:**  "*Nếu người quay lại ấy là người khác thì thật là một trò cười tức bụng cho lũ bạn tôi, chúng nó khua guốc inh ỏi và nô đùa ầm ĩ trên vỉa hè. Và cái lầm đó không những làm tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người b*ộ hành ngã gục giữa sa mạc".(NV 8-HKI)  a. Cho biết đoạn văn trên được trích trong tác phẩm nào? Của ai?  b. Xác định biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn văn và tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy.  **3. Đọc đoạn văn sau và trả lời theo các yêu cầu bên dưới:**  “*Cô tôi chưa dứt câu, cổ họng tôi đã nghẹn ứ khóc không ra tiếng. Giá những cổ tục đã đày đoạ mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thuỷ tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi*” (NV 8-HKI)  a.Đoạn văn trên trích trong văn bản nào thuộc tác phẩm nào? Tác giả là ai?  b.Tìm những từ thuộc trường từ vựng chỉ hoạt động của “tôi”.  c.Xác định biện pháp tu từ được sử dụng và chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ ấy.  d. Xác định cấu tạo và quan hệ ý nghĩa giữa các vế trong các câu ghép trên.  e.Nêu cảm nhận ngắn gọn của em về câu văn sau: “*Giá những cổ tục đã đày đoạ mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thuỷ tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì vụn nát mới thôi*” | **B. Luyện tập**  **1. Bài tập 1**  **Gợi ý**  a. Tên đoạn trích : “Trong lòng mẹ” ( trích “Những ngày thơ ấu”)  Tác giả: Nguyên Hồng.  b. Các tình thái từ: **đi, mà**.  c. - Câu ghép:  *Mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi òa lên khóc rồi cứ thế nức nở.*  - Mối quan hệ ý nghĩa giữa các vế: quan hệ tiếp nối.  d. Công dụng của dấu hai chấm: đánh dấu (báo trước) lời đối thoại.  **2.Bài tập 2**  **Gợi ý**  a. Đoạn văn trên thuộc đoạn trích “Trong lòng mẹ” ( trích “Những ngày thơ ấu”)  -Tác giả: Nguyên Hồng.  b.  b1. Biện pháp so sánh  "*Nếu người quay lại ấy là người khác... khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc."*  b2. Tác dụng:  - Đây là đoạn văn ghi lại tâm trạng chú bé Hồng trên đường đi học về thoáng thấy một người trong xe kéo giống mẹ mình nên cậu bé đuổi theo gọi cuống quýt.  + Cặp quan hệ từ nếu – thì diễn tả nếu sự thực không phải là mẹ thì đó sẽ là sự nhục nhã, tủi cực của cậu bé khi phải làm trò cười cho lũ bạn và đặc biệt niềm khát khao cháy bỏng, niềm hi vọng được gặp mẹ bấy lâu thường trực trong tâm hồn sẽ vỡ vụn, tan biến.  + Với lối so sánh độc đáo, mới lạ, sinh động cùng lối ẩn dụ tinh tế, đặc sắc, nhà văn ví đứa con nhớ thương, đợi chờ mẹ chẳng khác nào người bộ hành sắp ngã gục giữa sa mạc còn người mẹ kính yêu như dòng nước mát lành, tinh khiết xoa dịu cơn khát cồn cào, tưới mát tâm hồn, cuộc đời con. Phải thiếu thốn đến cùng cực, đứa trẻ tội nghiệp mới có những khát khao mãnh liệt đến thế. Mẹ chính là niềm hi vọng chan chứa, là hạnh phúc thiêng liêng, tình yêu thường trực và trên hết là sự sống của đời con.  - Đoạn văn được viết bằng tất cả những rung động tinh tế, cảm động nhất trong sâu thẳm một tâm hồn trẻ thơ với tình yêu tha thiết dành cho mẹ của mình. Sức hấp dẫn đặc biệt của đoạn văn là nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật sâu sắc, giọng điệu tha thiết, mãnh liệt, tràn đầy cảm xúc. Chi tiết nhỏ nhưng gây xúc động mạnh mẽ, có ý nghĩa lay thức những tình cảm nhân văn cao đẹp. Từ đó nhà văn lên tiếng bênh vực, đòi quyền sống, quyền hạnh phúc cho những kiếp người bị chà đạp, sỉ nhục, đặc biệt là phụ nữa và trẻ em trong xã hội thực dân nửa phong kiến. Đay là cảm hứng hiện thực và nhân đạo ấm nóng của tác phẩm.  **3.Bài tập 3**  **Gợi ý**  a. Đoạn trích trên thuộc văn bản “Trong lòng mẹ”, trích trong tác phẩm “Những ngày thơ ấu”)  - Tác giả: Nguyên Hồng.  b. Những từ thuộc trường từ vựng chỉ hoạt động của “tôi”: khóc, vồ, cắn, nhai, nghiến.  c. Biện pháp tu từ: nói quá, so sánh.  +So sánh: “Giá những...mới thôi”  +Nói quá: vồ, cắn, nhai, nuốt, nghiến...nát vụn  -Tác dụng: Thể hiện thái độ kiên quyết, dứt khoát bảo vệ mẹ trước những cổ tục độc ác, tàn nhẫn của xã hội cũ. Qua đó cho thấy, ở bé Hồng ngời sáng lên vẻ đẹp của một tâm hồn trẻ thơ thánh thiện, sự bao dung và thấu hiểu.  **d.** Cấu tạo và quan hệ ý nghĩa giữa các vế trong mỗi câu ghép  - Cô tôi /chưa dứt câu, cổ họng tôi /đã nghẹn ứ khóc không ra tiếng.  CN VN CN VN  -> Quan hệ đồng thời.  Giá những cổ tục đã đày đoạ mẹ tôi / là một vật như hòn đá  CN VN  hay cục thuỷ tinh, đầu mẩu gỗ, tôi /quyết vồ ngay lấy mà  CN VN  cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới    thôi.  -> Quan hệ điều kiện.  **e. Cảm nhận ngắn gọn:**  - Là một câu văn biểu cảm dài, nhịp văn dồn dập với liên tiếp nhiều động từ mạnh.  - Thể hiện một ý nghĩa táo tợn, bất cần đầy phấn nộ đang trào sôi như một cơn dông tố trong lòng cậu bé.  - Tâm trạng đau đớn, uất ức căm tức đến tột cùng. Các từ *cắn, nhai, nghiến*, nằm trong 1 trường nghĩa đặc tả tâm trạng uất ức của nhân vật.  - Càng căm giận bao nhiêu càng tin yêu, thương mẹ bấy nhiêu.  - Đặc biệt tình yêu thương và niềm tin yêu với mẹ đã khiến người con hiếu thảo ấy đã suy nghĩ sâu sắc hơn. Từ cảnh ngộ bi thương của người mẹ, từ những lời nói kích động của người cô, bé Hồng nghĩ tới những cổ tục, căm giận cái xã hội đầy đố kị và độc ác ấy với những người phụ nữ gặp hoàn cảnh éo le. Bé Hồng đã truyền tới người đọc những nội dung mang ý nghĩa xã hội bằng một câu văn giàu cảm xúc và hình ảnh.  =>Chúng ta cảm thông với nỗi đau đớn xót xa, nỗi căm giận tột cùng của bé Hồng đồng thời rất trân trọng một bản lĩnh cứng cỏi, một tấm lòng rất mực yêu thương và tin tưởng mẹ. Bé Hồng vẻ ngoài thì nhẫn nhục nhưng bên trong thì sôi sục một niềm căm giận muốn gồng lên chống trả lại mọi sự xúc phạm. |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾT 2 ÔN TẬP VỀ TRƯỜNG TỪ VỰNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ? Hãy nhắc lại khái niệm về trường từ vựng?  ? Những điểm lưu ý khi sử dụng trường từ vựng là gì? | **A. Hệ thống lại kiến thức đã học**  **1. Khái niệm:** Là tập hợp của những từ ngữ có ít nhất một nét chung về nghĩa.  VD:  Hoạt động chia cắt đối tượng : xé, xẻ, mổ, cưa, chặt, vằm, băm.  **2. Những điểm cần lưu ý:**  - Một trường từ vựng có thể bao hàm nhiều từ vựng nhỏ hơn.  Hoạt động của chân: *bàn chân, ngón chân, nhảy, đứng…*  ***Chân*** Bộ phận của chân: *bàn chân, ngón, cổ chân…*  Cảm giác của chân: *tê, đau, mỏi, nhức…*  Đặc điểm của chân: *ngắn, dài, to, thẳng….*  - Trường từ vựng nhỏ nằm trong trường từ vựng lớn có thể có sự khác biệt nhau về từ loại.  VD: “ mắt”  - Bộ phận của mắt: DT  - Đặc điểm của mắt: TT  - Hoạt động của mắt: ĐT  - Một từ có thể thuộc nhiều trường từ vựng:  VD: “ chua”  - Trường mùi vị: mặn, ngọt, chua, cay…  - Trường âm thanh: ngọt, chua, êm…  - Chuyển từ trường vựng này => trường từ vựng khác => giá trị nghệ thuật.  VD: *Nhà ai vừa chín quả đầu*  *Đã* ***nghe*** *xóm trước vườn sau chín vàng.*  *=>* Chuyển trường từ vựng thính giác => trường từ vựng khứu giác. |
| **2. Tìm các từ thuộc các trường từ vựng sau**: hoạt động dùng lửa của người; trạng thái tâm lí của người; trạng thái chưa quyết định dứt khoát của người; tính tình của người; các loài thú đã được thuần dưỡng  **2. Vận dụng kiến thức đã học về trường từ vựng để phân tích cái hay trong đoạn thơ sau:**  "Áo đỏ em đi giữa phố đông,  Cây xanh như cũng ánh đeo hồng,  Em đi lửa cháy trong bao mắt,  Anh đứng thành tro em biết không"  **3.** **Cho câu chủ đề:** “*Đọc Trong lòng mẹ, ta bắt gặp một bé Hồng rất đáng thương, đáng yêu, trong đau khổ, trái tim thương yêu của em vẫn dành cho người mẹ một cách* *đằm thắm, trọn vẹn*.”  Hãy viết một đoạn văn khoảng 10 câu làm rõ câu chủ đề trên. Trong đoạn có sử dụng một trường từ vựng. (chỉ rõ)  - GV: hướng dẫn hs viết câu chủ đề đầu đoạn hoặc cuối đoạn. (tích hợp với kiến thức xây dựng đoạn văn)  -HS có thể chỉ ra các trường từ vựng trong đoạn văn | **B. Luyện tập**  **1.Bài tập 1**  - Hoạt động dùng lửa của người: châm, đốt, nhen, nhóm, bật, quẹt...  - Trạng thái tâm lí của người: vui, buồn, hờn, giận  -Trạng thái chưa dứt khoát của người: lưỡng lự, do dự, chần chừ,...  -Tính tình của người: vui vẻ, hiền, dữ,...  - Các loài thú đã được thuần dưỡng: trâu, bò, chó,...  **2. Bài tập 2**  Tác giả sử dụng 2 trường từ vựng:  +Trường từ vựng về màu sắc : đỏ - hồng – ánh  +Trường từ vựng chỉ về lửa : lửa - cháy- tro.  - Các từ trong hai trường từ vựng có quan hệ chặt chẽ với nhau, tạo nên vẻ đẹp của đoạn thơ. Màu áo đỏ của cô gái thắp lên trong mắt chàng trai (nhiều người khác) ngọn lửa. Ngọn lửa đó lan tỏa trong người anh, làm anh say đắm, ngất ngây, và lan tỏa cả không gian, làm không gian cũng biến sắc (cây xanh cũng ánh hồng).  - Xây dựng hình ảnh gây ấn tượng mạnh với người đọc. Nó miêu tả một tình yêu mãnh liệt, cháy bỏng, đắm say…( ngoài ra bài thơ còn sử dụng một số phép đối.  **3. Bài tập 3**  **- Câu chủ đề:** “*Đọc Trong lòng mẹ, ta bắt gặp một bé Hồng rất đáng thương, đáng yêu, trong đau khổ, trái tim thương yêu của em vẫn dành cho người mẹ một cách đằm thắm, trọn vẹn*”.  **- Các câu triển khai câu chủ đề**  + Cậu bé sống trong một hoàn cảnh vô cùng bất hạnh. Em sinh ra bởi một cuộc hôn nhân không hạnh phúc, rồi cha qua đời vì nghiện ngập, mẹ em phải tha hương cầu thực, xa quê, xa gia đình, em phải sống với bà cô giàu có nhưng cay nghiệt.  +Tuy sống trong khổ đau, nhưng trái tim cậu bé vẫn vẹn nguyên tình yêu thương dành cho mẹ. Bà cô luôn nói những lời cay nghiệt, không ngừng gieo giắc vào tâm hồn ngây thơ của cậu những hoài nghi, khinh miệt mẹ. Nhưng em không hề để tâm và luôn nhớ về mẹ với những kí ức đẹp đẽ nhất.  + Tình yêu thương mẹ khiến cậu có những suy nghĩ mạnh mẽ, dứt khoát, muốn hết lòng bảo vệ mẹ. Cậu ước những cổ tục giống như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ cậu sẽ nhai, sẽ nghiến cho vụn nát mới thôi. Chính tình yêu thương mãnh liệt trỗi dậy trong lòng khiến cậu muốn vùng lên để bảo vệ người mẹ tội nghiệp, đáng thương trước sự hà khắc của xã hội phong kiến.  + Tình yêu thương ấy còn bộc lộ qua cuộc gặp gỡ giữa hai mẹ con. Sau bao ngày xa cách, cậu sà vào lòng mẹ cho thỏa nỗi nhớ mong, niềm khát khao yêu thương, em muốn được mẹ ôm ấp, chở che trong niềm hạnh phúc tột cùng.  + Đoạn trích đã thể hiện được những cung bậc cảm xúc của cậu bé Hồng, một tâm hồn trẻ thơ đầy những tổn thương nhưng tình yêu dành cho mẹ vẫn dạt dào, mãnh liệt, thể hiện tình mầu thử thiêng liêng và cao đẹp vô cùng.  **\*Trường từ vựng**  +Trạng thái tâm lí: đau khổ, hạnh phúc, nhớ mong, yêu thương,... |

**TIẾT 3 B. CÁC THÀNH PHẦN CỦA VĂN BẢN**

**- BỐ CỤC CỦA VĂN BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **-**GV: giúp hs hệ thống kiến thức về bố cục của văn bản  ? Nhắc lại những kiến thức trọng tâm về bố cục của văn bản?  *- Phần này GV chỉ yêu cầu Hs nhắc lại mà không cần ghi*  ?Lấy ví dụ về bố cục của văn bản: miêu tả, tự sự, nghị luận?  ? Nêu cách bố trí, sắp xếp nội dung phần thân bài?  **-GV: mở rộng thêm**  \*MB  +MB trực tiếp  + MB gián tiếp  \*KB  +Đoạn kết khép  +Đoạn kết mở | **A. Hệ thống lại kiến thức đã học**  **1. Ghi nhớ**  *- Bố cục của văn bản là sự tổ chức các đoạn văn để thể hiện chủ đề. Văn bản thường có bố cục 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài*  *+ Phần mở bài có nhiệm vụ nêu ra chủ đề của văn bản.*  *+ Phần thân bài thường có một số đoạn nhỏ trình bày các khía cạnh của chủ đề.*  *+ Phần kết bài tổng kết chủ đề của văn bản.*  *- Nội dung phần thân bài thường được trình bày theo một thứ tự tuỳ thuộc vào kiểu văn bản, chủ đề, ý đồ giao tiếp của người viết. Nhìn chung, nội dung ấy thường được sắp xếp theo trình tự thời gian và không gian, theo sự phát triển của sự việc hay theo mạch suy luận, sao cho phù hợp với sự triển khai chủ đề và sự tiếp nhận của người đọc.*  VD:  **a. Văn miêu tả**  - Mở bài: giới thiệu chung về ấn tượng cảm xúc đối với cảnh vật  - Thân bài: tả từng phiên cảnh cụ thể, tả khái quát toàn cảnh  - Kết bài: nêu cảm xúc, ý nghĩ  **b. Văn tự sự**  - Mở bài: giới thiệu câu chuyện  - Thân bài: kể diễn biến câu chuyện  - Kết bài: kết cục câu chuyện, hoặc nói lên suy nghĩ, cảm nghĩ  **c. Văn nghị luận**  - Mở bài: nêu vấn đề  - Thân bài: giải quyết vấn đề. Có thể lần lượt dùng lí lẽ hoặc dẫn chứng để giải thích, hay chứng minh, hay bình luận từng luận điểm, từng khía cạnh của vấn đề  - Kết bài: khẳng định vấn đề. Liên hệ cảm nghĩ  **2. Cách bố trí, sắp xếp nội dung phần thân bài**  Thân bài là phần chính trung tâm, phần trọng tâm của bài văn, của văn bản. Mỗi loại văn bản ở phần thân bài có cách bố trí, sắp xếp nội dung khác nhau.  a. Thân bài văn miêu tả: có thể sắp xếp bố trí từ cảnh này đến cảnh khác, từ bộ phận này đến bộ phận khác theo thời gian và không gian, có cảnh chính và cảnh phụ.  b. Thân bài văn tự sự, có thể sắp xếp, bố trí các tình tiết, các sự việc, các nhân vật nối tiếp hoặc xen kẽ nhau xuất hiện theo diễn biến tự nhiên của câu chuyện.  VD: Truyện “Ông lão đánh cá và con cá vàng” có 5 tình tiết sau hình thành cốt truyện và diễn biến câu chuyện:  - *Mụ vợ ông lão đánh cá bảo chồng ra biển xin con cá vàng một cái máng lợn*  *- Mụ vợ sai chồng ra biển xin con cá vàng cho mụ một cái nhà mới*  *- Mụ vợ bắt chồng đi gặp con cá vàng xin cho mụ làm nhất phẩm phu nhân*  *- Mụ vợ bắt chồng đòi cá vàng để mụ được làm nữ hoàng*  *- Mụ vợ ông lão đánh cá đòi được làm Long Vương ngự trên mặt biển*  c. Thân bài văn nghị luận: chất liệu làm nên bài văn nghị luận là lí lẽ, dẫn chứng và cách lập luận. Thân bài của một bài văn nghị luận là hệ thống các luận điểm, luận cứ. Qua các luận điểm, luận cứ, người viết dùng lí lẽ, dẫn chứng để giải thích, chứng minh, bình luận để làm nổi bật luận đề (vấn đề đã nêu ra)  VD: Trong bài “thế nào là học tốt”, ông Trường Chinh đã nêu lên 4 căn cứ, 4 luận điểm sau:  *- Học tốt trước hết là học sinh phải đi học cho đều, chăm chú nghe giảng…*  *- Hai là học phải gắn với hành, với lao động….*  *- Ba là học sinh phải chăm lo học tập và rèn luyện về các mặt trí dục, đức dục, mĩ dục, thể dục để phát triển toàn diện con người mới xã hội chủ nghĩa*  *- Bốn là, học sinh phải kính trọng thầy, cùng gánh trách nhiệm với thầy trong việc xây dựng nhà trường xhcn….* |
| **1.** Có một bạn được phân công báo cáo kinh nghiệm học tập tại hội nghị học tốt của trường. Bạn ấy dự định theo bố cục sau:  a.Mở bài: chào mừng các đại biểu, các thầy cô và các bạn dự hội nghị.  b.Thân bài:  -Nêu rõ bản thân đã học như thế nào ở lớp.  -Nêu thành tích hoạt động Đội và thành tích văn nghệ của bản thân.  -Nêu rõ bản thân học ở nhà thế nào.  -Nêu rõ bản thân học trong cuộc sống.  c.Kết bài: Chúc sức khoẻ mọi người, chúc các bạn học tốt.  Bố cục trên đã rành mạch và hợp lí chưa? Vì sao? Theo em có thể bổ sung thêm điều gì?  **2.Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**  **Tự sự**  Dù đục, dù trong con sông vẫn chảy  Dù cao, dù thấp cây lá vẫn xanh  Dù người phàm tục hay kẻ tu hành  Đều phải sống từ những điều rất nhỏ  Ta hay chê rằng cuộc đời méo mó  Sao ta không tròn ngay tự trong tâm?  Đất ấp ôm cho muôn hạt nảy mầm  Những chồi non vươn lên tìm ánh sáng  Nếu tất cả đường đời đều trơn láng  Chắc gì ta đã nhận ra ta  Ai trong cuộc đời cũng có thể tiến xa  Nếu có khả năng tự mình đứng dậy  Hạnh phúc cũng như bầu trời này vậy.  Đâu chỉ dành cho một riêng ai.  (Nguyễn Quang Hưng)  a. Xác định chủ đề cho bài thơ trên  b. Nêu bố cục và chỉ ra nội dung chính của từng phần.  **3. Hãy lập dàn ý cho đề bài sau:**  “*Phân tích lòng thương mẹ của chú bé Hồng trong đoạn trích* **: Trong lòng mẹ”.**  **-GV hướng dẫn học sinh lập dàn ý** | **B. Luyện tập**  **1. Bài tập 1**  **Gợi ý:**  Bố cục trên chưa rành mạch vì:  - Mở bài: Chưa nêu ra chủ đề mà văn bản đề cập.  - Thân bài: Trình bày chưa dày đủ, rõ ràng.  - Kết luận chưa tổng kết chủ đề.  =>Bố cục trên chưa rành mạch hợp lí vì bố cục chưa có sự thống nhất về chủ đề, ý thứ 2 không nói về học tập ( lạc chủ đề).  +Phần mở bài chưa giới thiệu phần mình định báo cáo.  + Bổ sung ý 2: Nêu thành tích, kinh nghiệm học tập.  **2. Bài tập 2**  Gợi ý  **a. Chủ đề của bài thơ:** Con đường đến với thành công, hạnh phúc nằm ở chính sự tu dưỡng và nỗ lực của bản thân mỗi người.  **b.Bố cục của bài thơ**  **- 4 dòng đầu:** Cuộc sống được vun đắp từ những điều nhỏ bé  **- 6 dòng tiếp:** Lời trách móc thái độ đổ lỗi cho hoàn cảnh trước những thất bại của con người.  **- 4 dòng cuối:** Lời nhắn nhủ: mỗi người hãy tự làm nên hạnh phúc cho mình.  **3. Bài tập 3**  **Gợi ý**  ***a. Mở bài***  + Nguyên Hồng là nhà văn hiện thực xuất sắc với giọng văn trữ tình, đằm thắm yêu thương.  + “Những ngày thơ ấu” là cuốn hồi kí cảm động về chính cuộc đời thơ ấu tác giả.  + Tiêu biểu là đoạn trích “Trong lòng mẹ” đã thể hiện trọn vẹn tình yêu thương mẹ thiêng liêng, cảm động của bé Hồng.  ***b. Thân bài***  **\*. Giới thiệu về hoàn cảnh của bé Hồng:**  - Chú bé Hồng - nhân vật chính của truyện lớn lên trong một gia đình sa sút. Người cha sống u uất, trầm lặng, rồi chết trong nghèo túng, nghiện ngập. Người mẹ có trái tim khao khát yêu đương đành chôn vùi tuổi thanh xuân trong cuộc hôn nhân không có hạnh phúc. Sau khi chồng chết, người phụ nữ đáng thương ấy vì quá cùng quẫn phải bỏ con đi tha hương cầu thực và bị người đời gán cho cái tội "*chưa đoạn tang chồng mà đã chửa đẻ với người khác*". Bé Hồng phải sống trong gia đình người cô giàu có mà cay nghiệt. Chịu những nỗi đau giằng xé về tinh thần.  **\* Phân tích:**  **Ý 1. Tuy đau khổ, sống xa mẹ nhưng bé Hồng vẫn dành cho mẹ những tình cảm yêu thương trọn vẹn.**  **\* Trong cuộc đối thoại với bà cô:**  - Tình cảm mãnh liệt của đứa con đã giúp bé Hồng vượt qua những lời lẽ xúc xiểm, những dụng ý xấu xa mà người cô cố tình gieo rắc vào lòng cậu bé. Với trái tim nhạy cảm, sự thông minh tinh ý, Hồng đã nhận ra phía sau lời nói thản nhiên, điệu cười rất kịch của cô là những rắp tâm tanh bẩn muốn bé khinh miệt và ruồng rẫy mẹ mình.  - Em chỉ biết khóc, nước mắt chan hoà. Giọt nước mắt vì uất ức, tủi cực và thương mẹ sâu sắc vì nghĩ mẹ không đáng bị sỉ nhục như thế.  - Không chỉ thế, bé Hồng còn nhận thức sâu sắc nguyên nhân nỗi đau khổ của đời mẹ. Em căm tức những thành kiến tàn ác đã khiến mẹ phải xa lìa con thơ.  - Lòng thương mẹ mãnh liệt tới mức: “Giá những cổ tục...mới thôi”. Hàng loạt các động từ mạnh được nhà văn sử dụng theo chiều hướng tăng tiến: vồ, cắn, nhai, nghiến...đã thể hiện thái độ kiên quyết bảo vệ mẹ trước những cổ tục độc ác của xã hội cũ.  - Như vậy, dù hơn một năm trời, mẹ không gửi cho một lá thư, không một lời hỏi thăm, không cho đồng quà, lại bị bủa vây bởi những lời cay độc của bà cô nhưng bé vẫn không nghĩ xấu về mẹ. Trái lại, em cảm thông và thương mẹ đến tột cùng.  =>Ở bé Hồng, ta thấy ngời sáng lên vẻ đẹp của một tâm hồn trẻ thơ thánh thiện, sự bao dung và lòng hiếu thảo.  **Ý 2: Tình thương, nỗi nhớ mong, khao khát được gặp mẹ và niềm hạnh phúc vô biên khi được sống trong tình yêu thương của mẹ:**  - Bé Hồng luôn khao khát được sống trong tình thương của mẹ. Chỉ thoáng thấy bóng người giống mẹ mình, bé đã chạy theo gọi rối rít: “Mợ ơi!”. Tiếng gọi tha thiết của bé Hồng khuấy động cả không gian, gửi trọn tình yêu thương và nỗi khát khao tình mẹ luôn thường trực, cồn cào trong trái tim non nớt. Điều này đã được cụ thể hoá trong hình ảnh so sánh: mẹ như dòng nước trong mát còn con như người bộ hành sắp gục ngã giữa sa mạc.  - Khi được ngồi lên xe cùng mẹ, bé Hồng oà khóc và cứ thế nức nở. Nếu khi khóc với bà cô là tiếng khóc tủi hờn, uất ức thì khi gặp mẹ đó lại là tiếng khóc của niềm hạnh phúc. Trong đôi mắt của tình yêu thương Hồng thấy mẹ đẹp như một thiên thần: gương mặt tươi sáng, đôi mắt trong, nước da mịn, hơi thở thơm tho...Em như huy động mọi giác quan để tận hưởng và đón nhận tình mẹ.  - Trong lòng mẹ, mọi đau khổ đều tan biến, bé Hồng mê man trong hạnh phúc “mẹ êm dịu vô cùng”, “Tôi không nhớ mẹ đã hỏi tôi và tôi đã trả lời mẹ những gì”  => Cả một thế giới như đang bừng nở, hồi sinh, ăm ắp tình mẫu tử thiêng liêng và cảm động.  **\*. Khái quát về nội dung và nghệ thuật**  - Đoạn trích là bài ca đẹp về tình mẫu tử thiêng liêng mà cao quý, mang giá trị nhân đạo sâu sắc.  - Những trang văn miêu tả tâm lí nhân vật chân thực, cảm động đã ghi lại “những rung động cực điểm của một linh hồn trẻ dại”.  - Giọng văn chứa chan cảm xúc, thể hiện rõ phong cách Nguyên Hồng: “Những gì tôi viết ra là những gì thương yêu nhất của tôi, những ước mong nhức nhối của tôi”  ***3. Kết bài***  + Đoạn trích làm ngời sáng tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt.  + Giá trị của đoạn trích “Trong lòng mẹ” nói riêng và tác phẩm “những ngày thơ ấu” nói chung sẽ trường tồn mãi cùng thời gian bởi nó chứa đựng tình cảm nhân văn sâu sắc, thấm thía triết lí về tình cảm gia đình, thấm được chất thơ giữa cuộc đời cay cực. |

**III.Củng cố - dặn dò**

1. **\* ĐỀ LUYỆN:(Về nhà)**

**Đề bài:** Em hãy làm sáng tỏ nhận định sau: “Đoạn trích *Trong lòng mẹ* đã ghi lại những rung động cực điểm của một tâm hồn trẻ dại”.

**\* Lập dàn ý:**

a. Mở bài:

- Giới thiệu đoạn trích và nhận định.

b. Thân bài:

*\* Đau đớn xót xa đến tột cùng*:

Lúc đầu khi nghe bà cô nhắc đến mẹ, Hồng chỉ cố nuốt niềm thương, nỗi đau trong lòng. Nhưng khi bà cô cố ý muốn lăng nhục mẹ một cách tàn nhẫn trắng trợn, Hồng đã không kìm nén được nỗi đau đớn, sự uất ức: “Cổ họng nghẹn ứ lại, khóc không ra tiếng”. Từ chỗ chôn chặt kìm nén, nỗi đau đớn, uất ức trong lòng Hồng càng bùng lên dữ dội.

*\* Căm ghét đến cao độ những cổ tục:*

Cuộc đời nghiệt ngã, bất công đã tước đoạt của mẹ tất cả tuổi xuân, niềm vui, hạnh phúc... Càng yêu thương mẹ bao nhiêu thì nỗi căm thù xã hội càng sâu sắc quyết liệt bấy nhiêu: “Giá những cổ tục kia là một vật như ......... mới thôi.”

*\* Niềm khao khát được gặp mẹ lên tới cực điểm:*

Những ngày tháng xa mẹ, Hồng phải sống trong đau khổ, thiếu thốn cả vật chất lẫn tinh thần. Có những đêm Noen em đi lang thang trên phố trong sự cô đơn và đau khổ vì nhớ thương mẹ. Có những ngày chờ mẹ bên bến tàu, để rồi trở về trong nỗi buồn bực... Vì thế, nỗi khao khát được gặp mẹ trong lòng em lên tới cực điểm ...

*\*. Niềm vui sướng, hạnh phúc lên tới cực điểm khi được ở trong lòng mẹ*:

Niềm sung sướng lên tới cức điểm khi bên tai Hồng câu nói của bà cô đã chìm đi, chỉ còn cảm giác ấm áp, hạnh phúc của đứa con khi sống trong lòng mẹ.

c. Kết bài:

- Khẳng định lại nhận định.

***2. Viết đoạn văn với câu chủ đề sau***: **Hạnh phúc của trẻ thơ là được đến trường**(có sử dụng trường từ vựng môi trường, gạch chân trường từ vựng đó)

**Gợi ý**

Học tập có vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc đời của mỗi người. Hạnh phúc là trạng thái, là cảm giác sung sướng nhất của con người vì cảm thấy hoàn toàn đạt được ý nguyện. Hạnh phúc của trẻ thơ là được đến trường, được học tập, được sống trong tình yêu thương, dìu dắt của thầy cô giáo, tình cảm của bạn bè: Nghĩa là đến trường các em không chỉ được trau dồi kiến thức mà còn được nhận tình yêu thương, chăm sóc của thầy, cô và sự chan hòa bè bạn . Câu nói đã đề cao vai trò, công lao to lớn vĩ đại của việc học với cuộc đời mỗi người. Trong cuộc đời của mỗi người, học tập có vai trò rất quan trọng, nó mang đến tri thức, hiểu biết; trau dồi đạo đức, nhân cách cho mỗi người. Mỗi trẻ thơ khi đến trường đều được gặp và học một hoặc nhiều thầy cô giáo. Các thầy cô đã truyền dạy cho học trò kiến thức, kĩ năng, dạy đọc, dạy viết, dạy làm văn, làm toán...Dạy cho học trò biết cách học để khám phá kho tàng tri thức khổng lồ của nhân loại. Nhà trường và thầy cô không chỉ truyền dạy kiến thức mà còn dạy cách làm người, dạy biết điều hay, lẽ phải, dìu dắt nâng đỡ học trò lớn lên hoàn thiện về nhân cách. Từ đó, HS biết yêu thương con người, yêu quê hương đất nước, biết sống nhân ái, đoàn kết, …Nhà trường và thầy cô còn là những người thắp sáng niềm tin và ước mơ cho học trò để các em biết sống có hoài bão, có lý tưởng...Những điều mà người thầy truyền dạy cho chúng ta sẽ theo ta trong suốt hành trình của cuộc đời. Nơi đây cũng mang đến cho các em tình cảm bạn bè trong sáng, sự đồng cảm và sẻ chia…Như vậy để có hạnh phúc tuổi thơ, mỗi HS cần xác định động cơ học tập và thực hiện tốt quyền công dân của mình.

**-Trường từ vựng trường học:** Thầy cô, học trò, học sinh, bạn bè, học tập, tri thức, học tập....

**3.** Bố cục văn bản gồm mấy phần? Nhiệm vụ từng phần?

**4.** Các ý trong phần thân bài của văn bản thường được sắp xếp theo trình tự nào? Do những yếu tố nào quy định?

- Học thuộc nội dung bài học

- Lập dàn ý cho đề bài: *Đi một ngày đàng học một sàng khôn*

- Chuẩn bị ôn tập bài: *Xây đựng đoạn văn trong văn bản*

**Ngày soạn: Ngày dạy:**

**Buổi 3**

**Chủ đề 1: TỔNG QUÁT VỀ VĂN BẢN**

**XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN**

**HƯỚNG DẪN VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

- Học sinh củng cố khái niệm đoạn văn, từ ngữ chủ đề, câu chủ đề, quan hệ giữa các câu trong một đoạn văn.

- Học sinh ôn lại kiểu bài tự sự đã học ở lớp 6, có kết hợp với kiểu bài biểu cảm đã học ở lớp 7, về cách dùng từ, đặt câu, về liên kết, bố cục, mạch lạc trong văn bản.

**2. Kĩ năng:**

- Nhận biết được từ ngữ chủ đề, câu chủ đề, quan hệ giữa các câu trong một đoạn văn đã cho.

- Hình thành chủ đề, viết các từ ngữ và câu chủ đề, viết các câu liền mạch theo chủ đề và quan hệ nhất định.

- Trình bày một đoạn văn theo kiểu quy nạp, diễn dịch, song hành, tổng hợp.

- Viết được các đoạn văn mạch lạc đủ sức làm sáng tỏ một nội dung nhất định

- Rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn hoàn chỉnh theo các yêu cầu về cấu trúc và ngữ nghĩa.

**3. Thái độ:**

- Tự giác học tập.

**4. Năng lực:**

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực tự quản lí bản thân, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực giao tiếp Tiếng Việt, năng lực cảm thụ văn học.

**II. Tiến trình lên lớp:**

**Tiết 1: Xây dựng đoạn văn trong văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Ôn tập *xây dựng đoạn văn trong văn bản* ( 15 phút).**  ? Nhắc lại đoạn văn là gì?  - HS trả lời.  - GV chốt chốt kiến thức.  ? Căn cứ vào đâu để nhận ra đoạn văn?  - HS trả lời.  - GV chốt chốt kiến thức.  ? Nhắc lại thế nào là từ ngữ chủ đề? Dấu hiệu nhận biết từ ngữ chủ đề?  - HS trả lời.  - GV chốt chốt kiến thức.  ? Thế nào là câu chủ đề? Làm thế nào để nhận biết câu chủ đề?  - HS trả lời.  - GV chốt chốt kiến thức.  ? Nhắc lại các cách trình bày nội dung trong đoạn văn?  - HS trả lời.  - GV chốt chốt kiến thức.  **Hoạt động 2: Ôn tập *xây dựng đoạn văn trong văn bản* ( 30 phút).**  **- Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân**  - **Gv chiếu câu hỏi:**  **Câu 1:** Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:  “Trong xã hội Truyện Kiều, đồng tiền đã trở thành một sức mạnh tác quái rất ghê. Quan lại vì tiền mà bất chấp công lý.Sai nha vì tiền mà tra tấn cha con Vương Ông. Tú bà, Mã Giám Sinh vì tiền mà làm nghề buôn thịt bán người.Sở Khanh vì tiền mà táng tận lương tâm.Khuyển , Ưng vì tiền mà làm những điều ác.”  *(Sưu tầm)*  **a,** Đoạn văn trên có câu chủ đề không? Nếu có thì nó ở vị trí nào?  *- Yêu cầu HS làm việc cá nhân.*  *- Gọi HS chữa bài.*  *- GV nhận xét, chuẩn xác.*  **b,** Nội dung của đoạn văn được trình bày theo trình tự nào?  *- Yêu cầu HS làm việc cá nhân.*  *- Gọi HS chữa bài.*  *- GV nhận xét, chuẩn xác.*  **c,** Chủ đề của đoạn văn trên là gì ? Qua đó em có hiểu biết gì về số phận của người dân trong xã hội phong kiến.  *- Yêu cầu HS làm việc cá nhân.*  *- Gọi HS chữa bài.*  *- GV nhận xét, chuẩn xác.*  **Câu 2:** Viết đoạn văn theo kiểu diễn dịch có câu chủ đề : ***Nhân dân ta có một lòng yêu nước nồng nàn.***  ***Gợi ý :***  HS triển khai được câu chủ đề; có thể có nhiều suy nghĩ khác nhau, miễn hợp lí, đúng đắn. Các câu triển khai làm sáng tỏ việc “*Nhân dân ta có một lòng yêu nước nồng nàn ».* ***Về cơ bản nêu bật được nội dung sau :***  + Mọi người dân Việt Nam đều có tinh thần yêu nước. Từ già đến trẻ…..  + Tất cả đều sẵn sàng hi sinh mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng.  *- Yêu cầu HS làm việc cá nhân.*  *- Gọi HS đọc đoạn văn.*  *- GV nhận xét, chuẩn xác.* | **I. Lí thuyết**  **1. Khái niệm đoạn văn.**  - Là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản.  **\* Hình thức:**  + Mở đầu: Lùi đầu dòng, viết hoa chữ cái đầu.  + Kết thúc: Bằng dấu chấm xuống dòng.  **\* Cấu tạo:** Bao gồm nhiều câu văn  **\* Ý nghĩa:** Diễn đạt một ý tương đối hoàn chỉnh, trọn vẹn.  **2. Từ ngữ và câu trong đoạn văn.**  ***a. Từ ngữ chủ đề và câu chủ đề của đoạn văn.***  **- Từ ngữ chủ đề:** Là các từ ngữ được dùng làm các đề mục hoặc các từ ngữ được lặp lại nhiều lần nhằm duy trì đối tượng được biểu đạt.  - Dấu hiệu nhận biết:  + Lặp lại nhiều lần trong đoạn văn.  + Có tác dụng duy trì đối tượng được nói đến.  + Xét về mặt từ loại, hình thức: Thường là những đại từ, chỉ từ.  **- Câu chủ đề:** Là câu mang ý khái quát, lời lẽ trong sáng, ngắn gọn, thường có đủ 2 thành phần chính và đứng đầu đoạn văn hoặc cuối đoạn.  - Dấu hiệu nhận biết:  + Nội dung: Nêu khái quát được cả nội dung đoạn văn.  + Hình thức: Câu chủ đề thường ngắn gọn có đủ C- V.  + Vị trí xuất hiện: Thường ở đầu đoạn hoặc cuối đoạn.  ***b. Cách trình bày nội dung đoạn văn***  + Song hành.  + Diễn dịch.  + Quy nạp.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  **a.**  - Có câu chủ đề.  - Đoạn văn trên có câu chủ đề nằm ở vị trí đầu đoạn văn.    **b.** Nội dung của đoạn văn được trình bày theo thứ tự đi từ khái quát đến cụ thể -> Trình bày đoạn văn theo phép diễn dịch ( đề 2)    **c.** Chủ đề của đoạn văn trên là *Sức mạnh của đồng tiền có thể làm thay đổi nhân cách của con người…*  -Những người dân trong xã hội xưa bị vùi dập, chà đạp, trở thành nô lệ cho đồng tiền…XHPK đầy bất công  **Câu 2.**  Nhân dân ta có một lòng yêu nước nồng nàn. Từ già đến trẻ, tất cả đều sẵn sàng hy sinh vì đất nước Việt Nam. Những cô gái trẻ độ tuôi đôi mươi, cũng chấp nhận từ bỏ lứa tuổi đẹp nhất của đời người để ra trận. Những người mẹ tần tảo đã đau khổ biết mấy khi để những người con mà họ hết lòng yêu thương ra trận. Những người phụ nữ, bất chấp tất cả, cũng cùng các thanh niên trang bị cho cuộc chiến tranh sắp đến... Tất cả những công dân Việt Nam, họ biết họ đang đối mặt với sự sống và cái chết... nhưng họ gạt bỏ tất cả nỗi sợ hãi bị tật nguyền, bị mất đi đôi chân hoặc cánh tay, tệ hơn nữa, họ sẽ chết chìm trong biển lửa tàn khốc của chiến tranh. Nhưng lý do gì đã không ngừng thôi thúc họ không được từ bỏ, rằng dù có bị tật nguyền cũng phải dũng cảm chiến đấu vì tương lai sau này? Đó là vì tinh thần yêu nước của nhân dân ta quá sâu đậm. Dường như trong dòng máu của mỗi công dân Việt Nam đều đã có sẵn tinh thần bất khuất ầy. Nó sẽ không bao giờ chịu khuất phục bởi chiến tranh, luôn sống mãi trong tim mỗi con người, mỗi công dân Việt Nam. |

**Tiết 2,3: Hướng dẫn viết bài tập làm văn số 1.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Tiết 2:**  **Hoạt động 1: Lí thuyết ( 10 phút).**  ? Nhắc lại các bước làm bài văn tự sự?  - HS trả lời.  - GV chốt chốt kiến thức.  ? Nhắc lại bố cục bài văn tự sự?  - HS trả lời.  - GV chốt chốt kiến thức.  **Hoạt động 2: Luyện tập (35 phút)**  **- Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân, nhóm**  GV gọi HS đọc đề bài tham khảo trong SGK.  Đề 1: Kể lại những kỉ niệm ngày đầu tiên đi học  *- Yêu cầu HS làm việc nhóm.10 phút.*  *- GV chia lớp làm 6 nhóm: Tìm hiểu yêu cầu của đề.*  *GV gợi ý:*  ***Bước 1: Tìm hiểu đề và tìm ý***  ? Bài văn kể về sự việc chính nào?  Xác định ngôi kể, thời gian, không gian diễn ra sự việc, hoàn cảnh diễn ra sự việc?  ***Bước 2 : Lập dàn ý.***  *🡺 Hs lập dàn ý theo bố cục 3 phần:*  ***Bước 3: Viết bài.***  - Viết từng đoạn, từ mở bài cho đến kết bài.  **Mở bài** : GV hướng dẫn học sinh mở bài trực tiếp hoặc gián tiếp.  Cách 1 : Mở bài trực tiếp đi thẳng vấn đề.  Cách 2: Có thể dẫn dắt bằng một đôi câu thơ hay bài hát "Ngày đầu tiên đi học, mẹ dắt tay đến trường, ..."  **Tiết 3** : **Hs các nhóm viết bài hoàn chỉnh ( 40 phút)**  **- Hết thời gian**  *- GV gọi HS các nhóm trình bày kết quả.*  *- Hs các nhóm khác nhận xét.*  *- GV nhận xét, chuẩn xác kiến thức.*  *GV yêu cầu học sinh dựa vào dàn ý viết thành bài văn hoàn chỉnh. (40 phút)*  *- HS viết bài.*  *- GV gọi HS đọc bài của mình.*  *- HS nhóm khác nhận xét.*  *- GV nhận xét, cho điểm.* | **I. Lí thuyết**  **1. Các bước làm bài văn tự sự**  Bước 1: Tìm hiểu đề  Bước 2: Tìm ý  Bước 3: Lập dàn ý  Bước 4: Viết bài  Bước 5: Đọc lại bài  **2.** **Bố cục bài văn tự sự**  Gồm 3 phần  + Mở bài: Giới thiệu sự việc và nhân vật.  + Thân bài: Nêu diễn biến sự việc  + Kết bài: Kết thúc sự việc.  **II. Luyện tập**  **Đề 1:**  **I. Mở bài** : Giới thiệu về sự việc : Ngày đầu tiên đi học( thời gian, không gian)  **II. Thân bài** : Kể và bộc lộ cảm xúc, tâm trạng của mình theo thời gian và không gian đối với ngày đầu tiên đi học.   * Tối hôm trước đi học. * Sáng sớm hôm đi học. * Trên đường tới trường. * Khi vào đến sân trường. * Khi vào lớp học để học tiết học đầu tiên.   **III. Kết bài** : Cảm nghĩ về ngày đầu tiên đi học.  **\* Bài viết tham khảo:**  Con người ta không thể cứ mải nhìn về phía trước, hướng tới tương lai mà không biết nhớ về quá khứ và nhìn vào hiện tại. Đối với tôi điều quan trọng nhất là phải biết trân trọng quá khứ, những kỉ niệm cũ luôn được tôi ghi nhớ và gìn giữ. Một trong những kỉ niệm mà tôi nghĩ rằng mình sẽ nhớ về nó suốt đời đó chính là ngày đầu tiên đi học.  Tôi vẫn nhớ như in ngày khai giảng năm đó vào một hôm trời nắng to, chiếc áo trắng tôi mặc dường như trắng sáng hơn và chiếc khăn quàng đỏ thắm hơn. Tôi chuẩn bị tươm tất xong xuôi đội cả mũ ca-nô trên đầu chỉ còn chờ mẹ đưa đến trường dự buổi khai giảng đầu tiên. Trên đường tới trường tôi không còn líu lo nói chuyện với mẹ như mọi ngày mà lại im lặng, một phần vì tôi mải tò mò suy nghĩ về những thứ sắp diễn ra trong buổi khai giảng, phần cũng vì tôi sợ, tôi lo lắng, bồn chồn khó tả. Đến cổng trường học tôi nhìn thấy một cảnh tượng thật khó tin, các bạn níu chân, níu tay mẹ rồi khóc oà không muốn vào trường, tôi chột dạ không biết tại sao lại như vậy, có gì đáng sợ bên trong trường học hay sao. Khi đó mẹ đã trấn tĩnh và bảo tôi rằng, “các bạn ấy sợ phải xa mẹ, sợ bị thầy cô mắng nhưng con yên tâm, thầy cô sẽ rất dịu dàng, quan tâm và chăm sóc cho con, con hãy học tập thật tốt rồi tan học mẹ lại đến đón”. Tôi tin mẹ và bước vào trường, cô giáo hỏi tên tôi rồi dẫn tôi đến tận ghế ngồi, các bạn nói chuyện với tôi rất vui khiến tôi quên bẵng đi cảm giác lo lắng ban đầu, tôi nhanh chóng làm quen và kết bạn với các bạn cùng lớp mình, khi đó tôi đã nghĩ đến những ngày tháng đi học thật vui vẻ.  Sau ngày đi học đầu tiên tôi nhận ra mình đã lớn hơn chút ít, đã hiểu chuyện và tự lập hơn, quãng đường đi học còn dài tôi sẽ phải cố gắng thật nhiều để không phụ lòng bố mẹ. |

**III. Củng cố - dặn dò.**

- Hoàn thiện bài viết.

- Đọc thêm sách báo, các tài liệu tham khảo.

- Học bài cũ.

**BUỔI 4: CHỦ ĐỀ: VĂN XUÔI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1930 - 1945**

**Hình ảnh người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám (1930 - 1945)**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

**1. Kiến thức:** Củng cố, khắc sâu, mở rộng kiến thức về tác giả, xuất xứ của tác phẩm, nội dung và nghệ thuật các văn bản “Tức nước vỡ bờ” của Ngô Tất Tố, "Lão Hạc" của Nam Cao.

**2. Kỹ năng:** Vận dụng phân tích nhân vật qua đối thoại, cử chỉ và hành động, tình huống truyện. Rèn kỹ năng thực hành theo 4 cấp độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao.

**3. Thái độ, phẩm chất:** Giáo dục tình cảm yêu quý, trân trọng, cảm thông với người nông dân. Biết yêu những tác phẩm văn học giai đoạn hiện thực phê phán.

**4. Năng lực:** Năng lực đọc – hiểu, tự học, cảm thụ văn học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác, năng lực tư duy sáng tạo, tạo lập văn bản, thuyết trình.

**II. Tiến trình lên lớp:**

**1. Ổn định:**

**2. Kiểm tra: sách vở, phiếu bài của HS.**

**3. Bài mới:**

**Tiết 1: Hệ thống kiến thức**

**văn bản *Tức nước vỡ bờ* của nhà văn Ngô Tất Tố**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hs đã chuẩn bị bài trước, theo hình thức cá nhân.  - Trao đổi bài trong bàn, nhận xét, bổ sung.  - Báo cáo kết quả:   |  |  | | --- | --- | | Tác giả Ngô Tất Tố | Văn bản Tức nước vỡ bờ | | - Tiểu sử:  - Cuộc đời:  - Sự nghiệp: | - Xuất xứ:  - Thể loại:  - Phương thức biểu đạt chính:  - Nhan đề:  - Bố cục:  - Nội dung chính: |   **HS thực hiện phiếu bài tập** | **I. Hệ thống kiến thức văn bản: Tức nước vỡ bờ - Ngô Tất Tố.**  **1. Tác giả Ngô Tất Tố:**  - Ngô Tất Tố sinh năm 1893 mất năm 1954, quê ở làng Lộc Hà, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn Lộc Hà, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội  - Thuở nhỏ, ông nổi tiếng thông minh, đỗ đầu kì thi khảo hạch vùng Kinh Bắc, được ái mộ gọi là “Đầu xứ Tố”. Khi nền Hán học suy tàn, ông tự học chữ Quốc ngữ, và học tiếng Pháp. Ông trở thành một nhà văn, một nhà báo, nhà dịch thuật và khảo cứu nổi tiếng.  - Ngô Tất Tố là một “tay ngôn luận xuất sắc trong đám nhà nho” (Vũ Trọng Phụng).  - Tác phẩm chính: tiểu thuyết “Tắt đèn”; “Lều chõng”; Phóng sự “Việc làng”  - Ông được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - Nghệ thuật năm 1996.  **2. Văn bản Tức nước vỡ bờ:**  - Xuất xứ:  + Văn bản “Tức nước vỡ bờ” trích từ Tiểu thuyết “Tắt đèn” của nhà văn Ngô Tất Tố. Tác phẩm được đăng trên báo nă m 1937, in thành sách lần đầu tiên 1939  + Là tác phẩm tiêu biểu trong sự nghiệp sáng tác của Ngô Tất Tố, đồng thời là một trong những tác phẩm tiêu biểu nhất của trào lưu văn học trước cách mạng.  - Thể loại: Tiểu thuyết  - Phương thức biểu đạt chính: Tự sự  - Nhan đề:  + “Tức nước vỡ bờ” *(con giun xéo lắm cũng quằn, già néo đứt dây)* là một thành ngữ dân gian. “Tức” chỉ trạng thái bên trong bị dồn nén đầy chặt quá đến mức muốn bung ra. Câu thành ngữ có ý nghĩa chỉ sự chèn ép, áp bức quá sẽ khiến người ta phải vùng lên chống đối phản kháng lại. Câu thành ngữ nêu lên một quy luật của tự nhiên mà lại có ý nghĩa xã hội sâu sắc, thâm thuý vô cùng.  + Nhan đề ấy cũng thật phù hợp với nội dung ý nghĩa của đoạn trích. Sự áp bức trắng trợn, dã man của bọn tay sai cho chế độ thực dân phong kiến ấy đã buộc người phụ nữ nông dân đầy nhẫn nhịn như chị Dậu phải “vỡ bờ” đứng dậy đấu tranh.  + Nhan đề đoạn trích còn toát lên chân lí: Con đường sống của quần chúng bị áp bức chỉ có thể là con đường đấu tranh để tự giải phóng, không có con đường nào khác.  - Bố cục:  + Phần 1: Từ đầu... “ngon miệng hay không ? ” => Cảnh buổi sáng ở nhà chị Dậu.  + Phần 2: Đoạn còn lại => Cuộc đối mặt với bọn cai lệ - người nhà Lý trưởng và chị Dậu vùng lên cự lại  - Nội dung chính:  **\* Tình thế của gia đình chị Dậu:**  - Tình thế thê thảm, đáng thương, nguy cấp:  + Món nợ sưu nhà nước chưa cách gì trả được.  + Anh Dậu đang ốm vẫn có thể bị đánh trói bất cứ lúc nào.  + Chị Dậu nghèo xác xơ, 3 con nheo nhóc chưa biết làm cách gì để thoát khỏi cảnh này  + Tất cả dồn lên vai chị Dậu - người đàn bà hiền hậu đảm đang. Chị không biết làm gì lúc này ngoài sự hy vọng, đợi chờ.  - Tình thế tức nước đầu tiên. Qua đây, ta thấy rõ chị Dậu thương yêu lo lắng cho chồng - Tình thương yêu này sẽ quyết định phần lớn thái độ và hành vi của chị ở đoạn tiếp theo.  \* **Hình ảnh bọn tay sai (cai lệ và người nhà lý trưởng):**  - Cai lệ và người nhà lí trưởng xuất hiện bất ngờ, đột ngột trong tình cảnh bối rối của gia đình chị Dậu. Anh Dậu vừa tỉnh lại run rẩy cất bát cháo kề vào miệng định ăn, như cố níu kéo chút hơi tàn của cuộc sống thì cai lệ, người nhà lí trưởng sầm sập tiến vào với roi song, tay thước dây thừng. Chúng hệt như những con quỷ dữ từ âm phủ hiện về.  - Vừa vào tới nhà, hắn đã quát mắng, chửi bới, đe doạ chị Dậu. Lời lẽ, cách xưng hô của cai lệ thật thô tục: “Thằng kia! Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à...”. Hắn doạ “dỡ nhà”, doạ “trói cổ” anh Dậu điệu ra đình.  - Hành động của hắn còn tàn bạo hơn. Hắn “giật phắt cái thừng trong tay người nhà lí trưởng, sầm sập đến chỗ anh Dậu”. Trắng trợn, tàn bạo hơn nữa, tên ác quỷ ấy đã đánh chị Dậu: hắn bịch vào ngực chị Dậu mấy bịch, rồi “tát vào mặt chị một cái đánh bốp”. Hắn hung hăng chẳng khác nào một con thú dữ, hắn không còn lắng nghe, thấu hiểu được lời nói tha thiết của chị Dậu, người phụ nữ đáng thương ấy nữa.  - Thảm hại thay cho kết cục của kẻ cậy thế, cậy quyền, mượn uy danh lũ thống trị ức hiếp người dân song thực chất chỉ là một lũ yếu hèn xấu xa: tên cai lệ bị chị Dậu “đẩy ngã chỏng quèo trên mặt đất” còn tên người nhà lí trưởng bị chi “ấn dúi ra ngoài cửa”  => Cai lệ và người nhà lí trưởng chính là những tên tay sai mạt hạng, là bọn đầu trâu mặt ngựa, là công cụ bỉ ổi của xã hội tàn bạo lúc bấy giờ.  **\* Chị Dậu là một người vợ, người mẹ giàu tình yêu thương:**  - Trong cơn nguy kịch, chị Dậu đã lay gọi và tìm mọi cách cứu chữa cho chồng.  - Nhờ người hàng xóm tốt bụng cho vay gạo về nấu cháo, cháo chín, chị múc ra bát, lấy quạt quạt cho chóng nguội để chồng ăn lấy vài húp vì chồng chị “đã nhịn suông từ sáng hôm qua đến giờ còn gì...”  - Tiếng trống, tiếng tù và đã nổi lên, chị Dậu cất tiếng khẩn khoản, thiết tha mời chồng: “Thầy em hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột”. Lời người đàn bà nhà quê mời chồng ăn cháo lúc hoạn nạn chứa đựng biết bao tình thương yêu, an ủi, vỗ về.  - Hành động của chị “ròn rén bưng một bát cháo lớn đến chỗ chồng nằm” rồi “đón lấy cái Tửu và ngồi xuống đó như có ý chờ xem chồng chị ăn có ngon miệng hay không” đã biểu lộ sự săn sóc và yêu thương củ a người vợ đối với nguời chồng đang đau ốm, tính mạng đang bị bọn cường hào đe doạ.  - Hành động đứng ra đối phó với bọn nha lệ, tay sai để bảo vệ người chồng ốm yếu là biểu hiện đẹp đẽ nhất của tình yêu chồng trong chị. Từ nhẫn nhịn van xin để bọn chúng không hành hạ người chồng ốm yếu đến đấu lí cứng cỏi rồi đấu lực kiên quyết, hành động đó của chị đều nhất quán ở một mục đích, không để cho bọn chúng hành hạ thêm nữa người chồng yêu quí của chị.  **\* Chi Dậu là người phụ nữ nông dân có sức sống tiềm tàng mạnh mẽ:**  - Lúc cai lệ và người nhà lí trưởng sầm sập tiến vào, chị Dậu vẫn dịu dàng, bình tĩnh, nhẫn nhịn van xin: “Nhà cháu đã túng lại phải đóng cả suất sưu của chú nó nữa nên mới lôi thôi như thế. Chứ cháu có dám bỏ bê tiền sưu của nhà nước đâu. Hai ông làm phúc nói với ông lí”. Người nông dân khốn khổ ấy đã cố kìm nén, cố chịu đựng mọi nỗi đau kể cả bị sỉ nhục, bị chửi bới.  - Nhưng “cây muốn lặng mà gió chẳng đừng”, chị Dậu càng nín nhịn thì cai lệ càng lấn tới. Hắn hết “bịch vào ngực chị Dậu mấy bịch”, lại sấn tới để trói anh Dậu, nên buộc chị phải liều mạng cự lại: “Chồng tôi đau ốm ông không được phép hành hạ”. Chị đã thay đổi cách xưng hô, đã cứng cỏi đấu lí với cai lệ.  - Cai lệ chẳng những không nghe còn “tát vào mặt chị một cái đánh bốp rồi cứ nhảy vào cạnh anh Dậu”. Lúc này ngọn lửa căm hận đã khiến chị Dậu đứng thẳng, nghiến hai hàm răng và thách thức kẻ thù: “Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!”. Tư thế của chị Dậu đã có một bước nhảy vọt. Một lần nữa chị thay đổi cách xưng hô “bà” - “mày”. Chị Dậu đã đứng trên đầu bọn tay sai, vô lại hạ uy thế của bọn chúng.  - Chị Dậu đã vùng lên nhanh nhẹn, táo tợn, ngang tàng chỉ trong chốc lát đã quật ngã cả 2 tên đầu trâu mặt ngựa. Tên cai lệ bị chị “túm lấy cổ, ấn dúi ra cửa” rồi bị chị đẩy “ngã chỏng quèo trên mặt đất. Còn tên người nhà lí truởng bị chị “túm tóc, lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm!”  - Trước sự can ngăn của chồng, chị Dậu vẫn chưa nguôi cơn giận: “Thà ngồi tù. Để cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được”. Nhà văn đã nêu ra một qui luật tất yêu “Có áp bức, có đấu tranh”  \* **Chi Dậu là người phụ nữ nông dân có số phận vất vả, khốn khó, nghèo khổ:** Nạn nhân của cái nghèo đói. Nạn nhân của mùa sưu thuế, của những áp bức bóc lột... |
| HS thực hiện bài tập  Tùy theo đối tượng hs, Gv chọn bài để chữa trên lớp.  GV gợi ý, giao nhiệm vụ về nhà làm.  **HS thực hiện phiếu bài tập** | **II. Luyện tập**  1. Khái quát đặc điểm nhân vật chị Dậu trong đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* bằng sơ đồ tư duy.  Dựa vào kiến thức đã khái quát ở phần I, hs nêu đặc điểm nhân vật chị Dậu dựa trên một vài phương diện sau:  - Hoàn cảnh:  - Tình thế:  - Vẻ đẹp:  - Số phận:  2. Viết đoạn tổng – phân – hợp 12 câu làm rõ nhận định: *Chị Dậu tiêu biểu cho vẻ đẹp của người phụ nữ nông dân, vừa giàu tình yêu thương vừa có sức phản kháng tiềm tàng, mạnh mẽ*. Trong đoạn có sử dụng một câu bị động (gạch chân và chú thích rõ)*.*  \* Yêu cầu về hình thức: đủ dung lượng, diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, không có lỗi sai chính tả và ngữ pháp  \* Yêu cầu tiếng Việt: có câu bị động *(phải gạch chân và chú thích được)*  \* Yêu cầu về nội dung: cần đảm bảo các ý cơ bản sau  - Người phụ nữ giàu tình yêu thương: quan tâm, chăm lo cho chồng  + Hết lòng chăm sóc cho anh Dậu khi anh đau ốm  + Ra sức van xin, liều mạng với cai lệ để bảo vệ chồng  - Người phụ nữ có sức phản kháng tiềm tàng, mạnh mẽ  + Đấu lí:  -> Lúc đầu: van xin tha thiết, thái độ nhẫn nhịn, xưng hô *“cháu – ông”* → ***người dưới cầu xin người bề trên****.*  *->* Khi tên cai lệ đánh chị và xông vào trói anh Dậu: chị đấu lí*,* cảnh báo đanh thép, xưng hô *“tôi – ông”* tư thế ***ngang hàng***  -> Lời nói đầy thách thức, xưng hô *“bà – mày”* với ***tư thế của kẻ bề trên***  + Đấu lực: đánh lại cai lệ và người nhà lí trưởng  \* Khai thác nghệ thuật:  \* Đánh giá chung:  3. Có ý kiến cho rằng: *Từ hình thức đấu lý chuyển sang đấu lực giữa Chị Dậu và 2 tên tay sai, trong “Tức nước vỡ bờ” – Tắt đèn của Ngô Tất Tố là một quá trình phát triển rất lô gíc, vừa mang giá trị nhân văn lớn lại có sức tố cáo cao.* Em có đồng ý với ý kiến ấy không? Qua văn bản “Tức nước vỡ bờ” trình bày ý kiến của em.  \* Giải thích:  + Đấu lý: Hình thức sử dụng ngôn ngữ - lời nói.  + Đấu lực: Hình thức hành động.  => Quá trình phát triển hoàn toàn lôgíc phù hợp với quá trình phát triển tâm lý của con người ( 0,5).  \* Hoàn cảnh đời sống của nhân dân VN trước Cách mạng:  \* Tình thế của gia đình Chị Dậu: Nghèo nhất trong những bậc cùng đinh ở làng Đông Xá.  - Không đủ tiền nạp sưu -> bán cả con -> vẫn thiếu -> Anh Dậu bị bắt.  \* Cuộc đối thoại giữa chị Dậu – Cai lệ – Bọn người nhà lý Trưởng.  + Đấu lí:  + Đấu lực:  -> Đó là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hành động chị Dậu.  => Quy luật: “Tức nước vỡ bờ”- “có áp bức có đấu tranh”  \* Ý nghĩa:  - Giá trị hiện thực:  - Giá trị nhân đạo:  \* Mở rộng nâng cao vấn đề.  - Liên hệ số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến .  - Số phận của người nông dân trong các tác phẩm cùng giai đoạn.  - Hành động của chị Dậu là bước mở đường cho sự tiếp bước của người phụ nữ VN nói riêng, nông dân VN nói chung khi có ánh sáng cách mạng dẫn đường ( Mị – Vợ chồng A Phủ) . |

**Tiết 2: Hệ thống kiến thức**

**văn bản *Lão Hạc* của nhà văn Nam Cao**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hs đã chuẩn bị bài trước, theo hình thức cá nhân.  - Trao đổi bài trong bàn, nhận xét, bổ sung.  - Báo cáo kết quả:   |  |  | | --- | --- | | Tác giả Nam Cao | Văn bản Lão Hạc | | - Tiểu sử:  - Cuộc đời:  - Sự nghiệp: | - Xuất xứ:  - Thể loại:  - Phương thức biểu đạt chính:  - Chủ đề:  - Ngôi kể:  - Bố cục:  - Nội dung chính: |   **HS thực hiện phiếu bài tập** | **I. Hệ thống kiến thức văn bản: Lạo Hạc - Nam Cao:**  **1. Tác giả Nam Cao:**  - Tên khai sinh là Trần Hữu Tri, ông sinh năm 1917 hi sinh năm 1951, quê làng Đại Hoàng, phủ Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.  - Tác phẩm viết về hai đối tượng: người nông dân nghèo bị áp bức và người trí thức nghèo sống mòn mỏ i trong xã hội cũ.  - Được truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - Nghệ thuật đợt I năm 1996.  - Tác phẩm chính của Nam Cao: viết về đề tài nông dân (*Chí Phèo*; *Một bữa no*; *Mò sâm banh*...) viết về đề tài trí thức (tiểu thuyết *Sống mòn*; truyện ngắn *Đời thừa*; ). Sau cách mạng tháng Tám 1945 ông viết *Nhật kí ở rừng*; *Đôi mắt*.  **2. Văn bản Lão Hạc:**  - Xuất xứ: Truyện ngắn “Lão Hạc” xuất hiện lần đầu tiên trên tuần báo “Tiểu thuyết thứ bảy” số 434 ra ngày 23/10/1943. *Lão Hạc* là một trong những truyện ngắn xuất sắc của Nam Cao viết về người nông dân.  - Thể loại: Truyện ngắn  - Phương thức biểu đạt chính: Tự sự  - Chủ đề: Hình ảnh người nông dân trước cách mạng tháng 8.  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất. Nhân vật “tôi” (ông giáo) là người kể. Việc lựa chọn ngôi kể hợp lí đã đem lại hiệu quả nghệ thuật lớn cho tác phẩm:  + Ông giáo là người gần gũi, tin cậy của lão Hạc, chứng kiến toàn bộ cảnh đời của Lão Hạc nên câu chuyện do “tôi” thuật lại có tính khách quan và chân thực.  + Việc trần thuật từ ngôi thứ nhất khiến cho mạch kể linh hoạt, cốt truyện được dẫn dắt một cách tự nhiên, có thể linh hoạt dịch chuyển không gian, thời gian, có thể kết hợp giữa tự sự với miêu tả và biểu cảm.  + Với việc lựa chọn ngôi kể như trên, nhà văn có thẻ sử dụng nhiều loại giọng điệu khác nhau khiến cho câu chuyện diển ra tự nhiên và sâu sắc.  + Đặc biệt, để cho ông giáo vừa dẫn chuyện, vừa đan xen bày tỏ suy nghĩ cảm xúc, thái độ về lão Hạc, về người vợ, về chính bản thân mình, tác giả đã tạo nên chất triết lí sâu sắc cho tác phẩm.  - Bố cục:  + Phần 1: Từ đầu đến “có làm gì được đâu”: Những việc làm của lão Hạc trước khi chết.  + Phần 2: Đoạn còn lại: Cái chết của lão Hạc.  - Nội dung chính:  **1. Những việc làm của lão Hạc trước khi chết:**  **\* Bán chó:**  - Tình cảm của lão Hạc đối với Vàng: thương yêu, cưng nựng như đứa cháu.  - Tâm trạng của lão Hạc khi quyết định bán chó: đắn đo, suy nghĩ, phân vân.  - Tâm trạng lão Hạc sau khi bán chó: day dứt, dằn vặt, đau khổ; tự trách mình nỡ lừa một con chó; tự lên án hành động của mình.  = > Sử dụng những từ ngữ tượng hình, tượng thanh độc đáo để diễn tả hình dáng bên ngoài và bản chất bên trong của lão Hạc. Lão lương thiện, hiền lành, nhân hậu, có lối sống ân nghĩa, thủy chung.  **\* Nhờ cậy ông Giáo:**  - Việc thứ nhất: Lão nhờ ông Giáo giữ hộ 3 sào vườn cho thằng con trai lão; khi nào nó về thì sẽ nhận lại.  - Việc thứ hai: Lão gửi tiền nhờ ông giáo lo việc hậu sự để khỏi phiền cho hàng xóm  - Luôn mấy hôm, lão Hạc chỉ ăn khoai, khoai cũng hết.  - Từ đấy, lão chế được món gì, ăn món nấy: hôm thì lão ăn củ chuối, sung luộc, rau má, củ ráy, bữa trai, bữa ốc...  => Hoàn cảnh cùng cực đẩy lão Hạc tới chỗ phải lựa chọn: Tiếp tục kéo dài sự sống tàn để trở thành kẻ báo hại con hay là chết đi để trọn đạo làm cha. Một người cha thương con rất mực như lão tất yếu sẽ tìm đến cái chết để giữ mảnh vườn cho con.  **2.** **Cái chết của lão Hạc:**  **\* Nguyên nhân:**  **\* Diễn biến:**  **\* Ý nghĩa:**  **3. Vẻ đẹp và số phận của lão Hạc:**  **\* Vẻ đẹp:**  - Người nông dân hiền lành, lương thiện:  - Người giàu lòng yêu thương: thương loài vật, thương con.  - Người giàu lòng tự trọng:  **\* Số phận:**  - Nghèo khổ:  - Cô đơn:  - Chết đau đớn, dữ dội:  **4. Nhân vật ông giáo:**  - Là người kể chuyện:  - Là tri thức nghèo, quan tâm, chia sẻ cùng lão Hạc:  - Là người chuyên chở triết lí nhân sinh của nhà văn Nam Cao:  + Lần thứ nhất: *"Chao ôi! Đối với ....*  + Lần thứ hai: *“Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn”*  + Lần thứ ba: *“Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn những lại đáng buồn theo một nghĩa khác.”* |
| HS thực hiện bài tập  Tùy theo đối tượng hs, Gv chọn bài để chữa trên lớp.  GV gợi ý, giao nhiệm vụ về nhà làm.  **HS thực hiện phiếu bài tập** | **II. Luyện tập**  1. Khái quát đặc điểm nhân vật lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên bằng sơ đồ tư duy.  2. Dựa vào truyện “Lão Hạc”, em hãy viết một đoạn văn quy nạp khoảng 12 câu chứng minh rằng lão Hạc là một người giàu lòng yêu thương. Trong đoạn văn có sử dụng câu ghép (gạch dưới và chú thích rõ một câu ghép).  \* Yêu cầu về hình thức: đủ dung lượng, diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, không có lỗi sai chính tả và ngữ pháp, đúng kiểu đoạn.  \* Yêu cầu tiếng Việt: có câu ghép *(phải gạch chân và chú thích được)*  \* Yêu cầu về nội dung: cần đảm bảo biết phân tích các dẫn chứng, có lập luận để chứng minh được lão Hạc giàu lòng yêu thương:  + Lão yêu thương cậu Vàng: cách lão chăm sóc, cưng nựng cậu; lão ân hận, dằn vặt đau khổ khi phải bán cậu...  + Lão yêu thương con trai: thương con không lấy được vợ, thương con phải đi đồn điền, hàng ngày nhớ thương và mong thư con trai gửi về, sống tằn tiện để dành dụm tiền cho con, thà chết chứ nhất định không chịu động đến mảnh vườn đã để lại cho con....  \* Khai thác nghệ thuật:  \* Đánh giá chung:  3. Nhận xét về người nông dân trong văn học Việt Nam trước Cách mạng tháng 8-1945 có ý kiến cho rằng: “***Người nông dân tuy nghèo khổ, lam lũ, ít học nhưng không ít tấm lòng”***. Bằng hiểu biết của em về nhân vật lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của nhà văn Nam Cao, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.  Học sinh cần làm sáng tỏ hai luận  điểm cơ bản:  **Luận điểm 1: *Lão Hạc là người nông dân nghèo khổ lam lũ ít học.***  - Cảnh ngộ của lão Hạc thật bi thảm: Nhà nghèo, vợ chết, hai cha con lão sống lay lắt rau cháo qua ngày.  - Vì nghèo nên lão cũng không đủ tiền cưới vợ cho con nên khiến con trai lão phải bỏ đi làm ở đồn điền cao su.  - Chính vì nghèo khổ nên ông không có điều kiện học hành vì thế mà lão không biết chữ, mỗi lần con trai  viết thư về  lão lại phải  nhờ ông giáo đọc hộ và cả đến khi muốn giữ mảnh vườn cũng lại nhờ ông giáo viết văn tự hộ.  - Sự túng quẫn ngày càng đe dọa lão nên sau trận ốm kéo dài, không có việc, rồi bão ập đến phá sạch hoa màu…không lấy tiền đâu để nuôi con Vàng nên lão đã phải dằn lòng quyết định bán cậu Vàng – kỉ vật mà đứa con trai lão để lại.  - Lão sống đã khổ chết cũng khổ.  *Hs lấy dẫn chứng phân tích, chứng minh*  **Luận điểm 2: *Lão Hạc là người nông dân giàu có ở tấm lòng yêu con và lòng nhân hậu.***  - Lão Hạc cả đời yêu con một cách thầm lặng, chả thế mà từ ngày vợ chết lão ở vậy nuôi con đến khi trưởng thành. Lão chắt chiu dè sẻn để có tiền lo cưới vợ cho con ấy vậy mà cả đời dành dụm cũng không đủ vì thế mà khi chứng kiến nỗi buồn nỗi đau của con lão luôn day dứt đau khổ.  *HS lấy dẫn chứng chứng minh*  - Yêu và thương con nên khi xa con tình yêu con của lão được thể hiện gián tiếp qua việc chăm sóc con chó- kỉ vật mà đứa con để lại. Lão vô cùng đau đớn dằn vặt khi bán con chó vàng. Qua đó thấy được tấm lòng nhân hậu của lão.  *HS lấy dẫn chứng chứng minh*  - Thương con lão chọn cho mình một cách hi sinh, đặc biệt là hi sinh cả mạng sống của mình cho con.  *HS lấy dẫn chứng chứng minh*  *Qua cuộc  đời khốn khổ và phẩm chất cao quý của lão Hạc nhà văn đã thể hiện tấm lòng yêu thương trân trọng đối với người nông dân.*  **\* Nghệ thuật:**  - Truyện được kể ở ngôi thứ nhất người kể chuyện là ông Giáo làm câu chuyện dẫn dắt tự nhiên sinh động hấp dẫn  - Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại nội tâm. |

**Tiết 3: Luyện tập tổng hợp**

**Hình ảnh người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám (1930-1945)**

**HS thực hiện phiếu bài tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập  (nhóm, cá nhân, tổ..)  - HS thực hiện  **Bài tập 1:** Chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa nhân vật chị Dậu trong đoạn trích Tức nước vỡ bờ của nhà văn Ngô Tất Tố và nhân vật lão Hạc trong tác phẩm cùng tên của nhà văn Nam Cao. | **Bài tập 1:** Chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa nhân vật chị Dậu trong đoạn trích Tức nước vỡ bờ của nhà văn Ngô Tất Tố và nhân vật lão Hạc trong tác phẩm cùng tên của nhà văn Nam Cao.  \* Giống:  - Vẻ đẹp: đều là những người nông dân lương thiện, nhân hậu, giàu lòng yêu thương.  - Số phận: cả hai nhân vật trên đều có chung 1 hoàn cảnh đó là nghèo khổ và họ đều bị xã hội phong kiến đương thời chà đạp, cướp đi cuộc sống hạnh phúc.  \* Khác:  - Nhân vật chị Dậu: có thái độ đấu tranh tích cực và mãnh liệt, đã mạnh tay phản kháng lại tên cai lệ - đại diện cho thế lực đen tối trong xã hộ phong kiến.  - Nhân vật lão Hạc: thể hiện thái độ đấu tranh tiêu cực, dùng cái chết để giải quyết vấn đề. |
| - Hình thức tổ chức luyện tập  (nhóm, cá nhân, tổ..)  - HS thực hiện  **Bài tập 2:** Có ý kiến cho rằng *: Chị Dậu và Lão Hạc là những hình tượng tiêu biểu cho phẩm chất và số phận của người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám.* Qua văn bản *“Tức nước vỡ bờ” (*Ngô Tất Tố *), “Lão Hạc”* (Nam Cao*),* em hãy làm sáng tỏ nhận định trên. | **Bài tập 2:** Có ý kiến cho rằng*: Chị Dậu và Lão Hạc là những hình tượng tiêu biểu cho phẩm chất và số phận của người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám.* Qua văn bản *“Tức nước vỡ bờ” (*Ngô Tất Tố*), “Lão Hạc”* (Nam Cao*),* em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.  **A.Yêu cầu chung** :  **- Yêu cầu về hình thức** : Bố cục rõ ràng, trình bày sạch đẹp, diễn đạt l­ưu loát, ít sai chính tả. Bài làm đúng thể loại.  **- Yêu cầu về nội dung**  **1/ Mở bài**  - Giới thiệu khái quát về hai tác giả - tác phẩm  - Dẫn dắt và nêu đư­ợc vấn đề nghị luận : Chị Dậu và Lão Hạc là những hình tư­ợng tiêu biểu cho phẩm chất và số phận của ng­ười nông dân Việt Nam trư­ớc cách mạng tháng tám.  **2/ Thân bài**  *\* Khái quát chung:*  - Giới thiệu khái quát bối cảnh Việt Nam trước CMT8: Dân tộc ta chìm trong ách nô lệ của TD Pháp, đời sống nhân dân vô cùng cực khổ.  - Khái quát nội dung hai tác phẩm  ***a. Chị Dậu và lão Hạc là những hình t­ượng tiêu biểu cho phẩm chất tốt đẹp của ng­ười nông dân Việt Nam tr­ước cách mạng***  \* Chị Dậu : Là một mẫu mực vừa gần gũi vừa cao đẹp của ng­ười phụ nữ nông thôn Việt Nam thời kì tr­ước cách mạng: Có phẩm chất của ng­ười phụ nữ truyền thống, có vẻ đẹp của ngư­ời phụ nữ hiện đại. Cụ thể :  - Là một ng­ười vợ giàu tình th­ương: Ân cần chăm sóc ng­ười chồng ốm yếu giữa vụ s­ưu thuế.  - Là ngư­ời phụ nữ cứng cỏi, dũng cảm để bảo vệ chồng .  \* Lão Hạc: Tiêu biểu cho phẩm chất ngư­ời nông dân thể hiện:  - Là một lão nông chất phát, trong sạch, hiền lành, nhân hậu (dẫn chứng).  - Là một lão nông giàu tình yêu thương, giàu lòng tự trọng (dẫn chứng)  ***b. Họ là những hình t­ượng tiêu biểu cho số phận đau khổ, bi thảm của ng­ười nông dân Việt Nam tr­ước cách mạng.***  \* Chị Dậu: Số phận điêu đứng : Nghèo khổ, bị bóc lột s­ưu thuế, chồng ốm và có thể bị đánh, bị bắt lại.  \* Lão Hạc: Số phận đau khổ, bi thảm : Nhà nghèo, vợ chết sớm, con trai bỏ làng đi làm phu cao su, thui thủi sống cô đơn một mình; tai hoạ dồn dập, đau khổ vì bán cậu vàng; tạo đ­ược món nào ăn món nấy, cuối cùng ăn bả chó để tự tử.  ***c. Bức chân dung chị Dậu và lão Hạc đã tô đậm giá trị hiện thực và tinh thần nhân đạo của hai tác phẩm.***  - Nó bộc lộ cách nhìn về ng­ười nông dân của hai tác giả. Cả hai nhà vvăn đều có sự đồng cảm, xót th­ương đối với số phận bi kịch của ngư­ời nông dân; đau đớn, phê phán xã hội bất công, tàn nhẫn. Chính xã hội ấy đã đẩy ng­ời nông dân vào hoàn cảnh bần cùng, bi kịch; đều ccó chung một niềm tin mới về khả năng chuyển biến tốt đẹp của nhân cách con ng­ười.  - Tuy vậy, mỗi nhà văn cũng có cách nhìn riêng: Ngô Tất Tố có thiên hư­ớng nhìn ng­ười nông dân trên góc độ đấu tranh giai cấp, còn Nam Cao chủ yếu đi sâu vào phản ánh sự thức tỉnh trong nhận thức về nhân cách một con người… Nam Cao đi sâu vào thế giới tâm lý của nhân vật, còn Ngô Tất Tố chủ yếu miêu tả nhân vật qua hành động để bộc lộ phẩm chất…  **\* Đánh giá**  - Nghệ thuật: Hai tác phẩm khắc họa nhân vật rõ nét qua ngoại hình, lời nói, hành động (*Tức nước vỡ bờ*) và diễn biến tâm lí nhân vật sâu sắc (*Lão Hạc*) từ đó làm nổi bật giá trị tư tưởng tác phẩm.  - Nội dung: Hai tác phẩm đã cho thấy phẩm chất tốt đẹp cùng số phận đau thương của người nông dân. Đồng thời cũng giúp ta thấy được bộ mặt thật dã man của chế độ phong kiến đương thời.  **3. Kết bài** :  - Khẳng định lại vấn đề.  - Liên hệ cuộc sống tốt đẹp của người nông dân trong xã hội mới. |

**PHIỀU BÀI TẬP**

**Bài tập 1:** Khái quát lại kiến thức về tác giả và văn bản: tác giả Ngô Tất Tố và đoạn trích *Tức nước vỡ bờ*; tác giả Nam Cao và truyện ngắn *Lão Hạc*.

|  |  |
| --- | --- |
| **Tác giả Ngô Tất Tố** | **Văn bản Tức nước vỡ bờ** |
| - Tiểu sử:  - Cuộc đời:  - Sự nghiệp: | - Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ:  - Thể loại:  - Phương thức biểu đạt chính:  - Ngôi kể:  - Nhan đề:  - Bố cục:  - Nội dung chính: |

**2. Bài tập 2. Văn bản *Tức nước vỡ bờ*:**

1. Khái quát đặc điểm nhân vật chị Dậu trong đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* bằng sơ đồ tư duy.

2. Viết đoạn tổng – phân – hợp 12 câu làm rõ nhận định: *Chị Dậu tiêu biểu cho vẻ đẹp của người phụ nữ nông dân, vừa giàu tình yêu thương vừa có sức phản kháng tiềm tàng, mạnh mẽ*. Trong đoạn có sử dụng một câu bị động (gạch chân và chú thích rõ)*.*

3. Có ý kiến cho rằng: *Từ hình thức đấu lý chuyển sang đấu lực giữa Chị Dậu và 2 tên tay sai, trong “Tức nước vỡ bờ” – Tắt đèn của Ngô Tất Tố là một quá trình phát triển rất lô gíc, vừa mang giá trị nhân văn lớn lại có sức tố cáo cao.* Em có đồng ý với ý kiến ấy không? Qua văn bản “Tức nước vỡ bờ” trình bày ý kiến của em.

**3. Bài tập 3. Văn bản *Lão Hạc*:**

1. Khái quát đặc điểm nhân vật lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên bằng sơ đồ tư duy.

2. Dựa vào truyện “Lão Hạc”, em hãy viết một đoạn văn quy nạp khoảng 12 câu chứng minh rằng lão Hạc là một người giàu lòng yêu thương. Trong đoạn văn có sử dụng câu ghép (gạch dưới và chú thích rõ một câu ghép).

3. Nhận xét về người nông dân trong văn học Việt Nam trước Cách mạng tháng 8-1945 có ý kiến cho rằng: “***Người nông dân tuy nghèo khổ, lam lũ, ít học nhưng không ít tấm lòng”***. Bằng hiểu biết của em về nhân vật Lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của nhà văn Nam Cao, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**4. Bài tập 4. Bài tập tổng hợp:**

1.Chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa nhân vật chị Dậu trong đoạn trích Tức nước vỡ bờ của nhà văn Ngô Tất Tố và nhân vật lão Hạc trong tác phẩm cùng tên của nhà văn Nam Cao.

2. Có ý kiến cho rằng*: Chị Dậu và Lão Hạc là những hình tượng tiêu biểu cho phẩm chất và số phận của người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám.* Qua văn bản *“Tức nước vỡ bờ” (*Ngô Tất Tố*), “Lão Hạc”* (Nam Cao*),* em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

**III. Củng cố - Dặn dò**

- GV yêu cầu HS nhớ lại đơn vị kiến thức đã học

- Giao bài tập về nhà

**BUỔI 5**

**CHỦ ĐỀ : - TỪ VỰNG: TỪ TƯỢNG HÌNH, TỪ TƯỢNG THANH, TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG, BIỆT NGỮ XÃ HỘI**

**- TẬP LÀM VĂN: LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN**

**Tiết 1, 2: CHỦ ĐỀ: TỪ VỰNG: TỪ TƯỢNG HÌNH, TỪ TƯỢNG THANH, TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG, BIỆT NGỮ XÃ HỘI**

**I. Mục tiêu cần đạt.**

**1.Kiến thức:** Củng cố kiến thức cho HS về từ tượng hình, từ tượng thanh, biệt ngữ xã hội

**2.Kĩ năng:** Rèn kĩ năng sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh, từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội trong khi nói, viết.

**3. Thái độ, phẩm chất:** Yêu thích tìm hiểu sự phong phú của tiếng Việt.

**4. Năng lực HS** : cảm nhận, quan sát, tưởng tượng, suy nghĩ, phân tích, vận dụng.

**II. Tiến trình bài dạy.**

1. ***Hệ thống lại kiến thức đã học (10 - 15 phút)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** | |
| ***Ôn tập khái niệm, tác dụng từ tượng hình, từ tượng thanh*** .  -Giáo viên yêu cầu học sinh nhớ lại kiến thức và hoàn thiện kiến thức bằng cách vẽ bản đồ tư duy  - HS làm việc nhóm 4, làm vào giấy khổ to. Sau đó lên bảng dán  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, đánh giá và chốt***- GV chốt kiến thức bằng bản đồ tư duy***  -*GV đặt câu hỏi, HS nhớ lại và trả lời kiến thức*  ? Thế nào là từ địa phương?  ? Hãy tìm một từ địa phương của mình và cho biết từ toàn dân tương ứng?  HS suy nghĩ cá nhân trả lời?  ? Thế nào là biệt ngữ xã hội?  Cho ví dụ một số biệt ngữ của tầng lớp học sinh?  Khi sử dụng từ địa phương và biệt ngữ xã hội cần chú ý điều gì? | **I.Từ tượng hình, từ tượng thanh**    **II. Từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội**  1. Khái niệm  a) Từ địa phương là từ ngữ chỉ sử dụng ở một ( hoặc một số) địa phương nhất định.  Ví dụ: O (cô gái) chỉ dùng ở Nghệ Tĩnh  Hĩm ( bé gái) chỉ dùng ở Thanh Hoá.  b) Biệt ngữ xã hội chỉ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định.  Ví dụ: Biệt ngữ xã hội của tầng lớp học sinh: Gậy: 1 điểm; trứng: 0 điểm; phao: tài liệu…  **2. Sử dụng từ địa phương và biệt ngữ xã hội?**  - Khi sử dụng từ địa phương và biệt ngữ xã hội phải thực sự phù hợp với tình huống giao tiếp, nhằm tăng thêm sức biểu cảm | |
| **B. Luyện tập** | | |
| **Bài tập 1.** Trong các từ sau, từ nào là từ tượng hình, từ nào là từ tượng thanh: réo rắt, dềnh dàng, dìu dặt, thập thò, mấp mô, sầm sập, gập ghềnh, đờ đẫn, ú ớ, rộn ràng, thườn thượt, rủng rỉnh, lụ khụ.  - HS làm vào giấy nháp, làm cá nhân  - Gọi 2 hs lên bảng làm, học sinh khác nhận xét, bổ sung  - Giáo viên nhận xét, chốt  **Bài tập 2**.Tìm các từ tượng hình trong đoạn thơ sau đây và cho biết giá trị gợi cảm của mỗi từ.  Bác Hồ đó, ung dung châm lửa hút  Trán mênh mông, thanh thản một vùng trời  Không gì vui bằng mắt Bác Hồ cười  Quên tuổi già, tươi mãi tuổi đôi mươi!  Người rực rỡ một mặt trời cách mạng  Mà đế quốc là loài dơi hốt hoảng  Đêm tàn bay chập choạng dưới chân Người  ( Tố Hữu)  - HS thảo luận nhóm 4, làm vào phiếu học tập  - Gv chốt đáp án đúng và cho hs trao đổi chéo để chấm điểm lẫn nhau  **3. Bài tập 3:** Viết đoạn văn: Chủ đề tự chọn có sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh  - Hs làm vào giấy, sau đó nộp lại cho gv chấm  **Bài tập 1.** Trong các từ đồng nghĩa: má, mẹ, mệ, mạ từ nào là từ địa phương, từ nào là từ toàn dân  -HS thảo luận nhóm đôi, ghi đáp án ra giấy  - Đại diện 1 số sặp đôi trình bày, giáo viên chốt kết quả  **Bài tập 2.**  ? Cho đoạn trích:  *Ai vô thành phố*  Hồ Chí Minh  Rực rỡ tên vàng.  Tìm và nêu rõ tác dụng của từ địa phương mà tác giả sử dụng?  - Hs làm cá nhân, viết vào giấy nháp  - HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung  - GV chốt  **Bài tập 3?** Xác định từ toàn dân tương ứng với những từ địa phương được in đậm trong câu sau: Chị em **du** như **bù** nước lã.  **Bài tập 4**: Thi tìm từ địa phương  -Giáo viên chia lớp thành 2 hoặc 3 nhóm (chia theo dãy lớp). Yêu cầu học sinh tìm nhanh từ địa phương và từ toàn dân tương ứng  - Yêu cầu: lần lượt mỗi em viết 1 từ lên bảng, sau 2 phút nhóm nào nhiều từ hơn là chiến thắng | | **I. Từ tượng hình, từ tượng thanh**  **Bài tập 1.**  - Từ tượng hình: dềnh dàng, dìu dặt, thập thò, mấp mô, gập ghềnh, đờ đẫn, rộn ràng, thườn thượt, rủng rỉnh, lụ khụ.  - Từ tượng thanh: Réo rắt, sầm sập, ú ớ.  **Bài tập 2**.Tìm các từ tượng hình trong đoạn thơ sau đây và cho biết giá trị gợi cảm của mỗi từ.  **PHIẾU HỌC TẬP**   |  |  | | --- | --- | | **Từ tượng hình** | **Tác dụng** | | ……………….......................................................................................................................................................................................................................... | ………………………………………………………………………………………………………………......................................................... |   **Đáp án**   |  |  | | --- | --- | | **Từ tượng hình** | **Tác dụng** | | - Từ tượng hình: Ung dung, mênh mông, thanh thản, rực rỡ, hèt ho¶ng, chËp cho¹ng | -> Phong thái ung dung, tinh thần lạc quan của vị cha già dân tộc đối lập hẳn với sự run sợ, hốt hoảng của bọn đế quốc xâm lăng. |   **3. Bài tập 3**: Viết đoạn văn: Chủ đề tự chọn có sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh  **II. Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội**  **Bài tập 1.** Trong các từ đồng nghĩa: má, mẹ, mệ, mạ từ nào là từ địa phương, từ nào là từ toàn dân  - Mạ, mệ: từ địa phương miền Trung  - Má: từ địa phương miền Nam  - Mẹ: từ toàn dân  **Bài tập 2**. Tìm và nêu rõ tác dụng của từ địa phương mà tác giả sử dụng?  - Từ địa phương được tác giả sử dụng: Vô  - Tác giả lấy tư cách là người miền Nam tâm tình với đồng bào ruột thịt của mình ở thành phố Hồ Chí Minh. Từ *vô* là từ địa phương miền Nam, do đó dùng từ *vô* để tạo sắc thái thân mật, đầm ấm  **Bài tập 3:** Xác định từ địa phương  - Du -> dâu. Bù -> bầu.  **Bài tập 4**: Thi tìm từ địa phương  Ví dụ  Từ địa phương Từ toàn dân  Mạ Mẹ  Bọ Ba  ….. |

**III. Củng cố, dặn dò**

- Thế nào là từ địa phương, biệt ngữ xã hội?

-Hoàn thiện các bài tập, Tìm hiểu các từ của địa phương khác

**Ngày soạn: 08/08/2020**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 3: CHỦ ĐỀ TẬP LÀM VĂN: LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN**

**I. Mục tiêu cần đạt.**

**1. Kiến thức**

-Củng cố kiến thức về tác dụng của việc liên kết các đoạn văn trong quá trình tạo lập văn bản, các cách liên kết các đoạn văn trong văn bản.

**2. Kó naêng**: Sử dụng được các câu, các từ có chức năng, tác dụng liên kết các đoạn trong một văn bản .

**3. Thái độ, phẩm chất**: tôn trọng quy luật đoạn văn.

**4. Năng lực HS** : cảm nhận, quan sát, suy nghĩ, phân tích, vận dụng.

**II. Tiến trình bài dạy.**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10 - 15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| ? Thế nào là liên kết đoạn văn? Liên kết đoạn văn có tác dụng gì?  -GV đặt câu hỏi, học sinh nhớ lại kiến thức và trả lời  - HS nhận xét, GV chốt  ? Có mấy cách liên kết các đoạn văn trong văn bản?  -HS suy nghĩ cá nhân, trả lời: có 2 cách  - GV cho học sinh thảo luận nhóm 4 để tìm hiểu các cách liên kết đoạn văn  **Bài tập 3:** Hãy viết một số đoạn văn ngắn chứng minh ý kiến của Vũ Ngọc Phan: “Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo”. Sau đó, phân tích các phương tiện liên kết đoạn văn em sử dụng.  - Hs làm việc cá nhân, làm vào giấy  - Gọi 3-4 em đọc bài của mình  - HS khác nhận xét- GV nhận xét, đánh giá  - GV thu bài về nhà chấm | **1. Tác dụng của việc liên kết các đoạn văn trong văn bản.**  - Làm cho đoạn văn gắn kết chặt chẽ, liền mạch.  **2. Cách liên kết các đoạn văn trong văn bản.**  Có 2 cách liên kết các đoạn văn trong văn bản  **Cách 1: . Dùng từ ngữ có tác dụng liên kết**.  **a)** Từ ngữ liên kết : Bắt đầu, sau  -> Tạo quan hệ liệt kê  b) Từ ngữ liên kết: Nhưng  - >Quan hệ đối lập  c)Chỉ từ, đại từ cũng được dùng làm phương tiện liên kết.  **d)**Từ ngữ liên kết:Nói tóm lại  -> Ý nghĩa tổng kết, khái quát  **Cách 2.** **Dùng câu nối để liên kết các đoạn văn** |

**B.LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| Bài tập 1: (trang 53 sgk Ngữ Văn 8 Tập 1):  - HS thảo luận nhóm 4  -Đại diện nhóm trình bày  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét và chốt  **Bài tập 3:** Hãy viết một số đoạn văn ngắn chứng minh ý kiến của Vũ Ngọc Phan: “Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo”. Sau đó, phân tích các phương tiện liên kết đoạn văn em sử dụng.  - Hs làm việc cá nhân, làm vào giấy  - Gọi 3-4 em đọc bài của mình  - HS khác nhận xét- GV nhận xét, đánh giá  - GV thu bài về nhà chấm | **1. Bài tập 1:** Các từ ngữ có tác dụng liên kết đoạn văn trong đoạn trích của Lê Trí Viễn, Thạch Lam và Nguyễn Đăng Mạnh là:  a. Nói như vậy…  b. Thế mà…  c. Cũng cần (nối đoạn 2 với đoạn 1) tuy nhiên (nối đoạn 3 với đoạn 2).  **2. Bài tập 3: trang 54**  **Chứng minh ý kiến của Vũ ngọc Phan:**  **Bài mẫu**      Ý kiến của Vũ Ngọc Phan “Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo” là một cách đánh giá, một lời khen cái hay về nội dung và tài năng diễn tả của nhà văn Ngô Tất Tố trong đoạn này.      Trước tiên, quá trình dồn nén tức nước đến vỡ bờ được Ngô Tất Tố diễn tả vô cùng tự nhiên, sinh động và hợp lí. Ban đầu từ một người phụ nữ nông dân nhún nhường, hiền lành hết lời van xin tha thiết nhưng cuối cùng chị nhận lại được là những lời mắng nhiếc, những hành động hung hãn, vô nhân tính vì thế sự bùng lên để phản kháng, chống trả của chị Dậu là vô cùng hợp lí.  Sau đó phải kể tới nghệ thuật miêu tả các hành động, lời nói nhân vật theo cấp độ tăng tiến, nhân vật hiện lên rõ rệt, có diễn biến tâm lí chân thực      Nói tóm lại ý kiến của Vũ Ngọc Phan vô cùng tinh tế và chính xác, khái quát được toàn bộ cái hay trong nội dung và nghệ thuật của đoạn văn trên.  -Đoạn 1-2-3: Từ ngữ liên kết: Trước tiên- sau đó=> Liệt kê  - Đoạn 4: từ ngữ liên kết: Nói tóm lại=> Tổng kết |

**III. Củng cố, dặn dò**

**\* Củng cố**

- GV yêu cầu HS nhắc lại kiến thức về từ tượng hình, từ tượng thanh, từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội, cách liên kết các đoạn văn trong văn bản.

- Giao bài tập về nhà: Hoàn thiện các bài tập

**- Chuẩn bị bài sau:**

CHỦ ĐỀ VĂN BẢN TỰ SỰ:

- Tìm hiểu chung về văn bản tự sự, tóm tắt văn bản tự sự

- Luyện tập tóm tắt văn bản tự sự

CHỦ ĐỀ: VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

- *Cô bé bán diêm*

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**BUỔI 6**

**CHỦ ĐỀ 1 (TIẾT 1,2): VĂN BẢN TỰ SỰ**

**TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BẢN TỰ SỰ**

**TÓM TẮT VĂN BẢN TỰ SỰ**

**LUYỆN TẬP TÓM TẮT VĂN BẢN TỰ SỰ**

**I. Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức**

Củng cố các kiến thức về văn bản tự sự:

- Khái niệm, đặc điểm của văn bản tự sự.

- Cách tóm tắt văn bản tự sự.

**2. Kỹ năng**

Rèn kĩ năng nhận diện phương thức biểu đạt tự sự, kĩ năng tóm tắt văn bản tự sự.

**3. Thái độ, phẩm chất**

Giáo dục ý thức học tập, bồi dưỡng lòng yêu văn học.

**4. Năng lực**

- Năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực sáng tạo

- Năng lực hợp tác

- Năng lực tự quản bản thân

- Năng lực giao tiếp tiếng Việt

- Năng lực tạo lập văn bản.

**II. Tiến trình lên lớp**

**TIẾT 1:**

**TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BẢN TỰ SỰ**

**TÓM TẮT VĂN BẢN TỰ SỰ**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ? Nhắc lại thế nào là văn tự sự ? | **1. Khái quát về văn bản tự sự**  Tự sự là loại văn bản sử dụng phương thức biểu đạt tự sự nhằm trình bày một chuỗi sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng dẫn đến một kết thúc, thể hiện một ý nghĩa nào đó về cuộc sống, con người. |
| ? Nhắc lại thế nào là tóm tắt văn bản tự sự ?  ? Văn bản tóm tắt cần đảm bảo những yêu cầu nào ?  ? Khi tóm tắt văn bản tự sự, ta cần tiến hành theo những bước nào ? | **2. Tóm tắt văn bản tự sự**  **a.** **Thế nào là tóm tắt văn bản tự sự ?**  Tóm tắt văn bản tự sự là dùng lời văn của mình trình bày một cách ngắn gọn nội dung chính (bao gồm sự việc tiêu biểu và nhân vật quan trọng) của văn bản đó.  **b. Yêu cầu đối với 1 văn bản tóm tắt**  - Phải trung thành với văn bản được tóm tắt, không thêm bớt chi tiết, sự việc không có trong tác phẩm , không đưa ý kiến khen chê của mình.  - Phải có tính hoàn chỉnh giúp người đọc hình dung được toàn bộ câu chuyện.  - Phải đảm bảo tính cân đối cho từng phần phù hợp  - Đảm bảo đúng mục đích, yêu cầu cần tóm tắt  **c. Các bước tóm tắt văn bản tự sự**  - Bước 1: Đọc kỹ toàn bộ văn bản cần tóm tắt để nắm chắc nội dung của nó  - Bước 2: Lựa chọn những sự việc chính và nhân vật chính  - Bước 3: Sắp xếp cốt truyện tóm tắt theo 1 trình tự hợp lý  - Bước 4: Viết bản tóm tắt bằng lời văn của mình. |

***B. Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: Thảo luận nhóm.  **Bài tập 1: Văn bản sau đã đủ điều kiện của một văn bản tự sự chưa, vì sao ?**  *“Ngày xưa có một người săn bắn rất tài. Nếu con thú rừng nào không may gặp bác ta thì hôm ấy cọi như ngày tận số.*  *Một hôm, người đi săn xách nỏ vào rừng. Bác thấy một con vượn lông xám đang ngồi ôm con trên tảng đá. Bác nhẹ nhàng rút mũi tên bắn trúng vượn mẹ.*  *Vượn mẹ giật mình, hết nhìn mũi tên lại nhìn về phía người đi săn bằng đôi mắt căm giận, tay không rời con. Máu ở vết thương rỉ ra loang khắp ngực.*  *Người đi săn đứng im chờ kết quả…*  *Bỗng vượn mẹ nhẹ nhàng đặt con xuống, vơ vội nắm bùi nhùi gối lên đầu con, rồi nó hái cái lá to, vắt sữa vào và đặt lên miệng con. Sau đó, vượn mẹ nghiến răng, giật phắt mũi tên ra, hét lên một tiếng thật to rồi ngã xuống.*  *Người đi săn đứng lặng. Hai giọt nước mắt từ từ lăn trên má. Bác cắn môi, bẻ gãy nỏ và lẳng lặng quay gót ra về.*  *Từ đấy, bác không bao giờ đi săn nữa”.*  (Lép Tôn-xtôi) | -Văn bản tự sự trình bày một chuỗi các sự việc, sự việc trước dẫn đến sự việc sau, cuối cùng dẫn đến kết thúc thể hiện một ý nghĩa.  Căn cứ vào định nghĩa trên thì văn bản đã cho đủ điều kiện của một văn bản tự sự. Đó là:  Văn bản trình bày một chuỗi các sự việc:  -Người đi săn vào rừng và gặp vượn mẹ đang ôm con.  - Người đi săn bắn vượn mẹ. Vượn mẹ vắt sữa để lại cho con rồi rút mũi tên ở ngực và chết.  - Người đi săn chứng kiến cảnh ấy, xúc động bẻ gãy nỏ.  - Người đi săn bỏ nghề.  Câu chuyện mang đến ý nghĩa sâu sắc về tình mẹ con và bài học về lòng nhân hậu của con người. |

**TIẾT 2: LUYỆN TẬP TÓM TẮT VĂN BẢN TỰ SỰ**

***B. Luyện tập (Tiếp) :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 2: Tóm tắt văn bản “Tôi đi học” (Thanh Tịnh).**  - Hình thức tổ chức luyện tập:  + Xác định hệ thống các sự việc: Theo nhóm.  + Viết thành văn bản tóm tắt: Cá nhân. | **a. Các sự việc chính – Trình tự tóm tắt**  - Nỗi nhớ kỉ niệm buổi tựu trường đầu tiên.  - Tâm trạng của “tôi” theo trình tự:  + Trên đường tới trường.  + Trên sân trường  + Khi vào trong lớp học.  **b. Viết thành văn bản tóm tắt:**  **Tham khảo:**  *Hằng năm, cứ vào cuối thu, nhân vật “tôi” lại nao nức nhớ lại những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường đầu tiên. Đầu tiên là tâm trạng hồi hộp, phấn khởi, vui mừng khi “tôi” trên đường cùng mẹ tới trường. Vẫn là con đường quen thuộc mà hôm nay câu thấy lạ quá. Cậu cảm thấy mình lớn hơn, trang trọng và đứng đắn trong bộ quần áo mới và mấy quyển vở trên tay. Khi đứng trên sân trường, “tôi” lại có cảm giác hồi hộp, lo sợ vẩn vơ. Cậu thấy ngôi trường vừa xinh xắn vừa oai nghiêm khác thường. Lúc xếp hàng vào lớp, cậu có cảm giác chơ vơ, vụng về, lúng túng; chờ nghe gọi tên mà thấy như quả tim mình ngừng đập; lúc sắp phải rời xa bàn tay mẹ thì òa khóc nức nở. Ở trong lớp học, cậu thấy vừa ngỡ ngàng, vừa tự tin, vừa lạ lẫm, vừa trang nghiêm. Cậu thấy hình gì treo trên tường cũng lạ lạ và hay hay, người bạn ngồi bên thì vừa lạ vừa quyến luyến. Cậu dõi mắt nhìn theo cánh chim ngoài cửa sổ, mơ màng về những kỉ niệm đi bẫy chim nhưng lại ngay lập tức trở về với thực tại để trang nghiêm đón chờ bài học đầu tiên.* |
| **Bài tập 3: Tóm tắt văn bản “Trong lòng mẹ” (Trích “Những ngày thơ ấu”) – Nguyên Hồng.**  - Hình thức tổ chức luyện tập:  + Xác định hệ thống các sự việc: Theo nhóm.  + Viết thành văn bản tóm tắt: Cá nhân. | **a. Các sự việc chính – Trình tự tóm tắt**  - Hoàn cảnh của bé Hồng  - Tâm địa của bà cô  - Tâm trạng và tình cảm của Hồng qua cuộc đối thoại với bà cô  - Tâm trạng của Hồng khi ở trong lòng mẹ.  **b. Viết thành văn bản tóm tắt**  **Tham khảo:**  *Bé Hồng mồ côi cha, mẹ lại đi bước nữa và phải sống tha hương cầu thực. Hồng cùng em Quế ở với gia đình họ nội, nhưng người cô độc ác luôn tìm cách gièm pha, nói xấu mẹ em. Người cô “cố ý gieo giắc” vào đầu óc non nớt của đứa cháu “những hoài nghi” để li gián tình mẹ con, để Hồng “khinh miệt và ruồng rẫy mẹ”. Nhưng bé Hồng hiểu được mục đích của người cô, nghe người cô nói xấu mẹ mình, em vô cùng đau đớn, lúc thì lòng “thắt lại, khóe mắt cay cay”, lúc thì nước mắt “ròng ròng rớt xuống hai bên mép rồi chan hòa đầm đìa ở cằm và ở cổ”. Thương mẹ, bé Hồng càng căm tức những cổ tục phong kiến đã đày đọa mẹ. Qua bao đau thương, tủi cực, bé Hồng vẫn dành cho mẹ tình cảm thiết tha và tin rằng mẹ mình sẽ trở về. Cuối cùng, Hồng cũng được gặp mẹ sau bao ngày xa cách. Đến ngày giỗ đầu của chồng, mẹ bé Hồng đã trở về. Vừa thoáng thấy người ngồi trên xe kéo giống mẹ, cậu đã chạy theo gọi bối rối: “Mợ ơi ! Mợ ơi ! Mợ ơi !” rồi khóc nức nở và hạnh phúc dâng trào khi được ở trong lòng mẹ, được sống lại những giây phút êm dịu, ngọt ngào của tình mẫu tử.* |

**CHỦ ĐỀ 2 (TIẾT 3): VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI**

**VĂN BẢN: *CÔ BÉ BÁN DIÊM (AN-ĐÉC-XEN)***

**I. Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức**

Củng cố các kiến thức về văn bản “Cô bé bán diêm”: tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.

**2. Kỹ năng**

Rèn kĩ năng đọc – hiểu văn bản văn học nước ngoài.

**3. Thái độ, phẩm chất**

Giáo dục ý thức học tập, bồi dưỡng lòng yêu thương con người, yêu văn học.

**4. Năng lực**

- Năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực sáng tạo

- Năng lực hợp tác

- Năng lực tự quản bản thân

- Năng lực giao tiếp tiếng Việt

- Năng lực thưởng thức văn học

**II. Tiến trình lên lớp**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ? Nhắc lại những nét chính về tác giả An-đéc-xen ?  ? Truyện được sáng tác trong hoàn cảnh nào ?  ? Nhắc lại những đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm ?  ? Khái quát về nội dung tác phẩm ? | **1. Khái quát chung về văn bản**  **a. Tác giả**  An-đéc-xen (1805 – 0875) là nhà văn Đan Mạch nổi tiếng với loại truyện cho trẻ em.  **b. Hoàn cảnh sáng tác**  Truyện “Cô bé bá diêm” được An-đéc-xen viết vào năm 1945 khi tên tuổi ông lừng danh thế giới với trên 20 năm cầm bút.  **c. Nội dung, nghệ thuật**  **a. Nghệ thuật:**  - Cách kể chuyện hấp dẫn bằng các tình tiết, diễn biến hợp lí, đan xen giữa hiện thực và mộng tưởng.  - Sử dụng thành công biện pháp tương phản  **b. Nội dung:**  Qua câu chuyện về một em bé bán diêm trong đêm giao thừa giá lạnh, nhà văn đã truyền cho chúng ta lòng thương cảm sâu sắc với những số phận trẻ thơ bất hạnh, đồng thời ông muốn gửi gắm một thông điệp: Hãy phấn đấu vì một ngày mai tốt đẹp cho tuổi thơ tràn đầy niềm vui, hạnh phúc. |

***B. Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 1: Tóm tắt văn bản “Cô bé bán diêm”**  - Hình thức tổ chức luyện tập:  + Xác định hệ thống các sự việc: Theo nhóm.  + Viết thành văn bản tóm tắt: Cá nhân | **a. Các sự việc chính – Trình tự tóm tắt**  - Hoàn cảnh của cô bé bán diêm  - Hoàn cảnh quẹt diêm  - Các lần quẹt diêm của em bé  - Cái chết của em bé bán diêm.  **b. Viết thành văn bản tóm tắt**  Truyện kể về một em bé bán diêm trong đêm giao thừa rét buốt. Em có hoàn cảnh bất hạnh, bà nội và mẹ mất từ khi em còn nhỏ. Giờ đây, em phải sống cùng với người bố nát rượu, cộc cằn, thô lỗ ở một gác xép sát mái nhà. Cả ngày em chẳng bán được que diêm nào trong khi ngoài trời giá rét dữ dội, mọi nhà đều sáng rực ánh đèn và mùi thức ăn thơm phức. Em đánh liều quẹt lần lượt các que diêm, những mộng tưởng tươi sáng hiện ra như lò sưởi ấm áp, bàn ăn thịnh soạn, cây thông Nô-em, bà nội hiện lên mỉm cười… Nhưng mỗi lần diêm tắt, thực tế lại là bức tường lạnh lẽo, rét mướt và một mình em cô đơn, tội nghiệp. Sáng hôm sau, em đã chết với đôi má vẫn hồng và đôi môi như đang mỉm cười trước sự thờ ơ, lạnh lùng của người qua đường. |
| **Bài tập 2: Hãy nêu ý nghĩa của hình ảnh ngọn lửa diêm trong việc xây dựng nhân vật và thể hiện chủ đề của truyện.**  Hình thức thực hiện: Cá nhân. | Hình ảnh ngọn lửa diêm mang đậm ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Đó là ngọn lửa của ước mơ tuổi thơ về mái ấm gia đình ấm no, hạnh phúc, về tình thương mà ông bà, cha mẹ dành cho con cháu. Những ước mơ ấy thật bình dị mà thật đẹp đẽ, diệu kì, bay bổng lên trên thực tại mà vẫn bắt nguồn từ thực tại cơ cực, thảm thương. Ngọn lửa cháy hết mình là nguồn sáng trong tâm hồn đầy khao khát cháy bỏng.  Qua hình ảnh ngọn lửa diêm, nhà văn đã thể hiện sự trân trọng, cảm thông, ngợi ca thế giới đầy mơ ước ấy và phải chăng ông cũng mong ước đến cháy bỏng những điều tốt đẹp ấy cho con người, cho trẻ em ? |
| **Bài tập 3:** Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:  *“Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhợt. Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà.*  *Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xó tường, người ta thấy một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa…”*  (*Ngữ văn 8 – tập 2*)  **Câu 1:** : Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Ai là tác giả? Xác định thể loại văn bản.  **Câu 2:** Chỉ ra PTBĐ của văn bản chứa đoạn văn trên.  **Câu 3:** Tìm các từ thuộc trường từ vựng “*thiên nhiên”* trong đoạn văn.    **Câu 4.** Tìm*câu ghép*trong đoạn văn trên. Phân tích và xác định quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu trong câu ghép đó.  **Câu 5:** Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em về cái chết của người “em gái”. | **Câu 1**:  - Trích từ văn bản: “Cô bé bán diêm”  - Tác giả: An-đéc-xen  - Thể loại: truyện ngắn.  **Câu 2:**  Phương thức biểu đạt của văn bản: Tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm.  **Câu 3:**  Trường từ vựng thiên nhiên: *tuyết, mặt trời, mặt đất, bầu trời.*  **Câu 4:**  - Câu ghép: *Sáng hôm sau (TN1),/ tuyết (CN1) /vẫn phủ kín mặt đất (VN1)//, nhưng mặt trời (CN2) lên, trong sáng, chói chang (VN2)// trên bầu trời xanh nhợt. (TN2*  *- Quan hệ: Tương phản.*  ***Câu 5:***  Đoạn văn trình bày cảm nhận của em về cái chết của người “em gái”: (Tham khảo):  Kết thúc truyện “Cô bé bán diêm”, người “em gái” bất hạnh đáng thương ấy “*đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa…”.* Dưới ngòi bút đầy chất thơ của An-đéc-xen, em ra đi mà đôi má vẫn hồng và đôi môi đang mỉm cười. Hình ảnh cái chết ấy thật đẹp đã thể hiện sự hạnh phúc, mãn nguyện của cô bé. Có lẽ em đã thanh thản, toại nguyện vì chỉ mình em được sống trong những điều huy hoàng, kì diệu. Cái chết của em bé bán diêm thể hiện tấm lòng nhân hậu của nhà văn dành cho số phận trẻ thơ, đó là sự cảm thông, yêu thương và trân trọng thế giới tâm hồn trẻ thơ. Thực tế em bé đã chết rất tội nghiệp, đó là cái chết bi thảm, làm nhức nhối trong lòng người đọc, em đã chết trong đêm giao thừa rét mướt, em nằm ngoài đường sáng mùng một đầu năm trong khi mọi người vui vẻ ra khỏi nhà, kẻ qua người lại mà không hề quan tâm đến em, em đã chết vì lạnh, vì đói ở một xó tường. Đó là cái chết đau đớn nhưng chắc chắn sẽ thanh thản về tâm hồn. Như vậy, bằng ngòi bút nhân ái, lãng mạn, qua cái chết em bé bán diêm, tác giả muốn tố cáo, phê phán xã hội thờ ơ lạnh lùng với nỗi bất hạnh của những người nghèo khổ, đặc biệt đối với trẻ thơ. Đồng thời, ông còn muốn gửi gắm thông điệp tới người đọc, đó là hãy biết san sẻ yêu thương, đừng phũ phàng hoặc vô tình trước những khổ đau bất hạnh, cay đắng của trẻ thơ. Cái chết của em sẽ mãi ám ảnh trong lòng người đọc, khơi dậy về tình yêu thương con người trong cuộc đời này. |

**III. Củng cố - Dặn dò**

**\* Củng cố:** GV kiểm tra việc nắm nội dung ôn tập của HS.

**\* Giao bài tập về nhà:**

- Tóm tắt một văn bản tự sự mà em đã học trong chương trình Ngữ văn THCS.

- Viết một văn bản cảm nhận về nhân vật cô bé bán diêm trong tác phẩm “Cô bé bán diêm” (An-đéc-xen)

**\* Dặn dò: Chuẩn bị bài sau:**

+ Chủ đề : Từ loại: Trợ từ, thán từ

+ Chủ đề: Văn bản tự sự: Miêu tả và biểu cảm trong văn bản tự sự

+ Chủ đề: Văn học nước ngoài: Văn bản: *Đánh nhau với cối xay gió.*

Ngày soạn :

BUỔI 7

CHỦ ĐỀ 1 (TIẾT 1): TRỢ TỪ, THÁN

**I. Mục tiêu cần đạt :**

***1. Kiến thức:***

- Ôn tập kiến thức về trợ từ, thán từ

***2. Kỹ năng:***

- Phát hiện và sử dụng trợ từ, thán từ;

- Vận dụng kiến thức về từ loại để làm bài tập luyện tập.

***3. Thái độ, phẩm chất***

- Hs có thái độ tích cực học tập

***4. Năng lực***

- Năng lực hợp tác

- Năng lực tự học

-Năng lực giao tiếp

- Năng lực giải quyết vấn đề,

**II. Tiến trình lên lớp**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV – HS | Kiến thức cần đạt |
| ? Thế nào là trợ từ? Ví dụ?  ? Thán từ là gì? Ví dụ?  \* GV đưa ra một số lưu ý:  - Trợ từ không có khả năng tự làm thành một câu độc lập, không có khả năng làm thành phần câu hoặc thành tố của cụm từ.  VD: Chính, ngay, là, những, có, mỗi…..  - Thán từ không có khả năng làm thành phần chính của câu hay thành tố của cụm từ nhưng có khả năng làm thành một câu độc lập( câu đặc biệt) hoặc làm thành phần biệt lập trong câu  VD:- *Hỡi* những con khôn của giống nòi  - *Hỡi* cảnh rừng ghê gớm của ta ơi  - *Phải*, hoá kiếp cho nó thành kiếp người như kiếp tôi chẳng hạn. | I. Ôn tập trợ từ, thán từ:  - *Trợ từ* chuyên đi kèm với một số từ ngữ trong câu tức là nêu đặc diểm của trợ từ luôn luôn đứng trước những từ ngữ đó ( cố định)-> có sắc thái tình cảm cố ý nhấn mạnh của người nói.  VD:- Nó giải được *mỗi* bài tập  - Tớ có *những* mười nghìn đồng  - *Thán từ* là từ loại đặc biệt chuyên biểu thị cảm xúc trực tiếp do người nói tự bộc lộ , không tham gia cấu tạo cụm từ, cũng không kết hợp được với cụm từ trong câu đứng tách rời, biệt lập so với các thành phần khác trong cấu tạo câu.  VD:- *Than ôi*! Thời oanh liệt nay còn đâu  - *Vâng*, ông giáo dạy phải. |

*B. Luyện tập*

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV – HS | Kiến thức cần đạt |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: hoạt động cá nhân.  ?Chỉ ra các trợ từ trong các câu sau:  a. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học.  b. Mấy cậu đi trước ôm sách vở nhiều lại kèm cả bút thước nữa.  c. Đột nhiên lão bảo tôi:  - Này! Thằng cháu nhà tôi, đến một năm nay, chẳng có giấy má gì đấy, ông giáo ạ!  ( Nam Cao)  d.Chỉ nghe tiếng hót líu lo mà không thấy bóng chim đâu.  e.Tôi quên cả mẹ tôi đứng sau tôi. Nghe gọi đến tên, tôi tự nhiên giật mình và lúng túng.  g.Tôi chỉ ốm có một trận đấy thôi. Một trận đúng hai tháng mười tám ngày, ông giáo ạ! | *II. Luyện tập*  *Bài 1:*  a. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học.  b. Mấy cậu đi trước ôm sách vở nhiều lại kèm cả bút thước nữa.  c. Đột nhiên lão bảo tôi:  - Này! Thằng cháu nhà tôi, đến một năm nay, chẳng có giấy má gì đấy, ông giáo ạ!  ( Nam Cao)  d.Chỉ nghe tiếng hót líu lo mà không thấy bóng chim đâu.  e.Tôi quên cả mẹ tôi đứng sau tôi. Nghe gọi đến tên, tôi tự nhiên giật mình và lúng túng.  g.Tôi chỉ ốm có một trận đấy thôi. Một trận đúng hai tháng mười tám ngày, ông giáo ạ! |
| Hình thức tổ chức : hoạt động theo cặp (2 bạn)  ?Tìm các thán từ trong những câu sau đây:  a.Vâng! Ông giáo dạy phải!  b.Vâng, cháu cũng đã nghĩ như cụ.  c.Này, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn.  d.Này! Thằng cháu nhà tôi, đến một năm nay, chẳng có giấy má gì đấy, ông giáo ạ!  - À! Thì ra lão đang nghĩ đến thằng con lão.  e. Ấy! Sự đời lại cứ thường như vậy đấy. | *Bài 2:*  a.Vâng! Ông giáo dạy phải!  b.Vâng, cháu cũng đã nghĩ như cụ.  c.Này, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn.  d.Này! Thằng cháu nhà tôi, đến một năm nay, chẳng có giấy má gì đấy, ông giáo ạ!  - À! Thì ra lão đang nghĩ đến thằng con lão.  e. Ấy! Sự đời lại cứ thường như vậy đấy. |
| Hình thức tổ chức : hoạt động cá nhân.  ? Chọn từ *những* hoặc *mỗi* để điền vào chỗ trống trong các câu sau:  a. Tôi còn… 5 tiếng để làm bài tập. Gì mà chẳng kịp  b. Tôi còn … 5 tiếng để làm bài bài tập. Làm sao kịp được  ? Chỉ ra sự khác nhau giữa *những* và *mỗi*? | *Bài 3:* Chọn từ *những* hoặc *mỗi* để điền vào chỗ trống trong các câu sau:  a. những => nhiều thời gian  b. mỗi => ít thời gian |
| Hình thức tổ chức : hoạt động cá nhân.  ?Giải thích nghĩa của các trợ từ in đậm trong các câu sau:  a. *“Nhưng đời nào tình yêu thương và lòng kính mến mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến. Mặc dù non một năm ròng mẹ tôi không gửi cho tôi lấy một lá thư, nhẵn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi lấy một đồng quà”*  **(Nguyên Hồng - Những ngày thơ ấu)**  b*. “Hai đưa mê nhau lắm. Bố mẹ đứa con gái biết vậy, nên cũng bằng lòng gả. Nhưng họ thách nặng quá: nguyên tiền mặt phải một trăm đồng bạc, lại còn cau, còn rượu, cả cưới nữa thì mất đến cứng hai trăm bạc?”* **(Nam Cao - Lão Hạc)**  c*. “Tính ra cậu Vàng cậu ấy ăn khoẻ hơn cả tôi, ông giáo ạ!* **(Nam Cao - Lão Hạc)**  d*.“Rồi cứ mỗi năm rằm tháng Tám*  *Tựa nhau trông xuống thế gian cười”* **(Tản Đà - Muốn làm thằng Cuội)** | **Bài tập 4: Giải thích nghĩa của các trợ từ in đậm trong các câu sau:**  a.Trợ từ “lấy”: Nhấn mạnh vào khả năng tối thiểu theo yêu cầu của người khác.  b. Trợ từ “nguyên” nhấn mạnh vào sự trọn vẹn của riêng một phần nào đó.  - “đến”: nhấn mạnh về một sự việc mà người khác không muốn.    c. Trợ từ “cả”: Nhấn mạnh khẳng định sự việc mang tính bất thường.    d. Trợ từ “cứ”: Nhấn mạnh khẳng định một sự việc cứ lặp đi lặp lại liên tục, không phụ thuộc vào yếu tố nào khác. |
| Bài tập 5:  Hoạt động luyện tập: cá nhân.  Viết đoạn văn kể về một lần em mắc lỗi sử dụng trợ từ, thán từ. | Bài tập 5:  - HS viết đoạn văn có sử dụng trợ từ, thán từ  - GV sửa lỗi, nhận xét. |

----------------------------------------------------------------

CHỦ ĐỀ 2 (Tiết 2): MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM TRONG VĂN TỰ SỰ

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

- HS nắm chắc kiến thức về văn tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.

- Biết làm bài văn tự sự có yếu tố miêu tả, biểu cảm.

**2. Kỹ năng:**

- Hệ thống kiến thức về văn tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm;

-Lập dàn ý cho bài văn tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.

**3. Thái độ, phẩm chất**

- Hs có thái độ tích cực học tập

**4. Năng lực**

- Năng lực hợp tác

- Năng lực tự học

-Năng lực giao tiếp

- Năng lực giải quyết vấn đề,

II. Tiến trình lên lớp

*A. Hệ thống lại kiến thức đã học*

|  |  |
| --- | --- |
| - *HD hs ôn tập về “Miêu tả và biểu cảm trong văn bản tự sự”*  + GV nêu câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời.  + HS khác nhận xét, bổ sung.  + VG chốt lại kiến thức cơ bản: | I. Ôn tập miêu tả và biểu cảm trong văn tự sự  1. Đặc điểm  - Trong các văn bản tự sự luôn có đan xen các yếu tố miêu tả và biểu cảm với kể  2. Cách làm bài văn tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm  - Người kể chuyện thường miêu tả cảnh vật liên quan đến sự việc đang kể để làm nền cho sự việc hoặc thể hiện nội tâm nhân vật và dùng miêu tả để khắc họa ngoại hình, thái độ, tâm trạng hoặc hành động của nhân vật.  - Người kể có thể trực tiếp phát biểu cảm xúc khi cần tô đậm ý nghĩa, sự việc hoặc kết thúc câu chuyện. Ngoài biểu cảm trực tiếp người kể có thể kín đáo bộc lộ cảm xúc vào miêu tả nhân vật và cảnh vật.  - Các yếu tố miêu tả và biểu cảm làm cho sự vật được cụ thể, tính cách nhân vật được rõ nét, câu chuyện sinh động, chủ đề rõ ràng.  3. Lập dàn ý cho bài văn tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm  a.Mở bài  -Giới thiệu câu chuyện.  -Cảm xúc chung của người viết.  b.Thân bài  -Thời gian và không gian diễn ra câu chuyện  - Nguyên nhân,diễn biến, kết thúc câu chuyện (Chú ý kết hợp yếu tổ miêu tả, biểu cảm)  - Bài học sâu sắc của câu chuyện  c. Kết bài  - Suy nghĩ,tình cảm của bản thân đối với câu chuyện.  - Bài học sâu sắc rút ra cho tất cả học sinh. |

Phần B: Luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| Đề bài 1:  Hãy đóng vai cụ Bơ-men kể lại câu chuyện về *''Chiếc lá cuối cùng", có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm?*  - Gv hướng dẫn hoc sinh lập dàn ý  ? Mở bài cần nêu những ý gì?  ? Thân bài cần triển khai những ý nào?  ? Yếu tố miêu tả và biểu cảm cần thể hiện như thế nào?  ? Kết bài cần làm những việc gì? | II. Luyện tập  Bài 1:  a. Mở bài: Có thể kể theo thứ tự kể ngược- kết quả trước, diễn biến sau như bản thân mình- Bơ-men đang nằm trong viện và nhớ lại câu chuyện cứu người  b. Thân bài: Đan xen, kết hợp kể, tả, biểu cảm  \* Yếu tố kể:  - Kể lại suy nghĩ của mình khi nghe Xiu kể về tình cảnh của Giôn-xi  - Kể lại sự quan sát cây thường xuân, kế hoach vẽ chiếc lá  - Kể lại quá trình vẽ và những khó khăn mình đã gặp phải  \* Yếu tố tả:  - Tả lại thời tiết khắc nghiệt, tả cây thường xuân  - Tả lại những khó khăn mình đã trải qua trong đêm mưa gió  \* Yếu tố biểu cảm:  - Lo lắng cho Giôn-xi bệnh tật, chán nản tuyệt vọng  - Sung sướng vì đã hoàn thành kiệt tác, đã cứu được Giôn-xi thân yêu  c. Kết bài- Bệnh tình nặng có lẽ không qua khỏi nhưng vẫ cảm thấy mãn nguyện vì đã hoàn thành sứ mệnh cao cả.  - Liên hệ với câu tục ngữ, ca dao ''Thương như thể thương thân''. |
| *Đề bài 2: Kể về một lần em mắc khuyết điểm khiến thầy cô giáo buồn lòng.*  - Gv hướng dẫn Hs những ý cơ bản | Bài 2: Kể một câu chuyện, một sự việc đơn giản mà em đã làm khiến thầy cô giáo buồn.Từ đó rút ra bài học sâu sắc cho bản thân về thái độ, cách ứng xử trong cuộc sống. Bài viết đảm bảo các ý sau:  Hướng dẫn HS lập dàn ý: MB, TB, KB  - Giới thiệu câu chuyện.  - Cảm xúc chung của người viết.  - Thời gian và không gian diễn ra câu chuyện  - Nguyên nhân, diễn biến, kết thúc câu chuyện.  - Chuyện xảy ra đã tác động tới thầy (cô) như thế nào?  - Thầy (cô) có hành động, thái độ với em ra sao?  - Hành động của bạn bè khi đó.  - Bài học sâu sắc khi nhận thức được lỗi lầm của mình.  -Tình cảm, thái độ trước sự cảm thông, chia sẻ của thầy (cô )và bạn bè.  - Suy nghĩ,tình cảm của bản thân đối với bạn bè và thầy cô giáo.  - Bài học sâu sắc rút ra cho tất cả học sinh.  Lưu ý: Trong quá trình kể chuyện cần kết hợp với các yếu tố khác như miêu tả, biểu cảm để tái hiện lại ngôn ngữ, cử chỉ, nét mặt, tâm trạng,thái độ,…của các nhân vật giúp câu chuyện thêm hấp dẫn. |
| *Đề bài 3: Là người thứ ba chứng kiến cảnh lão Hạc kể chuyện bán chó với ông giáo em sẽ ghi lại như thế nào?*  - Gv hướng dẫn Hs tìm hiểu đề và lập dàn bài  ? Mở bài cần nêu ý gì?  ? Thân bài cần triển khai những ý nào?  ? Ta nên thêm yếu tố miêu tả và biểu cảm vào những chỗ nào?  ? Kết bài ra sao?  ? Hãy viết phần mở bài và kết bài cho đề văn trên?  - Hs viết  - Hs đọc  - Gv và Hs sửa lỗi  - Gv có thể đọc đoạn văn mẫu | Bài 3:  + Thể loại: tự sự + miêu tả + biểu cảm + Nội dung: câu chuyện của lão Hạc với ông giáo bán con chó vàng -Dàný: 1. MB: Ngôi kể thứ nhất ( tôi) có mặt trong câu chuyện như người thứ 3 ngoài lão Hạc với ông giáo (phân biệt với người kể ở trong truyện của Nam Cao chính là ông giáo) Giới thiệu hoàn cảnh lão Hạc sang nhà ông giáo để kể chuyện bán chó. Ở đó có ông giáo và người kể. 2. TB: - Kể: lão Hạc kể chuyện bán chó với ông giáo: + Lão Hạc báo tin bán chó + Lão Hạc kể lại chuyện bán chó Miêu tả: nét mặt đau khổ của lão Hạc Biểu cảm: nỗi ân hận của lão Hạc về việc bán chó và thái độ của ông giáo. + lão Hạc: chua chát kết thúc việc bán chó. - Miêu tả: nét mặt của ông giáo khi nhận được tin => suy tư nghĩ ngợi và đau khổ với lão Hạc - Biểu cảm: + Nêu những suy nghĩ của bản thân với câu chuyện + Nêu suy nghĩ về các nhân vật ở trong đó (về ông giáo và lão Hạc) 3. KB: Nhắc lại sự việc bán chó. Đặc biệt là khi sự việc kết thúc. Nhận định, đánh giá chung về sự việc đó. Trở lại hoàn cảnh thực tại của mình.  *MB: Hôm nay là một ngày đẹp trời. Tôi đang đi trên con đường làng ra bờ ao câu cá, bỗng gặp lão Hạc với vẻ mặt buồn buồn. Lão Hạc là người làng tôi, nhà lão có mấy sào vườn. Vợ lão chết, con lại đi phu ở đồn điền cao su, lão thui thủi sống với con chó Vàng. Chợt tôi nhận ra rằng, lão đang đi đến nhà ông giáo. Có lẽ lão có việc hệ trọng gì đây. Nghĩ vậy tôi bèn đi theolão.*  *KB: Đúng lúc lão Hạc từ chối khoai và chè của ông giáo, tôi mới chợt nhận ra rằng mặt trời đã lên đến đỉnh đầu, mình thì đói meo rồi. Vậy mà tôi còn chưa ra bờ ao câu cá để mang về uống rượu. Tôi lại lững thững đi ra bờ ao đầu làng, tâm trạng khó tả* |

-----------------------------

CHỦ ĐỀ 3 (TIẾT 3):

ĐÁNH NHAU VỚI CỐI XAY GIÓ

**I. Mục tiêu cần đạt :**

***1. Kiến thức:***

- HS nắm chắc kiến thức về văn bản

- Nắm chắc về thông tin tác giả, nội dung và nghệ thuật của văn bản

***2. Kỹ năng:***

- Rèn kĩ năng cảm thụ văn học qua bài “***Đánh nhau với cối xay gió***” của Xecvantet

- Rèn kĩ năng phân tích nhân vật

***3. Thái độ, phẩm chất***

- Hs có thái độ tích cực học tập

***4. Năng lực***

- Năng lực hợp tác

- Năng lực tự học

-Năng lực giao tiếp

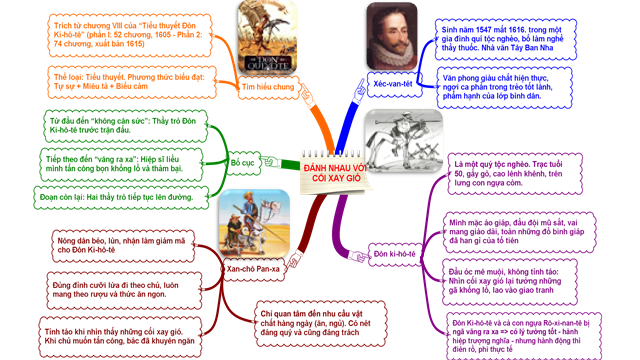
- Năng lực giải quyết vấn đề,

**II. Tiến trình lên lớp**

***A.Hệ thống lại kiến thức đã học***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Gv cho Hs ôn tập  ? Hãy nhắc lại những nét chính về tác giả?  - Gv cung cấp thêm những kiến thức về tác phẩm  ? Đoạn trích đánh nhau với cối xay gió có nội dung chính là gì? | I. ÔN TẬP: Đánh nhau với cối xay gió  *Bài tập 1.Giới thiệu tác giả, tác phẩm:*  - Xéc-van-tét là nhà văn lớn người Tây Ban Nha. Tác phẩm nổi tiếng của ông là Đôn Ki-hô-tê. Đó lả tác phẩm thể hiện được tư tưởng nhân đạo và nghệ thuật xây dựng tác phẩm của ông, nhất là nghệ thuật xây dựng nhân vật  - Đôn Ki-hô-tê là một kiệt tác của Xéc-van-tét là một kiệt tác gồm hai phần:  + Phần một có 52 chương, xuất bản năm 1615.Truyện kể về anh chàng Đ.là một quí tộc nghèo ở vùng Ki-ha-đa, người gầy gò, cao lênh khênh, vì đọc quá nhiều chuyện hiệp sĩ nên mụ mẫm cả đầu óc. Lão cùng một người nông dân béo lùn là Xan- chô Pan-xa đi lang thang làm hiệp sĩ giang hồ. Đ.đã đánh nhau với những chiếc cối xay gió và những cái mà lão cho là chướng tai gai mắt. Kết quả lão luôn bị đánh nhừ tử và người thân phải đem lão về nhà chữa trị.  + Phần hai: Mặc dù mọi người khuyên lão ở nhà nhưng lão vẫn tiếp tục đi và đánh nhau, kết quả cũng luôn bị ăn đòn. Trong trận đấu cuối cùng lão phải cam kết nếu thua thì phải trở về nhà. Lão bị đánh ngã sau đó ốm nặng, khi đó lão mới nhận ra hậu quả. Đ. viết di chúc và qua đời  - Đoạn trích “ Đánh nhau với cối xay gió” đã cho thấy một cách rõ nét tính cách của cặp nhân vật Đôn Ki -hô –tê  và Xan-chô Pan-xa. Cả hai đều có những điểm tốt và xấu. Đây là cặp nhân vật bất hủ mà tác giả đã góp vào văn học nhân loại |
| Hoạt động ôn tập: hoạt động nhóm (4 bạn 1 nhóm)  -HS làm bài và lên vẽ sơ đồ  -GV nhận xét. | Bài 2: Nêu nghệ thuật và nội dung chính của truyện bằng cách vẽ sơ đồ tư duy |

* Đáp án vẽ sơ đồ tư duy:

****

B. Luyện tập

*Bài 1: Nêu sự khác nhau giữa 2 nhân vật Đôn Ki-hô-tê và Xan-chô Pan-xac (Làm việc theo đơn vị bàn: thảo luận nhóm)*

* HS thảo luận nhóm, một hs đại diện trình bày
* GV nhận xét theo đáp án bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | ĐÔN KI-HÔ-TÊ | XAN- CHÔ PAN-XA |
| Về nguồn gốc và dung mạo | - Dòng dõi quí tộc  - Gỗy gò, cao lênh khênh, cưỡi con ngựa gầy nhom nên càng gầy | - Nguồn gốc nông dân  - Béo lùn, đặt bên cạnh Đôn Ki-hô-tê nên càng lùn |
| Về bản chất | - Có khát vọng cao cả, đánh nhau với cối xay gió vì nhầm tưởng là kẻ ác  - Luôn muốn giúp ích cho đời, không quản ngại hi sinh  - Bị mê muội và rơi vào hoang tưởng vì đọc quá nhiều sách vở | - Mong ước hết sức tầm thường  - Chỉ lo cho bản thân  - Tỉnh táo và luôn chú ý quyền lợi của chính mình |

***Bài 2: Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi sau: (Hoạt động cá nhân)***

*… Đêm hôm ấy, hai người ở dưới các vòm cây, và Đôn Ki-hô-tê bẻ một cành khô, rút cái mũi sắt ở chiếc cán gãy lắp vào làm thành ngọn giáo. Đôn Ki-hô-tê suốt đêm không ngủ để nghĩ tới nàng Đuyn-xi-nê-a của lão, bắt chước những hiệp sĩ lão từng đọc trong sách thức trắng nhiều đêm ròng ở trong rừng hoặc nơi hoang mạc liên tưởng nhớ tới tình nương. Xan-chô Pan-xa thì không thế, bởi vì dạ dày no căng toàn là rượu thịt, bác ngủ một mạch, và nếu như chủ không gọi, thì dù ánh nắng chiếu thẳng vào mặt, và vô số tiếng chim hót líu lo đón mừng một ngày mới có lẽ cũng không đủ để đánh thức bác. Vừa ngủ dậy, bác vớ ngay lấy bầu rượu, thấy nó nhẹ hơn tối hôm trước, nên buồn rầu vì xem chừng trên quãng đường này khó đào đâu ra ngay rượu để đổ vào cho đầy. Đôn Ki-hô-tê không muốn ăn sáng vì, như ta thường nói, chàng nghĩ đến người yêu cũng đủ no rồi.*

*(Xéc-van-tét, Đôn Ki-hô-tê, NXH Văn học. Hà Nội, 1983)*

a, Đoạn văn trên sử dụng phương thức biểu đạt nào?

b, **Đoạn văn sử dụng nghệ thuật chính gì để khắc họa hai nhân vật?**

c, **Ý nghĩa của đoạn trích “Đánh nhau với cối xay gió” của Xéc-van-tét nói lên điều gì?**

**d. Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về nhân vật Đôn-ki-hô-tê**

**Gợi ý:**

**a, Đoạn văn trên sử dụng phương thức tự sự kết hợp miêu tả.**

**b, Đoạn văn sử dụng nghệ thuật đối lập để khắc họa hai nhân vật**

c, Phê phán sự u mê, ảo tưởng của tầng lớp quý tộc phong kiến Tây Âu thời cận đại.

d, Đoạn văn đủ các ý:

+Giới thiệu tác phẩm, tác giả, nhân vật Đôn-ki-hô-tê.

+Cảm nhận nhân vật qua cử chỉ, hành động, suy nghĩ

+ Ta thây Đôn Ki-hô-tê vừa đáng thương vừa đáng giận, vừa kính trọng vừa đáng phê phán. Dũng cảm, dám xả thân vì nghĩa lớn nhưng hành động lại điên rồ, mù quáng. Qua đó phê phán sự u mê, ảo tưởng của tầng lớp quý tộc phong kiến Tây Âu thời cận đại.

Đoạn văn mẫu:

Đôn Ki-hô-tê của Xéc-van-téc (1547 – 1616) là một kiệt tác văn chương của thời đại Phục hưng. Tác phẩm đã ghi lại bao chiến tích của người hùng Đôn Ki-hô-tê mà đỉnh cao là cuộc phiêu lưu đánh nhau với cối xay gió. Sự ngông cuồng của hiệp sĩ Đôn Ki-hô-tê là đỉnh cao của sự mê muội. Cảnh đánh nhau với cối xay gió thật hóm hỉnh, hài hước. Nghệ thuật dựng cảnh và kể chuyện tài tình đã tái hiện một trận đánh thời Trung cổ. Ngôn ngữ cử chỉ, hành động của Đôn Ki-hô-tê cho thấy sự ngông cuồng và mụ mẫm đã lên tới cực độ! Nhà văn Xéc-van-tét đã sử dụng thủ pháp đối lập tương phản, phóng đại, trào lộng rất thành công để châm biếm các hiệp sĩ Tây Ban Nha thời Trung cô đã quá lỗi thời. Đằng sau nụ cười chế giễu là sự hóm hỉnh đề cao tình yêu tự do, công lí, lòng yêu đời… mang tính nhân văn. Ta thây Đôn Ki-hô-tê vừa đáng thương vừa đáng giận, vừa kính trọng vừa đáng phê phán. Dũng cảm, dám xả thân vì nghĩa lớn nhưng hành động lại điên rồ, mù quáng. Qua nhân vật đã thể hiện sự phê phán sự u mê, ảo tưởng của tầng lớp quý tộc phong kiến Tây Âu thời cận đại. Từ câu chuyện về chàng hiệp sĩ giang hồ ấy, hẳn mỗi chúng ta đều rút ra bài học về sự sáng suốt, suy nghĩ thực tế, chín chắn, hành động chính xác để không trở thành Đôn Ki-hô-tê thời hiện đại.

**III. Củng cố - Dặn dò**

\* Củng cố:

- Tiếp tục học và nắm vững đặc điểm của văn bản Đánh nhau với cối xay gió, kiến thức về văn tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm và từ loại: trợ từ, thán từ

- Giao bài tập về nhà:

Bài tập 1: Tìm và xác định ý nghĩa của trợ từ trong các câu sau:

**Những là** rày ước mai ao. (Nguyễn Du)

**Cái** bạn này hay thật.

**Mà** bạn cứ nói mãi điều mà tôi không thích làm gì vậy?

**Đích thị** là Lan được điểm 10 rồi

**Có thế** tôi mới tin mọi người.

Nó hát **những** mấy bài liền.

**Chính** các bạn đã giúp Lan học tốt.

Nó ăn mỗi bữa **chỉ** lưng bát cơm.

**Ngay cả** bạn thân, nó cũng ít tâm sự.

- Anh tôi toàn **những** lo là lo.

Bài tập 2. Viết dàn bài chi tiết kể về một kỉ niệm đáng nhớ nhất của em.

Bài tập 3*.Viết một đoạn văn cảm nhận về nhân vật Xanchô Panxa trong đoạn trích "Đánh nhau với cối xay gió".*

- Chuẩn bị bài sau:

CHỦ ĐỀ : TỪ LOẠI

- Tình thái từ

CHỦ ĐỀ: VĂN BẢN TỰ SỰ

- Luyện tập viết đoạn văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm

CHỦ ĐỀ : VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

- Chiếc lá cuối cùng

# **Buổi 8:**

**Tiết 1: TÌNH THÁI TỪ**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

- Khái niệm và các loại tình thái từ.

**2. Kỹ năng:** Biết cách sử dụng tình thái từ và sử dụng nhuần nhuyễn trong nói và viết.

- Dùng tình thái từ phù hợp với yêu cầu giao tiếp.

**3. Thái độ, phẩm chất:** Yêu thích từ tiếng Việt.

**4. Năng lực.**

+ Năng lực chung: năng lực hợp tác; giải quyết vấn đề; tự học; sáng tạo; sử dụng ngôn ngữ

+ Năng lực chuyên biệt: Năng lực tiếp nhận, sáng tạo, tự đánh giá, phê bình...

**II. Tiến trình lên lớp.**

**A. Hệ thống hóa lại các kiến thức đã học:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV-HS | Kiến thức cần đạt |
| ***GVHD HS hệ thống lại kiến thức về tình thái từ***  ***-GV yêu cầu học sinh đặt câu có tình thái từ***  ***?Nêu chức năng của tình thái từ***  -GV yêu câu học sinh thêm các tình thái từ khác nhau vào một câu cho sẵn để tạo câu nghi vấn, cảm thán….  Ví dụ:  Mẹ về.  Mẹ về đi!  Mẹ về nhé!  Mẹ về hả?  ? Để tạo câu nghi vấn ta dùng những từ nào? Cho ví dụ minh hoạ?  ?Thêm những từ nào vào để tạo câu cầu khiến?  ? Liệt kê những từ thêm vào câu để tạo câu cảm thán?  ?Tìm những từ thêm vào câu để tạo các kiểu câu biểu thị sắc thái tình cảm -> à, ư, hả, chứ, chăng...  ? Cách sử dụng tình thái từ ?  - GV HD HS phân biệt trợ từ, thán từ, tình thái từ  Giống nhau :  -Đều không thuộc từ loại chính  -Đều biểu thị tình cảm của người nói  Khác nhau :   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Từ loại | Trợ từ | Thán từ | Tình thái từ | | Vị trí trong câu | Thường đứng giữa câu | Thường đứng đầu câu | Thường đứng cuối câu | | Khả năng kết hợp | Không có khả năng độc lập tạo thành câu | Có khả năng tách ra tạo thành câu riêng biệt | Không có khả năng độc lập tạo thành câu | | **I. Hệ thống hóa kiển thức về tình thái từ :**  **1. Chức năng của tình thái từ:**  ***a. Chức năng:***  Tình thái từ là những từ được thêm vào câu để cấu tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán và để biểu thị các sắc thái tình cảm của người nói.  ***b. Phân loại:***  a. *Tình thái từ nghi vấn*: à, ư, hả, chứ chăng...  b. *Tình thái từ cầu khiến*: đi, nào, với, nhé, mà...  c. *Tình thái từ cảm thán*: thay, sao, thật...  d. *Tình thái từ biểu thị sắc thái tình cảm*: ạ, nhé, cơ, mà...  **2. Sử dụng tình thái từ:**  Khi nói, viết cần chú ý sử dụng tình thái từ phù hợp với hoàn cảnh giáo tiếp (quan hệ, tuổi tác, thứ bậc xã hội, mức độ tình cảm,...). |
|  | |

**B. Luyện tập.**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV-HS | Nội dung, yêu cầu cần đạt |
| - HS thực hiện:  - GV Hướng dẫn HS luyện tập  bài tập sách giáo khoa  Hình thức tổ chức luyện tập: chơi trò chơi, nhóm, cá nhân, cặp đôi...  Bt 1: GV chú ý hướng dẫn cho học sinh phân biệt được tình thái từ và những từ đồng âm nhưng không phải tình thái từ  Bài tập 2: Gv hướng dẫn học sinh làm trên phiếu học tập  **Bài tập 3**: Đặt câu với các tình thái từ:  **Bài tập 4:** Đặt câu hỏi có các tình thái từ nghi vấn phù hợp với những quan hệ xã hội sau:  **Bài tập 5:**   |  |  | | --- | --- | | Tình thái từ địa phương | Tình thái từ toàn dân | |  |  |   **Bài tập 6:**  Xây dựng tình huống đóng vai có sử dụng tình thái từ?  Học sinh đóng vai  **Bài tập 7:** Viết đoạn văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm kể kết thúc khác của truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng có sử dụng* các tình thái từ. | **II. LUYỆN TẬP**  **Bài tập 1**: Trong các câu dưới đây, từ nào ( trong các từ in đậm) là tình thái từ, từ nào không phải là tình thái từ?  a/ Em thích trường **nào** thì thi vào trường ấy.-> Đại từ phiếm chỉ  b/ Nhanh lên **nào** anh em ơi !-> Tình thái từ  c**/ Nào !** đi chơi !-> Thán từ gọi đáp.  d/ Cứu tôi **với !->** Tình thái từ  e/ Nó đi chơi **với** bạn từ sáng.-> Quan hệ từ  g/ Em phải cố gắng học **thôi!->** **Tình thái từ**  h/ Em bé đã **thôi** khóc.->Động từ  i/ Con cò đậu ở đằng **kia.-> chỉ từ**  **k/** Nó thích hát dân ca Nghệ Tĩnh **kia.-> Tình thái từ**  **Bài tập 2:** Giải nghĩa từ in đậm:  a) **chứ** -> nghi vấn, hỏi điều ít nhiều đã khẳng định.  b) **chứ:** nhấn mạnh điều vừa khẳng định.  c) **ư:** hỏi với thái độ phân vân  d) **nhỉ:**  hỏi với thái độ thân mật.  e) **nhé:** dặn dò với thái độ thân mật  **g) vậy:** thể hiện thái độ miễn cưỡng.  h) **cơ mà :** thể hiện thái độ thuyết phục  **Bài tập 3**: Đặt câu với các tình thái từ:  -Con thích được tặng cái cặp ***cơ***!  - Thôi đành ăn cho xong ***vậy*** !  - Em chỉ nói vậy để anh biết ***thôi*** !  - Nó là học sinh giỏi ***mà*** !  **Bài tập 4**: Đặt câu hỏi có các tình thái từ nghi vấn phù hợp với những quan hệ xã hội sau:  **Học sinh với thầy, cô giáo**  -Thưa cô! Có phải bài này không **ạ**?  **Bạn nam với bạn nữ cùng lứa tuổi**  Bạn có nhớ mang theo thước kẻ không ***đấy*** ?  **Con với bố mẹ , chú , bác, ông, bà…**  Bà cần nước phải không ***ạ?***  **Bài tập 5:**   |  |  | | --- | --- | | Tình thái từ địa phương | Tình thái từ toàn dân | | Nhá  Rứa | Nhé  Thế |   **Bài tập 6:**  Xây dựng tình huống đóng vai có sử dụng tình thái từ?  **Bài tập 7:** V**iết đoạn văn có sử dụng**các tình thái từ.  Những chiếc lá vàng chao nghiêng bên thềm xào xạc , những cơn gió heo may mang theo chút se lạnh chợt nhận ra mùa thu đang thỏ thẻ trở về. **Thu về thật đấy ư?(tình thái từ).**Vào ngày này năm ngoái trời vẫn hanh hao với nắng hè, với những chú ve kêu râm ran …. Vậy mà năm nay mùa thu đã sớm gõ cửa. Những chòm mây mùa hạ đang nhường lối cho nàng thu đi qua. Dưới cái nắng vàng nhạt dường như lòng người cũng bâng quơ, xao xuyến hơn. Mùa thu cũng là mùa tựu trường, mùa xây dệt những ước mơ, kế hoạch cho một năm học mới. Thu về các bạn có vui **không**? **(tình thái từ).** |

**III. Củng cố, dặn dò**

- Nắm chắc các kiến thức đã học

\* Dặn dò: Chuẩn bị bài cho tiết học sau: **LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN TỰ SỰ KẾT HỢP MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM**

**Ngày soạn: 08/08/2020**

**Ngày dạy:**

**Tiết 2:LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN TỰ SỰ**

**KẾT HỢP MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM**

**I. Mục tiêu cần đạt.**

**1. Kiến thức:**

- Vận dụng kiến thức về miêu tả và biểu cảm trong văn bản tự sự, thực hành viết đoạn văn.

**2. Kĩ năng:** Viết đoạn văn, bài văn tự sự kết hợp các yếu tố miêu tả và biểu cảm.

**3. Phẩm chất, thái độ:** Yêu thích văn tự sự có yếu tố miêu tả, biểu cảm

**4. Năng lực:**

+ Năng lực chung: năng lực hợp tác; giải quyết vấn đề; tự học; sáng tạo; sử dụng ngôn ngữ

+ Năng lực chuyên biệt: Năng lực tiếp nhận, sáng tạo, tự đánh giá, phê bình...

**II. Tiến trình lên lớp:**

**A. Hệ thống hóa kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GVHD HS tìm hiểu quy trình xây dựng đoạn văn tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm:  **? Theo em, những yếu tố cần thiết để xây dựng đoạn văn tự sự là gì?**  -> nhân vật và sự việc chính.  **? Vai trò của yếu tố miêu tả và biểu cảm trong đoạn văn tự sự là như thế nào?**  -> làm cho sự việc trở nên dễ hiểu, sinh động; nhân vật trở nên gần gũi.  **? Theo em, quy trình xây dựng đoạn văn tự sự gồm mấy bước?**  GV chia HS thảo luận theo nhóm bàn  - Các nhóm trình bày đoạn văn vừa xây dựng, học sinh khác nhóm nhận xét. | **I. Quy trình xây dựng đoạn văn tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm:**  ***Gồm 5 bước:***  *Bước 1*: Lựa chọn sự việc và nhân vật chính.  *Bước 2*: Xác định ngôi kể.  *Bước 3*: Định hướng thứ tự kể.  *Bước 4*: Xác định yếu tố miêu tả và biểu cảm.  *Bước 5*: Viết thành đoạn văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm. |

**B. Hoạt động luyện tập.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **- GV Hướng dẫn HS luyện tập**  **Bài tập 1:** Đóng vai ông giáo và viết một đoạn văn kể lại giây phút lão Hạc sang báo tin bán chó với vẻ mặt và tâm trạng đau khổ:  Gv chia học sinh ra 3 nhóm thực hiện viết đoạn văn tự sự trong 4 phút.  **Bài tập 2: Đối chiếu đoạn văn của Nam Cao với đoạn văn h/s tự làm:**  GV HD HS đối chiếu đoạn văn của Nam Cao với đoạn văn h/s tự làm  **Bài tập 3:** **Đóng vai ông giáo và viết một đoạn văn tự sự kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm kể lại giây phút lão Hạc sang báo tin bán chó với vẻ mặt và tâm trạng đau khổ trong đó có sử dụng tình thái từ.** | **II. Luyện tập:**  **Bài tập 1: Đóng vai ông giáo và viết một đoạn văn kể lại giây phút lão Hạc sang báo tin bán chó với vẻ mặt và tâm trạng đau khổ:**  *Hôm sau, lão Hạc sang nhà tôi chơi. Vừa trông thấy tôi lão ngay rằng đã bán con chó Vàng đi rồi. Trông lão buồn lắm mặc dù lão cố làm ra vẻ vui bởi lão cười như mếu và muốn khóc. Tôi ái ngại cho lão quá nên hỏi cho qua chuyện về việc bán chó, không ngờ động vào nỗi đau của lão làm lão khóc hu hu như một đứa con nít.*  **Bài tập 2: Đối chiếu đoạn văn của Nam Cao với đoạn văn h/s tự làm:**  Đoạn trích “Lão Hạc”: “Hôm sau... hu hu khóc”.  Đoạn văn của Nam Cao đã kết hợp các yếu tố miêu tả và biểu cảm:  -Sự việc trong đoạn văn của Nam Cao rất đơn giản, chỉ là việc lão Hạc báo tin đã bán cậu Vàng cho ông giáo biết, nhưng NC đã lồng vào đó yếu tố miêu tả và biểu cảm rất đậm nét: Đó là việc ông tập trung tả lại chân dung đau khổ của Lão Hạc với những chi tiết rất độc đáo nụ cười như mếu, mắt lão ầng ậng nước, mặt lão đột nhiên co rúm lại, những vết nhăn xô lại, cái đầu lão ngoẹo một bên, cái miệng móm mém mếu như con nít. Lão hu hu khóc.  -Những yếu tố miêu tả và biểu cảm đã giúp NC khắc sâu vào lòng người đọc một LH khắc khổ về hình dáng bên ngoài và đặc biệt thể hiện rất sinh động sự đau đớn về tinh thần của một người trong giây phút ân hận, xót xa vì trót lừa một con chó.  **Bài tập 3:** **Đóng vai ông giáo và viết một đoạn văn tự sự kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm kể lại giây phút lão Hạc sang báo tin bán chó với vẻ mặt và tâm trạng đau khổ trong đó có sử dụng tình thái từ.**  *Hôm sau, lão Hạc sang nhà tôi chơi. Nhìn thấy dáng vẻ thất thểu, gương mặt méo xệch của lão tôi đã dự đoán có chuyện không hay. Vừa trông thấy tôi lão báo ngay rằng lão đã bán con chó Vàng đi rồi. Lão bán nó thật ư?Tôi có tin được không? Lão đã nhiều lần nói với tôi ý định đó cơ mà? Trông lão buồn lắm. Mặt lão co rúm lại, những vết nhăn xô lại, cái đầu ngoẹo một bên, cái miệng móm mém mếu như con nít. Lão hu hu khóc. Nhìn thấy lão mà tôi thương quá. Thương cho một lão nông hiền lành, lương thiện mà chẳng biết làm thế nào. Tôi hỏi cho qua chuyện và an ủi lão.* |

**III. Củng cố, dặn dò**

- Nắm chắc các kiến thức đã học

\* Dặn dò: Chuẩn bị bài cho tiết học sau: **CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG**

**Ngày soạn: 08/08/2020**

**Ngày dạy:**

***Tiết 3* CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG**

**O’ Hen- ry**

**I.Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức:**

- Nhân vật, sự kiện, cốt chuyện trong một tác phẩm truyện ngắn hiện đại Mĩ.

- Lòng cảm thông, sự sẻ chia giữa những nghệ sĩ nghèo.

- Ý nghĩa của tác phẩm nghệ thuật vì cuộc sống của con người.

**2. Kĩ năng:**- Vận dụng kiến thức về sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm tự sự để đọc – hiểu tác phẩm.

- Phát hiện, phân tích đặc điểm nổi bật về nghệ thuật kể chuyện của nhà văn.

- Cảm nhận được ý nghĩa nhân văn sâu sắc của truyện.

**3. Phẩm chất, thái độ:** Biết yêu thương, hy sinh vì người khác.

**4. Năng lực:**

+ Năng lực chung: năng lực hợp tác; giải quyết vấn đề; tự học; sáng tạo; sử dụng ngôn ngữ

+ Năng lực chuyên biệt: Năng lực tiếp nhận; cảm xúc thẩm mĩ; cảm thụ chi tiêt NT; tự đánh giá ;năng lực phê bình; giao tiếp

**II. Tiến trình lên lớp :**

**A. Hệ thống kiến thức bài học (10 - 15 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV-HS | Kiến thức cần đạt |
| **GV hướng dẫn học sinh hệ thống kiến thức đã học**  **? Hãy nêu những hiểu biết của em về tác giả O Hen-ri? Tác phẩm của ông nổi bật ở điểm nào?**  **? Hãy nêu những hiểu biết của em về văn bản *Chiếc lá cuối cùng*?** (xuất xứ, thể loại, phương thức biểu đạt chính, ngôi kể:)  ? Tóm tắt văn bản  **GV hướng dẫn học sinh hệ thống các nhân vật**  **1/ Nhân vật Giôn-xi**  **? Qua phần trích em biết gì về cảnh ngộ, tâm trạng, của Giôn-xi?**  **? Nguyên nhân nào làm Giôn-xi khỏi bệnh? Việc đó nói lên điều gì**  **2/ Nhân vật Xiu**  **Xiu được giới thiệu ntn ?Thái độ và việc làm của Xiu dành cho Giôn xi?Nhận xét về tình cảm của Xiu dành cho Giôn xi?**  GV cho học sinh liên hệ về tình bạn trong cuộc sống và ý nghĩa của nó.  **3/ Nhân vật Bơ- men**  **? Đọc kĩ văn bản , em hãy cho biết cụ Bơ- men được giới thiệu như thế nào, cụ đã làm gì và qua đó cho thấy cụ là người như thế nào?** | **I- Tìm hiểu chung:**    **1. Tác giả:**  **2. Tác phẩm:**  **3.Tóm tắt văn bản:**    **II. Các nhân vật:**  **1. Nhân vật Giôn-xi:** sống trong một căn hộ thuê ở Oa-sinh-tơn, bị bệnh viêm phổi,tuyệt vọng, chờ đợi chiếc lá thường xuân rụng, chờ đợi cái chết đến với mình.  🡢 Bi quan trước bệnh tình.  **– Sự hồi sinh:**  Sự gan góc của chiếc lá.  🡢 Sức mạnh của tinh thần.  - **Nguyên nhân trực tiếp:**  - **Nguyên nhân sâu xa:**  **2.Nhân vật Xiu.**  **-** Sợ hãi nhìn những chiếc lá thường xuân **...**  **-** Lo lắng, chăm sóc, động viên Giôn-xi    **=>** Yêu thương, tận tình, chăm sóc bạn chu đáo.  **3. Cụ Bơ-men và *“Chiếc lá cuối cùng”***  **\* Cụ Bơ- men:**  - Họa sĩ nghèo, đã ngoài 60 tuổi  - Vẽ tranh quảng cáo và làm mẫu vẽ, mơ ước vẽ một kiệt tác nhưng 40 vẫn chưa thực hiện được.  + **Tình cảm, việc làm của cụ Bơ- men: n**hìn lá rụng, sợ sệt vì lo lắng cho Giôn- xi.  - Bí mật vẽ chiếc lá trong đêm mưa tuyết, bị sưng phổi rồi qua đời sau 2 ngày.  ***->Người có lòng nhân ái, tâm hồn cao thượng, sẵn sàng hi sinh thân mình để giúp đỡ người* *khác.*** |

**B. Hoạt động luyện tập:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV-HS | Kiến thức cần đạt |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: chơi trò chơi, nhóm, cá nhân, cặp đôi...  - HS thực hiện  **Bài tập 1: Vẽ sơ đồ khái quát nội dung câu chuyện?**  **?Tại sao Xiu lại gọi bức họa chiếc lá cuối cùng là một kiệt tác?**  **? Chứng minh truyện được kết thúc trên cơ sở 2 sự kiện bất ngờ đối lập nhau tạo nên hiện tượng đảo ngược tình huống 2 lần? Tác dụng của việc đảo ngược tình huống 2 lần?**  **? Qua truyện, em hiểu được gì về tình cảm của con người và vai trò của nghệ thuật chân chính?**  - Tình yêu thương cao cả giữa những người nghèo khổ  - Nghệ thuật chân chính là nghệ thuật của tình yêu thương, vì sự sống của con người.  **? Qua sự việc này, em có thể rút ra bài học gì cho bản thân? ? Liên hệ trong đời sống hiện tại?**  **?“ Chiếc lá cuối cùng’’ nhà văn O, Hen-ri muốn gửi đến bạn đọc nhiều thế hệ một bức thông điệp màu xanh. Vậy theo em bức thông điệp ấy là gì?** | **Bài tập 1: Vẽ sơ đồ khái quát nội dung câu chuyện?**  **Bài tập 2:**  **Kiệt tác chiếc lá cuối cùng.**  *- Kiệt tác nghệ thuật: Là một TP nghệ thuật có giá trị tư tưởng và nghệ thuật rất cao, đem lại khoái cảm thẩm mĩ cho người nghe, đọc*  - Được vẽ như thật, trong điều kiện rất khắc nghiệt: đêm tối, giá lạnh...  - Có giá trị nhân sinh cao: góp phần cứu sống một con người.  đem lại sự sống và niềm tin cho Giôn - xi.  -Vẽ bằng chất liệu đặc biệt: Tình yêu thương và đức hi sinh cao cả  **3.Chứng minh truyện được kết thúc trên cơ sở 2 sự kiện bất ngờ đối lập nhau tạo nên hiện tượng đảo ngược tình huống 2 lần? Tác dụng của việc đảo ngược tình huống 2 lần?**  - Nghệ thuật đảo ngược tình huống hai lần tạo nên sức hấp dẫn cho thiên truyện.,.  - Đảo ngược tình huống 2 lần.  *+ Giôn-xi cứ ngày một tiến dần đến cái chết khiến độc giả thương cảm, lo lắng. Nhưng tình huống bỗng đảo ngược vào lúc truyện gần kết thúc, Giôn-xi trở lại với lòng yêu đời, bệnh tình thoát cơn nguy hiểm và độc giả thở phào, trút được gánh nặng lo âu  đảo ngược tình huống.*  *+ Cụ Bơ-men đang khoẻ mạnh, chẳng ai ngờ đến cái chết của cụ được thông báo cũng vào lúc truyện gần kết thúc.*  **4.Ý nghĩa, thông điệp, bài học rút**  -Chiếc lá cuối cùng là câu chuyện cảm động về tình yêu thương giữa những người nghệ sĩ nghèo.Qua đó, tác giả thể hiện quan niệm của mình về mục đích của sáng tạo nghệ thuật.  -***-> Con người cần sống có tình yêu thương! Hãy đem nghệ thuật dể phục vụ đời sống con người.***  ***-****\* Bài học: chữa bệnh bằng nghị lực, tình yêu cuộc sống, đấu tranh với bệnh tật và chiến thắng bệnh tật. Tất nhiên cần kết hợp với thuốc men, nghỉ ngơi, điều dưỡng...*  *\* Liên hệ với 1 cô giáo bằng nghị lực đã sống chung với AISD* |

**Đề bài**

**PHẦN I. ĐỌC - HIỂU: *(2,50 điểm)***

Đọc đoạn văn dưới đây và trả lời các câu hỏi:

 ... “*Chị có chuyện này muốn nói với em, con chuột bạch của chị”, cô nói, “Cụ Bơ-men đã chết vì sưng phổi hôm nay ở bệnh viện rồi. Cụ ốm chỉ có hai ngày. Buổi sáng ngày thứ nhất, bác gác cổng thấy cụ ốm nặng trong căn phòng của cụ ở tầng dưới. Giày và áo quần của cụ ướt sũng và lạnh buốt. Chẳng ai hình dung nổi cụ đã ở đâu trong một đêm khủng khiếp như thế. Nhưng rồi người ta tìm thấy một chiếc đèn bão vẫn còn thắp sáng và một chiếc thang đã bị lôi ra khỏi chỗ để của nó, và vài chiếc bút lông rơi vung vãi, và một bảng pha màu có màu xanh và màu vàng trộn lẫn với nhau, và - em thân yêu ơi, em hãy nhìn ra ngoài cửa sổ, nhìn chiếc lá thường xuân cuối cùng ở trên tường. Em có thấy làm lạ tại sao chẳng bao giờ nó rung rinh hoặc lay động khi gió thổi không? Ồ, em thân yêu, đó chính là kiệt tác của cụ Bơ-men, - cụ vẽ nó ở đấy vào cái đêm chiếc lá cuối cùng đã rụng.”*

**Câu 1:** Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? tác giả là ai?  *(0,5đ)*

**Câu 2:** Hãy nêu nội dung chính của đoạn trích ? *(1,0đ)*

**Câu 3**: Tại sao tác giả không để Giôn- xi nói gì sau khi nghe Xiu nói về cái chết của cụ Bơ- men? (0,5 đ)

**Câu 4:** Tìm ít nhất 1 thán từ, 1 trợ từ, 1 tình thái từ trong đoạn trích ? (1,5 đ)

**Câu 5:** Kết thúc truyện, nhân vật Xiu đã nói với Giôn-xi: “*Ồ, em thân yêu, đó chính là kiệt tác của cụ Bơ-men, - cụ vẽ nó ở đấy vào cái đêm chiếc lá cuối cùng đã rụng.”*Hãy viết một đoạn văn ngắn (không quá 10 dòng), lý giải vì sao có thể nói *chiếc lá cụ Bơ-men vẽ là một kiệt tác. (1,5 đ)*

**II. Phần Tập làm văn: *(5,00 điểm)***

Kể câu chuyện cảm động về tình yêu thương trong cuộc sống mà em biết. ( chú ý có yếu tố miêu tả, biểu cảm)

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHẦN** | **ĐÁP ÁN** | **ĐIỂM** |
| **I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN ( 5 đ)** | **Câu 1.**  - Tác phẩm: Chiếc lá cuối cùng  - Tác giả: O Hen-ry | **0,25đ**  **0,25 đ** |
| **Câu 2:**  - Nội dung chính: Cái chết của cụ Bơ-men và kiệt tác cụ để lại cứu sống Giôn-xi | 1.0 đ |
| **Câu 3:** Tác giả không để Giôn- xi nói gì sau khi nghe Xiu nói về cái chết của cụ Bơ- men:   * Kết thúc mở để lại nhiều dư âm và dự đoán trong lòng người đọc. | 0.5 đ |
|  |  |
| **Câu 4:**hs xác định đươc:   * Thán từ: ôi * Trợ từ: chỉ * Tình thái từ: không | 1,5 đ |
| **Câu 5: Hs viết đoạn văn hoàn chỉnh dựa trên các ý sau**  Chiếc lá cuối cùng là một kiệt tác bởi:  - Chiếc lá vẽ giống y như thật, khiến cả hai họa sĩ là Giôn-xi và Xiu cũng không nhận ra.  - Chiếc lá được vẽ bằng tình cảm yêu thương chân thành cụ Bơ-men dành cho Giôn-xi  - Chiếc lá là kiệt tác còn bởi nó đã mang lại niềm hi vọng, cứu sống một mạng người. | 1,5 đ |
| **II.TẠO LẬP VĂN BẢN: 5 đ** | ***Kể câu chuyện cảm động về tình yêu thương trong cuộc sống mà em biết. ( chú ý có yếu tố miêu tả, biểu cảm)*** | 5 đ |
|  | **1. Yêu cầu chung**  - Bài làm phải được tổ chức thành bài làm văn tự sự hoàn chỉnh.  - Biết vận dụng kĩ năng tự sự kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm để trình bày  - Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt trôi chảy, hạn chế lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp, diễn đạt,... |  |
| **2. Yêu cầu cụ thể**  ***a) Đảm bảo các phần của bài văn tự sự:*** Trình bày đầy đủ bố cục 3 phần: *mở bài, thân bài, kết bài.( chú ý bố cục phần thân bài phải cụ thể)* | 0.5đ |
| ***b) Xác định đúng đối tượng câu chuyện được kể: Kể câu chuyện cảm động về tình yêu thương trong cuộc sống mà em biết. ( chú ý có yếu tố miêu tả, biểu cảm)*** | 0.5đ |
| ***c) Viết bài:*** Trên cơ sở những kiến thức đã được học về kiểu bài văn tự sự, học sinh có thể tổ chức bài làm theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đáp ứng được những ý cơ bản sau:  \* Mở bài:- Giới thiệu về câu chuyện cảm động của em hoặc em được chứng kiến của ai đó.  *\* Thân bài:*  - Hoàn cảnh xảy ra sự việc?  - Sự việc bắt đầu như thế nào?  - Diễn biến sự việc đó ra làm sao?  - Sự việc kết thúc như thế nào?  - Chú ý kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm.  *\* Kết bài:*  - Nêu suy nghĩ của em về câu chuyện đó .  (Tự hào, về việc làm của mình, học tập việc làm của người khác)  - Cố gắng trau dồi bản thân | 0.5  2 đ  0.5đ |
| ***d) Sáng tạo:*** Có lời văn tự sự hay, sinh động, biết cách xây dựng bài văn tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm | 0.5đ |
| ***e) Chính tả, dùng từ, đặt câu:*** Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. | 0.5đ |

**III. Củng cố, dặn dò:**

- Nắm chắc bài học

- Dặn dò

- Giao bài tập về nhà: làm phần tập làm văn hoàn chỉnh thành bài viết

\* Chuẩn bị bài cho tiết sau:

**CHỦ ĐỀ : VĂN BẢN TỰ SỰ**

**- Lập dàn ý cho bài văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm. Hướng dẫn Viết bài TLV số 2.**

**CHỦ ĐỀ : VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI**

**- Hai cây phong**

**BUỔI 9**

*Ngày soạn: ……*

*Ngày dạy: …….*

**Tiết 1: VĂN BẢN TỰ SỰ**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

- Cách lập dàn ý bài văn tự sự: MB, TB, KB có kết hợp với m.tả và b.c.

- Tác dụng của các yếu tố đó trong việc lập dàn ý.

**2. Kĩ năng:**

- Xây dựng bố cục, sắp xếp các ý cho bài văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.

- Viết 1 bài văn ngắn ( khoảng 450 chữ) có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm.

**3. Thái độ:** Tích cực học tập và viết văn tự sự kết hợp miêu tả biểu cảm.

**4. Định hướng năng lực phẩm chất.**

***- Năng lực chung:*** Giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ.

***- Năng lực chuyên biệt:*** Phát triển năng lực tự học, năng lực hợp tác và tư duy sáng tạo.

***- Phẩm chất:*** Chăm chỉ, tự tin

**II. Tiến trình lên lớp**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV hệ thống hóa KT phần văn tự sự:  ? Nhắc lại dàn ý của bài văn tự sự?  Nêu nhiệm vụ mỗi phần?  ? Dàn ý của bài văn t.sự kết hợp với m.tả và b.c giống và khác b.văn tự sự thông thường ở chỗ nào ?   * HS thảo luận trả lời : * GV chốt lại KT : | **I. Dàn ý bài văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.**  **\* Dàn ý của bài văn tự sự:** 3 phần  **\* Nhiệm vụ của mỗi phần:**  + MB: Giới thiệu sự việc, nhân vật và tình huống xảy ra câu chuyện (có thể nêu kết quả, số phận của nhân vật trước)  + TB: kể lại diễn biến câu chuyện theo 1 trình tự nhất định. Trong khi kể, kết hợp miêu tả người, sự việc, thể hiện tình cảm, thái độ của người viết.  - KB: Nêu kết cục và cảm nghĩ của người trong cuộc.  ***\* Miêu tả trong văn tự sự:***  - Miêu tả không chỉ làm nổi bật ngoại hình mà còn có thể khắc hoạ nội tâm nhân vật, làm cho chuyện kể trở nên đậm đà, lí thú.  -Trong văn tự sự thường có 4 yếu tố miêu tả đan xen vào các tình tiết theo diễn biến của câu chuyện:  +Miêu tả cảnh vật- không gian nghệ thuật và thời gian nghệ thuật ( Dế Mèn phiêu lưu kí - đoạn miêu tả vùng cỏ may, võ đài diễn ra cuộc thì đấu giữa Trũi và Mèn)  +Miêu tả ngoại hình nhân vật ( Miêu tả Dế Mèn)  +Miêu tả hành động nhân vật: ( hành động của tên cai lệ và người nhà lí trưởng, hành động của chị Dậu…)  +Miêu tả tâm lí, tâm trạng nhân vật (tâm trạng nhân vật chị Dậu trong cảnh bán con)  ***\* Biểu cảm trong văn tự sự:***  - Trong văn tự sự, ngoài các yếu tố tình tiết, yếu tố miêu tả cảnh vật, nhân vật… còn có yếu tố biểu cảm. Những yếu tố biểu cảm (vui, buồn, giận, hờn, lo âu, mong ước, hi vọng, nhớ thương….) luôn luôn hoà quyện vào cảnh vật, sự việc đang diễn ra, đang được nói đến.  - Các yếu tố biểu cảm trong văn tự sự thường được biểu hiện qua 3 dạng thức sau đây:  + Tự thân cảnh vật, sự việc diễn biến mà cảm xúc tràn ra, thấm vào lời văn, trang văn do người đọc cảm nhận được.  + Cảm xúc được bày tở, được biểu hiện qua các nhân vật, nhất là qua ngôi kể thứ nhất.  - Cảm xúc được tác giả bày tỏ trực tiếp. Đó là đoạn trữ tình ngoại đề mà ta thường bắt gặp trong một số truyện. |

***B. Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 1**  - Hình thức : Cá nhân  - Gv giao nhiệm vụ:  ***? Nêu vai trò của các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong văn tự sự.*** | **Bài tập 1:**  - Yếu tố miêu tả và biểu cảm trong văn tự sự có tác dụng làm cho đoạn văn, bài văn tự sự hấp dẫn, có cảm xúc hơn; khắc họa được tâm trạng của nhân vật. |
| **Bài tập 2:** Tìm một số đoạn văn tự sự ( hoặc GV chỉ định) có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm trong các văn bản đã học? Nêu giá trị biểu đạt cảu các yếu tố ấy?  ***- Hình thức: nhóm.***  ***- GV giao nhiệm vụ: Chia lớp 4 nhóm***  + Nhóm 1: VB Tôi đi học (Thanh Tịnh)  + Nhóm 2: VB Tức nước vỡ bờ (N.T.Tố)  + Nhóm 3: VB Lão Hạc (Nam Cao)  + Nhóm 4: VB Cô bé bán diêm - An-đéc-xen  - HS thảo luận, chỉ ra các yếu tố miêu tả, biểu cảm.  - GV chốt  **\* Lưu ý:** HS có thể tìm đủ hết các yếu tố hoặc gần hết các yếu tố. | **Bài tập 2:**  Một số đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm trong các văn bản đã học **- Nhóm 1: VB Tôi đi học - Thanh Tịnh:** “Hằng năm cứ vào cuối thu lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc ***(yếu tố tả),*** lòng tôi lại náo nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường ***(yếu tố kể và biểu cảm).*** Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như những cánh hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng ***(yếu tố kể, tả và biểu cảm)”.***  **- Nhóm 2: VB Tức nước vỡ bờ - Ngô Tất Tố** Thằng Dần vục đầu vừa thổi vừa húp xoàn xoạt. Chị Dậu rón rén bưng một bát lớn đến chỗ chồng nằm. ***(yếu tố miêu tả)***  **- Nhóm 3: VB Lão Hạc - Nam Cao** “Khốn nạn... ông giáo ơi!... ***(yếu tố biểu cảm).*** Nó có biết gì đâu! Nó thấy tôi gọi thì chạy ngay về, vẫy đuôi mừng. Tôi cho nó ăn cơm ***(yếu tố kể).*** Nó đang ăn thì thằng Mục nấp trong nhà, ngay đằng sau nó, tóm lấy hai cẳng sau nó dốc ngược lên. Cứ thế là thằng Mục với thằng Xiên, hai thằng chúng nó chỉ loay hoay một lúc đã trói chặt cả bốn chân nó lại ***(yếu tố kể).*** Bấy giờ cu cậu mới biết là cu cậu chết ***(yếu tố kể)...*** Này! Ông giáo ạ***! (yếu tố biểu cảm)*** Cái giống nó cũng khôn! ***(yêu tố biểu cảm)***. Nó cứ làm in như nó trách tôi; nó ”kêu ư ử, nhìn tôi, như muốn bảo tôi rằng: “A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này à? (yếu tố kể). Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó, nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó ***(yếu tố biểu cảm)."***  - **Nhóm 4: VB Cô bé bán diêm - An-đéc-xen** Thật là dễ chịu! ***(yếu tố biểu cảm).*** Đôi bàn tay em hơ trên ngọn lửa; bên tay cầm diêm, ngón cái nóng bỏng lên ***(yếu tố tả).*** Chà! Khi tuyết phủ kín mặt đất, gió bấc thổi vun vút mà được ngồi hàng giờ như thế, trong đêm đông rét buốt, trước một lò sưởi, thì khoái biết bao! ***(yếu tố kể và biểu cảm)”.*** |

**Tiết 2: VĂN BẢN: HAI CÂY PHONG**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

- Vẻ đẹp và ý nghĩa hình ảnh hai cây phong trong đoạn trích.

- Sự gắn bó của người hoạ sĩ với quê hương, với thiên nhiên và lòng biết ơn người thầy Đuy-sen.

**2. Kĩ năng:**

- Cảm thụ vẻ đẹp sinh động, giàu sức biểu cảm của các hình ảnh trong đoạn trích “ Hai cây phong”.

**3. Thái độ:**  Nhớ những kỉ niệm thời thơ ấu của mình.

**4. Định hướng năng lực phẩm chất.**

***- Năng lực chung:*** Giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ.

***- Năng lực chuyên biệt:*** Phát triển năng lực tự học, năng lực hợp tác và tư duy sáng tạo.

***- Phẩm chất:*** Chăm chỉ, yêu quê hương.

**II. Tiến trình lên lớp**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học:***

|  |  |
| --- | --- |
| ? Cho biết đôi nét về tác giả, tác phẩm?  ? Khái quát những thành công về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích?  - HS trình bày. | **II. Văn bản *Hai cây phong*:**  ***a. Tác giả:***  - Ai-ma-tốp (sinh năm 1928) là nhà văn Cư-rơ-gư -xtan, một nước cộng hòa vùng Trung Á, thuộc Liên Xô trước đây. Ông được dư luận đánh giá cao khi xuất bản tác phẩm đầu tay Gia-mi-li- a vào năm 1958. *Tập Núi đồi và thảo nguyên* (1961) gồm 3 truyện: *Người thầy đầu tiên, cây phong non trùm khăn đỏ, Mắt lạc đà* , đã được trao giải thưởng Lê -nin. Ông còng là tác giả của nhiều tác phẩm nổi tiếng khác…  **b. Khái quát những thành công về nội dung và nghệ thuật của truyện :**  ***\* Nghệ thuật***:   * Lựa chọn ngôi kể, người kể tạo nên hai mạch kể lồng ghép độc đáo * Sự kết hợp giữa miêu tả, biểu cảm với ngòi bút đậm chất hội họa, truyền sự rung cảm đến người đọc * Nghệ thuật nhân hóa với những liên tưởng tác bạo đầy chất thơ tại nên sức hấp đẫn cho văn bản. Giọng văn trữ tình, say mê truyền cảm.   ***\* Nội dung:***   * Đoạn trích miêu tả hai cây phong với ngòi bút sắc bén đậm chất hội hoajvaf đong đầy cảm xúc. Qua đó truyền cho chúng ta tình yêu quê hương da diết và niềm xúc động đặc biệt vì hai cây phong gắn với câu chuyện về người thầy- người đã vun trồng những ước mơ cho những đứa học trò của mình. |

***B. Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 3**  - Hình thức tổ chức: Nhóm – cặp đôi  - GV giao nhiệm vụ:  ? Những đặc điểm gì của hai cây phong khiến người kể chuyện luôn nhớ và mong ước được trở về bên nó để lắng nghe tiếng lá reo cho đến khi say sưa ngây ngất?   * Hs thảo luận cặp đôi trả lời * Đại diện nhóm phát biểu ý kiến   GV chốt | **Bài tập 3:**  Hai cây phong hiện lên qua hai vẻ đẹp chính : + Chúng có tiếng nói riêng và hẳn phải có một tâm hồn riêng, chan chứa những lời ca êm dịu ( DC: SGK);  + Hai cây phong trên đồi cao, khi bọn trẻ trèo lên đó, một thế giới đẹp đẽ vô ngần …..> hai cây phong chính là hiện thân cho những gì đẹp đẽ nhất của tuổi thơ: bí ẩn, tràn đầy rung động tinh tế, khát khao….. |
| **Bài tập 4**  - Hình thức tổ chức: Nhóm  - GV giao nhiệm vụ: GV chia 4 nhóm  ? Ý nghĩa nhan đề Hai cây phong của Ai-ma-tốp   * Hs thảo luận nhóm trả lời * Đại diện nhóm phát biểu ý kiến   GV chốt | **Bài tập 4:**  - Hai cây phong là hình ảnh tuyệt mĩ và là kí ức sâu sắc của tuổi thơ hiện lên qua dòng hồi tưởng tràn đầy cảm xúc yêu thương. Thông qua việc miêu tả vẻ đẹp của hai cây phong, tác giả ca ngợi quê hương yêu dấu.  - Hai cây phong đẹp như những cây thần trong cổ tích. Theo dòng hồi tưởng miên man, kỉ niệm gắn liền với hai cây phong dần dần hiện lên rõ ràng, tươi mới như vừa xảy ra hôm qua. Những lúc được vui chơi cùng cây là những khoảnh khắc vui sướng, hạnh phúc của tuổi thơ.  - Cuối tác phẩm, tác giả đã giải thích nguồn gốc của hai cây phong bằng một câu chuyện cảm động gắn liền với tình thầy trò thắm thiết. Cách đây bốn mươi năm, chính thầy Đuy-sen đã đem hai cây phong về trồng trên đồi này và thầy đã gửi gắm ở hai cây phong non hi vọng của mình vào những đứa trẻ nghèo khổ, thất học như An-tư-nai sau này sẽ trở thành những người hữu ích. Thầy Đuy-sen đã gieo những hạt giống ước mơ vào tâm hồn non trẻ.  - Hai cây phong đầu làng qua bao năm tháng đã thầm lặng góp phần cùng người thầy đầu tiên biến ước mơ thành hiện thực. |

**Tiết 3: *Luyện tập chung – Hướng dẫn viết bài TLV số 2***

GV đưa ra hệ thống bài tập để luyện tập lại các kiến thức về văn bản Hai cây phong.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 5**  - Hình thức : Cá nhân  - Gv giao nhiệm vụ:  ***Cho sự việc và nhân vật sau đây:*** Sau khi bán chó, lão Hạc sang báo cho ông giáo biết. Hãy đóng vai ông giáo và viết một đoạn văn kể lại giây phút lão Hạc sang báo tin bán chó với vẻ mặt và tâm trạng đau khổ.  - Hs làm việc cá nhân hoàn thành nhiệm vụ vào phiếu học tập. Sau đó GV yêu cầu HS trao đổi bài cho nhau để sửa chữa cho bạn. | **Bài 5: Đoạn văn tham khảo**  Lão Hạc ra về rồi. Nước mắt ứa ra nơi hai hõm mắt. Như một kẻ mất hồn. Thương lão quá. Cảnh già cô đơn chỉ có con chó làm bạn sớm khuya, giờ lại bán đi. Cảnh cậu Vàng bị thằng Xiên, thằng Mục bất ngờ túm lấy hai chân sau dốc ngược lên rồi trói lại, đôi mắt đờ ra, dại đi, rên ư ử như khóc như van… cứ hiện ra trước mắt tôi. Và hình ảnh lão Hạc, sau khi báo tin “cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!, “Mặt co rúm lại, cái đầu ngọeo về một bên, cái miệng móm mém cất tiếng khóc hu hu của lão làm cho tôi đau đớn và xúc động vô cùng. Tôi nghĩ về kiếp chó, kiếp cậu Vàng, nghĩ về kiếp người. Câu nói của lão Hạc làm tôi day dứt và thảng thốt mãi: “thì ra tôi già bằng ngần này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó, nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó!”.  - Yếu tố miêu tả và biểu cảm trong đoạn văn  + Miêu tả: cười như mếu; đôi mắt ầng ậng nước; co rúm lại; những nếp nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra, cái đầu nghẹo về một bên; cái miệng móm mém.  + Biểu cảm: Tâm trạng đau đớn, day dứt, ân hận của lão Hạc.  *-> Tác dụng: đoạn văn hấp dẫn, có cảm xúc hơn; khắc họa được vẻ mặt và tâm trạng đau khổ của LH*. |
| **Bài tập 6: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**  […] Vào năm học cuối cùng, trước khi bắt đầu nghỉ hè, bọn con trai chúng tôi chạy ào lên đấy phá tổ chim. Cứ mỗi lần chúng tôi reo hò, huýt còi ầm ĩ chạy lên đồi là hai cây phong khổng lồ lại nghiêng ngả đung đưa như muốn chào mời chúng tôi đến với bóng râm mát rượi và tiếng lá xào xạc dịu hiền. Và chúng tôi, lũ nhóc con đi chân đất, công kênh nhau bám vào các mắt mấu và cành cây trèo lên cao làm chấn động cả vương quốc loài chim. Hàng đàn chim hoảng hốt kêu lên, chao đi chao lại trên đầu. Nhưng chúng tôi vẫn chưa coi vào đâu, đến đây đã thấm gì! Chúng tôi cứ leo lên cao nữa, cao nữa – nào xem ai can đảm và khéo léo hơn ai! – và từ trên những cành cao ngất, cao đến ngang tầm cánh chim bay, bỗng như có một phép thần thông nào vụt mở ra trước mắt chúng tôi cả một thế giới đẹp đẽ vô ngần của không gian bao la và ánh sáng.   1. Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Ai là tác giả? 2. Nêu hoàn cảnh ra đời của tác phẩm? 3. **Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào trong câu văn: *“Cứ mỗi lần chúng tôi reo hò, huýt còi ầm ĩ chạy lên đồi là hai cây phong khổng lồ lại nghiêng ngả đung đưa như muốn chào mời chúng tôi đến với bóng râm mát rợi và tiếng lá xào xạc dịu hiền”?* Tác dụng?** 4. Nêu nội dung đoạn văn trên. | |
| **Hướng dẫn bài tập 6**   1. Đoạn văn trên trích từ văn bản “ Hai cây phong . Tác giả: Ai-ma-tốp. 2. Truyện “Người thầy đầu tiên” được Ai-ma-tốp viết năm 1957. Câu chuyện được lấy bối cảnh ở một vùng quê hẻo lánh của xứ Cư-rơ-gư-xtan vào những năm 20 của thế kỉ trước. Nơi đây, trình độ phát triển còn thấp, tư tưởng phong kiến, gia trưởng còn nặng nề, phụ nữ bị coi thường, trẻ mồ côi bị rẻ rúng .Văn bản “Hai cây phong” chính là mở đầu cho tác phẩm này. 3. **Câu văn : *Cứ mỗi lần chúng tôi reo hò, huýt còi ầm ĩ chạy lên đồi là hai cây phong khổng lồ lại nghiêng ngả đung đưa như muốn chào mời chúng tôi đến với bóng râm mát rợi và tiếng lá xào xạc dịu hiền* được tác giả sử dụng nghệ thuật nhân hóa nhằm thể hiện hai cây phong như 1 con người, có hành động, tình cảm như 1 con người. Gắn bó với dân làng và lũ trẻ.** 4. Kỉ niệm của nhân vật tôi với cây phong và lũ bạn thuở còn nhỏ. Từ đó gợi lên tình cảm yêu mến của tác giả với hai cây phong. | |
| **Bài tập 7:**  - Hình thức tổ chức: Cá nhân  - GV giao nhiệm vụ:  ? Cảm nhận của em về đoạn trích “ Hai cây phong  **\* Lưu ý: BT 7 GV hướng dẫn cách làm. Giao nhiệm vụ về nhà** | **Bài tập 7:**  **Dàn ý tham khảo** |
| **\*Mở bài**  Khái quát về Ai-ma-top: Ông là nhà văn Cư- rơ-gư-xtan, ông được trao giải thưởng với 3 tác phẩm : Người thầy đầu tiên; Cây phong non trùm khăn đỏ; Mắt lạc đà  Văn bản Hai cây phong là phần đầu của truyện Người thầy đầu tiên, đây là đoạn trích ca ngợi tình cảm thiêng liêng, đó là tình yêu quê hương xứ sở, đồng thời là bài ca về người thầy chân chính  **\*Thân bài**  ***Hình ảnh hai cây phong***  Hai cây phong nằm ở trên đồi như ngon hải đăng trên núi  Ai đến làng cũng đều thấy chúng trước tiên => Là dấu hiệu để nhận ra làng  => Phép so sánh chỉ giá trị tín nhiệm của hai cây phong. Khẳng định giá trị không thể thiếu đối với những người đi xa, thể hiện niềm tự hào về hai cây phong  Hai cây phong ấy cũng có tiếng nói riêng, tâm hồn riêng: tiếng rì rào nhiều cung bậc khác nhau  Hai cây phong gắn bó với sự sống, với con người: nơi giúp bọn trẻ thấy một “ thế giới đẹp đẽ vô ngần của không gian bao la và ánh sáng”, nhìn ra vẻ đẹp mới và khơi gợi khát vọng khám phá miền đất lạ.  Hai cây phong là nhân chứng cho hành động và tình cảm của thầy Đuy-sen.  Cảnh trèo lên hai cây phong cho ta thấy đây là nơi hội tụ niềm vui, mở rộng chân trời hiểu biết, nơi khắc ghi những biến cố của làng  Bằng cách kể, miêu tả, nhân hóa so sánh cho thấy sức sống mãnh liệt của hai cây phong, biểu tượng cho con người thảo nguyên  ***Hình ảnh con người***  Nhân vật “tôi” có tình cảm đặc biệt, yêu mến hai cây phong  Có một nỗi nhớ mãnh liệt với hai cây phong  Có trí tưởng tượng rất phong phú, tâm hồn nhạy cảm, yêu thiên nhiên và làng quê  Con người đã khắc họa lên một bức tranh thiên nhiên đậm chất hội họa được khám phá từ điểm nhìn trên hai cây phong- là những kỉ niệm tuổi thơ cho tình yêu yêu quê hương của những đứa trẻ  Hai cây phong gắn với câu chuyện về thầy Đuyn-sen đã vun trồng ước mơ hi vọng cho những người học trò nghèo: Thầy đã trồng 2 cây phong với hi vọng các thế hệ trẻ được học hành, có khát vọng lớn và trở thành người hữu ích  **\*Kêt bài**  Khái quát giá trị nội dung làm nên thành công của đoạn trích: Cách lựa chọn ngôi kể tạo nên hai mạch kể lồng ghép độc đáo, sự kết hợp giữa miêu tả, biểu cảm với ngòi bút đậm chất hội họa, truyền sự rung cảm đến người đọc, những liên tưởng tác bạo đầy chất thơ  Hai cây phong là biểu tượng của tình yêu quê hương sâu nặng gắn liền với những kỉ niệm tuổi thơ đẹp đẽ của người họa sĩ làng Ku- ku-rêu. | |
| **GV hướng dẫn viết bài TLV số 2**  **Câu hỏi 1:** Nêu cấu trúc của bài văn tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm?  **Câu hỏi 2:** Vai trò của các yếu tố biểu cảm và miêu tả trong văn tự sự?  **Các đề văn:**  **Đề 3:**Kể về một việc em đã làm khiến bố mẹ vui lòng.  **Đề 4:**Nếu là người được chứng kiến cảnh Lão Hạc kể chuyện bán chó với ông giáo thì em sẽ ghi lại câu chuyên đó như thế nào? | **Câu 1: :** ( Dựa vào phần lí thuyết đã ôn ở trên)  **Câu 2:** ( Dựa vào phần lí thuyết đã ôn ở trên)  **Dàn ý tham khảo** |
| **Câu 3: Dàn ý đề 3:**  ***I. Mở bài***: Giới thiệu hoàn cảnh xảy ra sự việc  Hôm qua em vừa làm được một việc tốt đó là giúp một bà cụ qua đường. khi về kể cho ba mẹ nghe thì ba mẹ rất vui và khen em ngoan  Việc làm này cũng khiến em thấy vui và rất tự hào.  ***II. Thân bài:***  ***1. Hoàn cảnh xảy ra việc:***  - Vì tối hôm trước em ngủ muộn vì phải thức khuya học bài nên sáng em dậy muộn và đi học muộn  - Trên đường đi học, em nhìn thấy mà bà lão già khom khom chuẩn bị qua đường  - Chắc vì bà già nên khi qua đường bà còn rụt rè và lo sợ  - Tôi chấp nhận đi học muộn để giúp bà cụ qua đường  ***2. Diễn biến sự việc:***  - Tôi chạy đến hỏi bà cần tôi giúp đỡ không?  - Bà lão trả lời tôi một cách chậm rãi rằng “bà muốn qua đường nhưng xe đông quá nên bà sợ”  - Tôi đề nghị giúp bà qua đường  - Thoạt đầu bà còn đắn đo suy nghĩ, nhưng nhìn tôi hồi lâu rồi bà đồng ý  - Tôi cầm tay bà dẫn bà qua đường; tay bà run run nhưng ấm áp vô cùng  - Trong lúc qua đường hai bà cháu nói chuyện hỏi thăm về nhau  - Tôi tới trường thì đã vào giờ học, tôi phải chịu phạt vì đi học muộn  - Tối về tôi vui vẻ kể cho ba mẹ nghe  - Ba mẹ khen tôi ngoan, biết giúp đỡ người khác.  **III. Kết bài:** Nêu cảm nghĩ về việc làm của mình  - Tôi tự hào về việc làm của tôi  - Tôi sẽ cố gắng để làm nhiều việc khác để ba mẹ vui lòng hơn nữa.  **Câu 4: Dàn ý đề 4**  **I. Mở bài:** Ngôi kể thứ I (tôi) có mặt trong câu chuyện như người thứ 3 ngoài lão Hạc với ông giáo (phân biệt với người kể ở trong truyện của Nam Cao chính là ông giáo)  Giới thiệu hoàn cảnh lão Hạc sang nhà ông giáo để kể chuyện bán chó. Ở đó có ông giáo và người kể.  **II. Thân bài:**  - Kể: lão Hạc kể chuyện bán chó với ông giáo:  + Lúc lão Hạc báo tin bán chó  + Lúc lão Hạc kể lại chuyện bán chó  + Miêu tả: nét mặt đau khổ của lão Hạc  - Biểu cảm: nỗi ân hận của lão Hạc về việc bán chó và thái độ của ông giáo.  - Lão Hạc: chua chát kết thúc việc bán chó.  - Miêu tả: nét mặt của ông giáo khi nhận được tin => suy tư nghĩ ngợi và đau khổ với lão Hạc  - Biểu cảm:  + Nêu những suy nghĩ của bản thân với câu chuyện  + Nêu những suy nghĩ về các nhân vật ở trong đó (về ông giáo và lão Hạc)  **III. Kết bài:** Nhắc lại sự việc bán chó. Đặc biệt là khi sự việc kết thúc. Nhận định, đánh giá chung về sự việc đó. Trở lại hoàn cảnh thực tại của mình. | |

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**BUỔI 10:**

**- Ôn tập BPTT Nói quá**

**- Ôn tập truyện kí VN giai đoạn 1930-1945**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

-Giúp hs củng cố, khắc sâu kiến thức về BPTT nói quá, về các văn bản truyện VN hiện đại giai đoạn 1930-1945.

**2. Kỹ năng:**

- Rèn kĩ năng thực hành, vận dụng lý thuyết vào các bài tập cụ thể.

**3. Thái độ, phẩm chất**

- Phê phán những lời nói khoác, nói sai sự thật.

- Biết nhận ra những phẩm chất tốt đẹp của các nhân vật văn học để áp dụng vào cuộc sống.

**4. Định hướng năng lực**

- Năng lực tự học

- Năng lực giải quyết vấn đề

-Năng lực sáng tạo

-Năng lực giao tiếp

-Năng lực hợp tác.

**II. Tiến trình lên lớp**

1. **Ổn định tổ chức**
2. **Ôn tập**

**Tiết 1: Ôn tập BPTT Nói quá**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (5-10 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **B1:Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *HS hoạt động cá nhân* (3 phút)  ? Thế nào là nói quá? Cho VD?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (theo yêu cầu và hướng dẫn)**  **B3: Báo cáo kết quả**  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:**  **GV nhận xét đánh giá** | 1. Nói quá   - Nói quá là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, qui mô, tính chất của sự vật, hiện t­ượng đư­ợc miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn t­ượng tăng sức biểu cảm  VD: Con giận bằng con ba ba  Đêm nằm nó gáy cả nhà phát kinh |

***B. Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **1.BT 1: HS hoạt động cá nhân**  Tìm biện pháp nói quá và giải thích ý nghĩa của chúng  - GV nhận xét phần trình bày của hs.  - GV: sửa bài cho HS, nêu đáp án | **Bài tập 1-SGK T102**  a. *sỏi đá cũng thành cơm*: thành quả của lao động gian khổ, vất vả, nhọc nhằn; niềm tin vào bàn tay lao động.  b. *đi lên đến tận trời:* Vết thương không có nghĩ lí gì, không phải bận tâm.  c. *thét ra lửa:* kẻ có quyền sinh, quyền sát đối với người khác. |
| **BT 2: HS hoạt động nhóm bàn**  Điền các thành ngữ thích hợp vào chỗ trống?  - GV nhận xét phần trình bày của hs.  - GV: sửa bài cho HS, nêu đáp án  **BT 3: HS hoạt động cá nhân**  Đặt câu với các thành ngữ dùng biện pháp nói quá đã cho?  - GV nhận xét phần trình bày của hs.  - GV: sửa bài cho HS, nêu đáp án  **BT 4: Tổ chức cho HS thi tìm theo tổ- trò chơi tiếp sức**  Tìm 5 thành ngữ so sánh có dùng biện pháp nói quá?  BT6: HS thảo luận theo nhóm bàn  GV đọc cho HS nghe câu chuyện cười “ Con rắn vuông”.  Phân biệt biện pháp tu từ nói quá với nói khoác? | **Bài tập 2-SGK T102**  a.chó ăn đá, gà ăn sỏi.  b.bầm gan tím ruột.  c.ruột để ngoài da.  d.nở từng khúc ruột.  e.vắt chân lên cổ.  **Bài tập 3-SGK T103**  Đặt câu với thành ngữ:  a.Nàng có vẻ đẹp *nghiêng nước nghiêng thành.*  b.Đoàn kết là sức mạnh *dời non lấp biển.*  c. Công việc *lấp biển vá trời* ấy là công việc của nhiều đời.  d. Những chiến sĩ *mình đồng da sắt* đã chiến thắng.  e.Mình *nghĩ nát óc* mà vẫn chưa giải được bài toán này.  **Bài tập 4-SGK T103**  a.Ngáy như sấm.  b.Trơn như mỡ.  c.Nhanh như cắt.  d.Lúng túng như gà mắc tóc.  e.Lừ đừ như ông từ vào đền.  **Bài tập 6-SGK T103**  - Giống nhâu: Nói quá và nói khoác đều là phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng  - Khác nhau:  + Nói quá là biện pháp tu từ nhằm mục đích nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.  + Còn nói khoác nhằm làm cho người nghe tin vào những điều không có thực. Nói khoác là hành động có tác động tiêu cực. |

**Tiết 2+3: Ôn tập truyện kí VN giai đoạn 1930-1945**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **B1:Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *HS hoạt động nhóm nhỏ* (5 phút): Thống kê lại các văn bản Truyện VN hiện đại giai đoạn 1930 -1945 đã học trong chương trình NV 8  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (theo yêu cầu và hướng dẫn)**  **B3: Báo cáo kết quả**  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:( GV nhận xét đánh giá**  ? so sánh sự giống và khác nhau giữa các văn bản | 1. **Hệ thống các văn bản truyện kí Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945**  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tên văn bản, tác giả** | **Thể loại** | **Phương thức biểu đạt** | **Nội dung chủ yếu** | **Đặc điểm nghệ thuật** | | Trong lòng mẹ (Nguyên Hồng) | Hồi kí (trích) | Tự sự (có xen trữ tình) | Nỗi đau của đứa bé mồ côi và tình yêu thương của mẹ bé. | Văn hồi kí chân thực, trữ tình, tha thiết. | | Tức nước vỡ bờ (Ngô Tất Tố) | Tiểu thuyết (trích) | Tự sự | Phê phán chế độ tàn ác, bất nhân và ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn, sức sống tiềm tàng của người phụ nữ nông thôn. | Khắc họa nhân vật và miêu tả hiện thực một cách chân thực, sống động. | | Lão Hạc (Nam Cao) | Truyện ngắn (trích) | Tự sự (có xen yếu tố trữ tình) | Số phận bi thảm của người nông dân cùng khổ và nhân phẩm cao đẹp của họ. | Nhân vật được miêu tả sâu về tâm lí, cách kể chuyện tự nhiên, vừa linh hoạt vừa đậm tính chất trữ tình. |  1. **Điểm giống và khác nhau giữa các văn bản**   **1/****Giống nhau**:  - Đều là văn bản tự sự , truyên kí hiện đại.  - Đều lấy đề tài về con người và cuộc sống xã hội đương thời của tg , đều đi sâu miêu tả số phận cực khổ của những con người bị vùi dập .  - Đều chan chứa tinh thần nhân đạo.  - Có lối viết chân thực , gần đời sống , rất sinh động.  **2/ Khác nhau:** Dựa vào bảng hệ thống. |

***Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **1.Bài tập 1: Hs hoạt động cá nhân**  Trong đoạn trích “ Trong lòng mẹ” nhà văn Nguyên Hồng viết: *“Giá những cổ tục đã đày đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kỳ nát vụn mới thôi”.*  Vì sao tác giả viết như vậy ? Nêu cảm nhận của em về thái độ của bé Hồng.  - HS thực hiện | - Trong cuộc trò chuyện với bà cô, diễn biến tâm trạng của bé Hồng được đẩy dần lên và lên đến cực điểm khi Hồng nghe bà cô kể về tình cảnh tội nghiệp của mẹ. Đau đớn, xót xa cho mẹ, Hồng nghĩ: “Giá những cổ tục……”  - “ Cổ tục” vốn là những tục lệ xưa, Trong xã hội thực dân nửa phong kiến lúc đó, những thành kiến cổ hủ ấy đã bóp nghẹt quyền sống, đọa đày những người phụ nữ đáng thương như mẹ của Hồng.  - Cách so sánh của tác giả thật cụ thể mà cũng thật ấn tượng. Tác giả kết hợp biện pháp so sánh với lối nói liệt kê và một loạt các động từ mạnh: vồ, cắn, nhai, nghiến để nhấn mạnh cảm giác đau đớn, uất ức của Hồng khi người mẹ mà chú hằng yêu quý bị những cổ tục đày đọa. Càng thương mẹ bao nhiêu. Hồng càng quyết tâm chiến đấu để phá bỏ những cổ tục ấy.  - Qua chi tiết trên người đọc càng cảm động trước tình yêu lớn lao, trọn vẹn, mãnh liệt mà Hồng giành cho người mẹ đáng thương của mình. |
| **2.Bài tập 2**  - Hình thức tổ chức luyện tập : cá nhân  ?Nêutình cảnh của nhân vật lão Hạc trong truyện ngắn *“Lão Hạc”* của nhà văn Nam Cao. Từ đó gợi cho em suy nghĩ gì?  - HS thực hiện | \* Tình cảnh tội nghiệp túng quẫn, không lối thoát:  - Nhà nghèo, vợ chết, chỉ có đứa con trai  - Con trai bỏ đi làm đồn điền cao su, vì không đủ tiền cưới vợ  - Lão giành dụm tiền để cho con trai  - Lão nuôi con chú Vàng và coi nó như người bạn  - Sự túng quẫn của lão Hạc (cái chết đau đớn của Lão)  -> Tình cảnh của lão Hạc cũng chính là cuộc sống của người dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám.  Suy nghĩ của bản thân. |
| **3.Bài tập 3:**  - Hình thức tổ chức luyện tập : cá nhân  ? Em hãy viết một đoạn văn ngắn nêu suy nghĩ của em về nhân vật chị Dậu trong đoạn trích *“Tức nước vỡ bờ”* của Ngô Tất Tố.  - HS thực hiện | - Hình thức  +Viết đoạn văn với số lượng khoảng 10 câu.  +Sử dụng từ ngữ có lựa chọn, chính xác bố cục mạch lạc, chặt chẽ, chữ viết đúng chính tả, sạch đẹp.   * Nội dung:   + Chị Dậu là người phụ nữ chịu thương, chịu khó.  + Chị là người phụ nữ yêu thương chồng con, có sức mạnh mãnh liệt.  + Chị là phụ nữ tiêu biểu cho phụ nữ Việt Nam. |
| **4. Bài tập tổng hợp**  **HS hoạt động nhóm để hoàn thành các phiếu học tập số 1,2,3.**  **Hs thực hiện** |  |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  Cho đoạn trích:  *“Lão cố làm ra vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà oà lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót xa năm quyển sách của tôi quá như trước nữa. Tôi chỉ ái ngại cho lão Hạc. Tôi hỏi cho có chuyện:*  *Thế nó cho bắt à?*  *Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chẩy ra. Cái đầu lão nghoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...”*  **a/ Đoạn văn bản trên trích trong tác phẩm nào? Do ai sáng tác?**  **b/ Tác phẩm có đoạn trích trên được kể theo ngôi thứ mấy? Ai là người kể chuyện?**  **c/ Tìm các từ tượng thanh, tượng hình được sử dụng.**  **d/ Từ in đậm trong câu “Thế nó cho bắt à?” là thành phần gì? Nêu chức năng của từ ấy.**  **Đáp án**  a/ Đoạn văn bản trên trích trong tác phẩm “ Lão Hạc” -Do Nam Cao sáng tác?  b/ Tác phẩm có đoạn trích trên được kể theo ngôi thứ nhất.   * Ông giáo là người kể chuyện?   c/Từ tượng thanh: hu hu  Từ tượng hình: ầng ậng, móm mém, nghoẹo.  d/ Từ in đậm trong câu “Thế nó cho bắt à?” là thành phần tình thái từ. Chức năng của từ ấy dùng để tạo câu nghi vấn. | |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:  Cho đoạn văn sau:  *“Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi … toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương …Vợ tôi không ác nhưng thị khổ quá rồi. Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu? Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất.”*  (Ngữ văn 8- Tập1- NXB Giáo dục)  **Câu 1 (0,25đ). Đoạn văn trên trích trong tác phẩm nào? Của ai?**  **Câu 2 (0,25đ). Tác phẩm được ra đời trong giai đoạn lịch sử nào?**  **Câu 3 (0,25đ). Những suy nghĩ trong đoạn văn trên là của nhân vật nào?**  **Câu 4 (0,5đ). Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên là gì?**  **Câu 5 (0,5đ). Câu văn “Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu?” có phải là câu nghi vấn không ? Tại sao?**  **Câu 6 (0,5đ). Nêu nội dung chính của đoạn văn?**  **Câu 7 (1đ).Từ nội dung của đoạn văn trên, em có suy nghĩ gì về cách nhìn nhận, đánh giá con người trong xã hội hiện nay?**  **Đáp án**  Câu1(0,25đ) - Truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao  Câu2(0,25đ) - Tác phẩm ra đời trong giai đoạn 1930 - 1945(trước cách mạng Tháng Tám)  Câu3(0,25đ) - Ông giáo  Câu4(0,25đ) - Nghị luận  Câu5(0,5đ) - Không phải câu nghi vấn mà là câu trần thuật dùng để khẳng định ý kiến.  Câu6(0,5đ) - Nội dung chính: nêu lên những suy nghĩ rất tiến bộ, tích cực, đầy tính nhân văn của ông giáo về lão Hạc, về vợ của mình và những người xung quanh.  Câu 7 (1đ) - Trong xã hội ngày nay con người có rất nhiều các mối quan hệ phức tạp cho nên chúng ta phải nhìn nhận, xem xét một cách khách quan, đa chiều, không phiến diện chủ quan; đặt mình vào họ để hiểu họ, từ đó mới có sự đánh giá công bằng, chính xác. Quan điểm của ông giáo, của nhà văn Nam Cao vẫn còn nguyên giá trị | |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- GV yêu cầu HS nhớ lại đơn vị kiến thức đã học; Viết lại các đoạn văn cảm nhận về các nhân vật: Lão Hạc, Bé Hồng, Chị Dậu.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**BUỔI 11**

**Tiết 1: CHỦ ĐỀ: VĂN BẢN NHẬT DỤNG**

**Văn bản***: Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000*

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

- Thấy được ý nghĩa to lớn của việc bảo vệ môi trường. Từ đó có những suy nghĩ và hành động tích cực về vấn đề xử lí rác thải sinh hoạt.

- Thấy được tính thuyết phục trong cách thuyết minh và những kiến nghị mà tác giả đề xuất trong văn bản.

**2. Kĩ năng**:

- Tích hợp với phần tập làm văn để tập viết đoạn văn nghị luận, bài văn thuyết minh.

- Đọc – hiểu một văn bản nhật dụng đề cập đến một vấn đề xã hội bức thiết.

**3. Thái độ:**

- Giúp học sinh có những suy nghĩ tích cực về các việc tương tự trong vấn đề xử lí rác thải sinh hoạt, một vấn đề vào loại khó giải quyết nhất trong nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

**4. Năng lực phát triển.**

**a. Các năng lực chung**.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụngngôn ngữ, tư duy sáng tạo

**b. Các năng lực chuyên biệt.**

- Năng lực tìm kiếm,tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực tiếp nhận văn bản

- Năng lực cảm thụ thẩm mĩ

**II. Tiến trình lên lớp**

**A.Hệ thống kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
|  | **1, Tác giả:** Thái An |
| - GV cho HS thuyết trình những kiến thức cơ bản của bài học, sau đó các nhóm khác bổ sung  +HS có thể thuyết trình sơ đồ tư duy   * GV chốt kiến thức cần nhớ | **II. 2. Văn bản:**  **a. Hoàn cảnh sáng tác:** Ngày 22/4/2000, nhân lần đầu tiên Việt Nam tham gia Ngày Trái Đất.  **b.**  **- Kiểu văn bản:** Nhật dụng  **- Phương thức biểu đạt:** Nghị luận trình bày dưới dạng thuyết minh  **c. Bố cục:**  **+ Phần 1:**+ P1: Từ đầu...-> 1 ngày không sử dụng bao bì ni lông.  ( Nguyên nhân ra đời của bản thông điệp)  **+ Phần 2: Tiếp theo-> “**Môi trường”.  ( Tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông và 1 số giải pháp nhằm ngăn chặn nó).  **+ Phần 3:** Còn lại  ( Lời kêu gọi: “1 ngày...ni lông”)  **d. Giá trị nghệ thuật:**   * Bố cục mạch lạc, chặt chẽ * Lời lẽ ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ   **e. Giá trị nội dung:**   * Tác hại của việc dùng bao bì ni lông * Ích lợi của việc giảm bớt chất thải ni lông. |

**B.Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập:  1.Thảo luận nhóm 4-5 phút:  ***Câu hỏi 1:***  ***Ngoài ni lông theo em còn có những chất thải nào làm ảnh hưởng đến MT nữa ? Cách giải quyết những loại chất thải ấy như thế nào cho hợp lí*** ?  ***Câu hỏi 2:***  ***Ngoài hành động mà VB đó nêu, để bảo vệ môi trường Trái Đất, theo em còn có những việc làm nào khác?***  2.GV phát phiếu bài tập  - HS thực hiện  **Bài tập 1**  **Đọc đọan văn sau và trả lời câu hỏi:**  “ Ngày 22 tháng 4 hằng năm được gọi là ngày....................................................“ Một ngày không dùng bao bì ni lông”?  (Ngữ văn 8, tập Một, NXB Giáo dục -2015, tr.105).  **Câu 1:** Đoạn trích trên trích trong văn bản nào? Xác định kiểu văn bản và phương thức biểu đạt của văn bản trên?  **Câu 2:** Nêu nội dung chính của đoạn trích?  **Câu 3:** Có mấy sự kiện được thông báo trong đoạn trích? Là những sự kiện nào?  **Câu 4:** Ngày Trái Đất được tổ chức hằng năm để bàn về vấn đề gì?  **Câu 5:** Tại sao lần đầu tiên tham gia Ngày Trái Đất, Việt Nam lại lấy chủ đề “ Một ngày không dùng bao bì ni lông”? | *HS tự liên hệ thảo luận, trình bày*:  - Chất thải ảnh hưởng tới MT: nước thải của các nhà máy, bệnh viện, khói bụi của các phương tiện giao thông, NM xi măng.....  - PT trồng cây gây rừng  - PT xanh-sạch-đẹp  - Bảo vệ các danh lam thắng cảnh, các khu sinh quyển thiên nhiên.....  **Đáp án PBT số 1**  **Câu 1:**  - Đoạn trích trên trích trong văn bản “ Thông tin về ngày trái đất năm 2000”  **-** Kiểu văn bản: Nhật dụng.  - **Phương thức biểu đạt:** Nghị luận trình bày dưới dạng thuyết minh.  **Câu 2:**Nội dung chính : Nguyên nhân ra đời của bản tuyên bố.  **Câu 3:** Có mấy 3 sự kiện được thông báo trong đoạn trích :  + Ngày 22/4 hàng năm được gọi là *Ngày Trái Đất*, mang chủ đề bảo vệ môi trường.  + Có 141 nước tham dự  + Năm 2000: lần đầu tiên VN tham gia Ngày Trái Đất  **Câu 4:** Ngày Trái Đất được tổ chức hằng năm để bàn về những chủ đề có liên quan đến những vấn đề môi trường nóng bỏng nhất của từng nước và từng khu vực -> mục đích cùng bảo vệ môi trường sống.  **Câu 5:**  - Là chủ đề thiết thực phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam, gần gũi với mọi người mà có ý nghĩa to lớn: “Một ngày không sử dụng...”  => Đó là nguyên nhân ra đời của bản thông điệp này. |
| - Hình thức tổ chức luyện tập  Phát phiếu bài tập số 2  - HS thực hiện  **Bài tập 2**  **Đọc đọan văn sau và trả lời câu hỏi:**  *Theo các nhà khoa học, bao bì ni lông lẫn vào đất làm giảm quá trình sinh trưởng của các loài thực vật bị nó bao quanh, cản trở sự phát triển của cỏ dẫn đến hiện tượng xói mòn của các vùng đồi núi. Bao bì ni lông bị vứt xuống cống làm tắc các đường dẫn nước thải, làm tang khả năng ngập lụt của các đô thị về mùa mưa. Sự tắc nghẽn hệ thống cống rãnh làm cho muỗi phát sinh, lây truyền dich bệnh. Bao bì ni long trôi ra biển làm chết các sinh vật khi chúng nuốt phải. Đặc biệt bao bì ni long màu đựng thực phẩm làm ô nhiễm thực phẩm do chứa các kim loại như chì, ca-đi-mi gây tác hại cho não và là nguyên nhân gây ung thư phổi. Nguy hiểm nhất là khi các bao bì ni long thải bỏ bị đốt, các khí độc thải ra đặc biệt là chất đi-ô-xin có thể gây ngộ độc, gây ngất, khó thở, nôn ra máu, ảnh hưởng đến các tuyến nội tiết, làm giảm khả năng miễn dịch, gây rối loạn chức năng, gây ung thư và các dị tật bẩm sinh cho trẻ sơ sinh.*  (Ngữ văn 8, tập Một, NXB Giáo dục -2015, tr.105).  **Câu 1:** Xác định kiểu văn bản và phương thức biểu đạt của văn bản trên?  **Câu 2:** Tìm các từ sắp xếp thành một trường từ vựng và đặt tên cho trường từ vựng đó?  **Câu 3:** Nêu nội dung của đoạn trích?  **Câu 4:** Hãy giải thích từ “ dị tật bẩm sinh”?  **Câu 5:** Viết đoạn văn khoảng 20 dòng nêu suy nghĩ của em về giải pháp bảo vệ môi trường. | - GV chốt kiến thức  **Đáp án PBT số 2**  **Câu 1:**  **-** Kiểu văn bản: Nhật dụng.  - **Phương thức biểu đạt:** Nghị luận trình bày dưới dạng thuyết minh.  **Câu 2:** Trường từ vựng về bệnh tật: ung thư phổi, ngộ độc, ngất, khó thở, nôn ra máu, dị tật bẩm sinh.  **Câu 3:** Đoạn trích nêu lên tác hại của bao bì ni lông đối với con người và môi trường.  **Câu 4:**  “ dị tật bẩm sinh”: hiện tượng bất thường về hình dạng của bộ phận nào đó trong cơ thể( dị tật) đã có khi sinh ra( bẩm sinh)  **Câu 5:**  Viết đoạn văn nghị luận  **Phương thức**  ***a. Giải thích vấn đề***  - Môi trường bao gồm tất cả các yếu tố tự nhiên và vật chất nhân tạo bao quanh con người.  - Ô nhiễm môi trường là hiện trạng môi trường xuất hiện những chất độc hại gây tác hại xấu đến cuộc sống con người.  ***b. Thực trạng***  - Môi trường không khí: các nhà máy, khói bụi xe hơi và các loại động cơ khác,… đã và đang thải ra môi trường không khí một nguồn cacbonnic khổng lồ, các loại axit, các loại khí gây hiệu ứng nhà kính, …  - Ô nhiễm môi trường nước: nguồn nước bị nhiễm độc do nước thải, sự cố tràn dầu,…khiến cho số lượng nước sạch ngày càng khan hiếm.  - Ô nhiễm môi trường đất: đất đai ngày càng bị thoái hoá, bị rửa trôi, nhiễm chì, nhiễm độc do rác thải, thuốc trừ sâu, …  ***c. Nguyên nhân:***  + Vì lợi nhuận, một số doanh nghiệp bất chấp pháp luật cố ý xả chất thải chưa qua xử lý vào môi trường,…  + Ý thức của người dân còn kém: vô trách nhiệm, chặt phá rừng, xả rác thải dẫn đến tình trạng ô nhiễm diện rộng không kiểm soát được.  + Sự quản lý của nhà nước còn lỏng lẻo.  ***d. Hậu quả:***  + Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người (bệnh đường hô hấp, bệnh tim mạch, viêm họng, đau ngực, tức thở; khoảng 14.000 cái chết mỗi ngày do ô nhiễm nguồn nước…)  + Cạn kiệt tài nguyên sinh vật, thiếu nước sinh hoạt, mất cân bằng đa dạng sinh học của môi trường sống.  + Ảnh hưởng đến các nguồn lợi kinh tế, nông nghiệp, du lịch, ...  ***e. Giải pháp***  - Cần có sự quản lý chặt chẽ của người nhà nước trong việc xứ lý những doạnh nghiệp cá nhân vi phạm.  - Tăng cường tuyên truyền để cho nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường…  - Tiến hành áp dụng công nghệ khoa học để giải quyết hiện trạng ô nhiễm... |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- Học sinh ghi nhớ kiến thức cơ bản của bài học

- Hoàn thành bài tập 5 ra giấy kiểm tra

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**BUỔI 11 – Tiết 2: CHỦ ĐỀ: BIỆN PHÁP TU TỪ**

***Nói giảm, nói tránh***

**1. Kiến thức:**

- Hiểu được khái niệm, tác dụng của biện pháp nói giảm, nói tránh.

- Biết sử dụng biện pháp tu từ nói giảm, nói tránh.

**2. Kĩ năng**:

- Phân biệt nói giảm nói tránh với nói không đúng sự thật

- Sử dụng nói giảm nói tránh đúng lúc, đúng chỗ để tạo lời nói trang nhã, lịch sự.

- Phân tích tác dụng của Bpnt nói giảm nói tránh trong những ngữ liệu cụ thể

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh ý thức sử dụng biện pháp nói giảm nói tránh trong giao tiếp.

**4. Năng lực phát triển**

**a. Các năng lực chung**.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo

**b. Các năng lực chuyên biệt.**

- Năng lực tìm kiếm, tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực sử dụng tiếng Việt

**II. Tiến trình lên lớp**

**A.Hệ thống kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV gọi HS phân tích các ví dụ để hệ thống lại kiến thức đã học  ***Ví dụ***:  \_ *Con dạo này* ***l­ười lắm***. ( Thiếu tế nhị )  \_ *Con dạo này* ***ch­ưa đ­ược chăm lắm***. ( Tế nhị, nhẹ nhàng, tránh nặng nề ).  ***Ví dụ***:  *Ông cụ đã* ***chết*** *rồi*.  => *Ông cụ đã* ***quy tiên*** *rồi*.  ***Ví dụ***:  *Bài thơ của anh* ***dở*** *lắm*.  => *Bài thơ của anh* ***ch­ưa đ­ược hay*** *lắm*.  ***Ví dụ***:  *Anh còn* ***kém lắm***.  => *Anh* ***cần phải cố gắng hơn nữa***.  ***Ví dụ***  *Lão làm bộ đấy! Thật ra thì lão chỉ tẩm ngẩm thế, nh­ưng cũng (...) ra phết chứ chả vừa đâu: lão xin tôi một ít bả chó [...].*  \*Thảo luận nhóm :***Các tình huống không nên nói giảm nói tránh***  \_ Khi cần phê bình nghiêm khắc, nói thẳng, nói đúng mức độ sự thật.  \_ Khi cần thông tin chính xác, trung thực.  \*GV Hướng dẫn cụ thể phần kĩ năng phân tích qua luyện tập | **I.Kiến thức cơ bản:**  **1**.Nói giảm nói tránh là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển.  **2**. Tác dụng của nói giảm nói tránh:  - Tránh cảm giác đau buồn, ghê sợ, nặng nề.  **3.** Các cách nói giảm nói tránh  a. Sử dụng từ đồng nghĩa, đặc biệt là các từ Hán Việt.  b. Dùng cách nói phủ định từ trái nghĩa.  c. Dùng cách nói vòng:  d. Dùng cách nói trống (tỉnh lư­ợc).  **4. Các tr­ường hợp sử dụng nói giảm nói tránh:**  - Khi muốn tránh cảm giác đau buồn, ghê sợ, thô tục, thiếu lịch sự.  - Khi muốn tôn trọng ngư­ời đối thoại với mình ( ng­ười có quan hệ thứ bậc xã hội, tuổi tác cao hơn)  - Khi muốn nhận xét một cách tế nhị, lịch sự, có văn hoá để ngư­ời nghe dễ tiếp thu ý kiến góp ý. |
|  | **II. Cảm thụ cái hay (giá trị nghệ thuật ) của cách nói giảm nói tránh trong tác phẩm văn học**:  \_ Đặt nó trong hoàn cảnh giao tiếp cụ thể (quan hệ thứ bậc xã hội, tuổi tác, tâm trạng của ng­ười nói, ng­ười nghe,...).  \_ Xem xét trong văn bản, tác giả đã tạo ra phép nói giảm nói tránh bằng những từ ngữ nào, bằng cách nào.  \_ Đối chiếu với những cách nói thông th­ường có thể dùng trong trư­ờng hợp giao tiếp đó để thấy đ­ược tác dụng của cách diễn đạt này và dụng ý của tác giả. |

***B. Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập : GV phát phiếu  - HS thực hiện theo nhóm đôi  **Bài tập 1**.Thay các từ ngữ in đậm bằng các từ ngữ đồng nghĩa để thể hiện cách nói giảm nói tránh trong các câu sau:  a. Anh cứ chuẩn bị đi, bà cụ có thể **chế**t trong nay mai thôi.  b. Ông ta **muốn anh đi khỏi nơi này**.  c. Bố tôi làm người **gác cổng** cho nhà máy.  d. Ông giám đốc chỉ có một người **đầy tớ.**  e. Cậu ấy bị bệnh **điếc tai, mù mắt.**  g. Mẹ tôi làm **nghề nấu ăn.** | - GV chốt kiến thức  **Bài 1**:  a. Anh cứ chuẩn bị đi, bà cụ có thể **chế**t trong nay mai thôi.  -> Thay bằng từ “đi”, (“mất”…)  b. Ông ta **muốn anh đi khỏi nơi này**.  -> Thay bằng cụm từ “không muốn nhìn thấy anh nữa”.  c. Bố tôi làm người **gác cổng** cho nhà máy.  -> Thay bằng từ “bảo vệ”.  d. Ông giám đốc chỉ có một người **đầy tớ.**  -> Thay bằng từ ngữ “giúp việc” ( “thư ký”).  e. Cậu ấy bị bệnh **điếc tai, mù mắt.**  -> Thay bằng “khiếm thính”, “khiếm thị”.  g. Mẹ tôi làm **nghề nấu ăn.**  -> Thay bằng “nội trợ” (“đầu bếp”). |
| GV phát phiếu, HS làm bài cá nhân  **Bài tập 2.**  **Bài 2:** Tìm các biện pháp nói giảm nói tránh ở các câu sau và cho biết hiệu quả sử dụng chúng.  a. Nửa chừng xuân thoắt **gẫy cành thiên hương.**  (Nguyễn Du).  b. Bác đã **lên đường**, theo tổ tiên.  (Tố Hữu).  c. Bỗng loè chớp đỏ.  **Thôi rồi**, Lượm ơi!  ( Tố Hữu).  d. Ông **mất** năm nào? Ngày độc lập,  Buồm cao đỏ sóng bóng cờ sao.  Bà **về** năm đói làng treo lưới,  Biến động, Hòn Mê giặc bắn vào.  ( Mẹ Tơm, Tố Hữu). | - GV chốt kiến thức  a. Nửa chừng xuân thoắt **gẫy cành thiên hương.**  (Nguyễn Du).  -> Nói về cái chết khi còn quá trẻ, tuổi đang xuân, đẹp -> giảm bớt sự đau buồn, thể hiện tình cảm xót thương cho số phận của người con gái trẻ bất hạnh.  b. Bác đã **lên đường**, theo tổ tiên.  (Tố Hữu).  -> Nói về cái chết -> giảm bớt sự đau buồn, cái chết nhẹ nhàng như 1 chuyến đi xa.  c. Bỗng loè chớp đỏ.  **Thôi rồi**, Lượm ơi!  ( Tố Hữu).  -> Lượm đã hi sinh -> tránh gây cảm giác đau buồn, cái chết diễn ra đột ngột khiến tác giả hết sức sửng sốt, bất ngờ…  d. Ông **mất** năm nào? Ngày độc lập,  Buồm cao đỏ sóng bóng cờ sao.  Bà **về** năm đói làng treo lưới,  Biến động, Hòn Mê giặc bắn vào.  ( Mẹ Tơm, Tố Hữu).  - Nói đến cái chết -> tránh gây cảm giác đau buồn. |
| **Bài tập 3. :** Phát hiện phép nói tránh trong đoạn trích sau đây và cho biết vì sao chị Dậu lại nói như­ vậy.  *Chị Dậu vừa nói vừa mếu:*  *\_ Thôi u không ăn để phần cho con. Con chỉ đư­ợc ăn ở nhà bữa nay nữa thôi. U không muốn ăn tranh của con. Con cứ ăn thật no, không phải nh­ờng nhịn cho u*.  ( Ngô Tất Tố ) | **Đáp án:**  Đáng lẽ chị Dậu phải nói: “*U đã bán con cho nhà cụ Nghị để lấy tiền nộp s­ưu rồi*”, nh­ưng vì sự thật quá phũ phàng đối với đứa con nên chị phải nói tránh: “*Con chỉ đ­ược ăn ở nhà bữa nay nữa thôi*”. |

**III. Dặn dò:** - Ôn bài, nhớ kiến thức cơ bản

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**BUỔI 11 – Tiết 3: CHỦ ĐỀ: VĂN BẢN TỰ SỰ**

***Luyện tập: Kể chuyện theo ngôi kể kết hợp miêu tả và biểu cảm***

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức :**

- Qua tiết học, giúp học sinh biết kể chuyện trước tập thể lớp một cách rõ ràng, gãy gọn, sinh động về một câu chuyện có kết hợp miêu tả và biểu cảm. Qua đó củng cố, ôn tập lại về ngôi kể.

- Tích hợp với văn bản: "Tức nước vỡ bờ" của Ngô Tất Tố.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng nói trước đám đông

**3. Thái độ:**

- Giáo dục lòng tự tin khi nói trước tập thể.

**4. Năng lực phát triển**

**a. Các năng lực chung**.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo

**b. Các năng lực chuyên biệt.**

- Năng lực tìm kiếm, tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực sử dụng tiếng Việt

**II. Tiến trình lên lớp**

**A.Hệ thống kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Nội dung cần đạt** |
| HĐ1: Hướng dẫn học sinh ôn tập -->  ? *Kể theo ngôi thứ nhất là thế nào? Thế nào là kể theo ngôi thứ 3?*  *? Nêu tác dụng của mỗi loại ngôi kể?*  - Học sinh thảo luận nhanh --> đại diện nêu ý kiến.  - GV chốt lại những điểm cơ bản -->  ? *Tại sao người ta phải thay đổi ngôi kể?*  - Tuỳ mỗi cốt truyện ở mỗi tình huống cụ thể để lựa chọn ngôi kể thích hợp.  - Trong một cốt truỵên, sử dụng ngôi kể khác nhau sẽ tăng tính sinh động. | **I/ Hệ thống kiến thức**  ***1- Ngôi thứ nhất:***  - Người kể xưng tôi trong câu chuyện --> tăng tính chân thực, tính thuyết phục.  ***2- Ngôi thứ ba:***  - Người kể tự dấu mình đi, gọi tên các nhân vật bằng tên của chúng. --> Kể được linh hoạt, tự do nhứng gì diễn ra với các nhân vật( ít đi sâu được vào nội tâm).  **II/ *Dàn ý:***  \* Mở bài: Giới thiệu sự việc, nhân vật và tình huống xảy ra câu chuyện.  \* Thân bài: Kể lại diễn biến câu chuyện theo một trình tự nhất định.  ( Sự việc bắt đầu, sự việc phát triển, sự việc đỉnh điểm, sự việc kết thúc)  ( Trong khi kể, chú ý kết hợp miêu tả sự việc, con người và thể hiện tình cảm, thái độ của mình trước sự việc và con người được miêu tả).  \* Kết bài: Nêu kết cục và cảm nghĩ của người kể. |
| *? Hãy tưởng tượng mình là chị Dậu, kể lại câu chuyện trên theo ngôi thứ nhất cho cả lớp nghe.*  \* Giáo viên gợi ý:  - Em phải thay đổi những gì (xưng hô, lời dẫn chuyện -->chuyển thành lời kể...)  \* Lưu ý:  - Kết hợp động tác, cử chỉ, nét mặt để miêu tả, thể hiện tính cách, tình cảm.  - Khi kể phải bám sát theo đoạn văn để kể.  \* Gọi học sinh lên kể:  - Gọi 2, 3 em.  - Nhận xét, cho điểm. | **II/Luyện tập** |
| ***B.Luyện tập***  ***Đề***  **Em hãy kể lại những kỉ niệm sâu sắc của ngày khai trường đầu tiên**  GV hướng dẫn HS lập dàn ý  Chia nhóm để HS luyện viết đoạn | ***Đề***  **Em hãy kể lại những kỉ niệm sâu sắc của ngày khai trường đầu tiên**  \* Dàn ý.  a. *Mở bài.*  - Cảm nhận chung: Trong đời học sinh, ngày khai trường đầu tiên bao giờ cũng để lại dấu ấn sâu đậm nhất.  b. *Thân bài.*  - Đêm trước ngày khai trường.  + Em chuẩn bị đầy đủ sách vở, quần áo mới.  + Tâm trạng nôn nao, háo hức lạ thường.  - Trên đường đến trường.  + Tung tăng đi bên cạnh mẹ, nhìn thấy cái gì cũng thấy đẹp đẽ, đáng yêu( bầu trời, mặt dất, con đường, cây cối, chim muông...)  + Thấy ngôi trường thật đồ sộ, còn mình thì quá nhỏ bé.  + Ngại ngùng trước chỗ đông người.  + Được mẹ động viên nên mạnh dạn hơn đôi chút.  - Lúc dự lễ khai trường.  + Tiếng trống vang lên giòn giã, thúc giục.  + Lần đầu tiên trong đời, em được dự một buổi lễ long trọng và trang ngghiêm như thế.  + Ngỡ ngàng và lạ lùng trước khung cảnh ấy.  + Vui và tự hào vì mình đã là học sinh lớp Một.  + Rụt rè làm quen với các bạn mới.  c. *Kết bài.*  - Cảm xúc của em: Cảm thấy mình đã lớn. Tự nhủ phải chăm ngoan, học giỏi để cha mẹ vui lòng. |

**III.Dặn dò:**

- Ôn tập văn bản tự sự kết hợp với yếu tố miêu tả và biểu cảm

- Soạn bài: " Câu ghép và các kiểu câu ghép".

**Ngày soạn: Ngày dạy:**

**Buổi 12 – Tiết 1:**

**CHỦ ĐỀ: CÂU GHÉP**

***- Khái niệm***

***- Cách nối các vế trong câu ghép***

1. **Mục tiêu cần đạt:**
2. **Kiến thức:** Giúp học sinh ôn tập:

* Đặc điểm của câu ghép
* Cách nối các vế câu trong câu ghép

1. **Kĩ năng:**

* Phân biệt câu ghép với câu đơn và câu mở rộng thành phần.
* Sử dụng câu ghép phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp .
* Nối được các vế của câu ghép theo yêu cầu.

1. **Thái độ, phẩm chất:**

* Có tháiđộ đúngđắn khi sử dụng câu ghép cho phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp
* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

1. **Năng lực**:

-Năng lực chung: tự học và tự chủ, giải quyết vấn đề và sáng tạo, …

- Năng lực chuyên biệt: NL sử dụng ngôn ngữ, …

**II. Tiến trình lên lớp:**

1. **Hệ thống lại kiến thức đã học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ? Thế nào là câu ghép?  ? Có mấy cách nối các vế câu trong câu ghép? Hãy cho ví dụ cụ thể?  **GV:** Nhờ có cặp quan hệ từ mà giữa hai vế của câu ghép có mối quan hệ chặt chẽ với nhau về ý nghĩa. Chúng tạo nên một suy lí, cho phép một cách hiểu duy nhất. | **1.Khái niệm câu ghép:**  Câu ghép là những câu do hai hoặc nhiều cụm C-V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C-V trong câu ghép được gọi là một vế câu.  **2. Cách nối các vế câu:**  **Các vế trong câu ghép có thể được nối với nhau theo các cách sau đây:**   1. **Dùng từ có tác dụng nối:**   -**Nối bằng một quan hệ từ** (Kiểu nối này quan hệ từ nằm giữa các vế câu)  + Quan hệ từ “và” thường chỉ quan hệ bổ sung hoặc đồng thời. Quan hệ từ “rồi” thường chỉ quan hệ nối tiếp  **Ví dụ:**  *Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm.*  (Nam Cao)  *Cuối cùng, mây tan và mưa tạnh*  *Trời nổi gió rồi một cơn mưa ập đến*  + Các từ *mà, còn, chứ, nhưng, song, …* chỉ quan hệ tương phản hay nghịch đối  **Ví dụ:**  *Vợ tôi không ác, nhưng thị khổ quá rồi* (Nam Cao)  *Mọi người đi hết cả còn tôi vẫn ở lại*  + Các từ *hay, hay là, hoặc, hoặc là* thường dùng để chỉ quan hệ lựa chọn  **Ví dụ:**  *Mình đọc hay tôi đọc?* (Nam Cao)  **Nối bằng cặp quan hệ từ chỉ nguyên nhân (vì…nên), điều kiện (nếu…thì…), nhượng bộ (tuy…nhưng)…**  **Ví dụ:**  *-Nếu bà con đi làm thì thật con tôi chết oan.* (Võ Huy Tâm)  *-Vì trời mưa to nên đường ngập nước.*  **-Nối bằng cặp phó từ hay đại từ:**  Sự hô ứng giữa các vế trong câu ghép thương nhờ vào cặp phó từ hay đại từ như: *càng…càng, chưa…đã, có … mới, ai…nấy, bao nhiêu…bấy nhiêu…*  **Ví dụ**: *Người ta vừa mở miệng nói, anh đã cắt ngang.*  *Bạn Hoa càng nói mọi người càng chú ý.*  *-Mọi người đóng góp bao nhiêu tôi đóng góp bấy nhiêu.*   1. **Không dùng từ nối:**   Khi không sử dụng từ nối, các vế câu thường ngăn cách nhau bởi dấu phẩy, dấu chấm phẩy hoặc dấu hai chấm.  **Ví dụ:**  *Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ.*  (Ngô Tất Tố)  *-Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn; cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào…* (Nam Cao)  -*Tôi lại im lặng cúi đầu xuống đất: lòng tôi càng thắt lại, khóe mắt tôi đã cay cay* (Nguyên Hồng) |

Nối

bằng

cặp

phó từ

hay đại

từ.

Nối

bằng

cặp

quan

hệ từ

**CÁCH NỐI VẾ CÂU**

**TRONG CÂU GHÉP**

Dùng từ có tác dụng nối

Không dùng từ nối

Nối

bằng

một

quan

hệ từ

Nối

bằng

dấu

phẩy

Nối

bằng

dấu

chấm

phẩy

Nối

bằng

dấu

hai

chấm

1. **Luyện tập:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| -***Hình thức tổ chức luyện tập: cặp đôi***  ***-HS thực hiện.***  **Bài tập 1.**  Xác định câu ghép và trong đoạn văn sau và cho biết các vế câu trong mỗi câu ghép đó được nối với nhau bằng cách nào?  (1) *Tôi lắng nghe tiếng hai cây phong rì rào, tim đập rộn ràng vì thảng thốt và vui sướng,****rồi****trong tiếng xào xạc không ngớt ấy, tôi cố tình hình dung ra những miền xa lạ kia. (2) Thuở ấy có một điều tôi chưa hề nghĩ đến: ai là người trồng hai cây phong trên đồi này?(3) Người vô danh ấy đã có ước mơ gì, đã nói những gì khi vùi hai gốc cây xuống đất, người ấy đã ấp ủ những niềm hi vọng gì khi vun xới chúng nơi đây, trên đỉnh đồi cao này?* | **Bài tập 1.**  **Câu 1:** Câu ghép có 3 vế câu và chúng được ngăn cách với nhau bằng dấu phẩy và quan hệ từ “rồi”.  **Câu 2:** Câu ghép có 2 vế được nối với nhau bởi dấu hai chấm.  **Câu 3:** Câu ghép với 2 vế câu và được phân cách với nhau bởi dấu phẩy. |
| ***Hình thức tổ chức luyện tập: nhóm***  ***-HS thực hiện.***  **Bài tập 2.**  *Đặt câu ghép theo các yêu cầu sau*  Yêu cầu 1: Các vế câu câu được nối với nhau bằng dấu phẩy.  Yêu cầu 2: Các vế câu câu được nối với nhau bằng quan hệ từ chỉ mối quan hệ nhân – quả (vì, nên, tại, do…)  Yêu cầu 3: Các vế câu được nối với nhau bằng quan hệ từ biểu thị quan hệ đồng thời.  Yêu cầu 4: Các vế câu có quan hệ bổ sung  Yêu cầu 5: Các vế câu câu được nối với nhau bằng quan hệ từ biểu thị quan hệ tăng tiến.  Yêu cầu 6: Các vế câu câu được nối với nhau bằng quan hệ từ biểu thị quan hệ giả thiết – kết quả.  Yêu cầu 7: Các vế câu câu được nối với nhau bằng cặp từ hô ứng | **Bài tập 2.**  Trời mưa, đường lầy lội.  Cây cối nghiêng đổ **vì** trận bão đổ bộ vào đêm qua.  Em làm Toán, **còn** Lan làm Văn.  Các em cần đi học đúng giờ, **ngoài ra** các em hãy nhớ mặc đồng phục ngày đầu tuần.  **Chẳng những** gió to **mà** mưa cũng rất dữ.  **Nếu** chủ nhật này trời đẹp **thì** chúng tôi sẽ ra công viên đá bóng.  Đêm **càng** khuya, đường phố **càng** vắng người. |
| -***Hình thức tổ chức luyện tập: cả lớp***  ***-HS thực hiện.***  **Bài tập 3**: Phân tích ngữ pháp các câu sau;  1. Mọi người đều lắng nghe cô giáo giảng bài .  2. Những cây liễu tóc rủ mềm mại đúng soi bóng bên hồ nước trong xanh .  3. Mặt nước hồ về mùa thu gợn sóng lăn tăn.  4. Với đôi bàn tay nhanh thoăn thoắt, cô thợ dệt không ngừng gỡ gỡ, nối nối những sợi chỉ mảnh mai.  5. Bởi vì Lan chăm học cho nên bạn ấy thi đạt kết quả tốt  6. Lan không những là con ngoan mà bạn ấy còn là trò giỏi . | **Bài tập 3**:  1.câu mở rộng phụ ngữ  2.câu mở rộng phụ ngữ  3.câu mở rộng vị ngữ  4.câu mở rộng thành phần trạng ngữ  5 -6. Câu ghép chính phụ |
| -***Hình thức tổ chức luyện tập: cặp đôi***  ***-HS thực hiện.***  **Bài tập 4**  Dùng các câu đơn sau đây để tạo thành câu ghép (có sử dụng quan hệ từ cần thiết để nối các vế câu)  *a) Bố mẹ thương con nhiều lắm. b) con cần cố gắng hơn nữa. c) Trời hôm nay mưa to. d) Hàng ngày, con thường giúp đỡ mọi người. e) Em nên mặc áo mưa mà đi học. g) Gió thổi mạnh. h) Nước sông lên to quá. i) Những cây mới trồng khó mà sống được.* | **Bài tập 4**  ( d) + (a) *Hàng ngày, con thường giúp đỡ mọi người nên bố mẹ thương con nhiều lắm.*  (c) + (g) + (i) *Trời hôm nay mưa to, gió thổi mạnh, những cây mới trồng khó mà sống được.*  (c) + (g) *Trời hôm nay mưa to, gió thổi mạnh.*  ... |
| -***Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân, nhóm***  ***-HS thực hiện.***  **Bài tập 5**  Tìm cặp QHT thích hợp điền vào chỗ trống trong từng câu sau:  a) …. tôi đạt học sinh giỏi….bố mẹ thưởng cho tôi một chiếc xe đạp.  b) …trời mưa…lớp ta sẽ hoãn chuyến tham quan  c)…gia đình gặp nhiều khó khăn…bạn An vẫn phấn đấu học tốt.  d)Trẻ con thích xem phim Tây Du Kí…người lớn cũng rất thích. | **Bài tập 5**  a) Vì…nên…  b) Nếu… thì…  c) Tuy… nhưng…  d) Không những …mà… |
| -***Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân, cặp đôi***  ***-HS thực hiện.***  **Bài tập 6:** Với mỗi cặp quan hệ từ dưới đây, hãy đặt một câu ghép.  a) vì... nên... (hoặc hởi vì... cho nên...; sở dĩ... là vì...) b) nếu... thì ... (hoặc hễ... thì ...;giá... thì ...) c) tuy... nhưng... (hoặc mặc dù... nhưng...) d) không những... mà... (hoặc không chỉ... mà...; chẳng những... mà...) | a. Vì trời mưa nên tôi đi học muộn b. Nếu thời tiết đẹp thì chúng tôi sẽ đi dã ngoại. c. Tuy gia đình khó khăn nhưng Nam vẫn cố gắng học tập tốt c. Ngọc không những học giỏi mà bạn  còn năng nổ trong các hoạt động đoàn đội. |
| -***Hình thức tổ chức luyện tập: cả lớp***  ***-HS thực hiện.***  **Bài tập 7.**  ***Đặt câu ghép với mỗi cặp từ hô ứng dưới đây:***  a) ...vừa... đã... (hoặc... mới... đã...; ... chưa... đã...)  b) ... đâu... đấy... (hoặc... nào... nấy...; ... sao... vậy...)  c) ... càng ... càng. | * *Mẹ em vừa đi làm về đã tất bật, vất vả chuẩn bị bữa cơm tối cho gia đình* * *Tôi mới chợp mắt trời thì trời đã sáng* * *Mẹ đi đâu, nó theo đấy* * *Càng lớn nó càng bướng bỉnh* |

**III. Củng cố, dặn dò:**

- Về nhà học bài, học ghi nhớ, hoàn thành các bài tập vào vở bài tập.

- Sưu tầm thêm một số câu ghép trong các bài thơ, bài văn: phân tích cấu tạo, cách nối các vế của câu ghép .

*-* Viết một đoạn văn ngắn trong đó có sử dụng câu ghép có chứa quan hệ từ hoặc cặp quan hệ từ?

------------------------------------------------

**Ngày soạn: Ngày dạy:**

**Buổi 12 – Tiết 2:**

**CHỦ ĐỀ: VĂN BẢN THUYẾT MINH**

***-Tìm hiểu chung về văn bản thuyết minh***

1. **Mục tiêu cần đạt:**
2. **Kiến thức:**

Trình bày được:

- Đặc điểm của văn bản thuyết minh

- Ý nghĩa, phạm vi sử dụng của văn bản thuyết minh.

- Yêu cầu của bài văn thuyết minh

***2. Kỹ năng:***

- Nhận biết văn bản thuyết minh, phân biệt văn bản thuyết minh và các kiểu văn bản đã học

- Trình bày các tri thức có tính chất khách quan, khoa học thông qua những tri thức của môn Ngữ văn và các môn học khác.

- Kĩ năng sống: Giao tiếp: Trình bày ý tưởng về đặc điểm bài văn thuyết minh.

**3. Thái độ, phẩm chất:**

* Đảm bảo khách quan, chân thật khi làm văn thuyết minh.
* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

1. **Năng lực**:

-Năng lực chung: tự học và tự chủ, giải quyết vấn đề và sáng tạo, …

- Năng lực chuyên biệt: NL sử dụng ngôn ngữ, tạo lập văn bản thuyết minh, …

**II. Tiến trình lên lớp:**

1. **Hệ thống lại kiến thức đã học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **PPDH: Vấn đáp**  **HTTDH: Cả lớp**  ? Thế nào là văn bản thuyết minh?  ? Cho ví dụ về các văn bản thuyết minh đã học?  ? Tri thức trong văn bản thuyết minh phải đảm bảo những yêu cầu gì?  **GV:** Văn bản thuyết minh không sử dụng kĩ năng quan sát và trí tưởng tượng phong phú để tạo dựng hình ảnh, diễn biến cốt truyện như trong văn miêu tả hay tự sự; đồng thời cũng không phụ thuộc vào cảm xúc như văn biểu cảm; không bày tỏ ý định, nguyện vọng hay thông báo tin tức như trong văn bản hành chính. Với mục đích cung cấp tri thức để nâng cao hiểu biết của con người, văn bản thuyết minh sử dụng lối tư duy khoa học, đòi hỏi sự chính xác, rạch ròi.  ? Muốn văn bản thuyết minh có sức thuyết phục thì cách trình bày ngôn ngữ ra sao?    **GV:** Trong văn bản thuyết minh không chú trọng sử dụng ngôn ngữ giàu hình ảnh, giàu sức gợi như trong văn miêu tả hay văn biểu cảm. Văn bản thuyết minh thuộc lĩnh vực nào, liên quan đến ngành nghề nào thì phải sử dụng những thuật ngữ, những khái niệm của những chuyên ngành đó. Các thông tin trong văn bản thuyết minh phải ngắn gọn, hàm súc; các số liệu được nêu phải chính xác. Có thể dùng các câu tỉnh lược trong văn bản.  ***?Nhắc lại đặc điểm tính chất của các kiểu VB khác?***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Kiểu VB | Đặc điểm, tính chất | Mục đích | | TS | Kể lại sự kiện, câu chuyện đã xỷ ra | Làm cho người đọc cảm nhận là chủ yếu | | MT | Tả lại đặc điểm của cảnh vật, con người... | | BC | Bộc lộ tình cảm, cảm xúc | | NL | Trình bày luận điểm bằng lập luận | Để người đọc, người nghe hiểu | | TM | Giới thiệu về SV, HT tự nhiên, xã hội | HIểu bản chất của sự việc, sự vật... |   ***?VB thuyết minh có những tính chất gì khác với văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận?***  - Ba tính chất trên chủ yếu làm cho người đọc, người nghe hiểu về đối tượng được TM, còn sự hấp dẫn là điều nên có để Vb dễ đi vào lòng người.Vì vậy VBTM sử dụng ngôn ngữ chính xác, cô đọng, chặt chẽ và sinh động  Như vậy VBTM mang ND khoa học để đạt được mục đích hiểu là chủ yếu chứ không phái cảm như TS, MT, BC.  VNNL cũng nhằm mục đích hiểu là chủ yếu nhưng hiểu qua lập luận chứ không phải qua bản chất của SV, HT như trong VNTM. | ***1. Thế nào là văn bản thuyết minh?***  - Văn bản thuyết minh là kiểu văn bản thông dụng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằm cung cấp tri thức (kiến thức) về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân,.. của các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên và xã hội bằng các phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích.  VD: Văn bản “Ôn dịch thuốc lá”, “Cây dừa Bình Định”  **2.Đặc điểm chung của văn bản thuyết minh:**  -Tri thức trong văn bản thuyết minh cần khách quan, trung thực và hữu ích cho con người.  Muốn văn bản thuyết minh hay và thuyết phục, có giá trị cần:  - Trình bày rõ ràng và hấp dẫn những đặc điểm cơ bản của đối tượng thuyết minh.  - Ngôn ngữ sử dụng phải cô đọng, chính xác, chặt chẽ, sinh động.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Kiểu VB | Đặc điểm, tính chất | Mục đích | | TS | Kể lại sự kiện, câu chuyện đã xỷ ra | Làm cho người đọc cảm nhận là chủ yếu | | MT | Tả lại đặc điểm của cảnh vật, con người... | | BC | Bộc lộ tình cảm, cảm xúc | | NL | Trình bày luận điểm bằng lập luận | Để người đọc, người nghe hiểu | | TM | Giới thiệu về SV, HT tự nhiên, xã hội | HIểu bản chất của sự việc, sự vật... |   \  => Xác thực, khoa học, rõ ràng, hấp dẫn. |

1. **Luyện tập:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| -***Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân***  ***-HS thực hiện.***  **Bài tập 1.**  Trong các ý sau, ý nào không đúng với đặc điểm của văn thuyết minh?  1. Vb thuyết minh chỉ cần trình bày rõ ràng, không cần hấp dẫn  2. Phương thức trình bày trong vb TM là trình bày, gthiệu và gthích  3. VB TM cung cấp tri thức về đặc điểm, t/chất, ng. nhân …của các hiện tượng tự nhiên và xh  4. Các tri thức trong vb TM đòi hỏi khách quan, xác thực, hữu ích. | **Bài tập 1.**  Gợi ý: ý 1 |
| -***Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân***  ***-HS thực hiện.***  **Bài tập 2.** Cho các đề bài sau, em hãy cho biết đề bài nào đòi hỏi phải sử dụng kiểu văn bản thuyết minh:  a**.Chơi đu**  b.Làng mạc ngày mùa.  c.**Thủ đô Hà Nội**  d. Một đêm trung thu để lại nhiều ấn tượng sâu sắc.  e**. Đấu vật cổ truyền trong lễ hội của người Việt.**  **g. Mùa thu Hà Nội** | Lưu ý:  Dấu hiệu nhận biết: đề bài nào thiên về giới thiệu, trình bày, giải thích để cung cấp tri thức cho người đọc, người nghe thì đòi hỏi phải sử dụng kiểu văn bản thuyết minh |
| ***Hình thức tổ chức luyện tập: cặp đôi***  ***-HS thực hiện.***  **Bài tập 3:**  Hai văn bản sau có phải là văn bản thuyết minh không? Hãy đặt tên cho các văn bản ấy?  **Văn bản 1**: Ở nước ta, tiền giấy được phát hành lần đầu tiên dưới thời nhà Hồ (1400 – 1407) nhưng chỉ tồn tại trong thời gian rất ngắn. Sau khi Pháp xâm chiếm Việt Nam, ngân hàng Đông Dương ra đời năm 1875 và tiền giấy bắt đầu được phát hành ở Nam Kì và Hải Phòng vào khoảng những năm 1891 – 1892. Sau khi nước VNDCH ra đời, ngày 31-1 -1946, Chính Phủ đã kí nghị định phát hành tiền giấy VN và đến ngày 30- 11 – 1946 tờ giấy bạc đầu tiên của nước VNDCH ra đời. Ngày 5-6-1951, Ngân hàng quốc gia VN được thành lập và phát hành loại tiền giấy mới. Từ đó đến nay, nước ta đã trải qua hai lần đổi tiền (1959 và 1985) và một lần thống nhất tiền tệ hai miền Nam Bắc theo loại tiền mới (1978)  **Văn bản 2**: Cá đuối thường sống ở vùng biển nhiệt đới. Thân hình chúng nom dẹt và mỏng, do hai vây ngực rộng và phẳng ở hai bên, gắn liền với thân. Khi cá bơi, các vây ngực mềm này chuyển động lên xuống trong nước trông rất đẹp. Cá đuối màu xanh sẫm, nhưng cũng có loài đuối lưng có những đốm màu trắng nom rất nổi bật. Chiếc đuôi dài giúp cá đuối giữ thăng bằng dưới nước. Tuy nhiên, đuôi cá đuối có nọc độc, có thể châm đốt gây nguy hiểm cho người và các động vật khác. Cá đuối thích sống thành từng đàn. Người ta có khi nhìn thấy bầy cá đuối ba đến bốn con bơi cạnh nhau. Chúng cũng rất thích nhảy múa nữa. Lúc “cao hứng”, cá đuối còn nhảy vọt lên trên mặt nước, cao đến vài mét. Song, cá đuối cũng biết giấu mình dưới cát để tránh kẻ thù. | **Gợi ý**: Cả hai văn bản trên đều là văn bản thuyết minh  Văn bản 1: Về tiền giấy Việt Nam  Văn bản 2: Loài cá đuối ở vùng biển nhiệt đới. |

**III.Củng cố, dặn dò:**

- Nắm chắc khái niệm văn thuyết minh và đặc điểm chung của văn thuyết minh.

- Sưu tầm 1vb viết theo phương thức thuyết minh?

-------------------------------------------------------------------

**Ngày soạn: Ngày dạy:**

**Buổi 12 – Tiết 3:**

**CHỦ ĐỀ: VĂN BẢN NHẬT DỤNG**

***Ôn dịch, thuốc lá***

**I. Mục tiêu cần đạt:**

1. **Kiến thức:**

Trình bày được:

- Mối nguy hại ghê gớm toàn diện của tệ nghiện thuốc lá đối với sức khoẻ con người và tệ nạn xã hội.

- Tác dụng của việc kết hợp các phương thức biểu đạt lập luận và thuyết minh trong văn bản.

***2. Kỹ năng:***

- Đọc – hiểu một văn bản nhật dụng đề cập đến một vấn đề xã hội bức thiết.

- Tích hợp với phần Tập làm văn để tập viết bài văn thuyết minh một vấn đề của đời sống xã hội.

**3. Thái độ, phẩm chất:**

- Phòng tránh tệ nạn hút thuốc lá, khuyến cáo mọi người cùng tránh.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**4.Năng lực**:

-Năng lực chung: tự học và tự chủ, giải quyết vấn đề và sáng tạo,…

- Năng lực chuyên biệt: NL sử dụng ngôn ngữ, tạo lập văn bản thuyết minh,…

**II. Tiến trình lên lớp:**

1. **Hệ thống lại kiến thức đã học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ? Cho biết bố cục của văn bản “ôn dịch thuốc lá” ?  Hs trình bày .  ?Nêu tác hại của thuốc lá?  Học sinh thảo luận làm bài  Học sinh đọc bài  Giáo viên nhân xét bổ sung  \* khói thuốc có hại cho sức khoẻ người hút:  + Chất hắc ín làm tê liệt các lông mao ở vòm họng, phế quản gây ho hen, ung thư vòm họng, ung thư phổi…  + Chất oxitcacbon thấm vào máu không cho tiếp nhận O2 khiến sức khoẻ giảm sút  + Chất nicotin làm co thắt các động mạch gây bệnh huyết áp cao, nhồi máu cơ tim rất dễ gây tử vong.  \* Khói thuốc lá còn đầu độc những người xung quanh  Gần người hút thuốc cũng hít phải khói độc. Hàng nghìn công trình nghiên cứu đã chứng minh rõ: vợ con người nghiện thuốc cũng bị đau tim mạch, viêm phế quản, ung thư…người có thai thì bị đẻ non…  Khói thuốc ảnh hưởng đến đạo đức con người:  ? Tác giả bài viết đã có cách viết như thế nào về vấn đề này  - Nghệ thuật so sánh:  + Tỉ lệ hút thuốc, số tiền mua một bao thuốc ở Âu, mỹ thì là nhỏ, nhưng ở Việt Nam thì lại rất lớn  \* Có thể nói tác giả đúng ở những góc nhìn khác nhau, phân tích bằng những số liệu cụ thể, tạo tính khách quan chân thực trong lời thuyết minh của mình.  + Khi thì là một bác sĩ, một nhà khoa học , phân tích tác hại của thuốc lá đối với các bộ phận cơ thể người.  + Khi là nhà nghiên cứu, sưu tầm, tích luỹ tài liệu từ các bệnh viện với số liệu cụ thể.  + Khi thì là nhà điều tra xã hội học chỉ rõ tác hại của thuốc lá với kinh tế xã hộị…khi lại dùng biện pháp tranh luận…  \* Và bằng phương pháp lập luận sắc bén đó, ta thấy thuốc lá không chỉ huỷ hoại sức khoẻ con người, nó còn gậm nhấm tâm hồn, lối sống con người, nhất là thế hệ trẻ. \* \*Những câu văn của Nguyễn Khắc Viện thực sự là hồi còi báo động mỗi lúc một gióng cao, vang xa, thấm sâu vào lòng tất cả mọi lớp người, người không nghiện, lớp cha anh và cả trẻ thơ nữa! | 1. **Những tác hại của thuốc lá**  .\*Tác hại cho sức khoẻ Người hút và kinh tế của gia đình, xã hội.  - Tác hại cho những người xung quanh vì hít phải khói thuốc.  - Tác hại đến đạo đức của con người.  2. **Nghệ thuật :**  - Liệt kê, so sánh, phân tích phân loại, nêu ví dụ.  - Lập luận chặt chẽ, lời văn ngắn gọn, thuyết phục. |

1. **Luyện tập:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| -***Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân***  ***-HS thực hiện.***  **Câu 1.**Ý nghĩa của việc dùng dấu phẩy trong đầu đề của văn bản  -***Hình thức tổ chức luyện tập: cặp đôi***  ***-HS thực hiện.***  **Câu 2**  Vì sao tác giả dẫn lời Trần Hưng Đạo bàn về việc đánh giặc trước khi phân tích tác hại của thuốc lá? Điều đó có tác dụng gì trong lập luận?  -***Hình thức tổ chức luyện tập: cặp đôi***  ***-HS thực hiện.***  **Câu 3**  Vì sao tác giả đặt giả định có người báo: "Tôi hút; tôi bị bệnh, mặc tôi!" trước khi nêu lên những tác hại về phương diện xã hội của thuốc lá?  -***Hình thức tổ chức luyện tập: cặp đôi***  ***-HS thực hiện.***  **Câu 4.** Vì sao tác giả so sánh tình hình hút thuốc lá ở nước ta với các nước Âu - Mĩ trước khi đưa ra kiến nghị: Đã đến lúc mọi người phải đứng lên chống lại, ngăn ngừa nạn ôn dịch này?  -***Hình thức tổ chức luyện tập: cả lớp***  ***-HS thực hiện.***  **Câu 5.** Trình bày các bước lập luận của tác giả trong văn bản? | **Câu 1.** Thuốc lá ở đây chính là tệ nghiện thuốc lá. Tác giả so sánh tệ nghiện này với ôn dịch là xác đáng vì tệ nghiện thuốc lá cũng rất dễ lây lan.  - Ngoài ra từ *ôn dịch* là một từ thường dùng làm tiếng chửi rủa như Đồ ôn dịch! Dấu phẩy ngăn cách giữa “ôn dịch” và thuốc lá là nhằm nhấn mạnh sắc thái biếu cảm thế hiện sự căm tức là ghê tởm, một lời nguyền rủa: Thuốc lá! Đồ ôn dịch!  - Vẫn có thể sửa tên nhan đề thành "ôn dịch thuốc lá" hoặc "thuốc lá là một loại ôn dịch" tuy nhiên sẽ giảm tính biểu đạt, biểu cảm của tên nhan đề.  **Câu 2.** Trước khi phân tích tác hại của thuốc lá, tác giả dẫn lời Trần Hưng Đạo bàn về việc đánh giặc: “Nếu đánh giặc như vũ bão thì không dáng sợ, đáng sợ là giặc gặm nhấm như tằm ăn dâu.”  - Tác giả trích dẫn lời của Trần Hưng Đạo:     + Lấy lối so sánh của nhà quân sự đại tài nói tới vấn nạn thuốc lá     + Tạo sự liên tưởng bằng lối lập luận sắc bén.     + Thuốc lá cũng là một loại giặc cần chống     + Giặc thuốc lá không đánh như vũ bão, nó "gặm nhấm như tằm ăn dâu"     + Tác hại của thuốc lá không nhìn thấy ngay nên mức độ nguy hiểm khôn lường.  ⟹ Đây là so sánh sáng tạo, làm cho lập luận chặt chẽ, tạo liên tưởng thú vị  **Câu 3.** Đặt giả định "tôi hút, tôi bị bệnh, mặc tôi!" để phủ định, bác bỏ:     + Thực tế, nhiều người coi thường sức khỏe người thân, người xung quanh nên mặc sức hút thuốc lá.     + Họ ngụy biện bằng cách vin vào quyền tự do cá nhân, tuyên bố tự chịu trách nhiệm về việc làm của mình.     + Tác giả phản bác vì người hút thuốc không chỉ hủy hoại sức khỏe bản thân mà còn hủy hoại sức khỏe của những người xung quanh.     + Hút thuốc là quyền cá nhân, nhưng kg thể sử dụng quyền đó làm ảnh hưởng tới không khí người khác.  ⟹ Tác giả dùng chính quyền chính đáng để bác bỏ quyền không chính đáng của người hút thuốc chống chế.  **Câu 4.** So sánh tình hình hút thuốc ở nước ta ngang với các thành phố lớn ở Âu- Mĩ:     + Dù nước ta nghèo hơn các nước Âu- Mĩ nhưng tỉ lệ hút thuốc ngang với họ ⟶ điều đáng báo động     + Các nước phát triển ở Âu- Mĩ cấm, có chiến dịch chống hút thuốc mạnh mẽ, còn nước ta chưa có biện pháp quyết liệt.     + Nước ta còn quá nhiều bệnh dịch cần thanh toán thế mà chúng ta lại rước về nhiều thứ bệnh dịch nguy hiểm và tốn kém.  - Sự so sánh là rất cần thiết vì nó cảnh báo mạnh mẽ vấn nạn hút thuốc lá đang trở nên phổ biến ở nước ta, cần đưa ra các biện pháp khắc phục.  **Câu 5.** Tác giả lập luận theo các bước sau đây:  Lấy kết luận của hàng vạn công trình khoa học để làm tiền đề cho lập luận của mình *“Ôn dịch thuốc lá đe dọa sức khỏe loài người còn nặng hơn cả AIDS”.* Tiếp đó, chỉ ra tác hại của thuốc lá về nhiều mặt. Sau khi phân tích và chứng minh, đi đến kết luận và lời bình. |

-***Hình thức tổ chức luyện tập: cả lớp***

***-HS thực hiện.***

**Câu 6**

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

*Tỉ lệ thanh thiếu niên hút thuốc lá ở các thành phố lớn nước ta ngang với tỉ lệ các thành phố Âu-Mĩ. Chỉ có khác là với một thanh niên Mĩ, 1 đô la mua được một bao thuốc lá là một khoản tiền nhỏ, còn đối với một thiếu niên Việt Nam, muốn có 15 000 mua một bao 555 – vì đã hút là phải hút thuốc sang – chỉ có một cách là trộm cắp. Trộm một lần, quen tay. Từ điếu thuốc sang cốc bia rồi đến ma túy, con đường phạm pháp thực ra đã mở đầu với điếu thuốc.*

(*Ôn dịch, thuốc lá –* Nguyễn Khắc Viện)

* 1. Vấn đề mà tác giả muốn đề cập đến trong đoạn văn trên là gì?
  2. Chỉ ra câu chủ đề của đoạn văn?
  3. Dấu gạch ngang trong câu sau có tác dụng gì: *Chỉ có khác là với một thanh niên Mĩ, 1 đô la mua được một bao thuốc lá là một khoản tiền nhỏ, còn đối với một thiếu niên Việt Nam, muốn có 15 000 mua một bao 555 – vì đã hút là phải hút thuốc sang – chỉ có một cách là trộm cắp.*
  4. Phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu văn ở câu hỏi (c) và cho biết câu văn đó thuộc kiểu câu nào?
  5. **Viết đoạn văn khoảng (5-7 câu) ghi lại suy nghĩ của em về hiện tượng hút thuốc lá ở một số bạn học hiện nay. Trong đoạn văn có sử dụng câu ghép**

**Gợi ý:**

1. Vấn đề chính mà tác giả muốn đề cập đến trong đoạn văn trên: Nguyên nhân dẫn đến nạn trộm cắp ở nước ta là nghiện thuốc lá.
2. Câu chủ đề: Câu cuối đoạn.
3. Tác dụng của dấu gạch ngang: để giải thích
4. Câu ghép
5. Đoạn văn tham khảo:

Hút thuốc lá ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe con người. Hút thuốc lá có thể gây ra bệnh về phổi, gan, tim, khoa học và thực tế đã chứng minh rằng nếu một người hút thuốc lá thường xuyên trong vòng nhiều năm thì tuổi thọ sẽ giảm đi rất nhiều so với những người không hút thuốc lá.  Trong thuốc lá có côcain dễ gây nghiện, khu hút có thể nó kích thích sự hưng phấn cho người hút nhưng nó lại gây ra tác hại rất lớn. Nó làm thành màng đen bao lấy phổi, hút càng nhiều thì diện tích màng đen càng lớn gây bệnh cho người hút.***Thuốc lá không chỉ gây hại cho cá nhân người hút mà hút thuốc có hại //mà nó còn ảnh hưởng tới cả sức khỏe của những người xung quanh***. Chính vì thế, thế hệ trẻ chúng ta, những người đang nắm giữ vận mệnh của đất nước cần phải nhận biết ra đâu là mặt lợi, mặt hại mà dừng những hành động hút thuốc lá độc hại này lại

1. **Củng cố, dặn dò:**

Nếu thấy người thân của em hút thuốc lá thì em sẽ xử sự ra sao ? Viết một đoạn văn nghị luận nhỏ để nói về vấn đề này

**G/v gợi ý**

- Góp ý bằng cách nói rõ tác hại nhiều mặt của thuốc lá

- Khuyên người thân dần dần từng bước hạn chế hút thuốc lá đến bỏ thuốc lá .

***Buổi 13 - Tiết 1:***

**MỐI QUAN HỆ Ý NGHĨA GIỮA CÁC VẾ CỦA CÂU GHÉP**

***(Chủ đề: Câu ghép)***

**I. Mục tiêu cần đạt:**

1. Kiến thức:

**-** Nắm vững quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu.

- Mối quan hệ về ý nghĩa giữa các vế câu ghép. Cách thể hiện quan hệ ý nghĩa giữa giữa các vế câu ghép.

2. Kĩ năng:

- Xác định ý nghĩa giữa các vế câu ghép dựa vào văn cảnh hoặc hoàn cảnh giao tiếp.

- Tạo lập được tương đối thành thạo câu ghép phù hợp yêu cầu giao tiếp.

3. Thái độ, phẩm chất:

- Tạo lập câu ghép, sử dụng câu ghép để tạo lập văn bản, giao tiếp.

4. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề.

- Năng lực tư duy phê phán.

- Năng lực giao tiếp Tiếng Việt.

- Năng lực sáng tạo và cảm thụ thẩm mĩ.

**II. Tiến trình lên lớp**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học: (10-15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Nhắc lại những quan hệ ý nghĩa có thể có giữa các vế câu của câu ghép.  - HS nhắc lại và tự ôn tập nội dung trong vở hoặc ghi nhớ trang 123.  *Các vế của một câu ghép có quan hệ ý nghĩa mật thiết với nhau: quan hệ nguyên nhân, quan hệ điều kiện (giả thiết), tương phản, tăng tiến, lựa chọn, bổ sung, nối tiếp, đồng thời, giải thích...*  - GV dẫn: *Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu ghép được đánh dấu bằng những quan hệ từ, cặp quan hệ từ hoặc cặp từ hô ứng.*  - Cho HS làm BT nhanh vào vở: Xác định ý nghĩa của các quan hệ từ, cặp QHT, cặp từ hô ứng sau:   |  |  | | --- | --- | | **Quan hệ từ,**  **cặp từ hô ứng** | **Ý nghĩa** | | a) Nếu ... thì... / Hễ…thì… |  | | b) không những ... mà còn |  | | c) ... càng ... càng... |  | | d) Mặc dù (Tuy)... nhưng... |  | | e) ... hay / hoặc ... |  | | f) ... và/ rồi ... |  | | g) … nghĩa là… |  | | **I. Những quan hệ ý nghĩa giữa các vế của câu ghép:**   |  |  | | --- | --- | | **Quan hệ từ,**  **cặp từ hô ứng** | **Quan hệ**  **ý nghĩa** | | a) Nếu ... thì... / Hễ…thì… | Điều kiện  (giả thiết) | | b) không những ... mà còn | Bổ sung | | c) ... càng ... càng... | Tăng tiến | | d) Mặc dù (Tuy)... nhưng... | Tương phản | | e) ... hay / hoặc ... | Lựa chọn | | f) ... và/ rồi ... | Đồng thời/ tiếp nối | | g) … nghĩa là… | Giải thích | |
| Quan hệ giữa các vế của câu ghép rất đa dạng và phong phú. Dựa vào đâu để xác định đúng quan hệ ý nghĩa giữa các vế của câu ghép?  - HS trả lời, GV củng cố kiến thức bằng sơ đồ cây.  - HS kẻ lại sơ đồ vào vở.  16 | **II. Dấu hiệu nhận biết quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu ghép**  **DẤU HIỆU NHẬN BIẾT QUAN HỆ Ý NGHĨA GIỮA CÁC VẾ CÂU GHÉP**  **VĂN CẢNH HOẶC HOÀN CẢNH**  **GIAO TIẾP**  **HÌNH THỨC**  **(QUAN HỆ TỪ,**  **CẶP TỪ HÔ ỨNG)** |

***B. Luyện tập:*** GV đưa ra hệ thống bài tập để luyện tập lại các kiến thức vừa ôn***.*** Bài tập có kèm theo đáp án.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **1. BT bổ sung: Đọc các câu ghép và hoàn thành các nội dung trong phiếu bài tập.**  - GV nêu yêu cầu của BT và cho HS hoàn thành BT bằng cách thảo luận.  - GV chia lớp thành 4-6 nhóm (GV linh động tùy theo số lượng HS).  - GV phát phiếu BT, nhắc HS có 7 phút để làm bài.  -Đại diện nhóm trình bày. Nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét, chốt ý và đưa đáp án.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu ghép** | **Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu** | **Ý nghĩa**  **vế 1** | **Ý nghĩa**  **vế 2** | | *Có lẽ tiếng Việt của chúng ta đẹp bởi vì tâm hồn của người Việt Nam ta rất đẹp, bởi vì đời sống, cuộc đấu tranh của nhân dân ta từ trước tới nay là cao quý, là vĩ đại, nghĩa là rất đẹp.* |  |  |  | | *Nếu bạn học hành chăm chỉ thì bạn sẽ vượt qua kì thi sắp tới* |  |  |  | | *Tuy trời rét mướt nhưng những cành đào vẫn đua nhau khoe sắc* |  |  |  | | *Bạn ấy chẳng những chăm chỉ học mà bạn ấy còn hát rất hay* |  |  |  | | 1. **BT bổ sung:**  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu ghép** | **QH ý nghĩa giữa các vế câu** | **Ý nghĩa vế 1** | **Ý nghĩa**  **vế 2** | | *Có lẽ tiếng Việt của chúng ta đẹp bởi vì tâm hồn của người Việt Nam ta rất đẹp, bởi vì đời sống, cuộc đấu tranh của nhân dân ta từ trước tới nay là cao quý, là vĩ đại, nghĩa là rất đẹp.* | Nhân quả | Có lẽ tiếng Việt của chúng ta đẹp => kết quả | tâm hồn của người Việt Nam ta rất đẹp,...=> nguyên nhân | | *Nếu bạn học hành chăm chỉ thì bạn sẽ vượt qua kì thi sắp tới* | Điều kiện, giả thiết | Nếu bạn học hành chăm chỉ=> điều kiện | thì bạn sẽ vượt qua kì thi sắp tới=> kết quả | | *Tuy trời rét mướt nhưng những cành đào vẫn đua nhau khoe sắc* | Tương phản | Tuy trời rét mướt=> tương phán ý nghĩa với vế sau | nhưng những cành đào vẫn đua nhau khoe sắc=> tương phán ý nghĩa với vế trước | | *Bạn ấy chẳng những chăm chỉ học mà bạn ấy còn hát rất hay* | Bổ sung | Bạn ấy chẳng những chăm chỉ học=> nêu nhận xét. | mà bạn ấy còn hát rất hay=> có ý nghĩa bổ sung thêm so với vế trước | |
| **2. BT4: SGK/125 – 126**  HS lên bảng làm bài. GV nhận xét.  HS quan sát tự hoàn thành BT vào vở. | |  |  | | --- | --- | | **Câu ghép** | **Câu đơn** | | Thôi, u van con, u lạy con, con có thương thầy, thương u, thì con đi ngay bây giờ cho u.  => Gợi cách nói kể lể, nài nỉ tha thiết, nỗi đau thắt lòng của chị Dậu. | Thôi! U van con. U lạy con. Con có thương thầy, thương u. Con đi ngay bây giờ cho u.  => Gợi cách nói nhát gừng, nghẹn ngào, ngắt quãng của chị Dậu. |   **2. BT4: SGK/125 – 126** |
| ***3. Viết đoạn văn từ 8 đến 12 câu chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng ít nhất 2 câu ghép. Gạch chân dưới câu ghép và cho biết quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu ghép đó.***   * HS tự làm vào vở. * GV quan sát, gợi mở và góp ý. * Gọi HS đọc mẫu, HS khác nhận xét. * GV chốt lại và giới thiệu đến HS một số đoạn văn tham khảo sử dụng câu ghép. * Yêu cầu HS chỉ ra câu ghép có trong đoạn văn mẫu.   **\*Đoạn 1: Miêu tả khí hậu ở Hạ Long.**  *Vào mùa sương, ngày ở Hạ Long như ngắn lại. Buổi sáng, mặt trời lên ngang cột buồm, sương tan, trời mới quang. Buổi chiều, nắng vừa nhạt, sương đã buông nhanh xuống biển. Thời tiết thay đổi theo thời gian, theo từng mùa. Thiên nhiên tươi đẹp và phong phú. Vì vậy, du khách đến đây rất ấn tượng với khí hậu nơi này.*  (Tham khảo trên mạng)  **\*Đoạn 2: Thuyết minh về thực trạng và lời kêu gọi mọi người cần hạn chế sử dụng bao bì ni lông.**  *Bao bì ni lông được sử dụng phổ biến trong đời sống. Dường như mỗi ngày, chúng ta đều tiếp xúc với chúng. Các bà, các mẹ đi chợ dùng bao ni lông để xách cá, thịt, rau củ, học sinh mua trà sữa, quà bánh đựng trong bao bì ni lông. Khách mua đồ dù chỉ một miếng xà phòng nhỏ, người bán cũng gói hàng bằng bao ni lông. Nhu cầu tiêu dùng của con người càng phát triển, bao bì ni lông càng được sử dụng nhiều, môi trường càng ô nhiễm nặng nề. Để bảo vệ môi trường, mỗi người cần hạn chế sử dụng bao bì ni lông, không xả rác bừa bãi. Bên cạnh đó, chúng ta cần biết tận dụng và khai thác những vật liệu tự nhiên như giấy báo, lá cây, túi tự hủy để thay thế dần cho bao bì ni lông.*  (Bài làm của HS) | ***3. Viết đoạn văn từ 8 đến 12 câu chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng ít nhất 2 câu ghép. Gạch chân dưới câu ghép và cho biết quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu ghép đó.*** |

***III.* Củng cố - dặn dò:**

**BT1: Cho câu ghép sau, em hãy thêm các từ nối để tạo ra các mối quan hệ ý nghĩa khác nhau giữa hai vế câu:** “***Dân giàu, nước mạnh”*.**

*GV cho HS trả lời miệng và nhận xét, chốt ý.*

1. Nếu dân giàu thì nước mạnh**.(điều kiện)**

2. Vì dân giàu nên nước mạnh**.(nhân - quả)**

3. Dân càng giàu, nước càng mạnh**.(tăng tiến)**

4. Dân không những giàu mà nước còn mạnh.**(bổ sung)**

5. Dân giàu rồi nước mạnh**.( tiếp nối)**

6. Dân vừa giàu, nước vừa mạnh**.(đồng thời)**

**BT2: Chuyển hai câu đơn sau thành câu ghép dùng quan hệ từ hoặc dấu phẩy:**

*GV cho HS lên bảng làm. HS khác quan sát, nhận xét. GV chốt ý.*

a. Ông nổi giận. Bà không nói gì cả.

Gợi ý:

Vì ông nổi giận nên bà không nói gì cả.

Hễ ông nổi giận thì bà không nói gì cả.

b. Chị khóc. Chị không nói gì nữa.

Gợi ý:

Chị khóc*,* không nói gì nữa.

Chị khóc rồi không nói gì nữa.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Ngày soạn: / /20... Ngày dạy: / /20...**

***Buổi 13 - Tiết 2:***

**PHƯƠNG PHÁP THUYẾT MINH**

***(Chủ đề: Văn bản thuyết minh)***

**I. Mục tiêu cần đạt:**

1. Kiến thức:

-Nhận rõ yêu cầu của phương pháp thuyết minh.

- Đặc điểm, tác dụng của các phương pháp thuyết minh.

2. Kĩ năng:

**-** Nhận biết và vận dụng các phương pháp thuyết minh thông dụng.

- Phối hợp sử dụng các phương pháp thuyết minh để tạo lập văn bản thuyết minh theo yêu cầu.

3. Thái độ, phẩm chất:

**-** Vận dụng linh hoạt các phương pháp thuyết minh khi làm văn.

4. Năng lực:

- Năng lực tự học.

- Năng lực giải quyết vấn đề.

- Năng lực tư duy phê phán.

- Năng lực giao tiếp Tiếng Việt.

- Năng lực sáng tạo và cảm thụ thẩm mĩ.

**II. Tiến trình lên lớp**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học: (10-15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Gọi HS nhắc lại khái niệm tri thức.  *Tri thức là những hiểu biết có hệ thống về sự vật, hiện tượng, tự nhiên, hoặc xã hội ; tri thức khoa học, nắm vững tri thức nghề nghiệp.*  ? Yêu cầu của tri thức trong văn bản thuyết minh?  *- Phải khách quan, xác thực hữu ích cho con người.*  ? Muốn có tri thức để làm tốt bài văn thuyết minh, người viết cần phải làm gì?  - HS nhắc lại dựa theo ghi nhớ (SGK/128)  *Muốn có tri thức để làm tốt bài văn thuyết minh, người viết phải quan sát, tìm hiểu sự vật, hiện tượng cần thuyết minh nhất là phải nắm bắt được bản chất, đặc trưng của chúng, để tránh sa vào trình bày các biểu hiện không tiêu biểu, không quan trọng.*  ? Cho biết các phương pháp thuyết minh đã học? Nêu đặc điểm của từng phương pháp ấy.  \* Các phương pháp thuyết minh:  *- Phương pháp nêu định nghĩa: Chỉ ra bản chất đối tượng thuyết minh bằng lời văn ngắn gọn, rõ ràng, súc tích.*  *- Phương pháp liệt kê: Lần lượt đưa ra các đặc điểm tính chất của đối tượng thuyết minh theo một trình tự nhất định.*  *- Phương pháp dùng số liệu: Trích dẫn con số cụ thể để làm cho văn bản thuyết phục.*  *- Phương pháp so sánh: Đối chiếu hai hoặc nhiều sự vật để làm nổi bật tính chất của đối tượng cần thuyết minh.*  *- Phương pháp phân tích, phân loại: Chia đối tượng ra từng loại, từng mặt để thuyết minh làm cho đối tượng trở nên cụ thể rõ ràng hơn.* | \*Các phương pháp thuyết minh:  - Phương pháp nêu định nghĩa.  - Phương pháp liệt kê.  - Phương pháp dùng số liệu.  - Phương pháp so sánh.  - Phương pháp phân loại, phân tích. |

***B. Luyện tập:*** GV đưa ra hệ thống bài tập để luyện tập lại các kiến thức vừa ôn

Bài tập có kèm theo đáp án.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **1. Bài 1**  Đọc đoạn văn: “Thuyết minh về Bếp Hoàng Cầm” và chỉ ra các kiến thức và phương pháp thuyết minh được sử dụng trong đoạn văn.  *Bếp Hoàng Cầm là loại bếp dã chiến, mang tên đồng chí Hoàng Cầm -nguyên là Tiểu đội trưởng nuôi quân thuộc Đội điều trị 8 Sư đoàn 308, sáng tạo ra từ chiến dịch Hoà Bình năm 1951. Bếp Hoàng Cầm được sử dụng từ năm 1951-1952, được sử dụng rộng rãi tại các đơn vị tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ. Cách làm bếp Hoàng Cầm như sau: Bếp được đào dưới đất thành một hầm chữ nhật, chiều dài 1,5 đến 1,8 mét, chiều rộng 1,2 đến 1,5 mét, sâu 0,70 đến 0,80 mét. Cấu tạo bếp gồm: Hố đun, trên đặt nồi (chảo), hố ngồi nấu. Từ hố đun, đào một hệ thống hai đường đường dẫn khói, tản khói. Cách một đoạn đào một hầm chứa khói. Từ hầm chứa khói làm hai đường rãnh vừa để tản khói vừa là rãnh thoát nước. Trên rãnh đặt những cành cây và phủ một lớp đất mỏng được tưới nước để giữ độ ẩm. Khi đun, khói từ trong lò bếp bốc lên qua các đường rãnh dẫn khói chỉ còn là một dải hơi nước tan nhanh khi rời khỏi mặt đất. Do đó có thể nấu bếp ban ngày mà không bị lộ.”*  *(Nguồn tổng hợp từ Internet)*  - HS trả lời. GV nhận xét, chốt ý.  - HS ghi vào vở. | **1. Bài 1**  Đọc đoạn văn: “Thuyết minh về Bếp Hoàng Cầm” và chỉ ra các kiến thức và phương pháp thuyết minh được sử dụng trong đoạn văn.  *\*Văn bản “Bếp Hoàng Cầm” sử dụng những kiến thức về:*  - Vật lí: Cấu tạo và nguyên lí hoạt động của bếp Hoàng Cầm.  - Lịch sử: Cuộc kháng chiến chống Pháp gắn với chiến dịch Điện Biên Phủ và người chiến sĩ Hoàng Cầm.  - Toán học: Cách tính toán kích thước của bếp khi thiết kế.  *\* Phương pháp thuyết minh được sử dụng trong bài:*  - Phương pháp giải thích (lí giải tên gọi của bếp).  - Phương pháp dùng số liệu trong chiến tranh (các mốc thời gian, số đo kích thước bếp).  - Phương pháp liệt kê (Kích thước và cấu tạo của bếp). |
| **2. BT4/129:**  - HS thảo luận nhóm theo bàn và trả lời.  - GV nhận xét, chốt ý.  **3. Chọn một trong hai đề sau:**  - HS viết đoạn văn.  - GV quan sát và hỗ trợ khi cần..  - Gọi 5- 7 HS đọc bài, chỉ ra PP thuyết minh.  - Cả lớp cùng nhận xét. | **2. BT4/129:**  Sự phân loại của lớp trưởng là hợp lý vì chỉ có 3 nguyên nhân dẫn tới việc học yếu trong lớp:  - Có điều kiện học tốt nhưng ham chơi nên học yếu  - Gia đình khó khăn, thường bỏ học, đến lớp chậm nên học yếu.  - Kiến thức yếu, tiếp thu chậm nên học yếu.  - Bạn chốt vấn đề bằng việc nêu ra ý tưởng giúp đỡ các bạn học yếu.  **3. Chọn một trong hai đề sau:**  a. Viết đoạn văn khoảng 20 dòng giới thiệu về tác giả văn học có sử dụng 3 phương pháp thuyết minh. b. Viết đoạn văn khoảng 20 dòng giới thiệu về ngôi trường em có sử dụng 3 phương pháp thuyết minh. |

**III. Củng cố - Dặn dò:**

HS đọc đoạn văn tham khảo cho đề 3b. Nhận xét và tìm PP thuyết minh sử dụng trong bài.

*Ngôi trường cấp II em đang học mang tên người chiến sĩ Cách mạng Trần Đăng Ninh.* ***Trường em nằm trên đường Đông Mạc, phường Hạ Long thành phố Nam Định.*** *Trường được ra đời năm 1950 với tên gọi là: “ Trường THCS Nguyễn Khuyến”. Đến năm 1960 trường đổi tên thành: “ Trường THCS Trần Đăng Ninh”.Trước năm 2012, trường toạ lạc tại số 59 đường Nguyễn Du với khuôn viên trường nhỏ. Để phục vụ cho số lượng học sinh và học tập được tiện nghi, năm****2012 cùng với kỉ niệm 45 năm thành lập trường,*** *ngôi trường được chuyển đến khu mới tại đường Đông Mạc, phường Hạ Long. Khuôn viên mới rộng lớn hơn rất nhiều. Ngôi trường khang trang hơn với ba khu nhà học xây hình chữ U. Mỗi khu nhà đều có bốn tầng học. Dãy nhà A là các phòng cho cán bộ công nhân viên chức trong trường, có phòng chờ giáo viên. Dãy B là phòng hiệu trưởng, hiệu phó, thư viện,… Dãy nhà C là các phòng thí nghiệm thực hành các môn Vật lí, sinh học, hóa học cho các bạn học sinh và cũng là nơi các bạn học sinh học đàn và tin học. Trường còn có hội trường lớn để tổ chức các sự kiện tiêu biểu. Bao năm qua, trường đã ươm mầm và đào tạo nhiều thế hệ học sinh trưởng thành.*

(Bài làm của HS)

HS trả lời, GV chốt ý:

\*Đoạn văn sử dụng các PP thuyết minh sau:

- PP liệt kê: Nói về cấu tạo của các dãy nhà.

- PP dùng số liệu (con số): Nêu các mốc thời gian, con số.

- PP so sánh sự thay đổi của trường mới so với trường cũ.

\* GV dặn HS về nhà hoàn thiện đoạn văn vừa viết trong đó có thể sử dụng kết hợp thêm PP thuyết minh khác để ý văn thêm phong phú.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Ngày soạn: / /20... Ngày dạy: / /20...**

***Buổi 13 - Tiết 3:* *Chủ đề: Văn bản nhật dụng***

**Văn bản: BÀI TOÁN DÂN SỐ**

**(*Theo* Thái An)**

**Ở bài tập 3 viết đoạn văn, bạn cần có đoạn văn mẫu của giáo viên. Thêm vào xíu nhé bạn**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

1. Kiến thức:

- Nắm được kiến thức về vấn đề tăng dân số, tác hại và ảnh hưởng của việc tăng dân số lên cuộc sống của con người.

- Sự gia tăng dân số ảnh hưởng tới môi trường sống: đất đai, phương tiện đi lại.

2. Kĩ năng:

- Tích hợp với tập làm văn, vận dụng kiến thức đã học ở bài “Phương pháp thuyết minh” để đọc hiểu, nắm bắt được vấn đề có ý nghĩa thời sự trong văn bản.

3. Thái độ, phẩm chất:

- Hiểu được trách nhiệm của bản thân đối với việc hạn chế gia tăng dân số và đó cũng là góp phần bảo vệ môi trường.

4. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề.

- Năng lực tư duy phê phán.

- Năng lực giao tiếp Tiếng Việt.

- Năng lực sáng tạo và cảm thụ thẩm mĩ.

**II. Tiến trình lên lớp**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học: (10-15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***1. Hệ thống lại nội dung văn bản theo bố cục:***  ? Trình bày bố cục văn bản?  ? Nhận xét bố cục của văn bản?  *- Mạch lạc, chặt chẽ, rõ ràng.*  ***\* Ôn tập nội dung Phần 2:***  ? Tác giả đã làm rõ vấn đề về tốc độ gia tăng dân số bằng những luận điểm nào?  *- Bài toán kén rể: Sự phát triển theo cấp số nhân số hạt thóc nhiều đến nỗi có thể phủ kín mặt đất.*  *- Bài toán theo kinh thánh: So sánh sự gia tăng dân số giống như số lượng thóc trong các ô bàn cờ.*  *- Thực tế sinh sản của phụ nữ: Tăng dân số là từ khả năng sinh sản tự nhiên của phụ nữ.*  ? Tại sao có thể hình dung vấn đề gia tăng dân số từ bài toán cổ này?  *- Dân số thế giới cũng như số thóc trong các ô trên bàn cờ đều tăng theo cấp số nhân.*  ? Bàn về dân số từ một bài toán cổ, điều đó có tác dụng gì?  *- Gây hứng thú, dễ hiểu với số đông người đọc.*  ? Các tư liệu thuyết minh dân số ở đây có tác dụng gì?  *- Cho mọi người thấy mức độ gia tăng dân số nhanh chóng trên trái đất.*  ? Theo thông báo của hội nghị Cai- rô, các nước có tỉ lệ sinh con cao nhất thuộc các châu lục nào?  *- Châu Phi, Châu Á (trong đó có Việt Nam). Các châu lục kinh tế chậm phát triển.*  ***2. Điểm lại hình thức diễn đạt và ý nghĩa rút ra từ văn bản:***  ? Bài văn sử dụng các phương pháp thuyết minh nào?  ? Nhờ đâu bài văn có sức thuyết phục?  HS trả lời, GV chốt ý.  ? Tác giả muốn nhắn nhủ điều gì đến bạn đọc qua phần cuối?  *Muốn sống, con người cần có đất đai. Đất đai không sinh ra, con người ngày một nhiều hơn. Do đó, con người muốn tồn tại phải biết điều chỉnh, hạn chế sự gia tăng dân số. Đây là vấn đề nghiêm túc và sống còn của nhân loại.*  ? Bằng hiểu biết của mình, hãy cho biết hậu quả của gia tăng dân số nhanh?  *Tăng dân số quá cao là kìm hãm sự phát triển của xã hội, là nguyên nhân dẫn đến đói nghèo, lạc hậu, ảnh hưởng đến cuộc sống của con người trên nhiều phương diện: chỗ ở, lương thực, môi trường, việc làm, giáo dục…* | 1. ***Hệ thống lại nội dung văn bản theo bố cục:***   + Phần 1: Từ đầu …..“sáng mắt ra”   * *Bài toán dân số dường như đã đặt ra từ thời cổ đại.*   + Phần 2: Tiếp theo … “ ô thứ 34 của bàn cờ”.   * *Tốc độ gia tăng nhanh chóng của dân số thế giới.*   + Phần 3: Đoạn còn lại.   * *Kêu gọi, khuyến cáo loài người cần hạn chế sự bùng nổ và gia tăng dân số.*   **II. Tổng kết:**  **1. Hình thức diễn đạt:**  - Kết hợp phương pháp so sánh, dùng số liệu, phân tích.  - Lập luận chặt chẽ.  - Ngôn ngữ khoa học, giàu sức thuyết phục.  **2. Ý nghĩa văn bản:**  - Văn bản nêu lên vấn đề thời sự của đời sống hiện đại: Dân số và tương lai của dân tộc, nhân loại. |

***B. Luyện tập:*** GV đưa ra hệ thống bài tập để luyện tập lại các kiến thức vừa ôn. Bài tập có kèm theo đáp án.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **1. BT1:** Theo em, bài toán dân số khi nào mới có lời giải?  - HS trả lời, GV nhận xét và chốt ý. | **1. BT1:** Theo em, bài toán dân số có lời giải khi:  - Chúng ta nghiêm túc nhìn nhận về vấn đề gia tăng dân số ảnh hưởng tới tất cả mọi người, đến tương lai của toàn nhân loại và cùng chung tay đảm bảo Kế hoạch hóa gia đình.  - Người phụ nữ tự ý thức về sức khỏe sinh sản.  - Đấu tranh chống lại tư tưởng lạc hậu trọng nam khinh nữ. |
| **2. BT2:** Trong thực tế, để hạn chế sự gia tăng dân số, chúng ta cần phải làm gì?  - HS trả lời, GV nhận xét và chốt ý. | **2. BT2:**  \* Những việc làm giúp hạn chế sự gia tăng dân số là:  - Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa cho người dân.  - Củng cố, tuyên truyền về công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình.  - Tăng cường kế hoạch truyền thông, vận động cung cấp những dịch vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình tới tất cả người dân. |
| **3. Bài tập 3:**  - HS viết đoạn văn.  - GV quan sát và hỗ trợ.  - HS đọc bài, GV nhận xét, chốt ý.  - GV giới thiệu và yêu cầu HS đọc đoạn văn tham khảo.  *Văn bản “Bài toán dân số” bàn về thực trạng gia tăng dân số- một trong những vấn đề cấp thiết được toàn xã hội quan tâm. Gia tăng dân số dẫn đến hiện tượng bùng nổ dân số, kéo theo đó là nhiều hệ lụy nghiêm trọng. Gia tăng dân số dẫn đến cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường, thiếu đất đai, lương thực, không đảm bảo việc làm.... Tóm lại, gia tăng dân số quá cao dẫn đến đời sống con người không được đảm bảo thậm chí bị đe dọa. Các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam hiện có tốc độ gia tăng dân số nhanh nhất trên thế giới. Để giảm thiểu tình trạng gia tăng dân số cao đòi hỏi sự đoàn kết, chung tay của cả cộng đồng. Người người, nhà nhà cần thực hiện nghiêm túc chính sách kế hoạch hóa gia đình. Bên cạnh đó, là thế hệ trẻ chúng ta cần đem hiểu biết của mình về dân số tuyên truyền, vận động mọi người cùng thực hiện chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình. Hãy cùng chung sức, chung lòng khắc phục tình trạng bùng nổ dân số, bởi lẽ đó chính là vấn đề sống còn của nhân loại!*  (Bài làm của HS) | **3. BT3:**  Viết đoạn văn từ 15 đến 20 câu trình bày suy nghĩ của em về vấn đề gia tăng dân số ở nước ta hiện nay (thực trạng, hậu quả và giải pháp hạn chế sự gia tăng dân số). |

**III. Củng cố - Dặn dò:**

? Khu vực em đang cư trú đã làm được gì và chưa làm được gì trong việc tuyên truyền dân số, kế hoạch hoá GĐ đến mọi người?

- HS trả lời tự do, GV nhận xét, bổ sung.

- GV yêu cầu HS về nhà hoàn thiện đoạn văn ở BT3 theo gợi ý và nhận

***Ngày soạn:***

***Ngày dạy***

**BUỔI 14**

**Tiết 1 : CHỦ ĐỀ DẤU CÂU**

**DẤU NGOẶC ĐƠN, DẤU HAI CHẤM**

**I. Mục tiêu cần đạt: Giúp học sinh**

***1. Kiến thức:***

- Học sinh tổng hợp lại kiến thức về tác dụng của dấu ngoặc đơn, dấu hai chấm trong quá trình tạo lập văn bản.

- Nắm vững cách sử dụng hai loại dấu câu

***2. Kỹ năng:***

- Sử dụng hợp lí dấu ngoặc đơn, dấu hai chấm trong quá trình tạo lập văn bản.

- Phân tích được công dụng của dấu hai chấm, dấu ngoặc đơn trong ngữ cảnh cụ thể

***3. Thái độ, phẩm chất:***

- HS có ý thức tìm hiểu, sử dụng đúng dấu câu trong nói và viết.

- Rèn luyện tính chăm chỉ, chủ động tích cực, tinh thần, trách nhiệm trong học tập.

***4. Năng lực:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ và tạo lập văn bản.

- Năng lực tự học, tìm kiếm xử lí thông tin, thuyết trình.

- Năng lực hợp tác

**II. Tiến trình lên lớp:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV phát phiếu học tập  HS hoạt động nhóm thảo luận để hoàn chỉnh bảng hệ thống   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Dấu câu | Công dụng | Ví dụ | | Ngoặc đơn |  |  | | Hai chấm |  |  |   GV gọi HS đại diện nhóm làm bài 🡪 chốt kiến thức | **A. Hệ thống kiến thức** |

**Bảng hệ thống công dụng hai loại dấu câu**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Dấu câu** | **Công dụng** | **Ví dụ** |
| Dấu ngoặc đơn | - Dùng để đánh dấu phần chú thích *(giải thích, thuyết minh, bổ sung thêm)* | - Nguyên Hồng được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (năm 1996).  - Chúng tôi (tôi, Lan và Huệ) cùng đi đến nhà cô giáo. |
| - Đánh dấu các từ ngữ chỉ nguồn gốc của sự trích dẫn | **-** Đùng một cái, họ (những người bản xứ) được phong cho cái danh hiệu tối cao là “chiến sĩ bảo vệ công lí và tự do”.  (Nguyễn Ái Quốc, *Thuế máu*) |
| Dấu hai chấm | - Đánh dấu (báo trước) phần giải thích, thuyết minh cho một phần trước đó | - Hoa bưởi thơm rồi : đêm đã khuya.  (Xuân Diệu, *Buồn trăng*) |
|  | - Đánh dấu (báo trước) lời dẫn trực tiếp (dùng với dấu ngoặc kép) hay lời đối thoại (dùng với dấu gạch ngang) | - Mẹ tôi thường nói: “Tốt gỗ hơn tốt nước son”.  - Nhưng không, có tiếng dép lẹp kẹp trong nhà và tiếng mẹ tôi:  - Thằng Thành, con Thủy đâu ?  (Khánh Hoài, *Cuộc chia tay của những con búp bê)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| HS làm bài độc lập  ***Bài tập 1: Dấu ngoặc đơn trong các câu sau có tác dụng gì ?***  a. Theo thống kê của hội nghị Cai-rô (Ai Cập) [...] thì tỉ lệ sinh con của một người phụ nữ Ấn Độ là 4,5.  (*Theo* Thái An, *Bài toán dân số* )  b. Cô bé nhà bên – (có ai ngờ) -  Cũng vào du kích  Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích  Mắt đen trong (thương thương quá đi thôi)  (Giang Nam, *Quê hương* ) | **B. Luyện tập**  ***Bài tập 1:***  a. Bổ sung thêm thông tin cho nội dung nêu trước đó  - Đánh dấu các từ ngữ chỉ nguồn gốc của sự trích dẫn  b.  - Dùng để giải thích thêm về tâm trạng của nhân vật trữ tình trước sự việc nêu ở trước  - Đánh dấu các từ ngữ chỉ nguồn gốc của sự trích dẫn |
| HS làm bài tập theo nhóm (2 HS/nhóm)  ***Bài tập 2: Chỉ rõ công dụng của dấu hai chấm trong các trường hợp sau và cho biết trường hợp nào có thể thay thế được bằng dấu ngoặc đơn ? Tại sao ?***  a. Xan-chô Pan-xa vội thúc lừa chạy đến cứu, và khi tới nơi thì chỉ thấy chủ nằm không cựa quậy : đó là kết quả cái ngã như trời giáng của lão và con Rô-xi-nan-tê  (Xéc-van-tét, *Đánh nhau với cối xay gió*)  b. Một hôm, cô tôi gọi tôi đến bên, cười hỏi :  - Hồng ! Mày có muốn vào Thanh Hóa với mẹ mày không ?  (Nguyên Hồng, *Trong lòng mẹ* )  c. Có quãng nắng xuyên xuống biển, óng ánh đủ màu : xanh lá mạ, tím phớt, hồng, xanh biếc...  (Vũ Tú Nam)  - GV yêu cầu HS xác định bài tập có mấy yêu cầu 🡪 tránh bỏ sót yêu cầu của đề bài | ***Bài tập 2 :***  a. Đánh dấu phần giải thích cho người đọc hiểu tại sao Đôn Ki-hô-tê lại năm im không cựa quậy  b. Đánh dấu lời nói của người cô trong cuộc trò chuyện với cậu bé Hồng  c. Đánh dấu phần giải thích cho phần trước đó : giải thích rõ các màu là những màu cụ thể nào  \* Hai trường hợp a, c có thể thay thế dấu hai chấm bằng dấu ngoặc đơn  \* Có thể thay thế như vậy bởi vì cả hai trường hợp này đều để đánh dấu phần giải thích cho các từ ngữ ở trước đó (các từ ngữ này nằm ngoài cấu trúc thành phần câu) |
| HS làm bài độc lập  ***Bài tập 3 : Điền dấu câu thích hợp trong các câu sau :***  a. Lần đầu tiên nhìn thấy biển nó sung sướng reo lên A biển đẹp quá  b. Voi biệt danh các bạn đặt cho Ngọc luôn dẫn đầu lớp về kết quả học tập  GV gọi Hs chữa bài 🡪 chốt kiến thức | ***Bài tập 3:***  a. Lần đầu tiên nhìn thấy biển, nó sung sướng reo lên: “A, biển đẹp quá!”  b. Voi (biệt danh các bạn đặt cho Ngọc) luôn dẫn đầu lớp về kết quả học tập. |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Bài tập 4 : Viết đoạn văn diễn dịch khoảng 10 câu trình bày những suy nghĩ, cảm nhận của em nhân vật lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao. Trong đoạn văn có sử dụng dấu hai chấm và dấu ngoặc đơn (gạch chân dấu hai chấm và dấu ngoặc đơn)***  ? Nhắc lại dấu hiệu để nhận biết đoạn văn diễn dịch   * Câu chủ đề nằm ở đầu đoạn văn   ? Nhân vật lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên gợi cho em những suy nghĩ gì ?   * Thương cảm trước cuộc đời nghèo khổ, tủi cực, cô đơn của lão Hạc * Trân trọng, cảm động trước tình yêu thương con sâu sắc, sự hi sinh cao cả của lão Hạc; trước sự lương thiện, nhân cách tốt đẹp của lão   - GV gợi ý HS cách viết câu chủ đề  + HS viết 🡪 GV sửa  ? Em sử dụng dấu ngoặc đơn, hai chấm trong những trường hợp nào   * Đánh dấu phần chú thích (tên tác phẩm, tác giả...) | ***Bài tập 4 :***  ***- Hình thức đoạn :***  + Diễn dịch : câu chủ đề nằm đầu đoạn  + Độ dài : 10 câu  + Hai yêu cầu Tiếng Việt : sử dụng dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm  ***- Nội dung đoạn :*** nêu được những cảm nhận của cá nhân về cuộc đời, phẩm chất của lão Hạc  + Cuộc đời nghèo khổ, tủi cực, cô đơn  + Lương thiện, trung thực  + Yêu thương con, hi sinh cả tính mạng lo cho tương lai của con |

**C. Củng cố -Hướng dẫn**

**-** HS nắm vững công dụng của hai loại dấu câu

- Hoàn chỉnh đoạn văn

- Chuẩn bị kiến thức để viết bài văn thuyết minh

**Tiết 2,3 : HƯỚNG DẪN VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH**

**I. Mục tiêu cần đạt: Giúp HS**

***1. Kiến thức:***

- Nhận diện đề và cách làm bài văn thuyết minh.

- Nắm được các bước khi làm bài văn thuyết minh

***2. Kỹ năng:***

- Kĩ năng xác định yêu cầu của đề và cách thực hiện bài văn thuyết minh.

- Viết được bài văn thuyết minh theo đúng yêu cầu

***3. Thái độ, phẩm chất:***

- HS có ý thức tìm hiểu các kiến thức về đối tượng thuyết minh

- Rèn luyện tính chăm chỉ, chủ động tích cực, tinh thần, trách nhiệm trong học tập.

***4. Năng lực:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ và tạo lập văn bản.

- Năng lực tự học, tìm kiếm xử lí thông tin, thuyết trình.

**II. Tiến trình lên lớp**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ? Đề văn thuyết minh thường nêu lên điều gì?  - Đối tượng thuyết minh  ? Dấu hiệu giúp em nhận biết đề văn thuyết minh ?  - Đề không yêu cẩu kể chuyện, miêu tả, biểu catm  - Thường có các từ : *thuyết minh, giới thiệu, giải thích*  - Một số đề chỉ nêu đối tượng thuyết minh  VD : Chiếc nón lá Việt Nam  ? Đối tượng thuyết minh gồm những loại nào ?  - Phong phú, đa dạng: con người, di tích, đồ vật, thực vật, món ăn... | **A. Hệ thống kiến thức:**  **I. Đề văn thuyết minh**  - Nêu lên đối tượng cần thuyết minh |
| ? Các bước khi làm bài văn thuyết minh ? | **II. Cách làm bài văn thuyết minh:**  1. Xác định yêu cầu của đề.  2. Tìm kiếm và xử lí thông tin thu thập về đối tượng thuyết minh.  3. Lập dàn ý.  4. Viết bài.  5. Đọc và sửa. |
| ? Bố cục bài văn thuyết minh gồm mấy phần ? | **III. Bố cục bài văn thuyết minh**  ***1. Mở bài :***  - Giới thiệu khái quát về đối tượng thuyết minh  ***2. Thân bài :***  - Nêu đặc điểm về đối tượng thuyết minh  - Gồm nhiều ý, sắp xếp theo một trật tự nhất định, mỗi ý tương ứng với 1 đoạn văn hoặc nhiều đoạn nối tiếp nhau, có sự liên kết chặt chẽ  - Sử dụng nhiều phương pháp thuyết minh : phương pháp phân loại, phân tích; phương pháp so sánh, liệt kê... để giait thích rõ vấn đề hoặc đối tượng thuyết minh  ***3. Kết bài :***  - Có nhiệm vụ khép lại vấn đề thuyết minh |
| **Đề bài :** ***Thuyết minh về một loài cây thân thuộc với con người Việt Nam***  ? Xác định yêu cầu của đề:  - Đề mở, HS tự lựa chọn đối tượng thuyết minh cụ thể trên cơ sở đảm bảo hai điều điện:  + loài cây + thân thuộc với con người Việt Nam  ? Về nội dung bài làm cần đảm bảo yêu cầu gì ?  - Cần thuyết minh, giới thiệu để làm rõ đặc điểm của loại cây cần thuyết minh  - Các thông tin cần đảm bảo tính khách quan, cụ thể, chính xác  ? Em cần lưu ý gì về cách thức làm bài ?  - Bài làm đảm bảo bố cục 3 phần  - Sử dụng kết hợp nhiều phương pháp thuyết minh  GV hướng dẫn Hs trả lời các câu hỏi để tìm ý  ? Đó là loại cây gì?  ? Loài cây đó thân thuộc ở Việt Nam hay với riêng địa phương nào ?  ? Nêu định nghĩa về loài cây  ? Loài cây đó có nguồn gốc như thế nào?  ? Loài cây đó trải qua các thời kì sinh trưởng như thế nào ?  Nó thích hợp với loại đất gì ?  ? Nêu cụ thể cách trồng, chăm sóc, thu hoạch của loại cây đó  ? Loài cây đó có vai trò như thế nào trong đời sống người Việt Nam ?  ? Em có tình cảm, thái độ gì với loài cây?  Dựa vào dàn ý khái quát, GV yêu cầu HS về thu thập thông tin, lập dàn ý chi tiết cho bài làm của mình  - Tiết sau GV chữa dàn ý cụ thể cho HS  - Hướng dẫn HS viết một số đoạn trong dàn ý chi tiết đã lập | **B. Luyện tập**  HS có thể lựa chọn một trong số các loài cây sau : *cây lúa, cây tre, cây dừa...*  **Gợi ý lập dàn bài**  **1. Mở bài:**  - Giới thiệu về loài cây sẽ thuyết minh  **2. Thân bài :**  - Giới thiệu chung về loài cây được thuyết minh  - Giới thiệu các thuộc tính của loài cây được thuyết minh :  + Các thời kì sinh trưởng  + Sự thích nghi với các loại đất  + Cách trồng, cách chăm sóc, thu hoạch  - Vai trò của loài cây đối với đời sống con người Việt Nam nói chung (hoặc từng vùng miền nói riêng)  **3. Kết bài :**  - Nêu thái độ, tình cảm của bản thân đối với loài cây đó |

**C – Củng cố - Hướng dẫn:**

1. Ôn tập lại các phương pháp thuyết minh để làm bài tốt

2. Hoàn chỉnh dàn ý chi tiết cho đề văn trên

Ngày soạn: Ngày dạy:

**BUỔI 15**

**Tiết 1: Chủ đề dấu câu (Dấu ngoặc kép)**

**I. Mục tiêu cần đạt:** Qua bài học, HS đạt được:

**1. Kiến thức:**

- Mở rộng, củng cố, nâng cao về tác dụng của dấu ngoặc kép

- Mở rộng, củng cố, nâng cao kiến thức về văn bản “Đập đá ở Côn Lôn”: hình tượng người chiến sĩ cách mạng oai phong, lẫm liệt, bản lĩnh và khát khao cứu nước lớn lao

- Mở rộng, củng cố, nâng cao kiến thức tổng hợp về dấu câu, những lỗi thường gặp với dấu câu và cách sửa

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng tìm và phân tích tác dụng dấu câu

- Rèn kĩ năng viết câu, viết đoạn sử dụng dấu câu cho trước

- Rèn kĩ năng phân tích thơ thất ngôn bát cú Đường luật

**3. Thái độ:**

- Bồi dưỡng tình yêu và sự trân trọng với Tiếng Việt

- Bồi dưỡng tình cảm trân trọng, cảm phục với nhà yêu nước, nhà cách mạng Phan Châu Trinh

**4. Năng lực cần hình thành:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực cảm thụ thẩm mĩ.

**II. Tiến trình lên lớp:**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (5 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Ôn tập kiến thức cần nhớ về dấu ngoặc kép**  GV: Dấu ngoặc kép có mấy tác dụng? Em hãy nhắc lại những tác dụng ấy?  HS trả lời. HS khác nhận xét, bổ sung | **I. Kiến thức cần nhớ: Tác dụng dấu ngoặc kép**  **-** Dấu ngoặc kép có 3 tác dụng:  + Đánh dấu từ ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp  + Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt hoặc mỉa mai  + Đánh dấu tên tác phẩm, tờ báo, tạp chí, tập san… được dẫn |

***B. Luyện tập***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 2: Luyện tập về dấu ngoặc kép**  **Bài 1: Cho biết công dụng của dấu ngoặc kép trong những trường hợp dưới đây:**  a. “Sông núi nước Nam” và “Bình Ngô đại cáo” được coi là những bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc Việt Nam thời phong kiến.  b. Sinh thời, chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Không có gì quí hơn độc lập tự do”.  c. Những cuộc biểu tình đổ máu ở Cao Miên, những vụ bạo động ở Sài Gòn, ở Biên Hoà và ở nhiều nơi khác nữa, phải chăng là những biểu hiện của lòng sốt sắng đầu quân “tấp nập” và “không ngần ngại”**.**  - Hình thức: luyện tập cá nhân.  - HS thực hiện, GV chấm chữa.  **Bài 2:** **Cho biết tác dụng của dấu ngoặc kép trong các câu sau đây:**  a. Thế mà nghe xong câu chuyện này, qua một thoáng liên tưởng, tôi bỗng “sáng mắt ra”…  b. Thấy Thạch Sanh gánh về một gánh củi lớn, hắn nghĩ bụng: “Người này khỏe như voi. Nó về ở cùng thì lợi biết bao nhiêu”.  c. – Chú này giống con bọ hung.  Người chiến sĩ là dân Bắc bộ, không hiểu tiếng địa phương, lấy làm bối rối. Sau đó mới hiểu ý nghĩa của câu nói ấy là: “Chú này rất giống con của bố”.  d. Tôi nhìn như thôi miên vào dòng chữ đề trên bức tranh: “Anh trai tôi”.  **Bài 3:** **Điền dấu ngoặc kép và dấu hai chấm vào chỗ thích hợp**  a. Tôi không trả lời mẹ vì tôi muốn khóc quá. Bởi vì nếu nói được với mẹ, tôi sẽ nói rằng không phải con đâu. Đấy là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đấy.  b. Thầy đồ trợn mắt lên quát văn tế của tôi chẳng bao giờ nhầm, họa chăng là người nhà ông chết nhầm thì có.  c. Chỉ trong vài năm, chiến dịch chống thuốc lá này đã giảm hẳn người hút, và người ta đã thấy triển vọng nêu lên khẩu hiệu cho những năm cuối thế kỉ XX Một Châu Âu không còn thuốc lá.  d. Đó là con đường tồn tại hay không tồn tại của chính loài người.  **Bài 4:** Viết đoạn văn khoảng 10 câu phân tích tác hại của thuốc lá đối với con người trong đó sử dụng dấu ngoặc kép, gạch chân và chú thích rõ.  - Hình thức: luyện tập cá nhân  - HS thực hiện, GV chấm chữa | **II. Luyện tập**  **Bài 1:**  a. Dấu ngoặc kép: đánh dấu tên tác phẩm được trích dẫn.  b. Dấu ngoặc kép: đánh dấu lời dẫn trực tiếp.  c. Dấu ngoặc kép: đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt hoặc mỉa mai.  **Bài 2**  a. Dấu ngoặc kép: đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt hoặc mỉa mai  b. Dấu ngoặc kép: đánh dấu lời dẫn trực tiếp  c. Dấu ngoặc kép: đánh dấu lời dẫn trực tiếp  d. Dấu ngoặc kép: đánh dấu tên tác phẩm được trích dẫn  **Bài 3: Đáp án**  a. Tôi không trả lời mẹ vì tôi muốn khóc quá. Bởi vì nếu nói được với mẹ, tôi sẽ nói rằng: “Không phải con đâu. Đấy là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đấy”.  b. Thầy đồ trợn mắt lên quát: “Văn tế của tôi chẳng bao giờ nhầm, họa chăng là người nhà ông chết nhầm thì có”.  c. Chỉ trong vài năm, chiến dịch chống thuốc lá này đã giảm hẳn người hút, và người ta đã thấy triển vọng nêu lên khẩu hiệu cho những năm cuối thế kỉ XX “Một Châu Âu không còn thuốc lá”.  d. Đó là con đường “tồn tại hay không tồn tại của chính loài người”.  **Bài 4:**  - Yêu cầu về hình thức:  + Đảm bảo hình thức đoạn văn: không xuống dòng  + Đảm bảo sử dụng dấu ngoặc kép, gạch chân và chú thích rõ.  - Yêu cầu về nội dung: Cơ bản trình bày được tác hại của thuốc lá đối với con người  + Tàn phá sức khỏe, gây bệnh ung thư  + Giảm sức lao động, giảm sự phát triển kinh tế của cá nhân và xã hội  + Con đường gián tiếp dẫn đến phạm pháp, suy giảm đạo đức…. |

**III. Củng cố, dặn dò**

* HS về nhà học kiến thức các bài đã ôn tập
* Hoàn thiện bài tập nếu trên lớp chưa hoàn thành.

**Tiết 2: Cảm thụ “Đập đá ở Côn Lôn”**

**I. Mục tiêu cần đạt:** Qua bài học, HS đạt được:

**1. Kiến thức:**

- Mở rộng, củng cố, nâng cao kiến thức về văn bản “Đập đá ở Côn Lôn”: hình tượng người chiến sĩ cách mạng oai phong, lẫm liệt, bản lĩnh và khát khao cứu nước lớn lao

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng phân tích thơ thất ngôn bát cú Đường luật

**3. Thái độ:**

- Bồi dưỡng tình cảm trân trọng, cảm phục với nhà yêu nước, nhà cách mạng Phan Châu Trinh

**4. Năng lực cần hình thành:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực cảm thụ thẩm mĩ.

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (5 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Ôn tập kiến thức cần nhớ về “Đập đá ở Côn Lôn”**  - Hình thức luyện tập: thảo luận nhóm 4 bạn  - Thời gian: 5 phút  - GV giao nhiệm vụ, HS thảo luận. 2 nhóm xong trước trình bày, HS nhận xét bổ sung. GV chốt kiến thức  Câu hỏi: Hoàn thành bảng sau   |  |  | | --- | --- | | Hoàn cảnh sáng tác |  | | Thể thơ |  | | Bố cục |  | | Đặc sắc nghệ thuật |  | | Đặc sắc nội dung |  | | **I. Kiến thức cần nhớ**   |  |  | | --- | --- | | Hoàn cảnh sáng tác | Tháng 4-1908, Phan Châu Trinh bị thực dân Pháp bắt trong phong trào chống thuế ở thời kỳ và bị đày ra Côn Đảo lao động khổ sai. Ông đã sáng tác bài thơ trong giai đoạn này. | | Thể thơ | Thất ngôn bát cú Đường luật | | Bố cục | 2 phần (4 câu đầu – 4 câu sau) | | Đặc sắc nghệ thuật | Bút pháp lãng mạn, giọng điệu hào hùng, ngôn ngữ điêuluyện, hình ảnh thơ lớn lao kì vĩ | | Đặc sắc nội dung | Hình tượng người anh hùng đẹp, hiên ngang, lẫm liệt, ngang tàng dù gặp khó khăn vẫn không sờn lòng đổi chí | |

**B. Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Bài 1:** Cho câu thơ “Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn”  a. Chép chính xác ba câu thơ tiếp của bài thơ  b. Cho biết tên tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác  c. Câu thơ đầu có đề cập đến quan niệm “làm trai” của tác giả. Em hãy so sánh quan niệm này với quan niệm của các nhà thơ trung đại  d. Tìm và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong câu thơ ba – bốn của đoạn thơ.  **Bài 2: Cho bốn câu thơ**  Tháng ngày bao quản thân sành sỏi  Mưa nắng càng bền dạ sắt son  Những kẻ vá trời khi lỡ bước  Gian nan chi kể việc con con  a. Bốn câu thơ trên nằm trong bài thơ nào? Thể thơ là gì?  b. Em hiểu như thế nào về ý nghĩa hình ảnh “thân sành sỏi” và “dạ sắt son”?  c. “Những kẻ vá trời” là hình ảnh sử dụng biện pháp tu từ nào? Nêu ý nghĩa?  **Bài 3:** Qua bài thơ “Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác” của Phan Bội Châu và “Đập đá ở Côn Lôn” của Phan Châu Trinh, em hãy viết đoạn văn khoảng 12 câu trình bày suy nghĩ về vẻ đẹp hào hùng, lãng mạn của hình tượng những nhà nho yêu nước đầu thế kì XX. | **II. Luyện tập**  **Bài 1: Đáp án:**  a. Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn  Lừng lẫy làm cho lở núi non  Xách búa đánh tan năm bảy đống  Ra tay đập bể mấy trăm hòn  b. Đây là bài thơ “Đập đá ở Côn Lôn” của tác giả Phan Châu Trinh.  Hoàn cảnh sáng tác: Tháng 4-1908, Phan Châu Trinh bị thực dân Pháp bắt trong phong trào chống thuế ở thời kỳ và bị đày ra Côn Đảo lao động khổ sai. Ông đã sáng tác bài thơ trong giai đoạn này.  c. Chí làm trai là quan niệm nhân sinh truyền thống, khẳng định khát vọng vươn lên, xây mộng công danh, khẳng định mình một cách mãnh liệt khi là một trang nam nhi hảo hán đại trượng phu. Các nhà nho thời phong kiến bộc lộ rất rõ quan niệm chí làm trai trong văn chương.  + Nguyễn Công Trứ: “Chí làm trai Nam, Bắc, Tây, Đông - Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn biển”  + Phan Bội Châu: “Làm trai phải lạ ở trên đời - Há để càn khôn tự chuyển dời”  + Phan Châu Trinh đã sử dụng hình ảnh này theo nghĩa tích cực. Làm trai ở đời phải có tinh thần vượt khó, ấp ủ hoài bão to lớn, tư thế hiên ngang đầu đội trời, chân đạp đất.  d. Trong hai câu thơ “Xách búa đánh tan năm bảy đống – Ra tay đập bể mấy trăm hòn”, nhà thơ sử dụng biện pháp tu từ khoa trương, phóng đại để khẳng định khí phách, tầm vóc khổng lồ của người anh hùng tới mức siêu nhiên siêu phàm với những hành động phi thường.  **Bài 2**  a. Bốn câu thơ trên nằm trong bài thơ “Đập đá ở Côn Lôn”. Thể thơ là thất ngôn bát cú Đường luật  b. “Thân sành sỏi” ngụ ý con người dày dạn phong trần, con người đã trải qua nhiều sóng gió bão táp của cuộc đời trên hành trình nhiều khó khăn  “Dạ sắt son” là tấm lòng kiên định, ý chí sắt son chung thủy với con đường cao cả ý nghĩa mà mình đã chọn dù gặp thử thách chông gai.  c. “Những kẻ vá trời” là hình ảnh khoa trương, phóng đại chỉ những con người có hoài bão, khát vọng lớn trị nước cứu đời, mang lại ánh sáng độc lập tự do cho dân tộc, giải phóng nhân dân.  **Bài 3: Đáp án:**  - Họ đều giữ vững truyền thống yêu nước nồng nàn, ý chí quyết tâm xả thân vì nước, tinh thần vượt khó  - Tinh thần lạc quan, hi vọng về con đường phía trước  - Tư thế oai phong, lẫm liệt dù ở bất cứ hoàn cảnh nào vẫn luôn bền gan vững chí. |

**III. Củng cố, dặn dò**

* HS về nhà học kiến thức các bài đã ôn tập

Hoàn thiện bài tập nếu trên lớp chưa hoàn thành.

**Tiết 3: Ôn luyện về dấu câu**

**I. Mục tiêu cần đạt:** Qua bài học, HS đạt được:

**1. Kiến thức:**

- Mở rộng, củng cố, nâng cao về tác dụng của dấu ngoặc kép

- Mở rộng, củng cố, nâng cao kiến thức tổng hợp về dấu câu, những lỗi thường gặp với dấu câu và cách sửa

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng tìm và phân tích tác dụng dấu câu

- Rèn kĩ năng viết câu, viết đoạn sử dụng dấu câu cho trước

**3. Thái độ:**

- Bồi dưỡng tình yêu và sự trân trọng với Tiếng Việt

**4. Năng lực cần hình thành:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực cảm thụ thẩm mĩ.

**A. Hệ thống kiến thức cần nhớ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Ôn luyện về dấu câu**  GV giao nhiệm vụ cho HS tổng kết tác dụng của dấu câu   |  |  | | --- | --- | | Dấu câu | Tác dụng | | ……. | ………. |   GV hỏi: Em hãy nhắc lại những lỗi thường gặp khi sử dụng dấu câu? | **I. Kiến thức cần nhớ**  **1. Tác dụng của dấu câu**  (Xem phụ lục)  **2. Những lỗi thường gặp khi sử dụng dấu câu:**  - Thiếu dấu ngắt câu khi câu đã kết thúc  - Dùng dấu ngắt câu khi câu chưa kết thúc  - Thiếu dấu câu khi cần ngắt các bộ phận trong câu  - Sử dụng sai công dụng của các dấu câu |

**B. Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Bài 1:** Điền dấu câu vào các chỗ thích hợp trong các câu văn sau:  a. Hai tiếng em bé mà cô tôi ngân dài ra thật ngọt thật rõ quả nhiên đã xoắn chặt lấy tâm can tôi như ý cô tôi muốn.  b. Lần đầu tiên nhìn thấy biển nó sung sướng reo lên A biển đẹp quá  c. Voi biệt danh các bạn đặt cho Ngọc người luôn dẫn đầu lớp tôi về kết quả học tập.  **Bài 2:** Chỉ ra và chữa lại các lỗi dùng dấu câu trong các câu sau:  a. Nhằm thúc đẩy phong trào thi đua lập thành tích chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam. Chúng em cố gắng đạt nhiều điểm mười.  b. Trinh chỉ cho tôi xem cả một vườn ổi mọc sát nhau và hỏi tôi có thích không?  c. Nhà trường huy động hai lớp (8A và 8B) lao động vệ sinh sân trường.  **Bài 3: Trong các trường hợp sau đây, trường hợp nào dùng dấu câu đúng, trường hợp nào dùng dấu câu sai? Giải thích và chữa lại các câu đó.**  a. Trinh thì thào:  - Cậu xem có thích không? Cả một chùm ổi mọc sát nhau nhé!  b. Trinh chỉ cho tôi xem cả một vườn ổi mọc sát nhau và hỏi tôi có thích không?  c. Tôi bật cười bảo lão:  - Sao cụ lo xa thế?  d. Tôi bật cười bảo lão sao lão ấy lo xa thế?  **Bài 4:** Viết đoạn văn khoảng 12 câu phân tích bốn câu thơ cuối bài thơ “Đập đá ở Côn Lôn” trong đó sử dụng ít nhất ba loại dấu câu đã học và chú thích rõ. | **II. Luyện tập**  **Bài 1: Đáp án**  a. Hai tiếng “em bé” mà cô tôi ngân dài ra thật ngọt, thật rõ quả nhiên đã xoắn chặt lấy tâm can tôi như ý cô tôi muốn.  b. Lần đầu tiên nhìn thấy biển, nó sung sướng reo lên: “A! Biển đẹp quá!”  c. “Voi” - biệt danh các bạn đặt cho Ngọc – người luôn dẫn đầu lớp tôi về kết quả học tập.  **Bài 2: Đáp án**  a. Lỗi sai: Dùng dấu ngắt câu khi câu chưa kết thúc  Sửa: Nhằm thúc đẩy phong trào thi đua lập thành tích chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam, chúng em cố gắng đạt nhiều điểm mười.  b. Lỗi sai: Sử dụng sai công dụng của các dấu câu  Sửa: Trinh chỉ cho tôi xem cả một vườn ổi mọc sát nhau và hỏi tôi có thích không.  c. Lỗi sai: Sử dụng sai công dụng của các dấu câu (câu này không cần sử dụng dấu ngoặc đơn)  Sửa: Nhà trường huy động hai lớp 8A và 8B lao động vệ sinh sân trường.  **Bài 3**  a. Dùng dấu câu đúng  b. Lỗi sai: Sử dụng sai công dụng của các dấu câu (câu này là câu trần thuật, không sử dụng dấu hỏi chấm để kết thúc câu)  Sửa: Trinh chỉ cho tôi xem cả một vườn ổi mọc sát nhau và hỏi tôi có thích không.  c. Dùng dấu câu đúng  d. Lỗi sai: Sử dụng sai công dụng của các dấu câu (câu này là câu trần thuật, không sử dụng dấu hỏi chấm để kết thúc câu)  Sửa: Tôi bật cười bảo lão sao lão ấy lo xa thế.  **Bài 4:**  \* Yêu cầu về hình thức:  - Là đoạn văn (không xuống dòng)  - Sử dụng ít nhất ba dấu câu và chú thích  \* Yêu cầu về nội dung:  - Nghệ thuật đối, biện pháp khoa trương phóng đại cho thấy hình ảnh người chiến sĩ yêu nước dày dạn phong trần “thân sành sỏi, dạ sắt son”  - “Những kẻ vá trời” là người mang hoài bão, khát khao to lớn  - “Việc con con” là hoàn cảnh bị bắt giam trong tù ngục và lao động khổ sai…  → Hình ảnh người tù chiến sĩ bất khuất, hiên ngang, đầy bản lĩnh với ý chí kiên cường, hoài bão cao cả. |

**III. Củng cố, dặn dò**

* HS về nhà học kiến thức các bài đã ôn tập
* Hoàn thiện bài tập nếu trên lớp chưa hoàn thành. Chú ý nâng cao chất lượng bài tập viết đoạn văn ở mỗi tiết học.

**IV. Rút kinh nghiệm cá nhân:**

……………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………

**Ngày soạn: Ngày dạy:**

**BUỔI 16: - CHỦ ĐỀ VĂN BẢN THUYẾT MINH (Thuyết minh về một thể loại văn học)**

**- HỆ THỐNG, ÔN TẬP KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT**

**- CẢM THỤ *ÔNG ĐỒ***

**I. Mục tiêu cần đạt :**

1. Kiến thức:

- Củng cố các kiến thức về văn bản thuyết minh. HS hiểu được muốn làm văn thuyết minh về một thể loại văn học cần dựa vào quan sát, tìm hiểu và tra cứu.

- HS hệ thống hoá những kiến thức Tiếng Việt đã học ở học kì I.

- Hiểu được tâm sự và ước vọng rất ngông của nhà thơ lãng mạn Tản Đà, thấy được những nét mới mẻ trong hình thức thơ cũ (thất ngôn bát cú Đường luật). Cảm nhận tình cảnh đáng buồn của ông đồ, đồng thời thấy được lòng thương cảm và niềm hoài cổ của nhà thơ thể hiện qua lối viết bình dị mà gợi cảm.

2. Kỹ năng:

- Rèn kĩ năng quan sát và dùng kết quả quan sát khi làm bài thuyết minh

- Luyện các kĩ năng sử dụng Tiếng Việt trong nói và viết.

- Đọc, phân tích cấu trúc thơ thất ngôn bát cú Đường luật và thơ năm chữ,...

3. Thái độ, phẩm chất: Chăm chỉ, cẩn thận, tỉ mỉ, yêu và trân trọng tiếng Việt và các giá trị văn hóa truyền thống, …

4. Năng lực: Năng lực tự học, năng lực quan sát, phân tích, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, sáng tạo, năng lực cảm thụ,…

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 1: CHỦ ĐỀ VĂN BẢN THUYẾT MINH**

**Thuyết minh về một thể loại văn học**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

1. Kiến thức:

- Củng cố các kiến thức về văn bản thuyết minh. HS hiểu được muốn làm văn thuyết minh về một thể loại văn học cần dựa vào quan sát, tìm hiểu và tra cứu.

2. Kỹ năng:

- Rèn kĩ năng quan sát và dùng kết quả quan sát khi làm bài thuyết minh

3. Thái độ, phẩm chất: Chăm chỉ, cẩn thận, tỉ mỉ, …

4. Năng lực: Năng lực tự học, năng lực quan sát, phân tích, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, sáng tạo,…

**II. Tiến trình lên lớp**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức: cá nhân, nhóm  ? Kể tên các thể loại văn học mà em biết?  - Hs kể nhanh một vài thể loại | **I. Các thể loại văn học**  **1. Tự sự:** gồm các thể có cốt truyện, dùng hình thức kể (trần thuật): truyện cổ dân gian (truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn, truyện cười,..), truyện thơ, sử thi, tiểu thuyết, truyện ngắn,…  **2. Trữ tình:** gồm các thể bộc lộ trực tiếp cảm xúc, tư tưởng của người viết: thơ trữ tình, tùy bút, bút kí,…  **3. Kịch:** gồm những thể dùng để diễn trên sân khấu: tuồng, chèo, kịch nói, cải lương,.. |
| - Hình thức tổ chức: cá nhân  ? Hãy nhắc lại: Thuyết minh về thể loại văn học là gì?  ? Muốn làm bài văn thuyết minh về một thể loại văn học cần làm gì?  ? Nêu bố cục cơ bản của bài văn thuyết minh về thể loại văn học? | **II. Thuyết minh về thể loại văn học:**  **1. Khái niệm:** là nêu đặc trưng về cấu trúc, bố cục, ngôn ngữ, dung lượng, nội dung phản ánh,… của thể loại đó, để phân biệt nó với các thể loại khác.  **2. Cách làm:** Trước hết phải quan sát, nhận xét, sau đó khái quát thành những đặc điểm.  **3. Bố cục:**  + Mở bài: Giới thiệu khái quát về thể loại  + Thân bài: Nêu các đặc điểm của thể loại  + Kết bài: Nêu ý nghĩa của thể loại |

***B. Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức: cá nhân, nhóm  **Bài tập 1:**  Đọc lại bài Bài Ca Côn Sơn ( Nguyễn Trãi) (SGK Ngữ văn 7 tập 1, trang 78) và tìm các đặc trưng của thể thơ lục bát:  - Nhóm 1: Số câu, số tiếng  - Nhóm 2: Nghệ thuật phối thanh  - Nhóm 3: Cách gieo vần  - Nhóm 4: Nghệ thuật tiểu đối  - Nhóm 5: Cách ngắt nhịp  - HS trao đổi, thảo luận và phát biểu ý kiến | - GV chốt kiến thức  - Số câu, số tiếng: Gồm các cặp lục- bát (4 cặp). Mở đầu bằng câu lục, kết thúc bằng câu bát.  - Nghệ thuật phối thanh: Tiếng 1,3,5 tự do về thanh; tiếng 4 trắc, tiếng 2,6,8 là bằng  - Gieo vần: gieo vần 6-8. (rầm- cầm; phơi- ngồi; êm- nêm; nằm- râm-ngâm)  - Nghệ thuật tiểu đối: Tiếng 6-8 của câu bát ( đàn- tai; ngồi- êm; ta- nằm; ngâm- nhàn)  - Ngắt nhịp: 2/2/2 |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân  **Bài tập 2:** Hãy lập dàn ý cho đề bài: Thuyết minh về thể thơ lục bát  - Hs thực hiện yêu cầu | - GV chốt kiến thức  \* MB: Giới thiệu chung về thể thơ  \* TB:  - Khái niệm, dấu hiệu nhận diện, nguồn gốc  - Những nét đặc trưng:  + Số câu, số tiếng: Gồm các cặp lục- bát . Mở đầu bằng câu lục, kết thúc bằng câu bát, có thể rất ngắn (1 cặp), hoặc rất dài (Truyện Kiều - Nguyễn Du 1627 cặp)  + Nghệ thuật phối thanh: Tuân thủ quy tắc “Nhất, tam ngũ bất luận; nhị, tứ lục phân minh”. Tiếng 1,3,5 tự do về thanh; tiếng 4 trắc, tiếng 2,6,8 là bằng.  + Gieo vần: Chủ yếu là vần bằng, cứ mỗi cặp mới đổi vần.Tiếng cuối câu 6 vần tiếng 6 câu 8.  + Đối thanh: Tiếng thứ 6 của câu bát đối tiếng 8 câu đó. Nếu tiếng 6 thanh bằng thì tiếng 8 thanh ngang và ngược lại.  + Ngắt nhịp: Thường ngắt nhịp chẵn:2/2/2;2/4,…  - Tác dụng của thơ lục bát:  + Phản ánh phẩm chất thẩm mĩ riêng của tiếng Việt  + Dồi dào khả năng diễn đạt tình cảm  + Ảnh hưởng lớn đến văn hóa dân tộc  + Sức sống mãnh liệt cả trong thơ hiện đại (Nguyễn Bính, Tố Hữu,…)  \* KB: Ý nghĩa, thái độ, tình cảm với thơ lục bát. Khẳng định vị thế của thể thơ. |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- Tiếp tục ôn tập kiến thức

- Bài tập về nhà

**Bài tập 1:** Viết bài văn ngắn, thuyết minh về một thể loại văn học mà em yêu thích.

**TIẾT 2: HỆ THỐNG, ÔN TẬP KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

1. Kiến thức:

- HS hệ thống hoá những kiến thức Tiếng Việt đã học ở học kì I.

2. Kỹ năng:

- Luyện các kĩ năng sử dụng Tiếng Việt trong nói và viết.

3. Thái độ, phẩm chất: Chăm chỉ, cẩn thận, tỉ mỉ, yêu và trân trọng tiếng Việt, …

4. Năng lực: Năng lực tự học, năng lực quan sát, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, sáng tạo,…

**II. Tiến trình lên lớp**

**A: Từ vựng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV yêu cầu HS lập sơ đồ các đơn vị kiến thức về từ vựng đã học trong HKI Ngữ văn 8  HS nhắc miệng nhanh những lí thuyết về từng đơn vị KT | **I. Lí thuyết**   |  | | --- | | **Từ vựng** |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ | Trường từ vựng | Từ tượng hình, từ tượn thanh | Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội | Các biện pháp tu từ: nói quá, nói giảm, nói tránh | |
| - Hình thức tổ chức luyện tập:  (nhóm, cá nhân,...)  **Bài tập 1**  3. Tìm từ ngữ có nghĩa hẹp nằm trong nghĩa của các từ ngữ cho dư­ới đây:  a. *Sách*.  b. *Đồ dùng học tập*.  c. *áo*.  **Bài tập 2:** Hãy đặt tên tr­ường từ vựng cho mỗi nhóm từ d­ưới đây:  a. *lá, cành, thân, rễ, hoa, nhụy,...*  b. *cha, mẹ, ông, bà, cô, cậu, bác, chú,...*  c. *áo, quần, khăn, tất,...*  **Bài tập 3.** Cho các câu văn sau:  \_ *Chị Dậu run run: (...)*  \_ *Chị Dậu vẫn thiết tha: (...)*  \_ *Chị Dậu nghiến hai hàm răng: (...)*  Tìm các từ ngữ miêu tả cách nói năng của chị Dậu, từ đó chỉ ra sự thay đổi trạng thái tâm lí của chị.  **Bài tập 4 :** Vận dụng kiến thức về trường từ vựng để phân tích cái hay trong cách dùng từ ở bài thơ  *Áo đỏ em đi giữa phố đông*  *Cây xanh như cũng ánh theo*  *Em đi lửa cháy trong bao mắt*  *Anh đứng thành tro em biết không?*  (Áo đỏ- Vũ Quần Phương)  **Bài tập 5:** Phân tích hiệu quả của các trường hợp sau đây do phép nói quá mang lại.  a. *Người say rượu mà đi xe máy thì tính mạng ngàn cân treo sợi tóc*.  b. *Người sao một hẹn thì nên*  *Người sao chín hẹn thì quên cả mười*.  ( Ca dao )  **Bài tập 8:** Phát hiện phép nói tránh trong đoạn trích sau đây và cho biết vì sao chị Dậu lại nói như vậy.  *Chị Dậu vừa nói vừa mếu:*  *- Thôi u không ăn để phần cho con. Con chỉ được ăn ở nhà bữa nay nữa thôi. U không muốn ăn tranh của con. Con cứ ăn thật no, không phải nhường nhịn cho u*.  (Ngô Tất Tố) | **II. Luyện tập**  - GV chốt kiến thức  **Bài tập 1.** Các từ ngữ có nghĩa hẹp so với các từ ngữ đã cho:  a. *Sách*: *sách Toán, sách Ngữ văn, sách Lịch sử,*...  b. *Đồ dùng học tập: th­ớc kẻ, bút máy, bút chì, com – pa,...*  c. *áo: áo len, áo dạ,...*  **Bài tập 2.** Tên các tr­ường từ vựng:  a. *Bộ phận của cây*.  b. *Ng­ười ruột thịt*.  c. *Đồ mặc*.  **Bài tập 3.** Các từ ngữ miêu tả cách nói năng của chị Dậu:  + *run run*.  + *thiết tha*.  + *nghiến hai hàm răng*.  \_ Sự thay đổi trạng thái tâm lí: sợ hãi -> van nài -> căm phẫn.  **Bài tập 4 :**  **Gợi ý:** Các từ (áo) đỏ, (cây) xanh, (ánh) hồng, lửa, cháy, tro tạo thành hai trường từ vựng: ***trường từ vựng chỉ màu sắc***: xanh- đỏ- hồng và ***trường từ vựng chỉ lửa, những sự vật, hiện tượngcó liên tưởng đến lửa***: Lửa- cháy- tro. Màu áo đỏ của cô gái thắp lên trong mắt chàng trai (và bao người khác) ngọn lửa. Ngọn lửa ấy lan toả trong con người anh, làm anh say đắm, ngất ngây (đến mức có thể cháy thành “tro”) và lan toả ra cả không gian, làm không gian cũng biến sắc (Cây xanh như cũng ánh theo hồng)  **Bài tập 5 :**  a. Sử dụng “*ngàn cân treo sợi tóc*” là cách nói hình ảnh phi thực tế để giúp người đọc nhận thức mức độ nguy hiểm một cách cụ thể nhất.  b. Hẹn *chín* mà quên *mười* là hoàn toàn không có trong thực tế. Chính cách nói phóng đại quá sự thật này đã nhấn mạnh thái độ trách móc đối với sự “*quên*” của người hẹn.  **Bài tập 8:**  Đáng lẽ chị Dậu phải nói: “*U đã bán con cho nhà cụ Nghị để lấy tiền nộp sưu rồi*”, nhưng vì sự thật quá phũ phàng đối với đứa con nên chị phải nói tránh: “*Con chỉ được ăn ở nhà bữa nay nữa thôi*”. |

**B. Ngữ pháp**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV yêu cầu HS lập sơ đồ các đơn vị kiến thức về ngữ pháp đã học trong HKI Ngữ văn 8  HS nhắc miệng nhanh những lí thuyết về từng đơn vị KT | |  | | --- | | **Ngữ pháp** |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | Trợ từ  Thán từ | Tình thái từ | Câu ghép | |
| - Hình thức tổ chức luyện tập  (nhóm, cá nhân, tổ..)  - HS thực hiện  **Bài tập 1.** Trong các từ in đậm dưới đây, từ nào là trợ từ?  a. **Ngay** chúng tôi cũng không biết phải nói những gì.  b. Tôi có **ngay** cái ý nghĩ vừa non nớt vừa ngây thơ này: chắc chỉ người thạo mới cầm nổi bút thước.  ( Thanh Tịnh )  c. Nó đưa cho tôi **mỗi** 5000 đồng.  d. **Mỗi** người nhận 5000 đồng.  **Bài tập 2.** Chọn từ những hay mỗi để điền vào chỗ trống trong các câu sau:  a. Tôi còn /..../ 5 tiếng để làm bài tập. Gì mà chẳng kịp.  b. Tôi còn /..../ 5 tiếng để làm bài tập. Làm sao mà kịp được.  Chỉ ra sự khác nhau giữa những và mỗi?  **Bài tập 3.** Tìm thán từ trong những câu sau và cho biết chúng được dùng để làm gì?  a. Này, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn.  ( Ngô Tất Tố )  b. Khốn nạn! Nhà cháu đã không có, dẫu ông chửi mắng cũng đến thế thôi. Xin ông trông lại!  ( Ngô Tất Tố )  c. Chao ôi, có biết đâu rằng: hung hăng, hống hách láo chỉ tổ đem thân mà trả nợ cho những cử chỉ ngu dại của mình thôi.  ( Tô Hoài )  **Bài tập 3.** Xác định các câu ghép trong đoạn trích sau đây:  *Những ý t­ưởng ấy tôi ch­ưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết. Nh­ưng mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè núp d­ưới nón mẹ lần đầu tiên đi đến trường, lòng tôi lại t­ưng bừng rộn rã. Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đư­ờng làng dài và hẹp. Con đư­ờng này tôi đã quen đi lại lắm lần, nh­ưng lần này tự nhiên thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học*. (Thanh Tịnh) | - GV chốt kiến thức  **Bài tập 1.**  Trả lời: Các câu (a), (c) có trợ từ.  **Bài tập 2:**  a. Tôi còn **những** 5 tiếng để làm bài tập. Gì mà chẳng kịp.  b. Tôi còn **mỗi** 5 tiếng để làm bài tập. Làm sao mà kịp được.  => Những biểu thị sự đánh giá nhiều về số lượng.  Mỗi biểu thị sự đánh giá ít về số lượng.  **Bài tập 3.** Trả lời:  a. Này: dùng để gọi.  b. Khốn nạn: dùng để bộc lộ cảm xúc.  c. Chao ôi: dùng để bộc lộ cảm xúc.  **Bài tập 3.** Xác định các câu ghép trong đoạn trích sau đây:  *Những ý t­ưởng ấy tôi ch­ưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết. Nh­ưng mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè núp d­ưới nón mẹ lần đầu tiên đi đến trường, lòng tôi lại t­ưng bừng rộn rã. Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đư­ờng làng dài và hẹp. Con đư­ờng này tôi đã quen đi lại lắm lần, nh­ưng lần này tự nhiên thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học.* (Thanh Tịnh) |

**C: Dấu câu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV yêu cầu HS lập sơ đồ các đơn vị kiến thức về ngữ pháp đã học trong HKI Ngữ văn 8  HS nhắc miệng nhanh những lí thuyết về từng đơn vị KT | |  | | --- | | **Dấu câu** |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | Ngoặc đơn | Hai chấm | Ngoặc kép | |
| - Hình thức tổ chức luyện tập  (nhóm, cá nhân, tổ..)  - Hs thực hiện  **Bài tập 1.** Tác dụng của dấu hai chấm trong các tr­ường hợp sau:  a. *Tôi lại im lặng cúi đầu xuống đất: lòng tôi thắt lại, khoé mắt tôi đã cay cay.*  b. *Thỉnh thoảng nghe tiếng quan phụ mẫu gọi: “Điếu, mày”; tiếng tên lính thư­a : “Dạ”; tiếng thầy đề hỏi: “Bẩm, bốc” ; tiếng quan lớn truyền: “Ư”. Kẻ này: “Bát sách ! Ăn”.*  c. *Con lớn lên con biết lẽ rồi:*  *Nư­ớc mất nhà tan, đời khổ thế*  *Không làm nô lệ đứng lên thôi.*  d. *Kính gửi: Thầy Hiệu trư­ởng Tr­ường THCS Ba Đình.*  **Bài tập 2.** Xác định công dụng của dấu ngoặc kép trong các câu dưới đây:  a. Con tu hú to nhất họ nó kêu “tu hú” là mùa vải chín.  b. Những tác phẩm như “ Lão Hạc”, “Tắt đèn”,... đã làm hiện lên những thân phận con người trong xá hội xưa.  **Bài tập 3:** Viết một đoạn văn (7-10 câu) có dùng 3 loại dấu trên. | - GV chốt kiến thức  **Bài tập 1.**  - Đánh dấu bộ phận: Câu a:  - Giải thích, câu b:  - Lời dẫn trực tiếp,  - Bổ sung: câu c-d  **Bài tập 2.** Công dụng dấu ngoặc kép:  a. Dùng đánh dấu lời dẫn trực tiếp  b. Dùng đánh dấu tài liệu được dẫn  **Bài tập 3:**  HS viết đảm bảo hình thức đoạn văn.  Bài viết có nội dung chỉn chu, sử dụng dấu câu hợp lí |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- Tiếp tục ôn tập kiến thức

- Bài tập về nhà

**Bài 1.** So sánh tính rộng - hẹp của các từ ngữ gạch chân d­ưới đây:

a. *Trong* ***chiếc áo vải dù đen*** *dài tôi cảm thấy mình trang trọng và đứng đắn. Dọc đ­ường thấy mấy cậu học trò trạc bằng tuổi tôi áo quần t­ươm tất, nhí nhảnh gọi tên nhau hay trao sách vở cho nhau mà tôi thèm*.

(Thanh Tịnh ).

b. *Tôi bặm tay ghì thật chặt, nh­ưng một* ***quyển vở*** *cũng xệch ra và chênh đầu chúi xuống đất. Tôi xóc lên và nắm lại cẩn thận. Mấy cậu đi trước ôm* ***sách vở*** *nhiều lại kèm cả bút th­ước nữa*.

(Thanh Tịnh )

**\* Trả lời:**

a. *áo quần* có nghĩa rộng hơn so với nghĩa của *chiếc áo vải dù đen*.

b. *sách vở* có nghĩa rộng hơn so với nghĩa của *quyển vở*.

**Bài 2.** Đặt 3 câu có dùng trợ từ: “chính”, “đích”, “ngay” và nêu tác dụng của việc dùng 3 trợ từ đó.

**Đặt câu:**

Nói dối là tự làm hại **chính** mình.

Tôi đã gọi **đích** danh nó ra.

Bạn không tin **ngay** cả tôi nữa à?

=> Tác dụng: Nhấn mạnh đối tượng được nói đến là: mình, nó, tôi.

**Tiết 3: CẢM THỤ *ÔNG ĐỒ***

**I. Mục tiêu cần đạt :**

1. Kiến thức:

- Hiểu được tâm sự và ước vọng rất ngông của nhà thơ lãng mạn Tản Đà, thấy được những nét mới mẻ trong hình thức thơ cũ (thất ngôn bát cú Đường luật). Cảm nhận tình cảnh đáng buồn của ông đồ, đồng thời thấy được lòng thương cảm và niềm hoài cổ của nhà thơ thể hiện qua lối viết bình dị mà gợi cảm.

2. Kỹ năng:

- Đọc, phân tích cấu trúc thơ thất ngôn bát cú Đường luật và thơ năm chữ,...

3. Thái độ, phẩm chất: Chăm chỉ, cẩn thận, tỉ mỉ, yêu và trân trọng tiếng Việt và các giá trị văn hóa truyền thống, …

4. Năng lực: Năng lực tự học, năng lực quan sát, phân tích, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, sáng tạo, năng lực cảm thụ,…

**II. Tiến trình lên lớp**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức : cá nhân  ? Trình bày hiểu biết về Vũ Đình Liên?  ? Giá trị về nội dung và nghệ thuật?  ?ý nghĩa của văn bản? | - GV chốt kiến thức  a. Tác giả, tác phẩm:  - Vũ Đình Liên (1913-1996) là một trong những nhà thơ lớp đầu tiên của phong trào Thơ mới. Thơ ông mang nặng lòng thương người và niềm hoài cổ.  - “Ông đồ” là bài thơ tiêu biểu nhất trong sự nghiệp sáng tác của Vũ Đình Liên.  b. Giá trị về nội dung & NT:  - Tình cảnh đáng thương của ông đồ, qua đó toát lên niềm cảm thương chân thành trước một lớp người đang tàn tạ và nỗi nhớ tiếc cảnh cũ, người xưa.  - Bình dị, cô đọng, hàm súc. Đối lập, tương phản; hình ảnh thơ nhiều sức gợi, câu hỏi tu từ, tả cảnh ngụ tình...  \* Ý nghĩa văn bản: Khắc họa hình ảnh ông đồ, nhà thơ thể hiện nỗi tiếc nuối cho những giá trị văn hóa cổ truyền của dân tộc đang bị tàn phai. |
| - Hình thức tổ chức luyện tập : 3 nhóm  **Bài tập 1**  Trong bài thơ, tác giả gọi ông đồ bằng những từ ngữ nào? Lí giải vì sao có sự khác biệt đó?  - HS thực hiện: Hs tìm nhanh, chia 3 nhóm lí giải sự khác biệt  - Các nhóm thảo luận, báo cáo  **Bài tập 2:** Bài thơ Ông đồ mấy lần sử dụng câu hỏi tu từ? Hãy cho biết giá trị nghệ thuật của những câu hỏi tu từ đó?  **Bài tập 3:** Cảm nhận của em về khổ thơ thứ 3 trong bài thơ Ông đồ.  **Bài tập 4:** Bài thơ Ông đồ gửi gắm nỗi niềm của tác giả, em hiểu như thế nào về điều đó? | - GV chốt kiến thức  **Bài tập 1:**  - Ông đồ già: xuất hiện ở khổ đầu, gọi theo tuổi tác, thể hiện sự tôn trọng  - Ông đồ: khổ 3, gọi những thầy đồ ngồi viết câu đối trên hè phố, các ông đồ đều trong cảnh bị lãng quên  - Ông đồ cưa: khổ cuối, thể hiện hình ảnh ông đồ đã lùi vào quá khứ thể hiện sự thương cảm, xót xa.  **Bài tập 2:**  - Trong đoạn thơ có hai câu hỏi tu từ  - Các câu hỏi đều có tác dụng bộc lộ cảm xúc  - Ở câu thứ nhất, thể hiện niềm thương cảm ngậm ngùi trước cảnh ông đồ ế khách, khác hẳn với trước kia  - Ở câu thứ hai, nhà thơ cất lên lời xót xa trước sự vắng bóng của ông đồ, bang khuâng, nuối tiếc cho lớp nhà nho thất thế. Câu hỏi gieo vào lòng người đọc những suy nghĩ âm thầm mà sâu sắc.  **Bài tập 3:**  Khổ thơ thứ ba gợi hình ảnh ông đồ trong thời kì chữ nho không còn đc thinh hành, dần rơi vào quên lãng.  - “Nhưng” : mở ra bước ngoặt, sự đối lập giữa xưa và nay.  - Không gian: “vắng” cảnh vắng, người vắng  - Câu hỏi tu từ: không có lời đáp  -> Cảnh mùa xuân trở nên vắng vẻ, đìu hiu  - Nghệ thuật nhân hóa: giấy đỏ buồn, nghiên sầu->nỗi buồn tủi thấm vào vật vô tri, vô giác  - Ông đồ “vẫn” ngồi đấy, “không ai hay” -> bị lãng quên.  - Lá vàng, mưa bụi: gợi khung cảnh tàn tạ, buồn bã, lạnh lẽo.  - Sự lùi hẳn của ông đồ vào dĩ vãng gợi sự suy tàn của Hán học, nỗi buồn thương, tiếc nuối.  -> Nhịp thơ trầm , giọng điệu thể hiện nỗi buồn chất chứa; but pháp tả cảnh ngụ tình gợi nỗi buồn tủi, cô đơn, tuyệt vọng của ông đồ.  **Bài tập 4:**  - Từ sự vắng bóng của ông đồ, nhà thơ cất tiếng hỏi trong niềm thương cảm xót xa. Đó còn là nỗi xót xa cho những nhà nho thất thế như ông- nhừng người đang tàn tạ trước sự thauy đổi của cuộc đời.  - Thứ hai, Vũ Đình Liên còn cất lên nỗi nhớ nhung, luyến tiếc trước cảnh cũ người xưa nay đã vắng bóng một lớp người từng không thể thiếu trong đời sống xã hội, tiếc cho thú chơi chữ từng gắn bó, mamng vẻ đẹp văn hóa gắn với giá trị tinh thần truyền thống không còn nữa.  - Nỗi tiếc nuối này còn là tiếc nuối cho nền Hán học nghìn năm- một thành trì văn hóa cũ hầu như đã sụp đổ.  -> Bài thơ không dừng ở ý nghĩa nhân đạo mà còn mang tính nhân văn và tinh thần dân tộc đáng trân trọng. |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- Tiếp tục ôn tập kiến thức

- Bài tập về nhà

**Bài tập 1:** Viết đoạn văn (10-12 câu) cảm nhận về bài thơ Ông đồ (Vũ Đình Liên) trong đó có sử dụng trợ từ, thán từ và câu ghép. (Gạch chân dưới trợ từ, thán từ và câu ghép đó)

**Buổi 17**

**Tiết 1 – Ôn tập, hệ thống kiến thức Tiếng Việt (tiếp)**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

1. Kiến thức

- Học sinh hệ thống các kiến thức về từ vựng và ngữ pháp đã học ở học kì I.

2. Kỹ năng

- Rèn cho học sinh kĩ năng vận dụng thuần thục kiến thức Tiếng Việt đã học ở học kì I để hiểu nội dung, ý nghĩa văn bản hoặc tạo lập văn bản.

3. Thái độ, phẩm chất

- Giáo dục học sinh có ý thức thái độ đúng trong học tập, ôn luyện Tiếng Việt.

- Ham hiểu biết, yêu tiếng Việt

4. Năng lực

- Giải quyết vấn đề, thẩm mỹ cho học sinh

**II. Tiến trình lên lớp**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động thầy - trò** | **Kiến thức cần đạt** |
| *H: Cho nhóm từ: cao, thấp, lùn, lòng khòng, lêu nghêu, gầy, bó, xác ve, bị thịt, cá rô đực… Nếu dùng nhóm từ trên để miêu tả người thì trường từ vựng của nhóm từ là gì?*  - Hướng dẫn HS làm.  - Gọi HS trình bày. | **A. Từ vựng**  ***\*.Trường từ vựng***  *- Cao, thấp, lùn, lòng khòng, lêu nghêu, gầy, bó, xác ve, bị thịt, cá rô đực… ->*Chỉ hình dáng của con người. |
| *H: Cho bài ca dao sau:*  *Cày đồng đang buổi ban trưa*  *Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày,*  *Ai ơi, bưng bát cơm đầy*  *Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần.*  *(Ca dao)*  *a. Tìm từ tượng hình, từ tượng thanh và các biện pháp tu từ trong bài ca dao.*  *b. Viết đoạn văn phân tích tác dụng của việc sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh và các biện pháp tu từ trong bài ca dao trên.*  - Hướng dẫn HS làm.  - Gọi HS trình bày.  b. HS cần chỉ ra tác dụng và phân tích bằng một đoạn văn. | ***\*.Từ tượng thanh, từ tượng hình***  a. Từ tượng thanh: thánh thót; các phép tu từ: so sánh, nói quá.  b. + Làm cho hình ảnh sinh động, tăng giá trị biểu đạt.  + Các biện pháp tu từ trên góp phần làm nổi bật sự vất vả, lam lũ của người nông dân Việt Nam xưa.  + Bài ca dao là lời nhắc nhở nhẹ nhàng đối với chúng ta: hãy biết trân trọng những sản phẩm nông nghiệp có được từ bàn tay lao động của con người. |
| *H: Em hãy ghi lại những biệt ngữ xã hội được dùng trong những câu sau đây và diễn đạt lại cho mọi người cùng hiểu:*  a. Trong trận đấu bóng đá giữa đội X và đội Y, cầu thủ Chiến đã đốn ngã cầu thủ Thắng.  b. Cũng trong trận đấu bóng này, đội Y đã bị thủng lưới 2 bàn.  c. Như vậy thủ môn đội Y đã phải vào lưới nhặt bóng 2 lần.  d. Bài KT toán, Hoà bị trứng còn Nam bị gậy.  - Gọi HS trình bày. Nhận xét.  - GV nhận xét, chốt lại kĩ năng làm bài, cho điểm 1 số bài. | ***\*. Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội.***  Biệt ngữ xã hội:  a, đốn ngã  b, thủng lưới  c, nhặt bóng  d, trứng, gậy |
| H: Chỉ ra và phân tích các biện pháp tu từ trong các câu sau:  a, Làm trai cho đáng nên trai  Khom lưng chống gối gánh hai hạt vừng  b, Thuyền ta lái gió với buồm trăng  Lướt giữa mây cao với biển bằng (Huy Cận)  c, Bác đã lên đường theo tổ tiên  Mác, Lênin – thế giới người hiền (Tố Hữu)  - Hướng dẫn HS làm.  - Gọi HS trình bày. | ***\*. Một số biện pháp tu từ từ vựng***  a, Biện pháp nói quá ( phóng đại ): khom lưng chống gối ( cố gắng hết sức) để gánh 2 hạt vừng ( công việc quá nhỏ nhặt, không đáng kể) Trên thực tế không ai như thế -> phóng đại nhằm mục đích mỉa mai, châm biếm những chàng trai yếu đuối, vô tích sự  b, Tác giả sử dụng biện pháp tu từ nói quá để miêu tả vẻ đẹp tráng lệ, khỏe khoắn, tầm vóc vũ trụ của đoàn thuyền khi lướt trên biển khơi với khí thế và khát vọng chinh phục biển cả.  c, Nhà thơ sử dụng biện pháp tu từ nói giảm nói tránh để giảm đi sự đau thương của việc Bác đã ra đi. Đồng thời, nhà thơ cũng nhấn mạnh tuy Bác không còn nhưng Người vẫn đi theo con đường cách mạng của những người đi trước như Mác, Lênin. |
| *Bài 1. Cho đoạn văn sau: Em hơ đôi tay trên que diêm sáng rực như than hồng. Chà! Ánh sáng kì dị làm sao! Em tưởng chừng như đang ngồi trước một lò sưởi bằng sắt có những hình nổi bằng đồng bóng nhoáng. Trong lò, lửa cháy nom đến vui mắt và tỏa ra hơi nóng dịu dàng. Thật là dễ chịu! Đôi bàn tay em hơ trên ngọn lửa; bên tay cầm diêm, ngón cái nóng bỏng lên. Chà! Khi tuyết phủ kín mặt đất, gió bấc thổi vun vút mà được ngồi hàng giờ như thế, trong đêm đông rét buốt, trước một lò sưởi thì khoái biết bao!  (Cô bé bán diêm - An-đéc-xen)*  a. Xác định trợ từ, thán từ và tình thái từ trong đoạn trích?  b. Tìm câu ghép có trong đoạn trích. c, Hãy chỉ ra trạng ngữ có trong đoạn văn chúng bổ sung ý nghĩa gì trong câu ?d, Chỉ ra câu đặc biệt có trong đoạn văn và nêu tác dụnge, Đặt câu chỉ nguyên nhân mục đích. | **B. Ngữ pháp**  ***\* Từ vựng***  \* ***Các loại câu ghép***  *Bài 1*  a. - Trợ từ: đến. - Thán từ: chà. - Tình thái từ: làm sao, biết bao. b. Câu ghép: Đôi bàn tay em hơ trên ngọn lửa; bên tay cầm diêm, ngón cái nóng bỏng lên.  c, Trong lò: trạng ngữ chỉ nơi chốn  - Khi tuyết phủ kín mặt đất: trạng ngữ chỉ thời gian  - Trong đêm đông rét buốt: trạng ngữ chỉ thời gian  b, Câu đặc biệt:  - Chà! ->biểu lộ cảm xúc  e, Câu chỉ nguyên nhân-mục đích:  Vì những người qua đường vô tâm nên em đã nằm xuống trong 1 đêm đông thật lạnh giá. |
| *Bài 2. Đọc đoạn trích dưới đây và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:*  *Biển luôn thay đổi màu tuỳ theo sắc mây trời. Trời xanh thẳm, biển cũng xanh thẳm như dâng cao lên, chắc nịch. Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương. Trời âm u mây mưa, biển xám xịt nặng nề. Trời ầm ầm dông gió, biển đục ngầu, giận dữ...*   (Theo Vũ Tú Nam, Biển đẹp)  **Câu 1.**Tìm những câu ghép có trong đoạn trích trên.  **Câu 2.**Xác định quan hệ ý nghĩa giữa các vế trong câu ghép mà em vừa tìm được.  **Câu 3.**Em hãy viết một đoạn văn khoảng (8-10 dòng) để thuyết phục một người bạn của mình không hút thuốc lá. Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất hai câu ghép.  (Câu 3. Hướng dẫn HS tự viết và hoàn thiện ở nhà)  - Gọi HS trình bày. Nhận xét.  - GV nhận xét, chốt lại kĩ năng làm bài, cho điểm 1 số bài.  Đoạn văn tham khảo  *Thuốc lá gây ra những tác hại rất lớn đối với đời sống con người. Trước hết, nó huỷ hoại sức khoẻ của những người trực tiếp hút thuốc. Trong thuốc lá có chứa nhiều chất độc (nhất là ni-cô-tin). Chất ni-cô-tin có khả năng gây nghiên và nó cùng với những chất độc khác "gặm nhấm" sức khỏe con người gây bênh viêm phế quản, ho lao, ung thư phổi.... Điều này lí giải tại sao phần lớn những người hút thuốc nhiều đều mắc ít nhất một bệnh nào đó về phổi. Hơn thế nữa, thuốc lá còn gây ảnh hưởng xấu đến môi trường: Khói thuốc lá, đầu thuốc lá, tàn thuốc lá, chúng đã cùng với rác rười góp phần tạo nên thảm hoạ ô nhiễm môi trường. Nguy hiểm hơn, khói thuốc lá còn gây bệnh cho những người không hút thuốc. Những người xung quanh hít phải khói thuốc và khói thuốc khiến họ chịu độc gấp 4 lần người trực tiếp hút thuốc. Việc hút thuốc lá thụ động này cũng khiến những người này mắc những bệnh nghiêm trọng về tim phổi.* | *Bài 2*  Câu 1. Những câu ghép có trong đoạn trích:  - Trời xanh thẳm, biển cũng xanh thẳm như dâng cao lên, chắc nịch.  - Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương.  - Trời âm u mây mưa, biển xám xịt nặng nề.  - Trời ầm ầm dông gió, biển đục ngầu, giận dữ.  Câu 2**.**Quan hệ ý nghĩa giữa các vế trong câu ghép vừa tìm được: Quan hệ điều kiện, kết quả (vế đầu - điều kiện, vế sau - kết quả). |

**Tiết 2, 3 – Ôn tập văn bản tự sự**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

1. Kiến thức

- Học sinh nắm được thế nào là văn bản tự sự, đặc điểm của văn bản tự sự, hiểu được vai trò của các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản tự sự.

2. Kỹ năng

- Có kỹ năng vận dụng để viết bài văn tự sự có kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm.

3. Thái độ, phẩm chất

- Giáo dục học sinh có ý thức thái độ đúng trong học tập, ôn luyện .

- Ham hiểu biết, yêu tiếng Việt

4. Năng lực

- Giải quyết vấn đề, thẩm mỹ cho học sinh

**II. Tiến trình lên lớp**

***Tiết 2- Ôn tập lý thuyết văn tự sự***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động thầy - trò** | **Kiến thức cần đạt** |
| H: Văn tự sự là thể văn như thế nào?  - Tự sự là cách kể chuyện, kể việc về con người (nhân vật).  H: Kể ra những văn bản thuộc phương thức tự sự mà em được học?  - Tấm Cám, Cây tre trăm đốt  Cuộc chia tay của những con búp bê,…  H: Tự sự giúp người đọc, người nghe hiểu điều gì?  H: Tự sự sử dụng khi nào, ở môi trường nào?  GV: Chuyện là gì?  Chuyện là các sự việc do nhân vật gây ra, cũng gọi là các tình tiết, diễn biến liên tục trong một thời gian nhất định, thể hiện phẩm chất và tư duy con người mang ý nghĩa đời sống.  \* Thế nào gọi là văn tự sự: Văn tự sự là loại văn trong đó tác giả giới thiệu, thuyết minh, miêu tả nhân vật, hành động và tâm tư tình cảm của nhân vật, kể lại diễn biến câu chuyện... sao cho người đọc, người nghe hình dung được diễn biến và ý nghĩa của câu chuyện ấy.  \* Truyện là một thể loại... là văn bản kể được tác giả sáng tác.  Ví dụ; truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện Người ăn mày và nồi cơm ...” Chữ “truyện” ở đây phải viết là “tr”... Cái được kể trong văn bản truyện gọi là câu chuyện, được viết là “ch .” | **I. Đặc điểm của văn bản tự sự.**  1) Thế nào là văn tự sự ?  ***a. Khái niệm***:   * Tự sự là cách kể chuyện, kể việc về con người (nhân vật). Câu chuyện bao gồm những sự việc ( chuỗi) nối tiếp nhau để đi đến kết thúc.   ***b.*** ***Tác dụng văn tự sự*** :  - Tự sự giúp người đọc người nghe hiểu rõ sự việc con người hiểu rõ vấn đề, từ đó bày tỏ, thái độ khen chê.  - Trong cuộc sống trong giao tiếp cũng như trong văn chương truyền miệng, văn chương viết đều rất cần đến tự sự |
| H: Hãy nêu ra các yếu tố tạo nên một tác phẩm tự sự?  GV: Số lượng chi tiết nhiều hay ít không quan trọng mà quan trọng là thể hiện được dụng ý nghệ thuật của tác giả. VD: Chi tiết kết thúc truyện Bức tranh của em gái tôi“ ” của Tạ Duy Anh là một chi tiết bất ngờ làm sáng lên toàn bộ cốt truyện. Đó chính là chi tiết ngời anh “giật... muốn khóc” khi nhận ra cậu bé trong tranh chính là mình. Chi tiết này góp phần lí giải một loạt các chi tiết ở trên: người anh sinh lòng ghen ghét với em vì nghĩ mình bị đẩy ra ngoài, cô em gái lại hay xét nét, người em làm người anh khó chịu ... chỉ bằng sự liên kết khéo léo, tinh tế các chi tiết nghệ thuật mà nhà văn Tạ Duy Anh đã làm nổi bật được vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật người em gái – cô bé Kiều Phương. Đồng thời cũng gửi gắm trong tác phẩm của mình thông điệp về tình cảm gia đình, về tình anh em thân thiết. | 2. Các yếu tố tạo nên một tác phẩm tự sự:  ***a. Cốt truyện***: Cốt truyện của văn bản tự sự phải đảm bảo gồm một chuỗi sự việc nối tiếp nhau trong một thời gian và không gian cụ thể, có nguyên nhân, có diễn biến, có điểm mở đầu và điểm kết thúc. Đặc biệt là phải có ý nghĩa nhất định.  ***b. Nhân vật***: Trong truyện phải có nhân vật. Nhân vật có ngoại hình, có ngôn ngữ hành động, tâm lí tính cách, có xung đột, có tình huống... giữa các nhân vật mới có chuyện xảy ra trong không gian và thời gian nhất định  Nhân vật phải cụ thể, cá tính hoá, tiêu biểu cho một lớp người nào đó trong xã hội . Viết truyện phải biết xây dựng nhân vật. Đọc truyện phải biết nghệ thuật xây dựng nhân vật của tác giả.  ***c. Tình tiết truyện***:  - Có thể hiểu tình tiết truyện là những mạch, những chặng, những sự việc diễn biến của câu chuyện được kể trong tác phẩm truyện. Tình tiết truyện có thú vị thì truyện mới hay, bằng phẳng quá thì nhạt nhẽo vô vị. Do đó phải có sự lựa chọn tinh tế, công phu |
| H: Trình bày lại hiểu biết về ngôi kể và lời kể, lời thoại trong văn tự sự?  - Kể theo ngôi thứ nhất: người kể xưng tôi, trực tiếp dẫn dắt toàn bộ diễn biến của câu chuyện, tức là kể lại những gì mình nghe, mình thấy, mình trải qua, và vì thế có thể trực tiếp nói ra những cảm tưởng ý nghĩ của mình.  - Kể theo ngôi thứ ba: người kể không xuất hiện trực tiếp, gọi tên nhân vặt bằng chính tên gọi của chúng hoặc bằng các đại từ nhân xưng ngôi thứ 3. Mọi diễn biến hành động, thái độ của nhân vật đều được miêu tả một cách linh hoạt, tự do, không bị gò bó.  - Lời kể phải rất linh hoạt như trần thuật, miêu tả, tường thuật ...  - Kể truyện theo trình tự các nhân vật. Kể diễn biến cuộc đời của nhân vật này rồi lại chuyển sang kể diễn biến cuộc đời của nhân vật khác. (VD: Truyện Kiều, Truyện Lục Vân Tiên...).  - Có thể kể đan xen trình tự thời gian với cuộc đời của từng nhân vật. Trình tự thời gian cũng có thể đảo lộn: đi từ hiện tại quay về quá khứ, nhắc lại quá khứ rồi lại trở về với thực tại. | 3. Ngôi kể và lời kể, lời thoại trong văn tự sự:  ***a. Ngôi kể***:  - Kể theo ngôi thứ nhất.  - Kể theo ngôi thứ ba  ***b. Lời kể và lời thoại:***  \* Lời kể: là lời dẫn dắt cốt truỵên, giới thiệu nhân vật – giới thiệu về lai lịch, tên tuổi, đặc điểm hình dáng, tính tình; là lời kể về sự kiện diễn ra trong truyện.  \* Lời thoại của nhân vật trong truyện phải phù hợp với nhân vật, với văn cảnh.  ***c. Thứ tự kể trong văn tự sự:***  - Thứ tự thời gian, chuyện xảy ra trước kể trước, chuỵên xảy ra sau kể sau  - Kể truyện theo trình tự các nhân vật.  - Có thể kể đan xen trình tự thời gian với cuộc đời của từng nhân vật. |
| H: Dàn ý bài văn tự sự gồm mấy phần? Ý mỗi phần? VD: *Lập dàn ý cho đề bài: “Hãy kể tên về một kỉ niệm với người bạn tuổi thơ khiến em xúc động và nhớ mãi”.*Trả lời:  * Mở bài: giới thiệu bạn mình là ai? Kỉ niệm nào với người bạn đó khiến mình xúc động nhất? * Thân bài:   + Kể về kỉ niệm đó:   + Xảy ra ở đâu? Lúc nào? Với những ai?   + Sự việc chính và các chi tiết   + Điều gì khiến em xúc động? Xúc động như thế nào? * Kết bài: Em suy nghĩ về kỉ niệm đó? | 4. Lập dàn bài cho một bài văn tự sự:  - Mở bài: có thể giới thiệu nhân vât và tình huống xảy ra câu chuyện... Cũng có lúc người ta bắt dầu tự một sự cố nào đó, hoặc kết cục câu chuyện, số phận nhân vật rồi ngược lên kể lại từ đầu.  - Thân bài: Kể các tình tiết làm nên câu chuyện. Nếu tác phẩm truyện có nhiều nhân vật thì tình tiết lồng vào nhau, đan xen nhau theo diễn biến của câu chuỵện.  - Kết bài: Câu chuyện đi vào kết cục. Sự việc kết thúc, tình trạng và số phận nhân vật được nhận diện khá rõ. |

**Tiết 3. Cách làm 1 bài văn tự sự**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động thầy – trò** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***Tìm hiểu cách làm bài văn tự sự***:  GV ghi đề lên bảng, HS đọc đề  *H: Đề nêu ra những yêu cầu nào buộc em phải thực hiện?*  *H: Nội dung cần xác định theo đề bài em chọn là gì?*  *H: Vậy lập ý là em làm gì?*  *H: Dàn ý bài văn tự sự gồm mấy phần? Ý mỗi phần?*  *H: Em dự định mở bài như thế nào? Kể chuyện ra sao? Kết thúc như thế nào?*   * GV ghi đề bài tập, HS thảo luận nhóm. * Đại diện nhóm lên phát biểu, GV nhận xét, rút kinh nghiệm. | **I. Cách làm một bài văn tự sự**  **Đề:** Kể một câu chuyện em thích bằng lời văn của em.  ***a./ Tìm hiểu đề:***  Yêu cầu: Kể một câu chuyện em thích (kể bằng lời văn của mình)  ***b./ Tìm ý:***   * Chọn truyện nào? * Thích nv, sự việc nào? * Chọn chủ đề gì?   => Lập ý là xác định nội dung sẽ viết trong bài theo yêu cầu của đề.  ***c./ Lập dàn ý***: gồm 3 phần  + Mở bài  + Thân bài: diễn biến câu chuyện.  + Kết bài: kết thúc chuyện.  => Lập dàn ý là sắp xếp sự việc trước, sau theo trình tự nhất định.  ***d./ Viết bằng lời văn của em*** |
| GV ghi bài tập lên bảng, phân công nhóm thực hiện  Hoạt động nhóm:  - Nhóm 1+ 2: văn bản “ Trong lòng mẹ”  - Nhóm 3+ 4: văn bản “ Lão Hạc”  => Cử đại diện nhóm trình bày  => Nhóm khác nhận xét bổ sung  => Giáo viên nhận xét, chốt | **II. Bài tập**  **1) Bài tập 1:** Tìm một số đoạn văn tự sự có kết hợp với yếu tố miêu tả, biểu cảm trong tác các tác phẩm ***" Trong lòng mẹ” ; "Lão Hạc"***  - Tác dụng của các yếu tố đó ?  **\* Văn bản “ *Trong lòng mẹ*”**  **Đoạn 1:** *"Nước mắt tôi…… tôi cười dài trong tiếng khóc*" (sgk/16)  Yếu tố miêu tả :*Nước mắt tôi ròng ròng … ở cằm, ở cổ* .  Yếu tố biểu cảm: *Hai tiếng em bé …….như ý cô tôi muốn. Tôi cười dài trong tiếng khóc*  **Đoạn 2:** "Xe chạy chầm chậm … thơm tho lạ thường (sgk/18)  Yếu tố miêu tả: *tôi thở hồng hộc … ríu cả chân lại. Mẹ tôi không còm cõi, gương mặt vẫn tươi sáng ……. Gò má…. Đùi áp đùi mẹ tôi,….. nhai trầu .*  Yếu tố biểu cảm: *Hay sự sung sướng …..sung túc.*  *Tôi thấy những cảm giác ……thơm tho lạ thừơng*  *Phải bé lại….vô cùng*  → Tác dụng của những yếu tố miêu tả và biểu cảm: gây ấn tượng đậm nét trong lòng người đọc về tình cảm mẹ con sâu sắc, kjao khát tột bậc của người con...  **\* Văn bản "Lão Hạc"**  **Đọan 1** : *"Mặt Lao đột nhiên co rúm lại…hu hu khóc"* (sgk/42)  Yếu tố biểu cảm: *Lão hu hu khóc*  **Đọan 2:** *"Chao ôi! Dối với nhưỡng người ở quanh ta ….. Lão cứ xa tôi dần"* (sgk/44)  Yếu tố miêu tả.: *Tôi giấu giếm vợ tôi….cho Lão. Lão cứ xa tôi dần*  Yếu tố biểu cảm: *chao ôi! Đối với nhương người quanh ta… xấu xa bỉ ổi….để cho ta tàn nhẫn không bao giờ ta thấy họ …… đáng thương ……. Không bao giờ ta thương*  *Khi người ta… nghĩ đến ai được nữa.*  *Tôi chỉ buồn chớ không nổi giận*   → Tác dụng của những yếu tố miêu tả và biểu cảm: Khắc hoạ nỗi đau khổ, dằn vặt của Lão Hạc khi phải bán đi cậu Vàng - người bạn, người thân của Lão. |
| Đọc bài tập, nêu yêu cầu bài tập.  - HS viết đoạn văn dựa vào phần chuẩn bị ở nhà.  - Đọc đoạn văn trước lớp.  - HS và GV nhận xét.  - Cho điểm những đoạn văn hay. | **2) Bài tập 2**  Hãy đóng vai ông giáo và viết một đoạn văn kể lại sự việc lão Hạc sang báo tin bán chó với vẻ mặt và tâm trạng đau khổ.  \*Gợi ý:  - Chọn ngôi kể: ngôi thứ nhất, xưng tôi.  - Sự việc: lão Hạc kể chuyện bán chó với vẻ mặt và tâm trạng đau khổ.  - Yếu tố miêu tả: nụ cười, nét mặt, nếp nhăn, miệng...  - Yếu tố biểu cảm: Tình cảm của ông giáo với lão Hạc khi chứng kiến cảnh đau khổ đó. |
| *Hướng dẫn HS tìm hiểu đề, tìm ý và lập dàn bài:*  H: Đề bài thuộc kiểu bài gì?  - Tự sự.  H: Đề y/c như thế nào? | **3, Bài tập 3**  Đề bài:  Người ấy (bạn, thầy, người thân....) sống mãi trong lòng tôi.  **I. Tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn bài:**  1. Yêu cầu:  - Kể chuyện về một người có những kỉ niệm sống mãi trong em.  + Người kể xưng “tôi”(ngôi thứ nhất). |
| H:Em hãy tìm các ý chính cần triển khai trong bài? | 2. Tìm ý:  - Nhân vật: mẹ, ông, bà bạn thân….  - Sự việc: giới thiệu các đặc điểm về nhân vật ( khuôn mặt, tính tình, hình dáng)  - Kể một vài việc làm tiêu biểu khiến em nhớ nhớ mãi không quên. |
| H: Phần mở bài em sẽ viết gì? | 3. Lập dàn ý:  a. Mở bài: Giới thiệu nhân vật, mối quan hệ của em với người đó, ấn tượng của em với người đó. |
| H: Thân bài em kể những điều gì? | b. Thân bài:  - Giới thiệu sơ lược hình dáng, tính cách của nhân vật.  - Kể việc làm của nhân vật khiến em nhớ mãi không quên, kết quả và ý nghĩa của việc làm đó. |
| H: Em sẽ trình bày phần kết bài như thế nào? | c. Kết bài:  Khẳng định tình cảm của em với người đó. |
| GV: Yêu cầu Hs viết doạn văn giới thiệu sơ lược hình dáng, tính cách của nhân vật.  - HS viết đoạn văn  - Đọc đoạn văn trước lớp.  - HS và GV nhận xét.  - Cho điểm những đoạn văn viết tốt. |  |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- GV yêu cầu HS nhớ lại đơn vị kiến thức đã học

- Bài tập về nhà

GV ghi 3 đề lên bảng

- Đề1 : Kể về một lần em mắc khuyết điểm khiến thầy cô giáo em buồn

- Đề2: Kể về một sự việc em đã làm khiến bố mẹ rất vui lòng

- Đề 3: Nếu là ngừơi được chứng kiến cảnh Lão Hạc kể chuyện bán chó với ông Giáo trong truyện ngắn của Nam Cao thì em sẽ ghi lại câu chuyện đó như thế nào?

Phân nhóm:

- Nhóm 1: Đề 1

- Nhóm 2: Đề 2

- Nhóm 3: Đề 3

**Dàn ý đề 1:**

1. Mở bài:

- Giới thiệu hoàn cảnh: em mắc khuyết điểm đối với thầy cô giáo vào lúc nào? Dịp nào ? Lí do ?

2) Thân bài:

* Nguyên nhân phạm lỗi
* Diễn biến .hậu quả của việc phạm lỗi
* Người phạm lỗi và những người có liên quan

3) Kết bài:

* Suy nghĩ , tình cảm sau khi sự việc đã xảy ra
* Hướng khắc phục , phấn đấu trở thành người tốt

**Dàn ý đề 2:**

1. Mở bài:

- Giới thiệu hoàn cảnh diễn ra việc làm của vào lúc nào? Dịp nào ? Lí do?

2) Thân bài:

* Nguyên nhân em thực hiện việc làm tốt đó.
* Diễn biến, kết quả của việc làm
* Thái độ ba mẹ với em: vui mừng

3) Kết bài :

* Suy nghĩ , tình cảm sau khi sự việc đã xảy ra
* Hướng phấn đấu trong tương lai

**Dàn ý đề 3:**

1)Mở bài:

- Giới thiệu hoàn cảnh: em chứng kiến cảnh lão Hạc kể lại việc bán chó cho ông Giáo nghe vào lúc nào? Ơ đâu?

2) Thân bài:

* Nguyên nhân lão Hạc bán chó
* Nét mặt, hành động của lão Hạc khi kể đoạn lão lừa con chó vàng
* Thái độ ông giáo.
* Tình cảm, suy nghĩ của em với lão Hạc.

3) Kết bài:

* Suy nghĩ , tình cảm sau khi cứng kiến sự việc đã xảy ra

Mong muốn, hy vọng của em với lão Hạc

**Ngày soạn: Ngày dạy:**

**BÀI 18:**

**Tiết 1, 2: ÔN TẬP VĂN BẢN THUYẾT MINH**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

1. Kiến thức:

- Giúp học sinh nhớ lại kiến thức về văn thuyết minh, phương pháp thuyết minh, biết cách viết đoạn văn, bài văn thuyết minh.

2. Kỹ năng:

Vận dụng kiến thức đã học để làm bài văn thuyết minh.

3. Thái độ, phẩm chất:

Yêu thích dạng bài văn thuyết minh

4. Năng lực

- *Năng lực chung*: Tư duy, tự học, hợp tác và giải quyết vấn đề, phân tích và khái quát.

*- Năng lực riêng*: Sử dụng ngôn ngữ diễn đạt, sáng tạo, thẩm mĩ, năng lực tìm ý, viết đoạn

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 1:**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (25 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV: Em hãy nhắc lại khái niệm văn bản thuyết minh?  HS trả lời  **GV bổ sung:** Văn thuyết minh khác các loại văn bản khác chủ yếu ở tính chất thuyết minh, giới thiệu. Văn Thuyết minh không nặng về kể chuyện như văn Tự sự, không miêu tả chi tiết, tỉ mỉ như văn miêu tả, không biểu cảm mạnh mẽ như văn biểu cảm, cũng không lập luận như văn Nghị luận. Văn Thuyết minh trình bày, giải thích, giới thiệu khách quan, xác thực, rõ ràng về đối tượng cần thuyết minh.) | 1. **Khái niệm văn bản thuyết minh** 2. Văn bản thuyết minh là văn bản thông dụng dùng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằm cung cấp tri thức (kiến thức) về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân,… của các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên, xã hội bằng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích. |
| GV:? Em đã được học mấy phương pháp thuyết minh? Đó là những phương pháp nào?  HS trả lời: Có 6 phương pháp thuyết minh: PP nêu định nghĩa, giải thích, PP liệt kê, Pp nêu ví dụ, PP dùng số liệu, PP so sánh, PP phân loại, phân tích.  **GV nhấn mạnh:** Phương pháp thuyết minh là cách thức người viết sử dụng trong bài văn thuyết minh. Khi làm bài văn thuyết minh, cần biết vận dụng linh hoạt các phương pháp thuyết minh để bài làm có sức thuyết phục và sâu sắc hơn. | 1. **Các phương pháp thuyết minh**   Có 6 phương pháp thuyết minh:  - PP nêu định nghĩa, giải thích.  Mô hình : A là B  + A : đối tượng cần thuyết minh.  + B: tri thức về đối tượng.  + Là: từ thường được dùng trong phương pháp định nghĩa  - PP liệt kê.  + PP liệt kê là: kể ra lần lượt các đặc điểm, tính chất…của sự vật theo một trình tự nào đó.  + Vai trò: Giúp người đọc hiểu sâu sắc, toàn diện và có ấn tượng về nội dung được thuyết minh.  - Pp nêu ví dụ.  + PP nêu ví dụ là: Dẫn ra những ví dụ cụ thể để người đọc tin vào nội dung thuyết minh.  + Vai trò: Các ví dụ có thể có tác dụng thuyết phục người đọc, khiến người đọc tin.  - PP dùng số liệu.  + PP dùng số liệu là: Dùng các số liệu chính xác để khẳng định độ tin cậy cao của các tri thức được cung cấp.  + Tác dụng: làm cho người đọc tin vào nội dung thuyết minh.  - PP so sánh.  + PP so sánh là: đối chiếu hai đối tượng cùng loại nhằm làm nổi bật các đặc điểm, tính chất của đối tượng cần thuyết minh.  + Vai trò: làm nổi bật đặc điểm của đối tượng thuyết minh  - PP phân loại, phân tích.  + PP phân tích là chia nhỏ đối tượng ra để xem xét, còn phân loại là chia đối tượng vốn có nhiếu cá thể thành từng loại theo tiêu chí.  + Tác dụng: Giúp cho người đọc hiểu dần từng mặt của đối tượng một cách có hệ thống, cơ sở để hiểu đối tượng một cách đầy đủ, toàn diện. |
| GV: Em hãy kể tên các dạng bài TM đã học trong chương trình Ngữ văn 8 tập 1?  HS trả lời | 1. **Các dạng bài văn thuyết minh đã học**   Các dạng bài TM đã học:   * Thuyết minh về một đồ dùng * Thuyết minh về một thể loại văn học |
| GV: Văn bản thuyết minh về một đồ dùng cần có bố cục mấy phần? Nội dung từng phần?  HS trả lời: Bố cục 3 phần  GV: Trong phần thân bài của bài thuyết minh về một đồ dùng cần nêu được những nội dung cơ bản nào?  HS trả lời:  Cần làm nổi bật các ý sau:  - Phân loại đồ vật: có mấy kiểu? Mấy loại?  - Đặc điểm bên ngoài của đồ vật đó:  +) Hình dáng: Chiều dài, chiều rộng, chiều cao…  +) Chất liệu: nhựa, kim loại…  - Tác dụng của đồ vật  - Cách sử dụng, bảo quản đồ dùng | 1. **Bố cục của bài văn thuyết minh về một đồ dùng.**    * + 1. MB: Giới thiệu chung về đối tượng cần thuyết minh 2. TB: Trình bày nội dung thông tin về đối tượng thuyết minh theo trình tự nhất định   - Phân loại đồ vật: có mấy kiểu? Mấy loại?  - Đặc điểm bên ngoài của đồ vật đó:  +) Hình dáng: Chiều dài, chiều rộng, chiều cao…  +) Chất liệu: nhựa, kim loại…  - Tác dụng của đồ vật  - Cách sử dụng, bảo quản đồ dùng   1. KB: Đưa ra nhận định chung về đối tượng |
| GV: Cũng giống như dạng bài TM về một đồ dùng, văn bản thuyết minh về một thể loại văn học có bố cục mấy phần? Nội dung từng phần?  GV: Trong phần thân bài của bài thuyết minh về một thể loại văn học cần nêu được những nội dung cơ bản nào?  HS trả lời:  Cần làm nổi bật các ý sau:  - Tên thể loại văn học đó là gì? Được định nghĩa như thế nào?  - Đặc điểm hình thức của thể loại văn học đó: có bao nhiêu chữ trong một câu, bao nhiêu câu trong một bài (Nếu là văn vần). Dài hay ngắn (Nếu là văn xuôi)  - Đặc điểm về nội dung: Thiên về kể việc (tự sự) hay bộc lộ tình cảm cảm xúc (biểu cảm)…  - Những tác phẩm văn học nào thuộc thể loại đó? | 1. **Bố cục của bài văn thuyết minh về một thể loại văn học.**    * + 1. **MB**: Giới thiệu chung về đối tượng cần thuyết minh        2. **TB**: Trình bày nội dung thông tin về đối tượng thuyết minh theo trình tự nhất định   - Tên thể loại văn học đó là gì? Được định nghĩa như thế nào?  - Đặc điểm hình thức của thể loại văn học đó:  + Có bao nhiêu chữ trong một câu, bao nhiêu câu trong một bài (Nếu là văn vần). + Dài hay ngắn (Nếu là văn xuôi)  - Đặc điểm về nội dung: Thiên về kể việc (tự sự) hay bộc lộ tình cảm cảm xúc (biểu cảm)…  - Những tác phẩm văn học nào thuộc thể loại đó?  3. **KB**: Đưa ra nhận định chung về đối tượng |

***B. Luyện tập: (20 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 1:**  Đọc lại văn bản “Thông tin về ngày trái đất năm 2000” và trả lời các câu hỏi bên dưới:   1. Văn bản “Thông tin về ngày trái đất năm 2000” thuộc loại văn bản nào? 2. Văn bản thuyết minh về những nội dung gì? 3. Chỉ ra một số yếu tố thuyết minh trong văn bản và nêu tác dụng của chúng? 4. Những tri thức được cung cấp trong văn bản có đặc điểm gì? 5. Chỉ ra một số yếu tố thể hiện tính rõ ràng, chặt chẽ của văn bản?   GV chiếu đề bài. Gọi HS đọc đề  Cho HS làm bài cá nhân các phần a, b, d, e  Phần c: Hoạt động nhóm   * Hình thức: cặp đôi * Thời gian: 5 phút * Tìm các yếu tố Thuyết minh có trong văn bản và nêu rõ tác dụng của những yếu tố ấy. * GV gọi đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV kết luận. | **Bài tập 1:**   1. Văn bản “Thông tin về ngày trái đất năm 2000” là văn bản nghị luận, đề xuất một hành động tích cực bảo vệ môi trường, nhưng đã sử dụng yếu tố thuyết minh để nói rõ tác hại của bao bì ni lông, làm cho đề nghị có sức thuyết phục cao. 2. Văn bản thuyết minh về ba nội dung:  * Ngày trái đất năm 2000 và nội dung của nó là “Một ngày không sử dụng bao bì ni lông” * Tác hại của bao bì ni lông. * Những biện pháp cần làm để khắc phục tình trạng sử dụng bao bì ni lông hiện nay.  1. Một số yếu tố thuyết minh trong văn bản và tác dụng của chúng:   + Ngày trái đất năm 2000 và nội dung của nó là “Một ngày không sử dụng bao bì ni lông”  - Ngày 22/4 hàng năm gọi là ngày trái đất mang chủ đề bảo vệ môi trường.  - 141 nước tham gia  - Năm 2000 Việt Nam tham gia với chủ đề: “Một ngày không sử dụng bao bì nilông”  => Tác dụng: Đoạn văn thuyết minh bằng các số liệu cụ thể để khẳng định thế giới rất quan tâm đến việc bảo vệ môi trường và Việt Nam cũng hành động hưởng ứng thể hiện sự quan tâm này.  +) Bao bì ni lông có nhiều tác hại:  - Lẫn vào đất, cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật  - Làm tắc các đường dẫn nước thải; tắc nghẽn cống rãnh muỗi phát sinh.  - Lây truyền dịch bệnh; làm chết các sinh vật khi chúng nuốt phải.  - Làm ô nhiễm thực phẩm vì trong bao bì ni lông có kim loại như: chì, ca – đi – ni; gây tác hại cho não, ung thư phổi.  - Khi đốt các chất độc thải ra cs chất đi – ô- xin gây ngộ độc, khó thở, rối loạn chức năng, gây ung thư, dị tật cho trẻ sơ sinh.  - Làm mất mĩ quan  - Ngăn cản quá trình hấp thụ nhiệt và trao đổi độ ẩm trong các bao chôn lấp rác.  => Tác dụng: Đoạn văn sử dụng kết hợp phương pháp liệt kê tác hại và phân tích cơ sở thực tế khoa học khiến thông tin đưa ra vừa mang tính khoa học, vừa mang tính thực tiễn.  => Việc sử dụng bao bì ni lông bừa bãi gây ra nhiều tác hại cho môi trường và sức khỏe con người. Từ đó giúp con người có ý thức hạn chế sử dụng bao bì ni lông.  +) Các giải pháp khắc phục tình trạng sử dụng bao bì ni lông hiện nay :  - Thay đổi thói quen sử dụng, cùng hạn chế, giảm thiểu chất thải ni lông.  - Không sử dụng khi không cần thiết.  - Dùng chất liệu an toàn để đựng thực phẩm.  - Thông báo cho mọi người hiểm hoạ của việc lạm dụng dùng bao ni lông.  => Tác dụng: Giúp người đọc có tìm ra những nguyên liệu có thể thay thế bao bì ni lông để đảm bảo sức khỏe của con người.   1. Những tri thức được cung cấp trong văn bản phần lớn là những tri thức khoa học nên thông tin đảm bảo độ chính xác, có sức thuyết phục người đọc. 2. Tính rõ ràng, chặt chẽ của văn bản thể hiện qua cấu trúc ba phần rất mạch lạc của văn bản; giữa các phần trong văn bản có sự liên kết chặt chẽ (Sử dụng từ liên kết “vì vậy”). |

**Tiết 2: *Luyện tập***

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài tập 1: Giới thiệu về chiếc nón lá Việt Nam**  - HD học sinh lập dàn ý chi tiết  ? Theo em, ở phần mở bài cần nêu được những nội dung nào?  HS trả lời: Cần nêu 2 nội dung:  - Giới thiệu về chiếc nón lá  - Khái quát vai trò của chiếc nón lá đối với đời sống.  ? Phần thân bài có những ý chính nào?  HS trả lời: có 5 ý chính: nguồn gốc, phân loại, đặc điểm, tác dụng, cách sử dụng  ? Theo em, chiếc nón lá được chia thành mấy loại? Nổi tiếng nhất là loại nón nào?  HS trả lời: có nhiều loại nón khác nhau, nổi tiếng nhất là Nón bài thơ (Huế)  GV chiếu hình ảnh về chiếc nón lá để HS quan sát  Hoạt động nhóm:  - Thời gian: 10 phút  - Hình thức: Chia lớp thành 4 tổ  - Yêu cầu:  + Tổ 1: Trình bày đặc điểm về cấu tạo của chiếc nón  + Tổ 2: Trình bày cách làm nón  + Tổ 3: Trình bày vai trò, tác dụng của nón lá  + Tổ 4: Trình bày cách sử dụng, bảo quản chiếc nón lá  - Đại diện nhóm trình bày. GV nhận xét, kết luận.  ? Phần kết bài cần nêu được những nội dung nào?  HS trả lời: Phần kết bài cần: Khẳng định ý nghĩa của nón lá | 1. **Mở bài:**   - Hình ảnh người phụ nữ VN truyền thống thường gắn liền với chiếc nón lá duyên dáng.  - Chiếc nón lá VN gợi đến vẻ đẹp truyền thống tao nhã, kín đáo và đằm thắm, đoan trang.  **b. Thân bài**  \*) Giới thiệu khái quát về chiếc nón lá: Nón lá là loại nón đội đầu truyền thống của dân tộc VN, nón lá có nhiều loại khác nhau qua từng giai đoạn lịch sử nhưng nổi tiếng nhất là nón lá bài thơ của Huế.(nón quai thao, nón bài thơ, nón lá già)  \*) Hình dáng của nón:  +) Hình chóp, rộng vành, mái dốc, có quai nón để đeo.  +) Màu trắng và rất bóng nhờ được quét quang dầu (thường làm bằng nhựa thông.)  \*) Nguyên liệu và cách làm nón:  +) Nguyên liệu: lá cọ, mo cau, tre nứa, dây cước, dây len và tranh ảnh để trang trí.  +) Cách làm nón  - lá nón được phơi khô rồi được phơi tiếp vào sương đêm để bớt giòn. Sau đó được là phẳng.  - Lá nón được gia công cho đều, đẹp, phẳng.  - Làm 16 vòng nón bằng tre chuốt đều nhau, mo cau cắt xếp ngay ngắn trong lớp lá. Những chiếc lá nón đẹp nhất được đặt ở lớp ngoài của nón.  - Lá nón được chằm trên một chiếc khuôn hình kim tự tháp, mỗi chiếc nón thường có từ hai đến ba lớp lá.  - Khi khâu nón, dùng sợi cước khâu theo mười sáu vòng, mũi khâu đều và thẳng hàng.  - Sau khi khâu nón xong, nón được tháo ra khỏi khuôn và được quang dầu.  \*) Tác dụng của nón lá:  - nón lá dùng để che mưa, che nắng, ứng phó với môi trường tự nhiên.  - Nón lá đáp ứng nhu cầu thẩm mĩ của con người, tôn thêm vẻ đẹp duyên dáng của người phụ nữ trong những ngày hội, ngày lễ (vẻ đẹp duyên dáng của người phụ nữ ẩn dưới vành nón).  - Nón lá là dụng cụ biểu diễn nghệ thuật, là quà tặng ( những bài múa nón)  - Nón lá còn là nguồn cảm hứng của thơ ca, nhạc họa…(“Quê hương là cầu tre nhỏ/ Mẹ về nón lá nghiêng che”; “Anh gửi cho em chiếc nón bài thơ…”)  - Cùng với áo dài, nón lá là biểu tượng cho vẻ đẹp của người phụ nữ, cho nét đẹp thanh lịch của đất nước VN.  **c. Kết bài**  - Chiếc nón lá vẫn là đồ dùng quen thuộc, hữu ích của người Việt Nam.  - Ngày nay, nón lá còn là niềm tự hào của dân tộc. |
| **Bài tập 2: Hãy** t**huyết minh đặc điểm chính của thể loại truyện ngắn trên cơ sở các truyện ngắn đã học : *Tôi đi học, Lão Hạc, Chiếc lá cuối cùng*  (Đề 1- SGK/154- tập 1)**  Gọi HS đọc phần trích mục 2 (SGK/154)  HS đọc  GV:? Dựa vào phần trích, hãy cho biết, truyện ngắn có những đặc điểm chính nào?  HS trả lời: Đặc điểm chính của thể loại truyện ngắn:   * Dung lượng * Nhân vật * Sự kiện * Cốt truyện * Ý nghĩa   GV nhấn mạnh: Trong bài hôm nay, chúng ta sẽ làm rõ những đặc điểm này của truyện ngắn trên cơ sở phân tích những truyện: *Tôi đi học, Lão Hạc, Chiếc lá cuối cùng.*  GV : ? Trong phần mở bài, em cần nêu được những nội dung nào ?  HS trả lời : Phần mở bài cần giới thiệu được về thể loại truyện ngắn và nêu được một số truyện ngắn tiêu biểu như :*Tôi đi học, Lão Hạc, Chiếc lá cuối cùng.*  GV : Phần thân bài, cần nêu rõ từng đặc điểm chính của thể loại truyện ngắn  ? Truyện ngắn có dung lượng như thế nào ?  HS trả lời : Truyện ngắn có dung lượng ngắn  ? Điều ấy được thể hiện như thế nào trong từng truyện : *Tôi đi học, Lão Hạc, Chiếc lá cuối cùng.*  HS trả lời :  + Truyện *Tôi đi học :* 4 trang  + Truyện *Lão Hạc :* 8 trang  + Truyện *Chiếc lá cuối cùng : 4 trang*  GV :? Truyện ngắn có nội dung như thế nào ?  HS trả lời : Truyện ngắn thường tập trung mô tả một mảnh của cuộc sống.  GV: ? Truyện ngắn có đặc điểm như thế nào về cốt truyện? Điều đó được thể hiện cụ thể ra sao trong từng truyện: *Tôi đi học, Lão Hạc, Chiếc lá cuối cùng.*  HS trả lời : Cốt truyện của truyện ngắn thường diễn ra trong một không gian, thời gian hạn chế.  GV: ? Các truyện *Tôi đi học, Lão Hạc, Chiếc lá cuối cùng* có những nhân vật nào ? Từ đó có nhận xét gì về nhân vật của truyện ngắn ?  HS trả lời :  +) Truyện “Lão Hạc” có các nhân vật: Lão Hạc, ông giáo, Binh Tư, cậu vàng, con trai lão Hạc, vợ ông giáo. Trong đó, lão Hạc là nhân vật chính.  +) Truyện “Tôi đi học” : nhân vật “tôi” đây cũng là nhân vật chính. Ngoài ra còn một số nhân vật phụ: ông Đốc, bà mẹ, Quý, Sơn…  +) Truyện “Chiếc lá cuối cùng” có các nhân vật Xiu, Giôn xi, cụ Bơ men, bác sĩ.  Truyện ngắn thường ít nhân vật.  HOẠT ĐỘNG NHÓM   * Hình thức : Cặp đôi\ * Thời gian : 3 phút * Yêu cầu : Trình bày đặc điểm về ý nghĩa của thể loại truyện ngắn ? Đặc điểm ấy được thể hiện như thế nào trong từng truyện : *Tôi đi học, Lão Hạc, Chiếc lá cuối cùng* * Đại diện nhóm trình bày. Các nhóm khác nhận xét, GV kết luận   ? Phần kết bài, theo em cần nêu được những nội dung nào?  **Bài tập 3: Viết đoạn văn trình bày luận điểm 3 (cốt truyện của truyện ngắn)**  **HS làm bài cá nhân. GV gọi 1 số học sinh đọc bài, nhận xét** | 1. **Mở bài**  * Từ bậc tiểu học đến THCS, chúng ta được tiếp xúc với rất nhiều tác phẩm văn học, trong đó không ít tác phẩm là truyện ngắn. * Ngay trong SGK *Ngữ văn 8* đã có thể dẫn ra hàng loạt truyện ngắn tiêu biểu như: *Tôi đi học, Lão Hạc, Chiếc lá cuối cùng,*  1. **Thân bài**  * Truyện ngắn là hình thức tự sự loại nhỏ, vì vậy nó có dung lượng nhỏ (ngắn) khác với truyện dài, truyện vừa. Mỗi truyện chỉ có dung lượng từ vài trang đến vài chục trang :   + Truyện *Tôi đi học :* 4 trang  + Truyện *Lão Hạc :* 8 trang  + Truyện *Chiếc lá cuối cùng : 4 trang*   * Truyện ngắn thường tập trung mô tả một mảnh của cuộc sống: một biến cố, một giai đoạn, một trạng thái nào đó… trong cuộc đời của nhân vật để thể hiện một khía cạnh của tính cách hay một mặt nào đó của đời sống xã hội. do đó truyện thường có ít nhân vật và sự kiện.   +) Truyện “Tôi đi học” kể về những kỉ niệm “mơn man”, “náo nức” của nhân vật “tôi” trong buổi tựu trường đầu tiên. Truyện ít nhân vật.  +) Truyện “Chiếc lá cuối cùng”: Kể về một giai đoạn ngắn ngủi trong cuộc đời của nhân vật Giôn – xi kể từ khi cô bị bệnh viêm phổi. truyện chỉ có vài nhân vật: Giôn – xi, cụ Bơ – men, Xiu,…   * Cốt truyện của truyện ngắn thường diễn ra trong một không gian, thời gian hạn chế chứ không kể trọn vẹn một quá trình diễn biến của một đời người (nhân vật).   +) Truyện “Lão Hạc”: các sự việc diễn ra trong một không gian nhỏ bé, chật hẹp quẩn quanh ở nhà lão Hạc, nhà ông giáo và Binh Tư; trong cùng một ngôi làng nhỏ bé, tiêu điều  +) Truyện “Tôi đi học”: các sự việc tâm trạng của nhân vật diễn ra tronng một khoảng thời gian ngắn (một buổi sáng), trong không gian hạn chế (từ nhà đến trường).   * Nhân vật: Nhân vật trong một truyện ngắn không nhiều, nhưng vẫn có nhân vật chính và nhân vật phụ.   +) Truyện “Lão Hạc” quanh quẩn chỉ có mấy nhân vật như: Lão Hạc, ông giáo, Binh Tư, cậu vàng, con trai lão Hạc, vợ ông giáo. Trong đó, lão Hạc là nhân vật chính.  +) Truyện “Tôi đi học” còn ít nhân vật hơn: chủ yếu là nhân vật “tôi” đây cũng là nhân vật chính. Ngoài ra còn một số nhân vật phụ: ông Đốc, bà mẹ, Quý, Sơn…  +) Truyện “Chiếc lá cuối cùng” có các nhân vật Xiu, Giôn xi, cụ Bơ men, bác sĩ.   * Về ý nghĩa: Truyện ngắn tuy có dung lượng nhỏ, số lượng nhân vật ít nhưng vẫn có thể đề cập đến những vấn đề lớn của cuộc sống và có ý nghĩa nhân văn sâu sắc:   +) Truyện “Chiếc lá cuối cùng”: tình yêu thương con người, sức mạnh của nghệ thuật chân chính.  +) Truyện “Lão Hạc”: đã phản ánh một cách chân thực và cảm động về số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ và phẩm chât cao đẹp của họ. truyện cũng thấm đẫm tinh thần nhân đạo: cần thấu hiểu, cảm thông và trân trọng đối với con người.   1. **Kết bài**  * Cuộc sống ngày càng bộn về, sôi động, con người ngày càng bị chi phối bởi nhiều thứ giải trí của công nghệ hiện đại, thời gian ngày càng thiếu. * Truyện ngắn là hình thức phù hợp để con người vừa đọc để giải trí, vừa suy ngẫm về cuộc đời và số phận con người để sống ngày càng tốt hơn. |

**Tiết 3: ÔN TẬP VĂN XUÔI HIỆN ĐẠI VIỆT NAM 1930 – 1945**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

1. Kiến thức:

- Giúp học sinh nhớ lại những kiến thức về các văn bản văn xuôi 1930 – 1945 trong chương trình Ngữ văn 8; vận dụng làm một số bài tập liên quan đến các văn bản trên.

2. Kỹ năng:

- Rèn kĩ năng làm bài đọc hiểu liên quan đến các văn bản văn xuôi.

- Vận dụng kiến thức về sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn bản tự sự để phân tích tác phẩm truyện.

- Phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật văn bản

3. Thái độ, phẩm chất:

- Giáo dục HS biết yêu thương, cảm thông quý trọng người nông dân lương thiện. Trân trọng vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam, vừa giàu tình yêu thươngvừa có sức sống tiềm tàng mãnh liệt. Có thái độ yêu ghét rạch ròi: Yêu lẽ phải, lòng nhân hậu, căm ghét cái ác, cái tàn nhẫn, xấu xa

**-** Giáo dục học sinh biết yêu thương, cảm thông quý trọng người nghèo khổ bất hạnh có tâm hồn cao cả.

**4. Năng lực**

**-** *Năng lực chung*: Tư duy, tự học, hợp tác và giải quyết vấn đề, phân tích và khái quát.

*- Năng lực riêng*: Sử dụng ngôn ngữ diễn đạt, sáng tạo, thẩm mĩ, năng lực đọc – hiểu và cảm thụ văn học.

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (20 phút)***

GV phát phiếu học tập, hướng dẫn học sinh thống kê các văn bản văn xuôi hiện đại 1930 - 1945 đã học trong chương trình Ngữ văn 8 tập 1?

Hoạt động nhóm

* Hình thức: Chia lớp thành 4 tổ, hoạt động theo hình thức cặp đôi. Mỗi tổ làm một văn bản.
* Yêu cầu: Trình bày đặc điểm về phương thức biểu đạt, thể loại, nội dung, nghệ thuật của từng văn bản
* Thời gian: 5 phút

**Phiếu học tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên văn bản, tác giả | Thể loại | Phương thức biểu đạt | Giá trị nội dung | Giá trị nghệ thuật |
|  |  |  |  |  |

GV gọi từng nhóm trình bày, các nhóm khác trong tổ nhận xét, bổ sung. GV kết luận, chiếu máy chiếu.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên văn bản, tác giả** | **Thể loại** | **Phương thức diễn đạt** | **Giá trị nội dung** | **Giá trị nghệ thuật** |
| Tôi đi học (1941)  Tác giả: Thanh Tịnh (1911- 1988) | Truyện ngắn | Tự sự (xen miêu tả, biểu cảm) | - Những kỉ niệm trong sáng về ngày đầu tiên được đến trường đi học | - Các hình ảnh so sánh đặc sắc, gợi cảm gắn với cảnh sắc thiên nhiên tươi sáng.  - Kết hợp nhuần nhuyễn các phương thức kể, tả, biểu cảm |
| 2. **Trong lòng mẹ** (trích “Những ngày thơ ấu” - 1940)  Tác giả:  Nguyên Hồng (1918- 1982) | Hồi kí tự truyện (trích) | Tự sự (xen trữ tình) | - Nỗi đau tinh thần của Hồng (chú bé mồ côi) và tình yêu mãnh liệt của chú bé. | - Lời văn tự truyện chân thành, giàu sức truyền cảm, thấm đượm chất trữ tình.  - Kết hợp nhuần nhuyễn các phương thức kể, tả, biểu cảm  -Cảm xúc và tâm trạng nồng nàn, mãnh liệt, những hình ảnh so sánh, liên tưởng táo bạo. |
| 3. **Tức nước vỡ** **bờ** (Trích “Tắt đèn” - 1939)  Tác giả: Ngô Tất Tố (1893- 1954) | Tiểu thuyết(trích) | Tự sự | - vạch trần bộ mặt tàn ác, bất nhân của chế độ phong kiến thực dân, tố cáo chính sách thuế khóa vô nhân đạo.  - Ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn, sức mạnh tiềm tang của người phụ nữ nông thôn (điển hình là chị Dậu) | - Khắc họa nhân vật điển hình, miêu tả nhân vật chủ yếu qua hành động trong thế tương phản với các nhân vật khác  - Miêu tả hiện thực một cách chân thực, sinh động.  - Ngôn ngữ kể chuyện chân thực, đậm đà chất nông thôn.  -Ngòi bút hiện thực khỏe khoắn, giàu tinh thần lạc quan.  -XD tình huống truyện hấp dẫn, bất ngờ, có cao trào và giải quyết hợp lí. |
| 4. **Lão Hạc** (1943)  Tác giả: Nam Cao (Trần Hữu Tri) (1917- 1951) | Truyện ngắn (trích) | Tự sự (xen trữ tình) | - Số phận đau thương và phẩm chất cao quý của người nông dân cùng khổ trong xã hội Việt Nam trước cách mạng tháng Tám và thái độ trân trọng mà tác giả dành cho họ. | - Khắc họa nhân vật tài tình qua diễn biến tâm lí, ngôn ngữ, hành động, ngoại hình, đặc biệt là nt phân tích và mtả tâm lí nhân vật.  - Kể chuyện tự nhiên, linh hoạt, chân thực, đậm triết lí và trữ tình |

**Tìm điểm giống nhau về nội dung và nghệ thuật ba văn bản: *Trong lòng mẹ, Tức nước vỡ bờ, Lão Hạc***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Tìm điểm giống nhau về nội dung và nghệ thuật ba văn bản: *Trong lòng mẹ, Tức nước vỡ bờ, Lão Hạc*.**  ? Dựa vào bảng thống kê trên, em hãy so sánh ba văn bản trên về các phương diện: thể loại, phương thức biểu đạt, nội dung, nghệ thuật đặc sắc…, để rút ra những nét tương đồng.  **GV nhấn mạnh:** *Những điểm giống nhau trên đều là những đặc điểm chung nhất của dòng văn xuôi hiện thực nước ta trước CMT8. Chính dòng VH hiện thực phê phán này đã góp phần đáng kể vào quá trình hiện đại hóa văn học VN về nhiều mặt: chủ đề, đề tài, thể loại, cách xây dựng nhân vật...* | **Điểm giống và khác nhau về nội dung và nghệ thuật của ba văn bản**  - Thể loại: Văn bản tự sự, là truyện, kí hiện đại  - Thời gian ra đời: Trước CMT8, giai đoạn 1930-1945  - Đề tài, chủ đề:  + Con người và cs XH đương thời của các tác giả.  + Đi sâu mtả số phận nhnững con người cùng khổ, bị vùi dập  - Giá trị tư tưởng: Chan chứa tinh thần nhân đạo (Yêu thương, trân trọng những tình cảm, những phẩm chất tốt đẹp, cao quý của con người, tố cáo những gì tàn ác, xấu xa)  - Giá trị nghệ thuật:  + Bút pháp hiện thực gần gũi với cs  + Ngôn ngữ giản dị, cách kể chuyện và mtả, tả tâm lí và tả người rất cụ thể, hấp dẫn. |

***B. LUYỆN TẬP (25 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài 1:**  **Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**  *Cô tôi chưa dứt câu, cổ họng tôi đã nghẹn ứ khóc không ra tiếng. Giá những cổ tục đã đầy đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi.*   1. Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Của ai? 2. Đoạn văn trên được kể ở ngôi nào? Ai là người kể chuyện ? Ngôi kể ấy có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện nội dung câu chuyện? 3. Đoạn văn sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Tác dụng của việc sử dụng biện pháp nghệ thuật ấy? 4. Đoạn văn giúp em cảm nhận được điều gì về tình cảm của nhân vật *tôi* với người mẹ bất hạnh của mình?   HS làm bài cá nhân  GV gọi HS trình bày, nhận xét. GV nhận xét, kết luận  **Bài 2:**  Phải bán chó, lão Hạc mắt *ầng ậng nước* rồi *hu hu* khóc. Ông giáo thì muốn *ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc*. Hãy so sánh và chỉ ra ý nghĩa của tiếng khóc cùng những giọt nước mắt này.  HS làm bài cá nhân  GV gọi HS trình bày, nhận xét. GV nhận xét, kết luận  **Bài 3:** Viết đoạn văn (khoảng 15 câu theo lối diễn dịch) ***phân tích diễn biến tâm trạng của bé Hồng khi được ở trong lòng mẹ.***  Thảo luận nhóm  Hình thức: cặp đôi  Yêu cầu: Chỉ ra những diễn biến tâm trạng của Hồng khi gặp mẹ và được ở trong lòng mẹ  Thời gian: 4 phút  Gọi đại diện nhóm trình bày. GV nhận xét, kết luận:  Khi gặp mẹ, Hồng thấy vui mừng, cuống quýt. Cậu hạnh phúc khi được nằm trong lòng mẹ và cảm nhận hơi ấm từ mẹ  Viết đoạn văn: HS làm bài cá nhân.  **Bài tập về nhà: Phân tích diễn biến tâm lí nhân vật chị Dậu trong đoạn trích “Tức nước vỡ bờ”. Theo em, sự thay đổi thái độ của chị Dậu có được miêu tả chân thực, hợp lí không? Vì sao?** | **Bài 1**   1. Đoạn văn trích từ văn bản “Trong lòng mẹ” của Nguyên Hồng. 2. b. Đoạn văn được kể ở ngôi thứ nhất, cậu bé Hồng là người kể chuyện   Tác dụng:   * Tăng tính chân thực cho câu chuyện, giúp câu chuyện trở nên gần gũi, chân thực hơn. * Qua lời kể của nhân vật *tôi*, câu chuyện được dẫn dắt tự nhiên, linh hoạt, giúp tác giả thể hiện sâu sắc suy nghĩ, tình cảm của nhân vật nên sức thuyết phuc của câu chuyện cao hơn.   c. Đoạn văn sử dụng nghệ thuật so sánh: *Giá những cổ tục đã đầy đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi.*  So sánh : *cổ tục đã đầy đoạn mẹ mình* (trừu tượng, vô hình) với *hòn đá, cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ* (cụ thể, hữu hình)   * Cụ thể hóa một khái niệm trừu tượng   🡺 làm nổi bật thái độ căm tức đến tột cùng của Hồng trước những cổ tục đã đày đọa và hành hạ mẹ.   * Từ đó bộc lộ lòng thương yêu mẹ tha thiết của cậu bé.   d. Đoạn văn cho thấy tình yêu thương nồng nàn, thắm thiết của bé Hồng với người mẹ bất hạnh của mình.  Giải thích được lý do dẫn đến khẳng định ấy:   * Yêu mẹ nên Hồng có cảm giác đau đớn, uất ức đến cực điểm * Yêu mẹ nên Hồng mới căm tức đến tột cùng những cổ tục đã đày đọa và hành hạ mẹ. * Yêu mẹ nên bé Hồng mới ước những cổ *tục ấy* là những vật cụ thể, hữu hình để bé có thể hủy diệt chúng nhằm bảo vệ người mẹ yêu quý của mình.   **Bài 2:**  **Gợi ý:**  **- “Phải bán chó, lão Hạc mắt *ầng ậng nước* rồi *hu hu* khóc.**”  Lão Hạc khóc, trước tiên vì bán cậu Vàng lão đã mất đi chỗ dựa tinh thần của tuổi già cô độc.Đây là tiếng khóc than thân tủi phận. Sau nữa, lão khóc vì *Tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó* – tiếng khóc của nỗi ân hận trước việc mà mình thấy không nên làm. Tiếng khóc cho thấy ý thức rất cao về nhân phẩm của lão Hạc.  - **Còn “Ông giáo thì muốn *ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc*.**”  Ông giáo muốn *òa lên khóc* trước tiên vì thông cảm cho cảnh tình của lão Hạc. Sau nữa, đấy còn là tiếng khóc của người có cùng cảnh ngộ.Ông không chỉ biết khóc cho mình mà còn biết khóc cho nỗi đau của kẻ khác.  **Bài 3:**  Đoạn văn mẫu:  Hồng thấy hạnh phúc vô cùng khi được gặp mẹ. Chỉ “*chợt thoáng thấy bóng một người ngồi trên xe kéo giống mẹ*”, chú bé Hồng *liền đuổi theo, gọi bối rối*. Đến khi đuổi kịp thì *thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi*, và khi trèo lên xe thì *ríu cả chân lại*. Cả một loạt những chi tiết tập trung miêu tả trạng thái xúc động, mừng rỡ đến cuống cuồng của 1 chú bé khao khát tình mẹ. Xúc động nhất là câu văn “*Mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi oà lên khóc rồi cứ thế nức nở*.” Không còn là những giọt nước mắt đau dớn và căm tức ở đoạn trên, bao nhiêu hờn dỗi và tức tưởi chan hoà trong những giọt nước mắt hp, mãn nguyện. Cảm giác sung sướng đến cực điểm của đứa con khi được ở trong lòng mẹ được Nguyên Hồng diễn tả bằng cảm hứng đặc biệt say mê cùng những rung động vô cùng tinh tế. Chú bé say sưa ngắm nhìn gương mặt mẹ “*tươi sáng với đôi mắt rtrong và nước da mịn, làm nổi bật màu hang của hai gò má*.” Chú sung sướng được ở trong lòng mẹ, đùi áp đùi mẹ, đầu ngả vào cánh tay mẹ để thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Và đây là những câu văn đầy cảm xúc: “*Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu lúc đó phả ra thơm tho lạ thường”, “Phải bé lại và lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng*”. Những câu văn kết hợp tự sự với biểu cảm đã diễn tả thật cụ thể và tinh tế niềm hạnh phúc của một đứa con khao khát tình mẹ đến cháy lòng. Niềm hạnh phúc vốn vô hình hiện ra bằng những cảm giác thật cụ thể của các giác quan. Bao bọc quanh chú bé là bầu không khí êm ái và ấm áp của tình mẫu tử, là không gian tràn trề ánh sáng, màu sắc và ngào ngạt hương thơm, vừa cay độc của bà cô thoáng hiện ra nhưng rồi chìm ngay đi giữa niền hạnh phúc lớn lao. Có thể nói, tác giả đã mổ xẻ tách bạch từng cảm giác sung sướng đến mê li, rạo rực cả người khi được hít thở trong bầu không khí của tình mẹ con tuyệt vời. Tất cả tâm trí em đều dồn cho sự tận hưởng tình mẹ. Đối với em, niềm sung sướng và hạnh phúc nhất trên đời là được sống trong lòng mẹ. Sự xúc động của bé Hồng khi gặp mẹ càng chứng tỏ tình thương mẹ của Hồng thật là sâu đậm, nồng thắm. |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**BUỔI 19**

**Tiết 1**

**Ôn tập văn xuôi hiện đại Việt Nam 1930 – 1945**

( tiếp)

**I, Mục tiêu cần đạt**

**1, Kiến thức**

- Hiểu về văn học hiện thực phê phán trước cách mạng tháng Tám năm 1945

- Nội dung, ý nghĩa và một số hình thức nghệ thuật tiêu biểu của văn học hiện thực phê phán tiêu biểu qua hai tác phẩm.

**2. Kỹ năng**

- Vận dụng kiến thức về sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn bản tự sự để phân tích tác phẩm truyện.

- Phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật văn bản

**3. Thái độ, phẩm chất**

- Giáo dục HS biết yêu thương, cảm thông quý trọng người nông dân lương thiện. Trân trọng vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam, vừa giàu tình yêu thương vừa có sức sống tiềm tàng mãnh liệt. Có thái độ yêu ghét rạch ròi: Yêu lẽ phải, lòng nhân hậu, căm ghét cái ác, cái tàn nhẫn, xấu xa

**-** Giáo dục học sinh biết yêu thương, cảm thông quý trọng người nghèo khổ bất hạnh có tâm hồn cao cả.

**4. Năng lực**

**-** *Năng lực chung***:** Tư duy, tự học, hợp tác và giải quyết vấn đề, phân tích và khái quát.

*- Năng lực riêng***:** Sử dụng ngôn ngữ diễn đạt, sáng tạo, thẩm mĩ, năng lực đọc – hiểu và cảm thụ văn học.

**II. Tiến trình lên lớp**

*Trong tiết ôn tập văn xuôi hiện đại Việt Nam 1930-1945 trước cô và cả lớp đã khái quát được bối cảnh lịch sử Việt Nam giai đoạn 1930 – 1945, những đặc điểm cơ bản của nền văn học mới đặc biệt là văn xuôi. Chúng ta cũng đã giải quyết được một số bài tập đọc hiểu cơ bản. Tiết học ngày hôm nay chúng ta sẽ đi vào tìm hiểu sâu hơn về hai văn bản “ Tức nước vỡ bờ” Ngô Tất Tố và “ Lão Hạc” Nam Cao qua việc làm các bài tập nâng cao.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV :** *Chia lớp thành 2 nhóm hoàn thành yêu cầu sau ( 10p)*  *Câu 1*  **Nhóm 1**: Viết đoạn văn từ 10 đến 15 câu nêu cảm nhận của em về hình ảnh người nông dân trong xã hội cũ?  GV hướng dẫn Hs viết đoạn bằng hệ thống câu hỏi:  ? Hình ảnh người nông dân trong xã hội cũ được thể hiện rõ nét qua những tác phẩm nào?  - Hình ảnh người nông dân trong xã hội cũ được thể hiện qua 2 tác phẩm: *Tức nước vỡ vờ* và *Lão Hạc*  ?Cuộc sống của họ ra sao trong xã hội một cổ hai tròng?  *-* Cuộc sống bị áp bức, bóc lột nặng nề, lầm vào cảnh bần cùng, bế tắc  *?* Họ có chấp nhận cuộc sống khốn khổ đó không?  *-* Họ không chấp nhận, không chịu sống cuộc sống khốn khổ đó, họ đứng lên đấu tranh, phản kháng quyết liệt  *?* Vậy họ đấu tranh bằng cách nào?  *-* Chị Dậu vùng lên phản kháng. Lão Hạc thì chọn cái chết để giữ gìn phẩm chất tốt đẹp của mình  *?* Qua đó hình tượng người nông dân được khắc hoạ thế nào?  *-*  Người nông dân trong xã hội cũ dù bị áp bức bóc lột đến cùng kiệt nhưng họ vẫn giữ được những phẩm chất của người nông dân lương thiện, hiền lành, giàu tình thương người và tiềm ẩn một sức mạng phản kháng mạnh mẽ | **Câu 1**:  Đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* và truyện ngắn *Lão Hạc* được sáng tác theo phong cách hiện thực, phản ánh cuộc đời và tính cách của người nông dân trong xã hội cũ. Họ là người sống khổ cực vì bị áp bức bóc lột nặng nề, phải chịu sưu cao thuế nặng. Cuộc sống của họ lâm vào cảnh bần cùng, bế tắc. Tuy vậy, họ có những phẩm chất đáng quý là trong sạch, lương thiện, giàu tình  thương yêu. Họ quyết liệt phản kháng hoặc thậm chí dám chọn cái chết để giữ gìn phẩm chất trong sạch của mình. Điều đó cho thấy: người nông dân trong xã hội thực dân nửa phong kiến là những người nghèo khổ, chịu nhiều bất hạnh trong cuộc sống...nhưng họ vẫn giữ được những phẩm chất cao đẹp của những người nông dân lương thiện, hiền lành, giàu tình yêu tương, giàu lòng tự trọng và luôn tiềm tàng một sức mạnh của tình cảm, một sức mạnh phản kháng chống lại áp bức, bất công. Có thể nói đây là những điển hình đẹp về những người nông dân trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. |
| **Bài 2**: Nhóm 2  Cho đoạn văn sau:  “Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi … toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương …Vợ tôi không ác nhưng thị khổ quá rồi. Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu? Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất.”  (Ngữ văn 8- Tập1- NXB Giáo dục)  Câu 1. Đoạn văn trên trích trong tác phẩm nào? Của ai?  Câu 2. Tác phẩm được ra đời trong giai đoạn lịch sử nào?  Câu 3. Những suy nghĩ trong đoạn văn trên là của nhân vật nào?  Câu 4. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên là gì?  Câu 5. Câu văn “*Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu?*” có phải là câu nghi vấn không ? Tại sao?  Câu 6.Từ nội dung của đoạn văn trên, em có suy nghĩ gì về cách nhìn nhận, đánh giá con người trong xã hội hiện nay?  **HS** chia làm 2 nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao, cử đại diện nên đọc bài. Cả lớp lắng nghe, góp ý kiến  **GV** nhận xét, bổ sung, sửa chữa cho hs  **Câu 3 ( 30p)**  **GV** cho cả lớp làm đề văn sau  Cuộc đời và tính cách của người nông dân Việt Nam qua hai văn bản: Tắt đèn (Ngô Tất Tố) và Lão Hạc (Nam Cao)  **GV** hướng dẫn học sinh lập dàn ý chi tiết cho đề văn  **a, Mở bài**  *?* Hãy nêu 1 số nét chính hoặc nêu điểm chung giữa hai tác giả Ngô Tất Tố và Nam Cao  *-* Hai tác giả tiêu biểu của nền văn học Việt Nam giai đoạn 1930 – 1945. Cùng viết về đề tài con người và xã hội đương thời  *?* Tác phẩm tiêu biểu về đề tài người nông dân của hai nhà văn là những tác phẩm nào?  *-* Tác phẩm tiêu biểu: Tắt đèn cảu Ngô Tất Tố và Lão Hạc của Nam Cao  ?Nêu điểm giống và khác nhau của hai tác phẩm Tắt đèn và Lão Hạc?  *HS trả lời:*  *+ Giống nhau:*  - Phương thức biểu đạt: Tự sự.  - Thời gian ra đời: Trước cách mạng tháng Tám1945.  - Chủ đề: Con người và cuộc sống xã hội đương thời.  - Giá trị tư tưởng: Chan chứa tinh thần nhân đạo (yêu thương, trân trọng những tình cảm, những phẩm chất đẹp đẽ, cao quý của con người; Tố cáo những gì tàn ác, xấu xa).  - Giá trị nghệ thuật: Bút pháp chân thực, gần gũi với đời sống, ngôn ngữ giản dị, cách kể, tả và biểu cảm cụ thể, hấp dẫn.  *+ Khác nhau:*  *- Tắt đèn:* Phê phán chế độ tàn ác, bất nhân và ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn, sức sống tiềm tàng của người phụ nữ nông thôn trước cách mạng.  *- Lão Hạc:* Số phận bi thảm của người nông dân cùng khổ và nhân phẩm cao đẹp của họ.  **b, Thân bài**  *?* Cuộc sống của người nông dân được thể hiện như thế nào qua hai tác phẩm này?  *-* Cuộc sống nghèo khổ, bị áp bức bóc lột nặng nề, 1 cổ 2 tròng, bị đè nén đến cùng cực  *?* Cuộc sống cực khổ của lão Hạc được thể hiện qua các chi tiết nào?  *- HS trả lời:*  + Lão Hạc là một lão nông quay quắt trong nghèo đói và cô quạnh, cả cuộc đời lão là một chuỗi mất mát và bất hạnh.  + Vợ lão mất sớm, lão phải sống trong cảnh gà trống nuôi con.  + Khi con trưởng thành, do nghèo quá không cưới nổi vợ, uất ức bỏ nhà đi đồn điền cao su.  + Cô đơn trong tuổi già, lão chỉ biết làm bạn với cậu vàng – kỉ vật duy nhất mà con trai lão để lại.  + Nhưng rồi mất mùa, đói kém, ốm đau, lão lâm vào đường cùng phải bán cậu vàng đi. Đây là chấn thương lớn trong tâm hồn và cuộc sống của lão.  + Lão chết vì dằn vặt, đau khổ, tuyệt vọng.  *?* Cái chết của Lão Hạc đã phản ánh điều gì?  - Cái chết của lão Hạc phản ánh số phận bi thảm của người nông dân Việt Nam trong xã hội cũ: Sống mòn, chết thảm, chết thể xác, chết tinh thần.  *?* Cuộc sống khổ cực của chị Dậu được thể hiện qua các chi tiết nào?  *- HS trả lời:*  + Chị phải bán chó, bán đứa con đứt ruột đẻ ra- chị đứt từng khúc ruột – mà cùng không trả được món nợ nhà nước.  + Anh Dậu thì bị chúng trói đánh gần chết  *?* Trong hoàn cảnh đó chị Dậu đã có hành động gì?  *-* Chị Dậu vùng lên phản kháng, liều mạng chống cự.  *?* Kết quả của hành động đó ra sao?  *-* Vẫn không thoát khỏi các thế lực đen tối của xã hội  ?Qua tác phầm Lão Hạc em hãy cho biết vẻ đẹp của nhân vật lão Hạc được thể hiện qua các chi tiết nào?  *- Vẻ đẹp của lão Hạc*  + Người giàu lòng yêu thương và tự trọng   * Với cậu Vàng thì yêu thương, chăm sóc, coi như người bạn. Khi phải bán cậu Vàng đi thì đau đớn, dằn vặt bản thân và chọn cái chết vật vã * Với con trai thì hết lòng yêu thương, nhớ nhung, mong ngóng con trở về. Mọi việc làm đều nghĩ về con, sống tằn tiện chỉ để vun vén cho con, chọn cái chết để trọn đạo làm cha * Từ chối sự giúp đỡ của ông Giáo * Gửi ông Giáo tiền để nhờ hàng xóm lo ma chay.   *?* Vẻ đẹp của chị Dậu hiện lên qua các chi tiết nào?  *-* Chị Dậu tiêu biểu cho vẻ đẹp của người phụ nữ nông thôn trong xã hội xưa   * Hết lòng yêu thương chồng con, chăm sóc chồng ân cần, chu đáo. * Không cam chịu số phận, quyết tâm vùng lên phản kháng   => Qua đó ta rút ra được Ở chị Dậu là sức mạnh của tình yêu thương, của tiềm tàng phản kháng. Còn lão Hạc là ý thức về nhân cách, là lòng tự trọng dù trong nghèo đói.  *?* Cuộc đời và tính cách của người nông dân đã được hai nhà văn thể hiện bằng những nét nghệ thuật độc đáo nào?  *-* Bút pháp chân thực, gần gũi với đời sống, ngôn ngữ giản dị, khắc hoạ nhân vật và miêu tả hiện thực một cách chân thực, sinh động, cách kể chuyện tự nhiên, linh hoạt, vừa chân thực  **c, Kết bài**  *- Gv* hai tác phẩm này mang giá trị nhân đạo vô cùng sâu sắc (thể hiện được sự yêu thương, trân trọng những tình cảm, những phẩm chất đẹp đẽ, cao quý của con người; Tố cáo những gì tàn ác, xấu xa đẩy con người đến cùng cực).  **HS** dựa vào 2 văn bản trên lập dàn ý và viết bài văn hoàn chỉnh  **HS** đọc bài trước lớp  **GV** nhận xét và sửa chữa những lỗi sai cho HS. | **Câu 2: GV gợi ý:**  - Câu 1: Truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao  - Câu 2: Tác phẩm ra đời trong giai đoạn 1930 - 1945(trước cách mạng Tháng Tám)  - Câu 3: Nhân vật Ông giáo  - Câu 4: Nghị luận  - Câu 5: Không phải câu nghi vấn mà là câu trần thuật dùng để khẳng định ý kiến.  - Câu 6: Trong xã hội ngày nay con người có rất nhiều các mối quan hệ phức tạp cho nên chúng ta phải nhìn nhận, xem xét một cách khách quan, đa chiều, không phiến diện chủ quan; đặt mình vào họ để hiểu họ, từ đó mới có sự đánh giá công bằng, chính xác. Quan điểm của ông giáo, của nhà văn Nam Cao vẫn còn nguyên giá trị.  **Câu 3**: Dàn ý chi tiết  **a. Mở bài.**  - Giới thiệu về Ngô Tất Tố, Nam Cao và đề tài trong sáng tác của hai nhà văn.  - Hai tác phẩm thành công của hai nhà văn viết về đề tài người nông dân là Tắt đèn và Lão Hạc.  - Điểm giống và khác nhau giữa hai tác phẩm viết về cùng một đề tài.  **b. Thân bài.**  *b1. Hai tác phẩm đều cho người đọc thấy được về tình cảnh nghèo khổ, bế tắc của người nông dân bần cùng trong xã hội thực dân nửa phong kiến.*  \* Cuộc sống khổ cực của lão Hạc.  - Lão Hạc là một lão nông quay quắt trong nghèo đói và cô quạnh, cả cuộc đời lão là một chuỗi mất mát và bất hạnh.  + Vợ lão mất sớm, lão phải sống trong cảnh gà trống nuôi con.  + Khi con trưởng thành, do nghèo quá không cưới nổi vợ, uất ức bỏ nhà đi đồn điền cao su.  + Cô đơn trong tuổi già, lão chỉ biết làm bạn với cậu vàng – kỉ vật duy nhất mà con trai lão để lại.  + Nhưng rồi mất mùa, đói kém, ốm đau, lão lâm vào đường cùng phải bán cậu vàng đi. Đây là chấn thương lớn trong tâm hồn và cuộc sống của lão.  + Lão chết vì dằn vặt, đau khổ, tuyệt vọng.  => Cái chết của lão Hạc phản ánh số phận bi thảm của người nông dân Việt Nam trong xã hội cũ: Sống mòn, chết thảm, chết thể xác, chết tinh thần.  \* Cuộc sống khổ cực của chị Dậu.  + Không khí căng thẳng, ngột ngạt của làng Đông Xá trong mùa sưu thuế đã đẩy gia đình chị Dậu vào mức đường cùng: Chị phải bán chó, bán đứa con đứt ruột đẻ ra- chị đứt từng khúc ruột – mà cùng không trả được món nợ nhà nước.  + Anh Dậu bị chúng đánh trói gần chết nên chị đã liều mạng chống cự lại tên cai lệ. Bị bắt giải lên huyện, chị Dậu vẫn không thoát khỏi những thế lực đen tối của xã hội thực dân phong kiến như tri phủ Tư Ân. Kết thúc truyện là hình ảnh chị Dậu vùng chạy ra ngoài trong khi trời tối đen như mực để chạy trốn lão già.  => Nỗi khổ trăm bề của người nông dân  *b2. Từ hai tác phẩm này chúng ta thấy được vẻ đẹp tâm hồn cao quý, lòng tận tụy hi sinh vì người thân của những người nông dân ấy.*  \* Vẻ đẹp của lão Hạc.  - Lão Hạc giàu lòng yêu thương và giàu lòng tự trọng.  + Lão Hạc giàu lòng yêu thương.  /. Với cậu Vàng: Lão là người nặng tình nghĩa, có tấm lòng mến thương loài vật, con người chung thủy. Lão chăm sóc cậu Vàng, trò chuyện với nó… Khi phải bán cậu Vàng đi, lão lâm vào bi kịch tinh thần đau đớn. Lão đã chọn cái chết đau đớn vật vã như để tự trừng phạt mình và chia se với nỗi đau của cậu Vàng.  /. Lão Hạc là câu chuyện về tình phụ tử thiêng liêng, cảm động.   - Lão Hạc luôn canh cánh nỗi nhớ con, mong ngóng con trở về.  - Mọi hành động của lão đều hướng về con: Sống tằn tiện, chăm chỉ làm việc để vun vén cho con, bán cả cậu Vàng để không phạm vào số tiền dành cho con. Dù đói kém triền miên, lão cũng không bán mảnh vườn. Lão đã chọn cái chết để trọn đạo làm cha, để lại tiếng thơm cho con.  + Lão Hạc giàu lòng tự trọng.  - Từ chối sự giúp đỡ của ông Giáo.  - Gửi ông Giáo tiền để nhờ hàng xóm lo ma chay.  \* Vẻ đẹp của chị Dậu.  - Chị Dậu là hình tượng đep đẽ, tiêu biểu cho vẻ đẹp của người phụ nữ nông dân trong xã hội xưa.  + Chị Dậu là người phụ nữ yêu thương chồng: Chăm sóc chồng ân cần, chu đáo, cứu anh khỏi thần chết. Đó là cách yêu thương của một người đàn bà luôn biết che chở và tận tụy . Phẩm chất ấy là của người đàn bà tự lực cánh sinh và hết lòng vì trọng trách gia đình.  + Chị là người phụ nữ không cam chịu, chị có sức mạnh của trí tuệ và lòng can đảm, có sức sống mạnh mẽ và tinh thần phản kháng tiềm tàng, khi bị đẩy tới bước đường cùng, chị đã vùng dậy chống trả quyết liệt, thể hiện thái độ bất khuất.  => Kết luận: Ở chị Dậu là sức mạnh của tình yêu thương, của tiềm tàng phản kháng. Còn lão Hạc là ý thức về nhân cách, là lòng tự trọng dù trong nghèo đói.  *b3. Cuộc đời và tính cách của người nông dân đã được hai nhà văn thể hiện bằng những nét nghệ thuật độc đáo: Khắc họa nhân vật qua lời nói, cử chỉ, nội tâm, nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn…*  **c. Kết bài.**  - Khẳng định lại giá trị của hai tác phẩm và rút ra bài học |

**III. Củng cố, dặn dò**

- Qua 2 tiết ôn tập văn xuôi hiện đại Việt Nam 1930-1945 chúng ta đã hiểu rõ hơn về hoàn cảnh xã hội Việt Nam lúc bấy giờ, cũng như tiền đề cho sự phát triển của Văn học Việt Nam sau này. Đồng thời qua 4 văn bản Tôi đi học, Trong lòng mẹ, Tức nức vỡ bờ, Lão Hạc đã giúp chúng ta phần nào hiểu hơn về đời sống, suy nghĩ, tinh thần của con người Việt Nam giai đoạn 1930-1945. Chúng ta cũng tìm hiểu được những tầng ý nghĩa sâu xa hơn của các văn bản mà ở tiết học chính khoá chưa nhắc đến.

- Về nhà các em hãy tìm đọc thêm các phần còn lại của tác phẩm không có trong SGK để hiểu rõ hơn về tác phẩm.

- Bài tập về nhà: **Viết đoạn văn từ 15 đến 20 dòng phân tích ý nghĩa cái chết của nhân vật lão Hạc?**

*GV gợi ý:*

*Cái chết của Lão Hạc có ý nghĩa sâu sắc: - Góp phần bộc lộ rõ số phận và tính cách của Lão Hạc: nghèo khổ, bế tắc, cùng đường, nhưng giàu lòng tự trọng.*

*- Tố cáo hiện thực xã hội thực dân nữa phong kiến, đẩy người nông dân vào đường cùng.*

*- Nhân cách: Lão Hạc là người cha hết lòng vì con, là người tình nghĩa và biết tôn trọng hàng xóm.*

*-> Nhân cách cao thượng của Lão Hạc*

Ngày soạn:….

Ngày dạy:…..

**Ôn tập văn học nước ngoài**

**I. Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức**

- Học sinh được ôn tập, tổng kết một số kiến thức cơ bản về những văn bản văn học nước ngoài đã được học trong chương trình Ngữ văn 8 kì : Giá trị nội dung, giái trị nghệ thuật

**2. Kỹ năng**

- Rèn luyện cho học sinh kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá và ghi nhớ các văn bản văn học nước ngoài

- Biết so sánh, đối chiếu, nhận xét về các văn bản trên một số phương diện cụ thể

- Liên hệ thấy được những nét gần gũi giữa một số tác phẩm văn học nước ngoài với văn học Việt nam

**3. Thái độ, phẩm chất**

- Giáo dục học sinh biết trân trọng, yêu quý các tác phẩm văn học nước ngoài

- Bồi dưỡng cho học sinh ý thức tự giác, tích cực ôn tập về truyện

**4. Năng lực**

- Tiếp nhận văn bản, hợp tác, cảm thụ, thưởng thức tác phẩm

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 1:**

1. ***Hệ thống lại kiến thức đã học (30p)***

**GV** Phát phiếu học tập, hướng dẫn học sinh thống kê các tác phẩm văn học nước ngoài đã học trong chương trình Ngữ văn 8 tập 1?

**Phiếu học tập**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên tác phầm | Tác giả | Nước | Thế kỷ | Thể loại | Tóm tắt nội dung |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

**HS** làm thống kê điền vào phiếu học tập

*Bảng phụ của giáo viên*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên tác phẩm | Tác giả | Nước | Thế kỷ | Thể loại | Tóm tắt nội dung |
| 1 | Cô bé bán diêm | An- đéc- xen | Đan Mạch | XIX | Truyện ngắn | Vào đêm giao thừa đường phố lạnh giá, một cô bé ngồi néptrong một góc tường, rét buốt nhưng không dám về nhà vì sợ bố đánh.  Em quyết định quẹt một que diêm để sưởi. Lần quẹt thứ nhất em thấy ánh lò sưởi. Lần thứ 2, em thấy bàn ăn có ngỗng quay. Lần thứ 3, thấy cây thông Nô – en. Lần thứ tư bà hiện về. Những que diêm còn lại hai bà cháu bay về chầu Thượng Đế  Buối sáng hôm sau người ta thấy thi thể em bé giữa những bao diêm |
| 2 | Đánh nhau với cối xay gió | Xéc- van- tét | Tây Ba Nha | XVI | Tiểu thuyết | Hai thầy trò Đôn – ki – hô – tê gặp những chiếc cối xay gió, chàng nghĩ đó là những tên khổng lồ xấu xa. Mặc cho Xan – chô Pan – xa can ngăn, Đôn – ki – hô – tê vẫn xông tới phóng giáo đâm vào cánh quạt. Vừa lúc đó gió nổi lên, cánh quạt hất chàng ngã lộn cổ xuống đất. Ngọn giáo tan tành  Đôn – ki – hô – tê rất đau nhưng không kêu ca cho mình thất bại là do pháp sư Phơ – re- xton gây ra. Hai thầy trò lại tiếp tục lên đường tìm kiếm cuộc phiêu lưu mới. |
| 3 | Chiếc lá cuối cùng | O.Hen Ri | Mĩ | XIX | Truyện ngắn | Giôn-xi bị bệnh, cô chán chường buông xuôi sự sống. Cô đếm ngược và chờ đợi chiếc lá cuối cùng lìa cành, mình cũng lìa đời.  Sáng hôm sau Giôn-xi tỉnh dậy thấy cây thường xuân vẫn còn chiếc là chưa rụng qua 1 ngày và 1 đêm mưa gió phũ phàng. Giôn-xi nhận thấy muốn chết là có tội, cô lấy lại được nghị lực sống và vượt qua cái chết.  Xiu kể lại cho Giôn-xi biết chiếc lá cuối cùng chính là bức tranh cụ Bơ-men bí mật vẽ trong đêm mưa gió. Cụ đã chết vì sưng phổi. |
| 4 | Hai cây phong | Ai-ma-top | Cư-rơ-gư-xtan | XX | Truyện ngắn | Làng Ku-ku-rêu nằm ven chân núi phía dưới là thung lũng Vàng. Trên làng, giữa ngọn đồi, hai cây phong to lớn như hai ngọn hải đăng, là biểu tượng của tiếng nói riêng, tâm hồn riêng của làng.  Nhân vật “ Tôi” cảm nhận được sự gắn bó tuổi thơ mình với hai cây phong, những ký ức gắn liền với ngôi trường và thầy giáo Đuy-sen.  Người thầy giáo với tâm hồn cao đẹp, không bằng cấp nhưng đã vun trồng bao ước mơ, hi vọng cho những học trò nhỏ của mình. |

**HS** trình bày phiếu học tập trước lớp, cả lớp lắng nghe, bổ sung

**GV** nhận xét, chốt kiến thức, treo bảng phụ

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV:** *Hướng dẫn học sinh hoàn thành bảng thống kê về giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của các tác phẩm.*  **HS:** Kẻ bảng theo mẫu, làm thống kê   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Tên tác phầm | Giá trị nội dung | Giá trị nghệ thuật | |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  | | - Giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Stt | Tên tác phẩm | Giá trị nội dung | Giá trị nghệ thuật | | 1 | Cô bé bán diêm | Niềm thương cảm sâu sắc với những con người bất hạnh, niềm tin của con người và tấm lòng nhân ái của nhà văn | - Cách kể chuyện hấp dẫn đan xen giữa mộng tưởng và thực tế, sử dụng hình ảnh tương phản, đối lập đặc sắc.  - Sự kết hợp chặt chẽ giữa yếu tố kể, tả và biểu cảm  - Xây dựng tình huống truyện độc đáo, hấp dẫn phù hợp với tâm lý trẻ thơ | | 2 | Đánh nhau với cối xay gió | Sử dụng tiếng cười khôi hài để giễu cợt cái hoang tưởng tầm thường, đề cao thực tế và sự cao thượng | - Sử dụng phép tương phản trong xây dựng nhân vật  Nghệ thuật hài hước, gây cười -> Châm biếm, giễu cợt những cái hoang tưởng, tầm thường; đề cao cái thực tế, cái cao thượng. | | 3 | Chiếc lá cuối cùng | Ca ngợi tình bạn, tình người đằm thắm, tha thiết, thủy chung, trong sáng nghệ thuật chân chính phục vụ con người, hãy yêu thương trân trọng con người nhất là những con người nghèo khổ. | Xây dựng cốt truyện đơn giản, giàu kịch tính, kết cấu truyện tương phản, tinh tế hai lần đảo ngược kết thúc truyện bất ngờ, ngôn ngữ kể truyện giản dị nhẹ nhàng và sâu sắc. | | 4 | Hai cây phong | Vẻ đẹp thân thuộc cao quý của hai cây phong gắn liền với tình thương tha thiết của tác giả. | -Nhân vật kể chuyện kết hợp với hai mạch kể, gắn với hai đại từ nhân xưng là tôi và chúng tôi.  -Phương thức biểu đạt kết hợp với miêu tả, nhân hóa cao độ. | |

**B. Luyện tập ( 15p)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 1:**  **GV**:Chia lớp thành hai nhóm để giải quyết hai vấn đề sau  1: Tìm điểm giống nhau về nội dung của các văn bản nước ngoài?  2: Điểm khác nhau về các nhân vật qua các văn bản nước ngoài?  **HS**:Thảo luận, làm việc nhóm, cử đại diện trình bày  - Cả lớp lắng nghe, bổ sung  - GV nhận xét, góp ý, tổng kết  **HS** ghi bài  **Bài 2:** Qua tìm hiểu các tác phẩm văn học nước ngoài này em hiểu thêm được điều gì về các nước trên thế giới ?  **HS:** Suy nghĩ cá nhân, trả lời  **GV:** chốt kiến thức | **1**:Điểm giống nhau về nội dung của các văn bản nước ngoài.  - Thể hiện những bức tranh đẹp đẽ về thiên nhiên, về vẻ đẹp con người qua cái nhìn từ tấm lòng nhân hậu trân trọng cuộc sống của các nhà văn  - Những nhân vật được thể hiện qua cách nhìn khác nhau nhưng đều đẹp dẽ về tính cách, cách ứng xử đầy tình nhân ái  - Đem đến cho người đọc những bài học hay về cuộc sống  **2**:Điểm khác nhau về các nhân vật qua các văn bản nước ngoài.  - Nhân vật cô bé bán diêm: Đứa trẻ đói rách, bất hạnh, đáng thương  - Nhân vật Đôn-ki-hô-tê: sống có lý tưởng nhưng kì quặc  - Nhân vật Giôn-xi, Xiu và Bơ-mem: Những nghệ sĩ nghèo, yêu thương và đùm bọc nhau trong cuộc sống  - Nhân vật “ tôi” trong “ Hai cây phong”: Hai cây phong là biểu tượng tình cảm đẹp đẻ của “ tôi” và “ chúng tôi”  **Bài 2:**  - Giúp chúng ta hiểu thêm về phong tục, tập quán, lối sống, lối suy nghĩ của nhiều nước trên thế giới  - Giúp chúng ta bồi dưỡng thêm những tình cảm đẹp, yêu cái thiện, ghét cái ác.  - Cung cấp thêm nhiều kiến thức bổ ích về nghệ thuật, cách dùng từ. |

**Tiết 3:**

**Ôn tập văn học nước ngoài ( tiếp)**

Luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV***Chia lớp thành 4 nhóm mỗi nhóm thực hiện 1 nhiệm vụ được giao tương ứng với 4 văn bản văn học nước ngoài.Phát phiếu học tập ghi câu hỏi cho từng nhóm*  **Bài 1: ( nhóm 1)**  **-** Vì sao thế giới mộng tưởng của cô bé bán diêm được bắt đầu bằng hình ảnh lò sưởi và kết thúc bằng hình ảnh người bà nhân từ?  - Hãy chỉ ra sự chuyển hoá giữa mộng và thực trong truyện?  - Theo em kết thúc truyện có phải là kết thúc có hậu không? Vì sao?  **Bài 2 : ( nhóm 2)**  **-** Vì sao có người cho rằng thầy trò Đôn-ki-hô-tê chưa thể yên nghỉ trong bảo tàng mà lại lên đường phiêu lưu tiếp?  - Qua nhân vật Đôn-ki-hô-tê, nhà văn muốn bộc lộ thái độ gì đối với xã hội Tây Ban Nha đương thời?  **Bài 3 ( nhóm 3)**  **-** Bí mật về chiếc lá cuối cùng chỉ được tiết lộ ở phần kết thúc câu truyện, hãy chỉ ra ý nghĩa nghệ thuật của cách kết thúc truyện nay?  - Chi tiết nào trong truyện khiến em xúc động nhất? vì sao?  **Bài 4 ( nhóm 4)**  **-** Em hiểu hình ảnh hai cây phong có ý nghĩa như thế nào trong tác phẩm: Người thầy đầu tiên?  **HS:** Làm việc, thảo luận theo nhóm,cử đại diện nhóm lên trình bày câu trả lời  - Các nhóm khác lắng nghe  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức  **GV** *cho HS giải một đề kiểm tra văn học nước ngoài*  **I: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi**.  “Cuộc sống chúng ta sẽ khô cằn biết bao nếu tâm hồn ta không có tình yêu thương. Tình yêu thương có lẽ là món quà tuyệt vời nhất mà tạo hóa đã ban tặng cho con người. Nó là tiếng nói đồng vọng, kết nối biết bao trái tim con người. Chính những tình cảm này đã mang đến cho cuộc đời nhiều tấm lòng cao đẹp và giàu đức hy sinh. Họ hy sinh cả mạng sống của mình để mang đến sự sống cho người khác mà tiêu biểu cho điều này là cụ Bơ men”  (Kiệt tác của tình thương – Phạm Nguyễn Phương Dung )  - **Câu 1**: Nhân vật được nhắc đến trong đoạn văn trên nằm trong tác phẩm nào? tác giả là ai? (1 điểm)  - **Câu 2**: Đoạn văn trên được viết theo phương thức biểu đạt nào?  - **Câu 3** : Tìm một câu ghép có trong đoạn văn trên ? Xác định mối quan hệ giữa các vế trong câu ghép đó ?(1 điểm)  - **Câu 4**: Nội dung của đoạn văn trên là gì?  - **Câu 5** : Em có đồng ý với câu nói trong đoạn trích “ Tình yêu thương là tiếng nói đồng vọng, kết nối biết bao trái tim con người.” không? Vì sao? (1 điểm)  **II, Làm văn ( 7 điểm)**  Em hãy nhập vai Xiu trong truyện ngắn “ Chiếc lá cuối cùng” của nhà văn Ohen-ri kể lại quá trình hồi sinh của Giôn-xi.  **GV** *hướng dẫn học sinh giải đề. Phần đọc hiểu yêu cầu HS đọc kỹ dữ liệu và trả lời các câu hỏi.*  *Phần làm văn GV hướng dẫn HS lập dàn ý chi tiết.*  1, Mở bài  *?* Đề bài yêu cầu chúng ta điều gì? Bài văn sử dụng ngôi kể thứ mấy?  - Nhập vai Xiu kể lại quá trình hồi sinh của Giôn-xi  🡪 Ngôi kể thứ nhất, xưng “tôi”  2, Thân bài  *?* Hoàn cảnh sống của Xiu và Giôn-xi ra sao?  *-* Cả hai cùng là hoạ sĩ và có hoàn cảnh sống khó khăn. Riêng Giôn-xi thì đang bị bệnh nặng  *?* Tâm trạng của Giôn-xi ra sao khi bênh nặng?  *-* Tâm trạng chán nản, thẫn thờ, chờ chiếc lá thường xuân cuối cùng rụng  *?* Tâm trạng của Giôn-xi khi thấy chiếc là thường xuân cuối cùng vẫn trên cây sau đêm mưa tuyết ra sao?  *-* Ngắm nhìn thật lâu, bừng tỉnh nhận ra muốn chết là tội lỗi vô cùng lớn  *?* Sau khi bừng tỉnh Giôn-xi đã muốn làm gì?  *-* Muốn ăn, làm đẹp và muốn vẽ  *?* Bác sĩ đến và thông báo điều gì?  *-* Thông báo Giôn-xi đã vượt qua giai đoạn khó khăn của bệnh tật  *?* Xiu đã tiết lộ sự thật gì cho Giôn-xi?  *-* Sự thật về chiếc lá thường xuân chính là kiệt tác của cụ Bơ-men. Và cụ Bơ-men đã chết do sưng phổi sau khi vẽ xong chiếc lá đó  3, Kết bài  *?* Nêu cảm nghĩ của em về tình bạn, tình yêu thương giữa con người với con người?  *- HS phát biểu suy nghĩ của bản thân*  **HS** làm một bài văn tự sự biết kết hợp với miêu tả, biểu cảm. Nhập vai Xiu kể lại dùng ngôi kể thứ 1 xưng tôi.  **Gv** Gọi học sinh nên đọc bài của mình trước lớp, nhận xét cách làm văn, lối hành văn, sử dụng câu cú cho học sinh. | **Bài 1:**  **-** Thế giới mộng tưởng của em bé bán diêm được bắt đầu bằng hình ảnh lò sưởi vì e đang phải chịu cái rét khủng khiếp của đêm giao thừa với gió và tuyết lạnh, hơn nữa phải chịu cả cái rét của của sự thiếu vắng tình thương của người thân, tình người giữa người với người. Kết thúc bằng hình ảnh người bà càng tô đậm thêm cái bất hạnh của em bé trong thế giới thực  - Thế giới mộng tưởng của em bé trước tiên được dệt lên từ những chất liệu rất thực: lò sưởi, cây noen, ngỗng quay đây là những cảnh rất thực đang bao quanh em, mọi người có nhưng em thì không -> cái thực đã thành mộng tưởng, chỉ trong mộng tưởng em mới tìm được cái thực đã mất. còn người bà đã mất thì với em hình ảnh bà hiện lên rất chân thực.  - Kết thúc truyện không có hậu. Vì truyện cổ tích thường kết thúc có hậu, nhân vật tìm được hạnh phúc ngay trong đời thực còn cô bế tìm được hạnh phúc trong mộng tưởng và chết trong cô đơn, lạnh giá, trong 1 thế giới mà chẳng ai biết về nó -> kết thúc gây nên sự ám ảnh, xót xa đối với người đọc.  **Bài 2**  **-** Việc thầy trò Đôn-ki-hô-tê phá tan bức tường của bảo tàng, lại phải tiếp tục lên đường hành trình phiêu lưu là một ý tưởng sâu sắc. Bởi trên thế gian này còn nhiều cái ác, cái bất công, còn nhiều tên khổng lồ mới, ăn mặc bình thường gây ra bao đau khổ cho nhân dân. Khi còn cái ác thì không có lí do gì người hiệp sĩ như Đôn Ki-hô-tê có thể yên tâm nghỉ ngơi trong bảo tàng  - Tác phẩm tập trung chế giễu tàn dư lí tưởng hiệp sĩ phiêu lưu lỗi thời, phê phán thị hiếu tầm thường, lối sống thực dụng đang phổ biến trong xã hội Tây Ban Nha thời đó.  **Bài 3**  **-** Ý nghĩa nghệ thuật của cách kết thúc truyện là tạo ra sự bất ngờ cho người đọc, khiến cho truyện trở nên hấp dẫn đến những dòng cuối cùng. Giúp ta chứng kiến sự lo lắng xót xa của Xiu dành cho Giôn-xi. Khiến ta nghĩ tới 1 triết lí thật đẹp và giàu tính nhân văn: cuộc sống còn ẩn chứa bao điều đẹp đẽ mà chúng ta chưa từng biết đến  - Truyện có rất nhiều chi tiết hay, xúc động, tuỳ thuộc vào cảm nhận của từng cá nhân học sinh, GV có thể nêu 1 chi tiết tiêu biểu  + Chi tiết :**Chiếc lá cuối cùng- kiệt tác của lòng trắc ẩn, sự hi sinh và nghệ thuật mang tên sự sống.**  **-** Chiếc là kiệt tác cả đời cụ Bơ-men vẫn hằng mong muốn vẽ được, nó đã được đánh đổi bằng cả tính mạng của cụ. Chiếc lá đã đem lại hi vọng trong Giôn-xi, cô bắt đầu khát khao được sống mà mạnh mẽ đương đầu với bệnh tật. Không còn dáng vẻ của một bệnh nhân ủ rũ, sức sống mới được thổi bùng lên trong nhân vật. Đó chính là sự kì diệu của một tác phẩm nghệ thuật chân chính, bắt nguồn từ lòng người, đi qua sự trắc ẩn, kết tinh bằng sự hi sinh rồi lại trở về với con người, để đưa họ về với thế giới của niềm tin và hi vọng.  **Bài 4**  - Hai cây phong là nhân chứng câu truyện xúc động về tình cảm thầy trò An-tư-nai. Thầy Đuy-xen trồng hai cây phong để gửi gắm những ước mơ , hi vọng của những đứa trẻ nghèo khổ, thông minh , ham học như An-tư-nai sau này sẽ lớn lên, sẽ trưởng thành, sẽ thành người có ích. Đó là tấm lòng và phẩm chất của người cộng sản chân chính.  - Hai cây phong mở đầu truyện , vừa như 1 khúc dạo đầu cho 1 bài ca khá dài về tình yêu và con người, là nỗi nhớ khôn nguôi về quê hương của những người con xa cách. Hai cây phong cũng nhắc nhở ta đừng bao giờ quên quá khứ tuổi thơ, đừng bao giờ quên công ơn và tình cảm của người thầy giáo đầu tiên trong cuộc đời mình.  **Đáp án đề kiểm tra văn học nước ngoài**  I: Đọc hiểu  Câu 1:  - Tác phầm : Chiếc lá cuối cùng  - Tác giả: O-Hen-ri  Câu 2:  - Phương thức biểu đạt: Nghị luận  Câu 3  - Câu ghép  Cuộc sống chúng ta / sẽ khô cằn biết  CN VN  bao nhiêu nếu / tâm hồn ta / không  CN  có tình yêu thương  VN  - Mối quan hệ giữa các vế câu ghép: Quan hệ - kết quả  Câu 4  - Nội dung của đoạn văn trên: Tình yêu giữa người vời người mang đến cho cuộc sống thêm nhiều điểu tốt đẹp, cho cuộc sống thêm đáng sống.  Câu 5  - Đồng ý  - Giải thích: Tình thương là tình cảm nống nhiệt làm cho sự gắn bó mạt thiết và có trách nhiệm với người, với vật. Tình thương làm cho con người luôn hướng về nhau, chia sẻ đùm bọc lẫn nhau.  **II, Làm văn**  DÀN Ý CHI TIẾT  1, Mở bài  - Giới thiệu được nhân vật tôi – người kể chuyện ( chú ý HS nhập vai nhân vật Xiu). Nêu được nội dung cần kể  2, Thân bài  + Nhân vật Xiu kể lại quá trình hồi sinh của Giôn-xi  - Xiu giới thiệu và hoàn cảnh sống và tâm trạng của Giôn-xi khi chờ đợi cái chết   * Xiu giới thiệu về hoàn cảnh sống của Giôn-xi ( nghề nghiệp, tuổi tác, đặc biệt đang trong tình trạng bệnh tật và nghèo khó, có cụ Bơ-men là hàng xóm và cùng làm nghề hoạ sĩ) * Tâm trạng của Giôn-xi khi chờ đợi cái chết ra sao ( chán nản, thẫn thờ chờ chiếc lá thường xuân cuối cùng rụng nốt thì cô cũng buông xuôi lìa đời)   - Xiu kể lại tâm trạng của Giôn-xi khi hồi sinh nhờ chiếc lá cuối cùng mà cụ Bơ-men vẽ ( Phần này yêu cầu kể chi tiết)   * Khi chiếc lá thường xuân vẫn còn đó sau đêm mưa tuyết Giôn-xi đã bừng tỉnh và ngắm nhìn nó thật lâu, sau đó cô đã nói với Xiu những gì. Cô muốn ăn, làm đẹp và muốn vẽ: Giôn-xi đã thực sự hồi sinh. Cô đã vượt qua được cái chết, sự sống đã trở lại với cô nhờ vào chiếc lá mỏng manh, dẻo dai mà chinhs cô đã nhận ra. * Khi bác sĩ đến và thông báo Giô-xi đã vượt qua giai đoạn khó khăn. * Nhân vật Xiu kể lại cho Giôn-xi nghe về sự hi sinh thầm lặng của cụ Bơ-men và khẳng định chiếc lá cuối cùng của cụ là một kiệt tác ( chú ý các chi tiết miêu tả và biểu cảm của phần này)   3, Kết bài  - Nêu được cảm nghĩ về tình bạn trong sáng, về tình yêu thương, sự hi sinh giữa những con người nghèo khổ. |

**III, Củng cố, dặn dò**

- Vậy là cô và các em đã cùng nhau ôn tập xong phần văn học nước ngoài với 4 tác phẩm tiêu biểu là Cô bé bán diêm, Đánh nhau với cối xay gió, Chiếc lá cuối cùng, Hai cây phong. Các em đã nắm rõ được nội dung, ý nghĩa và nghệ thuật của 4 tác phẩm cũng như làm những bài tập củng cố kiến thức cho từng tác phẩm riêng biệt. Qua 4 tác phẩm chúng ta nhận ra dù có là ở từng quốc gia, từng vùng miền, từng dân tộc khác nhau, có lỗi suy nghĩ, cách bộc lộ tâm trạng, cách hành văn khác nhau nhưng các tác giả đều hướng đến cái đẹp, hướng đến những tình cảm yêu thương, những mối quan hệ gần gũi, bình dị giữa người với người. Ca ngợi những ước mơ, những khát vọng của con người..

- Về nhà các em tìm đọc thêm những phần còn lại của tác phẩm để hiểu hơn giá trị nhân văn mà tác giả muốn gửi gắm đến bạn đọc

Làm bài tập

- Viết lại phần kết cho câu chuyện Cô bé bán diêm theo trí tưởng tượng của bản thân?

**Ngày soạn: Ngày dạy:**

**Buổi 20 ÔN TẬP VĂN BẢN NHẬT DỤNG**

**LUYỆN TẬP TỔNG HỢP**

**Tiết 1,2 : ÔN TẬP VĂN BẢN NHẬT DỤNG**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

1. Kiến thức

- Các đặc điểm của văn bản nhật dụng: tính cập nhật của nội dung.

- Nhận diện các phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản.

- Những nội dung cơ bản của các văn bản nhật dụng đã học.

2. Kỹ năng

- Tiếp cận một văn bản nhật dụng.

- Tổng hợp và hệ thống hóa kiến thức.

3. Thái độ, phẩm chất

- Có ý thức với các vấn đề cấp thiết của xã hội: hút thuốc lá, sử dụng bao bì ni long, dân số và kế hoạch hóa gia đình.

4. Năng lực

a. Các năng lực chung.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo

b. Các năng lực chuyên biệt.

- Năng lực tìm kiếm,tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực tiếp nhận văn bản

- Năng lực cảm thụ thẩm mĩ.

**II. Tiến trình lên lớp**

**TIẾT 1:**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\*Thảo luận nhóm:**  **- Chia lớp thành 3 nhóm để hoàn thành các sơ đồ tư duy về các văn bản nhật dụng đã học.**  **- Đại diện các nhóm trình bày.**  **- HS nhận xét, GV bổ sung, chốt ý.** | **I. Củng cố kiến thức**  **- Thông tin về ngày Trái đất năm 2000**    **- Ôn dịch thuốc lá:**    **- Bài toán dân số:**  BẢN ĐỒ TƯ DUY "BÀI TOÁN DÂN SỐ" - GIÁO ÁN ĐIỆN TỬ-BẢN ĐỒ TƯ DUY ... |
| **\* Thảo luận dự án: Vì cộng đồng.**  **- Các nhóm bốc thăm các vấn đề để thảo luận và đưa ra cách giải quyết. (Phần này làm ở tiết học trước)**  **+** Nếu người thân, bạn bè của em hút thuốc lá em sẽ nói gì với họ.  **+** Tìm hiểu tình hình gia tăng dân số cũng như hậu quả của việc gia tăng dân số ở địa phương em.  + Sưu tầm tranh ảnh, tài liệu (quay clip...) về tác hại của việc dùng bao nilon và những vấn đề khác của rác thải sinh hoạt làm ô nhiễm môi trường ở địa phương. Đưa ra kiến nghị đề xuất.  **- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.**  **- HS trao đổi, đặt vấn đề để cùng trao đổi, giải quyết.** | **II. Vận dụng**  - Chủ đề 1: HS có thể nói về tác hại của thuốc lá, đề xuất một số giải pháp để bỏ thuốc lá.  - Chủ đề 2: HS có thể làm thống kê, khảo sát từ chính gia đình các bạn trong lớp, trong trường, về những gia đình xung quanh và đưa ra nhận xét về tình hình gia tang dân số ở địa phương.  - Chủ đề 3: HS sưu tầm tranh ảnh, khảo sát ngay trong chính gia đình mình, trên đường đến trường, hang quán quanh trường và đưa ra những giải pháp để có thể giảm thiểu hậu quả. *(Tham khảo bức thư đạt giải Nhất cuộc thi Viết thư quốc tế UPU lần thứ 49)* |

***B. Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập : HS làm việc cá nhân.  - HS thực hiện  **Bài tập 1**  **Đọc ngữ liệu sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:**  *Theo các nhà khoa học, bao bì ni lông lẫn vào đất làm cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật bị nó bao quanh, cản trở sự phát triển của cỏ dẫn đến hiện tượng xói mòn ở các vùng đồi núi. Bao bì ni lông bị vứt xuống cống làm tắc các đường dẫn nước thải, làm tang khả năng ngập lụt ở các đô thị về mùa mưa. Sự tắc nghẽn hệ thống cống rãnh làm cho muỗi phát sinh, lây truyền dịch bệnh. Bao bì ni long trôi ra biển làm chết các sinh vật khi chúng nuốt phải. Đặc biệt bao bì ni lông đựng thực phẩm làm ô nhiễm thực phẩm do chứa các kim loại như chì, ca-đi-mi gây tác hại cho não và là nguyên nhân gây ung thư phổi. Nguy hiểm nhất là khi các bao bì ni lông thải bỏ bị đốt, các khí độc thải ra đặc biệt là chất đi-ô-xin có thể gây ngộ độc, gây ngất, khó thở nôn ra máu, ảnh hưởng đến các tuyến nội tiết, giảm khả năng miễn dịch, gây rối loạn chức năng, gây ung thư và các dị tật bẩm sinh cho trẻ sơ sinh.*   * 1. Phương thức biểu đạt và nội dung chính của đoạn văn trên là gì?   2. Những tác hại nào của bao bì ni-lông với sức khỏe con người được nhắc đến trong ngữ liệu? Vì sao?   3. Xét theo cấu tạo, câu “*Theo các nhà khoa học, bao bì ni lông lẫn vào đất làm cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật bị nó bao quanh, cản trở sự phát triển của cỏ dẫn đến hiện tượng xói mòn ở các vùng đồi núi.” thuộc kiểu câu gì? Tại sao?* | - GV chốt kiến thức  1.1 PTBĐ chính: thuyết minh.  - Nội dung chính: những tác hại của bao bì ni lông với môi trường và với sức khỏe con người.  1.2  Tác hại của bao bì ni lông với sức khỏe con người:  - Bao bì ni lông đựng thực phẩm chứa các kim loại nặng gây hại cho não và là nguyên nhân gây ung thư phổi.  - Bao bì ni- lông bị đốt tạo ra chất đi-ô-xin gây ngộ độc, gây ngất, khó thở, nôn ra máu, ảnh hưởng đến các tuyến nội tiết, giảm khả năng miễn dịch, gây rối loạn chức năng, gây ung thư và các dị tật bẩm sinh cho trẻ sơ sinh.  1.3  Xét theo cấu tạo, câu “*Theo các nhà khoa học, bao bì ni lông lẫn vào đất làm cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật bị nó bao quanh, cản trở sự phát triển của cỏ dẫn đến hiện tượng xói mòn ở các vùng đồi núi.” thuộc kiểu câu đơn. Vì nó do một cụm chủ vị tạo thành*  + bao bì ni lông lẫn vào đất🡪 CN  + làm cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật bị nó bao quanh, cản trở sự phát triển của cỏ dẫn đến hiện tượng xói mòn ở các vùng đồi núi🡪 VN. |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: HS làm việc cá nhân.  - HS thực hiện  **Bài tập 2**  Hãy quan sát bức tranh sau và viết 1 đoạn văn ngắn (khoảng ½ trang) đưa ra ý kiến của em về hiện tượng được nói đến trong tranh**.**  Bao Bì Tâm Thành | Những tiện ích hoàn hảo khi sử dụng túi nhựa  Lợi ích của túi ni lông đối với đời sống con người | - GV chốt kiến thức  **-** Kiến thức:  + HS chỉ ra được hiện tượng sử dụng bao bì ni lông rất phổ biến trong cuộc sống hằng ngày, đặc biệt là trong mua sắm.  + Thấy được hậu quả của thói quen sử dụng bao bì ni lông.  + Đề xuất một số giải pháp hạn chế việc sử dụng bao bì ni lông: thay thế- tái sử dụng- tái chế.  - Kĩ năng:  + Có kĩ năng dựng đoạn.  + Diễn đạt lưu loát, rõ ràng. |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- Nắm lại đặc điểm về văn bản nhật dụng.

- Hoàn thiện các bài tập được giao.

**TIẾT 2: ÔN TẬP VĂN BẢN NHẬT DỤNG (tiếp theo)**

***Luyện tập:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập : Thảo luận nhóm  - HS thực hiện  **Bài tập 1: HS thảo luận nhóm hoàn thiện phần thuyết minh “Tôi là thuốc lá”.**  Vector Royalty Free Cigarette Smoke Clipart - Cigarette Png ...  Họ hàng nhà tôi ở Việt Nam?  Sức mạnh của tôi?  Tôi được làm từ?    - Đại diện nhóm trình bày, rèn kĩ năng thuyết trình trước tập thể, kĩ năng thuyết minh về một đồ vật.  - HS lắng nghe, nhận xét.  - GV nhận xét, chốt ý. | - GV chốt kiến thức  **+ Thành phần của thuốc lá:**   * **∙** A-sen (chất độc) * **∙** Benzen (có trong xăng) * **∙** Cadmium (dùng cho pin) * **∙** Vinyl chloride (chất độc sử dụng trong sản xuất nhựa) * **∙ Nicotine**. ... * **∙** Nhựa thuốc. ... * **∙** Monoxit carbon (khí CO) ...   **+ “Sức mạnh” của thuốc lá (tác hại):**  **∙** Gây hại cho sức khỏe của cả người hút và những người xung quanh: viêm phổi, viêm phế quản, ung thư dạ dày, các bệnh tim mạch...  **∙** Gây ảnh hưởng về mặt đạo đức, xã hội: nêu gương xấu cho thế hệ trẻ, là con đường dễ dẫn đến phạm pháp, tốn kém, ảnh hưởng ngày công lao động.  **+ Một số loại thuốc lá phổ biến ở Việt Nam:** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập : Thảo luận cặp đôi  **Bài tập 2: Thiết kế khẩu hiệu kêu gọi mọi người bỏ/ không sử dụng thuốc lá.**  - HS thảo luận, tìm ra khẩu hiệu.  - Trao đổi với các bạn cùng tổ về khẩu hiệu mình tìm được=> mỗi tổ bầu chọn 2 khẩu hiệu hay nhất.  - Trình bày các khẩu hiệu hay nhất của mỗi tổ, cả lớp cùng nhận xét, bình chọn | - Khẩu hiệu cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ ghi nhớ, tác động được đến nhận thức của người nghe/ đọc.  - Khuyến khích những ý tưởng sáng tạo của hs.  - Một số khẩu hiệu gợi ý:  6653B8C4  Phòng chống tác hại Thuốc lá (1)  Pano phòng chống thuốc lá tỉnh Cà Mau (1) |
| **HS thực hiện cá nhân.**  **Bài tập 3: Đọc ngữ liệu sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:**  *Tính đến ngày 1/7/2016, dân số nước ta ước đạt 91,7 triệu người, đứng thứ 8 châu Á.*  *Ông Đặng Văn Nghị, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch- Tài chính (Tổng cục dân số) cho biết, trong 6 tháng đầu năm 2016, số sinh toàn quốc đã tang 9,9% so với cùng kì năm 2015.*  *CŨng trong 6 tháng đầu năm, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt chi tiết Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016 – 2025, với mục tiêu khống chế có hiệu quả tốc độ gia tang tỉ số giới tính khi sinh.*  *Theo Tổng cục Dân số, tốc độ tang dân số của nước ta đến năm 2015 là 1%, đạt mục tiêu đề ra; tổng tỉ suất sinh tử từ 6,39 (1990) xuống còn 2,05 (2012), đứng thứ 3 khu vực Đông Nam Á từ dưới lên (Singaporw 1,3; Thái Lan và Brunie 1,6)*  *Tuy nhiên, với dân số gần 92 triệu, Việt Nam có mật độ dân số cao gấp 5,2 lần mật độ dân số thế giưới, gấp 2 lần châu Á – Thái Bình Dương, gấp 2 lần Đông Nam Á và đứng thứ 3 trên thế giới.*  *Cũng theo thống kê mới nhất của Tổng cục Dân số, tỉ lệ giới tính khi sinh trên cả nước hiện chênh lệch rất lớn với 112,8 nam/ 100 nữ. Lựa chọn giới tính thai nhi do xem nhẹ giá trị của phụ nữ và trẻ em gái là nguyên nhân trực tieps dẫn đến hiện tượng mất cần bằng giói tính khi sinh.*  (Theo VOV.VN, ngày 05/07/2016)  3.1 Đoạn văn trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?  3.2 Chỉ ra vai trò của các dấu ngoặc đơn được sử dụng trong câu sau:  *Theo Tổng cục Dân số, tốc độ tang dân số của nước ta đến năm 2015 là 1%, đạt mục tiêu đề ra; tổng tỉ suất sinh tử từ 6,39 (1990) xuống còn 2,05 (2012), đứng thứ 3 khu vực Đông Nam Á từ dưới lên (Singaporw 1,3; Thái Lan và Brunie 1,6)*  3.3 Từ vấn đề được đặt ra ở ngữ liệu, em hãy nêu giải pháp cho vấn đề đó bằng một đoạn văn ngăn (không quá ½ trang giấy). | 3.1 PTBĐ chính: thuyết minh.  3.2 Công dụng của dấu ngoặc đơn: đánh dấu phần chú thích, giải thích trong câu.  3.3  - Hình thức: HS viết được đoạn văn khoảng ½ trang, diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi dùng từ, chính tả.  - Nội dung:  + Vấn đề được đặt ra: gia tăng dân số và sự mất cân bằng giới tính ở nước ta hiện nay.  + Giải pháp: điều chỉnh tỉ lệ sinh để tránh tình trạng gia tăng dân số, dẫn đến bùng nổ dân số. Tuyên truyền để người dân nhận thức được sự bình đẳng nam nữ... |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- Nắm lại đặc điểm về văn bản nhật dụng.

- Hoàn thiện các bài tập được giao.

**Tiết 3: LUYỆN TẬP TỔNG HỢP**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

**1. Về kiến thức:** Hệ thống các kiến thức đã học về văn bản, Tiếng Việt và Tập làm văn ở học kì II.

**2. Về kĩ năng:** Vận dụng thuần thục kiến thức đã học ở học kì II để hoàn thành tốt các bài tập được giao.

**3. Về thái độ:** Học tập nghiêm túc.

**4. Các năng lực cần phát triển:**

- Năng lực tự học: Tự xác định nhiệm vụ học tập một cách tự giác, tích học.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Xác định được các thông tin liên quan đến nội dung bài học và giải quyết được các yêu cầu đặt ra.

- Năng lực sáng tạo, trình bày được nội dung liên quan đến bài học.

**II. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập : hoạt động cá nhâ  - HS thực hiện  **Bài tập 1: Bài tập đọc hiểu**  ***Đọc những ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:***   |  |  | | --- | --- | | ***Ngữ liệu 1:***  ***Phải bé lại và lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng.*** *Từ ngã tư đầu trường học về đến nhà, tôi không còn nhớ mẹ tôi đã hỏi tôi và tôi đã trả lời mẹ tôi những câu gì. Trong giây phút rạo rực ấy, cái câu nói của cô tôi lại nhắc lại:*  *- Mày dại quá! Vào Thanh Hóa* ***đi****, tao chạy cho tiền tàu. Vào bắt mợ mày may vá, sắm sửa cho và bế em bé* ***chứ****.*  *Nhưng bên tai ù ù của tôi, câu nói ấy bị chìm ngay đi, tôi không mảy may nghĩ ngợi gì nữa…*  (Trong lòng mẹ, Ngữ văn 8, tập 1, tr.18) | ***Ngữ liệu 2:***  *Tôi cảm thấy sau lưng tôi có một bàn tay dịu dàng đẩy tôi tới trước. Nhưng người tôi lúc ấy tự nhiên thấy nặng nề một cách lạ. Không giữ được chéo áo hay cánh tay người thân, vài ba cậu từ từ bước lên đứng trước hiên lớp. Các cậu lưng lẻo nhìn ra sân, nơi mà những người thân đang nhìn các cậu với cặp mắt lưu luyến. Một cậu đứng đầu ôm mặt khóc. Tôi bất giác quay lưng lại rồi dúi đầu vào lòng mẹ tôi nức nở khóc theo. Tôi nghe sau lưng tôi, trong đám học trò mới, vài tiếng thút thít đang ngập ngừng trong cổ. Một bàn tay quen nhẹ vuốt mái tóc tôi.*  (Tôi đi học, Ngữ văn 8, tập 1, tr.7) |     **Câu 1.1:** Tìm và phân tích hiệu quả của một biện pháp tu từ được sử dụng ở câu văn in đậm.  **Câu 1.2*:*** Các từ ngữ được in đậm “***đi, chứ***” ở ngữ liệu 1 thuộc kiểu từ loại gì?  **Câu 1.3:** Xét theo cấu tạo, câu “*Nhưng bên tai ù ù của tôi, câu nói ấy bị chìm ngay đi, tôi không mảy may nghĩ ngợi gì nữa…” thuộc kiểu câu gì? Vì sao?*  **Câu 1.4:** Hai ngữ liệu trê:n đã giúp em cảm nhận được điều gì về sự ấm áp của tình mẹ? *(Trả lời ngắn gọn từ 5-7 dòng)* | - GV chốt kiến thức  1.1 Biện pháp tu từ: nói tránh “***bầu sữa”.***  ***-*** Hiệu quả:  + Tránh cảm giác thô tục.  + Hình ảnh “bầu sữa” gợi lên cảm giác ấm áp, ngọt ngào. Qua đó thể hiện sự nâng niu, ấm áp của tình mẹ.  1.2  -***Đi, chứ:*** tình thái từ.  1.3  - Kiểu câu: câu ghép.  - Giải thích: Câu trên do hai cụm cụm C-V không bao chứa nhau tạo thành.  Vế 1: ***câu nói ấy// bị chìm ngay đi.***  Vế 2: ***tôi// không mảy may nghĩ ngợi gì nữa…”***  1.4  Học sinh thể hiện những cách hiểu, cách cảm nhận của bản thân, cơ bản hướng đến những ý sau:  - Tình yêu của người mẹ đôi khi không đến từ những lời nói ngọt ngào mà đến từ cử chỉ, những quan tâm rất nhỏ bé như cái vuốt tóc, cái đẩy tay nhẹ nhàng khi con rụt rè, lo lắng…  - Cảm nhận vè tình cảm của người mẹ với mỗi người là khác nhau. Đó có thể là những bình yên, hạnh phúc chở che tâm hồn con, khiến con quên hết những sóng gió, tủi hổ ngoài kia; đó có thể là cảm giác an tâm, mạnh mẽ khi biết mẹ luôn dõi theo… |
| - Hình thức tổ chức luyện tập : HS làm việc cá nhân  **Bài tập 2: Hướng dẫn HS làm Tập làm văn.**  ***Người ấy (bạn, mẹ , thầy...)sống mãi trong lòng tôi***  **(Hãy kể về một kỉ niệm với người bạn tuổi thơ khiến em xúc động và nhớ mãi.)**  **- Hướng dẫn HS xây dựng dàn bài.**  **- Từ dàn ý đã xây dựng, HS viết một đoạn trong phần thân bài.**  **- GV đọc, nhận xét, góp ý bài của 1 số học sinh.** | - GV chốt kiến thức  **\* Mở bài**: + Dẫn dắt về tình bạn.  + Giới thiệu người bạn của mình là ai? Kỉ niệm khiến mình xúc động là kỉ niệm nào ? ( nêu một cách khái quát).  + Ấn tượng chung về kỉ niệm ấy.  **\* Thân bài :** Tập trung kể về kỉ niệm xúc động khiến người ấy vẫn luôn sống mãi trong lòng em :  + Nó xảy ra ở đâu (thời gian)? Lúc nào (địa điểm)? Với ai nhân vật) ?  + Chuyện xảy ra như thế nào? (mở đầu, diễn biến, kết quả…).  + Điều gì khiến em xúc động? Xúc động như thế nào? (miêu tả các biểu hiện của sự xúc động).  **\* Kết bài:** Em có suy nghĩ gì về kỉ niệm đó? |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- Hệ thống hóa lại kiến thức về văn bản (truyện kí Việt Nam, nước ngoài), Tiếng Việt (trường từ vựng, từ tượng hình, tượng thanh, trợ từ, than từ, tình thái từ, từ địa phương, biệt ngữ xã hội, câu ghép, các dấu câu), Tập làm văn (tự sự, thuyết minh).

- Bài tập về nhà: Lập dàn ý cho bài văn thuyết minh một dụng cụ học tập.

**HỌC KÌ II**

|  |
| --- |
| **Ngày soạn :**  **Buổi 1**  **CHỦ ĐỀ: THƠ CA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1930-1945**  **VĂN BẢN: NHỚ RỪNG**  **ÔN TẬP TỔNG QUÁT VỀ VĂN BẢN** |

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:**

***1. Kiến thức:***

- Ôn tập lại kiến thức về thơ Mới, thơ cách mạng

- Ôn tập lại các kiến thức và rèn kĩ năng cảm thụ văn qua bài  *“*Nhớ rừng”

- Nắm được đặc điểm hình thức, chức năng của câu nghi vẫn

***2. Kĩ năng:***

- Kĩ năng huy động kiến thức liên môn

- Rèn kĩ năng đọc, hiểu VB trữ tình, phân tích tâm trạng của nhân vật .

- Tìm và phân tích được tác dụng của câu nghi vấn trong các vb nghệ thuật, sử dụng linh hoạt các kiểu câu trong giao tiếp.

***3. Thái độ:***

- Xác định đúng đắn động cơ học tập.

- Đồng cảm với số phận con người Việt trong những năm tháng lịch sử đen tối, yêu và tự hào về truyền thống yêu nước của dân tộc.

***4. Năng lực hướng tới:***

- Giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, giao tiếp, thưởng thức văn học.

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**TIẾT 1: CHỦ ĐỀ THƠ CA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1930-1945**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy - trò** | **Nội dung kiến thức** |
| **? Nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của phong trào Thơ mới**  Tại sao CN lãng mạn trong VH nói chung và Thơ mới nói riêng lại ra đời vào năm 1932  - Tầng lớp tiểu tư­­ sản lâm vào bế tắc, khủng hoảng trầm trọng: thất nghiệp, đời sống bấp bênh, ảnh hư­ởng của tư tưởng tiến bộ (chủ yếu là cuộc cách mạng tháng 10 Nga), phong trào cách mạng tạm thời lắng xuống-> nảy sinh tâm lý dao động.hoang mang=> Thơ mới ra đời. Nó là tiếng nói của giai cấp t­ư sản dân tộc và một bộ phận tiểu t­ư sản trí thức rút khỏi con đ­ường chính trị và quân sự chuyển sang đấu tranh bằng văn hóa. Con đ­ường thơ văn bấy giờ , đối với nhièu thi sĩ là lối thoát ly trong sạch là một nơi có thể gửi gắm nỗi niềm tâm sự: không đánh Pháp, không đi theo cách mạng, làm văn chương- bộc lộ lòng yêu n­­ước” Các tầng lớp t­ư sản trí thức, t­ư sản dân tộc đã tìm thấy trong chủ nghĩa lãng mạn một tiếng thở dài chống chế độ thuộc địa’  (Tr­ường Chinh)  **? Thơ mới chính thức ra đời vào thời gian nào**  **? Thơ cũ do tầng lớp xã hội nào sáng tác, sáng tác theo thể loại nào**  - Thơ cũ là tiếng nói của tầng lớp phong kiến đã thất bại,sáng tác theo thể thơ Đường luật ( Chủ yếu là thất ngôn bát cú), đăng trên Nam phong tạp chí,văn học tạp chí, ...; phản ánh tâm trạng của giai cấp phông kiến đã bị thất bại và đầu hàng đế quốc.Vì thế thơ cũ không bao gồm những sáng tác thơ ca cách mạng làm theo thể thơ Đường luật.  - Thơ mới lãng mạn vừa xuất hiện như một phong trào thì đã mở ngay ra một cuộc cách mạng chống thơ cũ sáo mòn  **? Cuộc đấu tranh giữa “thơ cũ” và “Thơ mới” diễn ra nh­­ư thế nào?**  -Lư­u Trọng Lư­­ giễu các nhà thơ cũ:  ***Đôi lời nhắn nhủ bạn làng Nho***  ***Thơ thẩn,thẩn thơ khéo thẫn thờ***  ***Nắn nót miễn sao nên bốn vế***  ***Chẳng thơ thì cũng cóc cần thơ***  **? Những mốc thời gian lịch sử đánh dấu cuộc đấu tranh giữa thơ cũ và Thơ mới**    - Ngay từ khi mới xuất hiên Thơ mới đã mang khuynh h­­ướng tiêu cực, thoát ly, buồn nản.Trong thời kỳ đầu, nó còn có nhiều yếu tố tích cực. Sang những năm 1936- 1939, văn thơ lãng mạn có sự phân hóa. Con đường đi của Thơ mới ngày càng có hiện t­ượng xuống dốc.  **? Trình bày những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp của Thế Lữ**  - Thơ mới vừa ra đời, Thế Lữ nh­­ vừng sao đột hiện sáng chói khắp cả trời thơ Việt Nam  **? Đặc điểm phong cách thơ Thế Lữ**  - Đọc những câu thơ: ***Nhớ cảnh sơn lâm bóng cả cây già*** không ai có thể bĩu môi tr­ước cuộc cách mạng về thi ca đang nổi dậy...Thế Lữ đã làm tan vỡ cái khuôn khổ ngàn năm không di dịch...Đọc bài thơ ***Nhớ rừng***, ta t­ưởng chừng những câu chữ bị xô đẩy, bị dằn vặt bởi một sức mạnh phi th­ường. Thế Lữ như­­ một viên t­ướng điều khiển đội quân Việt ngữ bằng những mệnh lệnh không thể c­ưỡng lại đ­ược.  -Thế Lữ có một số bài thơ ***Nhớ rừng, Tiếng hát bên sông, Giây* *phút chạnh lòn****g* là tiếng vọng của phong trào yêu n­ước những năm 20-30 đ­­ợc cảm nhận ở ph­­ương diện thất bại.  ? Vai trò, vị trí của Thế Lữ trong phong trào Thơ mới  ? Trình bày xuất xứ bài thơ  ? Vị trí của bài thơ trong sự nghiệp thơ ca của Thế Lữ  ? Thái độ tiếp nhận của công chúng thời đó với bài thơ  ? Vì sao bài thơ lại đ­ược tiếp nhận nồng nhiệt như­­ vậy  Gọi học sinh đọc thuộc lòng bài thơ . | **I.Lịch sử phong trào Thơ mới(1932-1945**)  ***1. Hoàn cảnh lịch sử làm xuất hiện phong trào Thơ mới***  - Sự xuất hiện của giai cấp t­­ư sản và tiểu t­ư sản thành thị với những t­­ư tưởng, tình cảm mới, những thị hiếu thẩm mỹ mới cùng sự giao l­ưu văn hóa Đông Tây là nguyên nhân chính làm phong trào Thơ mới ra đời  - Thơ mới lãng mạn xuất hiện từ tr­ớc 1930, thi sĩ Tản Đà chính là ng­ười dạo khúc nhạc đầu tiên cho cuộc hòa tấu lãng mạn sau này.  Thơ mới là phong trào thơ ca lãng mạn mang ý thức hệ t­­ư sản và quan điểm ***nghệ thuật vị nghệ thuật***  **2. Cuộc đấu tranh giữa “thơ cũ” và “Thơ mới”**  - Thơ mới chuyển dần từ Nam ra Bắc, lớn tiếng công kích thơ cũ sáo mòn, công thức, hô hào bỏ luật, niêm, đối, bỏ điển tích, sáo ngữ...Thơ mới lần l­ượt đăng trên các tạp chí ở Hà Nội  năm 1933,Lư­­u Trọng Lư­­ cho đăng một loạt thơ mới của mình trong tập “ Ngư­ời sơn nhân”. trong bài Một cuộc cải cách về thơ ca, LTL gọi những ngư­ời làm thơ cũ là “Thợ thơ’. Họ cũng như­­ những ng­ười thợ mộc chỉ lo chạm chìm, chạm nổi, trổ rồng, trổ phượng... nào hay khi chạm trổ xong, ch­­ưa biết dùng vào việc gì thì rồng ph­ượng đã bay về trời hết.  LTL đề nghị các nhà thơ phải mau đem những ý tư­­ởng mới những tình cảm mới thay vào những ý t­ưởng cũ, tình cảm cũ.  - Năm1934-1936 hàng loạt tác phẩm ra đời  - Năm 1936, có thể coi thơ mới thắng thế trong cuộc tranh luận về thể loại  - Từ 1936, tiếng tranh cãi yếu dần, Thơ mới chính thức đư­­ợc dạy trong các trư­­ờng học, đã chiếm ­ưu thế gần như­­ tuyệt đối trong các tạp chí từ Nam ra Bắc  **3. Các thời kỳ phát triển và suy thoái của Thơ mới**  a. Từ 1932- 1939  - Lớp nhà thơ đầu tiên: Thế Lữ, L­­ưu Trọng L­­ư, Huy Thông, Nguyễn Nh­­ược Pháp, Vũ Đình Liên....  - Lớp nhà thơ xuất hiện sau: Xuân Diệu, Huy Cận, Thanh Tịnh, Hàn mặc Tử, Chế Lan Viên, Anh Thơ, Nguyễn Bính,...  b.Từ 1940-1945  Do điều kiện lịch sử, văn chương tự lực văn đoàn cũng như­­ thơ mới sa vào bế tắc, cùng quẫn, xuất hiện nhiều khuynh h­ướng tiêu cực  **II. Thế Lữ- Nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ Mới**  ***1. Vài nét về cuộc đời và sự nghiệp thơ ca***  a. Cuộc đời và phong cách thơ Thế Lữ  - Thế Lữ (1907 – 1989) – tên khai sinh là Nguyễn Thứ Lễ – quê ở Bắc Ninh.  - Là nhà thơ tiêu biểu trong phong trào Thơ mới (1932 – 1945).  - Nhà thơ chọn bút danh Thế Lữ ngoài ý nghĩa để chơi chữ còn ngụ ý tự nhận mình là ng­­ời khách tiên của trần thế, chỉ biết đi tìm cái đẹp:  ***Tôi là ng­­ười bộ hành phiêu lãng***  ***Đ­ường trần gian xuôi ng­ược để vui chơi...***  ***Tôi chỉ là người khách tình si***  ***Ham cái đẹp muôn hình muôn vẻ***  - Đặc điểm phong cách thơ Thế Lữ: Giọng thơ biễn hoá du dương, lôi cuốn. ý thơ rộng mở, giọng thơ mượt mà đầy màu sắc. hình tượng thơ đa dạng, chan hoà tình thơ, dạt dào về cái đẹp, cái đẹp của âm nhạc, mĩ thuật, vẻ đẹp của nhan sắc thiếu nữ và tình yêu…  - Một số tác phẩm tiêu biểu:  ***+ Tiếng trúc tuyệt vời***  ***+ Tiếng sáo thiên thai***  ***+ Bên sông đ­ưa khách***  ***+ Cây đàn muôn điệu***  ***b. Đóng góp của Thế Lữ cho phong trào thơ Mới***  - Thế Lữ không bàn về Thơ mới, không bênh vực Thơ mới, không bút chiến, không diễn thuyết. Thế Lữ chỉ lặng lẽ, điềm nhiên b­ước những b­ước vững vàng mà trong khoảnh khắc cả hàng ngũ thơ x­a phải tan rã.  - Thơ Thế Lữ về thể cách mới không chút rụt rè, mới từ số câu, số chữ, cách bỏ vần cho đến tiết tấu âm thanh.  - Thơ Thế Lữ là nơi hẹn hò giữa hai nguồn thi cảm: nẻo về quá khứ mơ màng, nẻo tới t­ương lai và thực tế...Sau một hồi mơ mộng vẩn vơ, thơ TL như­­ một luồng gió lạ xui ng­ười ta biết say s­ưa với cái xán lạn của cuộc đời thực tế, biết c­ười cùng hoa nở chim kêu.  - Thơ ông mang nặng tâm sự thời thế đất n­ước.  -> Thế Lữ không những là ng­ười cắm ngọn cờ thắng lợi cho phong trào Thơ mới mà còn là nhà thơ tiêu biểu nhất cho phong trào Thơ mới thời kì đầu.  ***c. Tác phẩm “Nhớ rừng”***  - Là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất của Thế Lữ và là tác phẩm mở đ­­ường cho sự thắng lợi của Thơ mới  - Nhớ rừng là lời con hổ trong v­ườn bách thú.Tác giả m­ượn lời con hổ để nói lên tâm sự u uất của lớp thanh niên thế hệ 1930- đó là những thanh niên trí thức Tây học vừa thức tỉnh ý thức cá nhân cảm thấy bất hòa sâu sắc với thực tại xã hội tù túng, ngột ngạt đ­ương thời. Họ khao khát cái tôi cá nhân đ­ược khẳng định và phát triển trong một cuộc đời rộng lớn, tự do. Đó cũng đồng thời là tâm sự chung của ng­ười dân mất n­­ớc bấy giờ. Vì vậy*,* ***Nhớ* *rừng*** đã có đ­ược sự đồng cảm đặc biệt rộng rãi, có tiếng vang lớn. Có thể coi ***Nhớ rừng*** như­­ một áng văn thơ yêu n­ước tiếp nối mạch thơ trữ tình yêu n­ước hợp pháp đầu thế kỷ XX.  - Bài thơ tràn trề cảm hứng lãng mạn: thân tù hãm mà hồn vẫn sôi sục, khao khát tự do.Cảm thấy bất hòa sâu sắc với thực tại tầm th­ường tù túng như­­ng không có cách gì thoát ra đ­ược, nó chỉ biết buông mình trong mộng tưởng để thoát ly hẳn cái thực tại đó, tìm đến một thế giới khoáng đạt, mạnh mẽ, phi th­ường. |

**Tiết 2 : LUYỆN TẬP VỀ VĂN BẢN NHỚ RỪNG**

**\* Bài tập 1: (bài tập nhanh)**

Tâm trạng của con hổ trong đoạn 1 và đoạn 4 của bài thơ “***Nhớ rừng***” có điểm gì giống và khác nhau? Từ đó, em hiểu thế nào về nỗi khao khát được trở về với đại ngàn của con hổ?

**Gợi ý.**

Tâm trạng của con hổ trong đoạn 1 và đoạn 4 của bài thơ “***Nhớ rừng***”:

\_ Điểm giống nhau: Cùng diễn tả tâm trạng ngao ngán, chán ghét.

\_ Điểm khác nhau:

+ Đoạn 1 chủ yếu thể hiện sự căm uất của hổ trong cảnh bị giam cầm *“để làm trò lạ mắt, thứ đồ chơi*” cho con người. Từ vị thế “*oai linh rừng thẳm*” đã bị đặt ngang hàng với “*bầy gấu dở hơi*” và “*cặp báo hồn nhiên vô tư lự*” – những kẻ cùng hoàn cảnh với nó mà an phận, cam chịu. Bên ngoài, hổ “*nằm dài trông ngày tháng dần qua*” nhưng lòng nó trào dâng, sục sôi nỗi uất hận vì mất tự do.

+ Đoạn 4 hổ thể hiện sự căm ghét giả dối, học đòi của vườn bách thú. Vườn bách thú cố gắng để giống rừng già, cũng có suối, núi, cây cổ thụ,... nhưng đều thấp kém, không bí hiểm, hiền lành... sao sánh được với “*cảnh sơn lâm bóng cả cây già...*”. Vườn bách thú chính là nơi hổ phải sống những ngày tháng mất tự do. Vì vậy, nỗi căm hận của hổ càng nhân lên dữ dội.

***Bài tập 2: cảm nhận của em về bài thơ “Nhớ rừng” của Thế Lữ?***

***Gợi ý***

HS dựa vào kiến thức được tìm hiểu để lập dàn bài đảm bảo các ý cơ bản như sau:

**1. Tìm hiểu đề**

-Thể loại: Cảm thụ tác phẩm văn học

- ND cần làm sáng tỏ: tâm trạng chán ghét của con hổ trong cảnh ngộ bị tù hãm ở vườn bách thú, qua đó thể hiện khát vọng về cuộc sống tự do, cao cả chân thật. Đó cũng là tâm trạng của thế hệ con người lúc bấy giờ.

- Cách làm: Phân tích các yếu tố NT để làm sáng tỏ ND, phân tích bài thơ lần lượt theo từng khổ (hoặc theo bố cục khổ 1+4, 2+3, 5; dàn bài dưới đây làm theo cách 1).

**2. Dàn bài**

***a. Mở bài***

- TL (1907-1989) là nhà thơ tiêu biểu của phong trào thơ Mới. Bài thơ “Nhớ rừng” in trong tập “Mấy vần thơ” là bài tiêu biểu của ông góp phần mở đường cho sự thằng lợi của phong trào Thơ Mới.

***b. Thân bài***

\* Khổ 1

- Tâm trạng của con hổ khi bị nhốt trong cũi sắt được biểu hiện qua những từ ngữ: *Gặm một khối căm hờn trong cũi sắt, bị nhục nhằn tù hãm, làm trò lạ mắt, thứ đồ chơi* => Đang được tung hoành mà giờ đây bị giam cầm trong cũi sắt, bị biến thành thứ đồ chơi, nỗi nhục khi bị ở cùng những kẻ tầm thường, thấp hèn, nỗi bất bình.

- Từ *“Gậm”, “khối căm hờn”*(gậm= cắn, dằn, ngậm giữ lại..., khối= danh từ chuyển sang tính từ) trực tiếp diễn tả hành động, và tư thế của con hổ ở trong vườn bách thú. Cảm xúc hờn căm kết đọng trong tâm hồn, đè nặng, nhức nhối, không có cách nào giải thoát, đành nằm dài trông nagyf tháng dần qua, buông xuôi bất lực.

- Nghệ thuật tương phản giữa hình ảnh bên ngoài buông xuôi với nội tâm hờn căm trong lòng của con hồ thể hiện nỗi chán ghét cuộc sống tù túng, khao khát tự do.

\* Khổ 2

- Cảnh sơn lâm ngày xưa hiện lên trong nỗi nhớ của con hổ đó chính là cảnh sơn lâm *“bóng cả, cây già, tiếng gió gào ngàn, giọng nguồn hét núi, thét khúc trường ca dữ dội”...* Điệp từ “với”, các động từ chỉ đặc điểm của hành động gợi tả sức sống mãnh liệt của núi rừng đại ngàn, cái gì cũng lớn lao phi thường, hùng vĩ, bí ẩn mà chúa sơn lâm hoàn toàn ngự trị...

- Trên cái nền thiên nhiên đó, hình ảnh chúa tể muôn loài xuất hiện với tư thế dõng dạc, đường hoàng, lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng,.. Vờn bóng... Mọi vật đều im hơi. Từ ngữ gợi hình dáng, tính cách con hổ (giàu tính gợi hình) diễn tả sinh động vẻ đẹp uy nghi, dũng mãnh, vừa mềm mại, uyển chuyển của chúa sơn lâm. Tâm trạng của hổ lúc này hài lòng, thỏa mãn, tự hào về oai vũ của mình.

\* Khổ 3

- Cảnh rừng ở đây được nói đến trong thời điểm: đêm vàng, ngày mưa chuyển bốn phương ngàn, bình minh cây xanh nắng gội, chiều lênh láng máu sau rừng => thiên nhiên rực rỡ, huy hoàng, tráng lệ.

- Giữa thiên nhiên ấy con hổ đã sống 1 cuộc sống đế vương: ta say mồi đứng uống ánh trăng tan... Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới.. Tiếng chim ca giấc ngủ ta từng bừng... Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt... => Điệp từ “ta”: con hổ uy nghi làm chúa tể. Cảnh thì chan hòa ánh sáng, rộn rã tiếng chim, cảnh thì dữ dội... cảnh nào cũng hùng vĩ, thơ mộng và con hổ cũng nổi bật, kiêu hùng, lẫm liệt. Đại từ ta được lặp lại ở các câu thơ trên thể hiện khí phách hiên ngang, làm chủ, tạo nhạc điệu rắn rỏi, hào hùng.

- Điệp ngữ, câu hỏi tu từ: nào đâu..? Đâu những..? => tất cả là dĩ vãng huy hoàng hiện lên trong nỗi đau đớn của con hổ và khép lại bằng tiếng than u uất “Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?”. Con hổ bộc lộ trực tiếp nỗi nhớ tiếc cuộc sống tự do của mình.

\* Khổ 4

- Cảnh vườn bách thú hiện ra dưới cái nhìn của con hổ chỉ là hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng, giải nước đen giả suối, mô gò thấp kém,...học đòi bắt chước => cảnh đáng chán, đáng khinh, đáng ghét. Tất cả chỉ là nhân tạo, do bàn tay con người sửa sang, tỉa tót nên nó rất đơn điệu, nhàm tẻ, giả dối, tầm thường chứ không phải thế giới của tự nhiên, mạnh mẽ, bí hiểm.

- giọng thơ giễu nhại, sử dụng một loạt từ ngữ liệt kê liên tiếp, ngắt nhịp ngắn, dồn dập => thể hiện sự chán chường, khinh miệt, căm ghét..., tất cả chỉ đơn điệu, giả dối, tẻ nhạt không thay đổi, bé nhỏ, vô hồn.

- Cảnh vườn bách thú tù túng đó chính là thực tại xã hội đương thời được cảm nhận bởi những tâm hồn lãng mạn. Thái độ ngao ngán, chán ghét cao độ đối với cảnh vườn bách thú của con hổ cũng chính là thái độ của họ đối với xã hội. Tâm trạng chán chường của hổ cũng là tâm trạng của nhà thơ lãng mạn và của người dân VN mất nước trong hoàn cảnh nô lệ nhớ lại thời oanh liệt chống ngoại xâm trong lịch sử.

\* Khổ 5

- giấc mộng ngàn của con hổ hướng về một không gian oai linh, hùng vĩ, thênh thang nhưng đó là không gian trong mộng (nơi ta không còn được thấy bao giờ)- không gian hùng vĩ. Đó là nỗi nhớ tiếc cuộc sống tự do. Đó cũng chính là khát vọng giải phóng của con người mất nước. Đólà nỗi đau bi kịch. Điều đó phản ánh khát vọng được sống chân thật, cuộc sống của chính mình, trong xứ sở của chính mình. Đó là khát vọng giải phóng, khát vọng tự do.

***c. kết bài***

- Bài thơ tràn đày cảm hứng lãng mạn: mạch cảm xúc sôi nổi, cuồn cuộn tuôn trào thể hiện dòng tâm trạng chán ghét của con hổ trong cảnh bị tù hãm ở vườn bách thú, qua đó thể hiện khát vọng tư do của dân tộc, của những con người thời đại.

***Lưu ý: tìm hiểu chi tiết dựa trên những hiểu biết có được ở tiết học chính khóa.***

**\* Bài tập 3.**

Hãy phân tích nỗi nhớ rừng của con hổ trong đoạn thơ 2 và 3 của bài thơ “***Nhớ rừng***”?

**Gợi ý.**

Nỗi nhớ rừng của con hổ trong đoạn thơ 2 và 3 của bài thơ “***Nhớ rừng***”:

a. Hổ nhớ rừng già hùng vĩ, mạnh mẽ.

b. Hổ nhớ cuộc sống tự do tung hoành của nó nơi rừng già.

c. Hổ nhớ những kỉ niệm xưa:

\_ Bốn kỉ niệm là bốn bức tranh rừng già trong những thời gian, thời tiết khác nhau.

\_ Trong mỗi cảnh hổ đều xuất hiện trong vị thế chúa tể, tận hưởng, đầy uy lực.

\_ Hình ảnh con hổ trong mỗi kỉ niệm một khác: Đó là sự lãng mạn khi “*say mồi đứng uống ánh trăng tan*”. Đó là dáng dấp đế vương khi “*lặng ngắm giang sơn ta đổi mới*” trong “*những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn*”.

Đó là giấc ngủ thanh thản giữa “*tiếng chim ca*” là vẻ dữ tợn đợi đêm về “chiếm lấy riêng phần bí mật” của rừng.

Thế nhưng da diết trong mỗi kỉ niệm đó là nỗi nhớ tiếc, đau xót vì sự không trở lại của những ngày xưa, của “*thời oanh liệt nay còn đâu?*”. Điệp ngữ và câu hỏi tu từ trong đoạn cũng góp phần làm rõ tâm trạng đó.

**Chú ý: GV chỉ nêu gợi ý để HS về nhà hoàn thiện bài tập này**

**TIẾT 3:**

**CHỦ ĐỀ PHÂN LOẠI CÂU THEO MỤC ĐÍCH NÓI – CÂU NGHI VẤN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **-** Thế nào là câu nghi vấn?  - Các chức năng của câu nghi vấn?  Lấy ví dụ.  -HS lấy ví dụ về câu nghi vấn.  ? Dựa vào các từ nghi vấn, hãy nêu các hình thức nghi vấn thường gặp.  Lấy ví dụ.  ? Ngoài chức năng để hỏi câu nghi vẫn có thể dùng với chức năng nào khác? Lấy ví dụ  - HS nêu ví dụ, phân tích chức năng khác của câu nghi vấn. | **A. Hệ thống kiến thức**  **1. Khái niệm câu nghi vấn**  **-** Câunghi vấn là câu có từ nghi vấn, có chức năng chính là dùng để hỏi, khi viết thường kết thúc bằng dấu hỏi.  **2. Các hình thức nghi vấn thường gặp**  ***a. Câu nghi vấn không lựa chọn***  - Câu có các đại từ nghi vấn: ***ai, gì nào, tại sao, đâu, bao giờ, bao nhiêu,...***  VD: Vậy thì bữa sau con ăn ở đâu?  - Câu có tình thái từ nghi vấn:***à, ư, hả, chứ..***  VD: U bán con đấy ư?  ***b. Câu nghi vẫn có lựa chọn***  - kiểu câu này khi hỏi người ta hay dùng các qht: ***hay, hay là***,; hoặc dùng cặp phó từ: ***có...không, đã...chưa.***  ***VD:*** Sáng nay người ta đấm u có đau lắm không?  **3. Chức năng khác của câu Nghi vấn**  Ngoài chức năng dùng để hỏi, câu nghi vấn có chức năng khẳng định, phủ định, hứa hẹn, đe dọa, bộc lộ cảm xúc.... Khi sd những chức năng này, câu nghi vấn không đòi hỏi người khác phải trả lời. |

|  |  |
| --- | --- |
| - GV giao bài tập  - HS làm việc cá nhân  Gợi ý: Các câu đã cho không phải là câu nghi vấn bởi tuy dùng đại tù “ai” nhưng không phải mục đích để hỏi. Trong TH này từ “ai” được sd với vai trò là một đại từ phiếm chỉ.  HS lên bảng chép lại câu nghi vấn đồng thời xác định dấu hiệu hình thức, phân loại theo lí thuyết được học.  Hình thức: chia lớp thành 3 đội. HS lựa chọn 4/8 từ nghi vấn thường sd trong cuộc sống sinh hoạt và đặt câu nghi vấn với những từ đó (thời gian chuẩn bị cá nhân 2 phút).  Sau chuẩn bị các đội thi bằng cách viết vào bảng phụ (có thể sử dụng khổ Ao để nhiều thành viên cùng viết giống hình thức khăn trải bàn, thời gian thi là 4 phút).  Ban thư kí sẽ tổng kết các đội: không tính những câu sai lỗi chính tả, không đúng hình thức chức năng, những câu lặp => đội viết đúng nhiều câu nhất được nhiều điểm, đội thắng cuộc cuối cùng được thưởng (cộng điểm, hoặc quà). Có 2 lượt chơi trò chơi này.  - Hs chép đề, chọn chủ đề yêu thích để viết đoạn văn đáp ứng yêu cầu:  + Đoạn văn phải mạch lạc, liên kết, tập trung thể hiện rõ chủ đề. (có câu nêu chủ đề và các câu triển khai, sử dụng từ ngữ đúng và hay).  + Có sử dụng câu nghi vấn. | **B. LUYỆN TẬP**  **Bài tập 1: Các câu sau có phải là câu nghi vấn không? Tại sao?**  “Ai làm cho bể kia đầy  Cho ao kia cạn cho gầy cò con”  “Nhớ ai bổi hổi, bòi hồi  Như đứng đống lửa như ngồi đống than”  “Ai ơi bưng bát cơm đầy  Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần”  **Bài tập 2. Xác định các câu nghi vấn và hình thức nghi vấn, chức năng của câu trong từng đoạn ngữ liệu sau:**  a. Thấy lão nằn nì mãi, tôi đành nhận vậy. Lúc lão về thì tôi có hỏi:  - Có đồng nào, cụ nhặt nhạnh đưa tôi cả thì cụ lấy **gì** mà ăn **?**”  (Lão Hạc- Nam Cao)  CN: Hỏi => bộc lộ sự lo lắng của ông giáo dành cho lão Hạc=> khuyên lão hãy giữ lại một ít phòng thân.  b. “Bỗng bác già nhìn đồng hồ nói một mình:  - Thanh niên bây giờ lạ thật! Các anh chị cứ như con bướm. Mà mới mười một giờ, đã đến giờ “ốp” **đâu? Tại sao** anh ta lại không tiễn mình đến tận xe nhỉ**?”**  **CN:** Tự vấn => biểu cảm sự băn khoăn, nuối tiếc, mong muốn được anh thanh niên ra tiễn của người họa sĩ.  (Lặng lẽ Sa Pa- Nguyễn Thành Long)  c. Cô tôi hỏi luôn, giọng vẫn ngọt:  - **Sao** lại **không** vào**?** Mợ mày phát tài lắm có như dạo trước đâu!”  CN: hỏi => xoáy sâu vào tâm trạng đau khổ, nhớ mong mẹ của bé Hồng nhằm thực hiện âm mưu chia rẽ tình cảm của 2 mẹ con.  (Những ngày thơ ấu- Nguyên Hồng)  **Bài tập 3: Đặt câu với những từ nghi vấn sau:**  a. Lần 1: Câu nghi vấn có sử dụng các từ sau: ai, nào, so, đâu, à, đã chưa, hay, tại sao.  b. Lần 2: Câu nghi vấn có sử dụng các từ sau: gì, bao giờ, bao nhiêu, ạ,chứ, ư, có không, hả.  **Bài tập 4: Em hãy viết một đoạn văn ngắn (chủ đề tự chọn) trong đó có sử dụng ít nhất 1 câu nghi vấn. Gạch chân dưới câu nghi vấn đó**  **Gợi ý**  Nếu một du khách nước ngoài hỏi tôi rằng “tôi có gì đáng tự hào nhất?” tôi sẽ không ngần ngại đáp rằng: “điều tôi tự hào nhất đó chính là tôi là Người Việt Nam”. Mang trong mình dòng máu anh hùng sục sôi qua những thiên sử chói ngời là niềm hạnh phúc vô bờ bến đối với cá nhân tôi hay bất cứ người dân Việt Nam nào. Chúng ta đã trải qua bốn nghìn năm lịch sử có đau thương nhưng cũng lắm huy hoàng. Nòi giống tiên rồng tuy nhỏ bé nhưng sức chiến đấu và mưu trí chưa chịu thua bất cứ dân tộc nào. Bởi thế mà các thế lực ngoại xâm từ phong kiến phương Bắc đến thực dân, đế quốc phương Tây đều phải cúi đầu chịu thua. Điều gì đã làm nên sức mạnh diệu kì của dân tộc Việt? Còn gì khác nếu không phải là truyền thống yêu nước nồng nàn, là tinh thần đoàn kết toàn dân như một, là trí thông minh và lòng quả cảm của từng “chiến binh” cả trong thời chiến cũng như thời bình. Ngày nay, trong bối cảnh hội nhập mới, mỗi chúng ta- mỗi ‘chiến binh Việt” hãy phát huy hơn nữa những giá trị truyền thống, những sáng tạo của bản thân để đưa đất nước vươn xa, “sánh vai với các cường quốc năm châu” như Bác Hồ kính yêu từng dạy. |

**Ngày soạn: Ngày dạy:**

**BUỔI 2**

**CHỦ ĐỀ: THƠ CA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1930 – 1945;**

**CÂU PHÂN LOẠI THEO MỤC ĐÍCH NÓI**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Về kiến thức :**

- Ôn tập văn bản “Quê hương” (Tế Hanh); “Khi con tu hú” (Tố Hữu). Qua đó cảm nhận được cái hay cái đẹp của 2 bài thơ.

- Ôn tập về câu nghi vấn, những chức năng khác của câu nghi vấn; cách sử dụng

**2. Về kĩ năng:** Rèn các kĩ năng đọc diễn cảm, phân tích cảm thụ thơ mới – 8 chữ; rèn kĩ năng sử dụng câu nghi vấn trong cách tạo lập văn bản

+ Rèn kĩ năng suy nghĩ sáng tạo; Xác định giá trị bản thân; Kĩ năng giao tiếp.

**3. Về thái độ:** Bồi dưỡng giáo dục HS lòng yêu quê hương, yêu lao động; ý thức học tập bộ môn.

**4. Định hướng phát triển năng lực:**

+ NLC: Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân...

+ NLCB: Năng lực đọc – hiểu; năng lực cảm thụ thẩm mỹ; năng lực giao tiếp tiếng Việt; năng lực thưởng thức văn học; năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực phân tích,...

**II. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

**TIẾT 1 ÔN TẬP VĂN BẢN “QUÊ HƯƠNG”;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ? Nhắc lại những kiến thức trọng tâm về tác giả?  ? Nhắc lại hoàn cảnh xuất xứ của tác phẩm?  ?Bài thơ được làm theo thể thơ nào? Bố cục? Chủ đề?  ? Nhận xét giá trị nội dung và nghệ thuật tiêu biểu của bài thơ? | **A. Hệ thống lại kiến thức đã học**  **I – Vài nét về tác giả, tác phẩm**  ***1. Tác giả:***  + Tế Hanh (1921-2009)  + Ông có mặt ở chặng cuối của phong trào Thơ mới  + Được biết đến nhiều nhất với những bài thơ thể hiện nỗi nhớ quê hương da diết và niềm khao khát đất nước được thống nhất.  ***2. Tác phẩm:***  ***\* Xuất xứ***  - Bài thơ được rút trong tập Nghẹn ngào (1939), sau in lại trong tập ”Hoa niên” (1945)  **\* Thể thơ**: Bài thơ được viết theo thể 8 chữ, kết hợp cả 2 kiểu gieo vần: liên tiếp và gián cách.  **\* Bố cục:**  +Phần 1: 8 câu đầu giới thiệu chung về "làng tôi" và cảnh dân chài ra khơi;  + Phần 2: 8 câu tiếp theo là cảnh thuyền cá về bến;  +Phần 3: khổ cuối bộc lộ tình cảm của tác giả đối với quê hương.  **\*Chủ đề:** Nhà thơ đã viết “Quê hương” bằng cả tấm lòng yêu mến thiên nhiên thơ mộng và hùng tráng của quê hương, mến yêu những con người lao động tràn trề sức lực; bằng những kỉ niệm sâu đậm, nồng nàn của thời niên thiếu.  **3. Giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ**  **\* Nội dung:** Bài thơ “***Quê hương***” tái hiện phong cảnh, cuộc sống và con người làng chài trong nỗi nhớ của người xa quê. Tình yêu quê hương, sự gắn bó sâu sắc, thấu hiểu tinh tế người và cảnh quê hương đã giúp nhà thơ thổi hồn vào cảnh vật, làm cho hình ảnh quê vừa chân thực vừa có vẻ đẹp khoẻ khoắn đầy lãng mạn.  - Bức tranh làng chài tươi sáng, khoẻ mạnh.  **\* Những đặc sắc nghệ thuật của bài thơ “*Quê hương*”:**  - Sự sáng tạo hình ảnh thơ: Những hình ảnh lãng mạn bay bổng nên thơ đã đưa người đọc vào những cảm xúc chân thành về quê hương. Sự sáng tạo đó không chỉ thể hiện tài năng mà còn là tấm lòng của nhà thơ với quê hương. |
| ? Nhà thơ giới thiệu về làng chài quê mình qua những hình ảnh nào?  ? Vẻ đẹp tươi sáng, khoẻ khoắn cuộc sống và con người làng chài được tác giả giới thiệu qua những hình ảnh thơ nào?  ? Em có nhận xét gì về những hình ảnh thơ ấy?  ? Khổ cuối được nhà thơ cảm nhận như thế nào?  ? Theo em đây là biểu cảm trực tiếp hay trực tiếp? | **II. Phân tích bài thơ**  **a. Giới thiệu về làng quê tác giả.**  - Cách giới thiệu tự nhiên, giản dị, mộc mạc giống như lời kể đầy tự hào, đó là một làng quê ven biển làm nghề đánh cá.  **b. Vẻ đẹp tươi sáng, khỏe khoắn của cuộc sống và con người làng chài.**  **- Cảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá:**  +Khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp: tinh khôi, mát mẻ, thoáng đãng bao la sắc hồng của bình minh  ->Báo hiệu chuyến ra khơi nhiều thuận lợi, hiệu quả.  - Hình ảnh dân trai tráng thật đẹp, mạnh mẽ, khỏe khoắn, làm chủ thiên nhiên và cuộc sống lao động  **- Cảnh đoàn thuyền trở về bến:**  + Tâm trạng hồ hởi, phấn khởi đầy ắp niềm vui hạnh phúc.  + Hình ảnh con người bình dị chân chất vừa mang tầm vóc phi thường như huyền thoại.  => Bức tranh làng chài tươi sáng, thể hiện một cuộc sống lao động khẩn trương, ăm ắp niềm vui và hạnh phúc.  **c. Nỗi nhớ quê hương.**  -Tấm lòng chân thành tha thiết sâu nặng với quê hương.  - Bài thơ gồm phần lớn là những câu thơ miêu tả song đây vẫn là thơ trữ tình. Vì vậy phương thức biểu đạt chính vẫn là biểu cảm. Bởi:  - Toàn bộ hệ thống hính ảnh miêu tả chỉ là tái hiện phong cảnh, cuộc sống người dân chài quê hương trong nỗi nhớ của chủ thể trữ tình, miêu tả phục vụ cho biểu cảm-> Biểu cảm gián tiếp; khổ cuối biểu cảm trực tiếp. |
| **1.** Hình ảnh chiếc thuyền – đặc trưng của làng quê biển là hình ảnh trở đi trở lại trong nỗi nhớ quê hương da diết của Tế Hanh.  a. Chép chính xác những câu thơ miêu tả chiếc thuyền trong bài “Quê hương”  b. Nêu cảm nhận của em về những câu thơ trên.  **2.Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**  “Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ  Màu nước xanh cá bạc chiếc buồm vôi  Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi  Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá” (NV 8 –HK II)  a. Đoạn thơ trên trích từ tác phẩm nào? Tác giả là ai?  b.Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt nào được sử dụng trong đoạn thơ trên?  c.Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ và nêu cảm nhận về đoạn thơ trên | **B. Luyện tập**  **1. Bài tập 1**  **a. Những câu thơ miêu tả chiếc thuyền:**  **+ *“****Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang”*  ***+*** *“Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*  *Nghe chất muối thấm dần trong thớ vở”*  *+ “Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá”*  **b.Cảm nhận**  - Mở đầu bài thơ là hình ảnh con thuyền hiện lên trong buổi dân trai tráng đi đánh cá, giữa một không gian bình minh rực rỡ. Bằng biện pháp so sánh “*chiếc thuyền như con tuấn mã*” và một loạt các động từ, tính từ gợi tả *“hăng”, “phăng”, “vượt”* đã vẽ ra trước mắt ta hình ảnh một con thuyền dũng mãnh, khỏe khoắn đang băng mình lướt sóng ra khơi. Con thuyền ấy, như mang theo sức sống, cái khí thế hăng hái, phấn chấn của dân làng chài yêu lao động. Đây là hình ảnh thơ mang đậm màu sắc hùng tráng. Con thuyền vốn bình dị, quen thuộc nhưng qua ngòi bút tạo hình của nhà thơ bỗng trở nên lớn lao, thơ mộng vô cùng.  - Nếu như những câu thơ mở đầu có nhịp điệu nhanh, giọng điệu sôi nổi thì khi con thuyền trở về bến, giọng điệu thơ như lắng lại, thư thái, nhẹ nhàng.  *Chiếc thuyền im bến mỏi trở về năm Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.*  + Biện pháp nhân hóa: “*Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*” diễn tả trạng thái nghỉ ngơi sau một ngày vật lộn trên biển của con thuyền. Cũng giống như những ngư dân vừa trở về sau chuyến đi xa, dù mỏi mệt nhưng con thuyền vẫn hài lòng, say sưa với kết quả của chuyến đi biển. Bên cạnh đó nhà thơ còn sử dụng khéo léo nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác với sự kết hợp hài hòa của ba giác quan: Thính giác, vị giác, xúc giác khiến hình ảnh con thuyền hiện lên rõ nét. Nó như nằm yên lặng trầm ngâm, suy tư để cảm nhận vị mặn mòi của đại dương như thấm dần trong từng thớ gỗ của mình.  - Kết thúc bài thơ, nhà thơ đã trực tiếp nói về nỗi nhớ làng quê khôn nguôi của mình. Nỗi nhớ chân thành, tha thiết nên lời thơ thật giản dị, tự nhiên như thốt ra từ trái tim:  -Hình ảnh con thuyền còn là hình ảnh ẩn dụ đặc sắc, một biểu tượng bình dị mà thiêng liêng về làng quê biển. Vẻ đẹp khoẻ khoắn của nó cũng chính là nét đẹp của người dân chài được sinh ra, lớn lên và tôi luyện qua bao mùa sóng ở đây.  **2.Bài tập 2**  **Gợi ý**  **a.** - Đoạn thơ trên trích trong bài thơ: “Quê hương”  - Tác giả: Tế Hanh  **b.**-Thể thơ: 8 chữ  -Phương thức biểu đạt: Biểu cảm  **c. \*. Biện pháp tư từ:**  +Liệt kê: màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi, con thuyền đặc biệt là cái mùi nồng mặn  +Điệp từ “nhớ”  **\*.Cảm nhận nội dung đoạn thơ:**  - Bài thơ “*Quê hương*” của TH là bức tranh thiên nhiên tươi sáng, thơ mộng và hùng tráng từ đời sống lao động hàng ngày của người dân biển. Bài thơ được viết từ nỗi nhớ da diết của người con xa quê. Điều đó được thể hiện tập trung trong những câu thơ cuối bài:  “*Nay xa cách lòng....nồng mặn quá*!”  - Với nghệ thuật liệt kê, nhà thơ đã miêu tả một cách trực tiếp về quê hương làng chài ven biển miền trung trong những cảm xúc sâu lắng, tha thiết: màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi, con thuyền đặc biệt là cái mùi nồng mặn mang hương vị mặn mòi của biển cả, cái ấm nồng của gió cát miền duyên hải. Những hình ảnh, hương vị đặc trưng này được cảm nhận qua tình yêu quê hương tha thiết của nhà thơ.  - Điệp từ “*Nhớ*” xuất hiện ở câu thơ đầu và kết thúc khổ thơ khẳng định nỗi nhớ quê hương, tình yêu quê hương trong sáng, đậm đà của nhà thơ, một người con xa quê hương.  - Ngôn ngữ thơ giản dị, hình ảnh thơ giàu sức biểu cảm, giọng điệu thơ chứa chan cảm xúc là những yếu tố tạo nên sức hấp dẫn cho đoạn thơ cũng như cả bài thơ. Đọc “*Quê hương*” của Tế Hanh trong lòng mỗi người đọc càng khắc sâu thêm tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước. |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾT 2 ÔN TẬP VĂN BẢN “KHI CON TU HÚ”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ? Nhắc lại những kiến thức trọng tâm về tác giả?  ? Nhắc lại hoàn cảnh xuất xứ của tác phẩm?  ?Em hiểu như thê nào về nhan đề của bài thơ  Vì sao tiếng chim tu hú kêu lại tác động mạnh mẽ đến tâm hồn nhà thơ Tố Hữu?  ? Nhận xét giá trị nội dung và nghệ thuật tiêu biểu của bài thơ?  ? Mở đầu và kết thúc bài thơ đều xuất hiện tiếng chim tu hú. Nhưng tâm trạng của người tù khi nghe tiếng chim tu hú thể hiện ở đoạn đầu đoạn cuối rất khác nhau? Vì sao? | **A. Hệ thống lại kiến thức đã học**  **\* – Vài nét về tác giả, tác phẩm**  ***1. Tác giả:***  -Tố Hữu (1920 -2002)  - Ông được coi là lá cờ đầu của thơ ca Cách mạng và kháng chiến. Tố Hữu có sự thống nhất đẹp đẽ giữa cuộc đời cách mạng và cuộc đời thơ  **2.Tác phẩm**  **\*Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ “*Khi con tu hú*” được Tố Hữu sáng tác tháng 7/1939, khi tác giả bị bắt giam tại nhà lao Thừa Phủ (Huế). Lúc này, Tố Hữu mới 19 tuổi, đang say sưa với hoạt động CM thì bị thực dân Pháp bắt giam.  **\*Nhan đề bài thơ**  -« *Khi con tu hú* » là nhan đề độc đáo. « *Khi con tu hú*» chỉ là vế phụ của câu, chưa trọn nghĩa.  - Đặt tên bài thơ như vậy có tác dụng gợi mở, gây ấn tượng cho người đọc cũng như mở đầu cho mạch cảm xúc của toàn bài.  **\*Mạch cảm xúc:**  Tiếng chim tu hú kêu tác động mạnh mẽ đến tâm hồn nhà thơ bởi nhiều lí do:  - Tố Hữu bị địch bắt giữa lúc đang hăng hái tham gia hoạt động cách mạng. Trong hoàn cảnh bị giam cầm, tách khỏi cuộc sống bên ngoài, âm thanh của cuộc sống tự do vọng vào nhà giam càng khơi dậy trong ý thức người tù niềm khao khát tự do.  - Tiếng chim tu hú là âm thanh báo hiệu mùa hè. Nghe âm thanh quen thuộc đó những cảm xúc tinh tế, mãnh liệt với mùa hè tự do bên ngoài xà lim được sống dậy. Nhà thơ - chiến sĩ đó đã hình dung một bức tranh mùa hè đầy sức sống, rất sinh động. Và cũng vì thế nên cái ngột ngạt chốn lao tù càng thấm thía hơn với người tù cộng sản.  **\*Nội dung và nghệ thuật của bài**  **-Nghệ thuật**  +Bài thơ có 2 đoạn: Đoạn 1 tập trung tả cảnh trời đất vào hè còn đoạn 2 tập trung tả tâm trạng người tù cộng sản. Hai đoạn có mối quan hệ chặt chẽ, tạo nên ý nghĩa của bài thơ.  + Thể thơ lục bát và những hình ảnh quen thuộc, rất gợi cảm, nhịp thơ sáng tạo đã khiến cảnh đẹp, có hồn, còn tình lúc thì sôi nổi, tha thiết, lúc u uất, phẫn nộ.  ***- Nội dung chính:***  \* Ghi nhớ (sgk).  **-** Ở những câu thơ đầu: âm thanh tiếng chim tu hú là tiếng gọi hè tha thiết, say mê. Tâm trạng người tù khi nghe tiếng tu hú kêu là tâm trạng hoà hợp với sự sống mùa hè, tràn đầy niềm say mê cuộc sống.  -Ở những câu thơ cuối tiếng tu hú gợi cảm xúc u uất, đau khổ, bức bối, thôi thúc người tù muốn tung phá xiềng xích để thoát khỏi giam cầm trở về cuộc sống tự do  =>Có sự khác nhau đó là vì hai tâm trạng được khơi dậy từ hai không gian hoàn toàn khác nhau: không gian tự do và không gian mất tự do. |
| **1. Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**  **“**Khi con tu hú gọi bầy  Lúa chiêm đang chín trái cây ngọt dần  Vườn râm dậy tiếng ve ngân  Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào  Trời xanh càng rộng càng cao  Đôi con diều sáo lộn nhào từng không...”  (Ngữ văn 8-Tập 2)  a. Cho biết đoạn thơ vừa chép trích trong bài thơ nào? Tác giả là ai? Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?  b. Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn thơ trên?  c. Nêu tác dụng của dấu ba chấm trong câu thơ cuối khổ.  d**.** Cảm nhậnvẻ đẹp của đoạn thơ trên.  **2.** a. Chép lại chính xác theo trí nhớ 4 câu cuối của bài thơ “*Khi con tu hú*”.  b. Cho biết đoạn thơ vừa chép trích trong bài thơ nào? Tác giả là ai? Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?  c. Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn thơ trên?  d.Trình bày cảm nhận của em về những câu thơ đó. | **B. Luyện tập**  **1. Bài tập 1**  **Gợi ý**  ***a.*** *Đoạn thơ vừa chép trích trong bài thơ : « Khi con tu hú »*  *-Tác giả : Tố Hữu*  *-Hoàn cảnh sáng tác :* Bài thơ “*Khi con tu hú*” được Tố Hữu sáng tác tháng 7/1939, khi tác giả bị bắt giam tại nhà lao Thừa Phủ (Huế). Lúc này, Tố Hữu mới 19 tuổi, đang say sưa với hoạt động CM thì bị thực dân Pháp bắt giam.  **b.Thể thơ***: Lục bát*  *-Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm*  **c***.*Dấu ba chấm (...) : thể hiện những sự vật chưa được liệt kê hết. Qua đó gợi ra một không gian dài, rộng đến vô cùng vô tận, không có điểm dừng.  **d. Vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên trong bài thơ**  - Bức tranh thiên nhiên mùa hè được khơi dậy bắt đầu từ âm thanh tiếng chim tu hú.  *“Khi con tu hú...ngọt dần”*  - Tiếng chim tu hú đã đánh thức nỗi nhớ sâu xa trong lòng người chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi. Nhà thơ đã huy động mọi giác quan để hình dung, tưởng tượng một mùa hè tràn đầy sức sống ở bên ngoài nhà tù. Các động từ “*đang chín”, “ngọt dần*” vẻ ra những hình ảnh, sự vật trong thế vận động, sinh sôi nảy nở, rạo rực thân cành. Hương vị của mùa hè ngọt ngào, đầy quyến rũ vẫy gọi người chiến sĩ CM  - “*Vườn râm...nắng đào*”  Âm thanh tiếng ve – đặc trưng của mùa hè được tác giả lắng tai để cảm nhận. Động từ “*ngân*” khiến tiếng ve vang lên như những khúc nhạc tưng bừng, rộn rã. Cùng với đó là những hình ảnh tươi mới, rực rỡ, tràn đầy sức sống mùa hè: bắp vàng, nắng đào,... Có thể nói cảnh mùa hè được tái hiện trong cảm nhận của người tù thật náo nức, tươi vui.  - “*Trời xanh càng rộng...từng không*”  Trí tưởng tượng của nhà thơ được chắp cánh đến với một không gian bao la, khoáng đạt. Đó là không gian rộng lớn của bầu trời được diễn tả qua cặp từ tăng tiến “*càng – càng*” và các tính từ “*rộng, cao*”. Giữa khoảng trời bát ngát đó, cánh diều sao bay lượn vi vu vừa góp thêm khúc nhạc đồng quê vừa là biểu tượng của tự do vẫy gọi nhà thơ – người chiến sĩ trẻ đang bị giam cầm.  **2.Bài tập 2**  **Gợi ý**  **a.** *Ta nghe hè dậy bên lòng*  *Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!*  *Ngột làm sao, chết uất thôi*  *Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!*  ***b.*** *Đoạn thơ vừa chép trích trong bài thơ : « Khi con tu hú »*  *-Tác giả : Tố Hữu*  *-Hoàn cảnh sáng tác :* Bài thơ “*Khi con tu hú*” được Tố Hữu sáng tác tháng 7/1939, khi tác giả bị bắt giam tại nhà lao Thừa Phủ (Huế). Lúc này, Tố Hữu mới 19 tuổi, đang say sưa với hoạt động CM thì bị thực dân Pháp bắt giam.  **c.Thể thơ***: Lục bát*  *-Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm*  **d. Cảm nhận về 4 câu cuối**  + Trong trí tưởng tượng của nhà thơ, cảnh mùa hè hiện lên đầy ắp sự sống, sự vật nào cũng có đôi có lứa: “*tu hú gọi bầy”, “đôi diều sáo bay lượn”*,...vậy mà riêng con người lại rơi vào nỗi cô đơn khủng khiếp vì mất tự do.  + Nếu như ở 6 câu đầu, giọng thơ tha thiết say mê, náo nức thì ở bốn câu kết, giọng điệu chuyển sang uất hận, sục sôi. Dường như không kìm nổi lòng mình, người tù CM đã sử dụng lối biểu cảm trực tiếp:  “*Ta nghe...cứ kêu!”*  + Không còn cách ngắt nhịp thông thường theo nhịp chẵn của thể thơ lục bát, các câu thơ có lối ngắt nhịp nhanh, mạnh, đặc biệt là câu “*Ngột làm sao/chết uất thôi*”. Với cách ngắt nhịp 3/3 kết hợp với các động từ mạnh “*đạp tan”, “ngột”, “chết uất”* cùng với hình thức kiểu câu cảm thán thể hiện trực tiếp tâm trạng uất ức, ngột ngạt và niềm khao khát tự do cháy bỏng muốn phá tung xiềng xích dưới chân và đập tan cánh cửa tù ngục để trở về với cuộc sống tự do.  + Nét độc đáo của bài thơ còn ở kết cấu đầu cuối tương ứng. Tiếng chim tu hú trở đi trở lại,ở những câu đầu là tiếng gọi hè tha thiết, say mê và ở những câu cuối là tiếng thôi thúc người tù tung phá xiềng xích để thoát khỏi giam cầm. Có lẽ vì thế mà 3 năm sau, nhà thơ đã vượt ngục và quay về với đội ngũ, làm tròn ước nguyện cống hiến cho cuộc đời CM. |

**TIẾT 3 ÔN TẬP CÂU NGHI VẤN (tiếp)**

**A. Hệ thống lại kiến thức đã học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **-GV nhắc lại đặc điểm của câu nghi vấn**  ?Ngoài chức năng chính, câu nghi vấn còn có những chức năng nào khác nữa?  ?Các hình thức thường gặp của câu nghi vấn?  ?Thế nào là câu nghi vấn không lựa chọn?  ?Câu nghi vấn không lựa chọn được chia làm mấy trường hợp?  ?Thế nào là câu nghi vấn có lựa chọn? Nêu đặc điểm của kiểu nghi vấn này? | **1. Khái niệm (đã ôn tiết trước)**  **2. Chức năng**  \* **Chức năng chính** của câu nghi vấn là **dùng để hỏi** và yêu cầu trả lời, ngoài ra còn có các chức năng khác:  + Khẳng định + Đe doạ  + Phủ định + Bộc lộ cảm xúc  + Nhờ vả + Chào hỏi  **3. *Các hình thức nghi vấn thường gặp***:  a. ***Câu nghi vấn không lựa chọn***.  - Kiểu câu này được chia thành các trường hợp sau:  **\* Câu nghi vấn chứa các đại từ nghi vấn**: *ai, gì, nào, như thế nào, bao nhiêu, đâu, bao giờ, sao (vì sao, tại sao),...*  ***Ví dụ***:  - *Nhưng mỗi năm mỗi vắng*  *Người thuê viết nay* ***đâu****?*  (Vũ Đình Liên)  - *Hai chàng đều vừa ý ta, nhưng ta chỉ có một người con gái, biết gả cho người* ***nào****?*  (Sơn Tinh, Thuỷ Tinh)  **\* Câu nghi vấn có chứa các tình thái từ:** *à, ư, nhỉ, hử, hả, hở, chứ, chăng,...*  ***Ví dụ***:  - *Chị Cốc béo xù đứng trước cửa nhà ta ấy* ***hả****?*  (Tô Hoài)  - *Bác trai đã khá rồi* ***chứ****?*  (Ngô Tất Tố)  **b. *Câu nghi vấn có lựa chọn*.**  - Kiểu câu này được chia thành các trường hợp sau:  **\* Câu nghi vấn dùng quan hệ từ:** *hay, hay là, hoặc, hoặc là*.  ***Ví dụ***:  - *Mình đọc hay tôi đọc?*  (Nam Cao)  **\* Câu nghi vấn chứa các cặp phó từ**: *có... không, có phải... không, đã... chưa,...*  ***Ví dụ***  - *Hồng! Mày* ***có*** *muốn vào Thanh Hoá chơi với mẹ mày* ***không****?*  (Nguyên Hồng) |
| **-GV: hướng dẫn HS làm bài tập luyện**  **1.**Tìm những câu nghi vấn trong những câu dưới đây và cho biết chúng có những đặc điểm hình thức nào của câu nghi vấn:  a. *Tôi hỏi cho có chuyện:*  *- Thế nó cho bắt à?* ( Nam Cao )  b. - *Không! Cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào mợ cháu cũng về.*  *Cô tôi hỏi luôn, giọng vẫn ngọt:*  *- Sao lại không vào? Mợ mày phát tài lắm, có như dạo trước đâu!* (Nguyên Hồng)  c. *Anh chị có phúc lớn rồi. Anh có biết con gái anh là một thiên tài hội hoạ không?* (Tạ Duy Anh)  d. *Không, ông giáo ạ! Ăn mãi hết đi thì đến lúc chết lấy gì mà lo liệu?* (Nam Cao)  g. - *Giấy đỏ buồn không thắm;*  *Mực đọng trong nghiên sầu...*  *- Lá vàng rơi trên giấy;*  *Ngoài giời mưa bôi bay.*  ***Theo em những câu thơ đó là tả cảnh hay tả tình?*** (Ngữ văn 8, tập hai)  **2.** Phân biệt sự khác nhau trong hai câu nghi vấn sau:  - *Hôm nào lớp cậu đi píc-níc?*  - *Lớp cậu đi píc-níc hôm nào?*  **3.** Thi “***Ai nhanh hơn***”: Chia ba đội cùng thực hiện yêu cầu.  + Tìm sự khác nhau giữa các đại từ in đậm trong các câu sau:  a. - ***Ai*** *đấy?*  *- Anh cần* ***ai*** *thì gọi người ấy.*  b. - *Cái này giá* ***bao nhiêu****?*  *- Anh cần* ***bao nhiêu****, tôi sẽ đưa anh bấy nhiêu.*  c. - *Mai, anh đi* ***đâu****?*  *- Mai, anh đi* ***đâu****, tôi theo đấy.*  d. - *Anh cần cái* ***nào****?*  *- Anh cần cái* ***nào****, tôi đưa anh cái ấy.*  **4. a.** Đặt hoặc tìm 5 câu nghi vấn có hình thức khác nhau.  b. Đặt 5 câu trần thuật, sau đó sử dụng các hình thức nghi vấn để biến đổi thành những câu nghi vấn.  - HS đặt câu.  - GV Nhận xét, sửa chữa.  **5.** Câu nghi vấn trong trường hợp sau đây dùng để làm gì?  a. ***Hạnh phúc là gì?*** *Một số người cho đó là sự thỏa mãn. Trong một chừng mực nào đó thì họ đúng. Một ngụm nước mát đối với những người sắp chết khát – đó không đơn thuần chỉ là sự thỏa mãn. Đó là hạnh phúc… Còn hạnh phúc của chúng tôi và các bạn, đó chẳng lẽ chỉ là sự thỏa mãn thôi sao? Dĩ nhiên là không phải.*  b. *Em là ai? Cô gái hay nàng tiên?*  *Em có tuổi hay không có tuổi?*  *Mái tóc em đây hay là mây là suối?*  *Đôi mắt em nhìn hay chớp lửa đêm giông?*  *Thịt da em hay là sắt là đồng?*  ***6.*****Viết đoạn văn cảm nhận về khổ thơ sau trong bài “Quê hương” có sử dụng câu nghi vấn:**  *“Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng* *Cả thân hình nồng thở vị xa xăm* *Chiếc thuyền im bến mỏi trở về năm* *Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”* | **B. Luyện tập**  **1. Bài tập 1**  **Gợi ý**  - Các câu nghi vấn:  a. *Thế nó cho bắt à?*  b. *Sao lại không vào?*  c. *Anh có biết con gái anh là một thiên tài hội hoạ không?*  d. *Ăn mãi hết đi thì đến lúc chết lấy gì mà lo liệu?*  - Dấu hiệu hình thức:  + Cuối câu có dấu chấm hỏi.  + Trong câu có các từ nghi vấn: *à, sao, có...không, gì*.  **2. Bài tập 2**  \* Sự khác nhau:  a. Câu “*Hôm nào lớp cậu đi píc-níc?*”:  - Từ nghi vấn đứng ở đầu câu.  - Nêu sự việc chưa diễn ra.  b. Câu “*Lớp cậu đi píc-níc hôm nào?*”:  - Từ nghi vấn đứng ở cuối câu.  - Nêu sự việc đã diễn ra.  **3. Bài tập 3**  **Gợi ý**  **\* Sự khác nhau giữa các đại từ in đậm**  a. - ***ai***: đại từ nghi vấn.  - ***ai***: đại từ phiếm chỉ.  b. - ***bao nhiêu***: đại từ nghi vấn.  - ***bao nhiêu***: đại từ phiếm chỉ.  c. - ***đâu***: đại từ nghi vấn.  - ***đâu***: đại từ phiếm chỉ.  d.- ***nào***: đại từ nghi vấn.  - ***nào***: đại từ phiếm chỉ.  **4. Bài tập 4**  **Gợi ý**  \* Câu trần thuật:  - *Ngày mai lớp chúng ta làm bài kiểm tra Ngữ văn*.  \* Chuyển thành câu nghi vấn:  - *Ngày mai có phải lớp chúng ta làm bài kiểm tra Ngữ văn không?*  **5. Bài tập 5**  **Gợi ý**  =>Câu nghi vấn được dùng với mục đích tu từ: bộc lộ cảm xúc, khẳng định hoặc phủ định.  **\* GV chốt về câu hỏi tu từ:** Là đặt câu hỏi nhưng không đòi hỏi câu trả lời mà nhằm nhấn mạnh một ý nghĩa khác.  **\* Ví dụ:**  *“Mẹ con đàn lợn âm dương*  *Chia lìa đôi ngả*  *Đám cưới chuột đang tưng bừng rộn rã*  *Bây giờ tan tác về đâu?”*  (*Bên kia sông Đuống* – Hoàng Cầm)  => Nhấn mạnh cảnh ngộ mất mát, chia lìa, hoang tàn của quê hương trong chiến tranh.  **6. Bài tập 6**  - Sau chuyến ra khơi là hình ảnh con thuyền và con người trở về trong ngơi nghỉ:  *Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng* *Cả thân hình nồng thở vị xa xăm* *Chiếc thuyền im bến mỏi trở về năm* *Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.*  - Có thể nói rằng đây chính là những câu thơ hay nhất, tinh tế nhất của bài thơ. Với lối tả thực, hình ảnh "*làn da ngăm rám nắng*" hiện lên để lại dấu ấn vô cùng sâu sắc thì ngay câu thơ sau lại tả bằng một cảm nhận rất lãng mạn "*Cả thân hình nồng thở vị xa xăm*" – Thân hình vạm vỡ của người dân chài thấm đẫm hơi thở của biển cả nồng mặn vị muối của đại dương bao la. Cái độc đáo của câu thơ là gợi cả linh hồn và tầm vóc của con người biển cả. Hai câu thơ miêu tả về con thuyền nằm im trên bến đỗ cũng là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo của Tế Hanh.  - Nhà thơ không chỉ thấy con thuyền nằm im trên bến mà còn thấy cả sự mệt mỏi của nó. Cũng như người dân chài, con thuyền có vị mặn của nước biển, nó như đang lắng nghe chất muối của đại dương đang thấm dần trong từng thớ vỏ của mình. Từ cảm nhận ấy mà hình ảnh con thuyền trở nên có hồn hơn, nó không còn là một vật vô tri vô giác nữa mà đã trở thành người bạn của ngư dân. Không phải người con làng chài thì không thể viết hay như thế, tinh như thế, và cũng chỉ viết được những câu thơ như vậy khi tâm hồn Tế Hanh hòa vào cảnh vật để lắng nghe, cảm nhận. Ở đó là âm thanh của gió rít nhẹ trong ngày mới, là tiếng sóng vỗ lúc triều lên, là tiếng ồn ào của chợ cá và là cả những âm thanh lắng đọng trong từng thớ gỗ của con thuyền.  - *Phải chăng, chất mặn mòi kia đã thấm sâu vào da thịt, vào tâm hồn nhà thơ để trở thành nỗi niềm ám ảnh gợi nỗi nhớ khắc khoải, khôn nguôi?* Nét tinh tế, tài hoa của Tế Hanh là ông "*nghe thấy cả những điều không hình sắc, không âm thanh như "mảnh hồn làng" trên "cánh buồm giương"…* Thơ Tế Hanh là thế giới thật gần gũi, thường ta chỉ thấy một cách lờ mờ, cái thế giới tình cảm ta đã âm thầm trao cảnh vật: sự mỏi mệt, say sưa của con thuyền lúc trở về bến… |

**III.Củng cố -dặn dò**

**1. Cảm nhận tình yêu quê hương đất nước trong bài thơ “Quê hương” của Tế Hanh**

**Gợi ý**

***a. Mở bài:***

- Dẫn dắt đề tài tình yêu quê hương ;

- Nêu vấn đề: Tình yêu quê hương sâu sắc của nhà thơ Tế Hanh trong bài  « Quê hương »

***b. Thân bài:***

***Ý 1 : Giới thiệu chung***

+ Xuất xứ của bài thơ

+ Trong bài thơ “Quê hương” những tình cảm cao đẹp của Tế Hanh đó chính là tình yêu quê hương tha thiết và nỗi nhớ quê hương da diết, không nguôi của nhà thơ. Đây là những tình cảm chân thành, trong sáng, cao đẹp là tấm lòng hiếu thảo của người con đối với quê hương.

**Ý 2: Phân tích**

*\* Đọc bài thơ “Quê hương”chúng ta cảm nhận được tình yêu quê hương tha thiết của nhà thơ. Tế Hanh rất yêu quê hương làng chài của mình. Tình yêu quê thể hiện qua từng lời giới thiệu về quê hương. Nhà thơ yêu quê, yêu tất cả những gì gần gũi, thân thiết của làng quê:*

+ Yêu vẻ đẹp của con thuyền; Yêu vẻ đẹp của cánh buồm ra khơi ->Biện pháp so sánh con thuyền như *“con tuấn mã”* cùng với những động từ *phăng*, *vượt* gợi lên hình ảnh con thuyền đang băng mình ra khơi thật khoẻ khoắn, dũng mãnh, làm chủ biển khơi bao la. Đó cũng chính là sức sống, khí thế của dân trai tráng – những con người hăng say lao động, tự tin, kiêu hãnh giữa biển cả, đất trời.

Hình ảnh cánh buồm căng gió biển khơi được so sánh với “*mảnh hồn làng”*  thật độc đáo, bất ngờ, gợi nhiều liên tưởng thú vị. Nghệ thuật ẩn dụ (*mảnh hồn làng*) cánh buồm trở thành biểu tượng của làng chài. Nghệ thuật nhân hóa (*Rướn*) cho thấy cánh buồm như có hồn, sức sống riêng.

+ Yêu vẻ đẹp của người dân chài lưới. *(Đưa và phân tích dẫn chứng)*

Hình ảnh người dân chài được miêu tả vừa chân thực vừa lãng mạn và trở nên có tầm vóc phi thường. Người lao động làng chài - những người con của biển khơi - nước da ngăm nhuộm nắng, gió, thân hình vạm vỡ và thấm đậm vị mặn mòi, nồng tỏa "vị xa xăm" của biển khơi. Đó là tình quê, tình yêu làng chài rất trong sáng của Tế Hanh.

+ Yêu vẻ đẹp con thuyền trở về thư dãn nghỉ ngơi.

*(Đưa và phân tích dẫn chứng)*

Hình ảnh con thuyền *“nghỉ ngơi*” sau chuyến ra khơi vất vả thực sự là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo. Nó là một biểu tượng đẹp của làng chài, của những cuộc đời trải qua bao phong sương thử thách, bao dạn dày sóng gió.Con thuyền được nhân hóa như một con người cụ thể có tâm hồn và những cảm xúc sâu lắng: biết “mỏi, nằm, nghe”. Không những vậy, qua nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác ở từ *“nghe”,* tác giả cảm thấy con thuyền như đang lắng nghe “chất muối”- hương vị mặn mòi của biển như đang “thấm dần trong thớ vỏ” của chính mình. Hình ảnh *tĩnh* nhưng thực ra nó vẫn đang chuyển động. Vì vậy hình ảnh con thuyền vốn vô tri bỗng trở nên rắn rỏi, từng trải và có hồn hơn. Bến quê trở thành một mảnh tâm hồn của đứa con li hương.

*\* Qua bài thơ “Quê hương” người đọc còn cảm nhận được nỗi nhớ quê da diết, không nguôi của Tế Hanh của những người con khi phải xa quê hương yêu dấu:*

+ Xa quê, nhà thơ Tế Hanh luôn tưởng nhớ về quê hương mình: nhớ biển, nhớ cá, nhớ cánh buồm vôi, nhớ thuyền, nhớ mùi biển.

*(Phân tích bốn câu thơ cuối)*

Câu thơ biểu cảm trực tiếp về nỗi nhớ làng quê da diết khôn nguôi. Nỗi nhớ chân thành, tha thiết nên lời thơ giản dị, tự nhiên mà xúc động thấm thía. Dù đi xa, người con hiếu thảo của quê hương vẫn luôn tưởng nhớ *''mùi nồng mặn''* đặc trưng của quê mình. Đó là hương vị riêng đầy quyến rũ của làng biển... Nỗi nhớ quê được diễn tả xúc động, thể hiện tình cảm nồng hậu, thuỷ chung với quê hương của nhà thơ.

\* Liên hệ, mở rộng tình yêu quê hương của những nhà thơ khác: có thể lấy trong ca dao, trong thơ Lí Bạch...

**Ý 3: Đánh giá khái quát**

- Thể thơ: tự do, nhịp thơ linh hoạt.

- Từ ngữ, hình ảnh: hình ảnh đẹp, tiêu biểu, chọn lọc, ngôn ngữ tự nhiên, trong sáng.

- Biện pháp nghệ thuật: so sánh, ví von, nhân hóa sáng tạo và hấp dẫn,...

- Giọng thơ: mộc mạc, chân thành, đằm thắm, gợi cảm…

***\* Đánh giá:***

- *Quê hương* của Tế Hanh là một bài thơ hay bởi nó được viết lên từ cảm xúc chân thành, tình cảm mãnh liệt. Bài thơ không chỉ là riêng tình cảm của tác giả giành cho quê hương; mà bài thơ này còn nói hộ rất nhiều tấm lòng khác đang ở xa quê hương qua hình thức nghệ thuật độc đáo, hấp dẫn.

- Đọc bài *Quê hương* ta cảm thấy yêu thơ và tâm hồn thơ của Tế Hanh. Chúng ta càng trân trọng hơn nữa mảnh đất chôn rau cắt rốn, yêu hơn nữa những điều bình dị nhưng thiêng liêng…

***c. Kết bài:***

+ Khẳng định lại những tình cảm cao đẹp của Tế Hanh – của những người con xa quê.

+ Nâng cao vấn đề: Đó chính là tình yêu đất nước của người dân Việt Nam. Bài học nhân sinh : “Quê hương nếu ai không nhớ

Sẽ không lớn nổi thành người”

**2.** **“Khi con tu hú”** của Tố Hữu là bài thơ thể hiện sâu sắc lòng yêu cuộc sống và niềm khao khát tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đày.

Qua bài thơ, em hãy làm sáng tỏ nhận xét trên

**Gợi ý**

***a. Mở bài***

*-* Dẫn dắt, giới thiệu được vấn đề: Giới thiệu tác giả và bài thơ, đưa ra nhận định cần chứng

đề/ mở bài không đạt yêu cầu, sai cơ bản về các kiến thức đưa ra hoặc không có mở bài.

***b. Thân bài:***

***Ý 1: Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác***

**Ý 2:** ***Khi* *con tu hú*** *của Tố Hữu là bài thơ thể hiện sâu sắc lòng yêu cuộc sống của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đầy* ( nêu dẫn chứng khổ 1 )

+ Trong lao tù nhưng tác giả vẫn cảm nhận được âm thanh của cuộc sống (tiếng chim tu hú, tiếng ve)

+ Khi nghe tiếng chim tu hú kêu, người chiến sĩ hình dung ra khung cảnh mùa hè rộng lớn, khoáng đạt, rộn rã âm thanh, màu sắc, hương vị đang sinh sôi nảy nở (dẫn chứng)

+ Tất cả những hình ảnh và âm thanh ấy đều được tái hiện bằng trí tượng phong phú, bằng việc lắng nghe cuộc sống bằng tất cả các giác quan và tâm hồn tinh tế, gắn bó sâu sắc với cuộc đời...

-> Thể hiện một trái tim nồng nàn yêu cuộc sống.

- Khung cảnh mùa hè đầy sức sống được gợi lên trong tâm trí người tù cách mạng cho ta cảm nhận rõ niềm gắn bó thiết tha với cuộc đời.

**Ý 3: *Khi* *con tu hú*** *của Tố Hữu là bài thơ thể hiện sâu sắc niềm khao khát tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đày* ( dẫn chứng khổ 2 )

- Tiếng ve và âm thanh của cuộc sống tự do khiến cho nhà thơ cảm nhận sâu sắc sự đột ngột trong cảnh ngục tù: “ Ta nghe hè dậy bên lòng”.

- Khát vọng tự do cháy bỏng, giọng thơ mạnh mẽ qua việc sử dụng nhiều động từ gây cảm giác mạnh ( đạp tan, chết uất), sự thay đổi nhịp thơ: 6/2 ở câu 8 và 3/3 ở câu 6, từ ngữ cảm thán( ôi, thôi, làm sao)

- Ở cả hai phần của bài thơ, tiếng chim đều vang lên như tiếng gọi tự do.

**Ý 4:** **Đánh giá khái quát về nội dung và nghệ thuật**: Bài thơ lục bát giản dị, từ ngữ được sử dụng linh hoạt và gợi tả, cách ngắt nhịp đặc biệt trong khổ thơ thứ hai đã góp phần thể hiện rõ chủ đề của bài thơ

***c. Kết bài:* Khái quát và nêu cảm nghĩ**

*-* khái quát được vấn đề nghị luận, nêu được ấn tượng cá nhân về vấn đề nghị luận, liên hệ với bản thân, kết bài có sáng tạo.

**3.** Viết một đoạn văn (khoảng 10 dòng) thuyết minh về tác hại của ma tuý trong đó có sử dụng câu nghi vấn. Chỉ ra câu nghi vấn trong đoạn văn đó.

- Ôn lại những kiến thức trọng tâm đã học.

- Chuẩn bị ôn tập bài: *Thuyết minh về một phương pháp (cách làm)*

**Ngày soạn: Ngày dạy:**

**Chủ đề 1: Văn thuyết minh:**

**THUYẾT MINH VỀ MỘT PHƯƠNG PHÁP**

**Chủ đề 2: Thơ ca Việt Nam giai đoạn 1930 – 1945:**

**TỨC CẢNH PÁC BÓ**

**Chủ đề 3: Câu phân loại theo mục đích nói:**

**CÂU CẦU KHIẾN**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

- Học sinh ôn tập, củng cố khái niệm về văn bản thuyết minh, các phương pháp thuyết minh, yêu cầu cơ bản khi làm văn thuyết minh về một phương pháp ( cách làm).

- Mục đích, yêu cầu, cách quan sát và cách làm bài văn thuyết minh về một phương pháp (cách làm).

- Học sinh thấy được sự phong phú, đa dạng về đối tượng cần giới thiệu trong văn thuyết minh về một phương pháp( cách làm).

- Giúp học sinh cảm nhận được niềm thích thú thực sự của Hồ Chí Minh trong những ngày gian khổ ở Pác Bó, qua đó thấy được vẻ đẹp tâm hồn của Bác, vừa là một chiến sĩ say mê cách mạng, vừa như một “khách lâm tuyền” ung dung sống hào nhập với thiên nhiên.

- Hiểu được giá trị nghệ thuật độc đáo của bào thơ.

- Giúp học sinh hiểu rõ đặc điểm hình thức của câu cầu khiến, phân biệt câu cầu khiến với các kiểu câu khác. Nắm vững chức năng của câu cầu khiến. Biết sử dụng cầu khiến phù hợp với tình huống giao tiếp.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng khái quát, hệ thống những kiến thức đã học.

- Kĩ năng đọc hiểu yêu cầu đề bài văn thuyết minh về một phương pháp (cách làm).

- Quan sát đối tượng cần thuyết minh: một phương pháp (cách làm).

- Tạo lập được một văn bản thuyết minh theo yêu cầu: biết viết một bài văn thuyết minh về một cách thức, phương pháp, cách làm có độ dài 300 chữ.

- Rèn kĩ năng đọc, cảm thụ thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Rèn kĩ năng hiểu rõ về nắm vững chức năng của câu cầu khiến.

**3. Thái độ:**

- Tự giác học tập.

- Ý thức tự thực hành các đề văn thuyết minh về một phương pháp ( cách làm).

- Có ý thức hiểu và cảm nhận được niềm thích thú thực sự của Hồ Chí Minh trong những ngày gian khổ ở Pác Bó, qua đó thấy được vẻ đẹp tâm hồn và yêu thiên nhiên của Bác.

- Có ý thức hiểu và biết sử dụng câu cầu khiến phù hợp với tình huống giao tiếp.

**4. Năng lực:**

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực tự quản lí bản thân, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực giao tiếp Tiếng Việt, năng lực cảm thụ văn học.

**II. Tiến trình lên lớp:**

**Tiết 1:Thuyết minh về một phương pháp ( cách làm).**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Ôn tập Thuyết minh về một phương pháp ( cách làm). 10 phút**  ? Thế nào là văn bản thuyết minh?  ? Các bước làm một bài văn thuyết minh.  ? Bố cục bài văn thuyết minh.  ? Thế nào văn thuyết minh về một phương pháp (cách làm)?  ? Khi thuyết minh về một phương pháp( cách làm ) ta cần chú ý điều gì?  **Hoạt động 2: Luyện tập ( 35 phút)**  **- Hình thức tổ chức luyện tập: nhóm**  - **Gv chiếu câu hỏi: Yêu cầu HS thảo luận nhóm 5p**  Đề bài : Em hãy thuyết minh về một món ăn dân tộc trong dịp tết cổ truyền?  - Yêu cầu học sinh lập dàn ý theo nhóm.  ***- Giáo viên gọi đại diện nhóm báo cáo, nhóm khác nhận xét.***  ***- Giáo viên đánh giá.***  -> GV hướng dẫn HS tập viết đoạn văn mở bài(hoặc kết bài, 1 đoạn thân bài)  = > HS viết bài hoàn chỉnh | **I. Lí thuyết**  **1. Khái niệm văn bản thuyết minh**  - Là văn bản viết ra nhằm cung cấp các tri thức chính xác, khách quan về đối tượng.  **2. Các bước làm bài văn thuyết minh**  - Tìm hiểu đề  - Tìm hiểu tri thức về đối tượng  - Tìm ý và lập dàn ý  - Xác định phương pháp thuyết minh  - Viết bài  - Đọc và sửa chữa  **3.** **Dàn ý của một bài văn thuyết minh**  + MB: giới thiệu đối tượng được thuyết minh.  + TB: Trình bày những tri thức khách quan về đối tượng như cấu tạo, đặc điểm, lợi ích...  + KB: Vai trò, ý nghĩa của đối tượng thuyết minh  **4. Giới thiệu một phương pháp ( cách làm).**  - Khi giới thiệu một phương pháp ( cách làm) nào người viết phải tìm hiểu, nắm chắc phương pháp( cách làm đó)  - Cần trình bày rõ điều kiện, cách thức, trình tự,.....làm ra sản phẩm và yêu cầu chất lượng đối với sản phẩm đó.  - Lời văn cần ngắn gọn, rõ ràng.  **II. Luyện tập**  **Đề bài: Giới thiệu chiếc bánh chưng ngày tết**  **1. Mở bài**: Giới thiệu về món ăn dân tộc, món ăn ngày tết Vào mỗi dịp tết, chúng ta thường làm các món ăn truyền thống như: bánh tét, bánh giày, mứt,…. Những môn ăn này luôn có mặt trong tất cả các lễ tết. một món bánh truyền thống có từ lâu đời, có vào các ngày lễ. một món ăn mà em rất yêu thích là bánh chưng. Món ăn này rất ngon và bổ ích, em rất thích ăn bánh chưng. 2.**Thân bài: thuyết minh về món ăn dân tộc, món ăn ngày tết a. Nguồn gốc bánh chưng:** - Sự tích bánh chưng: + Bánh chưng được lưu truyền thuyết liên quan đến hoàng tử Lang Liêu vào đời vua Hùng thứ 6 + Món bánh này nói đến sự nhắc nhở của Vua đến sự quan tâm đến và biết ơn đến lúa nước. - Quan niệm truyền thống của bánh chưng: + Bánh chưng tượng trưng cho quan niệm về vũ trụ của người Việt xưa + Bánh chưng tượng trưng cho trời **b. Nguyên liệu làm bánh:** - Lá gói bánh - Lạc buột - Gạo nếp - Đỗ xanh - Gia vị khác - Phụ màu **c. Quy trình chuẩn bị gói bánh:** - Lá gói bánh: lá dong hoặc lá chuối, rửa lá cho sạch rồi phơi khô - Gạo nếp: được vo sạch, ngâm để hạt được mềm - Đỗ xanh: ngâm tách vỏ, giã nguyễn, trộn với thịt - Thịt lợn: rửa sạch, cắt nhỏ và ướt gia vị **d. Quy trình thực hiện:** - Gói banh: bánh được gói bằng tay, khuôn bánh khoảng 25 cmx 25cm - Luộc bánh: bánh được luộc trong nước, và luộc khoảng 10 đến 12 tiếng - Sử dụng bánh + Bánh được dung để cúng vào ngày tết + Bánh dược dung để đón tết + Bánh được dung để biếu người thân **3. Kết bài: Cảm nghĩ của em về món ăn dân tộc, món ăn ngày tết** - Bánh chưng là món ăn truyền thống của dân tộc Việt Nam - Chúng ta nên lưu giữ truyền thống của dân tộc |

**Tiết 2: Văn bản: Tức cảnh Pác Bó**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Ôn tập văn bản “Tức cảnh Pác Bó” ( 10 phút).**  **- Hoạt động cả lớp**.  - **Gv chiếu câu hỏi yêu cầu học sinh làm việc cá nhân 3 phút nhớ và ghi kết quả vào vở**.  ? Trình bày hiểu biết của em về tác giả?  ? Nêu những nét chính về tác phẩm “Tức cảnh Pác Bó”?  ***- Gọi đại diện trình bày, nhận xét***  ***- Gv chốt kiến thức***  ? Khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản?  **Hoạt động 2: Luyện tập ( 35 phút)**  **- Hình thức tổ chức luyện tập: Cá nhân.**  I. Trắc nghiệm:  Câu 1: Bài thơ “Tức cảnh Pác Bó” do ai sáng tác?  A. Tố Hữu  B. Chế Lan Viên  C. Phan Bội Châu  D. Hồ Chí Minh  Câu 2: Ý nào nói đúng nhất hoàn cảnh sáng tác của bài thơ “Tức cảnh Pác Bó”?  A. Trong thời gian Bác Hồ hoạt động cách mạng ở Cao Bằng chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa.  B. Trong thời gian Bác Hồ lãnh đạo toàn quốc kháng chiến chống Pháp.  C. Trong thời gian Bác Hồ lãnh đạo toàn quốc kháng chiến chống Mĩ.  D. Trong thời gian Bác Hồ bôn ba hoạt động cách mạng ở nước ngoài.  Câu 3: Dòng nào nói đúng nhất giọng điệu chung của bài Tức cảnh Pác Bó ?  A. Giọng tha thiết, trìu mến.  B. Giọng vui đùa, dí dỏm.  C. Giọng nghiêm trang, chừng mực.  D. Giọng buồn thương, phiền muộn. Câu 4: Nhận định nào nói đúng nhất về con người Bác trong bài thơ “Tức cảnh Pác Bó” ?  A. Bình tĩnh và tự chủ trong mọi hoàn cảnh.  B. Ung dung, lạc quan trước cuộc sống cách mạng đầy khó khăn.  C. Quyết đoán, tự tin trước mọi tình thế của cách mạng.  D. Yêu nước thương dân, sẵn sàng cống hiến cả cuộc đời cho Tổ quốc.  Câu 5: Dòng nào diễn tả đúng nhất nghĩa của từ “chông chênh” ?  A. Không vững chãi vì không có chỗ dựa chắc chắn.  B. Ở thế không vững, lắc lư nghiêng ngả như chực ngã.  C. Cao và không có chỗ bấu víu, luôn đu đưa, nguy hiểm.  D. Ở trạng thái bất định, khi lên khi xuống, khi nghiêng qua khi ngả lại.  Câu 6: Nhận xét nào nói đúng nhất tâm trạng của Bác Hồ được thể hịên qua câu thơ cuối “Cuộc đời cách mạng thật là sang” ?  A. Vui thích vì được sống chan hoà với thiên nhiên.  B. Tin tưởng vào tương lai tươi sáng của đất nước.  C. Lạc quan với cuộc sống cách mạng đầy gian khổ  D. Vui thích vì được sống sang trọng và giàu có  Câu 7: Trung tâm của bức tranh Pác Bó trong bài thơ “Tức cảnh Pác Bó” là:  A. Bàn đá chông chênh.  B. Hình tượng người chiến sĩ Cách mạng.  C. Cảnh thiên nhiên với non xanh nước biếc.  D. Cảnh đêm trăng huyền ảo  Câu 8: Trong bài thơ “Tức cảnh Pác Bó”, cuộc sống vật chất của Bác Hồ như thế nào?  A. Bác Hồ được sống một cuộc sống vật chất đầy đủ, sang trọng.  B. Bác Hồ sống bình dị nhưng không hề thiếu thốn.  C. Bác Hồ sống với cuộc sống thiếu thốn, gian khổ nhưng Bác vẫn cho rằng đó là một cuộc sống sang trọng.  D. Bác Hồ sống một cuộc sống tẻ nhạt, buồn chán, không có ý nghĩa.  Câu 9: Những hình ảnh nào trong bài thơ “Tức cảnh Pác Bó” đề cập đến những sinh hoạt vật chất hàng ngày của Bác?  A. Bờ suối, hang động  B. Cháo bẹ, rau măng  C. Bàn đá chông chênh  D. Sử Đảng, cách mạng  Câu 10: Khi nhận xét về Bác Hồ, nhiều nhà thơ, nhà nghiên cứu đều có chung nhận định: “Trong người Bác luôn có sẵn cái thú lâm tuyền”. “Thú lâm tuyền” ở đây có nghĩa là:  A. Bác Hồ luôn yêu quý và thường hay nuôi dưỡng những con thú để bầu bạn với mình.  B. Bác luôn yêu thích thiên nhiên, sống gần gũi, hòa hợp với hiên nhiên.  C. Đó là những con vật ở chốn núi rừng.  D. Sở thích đi săn thú của Bác Hồ.  **B. Tự luận**  **Câu 1:** Viết đoạn văn ngắn ( 10 câu ) nêu cảm nhận về vẻ đẹp của bài thơ và vẻ đẹp tâm hồn Bác qua bài thơ. ( bài thơ Tức cảnh Pác Bó)  ***-* Học sinh làm việc cá nhân.**  HS dựa vào kiến thức đ­ược tìm hiểu để viết bài đảm bảo các ý cơ bản trong bài.  -> GV hướng dẫn HS tập viết đoạn văn.  = > HS viết bài hoàn chỉnh  GV gọi một số HS đọc bài và cùng nhận xét, chữa bài hoàn chỉnh | **I. Lí thuyết:**  **1. Tác giả**  - Hồ Chí Minh (1890- 1969) quê ở làng Kim Liên – Nam Đàn – Nghệ An.  - Là nhà lãnh tụ vĩ đại, nhà thơ lớn, nhà CM của dân tộc VN.  **2. Tác phẩm**  a.Hoàn cảnh sáng tác và xuất xứ:  - Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được viết t2-1944 khi Bác Hồ làm việc ở hang Pác Bó (Hà Quảng - Cao Bằng)  b.Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt (thể thơ cổ điển)  c.Phương thức biểu đạt: Biểu cảm + tự sự, miêu tả  d. Bố cục: + 3 câu đầu: Cảnh sinh hoạt và làm việc của Bác.  + Câu cuối: Cảm nghĩ của Bác  **3. Nội dung, nghệ thuật**  \* Nội dung: Tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác Hồ trong cuộc sống cách mạng đầy gian khổ ở Pác Bó. Với người, làm cách mạng và sống hòa hợp với thiên nhiên là một niềm vui lớn.  \* Nghệ thuật:  - Có tính chất ngắn gọn, hàm xúc.  - Lời thơ bình dị, pha giọng đùa hóm hỉnh.  - Vừa mang đặc điểm truyền thống, vừa mang tính chất hiện đại.  **II. Luyện tập**  **A. Trắc nghiệm:**  Câu 1: D  Câu 2: A  Câu 3: B  Câu 4: B  Câu 5: A  Câu 6: C  Câu 7: B  Câu 8: C  Câu 9: B  Câu 10: B  **B. Tự luận**  Câu 1:  Hồ Chí Minh là một chiến sĩ cách mạng vĩ đại của đất nước Việt Nam. Bên cạnh đó người con là 1 nhà thơ nổi tiếng. Sau 30 năm bôn ba nước ngoài người về hoạt động tại Pắc Pó - Cao Bằng và cho ra bài thơ " Tức cảnh Pắc Pó". Bài thơ đã cho ta thấy được vẻ đẹp con người của bác."Sáng ra bờ suối tối vào hang- Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng- Bàn đá chông chênh dịch sử đảng"Trong ba câu đầu của bài thơ, Bác nhắc đến điều kiện ở - ăn - làm việc của mình, ở và ăn là hai nhu cầu tất yếu của con người. Và riêng với Hồ Chí Minh, khi nói đến đời sống sinh hoạt của mình, Người luôn đề cập thêm vấn đề công việc. Ấy bởi Bác là người luôn luôn làm việc, suốt đời làm việc, suốt đời lo cho dân, cho nước. Với Hồ Chí Minh, làm việc như một nhu cầu tất yếu, một bản năng. Điều đó cho thấy tấm lòng dành cho dân, cho nước của Bác vĩ đại nhường nào!Nơi làm việc tồi tàn , vất vả thế mà người lại nói" Cuộc đời CM thật là sang" Chữ “sang” không mang ý nghĩa là sang trọng, đầy đủ. Chữ "sang” làm bật lên tiếng cười vui vẻ, niềm lạc quan trước cuộc sống gian khổ, thiếu thốn. Chính tinh thần ấy đã trở thành động lực để Bác cùng những người đồng chí vượt qua sự ngặt nghèo của đời sống và tình thế cách mạng để làm việc và chiến đấu. Bài thơ đã cho ta thấy được vẻ đẹp của con người bác- Một người hết lòng vì dân vì nước |

**Tiết 3: Câu cầu khiến**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Ôn tập “ Câu cầu khiến” ( 10 phút)**  **- Hoạt động cả lớp**.  - **Gv chiếu câu hỏi yêu cầu học sinh làm việc cá nhân 3 phút nhớ và ghi kết quả vào vở**.  ? Thế nào là câu cầu khiến? Chức năng và đặc điểm của câu cầu khiến?  ***- Gọi đại diện trình bày, nhận xét***  ***- Gv chốt kiến thức***  **?** Tại sao câu cầu khiến thường được rút gọn chủ ngữ ?  **Hoạt động 2: Luyện tập ( 35 phút)**  **Hình thức tổ chức luyện tập: Cá nhân.**  **Bài tập 1**  Đặt 5 câu cầu khiến?  *- Yêu cầu HS làm việc cá nhân.*  *- Gọi HS chữa bài.*  *- GV nhận xét, chuẩn xác.*  **Bài tập 2.** Xác định câu cầu khiến trong những đoạn trích sau:  a. Cái Tí lễ mễ bưng rổ khoai luộc ghếch vào chân cột, và dặn thằng Dần:  – Hãy còn nóng lắm đấy nhé ! Em đừng mó vào mà bỏng thì khổ  (Ngô Tất Tố, Tắt đèn)  *b.*Nhưng nói ra làm gì nữa ! Lão Hạc ơi ! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt ! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão.  (Nam Cao, Lão Hạc)  c. Mẹ tôi, giọng khản đặc, từ trong màn nói vọng ra :  – Thôi, hai đứa liệu mà đem chia đồ chơi ra đi. […]  – Lằng nhằng mãi. Chia ra ! – Mẹ tôi quát và giận dữ đi về phía cổng.  (Theo Khánh Hoài, Cuộc chia tay của những con búp bê)  *- Yêu cầu HS làm việc cá nhân.*  *- Gọi HS chữa bài.*  *- GV nhận xét, chuẩn xác.*  **Bài tập 3.**Hãy thêm vào những từ ngữ thích hợp để biến đổi câu sau đây thành câu cầu khiến :  – Cậu đi về nhà lúc 4 giờ.  - Yêu cầu HS làm việc cá nhân.  - Gọi HS chữa bài.  - GV nhận xét, chuẩn xác.  **Bài tập 4:** Viết một đoạn văn ngắn 8- 10 câu có sử dụng câu cầu khiến với chủ đề “mùa xuân” .  - GV hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm  - GV gọi đại diện các nhóm trình bày - nhận xét - bổ sung. | **I. Lí thuyết:**  1. Hình thức: Là câu có những từ cầu khiến như: hãy đừng chớ, đi, thôi, nào ….hay ngữ điệu cầu khiến.  2. Chức năng: dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo…..  3. Khi viết, câu cầu khiến kết thúc bằng dấu chấm than, nhưng khi ý cầu khiến không được nhấn mạnh thì có thể kết thúc bằng dấu chấm.  VD:  Thôi đừng lo lắng. – khuyên bảo.  Cứ về đi. – yêu cầu.  Đi thôi con. – yêu cầu  **\* Lưu ý:** Câu cầu khiến luôn luôn hướng về người nghe, vì thế, khi ngữ cảnh cho phép, có thể rút gọn chủ ngữ của câu cầu khiến.  **II. Luyện tập:**  **Bài tập 1**  \*5 câu cầu khiến:  - Cậu làm bài tập đi!  - Con đừng khúc nữa.  - Bạn hãy yên lặng đi!  - Thôi hãy về đi.  - Chớ có tin lời nó.  **Bài tập 2**  Những câu cầu khiến trong các đoạn trích :  Câu thứ hai và thứ ba trong đoạn trích (a) : “Hãy còn nóng lắm đấy nhé ! Em đừng mó vào mà bỏng thì khổ.” có hai từ đáng chú ý là hãy và đừng. Hãy xét xem có phải đây đều là những từ cầu khiến hay không. Chú ý hiện tượng đồng âm.  Trong đoạn trích (b) và (c) có câu cầu khiến chứa từ cầu khiến, nhưng có câu cầu khiến chỉ được đánh dấu bằng ngữ điệu cầu khiến. Có một điểm chung quan trọng là tất cả những câu này đều có chủ ngữ chỉ người tiếp nhận câu nói, một đặc điểm hình thức quan trọng của hầu hết các câu nghi vấn.  **Bài tập 3.**  – Cậu hãy đi về nhà lúc 4 giờ !  – Cậu đi về nhà lúc 4 giờ nhé !  **Bài tập 4.**  Ôi chao! Mùa xuân đến rồi! *Mùa xuân là mùa của muôn hoa nở rộ, chúng ta đã thêm được một tuổi mới*. Mùa xuân, một năm mới đã đến, chúng ta quên hết những thứ không tốt của năm trước và chuẩn bị những thứ mới cho năm nay, ai cũng chúc nhau những lời hay ý đẹp, không ai lại làm điều xấu trong dịp này. *Vậy chúng ta hãy cùng nhau chào đón một mùa xuân ấm áp và hạnh phúc nhé!* |

**III. Củng cố - dặn dò.**

- Viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về một cảnh đẹp quê hương có sử dụng kiểu câu cầu khiến.

- Viết bài văn thuyết minh về một đồ chơi mà em yêu thích.

- Đọc diễn cảm bài thơ Tức cảnh Pác Bó? Nêu vài nét sơ lược về tác giả và tác phẩm?

- Đọc thêm sách báo, các tài liệu tham khảo, các bài văn mẫu thuyết minh về một phương pháp.

- Học bài cũ.

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**BUỔI 4**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

- Củng cố, khắc sâu kiến thức về văn thuyết minh về danh lam thắng cảnh.

- Củng cố, tổng hợp lại kiến thức về văn thuyết minh.

- Củng cố, khắc sâu kiến thức về tác giả, nội dung và nghệ thuật, tư tưởng của bài thơ *Ngắm trăng*.

**2. Kỹ năng:**

- Viết đoạn văn, bài văn thuyết minh.

- Viết đoạn văn tích hợp cảm thụ, yêu cầu tiếng Việt.

- Rèn kỹ năng phân tích và cảm thụ các chi tiết tiêu biểu trong văn bản.

**3. Thái độ, phẩm chất:**

- Sử dụng văn thuyết minh danh lam thắng cảnh thích hợp trong cuộc sống.

- Giáo dục tình yêu nước, lòng biết ơn đối với Bác.

**4. Năng lực:**

- Năng lực đọc – hiểu, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác, tạo lập văn bản, năng lực tư duy sáng tạo, thuyết trình.

**II. Tiến trình lên lớp**

**1. Ổn định:**

**2. Kiểm tra: sách vở, phiếu bài của HS.**

**3. Bài mới:**

**Tiết 1: CHỦ ĐỀ VĂN THUYẾT MINH**

**Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hs đã chuẩn bị bài trước hệ thốn câu hỏi, theo hình thức cá nhân.  - Trao đổi bài trong bàn, nhận xét, bổ sung.  - Báo cáo kết quả:  **HS thực hiện phiếu bài tập** | **I. Kiến thức cần nhớ**  **1. Văn thuyết minh**  Phần Thân bài của mỗi loại văn bản:  - Thuyết minh về đồ dùng: chất liệu chế tạo, đặc điểm cấu tạo, tính năng, cách sử dụng, bảo quản.  - Thuyết minh về một thể loại văn học: chủ yếu trình bày các yếu tố hình thức của thể loại.  - Thuyết minh về một phương pháp (cách làm): nguyên vật liệu, dụng cụ, quy trình thao tác, yêu cầu của thành phẩm.  - Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh: vị trí địa lí, diện tích, lai lịch của thắng cảnh, cảnh quan hiện nay.  **2. Phương pháp thuyết minh**  - Nêu định nghĩa, giải thích  - Liệt kê  - Nêu VD  - Số liệu (con số)  - So sánh  - Phân tích, phân loại.  **3. Cách làm bài văn thuyết minh một danh lam thắng cảnh:**  - Đi đến danh lam thắng cảnh thăm thú, quan sát,  - Tra cứu sách vở, hỏi han những người hiểu biết để có được kiến thức đáng tin cậy về nơi ấy.  **4. Bố cục của bài thuyết minh giới thiệu về một danh lam thắng cảnh:**  - Trình tự các ý trong bài có thể sắp xếp theo quan hệ:  + Thời gian (các thời kì, các mốc lịch sử);  + Không gian (từ bao quát chung đến cụ thể, từ xa đến gần, từ ngoài vào trong...)  + Theo các sự kiện gắn với danh lam thắng cảnh (hình thành - tồn tại - những thay đổi...).  - Ba phần. Mở, Thân, Kết.  **\* Mở bài**  - Giới thiệu về danh lam thắng cành bạn cần thuyết minh.  - Nêu cảm nhận chung về danh lam thắng cảnh đó.  **\* Thân bài:**  **- Giới thiệu vị trí địa lí:**  + Địa chỉ / nơi tọa lạc?  + Diện tích nơi đó? Rộng lớn hay nhỏ?  + Cảnh vật xung quanh ra sao?  + Có thể đến đó bằng phương tiện gì?  + Phương tiện du lịch: xe du lịch,...  + Phương tiện công cộng: xe máy, xe buýt,...  **- Nguồn gốc:** (lịch sử hình thành)  + Có từ khi nào?  + Do ai khởi công (làm ra)?  + Xây dựng trong bao lâu?  **- Cảnh bao quát đến chi tiết:**  + Cảnh bao quát: Từ xa,.. Nổi bật nhất là,... Cảnh quan xung quanh.  - Chi tiết:  + Cách trang trí:  . Mang đậm nét văn hóa dân tộc.  . Mang theo nét hiện đại.  + Cấu tạo.  **- Giá trị văn hóa, lịch sử, nghệ thuật,...:**  + Tìm hiểu nhiều hơn về lịch sử, quá khứ của ông cha ta.  + Tô điểm cho. (TP HCM, Hà Nội, Nha Trang, Việt Nam,.), thu hút khách du lịch.  + Một trong các địa điểm du lịch nổi tiếng/ thú vị/ hấp dẫn/ thu hút khách du lịch.  + Đề tài sáng tác nghệ thuật: âm nhạc, điện ảnh, thơ văn, hội họa,...  **\* Kết bài:** Nêu cảm nghĩ về đối tượng và địa danh. |
| HS thực hiện bài tập.  Tùy theo đối tượng hs, Gv chọn bài để chữa trên lớp.  GV gợi ý, giao nhiệm vụ về nhà làm.  **HS thực hiện phiếu bài tập** | **II.** **II. Luyện tập**  **Bài tập 1:**  *Cho phần văn bản sau:*  “Cách hang Trống 2 km về phía Tây Bắc là hang Sửng Sốt trên đảo Bồ Hòn. Hang có hai ngăn. Ngăn ngoài vuông vức, vách dựng đứng phẳng lì. Trần và nền hang phẳng, nhẫn như láng xi măng. Toàn hang màu xanh cẩm thạch, loáng thoáng điểm những vân dọc hồng nhạt. Ngăn trong hình hàm ếch, có năm khối đá giống hình năm ông tượng ở năm tư thế khác nhau. Giữa lòng hang một khối thạch nhũ trắng toát vươn lên uy nghi, mang dáng một vị tướng đời xưa khoác áo hoàng bào, ngồi trên lưng ngựa. Dưới ánh sáng mờ ảo, bàng bạc hơi nước, các mảng đá, trụ đá trong hang giống hình người, súc vật, dường như sống dậy, đang cử động, khiến cho du khách bàng hoàng sửng sốt."  (Theo *Hòn nước Hạ Long*, trong Almanach Những nền văn minh thế giới)  *a. Hãy nhận xét về thứ tự sắp xếp ý trong đoạn văn.*  *b. Có thể đảo trật tự các câu trong đoạn văn được không ? Vỉ sao ?*  **GỢI Ý:**  a. Căn cứ nội dung của đoạn văn và các từ đóng vai trò chủ ngữ của các câu văn trong đoạn, thứ tự sắp xếp ý trong đoạn văn: ngăn ngoài, trần và nền, toàn hang, ngăn trong, giữa lòng hang,  b. Căn cứ vào trình tự các ý trong lời thuyết minh, giới thiệu về hang Sửng Sốt, em sẽ thấy được tính lô-gíc của việc sắp xếp ý. Nếu đảo trật tự các câu trong đoạn thì đương nhiên tính lô-gíc ấy sẽ bị phá vỡ. Do vậy không thể đảo trật tự các câu trong đoạn văn.  **Bài tập 2:** Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hoặc di tích của quê hương.  a. Tìm hiểu đề  b. Lập dàn ý  c. Viết đoạn mở bài, hoặc một đoạn thân bài, hoặc đoạn kết bài.  **GỢI Ý:**  a. Tìm hiểu đề:  - Kiểu bài: Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử.  - Đối tượng: danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử.  b. Lập dàn ý  \* **Mở bài**  - Giới thiệu về thắng cảnh Vịnh Hạ Long.  **\* Thân bài**  ***- Nguồn gốc, xuất xứ, vị trí:***  + Hạ Long nghĩa là “nơi rồng đáp xuống”.  + Nằm ở Quảng Ninh.  + Có nhiều truyền thuyết xoay quanh thắng cảnh này.  ***- Kết cấu, cấu tạo:***  + Vịnh có rất nhiều hang động, có động nước và động khô.  + Bên trong những hang động có rất nhiều đá vôi.  + Có rất nhiều đảo và cồn đá.  + Mặt nước ở Vịnh Hạ Long rất đẹp, những làn sóng nhẹ nhàng đánh vào bờ tạo nên một khung cảnh thơ mộng khi bạn đứng ngắm Vịnh Hạ Long.- Chiều về bạn có thể thấy hoàng hôn từ phía phản chiếu lên mặt nước như đang có đến tận hai mặt trời.  + Từ trên cao nhìn xuống, Vịnh Hạ Long như một bức tranh tuyệt hảo do thiên nhiên tạo thành gồm có những hang động và những hòn.  + Bên trong là những hang động người ta có thể tham quan, ngắm cảnh.  + Có những thạch nhũ có hình thù kì lạ do thiên nhiên tạo ra bên trong hang.  + Vịnh Hạ Long nhìn từ xa thấy như những người lính khổng lồ canh giữ biển Việt Nam.  + Vì thế, mà Vịnh Hạ Long đã được UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới.  ***- Ý nghĩa, giá trị: kinh tế, chính trị, văn hóa, nghệ thuật,...***  + Vịnh Hạ Long là một trong những tài sản vô giá của đất nước Việt Nam thân yêu.  + Ngoài ý nghĩa là một cảnh đẹp, nó còn tượng trưng cho nét đẹp hồn hậu của con người Việt Nam mỗi khi du khách ghé thăm.  **\* Kết bài**  Nêu cảm nghĩ của bạn về Vịnh Hạ Long.  c. Viết đoạn:  Ví dụ 1: *Nhắc đến danh lam thắng cảnh, những chốn có non nước hữu tình trên đất nước Việt nam ta khó lòng không nhắc đến vịnh Hạ Long. Cái tên ấy ai là người Việt nam cũng biết đến. Nó không chỉ đẹp trong hiện tại hay tương lai mà nó còn đẹp từ thời xưa trong câu thơ của Nguyễn Khoa Điềm: "Con gà, con cóc quê hương cũng biến Hạ Long thành thắng cảnh". Mới đây vịnh Hạ Long còn được UNESCO công nhận là một trong bảy kỳ quan đẹp nhất thế giới. Vậy không biết rằng Hạ Long có những gì mà lại được tôn vinh đến như vậy?*  Ví dụ 2: *Trước hết về vị trí của vịnh Hạ Long thì nó nằm ở vùng Ðông Bắc Việt Nam, vịnh Hạ Long là một phần vịnh Bắc Bộ, bao gồm vùng biển của thành phố Hạ Long, thị xã Cẩm Phả và một phần của huyện đảo Vân Ðồn. Phía tây nam Vịnh giáp đảo Cát Bà, phía đông là biển, phần còn lại giáp đất liền với đường bờ biển dài 120 km, được giới hạn từ 106°58′ – 107°22′ kinh độ Ðông và 20°45′ – 20°50′ vĩ độ Bắc với tổng diện tích 1553 km².*         Ví dụ 3: *Tiếp nữa là về đảo ở đây thì có 1969 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó 989 đảo có tên và 980 đảo chưa có tên. Đảo nơi đây gồm có hai dạng đó là đảo đá vôi và đảo phiến thạch tập trung ở Bái tử long và vịnh Hạ Long. Ở đây thì chúng ta thấy được hàng loạt những hang động đẹp và nổi tiếng. Vùng Di sản thiên nhiên được thế giới công nhận có diện tích 434 km² bao gồm 775 đảo, như một hình tam giác với 3 đỉnh là đảo Ðầu Gỗ (phía tây), hồ Ba Hầm (phía nam), đảo Cống Tây (phía đông) vùng kế bên là khu vực đệm và di tích danh thắng quốc gia được Bộ Văn hóa Thông tin xếp hạng năm 1962.*  **Bài tập 3:**  Lập dàn ý phần Thân bài cho hai đề văn sau:  Đề 1: Miêu tả ngôi trường của em.  Đề 2: Giới thiệu về ngôi trường (hoặc thành phố hay khu phố) của em.  Từ đó rút ra sự khác nhau giữa miêu tả một địa danh và giới thiệu một địa danh.  **GỢI Ý:**  \* Dàn ý Thân bài bài văn miêu tả:  - Tả cổng trường  - Tả sân trường với rất nhiều cây xanh bóng mát.  - Toà nhà chính: toà nhà 2 tầng dành cho các lớp học.  - Toà nhà hai tầng là văn phòng, phòng hội đồng.  - Vườn trường và khu thể dục.  \* Dàn ý Thân bài bải văn thuyết minh:  - Tên trường, ngày thành lập, vị trí, diện tích của trường.  - Lịch sử phát triển của ngôi trường (từ tranh tre đến nhà xây)  - Các khu vưc của trường  - Số lượng học sinh, các khối lớp  - Số lượng giáo viên  - Các thành tích của trường qua các năm trong đào tạo và thi đua.  ***\* Từ đó ta thấy sự khác nhau:***  - Về nội dung :  + Tả một địa danh lả làm cho cảnh quan nơi đó như hiện ra trước mắt người đọc, truyền tình cảm của em đến người đọc về vẻ độc đáo của nơi đó.  + Còn giới thiệu về một địa danh thì phải làm cho người đọc hiểu biết về vị trí, lai lịch, quy mô cơ sở vật chất, thành tích trong mọi hoạt động, và những giá trị khác của nơi đó.  - Về bố cục :  + Bài tả cảnh có thể theo trình tự cảnh từ ngoài vào trong. Tập trung tả cảnh nào em yêu thích nhất (có nhiều kỉ niệm hoặc hấp dẫn nhất).  + Còn bài thuyết minh thì bố cục theo trình tư các bộ phận cấu thành và các phương diện hoạt động của nơi đó. |
|  |  |

**PHIẾU BÀI TẬP**

**LUYỆN THUYẾT MINH VỀ MỘT DANH LAM THẮNG CẢNH**

**I. HS ôn lại kiến thức bằng cách trả lời một số câu hỏi sau:**

1. Văn thuyết minh? Chỉ ra đặc trưng từng dạng bài văn thuyết minh đã học ( chú ý vào phần Thân bài)

2. Nêu các phương pháp thuyết minh đã học? Trình bày những hiểu biết về từng phương pháp thuyết minh đó.

3. Trình bày lại cách làm bài văn thuyết minh một danh lam thắng cảnh.

4. Nêu bố cục của bài thuyết minh giới thiệu về một danh lam thắng cảnh.

**II. Luyện tập:**

**Bài tập 1:**

*Cho phần văn bản sau:*

“Cách hang Trống 2 km về phía Tây Bắc là hang Sửng Sốt trên đảo Bồ Hòn. Hang có hai ngăn. Ngăn ngoài vuông vức, vách dựng đứng phẳng lì. Trần và nền hang phẳng, nhẫn như láng xi 'măng. Toàn hang màu xanh cẩm thạch, loáng thoáng điểm những vân dọc hồng nhạt. Ngăn trong hình hàm ếch, có năm khối đá giống hình năm ông tượng ở năm tư thế khác nhau. Giữa lòng hang một khối thạch nhũ trắng toát vươn lên uy nghi, mang dáng một vị tướng đời xưa khoác áo hoàng bào, ngồi trên lưng ngựa. Dưới ánh sáng mờ ảo, bàng bạc hơi nước, các mảng đá, trụ đá trong hang giống hình người, súc vật, dường như sống dậy, đang cử động, khiến cho du khách bàng hoàng sửng sốt."

(Theo *Hòn nước Hạ Long*, trong Almanach Những nền văn minh thế giới)

*a. Hãy nhận xét về thứ tự sắp xếp ý trong đoạn văn.*

*b. Có thể đảo trật tự các câu trong đoạn văn được không ? Vỉ sao ?*

**Bài tập 2:**

Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hoặc di tích của quê hương.

a. Tìm hiểu đề

b. Lập dàn ý

c. Viết một đoạn mở bài, hoặc một đoạn thân bài, hoặc đoạn kết bài.

**Bài tập 3:**

Lập dàn ý phần Thân bài cho hai đề văn sau:

Đề 1: Miêu tả ngôi trường của em.

Đề 2: Giới thiệu về ngôi trường (hoặc thành phố hay khu phố) của em.

Từ đó rút ra sự khác nhau giữa miêu tả một địa danh và giới thiệu một địa danh.

**Tiết 2: CHỦ ĐỀ VĂN THUYẾT MINH**

**Ôn tập văn thuyết minh**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập  (nhóm, cá nhân, tổ..)  - HS thực hiện  **HS thực hiện phiếu bài tập** | **I. Ôn tập lý thuyết:**  **1. Văn bản thuyết minh có vai trò và tác dụng như thế nào trong đời sống?**  Văn bản thuyết minh là kiểu văn bản thông dụng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằm cung cấp các tri thức về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân. của các sự vật và hiện tượng và sự vật trong tự nhiên, xã hội cho con người bằng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích.  **2. Văn bản thuyết minh có những tính chất gì khác với văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận?**  Văn bản thuyết minh khác các loại văn bản khác chủ yếu ở tính chất thuyết minh, giới thiệu. Văn thuyết minh không nặng về kể chuyện như văn tự sự, không miêu tả chi tiết, tỉ mỉ như văn miêu tả, không biểu cảm mạnh mẽ như văn biểu cảm, cũng không lập luận, thuyết lí như văn nghị luận. Thuyết minh trình bày, giải thích, giới thiệu khách quan, xác thực, rõ ràng.  **3. Muốn làm tốt bài văn thuyết minh, cần phải chuẩn bị những gì? Bài văn thuyết minh phải làm nổi bật điều gì?**  Muốn làm tốt một bài văn thuyết minh, trước hết phải tìm hiểu kĩ về đối tượng cần thuyết minh bằng cách quan sát trực tiếp hoặc tìm hiểu qua sách báo, vô tuyến truyền hình hay các phương tiện thông tin đại chúng khác. Bài văn thuyết minh cần phải làm nổi bật những đặc điểm, tính chất, chức năng, tác dụng... và quan trọng nhất chính là mối quan hệ giữa đối tượng được thuyết minh với đời sống con người.  **4. Những phương pháp thuyết minh nào thường được chú ý vận dụng?**  Những phương pháp thuyết minh thường được vận dung, vận dụng kết hợp với nhau là: nêu định nghĩa, giải thích, liệt kê, nêu ví dụ, dùng số liệu, so sánh, phân loại, phân tích.  **5. Các dàn ý bài văn thuyết minh:**  **5.1, Giới thiệu một đồ dùng:**  a. Mở bài: Giới thiệu đồ dùng một cách chung nhất  b. Thân bài:  - Nguồn gốc, lịch sử  - Đặc điểm, cấu tạo đồ dùng  - Phân loại đồ dùng  - Cách sử dụng, bảo quản  - Lợi ích của đồ dùng đó  c. Kết bài: Bày tỏ thái độ đối với đồ dùng  **5.2, Giới thiệu một danh lam thắng cảnh:**  **a. Mở bài**  - Giới thiệu về danh lam thắng cảnh bạn cần thuyết minh.  - Nêu cảm nhận chung về danh lam thắng cảnh đó  **b. Thân bài:**  **\* Giới thiệu vị trí địa lí:**  - Địa chỉ / nơi tọa lạc?  - Diện tích nơi đó? Rộng lớn hay nhỏ?  - Cảnh vật xung quanh ra sao?  - Có thể đến đó bằng phương tiện gì?  - Phương tiện du lịch: xe du lịch,...  - Phương tiện công cộng: xe máy, xe buýt,...  **\* Nguồn gốc:** (lịch sử hình thành)  - Có từ khi nào?  - Do ai khởi công (làm ra)?  - Xây dựng trong bao lâu?  **\* Kết cấu, cấu tạo cảnh bao quát đến chi tiết:**  **\* Cách trang trí:**  + Mang đậm nét văn hóa dân tộc.  + Mang theo nét hiện đại.  **\* Giá trị văn hóa, lịch sử, kinh tế, nghệ thuật:**  - Tìm hiểu nhiều hơn về lịch sử, quá khứ của ông cha ta.  - Một trong các địa điểm du lịch nổi tiếng/ thú vị/ hấp dẫn/ thu hút khách du lịch.  **c. Kết bài:**  - Nêu cảm nghĩ về đối tượng và địa danh.  - Khái quát lại các nét đặc biệt từ bài viết.  **5.3, Giới thiệu một thế loại văn học:**  **a. Mớ bài:** Nêu định nghĩa chung về thế loại đó.  **b. Thân bài:** Nêu các đặc điểm của thế loại đó (có ví dụ kèm theo minh họa):  - Số lượng tiếng, số dòng, số khổ:  - Hiệp vần:  - Luật bằng trắc:  - Nhịp: thường ngắt nhịp như nào?  - Đặc điểm, công dụng:  **c. Kết bài:** Cảm nhận của em về vẻ đẹp của thế loại văn học đó.  **5.4, Giới thiệu một phương pháp (làm đồ dùng học tập, thí nghiệm)**  **a. Mở bài:** Giới thiệu đối tượng thuyết minh.  **b. Thân bài:**  - Nguồn gốc:  - Số lượng người chơi? Dụng cụ cần có? Cách chơi? (chơi như thế nào? Thế nào là thắng? thua? Phạm luật?)  - Yêu cầu đối với trò chơi?  **c. Kết bài:** Tác dụng của trò chơi? (giải trí, rèn trí tuệ, thể chất? ...)  **5.5, Giới thiệu một loài vật, cây cối. (định hướng giúp hs làm bài TLV số 1 của lớp 9)**  **a. Mở bài:** Giới thiệu đối tượng thuyết minh.  **b. Thân bài:**  - Nguồn gốc:  - Đặc điểm:  - Qúa trình sinh trưởng và phát triển:  - Vai trò, công dụng, ý nghĩa:  **c. Kết bài:** Cảm nghĩ chung về đối tượng. |
| - Hình thức tổ chức luyện tập  (nhóm, cá nhân, tổ..)  - HS thực hiện.  - GV phát phiếu cho hs làm.  **HS thực hiện phiếu bài tập** | **II. Luyện tập**  **HS thực hiện phiếu bài tập** |

**PHIẾU BÀI TẬP**

**LUYỆN TẬP VĂN THUYẾT MINH**

**I. HS ôn lại kiến thức bằng cách trả lời một số câu hỏi sau:**

1. Văn bản thuyết minh có vai trò và tác dụng như thế nào trong đời sống?

2. Văn bản thuyết minh có những tính chất gì khác với văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận?

3. Muốn làm tốt bài văn thuyết minh, cần phải chuẩn bị những gì? Bài văn thuyết minh phải làm nổi bật điều gì?

4. Những phương pháp thuyết minh nào thường được chú ý vận dụng?

5. Các dàn ý từng dạng bài văn thuyết minh đã học.

**II. Luyện tập:**

**Bài tập 1:** Đọc đoạn văn sau:

*Vườn Bách thú Hơ-rơ-bin ở Giải quyết vừa làm lễ kỉ niệm ngày chào đời của ba chú hổ trắng: hai cái, một đực. Trên thế giới hiện nay chỉ còn khoảng 200 con hổ trắng, nên sự ra đời của chúng là một tin mừng đối với kho tàng động vật quý hiếm của thế giới. Duy nhất, từ xưa đến nay, chỉ có một con hổ trắng được phát hiện trong thế giới hoang dã vào năm 1951 tại một khu rừng ở Ấn Độ. Còn lại, toàn bộ số hổ trắng có hiện nay đều được sinh ra với sự giúp đỡ của con người".*

(Theo báo *Thể thao ngày nay,* số 124, 6-8-2003)

a. Đoạn văn trên có mấy câu? Câu chủ đề là câu nào? Vì sao? Có thể đặt tên cho đoạn văn không?

b. Vì sao gọi đây là đoạn văn thuyết minh? Những yếu tố nào khiến cho bạn đọc tin cậy và thích thú?

**Bài 2:** Cho văn bản sau:

*"Truyện kể về thần đồng thế giới", tập một giới thiệu với bạn đọc 26 nhân vật được thế giới ca ngợi là thần đồng, vì đã có những đóng góp hết sức quan trọng trên nhiều lĩnh vực: khoa học kỹ thuật, văn học nghệ thuật... Ở họ, ngoài thiên tài bẩm sinh, còn có những phẩm chất quý báu như lòng ham hiểu biết đến cuồng nhiệt, ý chí kiên cường không lùi bước trước khó khăn, niềm say mê nghiên cứu, sưu tầm, sáng tạo và trên hết là đức tính cần cù, chăm chỉ, sự nỗ lực học tập, rèn luyện không ngừng.*

*... Cuốn sách là bài học quý báu cho các bậc phụ huynh, các nhà giáo trong việc phát hiện, bồi dưỡng và chăm sóc tài năng trẻ, không thể để những ngôi sao sáng tàn lụi, những tài năng bẩm sinh dần dần bị thui chột đi. Cũng như giáo sư Béc-nu-li trong truyện đã nói: "Để một ngôi sao sáng tắt lịm đi sẽ là một tội lỗi lớn của các nhà sư phạm chúng ta"...*

(Theo *Lời nói đầu* cuốn *Truyện kể về thần đồng thế giới*)

a. Trên đây là hai đoạn văn thuyết minh, giới thiệu. Hãy nêu nội dung chính của từng đoạn.

b. Có thể đảo vị trí trước, sau của hai đoạn được không? Vì sao?

**Bài 3:** Cho câu đố sau:

*"Bốn chân trông giống cột đình*

*Vòi dài, tai lớn, dáng hình oai phong*

*Lúc ra trận, khi xiếc rong*

*Thồ hàng, kéo gỗ đều không quản gì?"*

a. Đố là con gì?

b. Dựa vào câu đố, hãy viết một đoạn thuyết minh ngắn giới thiệu vật vừa đoán được.

**Bài 4:** Cho nội dung sau: ***Hãy thuyết minh một trò chơi dân gian mà em yêu thích.***

a. Em dự kiến bài thuyết minh gồm có những ý nào?

b. Em hãy chọn một ý để viết thành đoạn văn thuyết minh hoàn chỉnh.

**Bài 5:** Qua những bài tập trên, em rút ra kinh nghiệm gì khi viết đoạn thuyết minh?

**Bài 6:** Giới thiệu về tác giả Hồ Chí Minh và bài thơ *Ngắm trăng*. (*Bài tập này, hs phối hợp kiến thức để giải quyết cho tiết 3 - phần hệ thống kiến thức*).

**GỢI Ý**

**Bài tập 1:**

a. Đoạn văn có 4 câu. Câu 1 là câu chủ đề. Vì nêu được sự kiện khái quát: Lễ kỉ niệm ngày chào đời của ba chú hổ trắng. Các câu sau bổ sung, giải thích rõ thêm cho sự kiện được nói tới trong câu thứ nhất.

- Tên đoạn văn: Hổ trắng chào đời, v.v...

b. Gọi là văn bản thuyết minh vì văn bản đã cung cấp cho chúng ta những tri thức về loài hổ trắng hiện nay trên thế giới. Các tri thức này có ích cho con người trong việc nâng cao ý thức bảo tồn loài hổ trắng nói riêng và bảo tồn động vật hoang dã nói chung.

- Đoạn văn được coi là văn bản thuyết minh vì cách trình bày rõ ràng, chính xác bằng những thông tin xác thực.

+ Các yếu tố khiến bạn đọc tin cậy, thích thú: địa danh, thời gian, số liệu chính xác.

**Bài tập 2:**

a. Nội dung chính của hai đoạn văn:

- Giới thiệu khái quát về các nhân vật trong cuốn "Thần điện Đất Việt"

- Tác dụng của cuốn sách.

b. Không thể đảo vị trí của hai đoạn văn được. Vì hai đoạn có mối quan hệ nhân quả chặt chẽ. Đoạn trước là nguyên nhân của đoạn sau, đoạn sau là kết quả của đoạn trước.

**Bài tập 3:**

a. Con voi.

b. GV tham khảo đoạn văn sau: ***Voi là động vật bốn chân thuộc lớp thú lớn, thường sống ở vùng nhiệt đới. Mũi voi dài tạo thành vòi, răng nanh dài tạo thành ngà. Voi có tai to, da rất dày. Người ta có thể nuôi voi với nhiều mục đích khác nhau như: đi chiến đấu, làm xiếc, tải hàng, kéo gỗ...***

**Chú ý:** Hs giới thiệu nổi bật về con voi trên các phương diện: Nguồn gốc, Đặc điểm, Vai trò, Ý nghĩa,...

**Bài tập 4:** Ví dụ thuyết minh về trò chơi đánh chuyền. Dự kiến các nội dung:

- Người chơi.

- Phương tiện.

- Cách chơi

GV tham khảo đoạn thuyết minh về phương tiện:

*Vật dùng để chơi trò đánh chuyền rất đơn giản. Chỉ cần một bộ chuyền bằng tre gồm mười que tròn, dài khoảng ba mươi cen-ti-mét; một quả tròn hơi nặng, làm vật tung hứng. Có thể là quả cà, quả xà cừ, quả bóng nhỏ hay bất kì một thứ quả nào đó cầm vừa tay. Vậy là bạn đã có thể ngồi chơi chuyền với bạn mình cho thỏa thích.*

**Bài tập 5:** Kinh nghiệm khi viết đoạn thuyết minh

- Cần xác định các ý lớn, mỗi ý viết thành một đoạn văn.

- Khi viết đoạn văn, tránh lẫn ý của đoạn văn khác vào.

- Viết đoạn văn, nên theo thứ tự cấu tạo của sự vật, theo thứ tự nhận thức (từ tổng thể đến bộ phận, từ ngoài vào trong, từ xa đến gần...), theo thứ tự diễn biến các sự việc trong thời gian trước, sau hay thứ tự chính - phụ: cái chính nói trước, cái phụ nói sau.

**Bài tập 6:** HS thuyết minh về tác giả và tác phẩm văn học:

- Về tác giả: chú ý giới thiệu các phương diện: tiểu sử, cuộc đời, sự nghiệp.

- Về tác phẩm: chú ý giới thiệu các phương diện: hoàn cảnh sáng tác, thể thơ, bố cục, mạch cảm xúc, nội dung chính, nghệ thuật chính.

**Tiết 3: CHỦ ĐỀ: THƠ CA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1930-1945**

**NGẮM TRĂNG - HỒ CHÍ MINH**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hs đã chuẩn bị bài trước, theo hình thức cá nhân.  - Trao đổi bài trong bàn, nhận xét, bổ sung.  - Báo cáo kết quả:   |  |  | | --- | --- | | Tác giả Hồ Chí Minh | Văn bản Ngắm trăng | | - Tiểu sử:  - Cuộc đời:  - Sự nghiệp: | - Hoàn cảnh ra đời, xuất xứ:  - Thể thơ:  - Phương thức biểu đạt chính:  - Bố cục:  - Mạch cảm xúc:  - Nội dung chính: | | **I. Hệ thống kiến thức văn bản: Ngắm trăng - Hồ Chí Minh.**  **1. Tác giả Hồ Chí Minh:**  - Hồ Chí Minh (tên gọi khác Nguyễn Ái Quốc, Bác Hồ, ...) sinh ngày 19-5-1890, tại xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Cha là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, một danh sĩ yêu nước. Mẹ là cụ bà Hoàng Thị Loan, một người phụ nữ hiền hậu, thuộc nhiều ca dao và các làn điệu dân gian.  - Thời trẻ, Người học chữ Hán ở nhà, học tại trường Quốc học Huế. Khi trưởng thành, Người có thời gian dạy học ở trường Dục Thanh (Phan Thiết).  - Năm 1911, tại bến Nhà Rồng, Người ra nước ngoài tìm đường cứu nước trên một con tàu của Pháp.  - Năm 1919, Người gửi tới Hội nghị Véc-xây “Bản yêu sách của nhân dân An Nam” về quyền bình đẳng, tự do của các dân tộc.  - Năm 1920, Người dự đại hội Tua, đồng thời tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp. Năm 1923 - 1941, Người chủ yếu hoạt động ở Liên Xô trong Quốc tế Cộng sản.  - Năm 1925, Người thành lập tổ chức Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Trung Quốc. Năm 1930, Người chủ trì hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản trong nước tại Hương Cảng, thành lập Đảng cộng sản Việt Nam.  - Tháng 8/1942, Người bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt.  - Tháng 8/1943, Người được tự do và trở về nước, lãnh đạo cách mạng tiến tới tổng khởi nghĩa tháng Tám thành công. Ngày 2 - 9 - 1945, Người đọc bản Tuyên ngôn độc lập. Sau cuộc tổng tuyển cử đầu tiên năm 1946, Người được bầu làm chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Từ đấy, Người luôn đảm nhận những chức vụ cao nhất của Đảng và Nhà nước, lãnh đạo toàn dân kháng chiến chống Pháp và Mĩ cho đến khi qua đời năm 1969 tại Hà Nội.  - Người là vị lãnh tụ vĩ đại đồng thời là nhà văn, nhà thơ lớn với di sản văn học quí giá. Người được tổ chức UNESSCO công nhận là danh nhân văn hóa thế giới.  **2. Văn bản Ngắm trăng:**  **a. Hoàn cảnh sáng tác:**  - Tháng 8/1942 Hồ Chí Minh lên đường sang Trung Quốc để tranh thủ sự ủng hộ quốc tế với cách mạng Việt Nam. Đến thị trấn Túc Vinh thì Người bị chính quyền địa phương bắt giữ, giải đi 30 nhà giam của 13 huyện thuộc tỉnh Quảng Tây.  - Nhật ký trong tù được viết bằng thơ chữ Hán, gồm 133 bài. Thể hiện tài năng thơ xuất sắc của người. Tác phẩm như viên ngọc quý trong kho tàng văn học Việt Nam.  - Bài “Ngắm trăng” rút ra từ tập thơ trên.  b. Thể thơ, phương thức biểu đạt:  - Bài thơ “Ngắm trăng” gồm 4 câu thơ, mỗi câu có 7 chữ. Như vậy, có thể nói bài thơ được sáng tác theo thể thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.  - Phương thức biểu đạt: Biểu cảm  c. Bố cục: 2 phần  - Phần 1: 2 câu thơ đầu: Hoàn cảnh ngắm trăng  - Phần 2: 2 câu thơ cuối: Thi nhân và trăng  **d. Kiến thức cơ bản:**  \* Hoàn cảnh ngắm trăng:  - Quan niệm thưởng trăng: Rượu, hoa, trăn và thơ - thú vui tao nhã của tao nhân mặc khách.  - Hoàn cảnh người chiến sĩ: cảnh sống phi nhân loại.  - Khung cảnh: Trăng đẹp.  - Tâm trạng thi nhân: Bứt rứt, bối rối, khát khao được thưởng trăng.  => Tâm hồn rung động mãnh liệt trước cảnh đẹp dù ngay trong lúc lao tù.  **\* Trong hai câu thơ cuối của bài thơ chữ Hán, sự sắp xếp vị trí các từ nhân (và thi gia), song, nguyệt (và minh nguyệt) có gì đáng chú ý?**  Sự sắp xếp như vậy và việc đặt hai câu dưới dạng đối nhau có hiệu quả nghệ thuật như thế nào?  - Các từ chỉ người *(nhân, thi gia) và các* từ chỉ trăng *(nguyệt)* đặt ở hai đầu, ở giữa là cửa nhà tù (*song*).  - Cấu trúc đối này đã làm nổi bật tình cảm mãnh liệt giữa người và trăng, nổi bật sự gắn bó thân thiết của một mối quan hệ từ lâu đã trở thành tri kỉ (Bác với trăng).  \* Qua bài thơ, em thấy hình ảnh Bác Hồ hiện ra như thế nào?  - Hình ảnh Bác hiện lên trong bài thơ nổi bật ở khía cạnh người chiến sĩ không chút bận tâm về gông cùm, đói rét, ... Trước khó khăn, Bác vẫn giữ được phong thái ung dung, tự tại.  - Bài thơ còn thể hiện nổi bật tâm hồn nghệ sĩ của Bác Hồ, một tâm hồn luôn rộng mở với thiên nhiên.  **\* Nhà phê bình văn học Hoài Thanh nhận xét: “Thơ Bác đầy trăng”. Hãy chép lại những bào thơ Bác Hồ viết về trăng mà em biết (chú ý ghi rõ thời điểm sáng tác mỗi bài). Cuộc “ngắm trăng” trong bài Vọng nguyệt và hình ảnh trăng được thể hiện trong các bài thơ khác của Bác có gì đáng chú ý?**  - Nhà phê bình Hoài Thanh đã rất chính xác và tinh tế khi nhận xét: "Thơ Bác đầy trăng".  - Có thể kể đến những bài thơ viết về trăng của Bác như: Ngắm trăng, Trung thu, Đêm thu, Rằm tháng giêng, Cảnh khuya, ...  - Trăng trong thơ Bác mang nhiều sắc vẻ khác nhau. Nhưng dù là trăng được cảm nhận từ chốn lao tù hay giữa cảnh trời nước bao la, dù là khi thư nhàn hay đang bận bịu trăm công nghìn việc, với tâm hồn luôn hướng tới cái đẹp, tới ánh sáng của Bác, bao giờ trăng cũng hiện lên như một tri âm tri kỉ của Người.  **\* Hãy giải thích sự hợp lí trong ba câu thơ sau đây:**  Đêm thanh hớp nguyệt nghiêng chén. *(Nguyễn Trãi)*  Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền. *(Hồ Chí Minh)*  Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt. *(Hồ Chí Minh)*  *Gợi ý: Em hãy trả lời các câu hỏi sau để tìm lời đáp:*  *- Câu “Đêm thanh hớp nguyệt nghiêng chén” là câu thơ của Nguyễn Trãi trong bài Thuật hứng, Thời điểm uống rượu thưởng thức trăng là đêm thanh (thựờng là trước nửa đêm) do đó muốn có ánh trăng đầy chén để "hớp nguyệt" thì phải làm thế nào?*  *- Câu “Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền” là câu thơ của Bác trong bài Rằm tháng giêng. Nếu không phải lúc nửa đêm thì trăng có đầy thuyền không?*  *- Câu “Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt” được viết trong hoàn cảnh Bác bị giam cầm. Đây có phải là hành động duy nhất của người tù nếu muốn ngắm được trăng không?* |
| - Hình thức tổ chức luyện tập  (nhóm, cá nhân, tổ..)  - HS thực hiện  - GV phát phiếu cho hs làm.  **HS thực hiện phiếu bài tập** | **II. Luyện tập**  **HS thực hiện phiếu bài tập** |

**PHIẾU BÀI TẬP**

**LUYỆN TẬP VĂN BẢN NGẮM TRĂNG**

**Đọc lời bình luận dưới đây rồi thực hiện các yêu cầu:**

“*Và trong “chất người cộng sản ấy” đồng thời còn có chất người nghệ sĩ thực sự. Hồ Chí Minh đã xốn xang bối rối trước một đêm trăng đẹp và đã để tâm hồn vượt ngục tìm đến giao hòa với vầng trăng – Lòng theo vời vợi mảnh trăng thu…”*

(Nguyễn Hoành Khung, Một mùa thơ rộ nở, trong Thơ Việt Nam 1930 – 1945, NXB Văn học, Hà Nội, 1994)

**Câu 1*.*** Nhận định trên nhắc em nhớ đến bài thơ nào của Hồ Chí Minh mà em đã học trong chương trình Ngữ văn 8 kì 2? Chép lại chính xác bài thơ ấy.

**Câu 2.** Cho biết xuất xứ, phương thức biểu đạt chính của bài thơ em vừa chép.

**Câu 3.** Ghi lại câu thơ trong bài là câu nghi vấn và cho biết mục đích của câu nghi vấn đó.

**Câu 4.**Chỉ ra phép điệp ngữ được sử dụng trong bài. Phân loại và phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy.

**Câu 5**. Tác giả Nguyễn Trãi trong bài “Côn Sơn ca” đã từng khắc họa:

*Côn Sơn suối chảy rì rầm*

*Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai.*

Chỉ ra điểm giống và khác của 2 câu thơ trên với dòng thơ đầu tiên của bài thơ em vừa chép để thấy được cái hay của mỗi cách viết.

**Câu 6.** Viết một đoạn văn nghị luận (10-12 câu) thỏa mãn 1 trong 2 yêu cầu sau:

a. Đoạn diễn dịch chứng minh: Bài thơ (bài thơ em vừa chép) được coi là một cuộc *“vượt ngục về tinh thần”* của người tù cách mạng. Trong đoạn văn có sử dụng câu cảm thán (gạch chân và chú thích).

b. Đoạn quy nạp chứng minh Bài thơ (em vừa chép) có sự hòa quyện giữa “*chất người cộng sản*” và “*chất người nghệ sĩ thực sự*”. Đoạn văn có sử dụng 1 câu nghi vấn (chỉ rõ và cho biết mục đích của câu nghi vấn đó).

**Câu 7*.*** Kể tên một văn bản khác em đã học cũng có nhân vật rơi vào cảnh ngộ mất tự do. Nêu tên tác giả của văn bản ấy.

**Câu 8.** Sau khi đọc bài thơ, em hãy viết một đoạn văn 2/3 trang giấy thi nêu suy nghĩ gì về tinh thần lạc quan trong cuộc sống.

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1** | **­-** Bài thơ *Ngắm trăng (Vọng nguyệt).*  - Tác giả Hồ Chí Minh.  - Chép chính xác bài |
| **Câu 2** | * Xuất xứ: Trích trong tập *“Nhật ký trong tù” (Ngục trung nhật ký)* * Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm |
| **Câu 3** | * Câu nghi vấn: câu 2 * Mục đích: Bộc lộ cảm xúc: bối rối, nuối tiếc |
| **Câu 4** | Điệp ngữ:  Không – Điệp cách quãng – Nhấn mạnh sự thiếu thốn của hoàn cảnh  Điệp ngữnguyệt, khán – điệp chuyển tiếp – cùng với phép đối đã nhấn mạnh sự giao hòa giữa người và trăng |
| **Câu 5** | |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Nguyễn Trãi** | **Hồ Chí Minh** | | Cách so sánh | so sánh với tiếng đàn 🡪 Nhấn mạnh sự du dương trầm bổng của tiếng suối | so sánh với tiếng hát nhấn mạnh sự gần gũi, khỏe khoắn của tiếng suối. | | Hoàn cảnh tác giả | Cáo quan về ở ẩn, lánh đục tìm trong | Đang làm cách mạng thì bị bắt giám vô cớ | | Giống | Đều khắc họa tiếng suối bằng so sánh, đều cho thấy tình yêu thiên nhiên của tác giả | | |
| **Câu 6** | \* Hình thức: đúng hình thức, đúng kiểu đoạn không mắc lỗi diễn đạt, chính tả.  \* Tiếng Việt: Có câu cảm thán/ nghi vấn (Chỉ rõ)  \* Nội dung:  - Hoản cảnh đặc biệt:  + Trong tù  + Không có rượu, có hoa.  -> Mất tự do và thiếu thốn.  - Cảm xúc: Xốn xang trước cái đẹp  - Phép đối trong hai câu cuối:  + Con người hướng ra vầng trăng ở ngoài song sắt.  + Vầng trăng tìm đến con người.  -> Cuộc đối diện đàm tâm giữa những người tri âm, tri kỷ.  + Vầng trăng: tượng trưng cho cái đẹp, tự do  -> Tác giả chủ động hướng tới cái đẹp, tự do dù trong hoàn cảnh tù đầy.  -> Thực hiện một cuộc vượt ngục về tinh thần để giao hòa với cái đẹp và tự do…  ***\* HS có thể triển khai theo cách riêng nhưng cần thuyết phục, hợp lý*** |
| **Câu 7** | HS có thể nêu tên một trong các văn bản sau:  *Nhớ rừng (Thế Lữ)*  *Khi con tu hú (Tố Hữu)*  *Đập đá ở Côn Lôn (Phan Châu Trinh)* |
| **Câu 8** | Suy nghĩ về tinh thần lạc quan   * Đúng vấn đề nghị luận. * Giải thích: Tinh thần lạc quan, người sống lạc quan,... * Chứng minh: Biểu hiện của tinh thần lạc quan,... * Bàn luận, mở rộng: Ý nghĩa, lợi ích; phê phán,... * Liên hệ thực tế: nhận thức và hành động |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- GV yêu cầu HS nhớ lại đơn vị kiến thức đã học

- Giao bài tập về nhà

**Ngày soạn: 08/08/2020**

**Ngày dạy:**

**Bµi 5**

**CHỦ ĐỀ: - THƠ CA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1930-1945 – ĐI ĐƯỜNG**

**- CÂU PHÂN LOẠI THEO MỤC ĐÍCH NÓI: CÂU CẢM THÁN**

**- HƯỚNG DẪN VIẾT BÀI TLV SỐ 5**

**.**

**TIẾT 1: THƠ CA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1930-1945 – ĐI ĐƯỜNG**

**I.Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức:** Củng cố kiến thức cho HS về bài thơ: Đi đường

**2. Kỹ năng**: Rèn kỹ năng trình bày, viết những kiến thức trọng tâm

**3. Thái độ, phẩm chất:** GD ý thức học bộ môn, tinh thần của Bác

**4. Năng lực HS** : cảm nhận, quan sát, tưởng tượng, suy nghĩ, phân tích, vận dụng.

**II. Tiến trình lên lớp**

**A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| -Giáo viên yêu cầu học sinh nhớ lại kiến thức và hoàn thiện kiến thức bằng cách vẽ bản đồ tư duy  - HS làm việc nhóm 4, làm vào giấy khổ to. Sau đó lên bảng dán  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, đánh giá và chốt |  |

**B. Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **-*Giáo viên ra đề cho học sinh làm bài***  ***- HS làm vào giấy, sau đó nộp lại cho giáo viên chấm***  **ĐỀ RA**   1. **Trắc nghiệm:**   **Đọc kỹ bài thơ sau và trả lời câu hỏi:**  *Đi đường mới biết gian lao*  *Núi cao rồi lại núi cao trập trùng*  *Núi cao lên đến tận cùng*  *Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.*  **(Đi đường)**  a. Tác giả của bài thơ ?  b. Bài thơ “Đi đường” được sáng tác trong hoàn cảnh nào?  c. Triết lí sâu xa của bài thơ “Đi đường”?  d. Bài thơ “Đi đường” thể hiện tinh thần gì của Bác Hồ?  e. Theo em, bài thơ “Đi đường” có mấy lớp nghĩa. Chỉ ra các lớp nghĩa đó. Triển khai thành một đoạn văn | **Đáp án**  **a. Tác giả của bài thơ: Hồ Chí Minh**  **b. *Hoàn cảnh sáng tác bài thơ:***  Trong lúc Bác Hồ bị bắt giam ở nhà tù Tưởng Giới Thạch (Trung Quốc), trên đường bị chuyển từ trại giam này sang trại giam khác. Bác đã sáng tác bài thơ.  ***c. Triết lí sâu xa của bài thơ “Đi đường”:***  Đường đời nhiều gian lao, thử thách nhưng con người kiên trì và có bản lĩnh thì sẽ đạt được thành công.  ***d. Bài thơ “Đi đường” thể hiện tinh thần:*** Tính kiên trì, vượt qua mọi khó khăn, thử thách và thái độ lạc quan  ***e. Bài thơ “Đi đường” có mấy lớp nghĩa. Chỉ ra các lớp nghĩa đó***  Bài thơ có 2 lớp nghĩa: lớp nghĩa đen nói chuyện đi đường , lớp nghĩa bóng nói về con đường cách mạng, đường đời. |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Ngày soạn: 08/08/2020**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 2: TIẾNG VIỆT: CÂU PHÂN LOẠI THEO MỤC ĐÍCH NÓI: CÂU CẢM THÁN**

**I.Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức:** Giúp HS ôn tập những kiến thức về câu cảm thán.

**2. Kỹ năng:** Rèn kĩ năng sử dụng câu cảm thán trong khi nói, viết.

**3. Thái độ, phẩm chất:** Yêu thích tìm hiểu sự phong phú của tiếng Việt; GD ý thức học bộ môn.

**4. Năng lực HS** : suy nghĩ, phân tích, vận dụng.

**II. Tiến trình bài dạy**

**A.Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **Gv đặt câu hỏi, hs nhớ lại và trả lời**  ? Đặc điểm hình thức của câu cảm thán?  ?Chức năng của câu cảm thán? | **1. Đặc điểm hình thức:** Trong câu cảm thán thường có những từ: than ôi, ôi, chao, chà, lắm, quá,… Câu cảm thán thường đứng ở đầu hoặc cuối câu trong đoạn văn và thường được kết thúc bằng dấu chấm than.  **2. Chức năng**: Bộc lộ cảm xúc trực tiếp |
| **B.Luyện tập**   |  |  | | --- | --- | | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** | | |
| **Bài tập 1. C¸c c©u sau ®©y cã ph¶i lµ c©u c¶m th¸n kh«ng ? V× sao ?**  a. Lan ¬i ! VÒ mµ ®i häc !  b. Th«i råi, L­îm ¬i ! (Tè H÷u)  **-** HS suy nghĩ cá nhân, trả lời  - HS khác nhận xét, bổ sung  - Giáo viên chốt  **Bài tập 2. ChØ ra sù kh¸c nhau ë 2 c©u sau:**  a. BiÕt bao ng­êi lÝnh ®· x¶ th©n cho Tæ quèc !  b. Vinh quang biÕt bao ng­êi lÝnh ®· x¶ th©n cho Tæ quèc !  **-** HS thảo luận nhóm  - Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét, bổ sung  - Gv chốt kiến thức  **Bài tập 3:** Đặt các câu cám thán có các từ: Trời ơi, hỡi ơi, ôi, biết chừng nào, thay  - HS làm cá nhân, GV gọi 5 em học sinh lên bảng viết tương ứng mỗi từ  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV sửa bài và chốt  **Bài tập 4: Viết một đoạn văn với chủ đề tự chọn có sử dụng câu cảm thán**  -Hs làm việc cá nhân, sau đó gọi 2-3 em đọc bài  -HS khác nhận xét  - GV nhận xét và chốt | **1.Bài tập 1**  -> a. §©y lµ 2 c©u, c©u sau cã ý nhÊn m¹nh nªn ®Æt dÊu chÊm than. C©u ®Çu (Lan ¬i !) cã h×nh thøc c¶m th¸n, nh­ng kh«ng ph¶i lµ c©u c¶m th¸n, v× môc ®Ých lµ gäi ®¸p.  b. §©y lµ c©u c¶m th¸n, nh»m biÓu thÞ c¶m xóc.  **2. Bài tập 2**  a. BiÕt bao ng­êi lÝnh ®· x¶ th©n cho Tæ quèc ! => BiÕt bao: tõ chØ sè l­îng.  b. Vinh quang biÕt bao ng­êi lÝnh ®· x¶ th©n cho Tæ quèc ! => BiÕt bao: tõ chØ sù c¶m th¸n -> C©u c¶m th¸n.  **3.Bài tập 3: Đặt câu cảm thán**  -**Ôi**, hôm nay trời thật đẹp!  -**Hỡi ơi** ông trời!  -**Trời ơi**, sao số tôi khổ thế!  -Thương **thay** cho những người nghèo khổ!  -**Biết chừng nào** mình mới có tiền!  **Bài tập 4:** **Viết một đoạn văn với chủ đề tự chọn có sử dụng câu cảm thán**  ***Đoạn văn mẫu***  ***Chao ôi, cảnh buổi sáng đầu xuân thật tuyệt***! Nó như bừng tỉnh sau một giấc ngủ dài. Ông mặt trời không còn ngái ngủ nữa, thức dậy ban phát ánh nắng xuống trần gian. Mấy chú chim không biết đã dậy từ bao giờ, hót líu lo trên cành hòa nhịp với loa phóng thanh của hợp tác xã tạo nên một bản nhạc du dương trầm bổng đón chào một ngày xuân mới. Tôi tung tăng chạy nhảy như một con sáo nhỏ ra đầu làng để tận hưởng bầu không khí trong lành, mát mẻ của làng quê. Một lúc sau, phía đằng đông, ông mặt trời thức dậy, vứt bỏ chiếc chăn mỏng, ông vươn vai, ban phát những tia nắng xuân vàng dịu xuống vạn vật. Tôi như nghe thấy tiếng cựa mình của cỏ cây, hoa lá trước sắc xuân. ***Mùa xuân tuyệt vời quá!*** |

**Ngày soạn: 08/08/2020**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 3: TẬP LÀM VĂN: HƯỚNG DẪN VIẾT BÀI VIẾT SỐ 5**

**I.Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức:** Giúp HS ôn tập những kiến thức về văn thuyết minh.

**2. Kỹ năng:** Rèn kĩ năng trình bày miệng, lập dàn ý, viết những kiến thức trọng tâm.

**3. Thái độ, phẩm chất:** GD ý thức học tập bộ môn

**4. Năng lực** **HS**:quan sát, suy nghĩ, phân tích, vận dụng.

**II. Tiến trình lên lớp**

**A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| Giáo viên đặt câu hỏi đề HS nhớ lại những kiến thức cơ bản về văn thuyết minh  - HS thảo luận nhóm đôi để trả lời các câu hỏi  - Gv chốt bằng bản đồ tư duy |  |

1. **Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| ***Gv Hướng dẫn học sinh làm 2 đề văn, 1 đề trong skg, 1 đề ngoài sgk***  - Gv cho hs thảo luận nhóm, chia theo dãy bàn, mỗi nhóm làm 1 đề  - Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét, bổ sung  - GV đánh giá và chốt  - HS lập dàn ý theo hướng dẫn của giáo viên  - Xác định yêu cầu của đề  ? Thuộc kiểu bài gì? Nội dung của đề bài  ***\*Hướng dẫn lập dàn bài***  a) Mở bài  b) Thân bài  c) Kết bài  - GV yêu cầu học sinh viết phần mở bài, kết bài  - Hs viết vào giấy, sau đó Gv chọn 2-3 em đứng dậy đọc  - HS khác nhận xét  - Gv nhận xét, đánh giá  **-** | ***Đề ra***  ***Đề 1: Hãy viết một bài văn giới thiệu về một cảnh đẹp của quê hương em***  ***Đề 2: Hãy giới thiệu cách nấu một món ăn mà em yêu thích.***  **Gợi ý đáp án**  **Đề 1: *Hãy viết một bài văn giới thiệu về một cảnh đẹp của quê hương em***  + Kiểu bài: thuyết minh  + Nội dung: về một cảnh đẹp của quê hương.  **\*Dàn bài mẫu**  ***a) Mở bài :***  - Giới thiệu sơ lược về quê hương.  - Giới thiệu khái quát về cảnh đẹp và tên cảnh đẹp đó  ***b) Thân bài:***  Giới thiệu theo trình tự  - Ý nghĩa của tên gọi.  - Giới thiệu vị trí địa lý, thời gian mà con người phát hiện thắng cảnh.  - Lần lượt giới thiệu và miêu tả từng phần của cảnh đẹp đó theo một trình tự hợp lý (từ ngoài vài trong, từ trước ra sau, từ tổng thể đến chi tiết...)  - Nêu vai trò, ý nghĩa của cảnh đẹp đó đối với đời sống con người ở địa phương.  ***c) Kết bài:***  - Ấn tượng của em về cảnh đẹp đó.  - Tình cảm của em đối với quê hương thông qua cảnh đẹp đó.  ***Đề 2: Hãy giới thiệu cách nấu một món ăn mà em yêu thích.***  **\* Yêu cầu**  + Kiểu bài: thuyết minh  + Nội dung: về cách nấu một món ăn.  **\*Dàn bài mẫu**  **1. Mở bài**  + Giới thiệu khái quát về món ăn  + Lý do em yêu thích món ăn đó  **2. Thân bài**  *- Giới thiệu về nguyên vật liệu*  + Giới thiệu về món ăn dùng cho mấy người ăn  + Nguyên vật liệu bao gồm những loại nào trọng lượng là bao nhiêu?  *- Giới thiệu về cách làm*  + Nguyên vật liệu cần phải làm như thế nào? (rửa sạch, thái nhỏ hoặc để nguyên...)  + Trình tự cách nấu món ăn đó diễn ra như thế nào? (Nguyên vật liệu nào dùng nấu trước, nguyên vật liệu nào dùng nấu sau?  *- Yêu cầu thành phẩm*  Món ăn sau khi nấu xong cần phải có màu sắc, mùi vị, trạng thái như thế nào?  **3. Kết bài**  + Ý nghĩa của món ăn trong cuộc sống thường ngày  + Ấn tượng của em về món ăn ấy  **\* Viết phần mở bài, kết bài: Bài mẫu: *Giới thiệu về Động Phong Nha***  **a) Mở bài**  Cứ mỗi khi nhắc tới những địa điểm du lịch ở nước ta, người ta lại nghĩ đến Vịnh Hạ Long, đảo Cát Bà, Phan Thiết,... nhưng một trong những địa danh nổi tiếng ấy không thể thiếu động Phong Nha – di sản văn hóa thế giới. Sự kì ảo của động Phong Nha đã đem lại cho du khách cảm giác thích thú như được lạc vào thế giới thần tiên. Động Phong Nha là một quà tặng của thiên nhiên dành cho đất nước ta.  **b) Kết bài**  Động Phong Nha – hang động tạo nên niềm tự hào cho dân tộc Việt Nam. Nó là bằng chứng cho sự ưu đãi của thiên nhiên nước ta. Động Phong Nha đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới. Ai đã từng đến động đều nhớ mãi sự kì diệu mà động mang lại từ vẻ đẹp thuần túy thiên nhiên.  **\*Thuyết minh về cách nấu món nem rán**  **- Mở bài:** Việt Nam được biết đến là đất nước có nền văn hóa ẩm thực khá phong phú. Chúng ta có thể kể tên các món ăn đặc sản của dân tộc như bánh chưng, bánh cốm, phở, bún bò,... và đặc biệt là món nem rán. Đây là món ăn vừa cao quý lại vừa dân dã, bình dị để lại một mùi vị khó phai mờ trong mỗi chúng ta. Một món ăn ngon nhưng cách chế biến rất đơn giản, chúng ta cùng tìm hiểu nhé.  **-Kết bài**: Nem rán không chỉ là món ăn giàu chất dinh dưỡng mà còn là món ăn góp phần tạo nên nền ẩm thực Việt với những đặc trưng và sự độc đáo riêng biệt. Món ăn này tuy dễ thực hiện nhưng lại đòi hỏi sự kì công và khéo léo nên người chế biến cần có sự tập trung nhất định. Đây còn là một trong những món ăn thu hút khách quốc tế khi đến thăm Việt Nam. Có thể nói, món nem rán nói riêng và ẩm thực Việt nói chung đang ngày càng khẳng định được giá trị trên thế giới. Hi vọng với cách làm mình giới thiệu mọi người sẽ chế biến một món ăn ngon cho gia đình |

**III. Củng cố, dặn dò**

- GV yêu cầu HS nhắc lại kiến thức về bài thơ “Đi đường”, câu cảm thán, các bước làm một bài Tập làm văn thuyết minh

- Nắm chắc kiến thức vừa ôn tập.

- Giao bài tập về nhà: Hoàn thiện bài văn vừa làm, làm hết tất cả các đề trong sgk để tiết sau ôn tập tiếp.

\* Chuẩn bị bài sau:

- HƯỚNG DẪN VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 5

- CHỦ ĐỀ: CÂU PHÂN LOẠI THEO MỤC ĐÍCH NÓI: - CÂU TRẦN THUẬT

- CHỦ ĐỀ: VĂN BẢN NGHỊ LUẬN TRUNG ĐẠI: - CHIẾU DỜI ĐÔ (Lý Công Uẩn)

**BUỔI 6**

**TIẾT 1: HƯỚNG DẪN VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 5**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức**

Củng cố kiến thức về các kiểu bài thuyết minh cơ bản: thuyết minh về vật dụng, loài vật (loài cây, con vật), phương pháp (cách làm), danh lam thắng cảnh, thể loại văn học, một con người.

**2. Kỹ năng**

Rèn kĩ năng làm bài văn thuyết minh (xác định dạng bài thuyết minh, tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý) để chuẩn bị viết bài tập làm văn số 5.

**3. Thái độ, phẩm chất**

Rèn ý thức làm bài văn thuyết minh, ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, ý thức tìm hiểu, quan sát các sự vật, hiện tượng trong đời sống, văn học.

**4. Năng lực**

- Năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực sáng tạo

- Năng lực hợp tác

- Năng lực tự quản bản thân

- Năng lực giao tiếp tiếng Việt

- Năng lực tạo lập văn bản.

**II. Tiến trình lên lớp**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học:* ÔN TẬP CÁCH LÀM MỘT SỐ KIỂU BÀI THUYẾT MINH**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ? Em hãy liệt kê các kiểu bài thuyết minh cơ bản ?  - Thuyết minh về vật dụng.  - Thuyết minh về loài vật (loài cây, con vật)  - Thuyết minh về một phương pháp (cách làm)  - Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh  - Thuyết minh về một thể loại văn học.  \*GV tổ chức cho HS thảo luận để chỉ ra nội dung cơ bản cần trình bày trong mỗi kiểu bài trên. (Chia lớp thành 5 nhóm, mỗi nhóm thực hiện cho 1 kiểu bài).  - Lần lượt các nhóm trình bày, nhóm khác góp ý.  - GV nhận xét, chốt. | **1. Kiểu bài thuyết minh về vật dụng**  **-** Nguồn gốc  - Phân loại  - Cấu tạo  - Sự phát triển, thay đổi của vạt dụng qua các thời kì xã hội  - Công dụng, ý nghĩa  - Cách sử dụng, bảo quản.  **2. Kiểu bài thuyết minh về loài vật (Các loài cây, con vật)**  - Nguồn gốc  - Chủng loại  - Đặc điểm sinh trưởng và phát triển  - Giá trị kinh tế, môi trường, về tinh thần…..  - Cách nuôi/trồng và chăm sóc.  **3.Kiểu bài thuyết minh về phương pháp (cách làm)**  - Điều kiện  - Cách thức, trình tự làm ra sản phẩm  - Yêu cầu chất lượng  **4. Kiểu bài thuyết minh về danh lam thắng cảnh**  - Vị trí địa lí, diện tích…  - Lịch sử của danh thắng:  + Có từ khi nào, lí do được xây dựng, tạo lập  + Nhân vật lịch sử được thờ cúng, các sự kiện lịch sử liên quan  + Quá trình trùng tu, tôn tạo…  - Kiến trúc độc đáo của danh thắng.  - Ý nghĩa của danh thắng.  **5. Kiểu bài thuyết minh về một thể loại văn học**  **-** Định nghĩa về thể loại (Đặc trưng cơ bản)  - Phạm vi đề tài quen thuộc của thể loại  - Những yếu tố hình thức chủ yếu của thể loại.  - Vai trò, ý nghĩa của thể loại |

***B. Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Đề 1:** Lập dàn ý cho đề văn sau:  *Giới thiệu về một danh lam thắng cảnh mà em biết.*  **Cách tiến hành luyện tập:**  Đề có tính mở nên học sinh có thể chọn các danh lam thắng cảnh khác nhau để thuyết minh. Song do thời gian ngắn nên GV tập trung hướng dẫn HS xây dựng dàn ý khái quát cho bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh cụ thể.  **Đề 2:** Lập dàn ý cho đề văn sau:  *Thuyết minh về cây hoa đào (hoặc một loại cây thường được dùng để thờ, làm cảnh) trong những ngày Tết Nguyên Đán ở nước ta.*  **Cách tiến hành luyện tập:**  Đề có tính mở nên học sinh có thể chọn hoa đào hoặc một loài cây thường được dùng để thờ, làm cảnh trong những ngày tết Nguyên Đán ở nước ta để thuyết minh . | **Đề 1:**  **Văn Miếu Quốc Tử Giám**  **a. Mở bài:** Giới thiệu về Văn Miếu Quốc Tử Giám  **b. Thân bài:**  **\* Vị trí địa lí**  Nằm ở phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội.  **\* Lịch sử hình thành**  -Được xây dựng vào tháng 10 năm 1070 tức năm Thần Vũ thứ 2 đời Vua Lê Thánh Tông. Ông cho lập Văn Miếu làm nơi thờ các ông tổ Nho giáo và Nho học như Chu Công Khổng Tử.  **\* Cảnh quan – kiến trúc**  - Hồ Văn  - Văn Miếu Môn  - Đại Trung Môn  - Khuê Văn Các  - Giếng Thiên Quang  - Bia Tiến sĩ  - Đại Thành Môn - Khu điện thờ  - Cổng Tam quan  - Nhà Thái học  **\* Giá trị**  - Văn Miếu Quốc Tử Giám là trường đại học đầu tiên của Việt Nam.   - Ngày 25-2 -2013 , 82 tấm bia Tiến sỹ được công nhận là Di sản Tư liệu Thế giới  **-** Là điểm đến tham quan, tìm hiểu, học tập của nhân dân trong nước, du khách quốc tế và nhiều nguyên thủ quốc gia trên thế giới.  **c. Kết bài:** Khái quát về ý nghĩa của Văn Miếu Quốc Tử Giám trong hiện tại và tương lai.  **Đề 2:**  **a. Mở bài:** Giới thiệu chung về cây hoa đào (hoặc một loại cây thường được dùng để thờ, làm cảnh) trong những ngày Tết Nguyên Đán ở nước Việt Nam ta.  **b. Thân bài:** Giới thiệu cụ thể cây hoa đào (hoặc một loại cây thường được dùng để thờ, làm cảnh)  **-** Nguồn gốc, phân bố chủ yếu?  - Phân loại  - Đặc điểm nổi bật của loài đó: Thân, dễ, cành, lá, hoa,.. (màu sắc, hình dáng, kích thước....); đặc tính sinh trưởng và phát triển?  - Vai trò, lợi ích, giá trị trong đời sống tinh thần và vật chất của người dân đặc biệt trong dịp Tết..  - Một số thông tin khác về đối tượng thuyết minh.  **c. Kết bài**: Khẳng định lại vai trò của cây hoa đào (hoặc loại cây mà học sinh lựa chọn) trong cuộc sống hiện tại và tương lai.  - Thể hiện tình cảm, thái độ của bản thân. |

**TIẾT 2: CHỦ ĐỀ CÂU PHÂN LOẠI THEO MỤC ĐÍCH NÓI**

***CÂU TRẦN THUẬT***

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức**

Củng cố các kiến thức về đặc điểm hình thức và chức năng của câu trần thuật.

**2. Kỹ năng**

Rèn kĩ năng nhận diện và sử dụng câu trần thuật cho phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

**3. Thái độ, phẩm chất**

Rèn ý thức học tập, ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**4. Năng lực**

- Năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực sáng tạo

- Năng lực hợp tác

- Năng lực tự quản bản thân

- Năng lực giao tiếp tiếng Việt

**II. Tiến trình lên lớp**

1. ***Hệ thống lại kiến thức đã học:* ĐẶC ĐIỂM HÌNH THỨC VÀ CHỨC NĂNG CỦA CÂU TRẦN THUẬT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ? Nhắc lại đặc điểm hình thức của câu trần thuật.  ? Câu trần thuật có những chức năng gì ? | ***1. Đặc điểm hình thức:***  - Không có hình thức của các kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán.  - Kết thúc bằng dấu chấm, đôi khi có thể kết thúc bằng dấu chấm than hoặc chấm lửng.  ***2. Chức năng:***  - Dùng để kể, thông báo, nhận định, miêu tả…  - Yêu cầu, đề nghị, bộc lộ tình cảm, cảm xúc.  - Là kiểu câu cơ bản và phổ biến nhất trong giao tiếp |
|  | |

1. **LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV dùng bảng phụ hoặc in sẵn bài tập ra phiếu.  - HS suy nghĩ cá nhân.  - GV gọi 1 số HS trả lời.  - HS khác và GV nhận xét, chốt.  **Bài 1:** **Nêu mục đích cụ thể của những câu trần thuật dưới đây:**  a. *(1) Mỗi câu “Chối này” chị Cốc lại giáng một mỏ xuống. (2) Mỏ Cốc như cái dùi sắt, chọc xuyên cả đất.*  (Tô Hoài)  b. *(1) Càng đổ dần về hướng mũi Cà Mua thì sông ngòi, kênh rạch càng bủa giăng chi chít như những mạng nhện. (2) Trên thì trời xanh, dưới thì nước xanh, chung quanh mình cũng chỉ toàn một sắc xanh cây lá.*  (Đoàn Giỏi)  c. *Em gái tôi tên là Kiều Phương, nhưng tôi quen gọi nó là Mèo vì mặt nó luôn bị chính nó bôi bẩn.*  (Tạ Duy Anh)  d*. Những động tác thả sào, rút sào rập ràng nhanh như cắt.*  (Võ Quảng)  e. *Các con ơi, đây là lần cuối cùng thầy dạy các con.*  (An-phông-xơ Đô-đê)  g. *Cầu Long Biên bắc qua sông Hồng, Hà Nội, được khởi công xây dựng vào năm 1898 và hoàn thành sau bốn năm, do kiến trúc sự nổi tiếng người Pháp Ep-phen thiết kế.*  (Thuý Lan). | a. (1): kể; (2): miêu tả.  b. (1), (2) kể  c. giới thiệu.  d. nhận xét.  e. tuyên bố  g. giới thiệu. |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: Cá nhân.  **Bài 2**: **Xác định câu trần thuật trong các đoạn văn, văn bản sau:**  a.  - *Nào tôi đâu biết cơ sự lại ra nông nỗi này ! Tôi hối lắm ! Tôi hối hận lắm ! Anh mà chết là chỉ tại cái tội ngông cuồng dại dột của tôi. Tôi biết làm thế nào bây giờ ?*  (Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*)  b. **Ông già và thần Chết**  *Một lần ông già đẵn xong củi và mang về. Phải mang đi xa ông già kiệt sức, đặt bó củi xuống rồi nói:*  *- Chà, giá thần Chết đến mang ta đi có phải hơn không !*  *Thần Chết đến và bảo:*  *-Ta đây, lão cần gì nào ?*  *Ông già sợ hãi bảo:*  *-Lão muốn ngài nhấc hộ bó củi lên cho lão.*  (Lép Tôn-xtôi, *Kiến và chim bồ câu*). | a.- Nào tôi đâu biết cơ sự lại ra nông nỗi này !  -Anh mà chết là chỉ tại cái tội ngông cuồng dại dột của tôi.  b.– Một lần ông già đẵn xong củi và mang về.  - Phải mang đi xa ông già kiệt sức, đặt bó củi xuống rồi nói:  - Ông già sợ hãi bảo:  - Lão muốn ngài nhấc hộ bó củi lên cho lão. |
| **Bài 3: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**  "*Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt, lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng."*  *(Ngữ văn 8- tập 2)* ***Câu 1:*** Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai ?  ***Câu 2***: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên.  ***Câu 3***: Đoạn văn trên gồm mấy câu? Mỗi câu thuộc kiểu câu nào phân theo mục đích nói ? Dùng để làm gì ? | **Câu 1:**  - Đoạn văn trên trích trong văn bản *Hịch tướng sĩ,* tác giả là Trần Quốc Tuấn.  **Câu 2:**  - Phương thức biểu đạt chính: nghị luận  **Câu 3:**   * Đoạn văn gồm 2 câu * Kiểu câu trần thuật * Mục đích: được dùng với mục đích bộc lộ cảm xúc. |
| Hình thức thực hiện: Cá nhân.  **Bài 3:** Viết một đoạn văn nói về vai trò, ý nghĩa của hoa đào ngày tết, có sử dụng câu trần thuật. Chỉ ra chức năng của một câu trần thuật trong đó. | HS viết đoạn văn theo yêu cầu.  Tham khảo:  *Hoa đào cùng với bánh chưng xanh là thứ không thể thiếu trong dịp lễ tết cổ truyền của dân tộc. Khách du lịch đến Việt Nam coi cành đào là món quà mang giá trị tinh thần lớn, những người con xa xứ khi ngắm cành đào lại nhớ về quê hương, như được sống với không khí tết của quê mình. Cây đào không chỉ để làm cảnh, lấy quả mà còn dùng để chế thuốc rất hiệu quả. Hoa đào được chế làm thuốc đắp mặt, đem lại làn da mát, mịn màng, hồng hào cho người phụ nữ. Hoa đào còn được chế thành thuốc chữa một số loại bệnh rất hiệu quả.*  Câu trần thuật: “*Hoa đào cùng với bánh chưng xanh là thứ không thể thiếu trong dịp lễ tết cổ truyền của dân tộc.” –* Chức năng: nhận định. |

**TIẾT 3: CHỦ ĐỀ VĂN BẢN NGHỊ LUẬN TRUNG ĐẠI**

***CHIẾU DỜI ĐÔ* – LÍ CÔNG UẨN**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức**

Củng cố các kiến thức cơ bản về văn bản *Chiếu dời đô* (Hoàn cảnh ra đời, đặc sắc về nội dung, nghệ thuật).

**2. Kỹ năng**

Rèn kĩ năng đọc – hiểu văn bản nghị luận Trung đại.

**3. Thái độ, phẩm chất**

Rèn ý thức học tập, bồi dưỡng lòng yêu nước, tự hào dân tộc.

**4. Năng lực**

- Năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực sáng tạo

- Năng lực hợp tác

- Năng lực tự quản bản thân

- Năng lực giao tiếp tiếng Việt

- Năng lực thưởng thức văn học

**II. Tiến trình lên lớp:**ÂU TRẦN THUẬTCÂU TRẦN T

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học:* KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TÁC PHẨM**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ? Nhắc lại những nét chính về tác giả Lí Công Uẩn.  ? Văn bản “Chiếu dời đô” được sáng tác trong hoàn cảnh nào ?  ? Văn bản được viết theo thể loại nào ? Nhắc lại những đặc điểm chính của thể loại đó ?  ? Khái quát nội dung của văn bản “Chiếu dời đô”.  ? Nhắc lại những nét chính về nghệ thuật của văn bản.  - GV yêu cầu HS vẽ sơ đồ tư duy hệ thống các nội dung sau:  + Tác giả  + Hoàn cảnh sáng tác, Thể loại, bố cục.  + Các nội dung chính theo bố cục của văn bản. | **1.Tác giả**  Lí Công Uẩn (974 – 1028) tức Lí Thái Tổ là người thông minh, nhân ái, có chí lớn và lập được nhiều chiến công.  **2. Hoàn cảnh sáng tác**  Năm 1010, Lí Công Uẩn quyết định dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) ra Đại La (sau đổi thành Thăng Long – Hà Nội ngày nay), đổi tên nước từ Đại Cồ Việt thành Đại Việt, bắt đầu một thời kì phát triển mới của dân tộc. Nhân dịp này, Lí Công Uẩn viết “Chiếu dời đô” để thông báo rộng rãi quyết định dời đô của mình cho toàn thể dân chúng được biết.  **3. Thể loại: Chiếu.**  **4. Nội dung, nghệ thuật**  ***a. Nội dung:***  “Chiếu dời đô” phản ánh khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập, thống nhất, đồng thời phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh.  ***b. Nghệ thuật***  “Chiếu dời đô” là áng văn nghị luận đặc sắc, có cách lập luận mạch lạc, chặt chẽ, các lí lẽ sắc sảo, rõ ràng. Đồng thời bài chiếu có sự kết hợp hài hòa giữa lí và tình, tạo nên sức thuyết phục mạnh mẽ. |
|  | |

***B. Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| Hình thức thực hiện: Cá nhân.  **Bài 1: Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**  “Xưa nay, thủ đô luôn là trung tâm về văn hóa, chính trị của một đất nước. Nhìn vào thủ đô là nhìn vào sự suy thịnh của một dân tộc. Thủ đô có ý nghĩa rất lớn. Việc dời đô, lập đô là một vấn đề trọng đại quyết định phần nào với tới sự phát triển tương lai của đất nước. Muốn chọn vùng đất để định đô, việc đầu tiên là phải tìm một nơi *“trung tâm của trời đất*, một nơi có thế *“rồng cuộn hổ ngồi”.* Nhà vua rất tâm đắc và hào hứng nói tới cái nơi *“đã đúng ngôi nam bắc đông tây, lại tiện hướng nhìn sông dựa núi”.* Nơi đây không phải là miền Hoa Lư chật hẹp, núi non bao bọc lởm chởm mà là *“địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng”.* Thật cảm động một vị vua anh minh khai mở một triều đại chói lọi trong lịch sử Đại Việt đã rất quan tâm tới nhân dân. Tìm chốn lập đô cũng vì dân, mong cho dân được hạnh phúc: *“Dân khỏi chịu cảnh ngập lụt”*. Nơi đây dân sẽ được hưởng no ấm thái bình vì*“muôn vật cũng rất mực tốt tươi...”*. Nhà vua đánh giá kinh đô mới *“Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chốn hội tụ trọng yếu của bốn phương đất nước, cũng là nơi kinh đô bậc nhất của của đế vương muôn đời”.* Chính vì thế nhà vua mới bày tỏ ý muốn:*“Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở. Các khanh nghĩ thế nào?”*.  *(Nguồn: Internet)*  ***Câu 1***: Đoạn trích trên khiến em liên tưởng đến văn bản nào đã học trong chương trình Ngữ văn 8, tập 2? Cho biết tác giả và thời điểm ra đời của tác phẩm đó?  ***Câu 2***: Tác phẩm được đề cập đến trong đoạn trích trên ra đời có ý nghĩa như thế nào đối với dân tộc Đại Việt lúc bấy giờ?  ***Câu 3:***  a. Xác định kiểu câu của hai câu sau: (1)*“Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở*.(2) *Các khanh nghĩ thế nào?”*.  b. Hãy cho biết mỗi câu văn trên thực hiện hành động nói nào? | **Câu 1:**  *-* Đoạn trích trên gợi em nhớ đến văn bản “Chiếu dời đô”.  - Tác giả: Lí Công Uẩn.  **Câu 2:**  - Tác phẩm *Chiếu dời đô* ra đời có ý nghĩa phản ánh khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập, thống nhất  - Đồng thời phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh.  **Câu 3:**  -  *“Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở.* => Câu trần thuật , hành động trình bày (nêu ý kiến).  -  *Các khanh nghĩ thế nào?”* => Câu nghi vấn, hành động hỏi. |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: Thảo luận nhóm.  **Bài 2: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**  "*Xưa nhà Thương đến vua Bàn Canh năm lần dời đô; nhà Chu đến vua Thành Vương cũng ba lần dời đô. Phải đâu các vua thời Tam đại theo ý riêng mà tự tiện chuyển dời? Chỉ vì muốn đóng đô ở nơi trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu; trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân, nếu thấy thuận tiện tiện thì thay đổi. Cho nên vận nước lâu dài, phong tục phồn thịnh…”*  (Ngữ văn 8, tập 2)    ***Câu 1:*** Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Do ai sáng tác? Trình bày hoàn cảnh sáng tác của văn bản ấy.  ***Câu 2***: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên.  ***Câu 3***: Hai câu “*Xưa nhà Thương đến vua Bàn Canh năm lần dời đô; nhà Chu đến vua Thành Vương cũng ba lần dời đô. Phải đâu các vua thời Tam đại theo ý riêng mà tự tiện chuyển dời?*” thuộc kiểu câu gì? Chúng dùng với mục đích gì?  ***Câu 4:*** Theo tác giả thì việc dời đô của các vua nhà Thương, nhà Chu nhằm mục đích gì? Kết quả việc dời đô ấy ra sao?  ***Câu 5:*** Xác định nội dung chính của đoạn văn trên. | **Câu 1:**  - Đoạn văn trên trích trong văn bản : Chiếu dời đô (Thiên đô chiếu)  - Tác giả : Lý Công Uẩn  **- Hoàn cảnh sáng tác:** Năm 1010, Lí Công Uẩn quyết định dời đô từ Hoa Lư ra Đại La, đổi tên Đại Việt thành Đại Cồ Việt. Nhân dịp này ông đã viết bài chiếu để thông báo rộng rãi quyết định cho nhân dân được biết.  **Câu 2:**  - Phương thức biểu đạt chính: nghị luận  **Câu 3:**  - Câu 1: “*Xưa nhà Thương đến vua Bàn Canh năm lần dời đô; nhà Chu đến vua Thành Vương cũng ba lần dời đô.”* là câu trần thuật  - Mục đích: trình bày  - Câu 2: “*Phải đâu các vua thời Tam đại theo ý riêng mà tự tiện chuyển dời?*” là câu nghi vấn  - Mục đích: phủ định  **Câu 4:**  Theo tác giả thì việc dời đô của các vua nhà Thương, nhà Chu nhằm mục đích : mưu toan nghiệp lớn, xây dựng vương triều phồn thịnh, tính kế lâu dài cho các thế hệ sau. Việc dời đô thuận theo mệnh trời, thuận theo ý dân.  - Kết quả của việc dời đô là làm cho đất nước vững bền ( hoặc vận nước lâu dài) , phát triển phồn thịnh. Việc dời đô không có gì là khác thường, trái với quy luật.  **Câu 5:**  Nội dung chính của đoạn văn: Dẫn dắt việc dời đô của các triều đại trước để tăng sức thuyết phục cho quyết định dời đô của vua Lý Công Uẩn |
| Hình thức luyện tập: Thảo luận nhóm.  **Bài tập 3:** Tại sao có thể nói “Chiếu dời đô” ra đời phản ánh ý chí độc lập, tự cường và sự phát triển lớn mạnh của dân tộc Đại Việt”. | - Chiếu dời đô đánh dấu mốc son chói lọi mở đầu cho lịch sử của mảnh đất Thăng Long ngàn năm văn hiến.  **-** Việc dời đô là một tất yếu, kinh đô cũ Hoa Lư không phù hợp với đất nước trong kỉ nguyên mới.  - Mục đích dời đô: không chỉ để phát nghiệp đế vương, củng cố sự trị vì của triều đại mà còn thể hiện khát vọng xây dựng quốc gia độc lập, thịnh trị.  - Thể hiện tầm vóc ngày càng phát triển lớn mạnh của triều Lí .  - Thể hiện tầm nhìn chiến lược, tư tưởng tiến bộ của Lí Công Uẩn. |
| Hình thức luyện tập: Cá nhân.  **Bài tập 4:** Bài “Chiếu dời đô” nguyên tác bằng chữ Hán (“Thiên đô chiếu”) được viết bằng văn xuôi, có nhiều câu văn biền ngẫu. Bả dịch ra tiếng Việt đã cố gắng bám sát nguyên tác. Hãy tìm một số câu văn có tính biền ngẫu trong văn bản dịch và nhận xét về tác dụng của những câu văn biền ngẫu ấy. | Một số câu văn có tính biền ngẫu:  *-“Đã đúng ngôi nam bắc đông tây; lại tiện hướng nhìn sông dựa núi”.*  *-“Địa thế rộng mà bằng; đất đai cao mà thoáng”.*  *-“Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt; muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi.”*  *-“Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời”.*  Những câu văn biền ngẫu tạo cho lời văn có nhịp điệu, cân xứng, nhịp nhàng. Các vế đối nhau trong câu văn biền ngẫu giúp cho tác giả có thể diễn tả nhiều ý trong sự đối sánh, bổ sung cho nhau làm cho điều định nói được thể hiện tập trung, nhấn mạnh, tạo sự chú ý và dễ nhớ cho người nghe, người đọc. |

**III. Củng cố - Dặn dò**

\* Củng cố: GV kiểm tra việc nắm chắc nội dung đã ôn tập của HS.

\* Giao bài tập về nhà: Viết thành bài văn cho hai dàn bài đã xây dựng ở trên.

\* Dặn dò:

- Chuẩn bị kĩ cho bài TLV số 5.

- Ôn tập trước các nội dung:

+ Câu phủ định.

+ Văn bản “Hịch tướng sĩ”

+ Hành động nói.

**BUỔI 7**

**Tiết 1: CHỦ ĐỀ CÂU CHIA THEO MỤC ĐÍCH NÓI**

**- CÂU TRẦN THUẬT-**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức***

- HS nhắc lại đặc điểm hình thức của câu trần thuật.

- Chức năng của câu trần thuật.

***2.*** ***Kĩ năng***

- Nhận biết câu trần thuật trong các văn bản.

- Sử dụng câu trần thuật phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

- Vận dụng làm bài tập.

***3. Thái độ***

- Có thái độ nghiêm túc trong học tập.

***4. Hình thành và phát triển năng lực HS***

- Năng lực giải quyết vấn đề, biết sử dụng câu trần thuật theo đúng mục đích trong giao tiếp.

**II. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ? Câu trần thuật có đặc điểm hình thức như thế nào ? Ví dụ ?  ? Chức năng của câu trần thuật ? Ví dụ ? | **I. Ôn tập câu trần thuật**  ***1. Đặc điểm hình thức***  -  Không có đặc điểm hình thứccủa các kiêu câu nghi vấn, cảm thán....  - Kết thúc bằng dấu chấm đôi khi kết thúc bằng dấu chấm, hoặc dấu chấm lửng  VD:- Em gái tôi tên là Kiều Phương, nhưng tôi quen gọi nó là Mèo vì nó luôn bị chính nó bôi bẩn  ***2. Chức năng***  - Dùng để kể, thông báo nhận định, miêu tả....  - Ngoài ra còn dùng để yêu cầu, đề nghị, bộc lộ tình cảm, cảm xúc...  - Là kiểu câu cơ bản và được dùng phổ biến trong giao tiếp  Vd:  - Trời đang mưa.  - Quyển sách đẹp quá! Tớ cảm ơn bạn! Cảm ơn bạn! |

***B. Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| \*GV yêu cầu học sinh làm bài theo đơn vị cá nhân  Bài 1: (SGK)    Nhận xét về kiểu câu và ý nghĩa của 2 câu trong nguyên tác và bản dịch bài *Ngắm trăng* (câu 2)?  **Bài 2:**  *“ Chuột Cống chùi bộ râu và bgoij nđám bộ hạ: “ Kìa chúng bay đâu, xem thằng Nồi Đồng hôm nay co gì chén được không?”*  *Lũ chuột bò lên chạn, leo lên bác Nồi Đồng. Năm sáu thằng xúm lại, húc mõm vào, cố mãi mới lật được cái vung nồi ra. “ Ha ha! Cơm nguội! Lại có bát cá kho! Cá rô kho khế, vừa dừ, vừa thơm. Chít chít anh em ơi, lại đánh chén đi thôi!”*  Xác định kiểu câu của các câu trong đoạn trích trên? Cho biết các câu đó thực hiện chức năng gì? | ***II. Luyện tập***  ***Bài 1:***  - Trước cảnh đẹp đêm nay biết làm thế nào ? => câu nghi vấn *Đối thử lương tiêu nại nhược hà ?*  - Câu ở phần dịch thơ: câu trần thuật  - Ý nghĩa: đêm trăng đẹp gây sự xúc động mãnh liệt cho nhà thơ, khiến nhà thơ muốn làm được điều gì đó.  ***Bài 2:***  Câu 1: trước dấu hai chấm: câu trần thuật( chức năng: kể); sau dấu hai chấm: câu nghi vấn(chức năng cầu khiến).  Câu 2: câu trần thuật( chức năng kể)  Câu 3: câu trần thuật( chức năng kể)  Câu 4: câu cảm thán( bộc lộ cảm xúc)  Câu 5: cầu khiến( yêu cầu) |
| Ba câu sau có điểm gì giống nhau? Xác định kiểu câu phân chia theo mục đích nói?  1) Anh tắt thuốc lá đi!  2) Anh có thể tắt thuốc lá được không?  3) Xin lỗi, ở đây không được hút thuốc lá | ***Bài 3:***  - Giống: Đều có chức năng cầu khiến  - Khác:  + 1: Câu cầu khiến  + 2: Câu nghi vấn  + 3: câu trần thuật |
| \*GV yêu cầu làm việc theo đơn vị cá nhân  Đặt câu trần thuật dùng để kể, tả, nhận xét, khuyên bảo, yêu cầu, chào, hứa hẹn; câu cảm thán bộc lộ cảm xúc vui mừng, sung sướng, tức giận.  - HS lên bảng đặt câu, nhận xét  - GV nhận xét  Hãy viết đoạn văn( Chủ đề tự chọn) có sử dụng 4 kiểu câu phân chia theo mục đích nói. | ***Bài 4:***  - Em hứa chắc chắn, mai em sẽ đến  - Chào chào bà ạ.  - Ở đây không được hút thuốc lá.  ***Bài 5:***  \* Gợi ý:  - Nội dung: môi trường  + Câu trần thuật: Nêu hiện trạng môi trường hiện nay.  + Câu cảm thán: Bộc lộ cảm xúc thương cảm dành cho những loài sinh vật; tức giận trước hành vi xả rác bừa bãi ra môi trường.  + câu cầu khiến: kêu gọi mọi người hãy giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường  + Câu nghi vấn dùng để bộc lộ cảm xúc. |

**----------------------------------------------------------------**

**Tiết 2: CHỦ ĐỀ: HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP**

* **HÀNH ĐỘNG NÓI-**

**I. MỤC TIÊU**

HS nắm chắc:

***1. Kiến thức***

- Khái niệm hành động nói, các kiểu hành động nói thường gặp, và các cách thực hiện hành động nói.

***2. Kĩ năng***

- Xác định được hành động nói trong các văn bản đã học và trong giao tiếp.

- Tạo lập được hành động nói phù hợp với mục đích giao tiếp.

***3. Thái độ***

- Có ý thức tự giác học tập.

***4. Năng lực***

- Năng lực giải quyết vấn đề, tự học, năng lực xác định đúng vai trong cuộc hội thoại, năng lực giao tiếp Tiếng Việt ( lựa chọn, dùng từ, sử dụng ngôn ngữ), biết cách thực hiện hành động nói để đạt được mục đích giao tiếp.

**II. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

***A.Hệ thống lại kiến thức đã học***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | | | **Kiến thức cần đạt** | | | |
| Em hiểu thế nào là hành động?  Hành động nói là gì? Cho Ví dụ?  Gọi tên các hành động nói thường gặp? (HS kể)  ? Các hành động nói ấy được thực hiện bằng cách nào? | | | **I. KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN NẮM**  ***1. Khái niệm***  - Hành động nói là hành động được thực hiện bằng lời nói.  VD: Em chào cô ạ!  => Hành động chào  ***2. Các kiểu hành động nói và cách thực hiện.***  ***a. Cách dùng trực tiếp ( hành động nói trực tiếp)***  - Cách dùng các kiểu câu phân chia theo mục đích nói có chức năng chính trùng với mục đích của hành động nói.  VD: Câu trần thuật – trình bày  Câu cảm thán – Bộc lộ cảm xúc  Câu nghi vấn – Hỏi  Câu cầu khiến – yêu cầu  ***b. Cách dùng gián tiếp ( hành động nói gián tiếp***)  - Dùng các kiểu câu phân chia theo mục đích nói không đúng với chức năng chính của nó.  VD : Câu Nghi vấn – Yêu cầu, bộc lộ cảm xúc  Câu trần thuật - điều khiển | | | |
| **HĐ nói**  **Kiểu câu** | **Trình bày** | **Hỏi** | | **Điều khiển** | **Hứa hẹn** | **Bộc lộ cảm xúc** | |
| **Nghi vấn** |  | Trực tiếp | | Gián tiếp |  | Gián tiếp | |
| **Trần thuật** | Trực tiếp |  | | Gián tiếp | Trực tiếp | Gián tiếp | |
| **Cầu khiến** |  |  | | Trực tiếp |  |  | |
| **Cảm thán** |  |  | |  |  | Trực tiếp | |

**B. Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 1: (sgk)**  Trần Quốc Tuấn viết *Hịch tướng sĩ* nhằm mục đích gì?  Hãy xác định mục đích của hành động nói thể hiện ở 1 câu trong bài hịch và vai trò của câu ấy đối với việc thực hiện mục đích chung.  **Bài 2:**  Những câu sau được dùng để thực hiện hành động nói nào? Chỉ ra cách thực hiện hành động nói của chúng  1. Em cam đoan những điều trên là đúng sự thật.    2. Kính chào nữ hoàng. Chắc bây giờ nữ hoàng đã thỏa lòng rồi chứ?    3. Cháu van ông, nhà cháu mới tỉnh được một lúc ông tha cho!    4. Cảm ơn cụ, nhà cháu đã tỉnh táo như thường.    5. Tôi mời lão hút trước.  => Câu trần thuật – kể – HĐ nói trực tiếp  6. Để cảnh cáo tôi bố đã viết thư này.  7. Thật là chốn hội tụ trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.    8.Thật ra thỡ lóo chỉ tẩm ngầm thế, nhưng cũng ra phết chứ chả vừa đâu: nó vừa xin tụi một ít bả chó .  **Bài tập 3:**  Đoạn trích dưới đây có ba câu chứa từ *hứa*. Hãy xác định kiểu hành động nói được thực hiện trong mỗi câu ấy.  *Em đi nhanh về chiếc giường, đặt con Em Nhỏ quàng tay vào con Vệ Sĩ.*  *- Em để nó ở lại – Giọng em ráo hoảnh – Anh phải hứa với em không bao giờ để chúng ngồi cách xa nhau (a). Anh nhớ chưa? Anh hứa đi (b).*  *- Anh xin hứa (c).*  *Tôi mếu máo trả lời và đứng như chôn chân xuống đất, nhìn theo cái bóng bé nhỏ liêu xiêu của em tôi trèo lên xe.*  **Bài tập 4:**  Nên dùng câu nào để hỏi người lớn trong những câu dưới đây?  a) *Bác có biết bưu điện ở đâu không ạ?*  b) *Bác làm ơn chỉ giùm cháu bưu điện ở đâu ạ.*  c) *Bưu điện ở đâu, hả bác?*  d) *Chỉ giùm cháu bưu điện ở đâu với!*  e) *Bác có thể chỉ giúp cháu bưu điện ở đâu không ạ?* | **Bài tập 1:**  Trần Quốc Tuấn viết *Hịch tướng sĩ* nhằm mục đích khích lệ tướng sĩ học tập *Binh thư yếu lược* do ông soạn ra và khích lệ lòng yêu nước của tướng sĩ.  **Bài 2:**  1. Em cam đoan những điều trên là đúng sự thật.  => Câu trần thuật – hứa hẹn – HĐ nói trực tiếp.  2. Kính chào nữ hoàng. Chắc bây giờ nữ hoàng đã thỏa lòng rồi chứ?  => Câu trần thuật – chào ( bộc lộ cảm xúc) – HĐ nói trực tiếp  3. Cháu van ông, nhà cháu mới tỉnh được một lúc ông tha cho!  => Câu trần thuật – cầu khiến ( van)- HĐ nói gián tiếp  4. Cảm ơn cụ, nhà cháu đã tỉnh táo như thường.  => Câu trần thuật – Bộc lộ cảm xúc ( cảm ơn) – HĐ nói trực tiếp  5. Tôi mời lão hút trước.  => Câu trần thuật – kể – HĐ nói trực tiếp  6. Để cảnh cáo tôi bố đã viết thư này.  => Câu trần thuật – kể – HĐ nói trực tiếp  7. Thật là chốn hội tụ trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.  => Câu trần thuật – nhận định– HĐ nói trực tiếp  8.Thật ra thỡ lóo chỉ tẩm ngầm thế , nhưng cũng ra phết chứ chả vừa đâu: nó vừa xin tụi một ít bả chó .  => Câu trần thuật – trình bày – HĐ nói trực tiếp  **Bài tập 3:**  *-*  Kiểu hành động nói trong các câu là:  Câu (a): trình bày (nêu ý kiến nhắc nhở).  Câu (b): cầu khiến (giục giã).  Câu (c): hứa hẹn.  => Không phải tất cả các câu có từ *hứa* đều thực hiện hành động hứa hẹn  **Bài tập 4 :**  *-* Tất cả các câu đều có thể sử dụng để hỏi người lớn.  - Cần sử dụng câu b,e bởi nó mang tính lịch cao hơn. |

**Tiết 3: CHỦ ĐỀ VĂN BẢN NGHỊ LUẬN TRUNG ĐẠI**

* **HỊCH TƯỚNG SĨ -**

**I. MỤC TIÊU**

HS nắm chắc:

***1. Kiến thức***

- Những nét cơ bản về tác giả, nắm chắc hoàn cảnh sáng tác

- Hiểu và cảm nhận được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của một số tác phẩm hoặc đoạn trích nghị luận trung đai: Hịch tướng sĩ

- Hiểu được đặc điểm chính của thể hịch.

***2. Kĩ năng***

- Vận dụng những kiến thức đã học vào làm bài tập

***3. Thái độ***

- Nghiêm túc, tự giác học bài

- Tựu hào về các anh hùng dân tộc

***4. Hình thành và phát triển năng lực năng lực HS***

- Phân tích, trình bày, cảm thụ văn học, hợp tác, tự học, liên hệ, tạo lập đoạn văn, bài văn nghị luận, phát biểu cảm nghĩ.

**II. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học***

|  |  |
| --- | --- |
| Nêu hiểu biết của em về tác giả?    Xác định thể loại? Đặc điểm?  Nêu hoàn cảnh sáng tác?  Những nét đặc sắc về nghệ thuật?  Ý nghĩa của tác phẩm?  GV tổng kết lại bằng sơ đồ tư duy dưới đây: | **I. KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN NẮM**  ***1. Tác giả***  - Hưng Đaọ Vương Trần Quốc Tuấn (1231-1300) là vị anh hùng dân tộc, là người có phẩm chất cao đẹp, văn võ song toàn, có công lao lớn trong các cuộc kháng chiến chống Mông Nguyên lần 2 và 3.  ***2. Tác phẩm***  ***a. Thể loại***  - Thể hịch  ***b. Hoàn cảnh***  - Được viết trước cuộc kháng chiến chống Mông Nguyên lần 2 ( 1285) để khích lệ tướng sĩ học tập cuốn *Binh thư yếu lược*.  ***c. Nghệ thuật:***  - Kết cấu chặt chẽ, sáng tạo.  - Lập luận sắc bén, kết hợp lí lẽ với tình cảm( lí lẽ sắc bén, tình cảm sôi nổi)  - Hình ảnh phong phú, sinh động.  - Văn xuôi kết hợp văn biền ngẫu.  => Là văn bản nghị luận mẫu mực, một áng văn bất hủ của muôn đời.  ***d. Nội dung:***  - Lời khích lệ chân tình của Trần Quốc Tuấn đối với tướng sĩ.  - Lòng yêu nước, căm thù giặc sâu sắc của Trần Quốc Tuấn và nhân dân ta thời Trần.  - Thể hiện ý chí sẵn sàng chiến đấu, quyết chiến, quyết thắng quân xâm lược. |
|  | |

**Phần B: Luyện tập**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đề bài 1:**  ? Hãy chỉ ra cách lập luận ở bài *Hịch Tướng sĩ?* | **II. Luyện tập**  **Bài 1:**  **\* Gợi ý :**  Nghệ thuật lập luận của hịch tướng sĩ đó là khích kệ nhiều mặt từ ý chí lập công danh, xả thân vì nước cho đến lòng tự trọng cá nhân, tự tôn dân tộc, căm thù quân giặc, tinh thần trung quân ái quốc .... để cuối cùng khích lệ lòng yêu nước bất khuất, quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược. Cụ thể :   |  | | --- | | - Khích lệ lòng căm thù giặc nỗi nhục mất nước.  - Khích lệ lòng trung quân ái quốc, và lòng ân nghĩa thủy chung của người cùng cảnh ngộ.  - Khích lệ lòng tự trọng, liêm sỉ ở mỗi người khi nhận rõ cái sai, điều đúng  - Khích lệ ý chí lập công danh, xả thân vì nước | |
| ***Đề bài 2:***  Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:  *Ta thường tới bữa* ***quên*** *ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức* ***chưa*** *xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.*  a. Đoạn văn trên được trích trong văn bản nào? của ai? Nêu hoàn cảnh sáng tác của văn bản đó?  b. Căn cứ vào kiểu câu phân chia theo mục đích nói, hãy xác định kiểu câu và chức năng của các câu trong đoạn văn trên. Tác dụng của việc sử dụng kiểu câu đó.  c. Có thể thay ***quên*** bằng ***không***, ***chưa*** bằng ***chẳng*** được không? Vì sao? | **Bài 2:**  \* Gợi ý:  - Đoạn văn trên được trích trong văn bản “ Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn  - Hoàn cảnh sáng tác: “Hịch tướng sĩ” được Trần Quốc Tuấn viết vào khoảng trước cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên lần thứ hai ( năm 1285).  - Cả 2 câu đều là câu trần thuật dùng để Bộc lộ cảm xúc.  => Tác dụng: Thể hiện tâm trạng đau xót đến quặn lòng trước tình cảnh đất nước, căm thù giặc đến bầm gan tím ruột, mong rửa nhục đến quên ăn, mất ngủ; vì nghĩa lớn mà coi thường xương tan, thịt nát -> ông là một con người yêu nước thiết tha. - Không thể thay ***quên*** bằng ***không***, ***chưa*** bằng ***chẳng*** được vỡì Việc thay thế sẽ làm thay đổi hẳn ý nghĩa của cõu.  ***- Quên*** ở đây có nghĩ là “ *không nghĩ đến, không để tâm đến”* . Phải dùng từ này mới thể hiện được chính xác ý của người viết: Căm thù giặc và tìm cách trả thù đến mức không quan tâm đến việc ăn uống, một hoạt động thiết yếu và diễn ra hằng ngày đối với tất cả mọi người. ( ***quên:*** không phải là từ phủ định)  **+ *Chưa*** có nghĩa là trong tương lai sẽ thực hiện được, còn nếu dùng từ ***chẳng*** thì có nghĩa là không bao giờ thực hiện được ý định trả thù. |
| ***Đề bài 3:***  Trình bày cảm nhận của em về đoạn văn sau:  *Huống chi ta cùng các ngư­ơi sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đ­ường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa để thoả lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn. Thật khác nào như­ đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi để tai vạ về sau!* | **Bài 3:**  *\* Gợi ý:*  Trong đoạn văn trên bằng các từ ngữ giàu hình ảnh gợi tả, phép ẩn dụ, câu văn biền ngẫu, Trần Quốc Tuấn đó lột tả rõ mọi tội ác và sự ngang ngược của kẻ thù. Với các từ ngữ giàu hình ảnh gợi tả, gợi cảm: (đi lại) nghênh ngang, sỉ mắng (triều đình) bắt nạt (tể phụ) tác giả đó tố cáo sự hống hách, ngạo mạn, ngang ngược của kẻ thù.  - Một loạt động từ được sử dụng trong đoạn văn: đòi(ngọc lụa), thu(bạc vàng), vét(của kho có hạn) tác giả còn chỉ rõ bản chất tham lam đê hèn của bọn giặc. Những hình tượng ẩn dụ “cú diều”, “dê chó”, “hổ đói” chỉ sứ Nguyên không chỉ nói nên bản chất độc ác, hung hãn, tàn bạo của quân giặc mà còn cho thấy nỗi căm giận và lòng khinh bỉ giặc cao độ của Trần Quốc Tuấn.  Đoạn văn đó thể hiện lòng căm thù giặc sâu sắc, lòng yêu nước nồng nàn của Trần Quốc Tuấn từ đó khơi dậy lòng căm thù giặc, ý chí đoàn kết, quyết chiến, quyết thắng giặc Nguyên Mông xâm lược của các tướng sĩ đời Trần. |

**III. Củng cố, dặn dò**

- Nắm chắc các kiến thức đã học

\* Dặn dò: Chuẩn bị các bài tiết học sau:

CHỦ ĐỀ: VĂN BẢN NGHỊ LUẬN TRUNG ĐẠI

- Nước Đại Việt ta

CHỦ ĐỀ : HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP

* Hành động nói (Tiếp)

CHỦ ĐỀ: LUYỆN VIẾT VĂN NGHỊ LUẬN

- Ôn tập về luận điểm

**BTVN:** Tự tạo lập một đoạn hội thoại giữa em với một bạn khác về chủ đề: *Kì thi sắp tới*. Chỉ ra những hành động nói được thực hiện trong lượt lời của mình

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**BUỔI 8**

**TIẾT 1: NƯỚC ĐẠI VIỆT TA**

**(Nguyễn Trãi)**

**I.Mục tiêu cần đạt:**

**1. Kiến thức:** Năm được thể cáo,.hoàn cảnh lịch sử liên quan đến sự ra đời của Bình Ngô đại cáo.

- ND tư tưởng tiến bộ của Nguyễn Trãi về đất nước, dân tộc.

- Đặc điểm văn chính luận của Bình Ngô đại cáo ở 1 đoạn trích.

**2.Kỹ năng:** đọc hiểu văn bản chính luận thuộc thể cáo

. **3.Thái độ, phẩm chất:** tự hào về truyền thống yêu nước bất khuất của ông cha ta .

-Tích hợp giáo dục quốc phòng an ninh:

-Tinh thần chiến đấu dũng cảm của tướng sĩ trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm

**4.Năng lực:**

- Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để hiểu nội dung văn bản về chủ đề yêu nước

- Năng lực giải quyết vấn đề, tự học

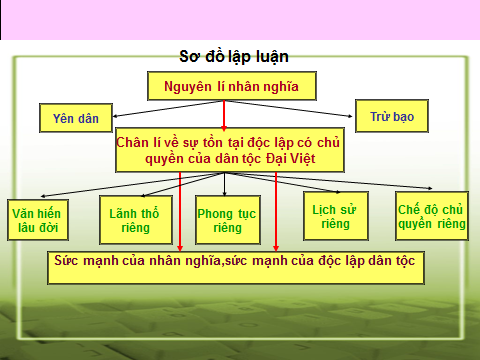
**-** Năng lực tiếp nhận: đọc -hiểu văn bản

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ để trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về vấn đề yêu nước

**II.Tiến trình dạy học :**

**A. Hệ thống kiến thức bài học (10 - 15 phút)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | | **Kiến thức cần đạt** |
| GV gọi học sinh trình bày sơ lược về Nguyễn Trãi, hoàn cảnh đời, đặc điểm thể cáo  - Bài cáo này ra đời trong hoàn cảnh nào?  .  - GV gọi học sinh giải thích ngắn gọn nhan đề *Bình Ngô đại cáo*  - So sánh thể cáo với hịch và chiếu?  - GV cho hs hoàn thành trên phiếu bài tập  . . Giống nhau: Đều là thể văn chính luận → kết cấu chặt chẽ, lí lẽ, lập luận sắc bén, thường dùng lối văn biền ngẫu. - Khác về mục đích: + Chiếu là thể văn vua dùng ban bố mệnh lệnh. + Hịch là thể văn vua chúa, tướng lĩnh dùng để cổ động, thuyết phục kêu gọi đấu tranh. + Cáo là thể văn vua chúa, thủ lĩnh trình bày chủ trương hay công bố kết quả của một sự nghiệp để mọi người cùng biết. + Tấu là thể văn do thần dân dâng gửi lên vua chúa. - Khác về đối tượng sử dụng: + Vua, chúa, bề trên dùng: chiếu, hịch, cáo. + Quan lại, thần dân: dùng tấu, sớ, biểu  - GV hướng dẫn học sinh khái quát các nội dung chính đã học  **- Theo em khi nêu tiền đề, tác giả đã khẳng định những nguyên lí nào?**  **Nêu cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của tác giả được thể hiện trong văn bản?**  **- Vậy để khẳng định chủ quyền dân tộc, tác giả đã dựa vào những yếu tố nào?**  **-**Theo Nguyễn Trãi*,văn hiến, truyền* *thống lịch sử* là yếu tố cơ bản nhất, là hạt nhân xác định dân tộc. Điều mà kẻ xâm lược luôn tìm cách phủ định (văn hiến nước Nam) thì chính là thực tế, tồn tại với sức mạnh của chân lí khách quan. Đó là sức mạnh trường tồn của dân tộc mà kẻ thù không bao giờ huỷ diệt được.  **- Ý thức dân tộc trong đoạn trích Nước Đại Việt ta là sự tiếp nối và phát triển ý thức dân tộc ở bài Sông núi nước Nam có đúng không? Vì sao?**  **Để tăng sức thuyết phục cho bài tác giả sử dụng phương pháp nào?** So sánh, liệt kê  **Nêu vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?**  **-**Về lí lẽ: tác giả nêu lên tư tưởng nhân nghĩa và nền độc lập của dân tộc ta như một chân lí có tính chất hiển nhiên ,lâu đời.  *Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân*  *Quân diếu phạt trước lo trừ bạo*  Về thực tiễn :tác giả đưa ra hàng loạt chứng cớ hiển nhiên :  +Các triều đại nước ta tồn tại song song ,ngang hàng với các triều đại Trung Quốc .  +Những kẻ xâm lược nước ta như Lưu Cung, Triệu Tiết …đều bị thất bại,tiêu vong. Đó là sự thật lịch sử không thể chối cãi.  **Tác giả đưa ra các dẫn chứng nhằm mục đích gì?** | | **I. Tìm hiểu chung.**  **1. Tác giả:**  **2. Tác phẩm:**  - Hoàn cảnh ra đời:  - Thể loại: Cáo  **3. So sánh thể cáo với hịch và chiếu?**  **II. Nội dung, nghệ thuật 1.Nguyên lí nhân nghĩa.**  - Cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là “yên dân”và “trừ bạo”.Nhân nghĩa là lo cho nước,cho dân và gắn liền với yêu nước chống ngoại xâm.  - Nhân nghĩa gắn liền với chủ nghĩa yêu nước chống xâm lược. Nhân nghĩa là hướng đến dân, đem lại cuộc sống ấm no,yên bình cho dân, phải tiêu diệt giặc tham tàn bạo ngược, kẻ thù của dân, đem lại cuộc sống thái bình.  => Chính là chân lý khách quan, là nguyên lý gốc,là nguyên nhân mọi thắng lợi của nghĩa quân Lam Sơn, của nhân dân Đại Việt trong cuộc đấu tranh chống giặc Minh, là điểm tựa, là linh hồn của Bình Ngô đại cáo .  -> Quan niệm nhân văn tiến bộ:  **2.Những yếu tố căn bản để xác định độc lập chủ quyền của dân tộc là:**  *+nền văn hiến lâu đời*  *+cương vực,lãnh thổ riêng*  *+phong tục,tập quán riêng*.  *+ truyền thống, lịch sử riêng*  *+nhân tài, hào kiệt*  Vị thế đáng tự hào của dân tộc ta so với dân tộc khác, đặc biệt là so với các triều đại phong kiến phương Bắc  **-**> Niềm tự hào dân tộc:  **3. Khẳng định sức mạnh của nhân nghĩa và sức mạnh của chân lí độc lập dân tộc.**  -Dẫn chứng từ thực tế lịch sử, tiêu biểu , chọn lọc, chính xác.  - Sự thất bại của chiến tranh phi nghĩa.Sự thắng lợi của chiến tranh chính nghĩa  - Khẳng định chân lí chủ quyền độc lập, sức mạnh nền văn hiến  -Việc lấy dẫn chứng như thế để làm sáng tỏ sức mạnh của chân lí chính nghĩa, của độc lập dân tộc. NT đưa ra những minh chứng đầy sức thuyết phục về sức mạnh của nhân nghĩa, của chân lí, nói chung là sức mạnh của chính nghĩa đồng thời thể hiện niềm tự hào dân tộc. |
| **B. Luyện tập** | | |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Kiến thức cần đạt** | |
| Hình thức tổ chức luyện tập: chơi trò chơi, nhóm, cá nhân, cặp đôi...  - HS thực hiện  **GVHD học sinh luyện tập**  **Bài tập 1: Em hãy khái niệm nguyên lí nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là gì?** **Trong bài “Bình Ngô đại cáo”có điểm gì nổi bật hơn ở bài thơ “Sông núi nước Nam”?**  **- Chân lí về sự tồn tại độc lập có chủ quyền của dân tộc Đại Việt bao gồm những yếu tố nào?**  **- Bài tập 2: Qua “Bình Ngô đại cáo”, em có suy nghĩ gì về tinh thần chiến đấu dũng cảm của tướng sĩ trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm?**  **-Bài tập 3: Viết đoạn văn ngắn khoảng 10 dòng trình bày cảm nhận của em về lòng yêu nước trong thời bình của tuổi trẻ nước ta?**  **-Bài tập 4: Khái quát trình tự lập luận bằng 1 sơ đồ?** | **Bài tập: Em hãy khái niệm nguyên lí nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là gì?** **Trong bài “Bình Ngô đại cáo”có điểm gì nổi bật hơn ở bài thơ “Sông núi nước Nam”?**  + Nguyên lí nhân nghĩa: yên dân, trừ bạo.  - Sự tiếp nối:  Nước ta có độc lập chủ quyền, có vua riêng, địa lí riêng, không chịu khuất phục trước quân xâm lược.  - Sự phát triển:  + Có nền văn hiến lâu đời.  -Nó toàn diện hơn vì nó tiếp nối ý thức độc lập, chủ quyền của dân tộc nhưng phát triển rộng và cao hơn.  - Nó sâu sắc hơn.  **- Những yếu tố căn bản để xác định độc lập chủ quyền của dân tộc là:** ***+nền văn hiến lâu đời***  +cương vực,lãnh thổ riêng  +phong tục,tập quán riêng.  + truyền thống, lịch sử riêng  +nhân tài, hào kiệt  **Bài tập 2: Qua “Bình Ngô đại cáo”, em có suy nghĩ gì về tinh thần chiến đấu dũng cảm của tướng sĩ trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm?**  - Dẹp yên giặc Minh, đất nước ta bắt đầu công cuộc đổi mới, bế tắc rồi lại thông suốt, nhật nguyệt tối rồi lại sáng. Đó là quy luật vận động tất yếu của lịch sử, quy luật phát triển thịnh - suy của mỗi quốc gia. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn giành thắng lợi đã mở ra một kỉ nguyên mới để dựng xây đất nước Đại Việt ngày càng hưng thịnh dưới triều vua Lê Lợi. Một đất nước sẽ phát triển bền vững nếu có các chính sách chăm lo đến đời sống dân chúng một cách phù hợp  **-Bài tập 3: Viết đoạn văn ngắn khoảng 10 dòng trình bày cảm nhận của em về lòng yêu nước trong thời bình của tuổi trẻ nước ta?**  Chúng ta đang sống trong thời kỳ mà chiến tranh chỉ còn trong ký ức của ông bà và cha mẹ nên lòng yêu nước cũng được biểu hiện khác hơn xưa. Thế hệ chúng ta không cần thể hiện lòng yêu nước bằng việc đấu tranh giành độc lập dân tộc như các thế hệ trước. Yêu nước hiện nay chính là chúng ta biết tự hào với truyền thống dân tôc,. Yêu nước chính là mỗi một người trẻ tuổi giữ cho mình lòng tự tôn dân tộc. Chúng ta phải ý thức trong từng hành động, lời nói, việc làm của mình trong lao động hay học tập…Mỗi người trẻ tuổi chúng ta phải làm việc một cách cống hiến, hết mình với một trí tuệ minh mẫn và một trái tim nhiệt huyết. Dù làm gì đi nữa mỗi người trẻ tuổi chúng ta đều ý thức việc làm của mình góp phần vào sự phát triển của đất nước. | |

****

**PHẦN ĐỀ ÔN TẤP**

**I. ĐỌC HIỂU(5,0đ)**

Đọc đoạn ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới.

*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân*

*Quân điếu phạt trước lo trừ bạo*

*Như nước Đại việt ta từ trước*

*Vốn xưng nền văn hiến đã lâu…*

(Trích *“Nước Đại Việt ta”*, Ngữ văn 8, tập 2, tr66, NXB giáo dục Việt Nam).

**Câu 1:** Đoạn trích trên tác giả sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

Đoạn trích trên viết theo thể loại gì? ( 1,0 đ)

**Câu 2**: Hoàn cảnh ra đời của đoạn trích? (1,0 đ)

**Câu 3:** Nêu cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của tác giả được thể hiện trong đoạn trích? (1,0đ)

**Câu 4.** Câu *“quân điếu phạt trước lo trừ bạo”* thuộc kiểu câu gì? Dùng để làm gì? Hành động nói gì? Thuộc kiểu hành động nói nào?

**Câu 5:** Từ lòng yêu nước, tự hào về truyền thống dân tộc trong văn bản *Bình Ngô đại cáo,* em hãy viết đoạn văn ngắn khoảng 10 dòng trình bày cảm nhận của em về lòng yêu nước trong bình của tuổi trẻ nước ta? (1,0 đ)

**II. Tạo lập văn bản: (5 điểm)**

Hãy viết bài văn nghị luận về lòng yêu nước

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHẦN** | **ĐÁP ÁN** | **ĐIỂM** |
| **I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN ( 5 đ)** | **Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính : Nghị luận   * Đoạn trích trên viết theo thể loại : cáo | **0,5đ**  **0,5 đ** |
| **Câu 2**: Hoàn cảnh ra đời của văn bản trên: 1428, cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược của nhân dân ta hoàn toàn thắng lợi. Bình ngô đại cáo được Nguyễn Trãi soạn thảo và công bố ngày 17 tháng Chạp năm Đinh Mùi, đầu năm 1428. | 1.0 đ |
| **Câu 3:** Cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của tác giả được thể hiện trong đoạn trích:  - Cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là “yên dân”, “trừ bạo”. Muốn yên dân thì phải diệt trừ mọi thế lực tàn bạo. Trong hoàn cảnh của đất nước ta thì nhân nghĩa gắn với yêu nước, chống giặc ngoại xâm. | 1.0 đ |
|  |  |
| **Câu 4:**Câu *“quân điếu phạt trước lo trừ bạo”* thuộc kiểu câu : Câu trần thuật.  Dùng để trình bày  Hành động nói : trình bày  Kiểu hành động nói: trực tiếp | 0,25 đ  0,25 đ  0,25 đ  0,25 đ |
| **Câu 5: Hs viết đoạn văn hoàn chỉnh dựa trên các ý sau**  Thế hệ trẻ hiện nay, thể hiện lòng yêu nước bằng thái độ và nhiều việc làm thiết thực, ý nghĩa…  - Tự hào về truyền thống dân tộc  - Học tập thật tốt, trau dồi kiến thức, kĩ năng, phẩm chất…  - Đem tài năng, sức trẻ phục vụ đất nước…  - Yêu gia đình, quê hương | 1,0 đ |
| **II.TẠO LẬP VĂN BẢN: 5 đ** | Hãy viết bài văn nghị luận về lòng yêu nước | 5,0 đ |
|  | **1. Yêu cầu chung**  - Bài làm phải được tổ chức thành bài làm văn nghị luận hoàn chỉnh.  - Biết vận dụng kĩ năng nghị luận kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm để trình bày  - Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt trôi chảy, hạn chế lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp, diễn đạt,... |  |
| **2. Yêu cầu cụ thể**  ***a) Đảm bảo các phần của bài văn nghị luận:*** Trình bày đầy đủ bố cục 3 phần: *mở bài, thân bài, kết bài.( chú ý bố cục phần thân bài phải cụ thể)* | 0.5đ |
| ***b) Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:*** Hãy viết bài văn nghị luận về lòng yêu nước | 0.5đ |
| ***c) Viết bài:*** Trên cơ sở những kiến thức đã được học về kiểu bài văn tự sự, học sinh có thể tổ chức bài làm theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đáp ứng được những ý cơ bản sau:  **\*Mở bài**  - Lòng yêu nước là một trong những phẩm chất cao quý của con người đối với đất nước mà chúng ta đang sinh sống.  - Vậy lòng yêu nước đóng vai trò quan trọng như thế nào trong cuộc sống của chúng ta?  **\*Thân bài**  **1. Giải thích:**  - Lòng yêu nước là gì? => Đó là thứ tình cảm thiêng liêng, là sự tôn trọng, tôn thờ, ghi khắc trong tim đối với đất nước mà mình đang sinh sống.  **2. Biểu hiện của lòng yêu nước:**  - Tại sao chúng ta phải có lòng yêu nước?  + Một con người có lòng yêu nước là người có những tình cảm cao đẹp, trong sáng và luôn vì sự phát triển của đất nước mà cống hiến hết mình.  + Là thước đo để đánh giá phẩm chất, đạo đức một con người.  + Người có lòng yêu nước thì dù đi đâu, làm gì, ở bất cứ nơi nào thì trong tim vẫn luôn hướng về cội nguồn, đất nước.  **Trong chiến đấu:**  + Lòng yêu nước là tiền đề cho những phẩm chất quý giá khác ra đời đó là lòng tự tôn dân tộc, tinh thần hy sinh, kiên cường bất khuất, lòng căm thù quân giặc đến tột cùng, và nhiều phẩm chất khác.  + Lòng yêu nước luôn đi kèm với tấm lòng hy sinh cao cả, quên mình vì Tổ quốc  Dẫn chứng:  **- Lòng yêu nước của thế hệ trẻ hiện nay:**  + Phải luôn có ý thức về trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc, sẵn lòng hi sinh cho Tổ quốc khi đất nước gọi tên. “ Khi tổ quốc cần họ biết sống xa nhau”  + Nhắc nhở bản thân phải ghi nhớ công lao của các thế hệ cha anh đi trước, luôn bồi dưỡng và củng cố tấm lòng yêu nước, lòng yêu hòa bình  + Cảnh giác và đề phòng với các thế lực thù địch  + Chăm ngoan học hành, tu dưỡng và rèn luyện đạo đức để tương lai trở thành những cá nhân ưu tú đóng góp vào sự phát triển của đất nước  + Tham gia vào các công tác phòng chống tệ nạn xã hội, bạo lực học đường, đặc biệt là nuôi dưỡng tâm hồn một cách tích cực, hướng thiện,...  Dẫn chứng:  **3. Bàn bạc, mở rộng vấn đề**  - Phê phán những hành động đi ngược lại lợi ích của đất nước.  **\* Kết bài**  Lòng yêu nước là một truyền thống quý báu ngày càng được phát huy một cách mạnh mẽ hơn, đặc biệt là trong xã hội hiện nay.  - Lòng yêu nước là phẩm chất đạo đức cần thiết của con người.  - Là học sinh, em sẽ luôn trau dồi học tập thật tốt để trong tương lai xây dựng nước nhà ngày càng đẹp đẽ và giàu mạnh hơn. | 0.5  2.0 đ  0.5đ |
| ***d) Sáng tạo:*** Có lời văn nghị luận hay, có dẫn chứng tiêu biểu, sâu sắc | 0.5đ |
| ***e) Chính tả, dùng từ, đặt câu:*** Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. | 0.5đ |

**III. Củng cố, dặn dò**

- Nắm chắc các kiến thức đã học

\* Dặn dò: Chuẩn bị bài cho tiết học sau: **TIẾT 2: HÀNH ĐỘNG NÓI (Tiếp)**

**Ngày soạn: 08/08/2020**

**Ngày dạy**

**TIẾT 2: HÀNH ĐỘNG NÓI (Tiếp)**

**I.Mục tiêu cần đạt:**

**1.Kiến thức:** Cách dùng các kiểu câu để thực hiện hành động nói.

**2.Kĩ năng:**

- Xác định được các hành động nói trong các văn bản

-Thực hiện các hành động nói phù hợp

**3. Thái độ, phẩm chất:**

-Ý thức được hành động được thực hiện bằng lời nói nhằm mục đích nhất định.

**4.Năng lực:**

- Năng lực hợp tác

**-** Năng lực tiếp nhận

- Năng lực tự học.

**II. Tiến trình dạy học**

**A. Hệ thống kiến thức bài học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV hệ thống kiến thức đã học  -GV hướng dẫn học sinh xác định cách thực hiện hành động nói.  **- Đánh số thứ tự trước câu trần thuật trong đoạn trích?Xác định mục đích nói của những câu ấy?**  **- Dựa vào bảng kết quả tìm được em hãy lập bảng trình bày quan hệ giữa các câu NV, cầu khiến, cảm thán, trần thuật với những kiểu hành động nói mà em đã học?**  + Kiểu câu cầu khiến được dùng để thực hiện hành động điều khiển.  + Kiểu câu NV được dùng để thực hiện hành động hỏi.  + Kiểu câu cảm thán dùng để thực hiện hành động bộc lộ cảm xúc.  + Kiểu câu TT dùng để thực hiện hành động trình bày.  - Giáo viên chú ý thêm cho học sinh: kiểu câu dùng trùng hợp với hành động nói được gọi là dùng theo lối trực tiếp. Ngoài ra có những trường hợp kiểu câu được dùng không đúng với chức năng vốn có của nó gọi là dùng theo lối gián tiếp. | | **I.Cách thực hiện hành động nói:**  - Câu 1,2,3: trình bày.  - Câu 4,5: điều khiển.  - Mỗi hành động nói có thể được thực hiện bằng kiểu câu có chức năng chính phù hợp với hành động đó( cách dùng trực tiếp) hoặc bằng kiểu câu khác (cách dùng gián tiếp) |
| **B. Luyện tấp** | | |
| **Hoạt động của GV** | **Kiến thức cần đạt** | |
| Hình thức tổ chức luyện tập: chơi trò chơi, nhóm, cá nhân, cặp đôi...  - HS thực hiện  **-Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Bài tập 1: GV hướng dẫn học sinh tìm những câu nghi vấn trong bài Hịch tướng sĩ..  - Bài tập 2:  - GV cho HS thảo luận nhóm, trình bày vào bảng phụ của nhóm.( Nhóm 1-2-3: câu a; nhóm 4-5-6: câu b).  - Bài tập 3:  - GV cho HS làm nhóm, cử đại diện nhóm trình bày  - Bài tập 4:  **- Em nên dùng cách nào để hỏi người lớn?**  - Bài tập 5:.  - Những hành động dưới đây người nghe nên chọn hành động nào? Vì sao?  Bài tập 6:  Câu sau đây thuộc kiểu câu gì? Dấu hiệu nào để nhận biết? Dùng để làm gì? Thuộc kiểu hành động nói nào? | **II.Luyện tập:**  **Bài 1**: Những câu NV trong bài Hịch tướng sĩ.  + Câu NV: - Lúc bấy giờ, dẫu các ngươi muốn vui vẻ phỏng có được không?  - Lúc bấy giờ, dẫu các ngươi không muốn vui vẻ phỏng có được không?  - Vì sao vậy?  + Vị trí: Những câu NV đứng ở cuối đoạn dùng để khẳng định hay phủ định điều được nêu ra trong câu ấy.  - Những câu NV đứng ở đầu đoạn dùng để nêu vấn đề cho tướng sĩ chuẩn bị tư tưởng đọc phần lí giải của tác giả  **Bài 2**: Tìm câu trần thuật có mục đích cầu khiến.  a. Cả đoạn a là những câu TT có mục đích cầu khiến.  b.Điều mong muốn cuối cùng….thế giới.  -Việc dùng câu TT để kêu gọi như vậy làm cho quần chúng thấy gần gũi với lãnh tụ và thấy nhiệm vụ mà lãnh tụ giao cho chính là nguyện vọng của mình.  **Bài 3 .**Tìm các câu có mục đích cầu khiến.  + Song anh cho phép em mới dám nói...  + Hay là anh đào giúp cho em 1 cái ngách sang bên nhà anh....  + Câu TT có mục đích điều khiển trong đoạn trích cho thấy DC hèn yếu hơn DM nên nói lời đề nghị 1 cách khiêm nhường, nhã nhặn còn DM thì huênh hoang, hách dịch.  **Bài 4**: Em nên dùng cách nào để hỏi người lớn  + Nên dùng cách b,e dùng để hỏi người lớn vừa lịch sự lại vừa phù hợp với quan hệ XH của người nói với người nghe.  \* Qua bài tập này giáo dục cách nói năng lịch sự, nhã nhặn hơn.  **Bài 5**  + Chọn hành động c vì chỉ đưa giúp lọ gia vị mà không nói câu nào thì không lịch sự, còn trả lời rằng “ cái lọ ấy không nặng” là không hiểu ý người nói.  **Bài tập 6:**  *a/ “Đối thử lương tiêu nại nhược hà?”*  - Câu nghi vấn  - Dấu hiệu nhận biết: có từ nghi vấn “nhược hà”  - Chức năng: Bộc lộ cảm xúc bối rối, xốn xang, mãnh liệt của Bác trước đêm trăng đẹp. Qua đó cho ta thấy tình yêu thiên nhiên đến say mê của Bác.  -Hành động nói: gián tiếp  b/ *“Nếu có giặc Mông Thát tràn sang thì cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp của giặc, mẹo cờ bạc không thể dùng làm mưu lược nhà binh.”*  - Kiểu câu: Trần thuật  - Kiểu hành động nói: Trình bày-> trực tiếp  c/ “*Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm”.*  Kiểu câu: Trần thuật  - Kiểu hành động nói: Điều khiển.-> gián tiếp  d/ Câu thơ *"Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!* thuộc kiểu câu cảm thán.  - Đặc điểm hình thức: Có từ ngữ cảm thán “quá”. Kết thúc bằng dấu chấm than.  - Chức năng: bộc lộ trực tiếp cảm xúc (nỗi nhớ quê hương chân thành, da diết của nhà thơ Tế Hanh)  -Kiểu hành động nói: trực tiếp  e/Xác định kiểu câu theo mục đích nói và hành động nói trong câu: “*Các khanh nghĩ thế nào?”*  **-**Kiểu câu theo mục đích nói: Câu nghi vấn  - Hành động nói: Dùng để hỏi.-> trực tiếp | |

**III. Củng cố, dặn dò**

- Nắm chắc các kiến thức đã học:

- Nắm vững kiến thức về Hành động nói, phân loại hành động nói, các cách thực hiện một hành động nói

\* Dặn dò: Chuẩn bị tiết sau: **ÔN TẬP VỀ LUẬN ĐIỂM**

**Ngày soạn: 08/08/2020**

**Ngày dạy**

**TIẾT 3: ÔN TẬP VỀ LUẬN ĐIỂM**

**I.Mục tiêu cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

-Nắm được khái niệm luận điểm.

- Quan hệ giữa luận điểm với vấn đề nghị luận, quan hệ giữa các luận điểm trong bài văn nghhị luận.

**2. Kĩ năng:**

- Xác định được luận điểm trong bài văn

-Viết đoạn văn có luận điểm rõ ràng.

**3. Thái độ, phẩm chất: -**Yêu thích văn nghị luận,

**4. Năng lực:** Tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mỹ

**II.Tiến trình dạy học**

**A. Hệ thống kiến thức bài học:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | | **Kiến thức cần đạt** | |
| **\* GV HD hoc sinh hệ thống các khái niệm**  **Luận điểm là gì? Vai trò của luận điểm?**  - Bài “ Tinh thần …ta” có những luận điểm nào?  + Nhân dân ta có lòng nồng nàn yêu nước.  + Sức mạnh to lớn của tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm.  + Những biểu hiện cụ thể của truyền thống yêu nước trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc VN qua tấm gương của các anh hùng dân tộc tiêu biểu.  + Khêu gợi và kích thích sức mạnh của tinh thần yêu nước để thực hành vào kháng chiến mạnh mẽ hơn nữa, toàn diện hơn nữa là nhiệm vụ của Đảng, của mỗi người dân Việt Nam.  **- Một bạn cho rằng: “ Chiếu dời đô” của Lí Công Uẩn gồm 2 luận điểm:**  **LĐ1: Lí do cần phải dời đô;**  **LĐ2: Lí do có thể coi thành Đại La là kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.**  **Đúng hay sai? Vì sao?**  + Chưa phải là luận điểm vì nó mới chỉ là những bộ phận, khía cạnh khác của vấn đề. Nó chưa thể hiện rõ ý kiến, tư tưởng, quan điểm. .  **\*GVHD hs ôn về mối quan hệ giữa luận điểm với vấn đề cần giải quyết trong bài văn nghị luận**  **- Vấn đề nêu ra trong bài “ Tinh thần…ta” là gì?**  + Tinh thần yêu nước của nân dân ta nói rõ hơn là truyền thống yêu nước của nhân dân VN trong lịch sử dựng nước và giữ nước.  - Có thể làm sáng tỏ được vấn đề này không nếu trong bài văn, tác giả chỉ đưa ra luận điểm: “ Đồng bào ta…nồng nàn”?  + Không vì nếu có Luận điểm này thì chưa đủ để chứng minh 1 cách toàn diện truyền thống yêu nước của đồng bào ta.  **- Nếu chỉ đưa ra luận điểm: “các triều đại trước đây đã nhiều lần thay đổi kinh đô” thì mục đích của nhà vua khi ban chiếu có thể đạt được không?**  + Không đủ để làm sáng tỏ vấn đề “ cần phải dời đô đến Đại La” của Chiếu dời đô.  **- Từ sự tìm hiểu trên em rút ra được kết luận gì về mối quan hệ giữa luận điểm với vấn đề cần giải quyết trong bài văn nghị luận?** | **I. Khái niệm luận điểm:**  -Là những ý kiến, quan điểm, chủ trương chủ yếu được đưa ra để giải đáp câu hỏi, để giúp lí trí thông suốt chính là luận điểm.  - Luận điểm đóng vai trò cực kì quan trọng trong bài văn nghị luận. Có thể nói luận điểm là bộ xương, là linh hồn cuả bài văn nghị luận. Nếu không có hệ thống luận điểm, bài văn nghị luận thậm chí không còn là văn nghị luận nữa  **II. Mối quan hệ giữa luận điểm với các vấn đề cần giải quyết trong bài văn nghị luận.**   * -Các luận điểm trong bài văn vừa cần liên kết chặt chẽ, lại vừa cần có sự phân biệt với nhau. * -Các luận điểm cần phải được sắp xếp theo một trình tự hợp lí  luận điểm nêu trước chuẩn bị cơ sở cho luận điểm nêu sau, còn luận điểm nêu sau dẫn đến luận điểm kết luận | |
| **B. Luyện tập:** | | |
| **Hoạt động của GV-HS** | | **Kiến thức cần đạt** |
| ***-* GVHD HS làm bt**  Hình thức tổ chức luyện tập: chơi trò chơi, nhóm, cá nhân, cặp đôi...  - HS thực hiện  - Xác định luận điểm chính trong bài văn.  + Không phải luận điểm: Nguyễn Trãi là anh hùnh dân tộc vì cả đoạn không giải thích, chứng minh hoặc làm rõ ý đó.  + Cũng không phải luận điểm: Nguyễn Trãi như 1 ông tiên…Lí do: Tác giả đã bác bỏ ngay ý đó để đưa ra luận điểm của mình: “Nguyễn Trãi không phải là 1 ông tiên”.  + Vậy luận điểm chủ chốt của đoạn văn này là: Nguyễn Trãi là khí phách…dân tộc và thời đại lúc bấy giờ.  a. Em sẽ chọn luận điểm:  - Giáo dục có tác dụng điều chỉnh tốc độ gia tăng dân số.  - Giáo dục tạo cơ sở cho sự tăng trưởng kinh tế.  - Giáo dục đào tạo thế hệ người sẽ xây dựng xã hội tương lai.  - Giáo dục góp phần bảo vệ môi trường sống.  - Trẻ em hôm nay là thế giới ngày mai.  b. Có thể sắp xếp các luận điểm theo trình tự:  - Giáo dục là yếu tố quyết định đến việc điều chỉnh tốc độ gia tăng dân số, thông qua đó quyết định môi trường sống, mức sống…trong tương lai.  - Giáo dục trang bị kiến thức và nhân cách, trí tuệ và tâm hồn cho trẻ em hôm nay, những người sẽ làm nên thế giới ngày mai.  - Do đó, giáo dục là chìa khoá cho sự phát triển chính trị và cho tiến bộ xã hội sau này.  Bài tập: Em hãy viết đoạn văn (từ 10- 15 câu) trình bày tác hại của lối học vẹt, học tủ. | | **II.Luyện tập:**  **Bài 1:** Xác định luận điểm chính trong bài văn.  **Bài 2:** Nếu phải viết 1 bài tập làm văn để giải thích vì sao có thể nói rằng giáo dục là chìa khoá của tương lai thì:  **Bài 3:** Em hãy viết đoạn văn (từ 10- 15 câu) trình bày tác hại của lối học vẹt, học tủ.  **- Mở đoạn**: Học vẹt, học tủ là những cách học đối phó gây nhiều tác hại.  **- Thân đoạn**:  *+Giải thích*: Học tủ là cách học cầu may, đoán đề và chỉ học những phần mình đoán đề sẽ ra. Còn học vẹt là học mà không hiểu bài, không nắm rõ kiến thức của bài mà chỉ cố học thuộc lòng từng câu chữ một cách máy móc.  *+Phân tích*: *Những tác hại của học tủ, học vẹt:*  *-* Học sinh mất hứng thú với việc học, dễ chán nản.  - Không làm chủ được kiến thức, không ứng dụng được kiến thức vào thực tế khiến việc học mất đi ý nghĩa của nó.  - Đất nước, xã hội thêm gánh nặng vì những con người không có kiến thức…  + Học sinh nêu được dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ vấn đề.  **- Kết đoạn:**  **+** Khẳng định lại tác hại của lối học vẹt, học tủ.  + Liên hệ bản thân. |

**III. Củng cố - Dặn dò**

1. Củng cố: Nắm chắc kiến thức bài học

\* Dặn dò:

CHỦ ĐỀ: LUYỆN VIẾT VĂN NGHỊ LUẬN

- Viết đoạn văn trình bày luận điểm

CHỦ ĐỀ: LUYỆN VIẾT VĂN NGHỊ LUẬN

- Luyện tập xây dựng và trình bày luận điểm

- Hướng dẫn viết bài tập làm văn số 6

2. Bài tập về nhà: viết bài văn nghị luận hoàn chỉnh cho đề bài: nghị luận về lòng yêu nước.

*Ngày soạn: ……*

*Ngày dạy: …….*

**BUỔI 9**

**Tiết 1,2,3 : LUYỆN VIẾT VĂN NGHỊ LUẬN**

**1. Kiến thức:**

- Học sinh nhận thức được ý nghĩa quan trọng của việc trình bày luận điểm trong một bài văn nghị luận.

- Biết cách viết đoạn văn trình bày một luận điểm theo các cách diễn dịch và quy nạp

với vấn đề nghị luận và giữa các luận điểm với nhau trong một bài văn nghị luận.

**2. Kĩ năng:** Rèn kĩ năng làm văn nghị luận.

-Viết đoạn văn diễn dịch, quy nạp.

-Lựa chọn ngôn ngữ diễn đạt trg văn nghị luận.

-Viết một đoạn văn nghị luận trình bày luận điểm có độ dài 90 chữ về 1 vấn đề chính trị , xã hội.

**3. Thái độ:**Sôi nổi, tôn trọng quy tắc viết đoạn văn.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất.**

***\* Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề.

***\* Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ. NL hợp tác

- Năng lực tạo lập văn bản

***\* Các phẩm chất:***  Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 1:**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV hướng dẫn Hs ôn lại KT về luận điểm.  ? Em hiểu thế nào là luận điểm?  ? Luận điểm trong bài văn nghị luận phải như thế nào?  ? Khi trình bày luận điểm trong bài văn nghị luận cần chú ý những điều gì?  ? Các bước xây dựng đoạn văn trình bày luận điểm | **I. Ôn tập về luận điểm; Viết đoạn văn trình bày luận điểm:**  *a. Ôn tập về luận điểm:*  - Luận điểm trong bài văn nghị luận là những tư tưởng, quan điểm, chủ trương mà người viết (nói) nêu ra ở trong bài.  - Luận điểm cần phải chính xác, rõ ràng, phù hợp với yêu cầu giải quyết vấn đề và đủ để làm sáng tỏ vấn đề được đặt ra.  - Trong bài văn nghị luận, luận điểm là một hệ thống: Có luận điểm chính (dùng làm kết luận của bài, là cái đích của bài viết), có luận điểm phụ (dùng làm luận điểm xuất phát hay luận điểm mở rộng).  - Các luận điểm trong một bài văn vừa cần liên kết chặt chẽ, lại vừa cần có sự phân biệt với nhau; Các luận điểm cần được sắp xếp theo một trình tự hợp lí: Luận điểm trước chuẩn bị cơ sở cho luận điểm, luận điểm nêu sau đẫn đến luận điểm kết luận.  *b. Viết đoạn văn trình bày luận điểm:*  - Khi trình bày luận điểm trong bài văn nghị luận cần chú ý:  + Thể hiện rõ ràng, chính xác nội dung của luận điểm trong câu chủ đề. Câu chủ đề thường được đặt ở vị trí đầu tiên (đối với đoạn diễn dịch) hoặc đặt ở cuối đoạn (đoạn quy nạp).  + Tìm đủ các luận cứ cần thiết, tổ chức lập luận theo một trật tự hợp lí để làm nổi bật luận điểm.  + Diễn đạt trong sáng, hấp dẫn để sự trình bày luận điểm có sức thuyết phục.  ***c. Các bước xây dựng đoạn văn trình bày luận điểm***  B1: Xây dựng hệ thống luận điểm dựa vào yêu cầu của đề bài.  B2 : Lựa chọn cách trình bày luận điểm( Quy nạp, diễn dịch, Tổng – phân – hợp )  B3 : Viết đoạn văn.  B4 : Đọc và sửa chữa ( nếu cần) |

***B. Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 1**  - Hình thức : nhóm  - Gv giao nhiệm vụ: GV chia 4 nhóm  ? Đọc và xác định câu chủ đề của đoạn văn sau ? Vì sao?  *“*Những ngày thơ ấu” là một tập hồi kí trung thực về tuổi thơ cảm động của Nguyên Hồng trong chế độ cũ. Tác giả đã miêu tả chân thực cuộc sống khốn khó, thiếu thốn tình cảm của bé Hồng. Đồng thời cũng miêu tả một cách tinh tế những rung động cực điểm của một linh hồn trẻ dại. Đó là nỗi nhớ thương, yêu quý sâu sắc của bé Hồng đối với người mẹ của mình. | **Bài tập 1:**  **Câu chủ đề :** “Những ngày thơ ấu” là một tập hồi kí trung thực về tuổi thơ cảm động của Nguyên Hồng trong chế độ cũ.  **Bởi:** Câu chủ đề nêu khái quát nội dung của Đv . |
| **Bài tập 2**  - Hình thức : nhóm  - Gv giao nhiệm vụ: Chia 4 nhóm  ? Đọc và xác định câu chủ đề của đoạn văn sau ? Vì sao?  “Trong bài thơ Quê hương, người nghe thấy cả những điều không hình sắc, không thanh âm như “mảnh hồn làng” trên “cánh buồm giương”, như tiếng hát của hương đồng quyến rũ con đường quê nho nhỏ. Thơ Tế Hanh đưa ta vào một thế giới rất gần gũi thường ta chỉ thấy một cách mờ mờ, cái thế giới của những tình cảm ta đã trao cho cảnh vật: sự mệt mỏi, say sưa của con thuyền lúc trở về bến, nỗi đau khổ chất chứa trên toa tàu nặng trĩu, những vui buồn sầu tủi của một con đường. Như vậy, Tế Hanh đã ghi được đôi nét rất thần tình về cảnh sinh hoạt chốn quê hương. | **Bài tập 2:**  **Câu chủ đề :** Như vậy, Tế Hanh đã ghi được đôi nét rất thần tình về cảnh sinh hoạt chốn quê hương.  **Bởi:** Câu chủ đề nêu khái quát nội dung của Đv |

**Tiết 2:**

***Luyện tập :***

GV tiếp tục đưa ra hệ thống bài tập theo các mức độ nhận thức để luyện tập lại các kiến thức vừa về viết đoạn văn trình bày luận điểm.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 3:**  - Hình thức : Nhóm  - Gv giao nhiệm vụ: GV chia 4 nhóm.  ? Viết đoạn văn theo cách quy nạp triển khai luận điểm: “*Tuổi thanh xuân phải thực sự sống có ý nghĩa”*  - Các nhóm thảo luận, thực hiện nhiệm vụ vào bảng phụ .  - GV chốt | **Bài tập 3: Đoạn văn tham khảo**  Tuổi thanh xuân có nghĩa là gì? Có người nói: Hoa đẹp hiếm khi thấy, tuổi xuân không dài mấy. Bởi vậy tuổi xuân có nghĩa là truy tìm hoan lạc. Lại có người nói: Chén rượu và đàn ca, đời người được mấy ta. Bởi vậy tuổi thanh xuân là chạy theo hưởng thụ. Chúng ta nói: Không! Tuổi thanh xuân tràn trề nhựa sống. **Bởi vậy tuổi thanh xuân phải thực sự sống có ý nghĩa.** |
| **Bài tập 4:**  - Hình thức : Cá nhân  - Gv giao nhiệm vụ:  ? Từ đoạn văn đã viết trong BT3. Em hãy chuyển đoạn văn đó thành đoạn văn diễn dịch?  - HS thực hiện nhiệm vụ vào phiếu học tập .  - HS trao đổi bài cho bạn để nhận xét  - GV chốt | **Bài tập 4:** HS chuyển câu chủ đề (Câu in đậm) lên đầu đoạn văn. |
| **Bài tập 5:**  - Hình thức : Cá nhân  - Gv giao nhiệm vụ:  ? Viết đoạn văn diễn dịch triển khai luận điểm: **Quê hương là điểm tựa cho mỗi con người.** | **Bài tập 5:** Yêu cầu  - Hình thức:  + Viết đoạn văn  + Đoạn văn có câu chủ đề cho sẵn. Trích nguyên văn câu chủ đề và đặt câu chủ đề lên đầu đoạn văn.  - Nội dung: Viết các câu tiếp theo triển khai cho câu chủ đề.  + Quê hương là nơi chôn rau cắt rốn của mỗi người.  + Quê hương còn la nơi lưu giữ những kỷ niệm tuổi thơ ngọt ngào  + Ai đi đâu xa cũng nhớ về quê hương  + .... |
| **Đoạn văn tham khảo bài tập 5**  ***Quê hương là điểm tựa cho mỗi con người.*** Bởi ở nơi ấy, chúng ta được sinh ra, là chiếc nôi êm đềm ru ta khôn lớn theo tháng ngày. Quê hương là nơi có gia đình, có những người luôn yêu thương và che chở cho chúng ta, có thể sẻ chia cùng nhau mọi buồn vui trong cuộc sống. Quê hương là điểm tựa vì nơi ấy có lũ bạn thân, lớn lên cùng ta từ thuở cắp sách tới trường, đùa vui cùng nhau với bao trò nghịch ngợm. Mỗi khi mệt mỏi hay đạt được niềm vui, trỏ về quê hương là ta được trở về với chính mình, được buồn vui trong lòng mẹ Quê hương thực sự là bến đỗ tinh thần bình yêu cho chúng ta trong cuộc sống đầy sóng gió này. | |

**Tiết 3:**

***Luyện tập – Hướng dẫn viết bài TLV số 6***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 6:**  - Hình thức : Cá nhân  - Gv giao nhiệm vụ:  ? Viết đoạn văn triển nêu suy nghĩ của em về nỗi lòng của vị chủ tướng trong văn bản Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn? | **Bài tập 6:**  - Hình thức: Đoạn văn  - Nội dung: Dựa vào văn bản Hịch tướng sĩ để tìm dẫn chứng xây dựng cho luận điểm : **Nỗi lòng của vị chủ tướng Trần Quốc Tuấn.** |
| **Đoạn văn tham khảo bài tập 6**  **Nỗi lòng của vị chủ tướng trong Hịch tướng sĩ được thể hiện rất thống thiết**. Đó là trạng thái căm uất sôi sục của một trái tim vĩ đại được thể hiện bằng lời văn ước lệ ‘‘Tới bữa quên ăn….đầm đìa’’. Lòng căm thù ấy trở thành sức mạnh của ý chí xả thân cứu nước. Từ trái tim sục sôi nhiệt huyết đến ý chí quả quyết hành động, hi sinh cứu nước là một sự phát triển hợp với tính cách người anh hùng. Với ngôn ngữ và giọng điệu thống thiết ‘‘Dẫu cho…vui lòng’’ tác giả đó biến những biến cố xa lạ trở thành gần gũi vì nó khơi đúng bản chất yêu nước truyền thống. Đoạn văn khắc họa hình ảnh và tâm hồn Trần Quốc Tuấn, vị chủ soái, linh hồn của cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên, cho nên cũng là tiêu biểu cho khí phách anh hùng dân tộc. | |
| **Bài tập 7:**  - Hình thức : Nhóm  - Gv giao nhiệm vụ: GV chia 4 nhóm.  ? Lập dàn ý cho đề bài sau: Suy nghĩ về mối quan hệ giữa học và hành. | **Bài tập 7:**  - Hình thức: Viết bài văn nghị luận  - Vấn đề nghị luận: Mối quan hệ giữa học và hành.  - Nội dung: Dàn ý tham khảo  **1. Mở bài.**  Giới thiệu tầm quan trọng của PP học đi đôi với hành.  **2. Thân bài.** Trình bày làm rõ các luận điểm.  a.Thế nào là học và hành:  - Học là gì ?  - Hành là gì ?  - Mối quan hệ giữa học và hành:  b. Tại sao phải học đi đôi với hành.  - Học mà không hành sẽ ntn ?  - Hành mà không học sẽ ntn ?  - Trong thời đại ngày nay, nếu không học thì sao? ( dẫn chứng)  **3. Kết bài** : Khẳng định tầm quan trọng của phư­ơng pháp học đi đôi với hành. |
| **- GV hướng dẫn HS viết bài tập làm văn số 6.**  - Yêu cầu: Học sinh vận dụng kĩ năng trình bày luận điểm vào việc viết bài văn chứng minh hoặc giải thích một vấn đề xã hội hoặc văn học gần gũi với các em. |  |
| **ĐỀ BÀI THAM KHẢO SỐ 1**  **Câu nói của M. Go-rơ-ki: “Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống” gợi cho em những suy nghĩ gì?**  **Hướng dẫn:**  ***I. Mở bài:*** Nêu suy nghĩ của em về nhận định của M.Go-rơ-ki đã nói: "Hãy yêu sách..."  ***II. Thân bài:***  - Người đời thường nói: "Bộ lông làm đẹp con công, tri thức làm đẹp con người". Trong đời sống xã hội hiện nay, nếu không có tri thức thì sao? Con người có tồn tại và phát triển không?...  - Sách báo, một nguồn thông tin để biết được mọi diễn biến xảy ra trong và ngoài nước đồng thời tiếp thu được các kiến thức lạ.  - Sách là nơi con người lưu trữ và truyền lại những kiến thức Lịch sử. Sách có sức sống phi thường vượt qua mọi giới hạn về không gian và thời gian. Chính vì vậy, cuộc sống nhờ có sách mà con người cảm thấy thế nào? (thoải mái, mở rộng tầm hiểu biết hay là nâng cao hơn).  - Sách bao giờ cũng mang đến cho ta nhiều điều mới mẻ. Sách có nhiều loại, nhiều đề tài khác nhau. Do đó nó giúp ta có gì?  - Đến với sách, ta có thể biết bất cứ gì xảy ra trong đâu? Chẳng hạn sách Lịch sử giúp ta hình dung những cuộc đấu tranh ác chiến thời vàng son của các triều đại.  - Sách văn học thể hiện tài năng của nhiều nhà văn, cho ta biết thưởng thức thơ văn, bồi dưỡng tâm hồn, toán học lại khiến ta phải tư duy đầu óc ...  - Sách còn giới thiệu với ta nhiều kinh nghiệm, thành tựu về khoa học, nông công nghiệp và cả chính trị. Ngoài ra sách còn là hường dẫn viên đưa ta đến những danh lam thắng cảnh, kì quan thế giới.  -> Tất cả đều dùng để khẳng định sách là nguồn kiến thức như thế nào? Nó dạy ta biết bao điều hay lẽ phải trong cuộc sống, giúp ta ngày một hoàn thiện bản thân nhân phẩm, đạo đức.  => Cho nên có thể nói sách là người bạn thân như thế nào? (hữu ích mang lại niềm tin yêu...). Sách không chỉ giúp mở mang kiến thức mà con đem đến nguồn hạnh phúc, sự thanh thản cho tâm hồn.  - Do vậy, câu nói của M.Go-rơ-ki rất đúng đắn ...  - Bên cạnh mặt tốt luôn có cái xấu. Vì vậy, cần phải biết chọn sách phù hợp với lứa tuổi của mình.  - Mục đích của chúng ta khi đọc sách là gì? (giải trí một cách lành mạnh, thêm kiến thức...).  - Nhưng coi sách cũng có khi là cách tự học nên phải đọc sách đúng lúc, đúng chỗ. Tuy nhiên không phải lúc nào cũng đọc như con mọt sách hay đọc để rồi không còn thực tế chàng Đôn-ki-hô-tê.  - Chúng ta cần sắp xếp hợp lý về thời gian đọc sách đúng cách, biến kiến thức của sách thành của riêng mình. Nó sẽ là người bạn tốt cho ai biết nâng niu, trân trọng và học hỏi.  - Kiến thức còn giúp cho xã hội văn minh thoát khỏi nền lạc hậu. Một xã hội chú trọng nhiều đến tài trí thì sẽ có nhiều nhân tài. Một đất nước có nhiều đội ngũ khoa học thì sẽ có những phát minh máy móc hiện đại tân tiến.  - Cho nên kiến thức là con đường sống của mọi người. Đó là con đường của ước mơ và hy vọng, biết hướng về tương lai bằng niềm tin tự khám phá mình để hoàn thiện nhân cách của mình.  - Vì thế nếu không có sách con người sẽ sống trong tối tăm, dốt nát, mất tự do.  ***III. Kết bài:***  - Quả thật câu nói của M.Go-rơ-ki là một lời khuyên chí tình. Sách rất quý nhưng không tự đến với con người mà con người phải tìm lấy sách để đọc.  - Ta phải đọc sách một cách ham mê và đọc với tinh thần chủ động, suy nghĩ, nghiền ngẫm. Đọc và làm theo sách sẽ giúp ta trau dồi, nâng tầm hiểu biết ngày một cao hơn.  - Sách đúng là kho tàng trí tuệ của nhân loại, là giá trị vô giá của loài người. | |
| **ĐỀ BÀI THAM KHẢO SỐ 2**  **Phần I: Đọc hiểu (3.0 điểm).**  *Môi trường sống có một ý nghĩa to lớn và vô cùng quan trọng. Môi trường là không khí, là thức ăn, là sự cân bằng sinh thái đảm bảo cho sự sống của con người. Môi trường quen thuộc và gần gũi với chúng ta như những người bạn thân thiết không thể thiếu được trong cuộc đời. Thế nhưng môi trường hiện nay đang bị hủy hoại nghiêm trọng: Chặt phá rừng, vứt rác bừa bãi, xả nước thải, rác thải công nghiệp không đúng quy định của các nhà máy, xí nghiệp... Khí hậu trái đất đang nóng dần lên một cách bất thường và ngày càng khắc nghiệt . Những thiên tai như giông bão, sóng thần, lở núi, lũ quét, hạn hán,... ngày càng dồn dập xảy ra trên khắp thế giới để lại những tác hại ghê gớm, khôn lường về của cải và tính mạng. Vì vậy, chúng ta phải có trách nhiệm bảo vệ môi trường.*  ***(Bài làm của học sinh****)*  **Câu 1:** (1đ). Xác định luận điểm trong đoạn văn trên?  **Câu 2:** (1đ). Chỉ ra cách lập luận trong đoạn văn trên? Tác dụng của cách lập luận đó?  **Câu 3:** (1đ). Viết đoạn văn nêu trách nhiệm của học sinh trong việc giữ gìn bảo vệ môi trường sống hiện nay.  **Phần II: Tạo lập văn bản (7.0 điểm).**  **Câu 4:** *(7đ)* Nêu suy nghĩ về mối quan hệ giữa học và hành.  **HƯỚNG DẪN CHẤM**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***Câu*** | ***Đáp án*** | ***Điểm*** | | ***Câu 1*** | Môi trường sống có một ý nghĩa to lớn và vô cùng quan trọng, cho nên chúng ta phải có trách nhiệm bảo vệ nó. | (1đ). | | ***Câu 2*** | - Từ việc nêu ra ý nghĩa to lớn và quan trọng của môi trường, người viết đưa ra các dẫn chứng về việc môi trường bị hủy hoại nghiêm trọng, cuối cùng để rút ra kết luận: chúng ta phải có trách nhiệm bảo vệ môi trường.  - Tác dụng: Làm cho luận điểm sáng tỏ và có sức thuyết phục | (1đ). | | ***Câu 3*** | HS viết được 2-3 câu văn nêu được suy nghĩ của bản thân về trách nhiệm của học sinh trong việc gìn giữ, bảo vệ môi trường. | (1đ). | | ***Câu 4*** | Tham khảo dàn ý ở bài tập 7 |  | | |

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**BUỔI 10**

**Hướng dẫn viết bài TLV số 6**

**Cảm thụ văn bản Thuế máu – *Nguyễn Ái Quốc***

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

-Giúp hs có định hướng để viết bài TLV số 6; củng cố kiến thức về văn bản *Thuế máu* của Nguyễn Ái Quốc

**2. Kỹ năng:**

- Rèn kĩ làm bài văn nghị luận, kĩ năng cảm thụ một tác phẩm văn học.

**3. Thái độ, phẩm chất**

**4. Định hướng năng lực**

- Năng lực tự học

- Năng lực giải quyết vấn đề

-Năng lực sáng tạo

-Năng lực giao tiếp

-Năng lực hợp tác.

**II. Tiến trình lên lớp**

1. **Ổn định tổ chức**
2. **Ôn tập**

**Tiết 1: Hướng dẫn viết bài TLV số 6 (tiếp)**

***Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **B1:Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *HS hoạt động cá nhân* (15 phút):  Lập dàn ý cho đề số 3 – TLV số 6  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (theo yêu cầu và hướng dẫn)**  **B3: Báo cáo kết quả**  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:( GV nhận xét đánh giá)**  **GV hướng dẫn hs viết bài dựa vào dàn ý chi tiết.** | **Đề 3: Câu nói của M. Go-rơ-ki “Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống” gợi cho em suy nghĩ gì?**  **MB**: (Dẫn dắt vấn đề NL + Trích dẫn ý kiến)  Sách từ lâu đã trở thành người bạn đồng hành của con người trên con đường chinh phục tri thức. Sách mở ra trước mắt ta những chân trời mới, là chìa khóa giúp ta đi đến thành công. Nhận thức rõ về vai trò và tầm quan trọng của sách, M. Gorki cho rằng: “Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống.”  **II. THÂN BÀI**  ***1. Giải thích:***  -Trước tiên ta cần hiểu Sách là gì? Sách là nơi lưu giữ tri thức của nhân loại hàng ngàn năm nay, là nguồn cung cấp kiến thức về mọi lĩnh vực vượt qua thời gian và không gian.  -Như vậy lời nói của M.Gorki như lời khuyên bảo chân thành đến chúng ta: cần biết trân trọng sách bởi nó là nguồn tri thức vô bờ bến, là sức mạnh của con người tạo ra và còn là con đường sống giúp phát triển trí tuệ. Qua đó khẳng định sách và kiến thức có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.  ***2. Phân tích, chứng minh***  **- Câu nói của** M. Go-rơ-ki là hoàn toàn đúng đắn.  a. Tại sao sách là con đường sống?  -     Vì sách là nguồn kiến thức vô tận của loài người.  Đọc sách chính là chúng ta thừa hưởng những thành quả của nhân loại từ hàng ngàn năm nay, rút ngắn thời gian tìm ra nguồn tri thức đó.  - Hơn nữa, cuộc sống luôn cần có tri thức, tri thức không chỉ giúp chúng ta mở mang hiểu biết mà còn giúp ta có một nghề chân chính để tồn tại. Cs càng phát triển chúng ta càng cần phải học tập và đọc sách nhiều hơn.  b.Vậy sách có tác dụng gì đối với chúng ta?  -  Sách giúp con người hiểu sâu sắc về mọi lĩnh vực đời sống. Chẳng hạn như các loại sách khoa học giúp ta hiểu hơn về khoa học tự nhiên; sách văn học giúp ta hiểu sâu hơn về tâm lí, tình cảm và đời sống của con người,…  -  Không những vậy, sách còn là một công cụ để gắn kết nhiều dân tộc trên thế giới, giúp dân tộc này hay công dân nước này hiểu thêm về dân tộc kia hay công dân nước kia về mặt xã hội, kinh tế, du lịch,..  - Thực tế đã chứng minh những người yêu sách, ham đọc sách luôn thành công trong cs như Bác Hồ, hay chính M.Go – ro-ki, ông không qua bất kì trường DDH nào nhưng nhờ lòng yêu sách, ham học hỏi mà ông đã trở thành đại thi hào của thế giới.  ***3. Bàn bạc, mở rộng vấn đề***  -  Sách quan trọng như vậy, nhưng trong thực tế bên cạnh những người ham đọc sách, và những cuốn sách bổ ích vẫn có những người lười đọc sách hoặc đọc những loại sách hay truyện đen, sách văn hoá phẩm đồi trụy, gây ảnh hưởng đến đời sống XH.  -  Không những ham mê đọc sách mà ta còn phải khôn ngoan lựa chọn cho mình những loại sách phù hợp với lứa tuổi đê tránh sa vào các tệ nạn xã hội chỉ vì tính tò mò của bản thân.  **4. Bài học :**  **- Nhận ra vai trò to lớn của sách,**  **- rèn cho mình lòng yêu sách, ham đọc sách** coi sách là người thầy, người bạn để phấn đấu vươn lên trở thành một con người có học vấn cao, có kĩ thuật khoa học tiên tiến, biết đem tài năng góp phần phát triển đất nước.  **KB:** Ngày nay, CNTT phát triển, con người có thể tìm đến nguồn kiến thức trên mạng internet. Nhưng để vừa cung cấp kiến thức vừa giúp tâm hồn thảnh thơi, thư thái thì không gì có thể thay thế được sách. |

**Tiết 2+3: Cảm thụ văn bản Thuế máu – Nguyễn Ái Quốc**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **B1:Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *HS hoạt động nhóm bàn* (15 phút):  ?Khái quát những nét chính về tác giả NAQ và nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa nhan đề và tóm tắt ngắn gọn văn bản *Thuế máu*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (theo yêu cầu và hướng dẫn)**  **B3: Báo cáo kết quả**  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:( GV nhận xét đánh giá** | 1. **Kiến thức cơ bản**   **1.Tác giả**   * Nguyến ái Quốc ( 1890-1969): HS tự trình bày * Phóng sự chính luận ( nghị luận hiện đại)   **2.Văn bản**  **a. Nội dung, nghệ thuật**  - Bộ mặt giả nhân, giả nghĩa, thủ đoạn tàn bạo của chíng quyền thực dân Pháp trong việc sử dụng ng­ời dân thuộc địa nghèo khổ làm bia đỡ đạn trong các cuộc chiến tranh phi nghĩa tàn bạo.( 1914-1918).  - Tư­ liệu phong phú, xác thực, tính chiến đấu rất cao, nghệ thuật trào phúng sắc xảo và hiện đại: mâu thuẫn trào phúng, ngôn ngữ giọng điệu giễu nhại.  **b. Ý nghĩa nhan đề**  -Thuế máu là thuế được đóng bằng xương máu, tính mạng của con người. Trên thực tế không có thứ thuế này, cách đặt tên như vậy là nhằm phản ánh một thủ đoạn bóc lột tàn nhẫn của chế độ thực dân ở các nước thuộc địa: biến người dân nơi đây thành vật hi sinh của cuộc chiến tranh phi nghĩa.  - Bộc lộ trực tiếp qquan điểm phê phán, tố cáo của NAQ  **c. Tóm tắt**  **-** Trước khi chiến tranh thế giới xảy ra, thực dân Pháp chỉ coi chúng ta như những tên da đen bẩn thỉu, chỉ biết kéo xe và ăn đòn. Khi chiến tranh chúng đã bắt dân ta đi làm bia đỡ đạn cho chúng. Kết quả là rất nhiều người bị thương, bỏ mạng nơi chiến trường xa xôi. Chúng gọi chế độ bắt lính của chúng là chế độ lính tình nguyện nhưng lại dùng đủ mọi mánh khóe, chiêu trò để người dân đi lính, thậm chí bắt trói, đánh đập. Sau khi chiến tranh kết thúc, chúng lại đối xử với dân ta như với súc vật, chúng lột hết đồ mà dân ta phải tự bỏ tiền ra mua. Bằng việc nói lên sự thật này, tác giả muốn nhân dân Pháp cũng như nhân dân toàn thế giới biết được bộ mặt của thực dân Pháp. |

***Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **1.Bài tập 1: Hs hoạt động nhóm đôi**  Cho đoạn văn**:**  *Nếu quả thật người An Nam phấn khởi đi lính đến thế, tại sao lại có cảnh, tốp thì bị xích tay điệu về tỉnh lị, tốp thì trước khi xuống tàu, bị nhốt trong một trường trung học ở Sài Gòn, có lính Pháp canh gác, lưỡi lê tuốt trần, đạn lên nòng sẵn ? Những cuộc biểu tình đổ máu ở Cao Miên, những vụ bạo động ở Sài Gòn, ở Biên Hòa và ở nhiều nơi khác nữa, phải chăng là những biểu hiện của lòng sốt sắng đầu quân “tấp nập” và “không ngần ngại” ?*  a, Nêu xuất xứ của văn bản có chứa đoạn trích trên  b, Em hiểu gì về nhan đề “ Thuế máu ”  c, Xét theo mục đích nói, những câu văn trong đoạn thuộc kiểu câu gì ? Hành động nói được thực hiện trong những câu văn ấy theo cách trực tiếp hay gián tiếp ? Đó là hành động gì ?  d, Em có nhận xét gì nếu câu đầu trong đoạn trích trên có cách lựa chọn trật tự như sau: “ Nếu quả thật người An Nam phấn khởi đi lính đến thế, tại sao có lính Pháp canh gác, lưỡi lê tuốt trần, đạn lên nòng sẵn, lại có cảnh tốp thì trước khi xuống tàu, bị nhốt trong một trường trung học ở Sài Gòn, tốp thì bị xích tay điệu về tỉnh lị.  - HS thực hiện  - Gv nhận xét, chốt đáp án | 1. Trích trong văn bản “Thuế máu “ – Nguyễn Ái Quốc.   b.Thuế máu là thuế được đóng bằng xương máu, tính mạng của con người. Trên thực tế không có thứ thuế này, cách đặt tên như vậy là nhằm phản ánh một thủ đoạn bóc lột tàn nhẫn của chế độ thực dân ở các nước thuộc địa: biến người dân nơi đây thành vật hi sinh của cuộc chiến tranh phi nghĩa.  c. – Những câu trong đoạn thuộc kiểu câu nghi vấn.  -Thực hiện hành động nói: Bộc lộ cảm xúc  - HĐN thực hiện gián tiếp. |
| **2.Bài tập 2: Hoạt động nhóm**  Cho đoạn trích  *“Trước năm 1914, họ chỉ là những tên da đen bẩn thỉu, những tên “An-nam-mít” bẩn thỉu, giỏi lắm thì cũng chỉ biết kéo xe tay và ăn đòn của các quan cai trị nhà ta. Ấy thế mà cuộc chiến tranh vui tươi vừa bùng nổ, thì lập tức họ biến thành những đứa “con yêu”, những người “bạn hiền” của các quan cai trị phụ mẫu nhân hậu, thậm chí của cả các quan toàn quyền lớn, toàn quyền bé nữa. Đùng một cái, họ (những người bản xứ) được phong cho cái danh hiệu tối cao là “chiến sĩ bảo vệ công lí và tự do”. Nhưng họ đã phải trả bằng một cái giá khá đắt cái vinh dự đột ngột ấy [...]”.*  (SGK Ngữ văn 8, tập 2, NXB Giáo dục)  Câu 1 Đoạn trích trên rút ra từ văn bản nào? Nêu xuất xứ của văn bản đó.  Câu 2 Giải thích ý nghĩa nhan đề của văn bản.  Câu 3 *.*So sánh thái độ của các quan cai trị thực dân đối với người dân thuộc địa ở hai thời điểm: trước chiến tranh và khi xảy ra chiến tranh. Việc so sánh thái độ của các quan cai trị thực dân như vậy có tác dụng gì?  Câu 4 Viết đoạn văn quy nạp khoảng 9 – 12 câu nêu cảm nhận của em về số phận của nhân dân thuộc địa trong phần I của văn bản trên. Trong đoạn có sử dụng 1 câu nghi vấn *(gạch chân và chú thích rõ)*.  **Hs thực hiện**  **GV nhận xét, chốt đáp án** | 1. - Văn bản: Thuế máu  - Xuất xứ: trích *Bản án chế độ thực dân Pháp*, xuất bản lần đầu tiên tại Pa-ri năm 1925  2. Ý nghĩa nhan đề:  - Thuế máu là loại thuế được trả bằng xương máu, mạng sống của nhân dân thuộc địa  - Nhan đề gợi lên số phận nhân dân thuộc địa và tội ác của chính quyền thực dân.  3. - Thái độ trước chiến tranh: bị xem như giống người hạ đẳng  - Thái độ khi có chiến tranh: được tâng bốc để biến thành vật hi sinh  - Tác dụng của việc so sánh:  =>Thấy được thủ đoạn bỉ ổi của chính quyền thực dân  Thấy được số phận bi thảm của nhân dân thuộc địa  4. \* Yêu cầu về hình thức: đúng hình thức đoạn quy nạp, đủ dung lượng, diễn đạt trôi chảy, mạch lạc  \* Yêu cầu tiếng Việt: câu nghi vấn *(phải gạch chân và chú thích được)*  \* Yêu cầu về nội dung: cần đảm bảo các ý cơ bản sau  - Trước khi chiến tranh xảy ra: người bản xứ bị đối xử tàn tệ  - Khi chiến tranh xảy ra: họ được các quan cai trị tung hô  - Sự thật đằng sau những lời tung hô: người bản xứ phải bỏ mạng trên những chiến trường xa xôi  → Nhân dân thuộc địa trở thành vật hi sinh cho người Pháp |
| **3.Bài tập 3:**  - Hình thức tổ chức luyện tập : cá nhân  **Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**  " Để ghi nhớ công lao của người lính An Nam, chẳng phải người ta đã lột hết tất cả của cải của họ, từ chiếc đồng hồ, ,bộh quần áo mới toanh mà họ bỏ tiền túi ra mua, đến các vật kr niệm đủ thứ vv ... trước khi họ đến Mác-xây xuống tàu về nước đó sao? Chẳng phải người ta đã giao họ cho bọn súc sinh kiểm soát và đánh đập họ vô cớ đó sao? Chẳng phải người ta đã cho họ ăn như cho lợn ăn và xếp họ như xếp lợn dưới hầm tầu ẩm ướt không giường nằm, không ánh sáng thiếu không khí đó sao?  a. Đoạn văn trích từ tác phẩm nào? Tác giả?  b.Nhan đề của văn bản có ý nghĩa gì?  c. Câu:"Chẳng phải người ta đã giao họ cho bọn súc sinh kiểm soát và đánh đập họ vô cớ đó sao? Chẳng phải người ta đã cho họ ăn như cho lợn ăn và xếp họ như xếp lợn dưới hầm tầu ẩm ướt không giường nằm, không ánh sáng thiếu không khí đó sao?" thuộc kiểu câu gì? Hành động nói là gì?  d. Chuyển câu đó thành câu khác có nội dung tương đồng và cho biết câu đó thuộc kiểu câu gì?  e. Viết đoạn văn ngắn khoảng 20 dòng nêu suy nghĩ của em về vấn đề bảo vệ cuộc sống hòa bình trong gia đoạn hiện nay.  Hs thực hiện  Gv nhận xét, chốt ý | .Tác phẩm Thuế máu trích Bản án chế độ thực dân Pháp  b.Nhan đề văn bản có ý nghĩa: Thuế máu là thứ thuế phũ phàng, tàn ác thứ thuế bóc lột xương máu của người dân thuộc địa  c.Câu nghi  vấn thực hiện hành động khẳng định.  d.Đoạn văn khoảng 20 dòng  -         Giải thích ngắn gọn hòa bình là gì?  -         Vì sao phải bảo vệ cuộc sống hòa bình  + Hòa bình là đem đến sự yên ấm hạnh phúc cho nhân dân  +Gợi nhớ đến hậu quả của chiến tranh mất mát đau thương ..........  + Phải làm gì để bảovệ cuộc sống hòa bình: nêu những việc làm hành động cụ thể...  + Phê phán thái độ của những người chưa yêu hòa bình  + Nhận thức của bản thân |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- GV yêu cầu HS nhớ lại đơn vị kiến thức đã học; Viết lại các đoạn văn ở các đề luyện tập

**BUỔI 11 – Tiết 1, 2: CHỦ ĐỀ: HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP**

***Hội thoại***

1. **Mục tiêu bài học**
   1. **Kiến thức**
      * H/s hiểu được khái niệm vai xã hội trong hội thoại và mối quan hệ giữa các vai trong quá trình hội thoại
   2. **Kĩ năng**
      * HS có kỹ năng xác định và phân tích các vai trong hội thoại.
   3. **Thái độ**
      * Có ý thức sử dụng vai xã hội phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.
   4. **Năng lực, phẩm chất**
      * Tự tin, tự chủ, tự lập
      * Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp.

**II.Tiến trình bài học**

**A.Hệ thống kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| * **PP: Vấn đáp, hoạt động nhóm** * ***KT: Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm*** * NL: nhận thức, tư duy, ngôn ngữ… * Cho hs đọc VD, hoạt động cá nhân.   ? Đoạn trích có mấy nhân vật tham gia hội thoại ?  ? Ai là vai trên, ai là vai dưới?   * GV chốt   ? Vai xã hội là gì   * Chuẩn xác, chốt ghi nhớ   ? Quan hệ giữa các nhân vật tham gia hội thoại trong đoạn trích trên là gì?   * GV chiếu thêm ví dụ:   *Trên một chuyến xe khách từ Hà Nội về Hưng Yên, một chàng trai quay sang hỏi một cô gái:*   * *Xin lỗi bạn, mấy giờ rồi?* * *Ba giờ anh ạ.*   ? Xác định quan hệ giữa các nhân vật trong cuộc thoại trên  ? Vậy vai xã hội được xác định bằng các quan hệ nào? Căn cứ vào đâu để xác định các mối quan hệ đó   * Chuẩn xác, chốt ghi nhớ | **I.Vai xã hội trong hội thoại**  thoại.  - Vai xã hội được xác định bằng các quan hệ xã hội:  + Quan hệ trên- dưới, ngang hàng (tuổi tác, thứ bậc trong gia Đình và xã hội)  + Quan hệ thân - sơ (quen biết, thân tình)  -Vai xã hội đa dạng, nhiều chiều nên khi tham gia hội thoại cần xác định đúng vai để chọn cách nói cho phù hợp.  b. Trong hội thoại ai cũng được nói. Mỗi lần nói trong hội thoại là một lượt lời.  - Khi tham gia hội thoại phải giữ lịch sự, tôn trọng lượt lời của người khác, tránh nói tranh lượt lời, cắt lời, chêm lời ...  - Nhiều khi im lặng cũng là một cách biểu thị thái độ. |

**B.Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bài 1**  **Khi thầy giáo và HS giao tiếp trong giờ học thì vai thứ bậc XH của hội thoại là:**  A. Ngang hàng, thân thiết.  B. Trên hàng.  C. Trên hàng – dưới hàng.  D. Dưới hàng.  **2. Phân tích vai xã hội giữa ông giáo và Lão Hạc?**  **Bài tập 3.**  Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:  *“Chị Dậu xám mặt, vội vàng đặt con xuống đất, chạy đến đỡ lấy tay hắn:*  *-* ***Cháu*** *van* ***ông****,* ***nhà cháu*** *vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho!*  *- Tha này! Tha này!*  *Vừa nói hắn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu.*  *Hình như tức quá không thể chịu được, chị Dậu liều mạng cự lại:*  *- Chồng* ***tôi*** *đau ốm,* ***ông*** *không được phép hành hạ!*  *Cai lệ tát vào mặt chị Dậu một cái đánh bốp, rồi hắn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu.*  *Chị Dậu nghiến hai hàm răng:*  *-* ***Mày*** *trói ngay chồng* ***bà*** *đi, bà cho mày xem!”*  *(Ngữ văn 8- tập 1)*  **Câu 1**: Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai?  **Câu 2**: Theo em dấu hai chấm được sử dụng trong đoạn văn trên có tác dụng gì ?  **Câu 3**: Đoạn trích trên được kể theo ngôi thứ mấy? Dấu hiệu chính để nhận biết ngôi kể này? Hãy kể lại đoạn trích trên bằng lời của chị Dậu.  **Câu 4**  Chú ý vào các từ in đậm, xác định vị thế xã hội, thái độ, tính cách của hai nhân vật (chị Dậu và cai lệ) trong đoạn trích. Nhận xét về sự thay đổi trong cách xưng hô của chị Dậu và giải thích lí do.  **Câu 5:** Đoạn văn trên kể về sự việc gì? Qua sự việc đó em cảm nhận được những gì về vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật chị Dậu | **Bài 1:**  C. Trên hàng – dưới hàng.  - Xét về địa vị xã hội: ông giáo là người có địa vị cao hơn 1 nông dân nghèo như Lão Hạc  - Xét về tuổi tác: lão Hạc có vị trí cao hơn.  **Bài tập 3: Đáp an**  **1.**  -Đoạn văn trên trích trong văn bản “ Tức nước vỡ bờ”  **-**Tác giả: Ngô Tất Tố  2. Dấu hai chấm được sử dụng trong đoạn văn trên có tác dụng: đánh dấu lời đối thoại   * 3. Đoạn trích kể theo ngôi thứ ba * Dấu hiệu chính: Người kể giấu mình, gọi tên nhân vật bằng tên của họ * Đoạn văn chuyển sang ngôi kể thứ nhất theo lời của chị Dậu:   Tên cai lệ không thương tình hoàn cảnh éo le của gia đình tôi mà cứ sấn sổ tới đòi đánh trói chồng tôi. Lúc này, thương chồng, tôi vội vã đặt đứa con xuống phản rồi chạy tới van xin mong cai lệ thương tình nhưng vừa van xin thì hắn ra bộ hách dịch, vừa nói vừa quát rồi thẳng tay bịch luôn vào ngực tôi mấy cái thật đau. Tôi vẫn cam chịu nhưng hắn tiến lại đòi bắt chồng tôi. Lúc này nỗi uất hận dâng lên, không chịu được sự nhẫn tâm của tên lòng lang dạ thú đó tôi chẳng nghĩ đến phận mình, tôi kháng cự lại: “Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ”. Ngay lúc đó tên cai lệ nhảy lên tát vào mặt tôi rồi lại xăm xăm tới chỗ chồng tôi. Không còn kìm nén được cơn thịnh nộ, tôi nghiến hai hàm răng lại “ Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!”, tôi túm lấy cổ hắn ấn dúi ra cửa.   * **4.** Ở phần dầu của đoạn trích do có sự cách biệt về địa vị, hoàn cảnh, thái độ, tính cách giữa các nhân vật cho nên cách xưng hô cũng rất cách biệt.   + Chị Dậu, người dân thấp cổ bé họng lại đang thiếu sưu nên phải hạ minh, nhịn nhục, xưng hô là cháu, nhà cháu - ông.  + Còn cai lệ, người nhà lí trưởng cậy quyền, cậy thế nên rất hống hách, xưng hô là ông - thằng kia, mày.   * Sang đoạn sau, cách xưng hô thay đổi. Chị Dậu chuyển sang tôi – ông, dấu hiệu của sự phản kháng.   Sau đó, không thể chịu được nữa, chị Dậu đã đứng lên, với vị thế của kẻ ngang hàng, trực diện với kẻ thù và chuyển sang bà – mày. Đó là hành vi thể hiện sự “tức nước – vỡ bờ”, sự tự vệ cần thiết để bảo vệ chồng của chị |

**III/Dặn dò:**

* + - **Ôn tập kiến thức đã học**
    - **Làm bài tập: 5**

**BUỔI 11 – Tiết 2: CHỦ ĐỀ: HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP**

***Hành động nói***

**I/Mục tiêu kiến thức:**

* 1. **Kiến thức**

- Hiểu được khái niệm hành động nói; biết được một số kiểu hành động nói thường gặp

* 1. **Kĩ năng**

- Xác định được hành động nói trong các văn bản đã học và trong giao tiếp; tạo lập được hành động nói phù hợp với mục đích giao tiếp

* 1. **Thái độ**
     + Có ý thức sử dụng hành động nói đúng, phù hợp với hoàn cảnh giáo tiếp
  2. **Năng lực, phẩm chất**
     + Tự tin, tự chủ, tự lập, yêu tiếng Việt
     + Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp.

**II/Tiến trình bài học**

**A.Hệ thống kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên- học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| GV hướng dẫn HS trình bày lại những nội dung cơ bản cần nhớ về hành động nói.   * + - Yêu cầu với mỗi hành động HS đưa ra các ví dụ cụ thể =>Tổ chức dưới dạng trò chơi đấu loại giữa 8 tổ | **1.Hành động nói:**  Thực hiện hành động bằng lời nói  **2.Hành động nói thường gặp**  + Hỏi, trình bày.  + Điều khiển.  + Hứa hẹn.  + Bộc lộ cảm xúc |

**B.Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên- học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| *Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà*  *Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế*  *Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!*  (SGK Ngữ văn 9 ,NXB Giáo dục)  **Câu 1** *(1 điểm)*: Đoạn thơ trên gợi em nhớ tới văn bản nào đã học trong chương trình Ngữ văn 8 cũng có tiếng chim tu hú? Tác giả của văn bản đó là ai? Chép chính xác 6 câu thơ đầu của văn bản đó.  **Câu 2** *(1 điểm)*: Xác định kiểu câu chia theo mục đích nói và hành động nói của câu thơ thứ hai trong đoạn thơ em vừa chép.  **Câu 3** *(1 điểm)*:  a. Xác định kiểu câu chia theo mục đích nói của hai câu sau: *(1) “Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở. (2) Các khanh nghĩ thế nào?”*  b. Hãy cho biết mỗi câu văn trên thực hiện hành động nói nào?  **Câu 4.**Đọc kĩ đoạn văn sau rồi trả lời câu hỏi  *Phép dạy, nhất định theo Chu Tử. Lúc đầu học tiểu học để bồi lấy gốc. Tuần tự tiến lên học đến tứ thư, ngũ kinh, chư sử. Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm. Họa may kẻ nhân tài mới lập được công, nhà nước nhờ thế mà vững yên. Đồ mới thực là cái đạo ngày nay có quan hệ tới lòng người. Xin chớ bỏ qua*.  a, Đoạn văn được trích trong văn bản nào ? Của ai ?  Nêu hiểu biết của em về thể loại của văn bản  b, Câu văn cuối đoạn thuộc kiểu câu gì ? Thực hiện hành động nói nào ? | Đáp án  1.Văn bản: *Khi con tu hú*  - Tác giả: Tố Hữu  - Chép chính xác 6 câu thơ đầu *(mỗi lỗi sai trừ 0,25 điểm)*  2- Kiểu câu chia theo mục đích nói: câu trần thuật  - Hành động nói: trình bày  3  – “Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở.” 🡪 Câu trần thuật  Đặc điểm hình thức và chức năng: kết thúc bằng dấu chấm, dùng đề nêu ý kiến, mong muốn.  - “Các khanh nghĩ thể nào?”🡪 Câu nghi vấn  Đặc điểm hình thức và chức năng: kết thúc bằng dấu chấm hỏi, dùng để bày tỏ tình cảm.  **4.**  a.Văn bản: Bàn luận về phép học – La Sơn phu tử  b. Câu cầu khiến – hành động điều khiển |

**III/Dặn dò:**

* + - **Ôn tập kiến thức đã học**

Ngày soạn:

**Tiết 3: CHỦ ĐỀ: LUYỆN VIẾT VĂN NGHỊ LUẬN**

***Tìm hiểu yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận***

1. **Mục tiêu bài học**:
   1. **Kiến thức**
      * Hs hiểu được: Lập luận là phương thức chính trong văn nghị luận; biểu cảm là yếu tố hỗ trợ cho lập luận, góp phần tạo nên sức lay động, truyền cảm cho bài văn nghị luận
   2. **Kĩ năng**
      * Nhận biết yếu tố biểu cảm và tác dụng của nó trong văn nghị luận; đưa yếu tố biểu cảm vào bài văn nghi luận hợp lí, có hiệu quả, phù hợp với lập luận của bài
   3. **Thái độ**
      * Tự giác, tích cực học tập
   4. **Năng lực, phẩm chất**
      * Tự tin, tự chủ, tự lập.
      * Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp.

**II.Tiến trình bài học**

**A.Hệ thống kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Nội dung cần đạt** |
| GV hướng dẫn HS trình bày lại kiến thức cơ bản dưới hình thức sơ đồ tư duy sáng tạo  **Bài tập nhanh**  ? Hãy chỉ ra yếu tố biểu cảm trong phần I ''Thuế máu''?  ? Tác giả sử dụng những biện pháp gì để biểu cảm | **1.Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận**   * Biểu cảm không đóng vai trò chủ đạo mà chỉ là một yếu tố phụ trợ cho quá trình nghị luận. * Để phát huy tốt yếu tố biểu cảm:   + Người làm bài phải thật sự có cảm xúc với những điều mình viết (nói)   * Biết diễn đạt cảm xúc bằng các phương tiện ngôn ngữ có tính truyền cảm: từ ngữ, kiểu câu, giọng điệu * Sử dụng yếu tố biểu cảm phải phục vụ cho nghị luận, không làm phá vỡ sự mạch lạc của bài văn * Yếu tố biểu cảm: tê*n da đen bẩn thỉu, con yêu, bạn hiền...* * Các biện pháp biểu cảm:   + Nhại lời của thực dân Pháp  + Hai là dùng hình ảnh mỉa mai |

**B. Luyện tập**

*Đề bài: Dựa vào các bài ''Chiếu dời đô'' và ''Hịch tướng sĩ'', hãy chứng minh rằng: những ng­ười lãnh đạo anh minh nh­ư Lí Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn luôn luôn quan tâm đến việc chăm lo hạnh phúc lâu bền của muôn dân.*

***1.Lập dàn ý chi tiết***

***2. Chọn 1 ý trong dàn ý để viết đoạn hoàn chỉnh. Trong đoạn văn có sử dụng yếu tố biểu cảm hợp lý.***

***ĐÁP ÁN***

- Thể loại: NL

- Nội dung cần làm sáng tỏ: ''Chiếu dời đô'' và ''Hịch tướng sĩ'', hãy chứng minh rằng: những ng­ười lãnh đạo anh minh nh­ư Lí Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn luôn luôn quan tâm đến việc chăm lo hạnh phúc lâu bền của muôn dân.

- Cách làm: phân tích các luận điểm để làm sáng tỏ vai Trò của những người lãnh đạo.

\*. Dàn ý

a) Mở bài: Nguyễn Trãi đó từng viết:

''Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau

Song hào kiệt đời nào cũng có''.

Trải qua mấy nghỡn năm dựng n­ước và giữ n­ước, qua bao thăng trầm của lịch sử, nư­ớc ta đó có bao những vị anh hựng, những vị vua anh minh và có cả tàn bạo, trong số những vị minh quân, những anh hùng thời đại ta không thể không nhắc tới những vị như­ Lí Công Uẩn, Trần Quốc Tuấn, bởi họ là những vị lãnh đạo anh minh, luôn luôn quan tâm đến việc chăm lo hạnh phúc lâu bền của muôn dân.

(hoặc mở bài bằng ph­ương pháp đặt câu hỏi)

b) Thân bài:

- Tại sao họ đư­ợc l­ưu danh thiên cổ ? Phải chăng họ là những ng­ời xuất chúng, tài ba lỗi lạc hay còn vì lí do gì khiến họ thu phục nhân tâm đến nh­ư vậy ? Hai tác phẩm ... đư­ợc nhân dân ta biết đến bởi ngư­ời viết đó xuất phát từ lòng Yêu th­ương con ngư­ời.

- ''Chiếu dời đô'': Lí Công Uẩn biên soạn để thể hiện tư­ t­ưởng muốn rời kinh đô.

+ Việc dời đô là vất vả, to lín, tốn kém, rắc rối; nếu muốn sống yên thân thì vua không làm như­ vậy. Nhưng kinh đô ở nơi trung tâm trời đất, thế mạnh, binh hùng không sợ ngoại xâm, dân sẽ đ­ược h­ưởng thái bình  vua đó không quản ngại viết ''Thiên đô chiếu''

+ Ông đó đ­a ra các dẫn chứng cụ thể để thuyết phục lòng ngư­ời: nh­ư nhà Thư­ơng, nhà Chu; 2 triều Đinh, Lê không theo dấu cũ nên triều đại không đ­ược lâu bền. Bằng nhón quan tinh tư­ờng, Lí Công Uẩn đó quyết định chọn Đại La làm kinh đô để dân đ­ược cuộc sống yên ổn, thái bình  thư­ơng dân, lo cho dân, văn bản là bài ca yêu n­ước. Lí Công Uẩn là người nhìn xa trông rộng.

+ Lời lẽ kết hợp hài hoà giữa lí và tình: sức thuyết phục qua dẫn chứng cụ thể, tình đ­uược thể hiện ở việc không tự quyết định mà hỏi han, bộc lộ nỗi lòng ''trẫm rất đau xót về việc đó'', ''Trẫm muốn dựa .. nghĩ thế nào ?''  Lí Công Uẩn thấu tình, đạt lí, yêu dân nh­ư con.

- Hịch t­ướng sĩ của Trần Quốc Tuấn:

+ Là một văn bản có lập luận chặt chẽ, sắc bén với lời văn giàu cảm xúc và sức thuyết phục.

+ Văn bản thể hiện lòng căm thù giặc tột cùng, khơi dậy sự đồng lòng, quyết tâm bảo vệ Tổ Quốc của nhân dân ta  Trần Quốc Tuấn yêu dân, th­ương dân nên kiên quyết, mạnh mẽ, không chụ lùi b­ước trư­ớc kẻ thù.

+ Quan tâm, lo cho dân, Trần Quốc Tuấn đó kể tội của giặc để khích lệ lòng căm thù giặc.

+ P2 , động viên tinh thần luyện tập đánh giặc, nêu ra những kỉ c­ương nghiêm khắc.

+ Kết hợp chặt chẽ lí và tình: tấm lòng của vị chủ soái khi căm thù giặc, khi chăm lo cơ sở vật chất và tinh thần cho binh sĩ, vẽ ra 2 viễn cảnh khi n­ước mất nhà tan và khi ca khúc khải hoàn chiến thắng  minh chứng cho lòng Yêu th­ương binh sĩ.

\* 2 triều đại, 2 trái tim lúc nào cũng hư­ớng về t­ương lai tốt đẹp của nhân dân, trong thâm tâm họ lúc nào cũng nghĩ đến việc làm sao cho dân giàu nư­ớc mạnh; chăm lo cho hạnh phúc lâu bền của muôn dân đ­ược đặt lên hàng đầu.

c) Kết bài:

- Tuy 2 tác phẩm đ­ược viết trong 2 thời đại khác nhau nh­ưng đều có điểm t­ương đồng; chăm lo ... đó chính là yếu tố quan trọng nhất để 2 tác phẩm sống mói với thời gian. ''Chiếu dời đô'' và ;;Hịch t­ướng sĩ'' là minh chứng cho 2 tấm lòng cao cả, lín lao của 2 vị lãnh đạo anh minh Lí Công Uẩn, Trần Quốc Tuấn với dân với n­ước

**III/DẶN DÒ**

- Học bài, chuẩn bị đề: tệ nạn xã hội

- Giờ sau kiểm tra

**Ngày soạn: Ngày dạy:**

**BUỔI 12**

**Buổi 12 – Tiết 1:**

**Cảm thụ: ĐI BỘ NGAO DU**

1. **Mục tiêu cần đạt:**
2. **Kiến thức:** Giúp học sinh ôn tập:

-Mục đích, ý nghĩa của việc đi bộ theo quan điểm của tác giả .

-Cách lập luận chặt chẽ, sinh động, tự nhiên của nhà văn .

-Lối viết nhẹ nhàng có sức thuyết phục khi bàn về lợi ích, hứng thú của việc đi bộ ngao du.

1. **Kĩ năng:**

-Đọc – hiểu văn bản nghị luận của nước ngoài .

-Tìm hiểu, phân tích các luận điểm, luận cứ, cách trình bày vấn đề trong một bài văn nghị luận cụ thể .

1. **Thái độ, phẩm chất:**

- Yêu thiên nhiên, quý trọng tự do.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

1. **Năng lực**:

-Năng lực chung: tự học và tự chủ, giải quyết vấn đề và sáng tạo,…

- Năng lực chuyên biệt: NL sử dụng ngôn ngữ, NL cảm thụ văn học,…

**II. Tiến trình lên lớp:**

1. **Hệ thống lại kiến thức đã học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ? Tóm tắt ngắn gọn ba luận điểm chính mà Ru - xô đã trình bày thành ba đoạn trong văn bản để thuyết phục mọi người nếu muốn ngao du thì nên đi bộ.  ? Giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản? | **1. Các luận điểm chính của văn bản**  - Lập luận chính ở đoạn thứ nhất: đi bộ ngao du thì ta hoàn toàn được tự do, tùy theo ý thích, không bị lệ thuộc vào bất cứ ai (gã phu trạm), bất cứ cái gi (giờ giấc, xe ngựa, đường sá...)  - Sang đoạn thứ hai, lập luận chính: đi bộ ngao du thì ta sẽ có dịp trau dồi vốn tri thức của ta.  - Đến đoạn cuối, lập luận chính của Ru-xô là đi bộ ngao du có tác dụng tốt đến sức khoẻ.  **2. Giá trị nội dung và nghệ thuật:**  ***a. Giá trị nội dung***  - Từ những điều mà đi bộ ngao du đem lại như tri thức, sức khỏe, cảm giác thoải mái nhà văn thể hiện tinh thần tự do dân chủ - tư tưởng tiến bộc ủa thời đại.  ***b. Giá trị nghệ thuật***   * Dẫn chứng vào bài tự nhiên, sinh động, gắn với thực tiễn cuộc sống. * Xây dựng các nhân vật của hoạt động giáo dục, một thầy giáo và một học sinh * Sử dụng đại từ nhân xưng tôi, ta hợp lí gắn kết nội dung mang tính khái quát kiến thức mang tính trải nghiệm của bản thân người viết, làm cho luận điểm thêm thuyết phục. |

**B.Luyện tập.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| -***Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân, cặp đôi.***  ***-HS thực hiện.***  **Bài tập 1.**  **Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**  *Tôi chỉ quan niệm được một cách đi ngao du thú vị hơn đi ngựa: đó là đi bộ. Ta ưa đi lúc nào thì đi, ta thích dừng lúc nào thì dừng, ta muốn hoạt động nhiều ít thế nào là tùy. Ta quan sát khắp nơi; ta quay sang phải, sang trái; ta xem xét tất cả những gì thấy hay hay; ta dừng lại ở tất cả mọi khía cạnh. Tôi nhìn thấy một dòng sông ư, tôi đi men theo sông; một khu rừng rậm ư, tôi đi vào dưới bóng cây; một hang động ư, tôi đến tham quan; một mỏ đá ư, tôi xem xét các khoáng sản. Bất cứ đâu tôi yêu thích, tôi lưu lại đấy. hễ lúc nào tôi thấy chán, tôi bỏ đi luôn. Tôi chẳng phụ thuộc vào những con ngựa hay gã phu trạm. Tôi chẳng cần chọn những lối đi có sẵn hay những con đường thuận tiện; tôi đi qua bất cứ nơi nào con người có thể đi qua; tôi xem tất cả những gì mà con người có thể xem; và, chỉ phụ thuộc vào bản thân tôi, tôi hưởng thụ tất cả sự tự do mà con người có thể hưởng thụ. Nếu do thời tiết xấu không đi bộ được và thấy chán rồi, lúc đó tôi đi ngựa.*  (***Đi bộ ngao du***, Ru-xô)   1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên là phương thức nào? 2. Trình bày nội dung chính của đoạn văn? 3. Hãy chỉ ra các đại từ nhân xưng được sử dụng trong đoạn văn? Tại sao tác giả lại có cách thay đổi đại từ nhân xưng như vậy? 4. Phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu văn sau và cho biết câu văn đó thuộc kiểu cầu gì:   *Ta ưa đi lúc nào thì đi, ta thích dừng lúc nào thì dừng, ta muốn hoạt động nhiều ít thế nào là tùy*   1. Chỉ ra các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn và cho biết tác dụng của việc sử dụng các biện pháp tu từ đó? | **Bài tập 1.**  **a.**PTBĐ chính: nghị luận.  b. Nội dung chính của đoạn văn: Đi bộ ngao du giúp ta có thể thoải mái, tự do điều khiển mọi thứ theo sở thích của mình, tự do thưởng ngoạn bất kì nơi nào ta thấy có hứng thú. Chính điều đó sẽ khiến ta trưởng thành hơn, chín chắn hơn và nhìn mọi thứ xung quanh một cách toàn diện, chủ quan.  **c.** Trong đoạn văn, tác giả đã sử dụng các đại từ nhân xưng: ta, tôi  - Khi tác giả sử dụng đại từ nhân xưng “ta” thể hiện quan điểm chung của tất cả mọi người đó là “ta ưa đi lúc nào thì đi, ta thích dừng lúc nào thì dừng, ta muốn hoạt động nhiều ít thế nào là tùy”. Qua cách xưng này, Ru-xô muốn khẳng định đi bộ ngao du phù hợp với tất cả mọi người.  - Với cách xưng đại từ “tôi”, tác giả muốn đưa ra những chiêm nghiệm của bản thân mình trong cuộc sống để đưa ra những ý kiến thuyết phục mọi người. Điều này làm cho văn bản trở nên sinh động, giàu sức thuyết phục.  🡪Sự thay đổi cách xử dụng đại từ nhân xưng làm tác phẩm giàu sức thuyết phục và có tính linh hoạt, biểu cảm cao.  d.Câu ghép (có 3 vế câu)  e.Biện pháp tu từ: điệp ngữ, liệt lê  Tác dụng: nhấn mạnh và khẳng định lợi ích của việc đi bộ ngao du… |
| -***Hình thức tổ chức luyện tập: nhóm***  ***-HS thực hiện.***  **Bài tập 2. *Qua đoạn trích “ Đi bộ ngao du” em hãy chứng minh Ru Xô là người có quan điểm giáo dục tiến bộ? Liên hệ thực tế?***  HS dựa vào kiến thức đ­ược tìm hiểu để lập dàn bài đảm bảo các ý cơ bản sau | **\* Tìm hiểu đề**  - Thể loại: NL  - Nội dung cần làm sáng tỏ: Ru Xô là ngư­ời có quan điểm giáo dục tiến bộ. Liên hệ thực tế việc học.  - Cách làm: phân tích các luận điểm trong đoạn trích. Chú ý cách lập luận để nêu tác dụng của việc học qua cách đi bộ ngao du |

**\* Dàn ý:**

1. Mở bài

- Ru-xô (1712-1778) là nhà văn, nhà triết học, nhà hoạt động xã hội nổi tiếng. “Ê - min hay Về giáo dục” đ­ợc viết năm 1762 gồm 5 cuốn. Tác phẩm bàn về chuyện GD một em bé từ lúc sơ sinh đến tuổi trưởng thành. “Đi bộ ngao du” đ­ược trích từ cuốn 5 kể về giai đoạn tr­ởng thành của EMin. Qua đó tác giả bộc lộ tính chất giản dị, yêu tự do, yêu thiên nhiên...

2. Thân bài

- Luận điểm 1 tác giả đề cập tới tác dụng của đi bộ ngao du: đem lại sự thoải mái, chủ động và rất tự do. Đi bộ ngao du thú vị hơn đi ngựa: ­ta đi lúc nào thì đi, thích dừng lúc nào thì dừng; quan sát khắp nơi, quay phải, quay trái, xem xét tuỳ thích; có thể đến với bao cảnh đẹp xem xét tất cả: một dòng sông, 1 khu rừng rậm ..., 1 hang động... thì dừng lại, lúc thấy chán thì đi, tự do chẳng phụ thuộc vào những con ngựa hay gã phu trạm. Có thể đi theo con ­ờng tĩnh, h­ởng thụ tất cả sự tự do mà con ngư­ời có thể hưởng thụ

- Cách lập luận chặt chẽ và xác đáng kể, thuyết phục mọi nếu muốn ngao du thì nên đi bộ. tác giả sử dụng chủ yếu là câu trần thuật nhằm kể lại những điều thú vị của ngư­ời ngao du bằng đi bộ

- Ở đoạn đầu này tác giả đã thay đổi cách x­ưng hô. Lúc đầu ông dùng đại từ ''ta'' đi bộ là phù hợp với bất cứ ai có nhu cầu ngao du. Sau đó chuyển sang đại từ ''tôi'' trình bày cuộc sống từng trải của bản thân tác giả. Cuối đoạn tác giả nói đến Ê-min, đối thoại trực tiếp với nhân vật nên chuyển sang em. Tác giả chuyển đại từ nhân x­ưng: dùng ''ta'' khi lí luận chung, x­ưng ''tôi'' khi nói về những cảm nhận và cuộc sống từng trải của riêng ông, Tác giả nói đến Ê-min, đối thoại trực tiếp với nhân vật rồi lại chuyển sang em, thể hiện quan điểm giáo dục tiến bộ của ông đối với thế hệ trẻ qua Ê-min: để cho trẻ em đ­ợc sống hoà đồng trong môi tr­ờng tự nhiên: ở chốn nào em cũng có thứ để giải trí..., em làm việc, em vận động 2 cánh tay để cho đôi bàn chân nghỉ ngơi. xen kẽ giữa lí luận trừu tư­ợng và những trải nghiệm của cá nhân tác giả nên áng nghị luận không khô khan mà rất sinh động

- Theo tác giả thì đi bộ ngao du không chỉ thoải mái tự do mà nó còn góp con ngư­ời trau dồi vốn tri thức trong cuộc sống. Ta sẽ thu nhận đ­ợc những kiến thức thu nhận ở tự nhiên rất nhiều khi đi bộ ngao du để quan sát tìm tòi, phát hiện nh­ Talét, Platông và Pitago - những nhà triết học, toán học vĩ đại của HiLạp thời cổ đại. Đi bộ ngao du để tìm hiểu các sản vật đặc trư­ng cho khí hậu ... và cách thức trồng trọt những đặc sản ấy, các hoa lá, các hoá thạch... những kiến thức của 1 nhà khoa học tự nhiên.Tác giả sử dụng câu hỏi tu từ đan xen những lời khẳng định về phư­ơng pháp, so sánh phòng s­u tập của các triết gia với phòng s­u tập của ÊMin: phòng sư­u tập của những “triết gia phòng khách” thì có đủ “các thứ linh tinh” vì họ “chỉ biết gọi tên” họ “chẳng có ý niệm gì về tự nhiên cả” ; trái lại phòng s­u tập của ÊMin là phòng sư­u tập của cả trái đất , “phong phú hơn các phòng s­ưu tập của vua chúa”. Đô-băng-tông cũng không thể làm tốt hơn so sánh, nghi vấn, tu từ kèm theo lời bình để khẳng định.  phê phán những nhà triết học, khoa học hời hợt thời bấy giờ trong xã hội Pháp, đề cao kiến thức thực tế khách quan, xem

thư­ờng kiến thức sách vở giáo điều.

- Liên hệ: học đi đôi với hành: Phải đ­ưa con ngư­ời vào môi tr­ờng tự nhiên để mở mang kiến thức, phát triển nhân cách. Giáo dục không đ­ợc thoát li tự nhiên nếu không sẽ trở thành viển vông vô nghĩa. Đó là tư­ t­ưởng rất tiến bộ mà đến nay vẫn có nhiều ý nghĩa .

- Ở đoạn 3 tác giả đã trình bày cụ thể những lợi ích của việc đi bộ ngao du: sức khoẻ đư­ợc tăng c­ường, tính khí trở nên vui vẻ, khoan khoái và hài lòng với với tất cả, hân hoan khi về đến nhà, thích thú khi ngồi vào bàn ăn, ngủ ngon giấc ...khác với những kẻ ngồi trong những cỗ xe tốt chạy rất êm như­ng mơ màng, buồn bã, cáu kỉnh, đau khổ. Nghệ thuật so sánh 2 trạng thái tinh thần khác nhau đã khẳng định lợi ích tinh thần của ng­ười đi bộ để thuyết phục

ngư­ời đọc: đi bộ sẽ có cảm giác tinh thần phấn chấn, tăng thêm sức khỏe, niềm vui sống.

- Đại từ nhân x­ưng thay đổi thật linh hoạt , có lúc là “ta”, có lúc là “tôi”, lại có lúc là Ê- Min. Khi muốn bộc lộ chân lí khái quát mang ý nghĩa chung cho mọi ngư­ời thì ông x­ng là “ta”. Nh­ưng những nhận định khái quát ấy phải đ­ược thuyết phục bằng sự từng trải của cá nhân nhà văn thì “tôi” xuất hiện. ÊMin thực chất cũng là sự phân thân t­ưởng tư­ợng bộc lộ những góc độ khác nhau của cái tôi. Tạo ra sự đan xen giữa lí luận và những trải nghiệm của tác giả làm cho bài văn nghị luận trở lên sinh động và có sức thuyết phục

Đến đây thì chúng ta đã có một cảm nhận khá rõ ràng rằng RuXô đang thể hiện chính thế giới tinh thần của mình. Thật vậy, những tư­ t­ưởng tác phẩm này chính là bóng dáng tinh thần của ông. Qua bài văn nghị luận này ta thấy RuXô là ngư­ời giản dị, quý trọng tự do và yêu mến thiên nhiên. Đó là ba nét cơ bản tạo nên bóng dáng tinh thần của RuXô.

- Liên hệ: Các em phải gần gũi tìm hiểu thiên nhiên, đó chính là mái nhà chung của chúng ta, che chở và nuôi d­ưỡng chúng ta. Từ thiên nhiên chúng ta có thể hiểu thêm rất nhiều về cuộc sống, về chính thế giới tâm hồn, những ư­ớc mơ khát vọng của loài ngư­ời. Cô hy vọng rằng sau bài học này các em sẽ trở thành những ng­ười bạn thân thiết của thiên nhiên và sẽ được nghe các em kể về những gì mà các em đã đư­ợc học từ thiên nhiên rộng lớn của chúng ta thấy tâm đắc nhất.

3. Kết bài

- Cách lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục, sinh động kết hợp lí lẽ và tình cảm giữa lập luận và thực tiễn cuộc sống từng trải của tác giả luôn đan xen bổ sung cho nhau làm cho bài văn sinh động và có sức thuyết phục.

Học trong tự nhiên rộng lớn, học trong cuộc sống muôn màu là một trong những cách học tích cực nhất, có giá trị nhất. Muốn vậy phải đi bộ ngao du. Qua đó ta thấy Ru Xô là một ng­ời giản dị, quý trọng tự do, yêu mến thiên nhiên. Ông không những là một nhà văn tài ba mà còn là một nhà giáo dục lỗi lạc. Quan điểm triết học của ông rất tiến bộ: đề cao con ng­ười tự nhiên, chống lại con ng­ười xã hội đấu tranh cho một nền giáo dục dân chủ, tự do.

***HS dựa vào kiến thức đ­ược tìm hiểu để viết bài đảm bảo các ý cơ bản trong dàn bài***

**\* Viết bài**

1. Mở bài

- Ru-xô (1712-1778) là nhà văn, nhà triết học, nhà hoạt động xã hội nổi tiếng. “ Ê - min hay Về giáo dục” đư­ợc viết năm 1762 gồm 5 cuốn. Tác phẩm bàn về chuyện GD một em bé từ lúc sơ sinh đến tuổi trưởng thành. “Đi bộ ngao du” đ­ợc trích từ cuốn 5 kể về giai đoạn tr­ởng thành của EMin. Qua đó tác giả bộc lộ tính chất giản dị, yêu tự do, yêu thiên

nhiên

2. Thân bài

3. Kết bài

- Cách lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục, sinh động kết hợp lí lẽ và tình cảm giữa lập luận và thực tiễn cuộc sống từng trải của tác giả luôn đan xen bổ sung cho nhau làm cho bài văn sinh động và có sức thuyết phục. Học trong tự nhiên rộng lớn, học trong cuộc sống muôn màu là một trong những cách học tích cực nhất, có giá trị nhất. Muốn vậy phải đi bộ ngao du. Qua đó ta thấy Ru Xô là một ng­ười giản dị, quý trọng tự do, yêu mến thiên nhiên. Ông không những là một nhà văn tài ba mà còn là một nhà giáo dục lỗi lạc.

**\* Đọc và chữa bài**

GV gọi một số HS đọc bài và cùng nhận xét, chữa bài hoàn chỉnh

**III.Củng cố, dặn dò:**

* Nắm vững tác phẩm, tác giả, thể loại, nội dung của các văn bản đã học.
* Chứng minh lợi ích của đi bộ bằng cuộc sống thực tiễn của bản thân.

**--------------------------------------------------**

**Ngày soạn: Ngày dạy:**

**Buổi 12 – Tiết 2:**

**CHỦ ĐỀ: LUYỆN TẬP VIẾT VĂN NGHỊ LUẬN**

***Luyện tập tìm hiểu yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận***

1. **Mục tiêu cần đạt:**
2. **Kiến thức:** Giúp học sinh:

– Hệ thống kiến thức về văn nghị luận.

– Cách đưa yếu tố biểu cảm vào bài văn nghị luận.

1. **Kĩ năng:**

Xác định cảm xúc và biết cách diễn đạt cảm xúc đó trong bài văn nghị luận.

1. **Thái độ, phẩm chất:**

Củng cố kiến thức và nâng cao kĩ năng vận dụng đưa yếu tố biểu cảm vào bài văn nghị luận.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

1. **Năng lực**:

-Năng lực chung: tự học và tự chủ, giải quyết vấn đề và sáng tạo, …

- Năng lực chuyên biệt: NL sử dụng ngôn ngữ, NL tạo lập văn bản nghị luận có sử dụng yếu tố biểu cảm

**II. Tiến trình lên lớp:**

Yếu tố biểu cảm tác động mạnh mẽ đến tư tưởng tình cảm của người nghe( người đọc) và tăng sức thuyết phục cho văn bản nghị luận. Vấn đề là chúng ta có biết cách đưa yếu tố biểu cảm được hay không. Tiết học hôm nay là dịp để các em luyện tập cách đưa yếu tố biểu cảm vào văn bản nghị luận.

1. **Hệ thống lại kiến thức đã học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Nhắc lại các yếu tố cơ bản trong văn nghị luận.**  ? Các yếu tố biểu cảm trong bài văn nghị luận thường là gì?  ? Làm gì để phát huy được yếu tố biểu cảm? | 1. **Các yếu tố biểu cảm trong bài văn nghị luận.**   Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận phải được thể hiện thông qua những hình thức biểu đạt nhất định:  -Biểu cảm thông qua việc sử dụng từ ngữ có sức biểu cảm lớn (thán từ, những từ ngữ đóng vai trò khẳng định hay phủ định,…)  -Biểu cảm thông qua việc sử dụng linh hoạt các kiểu câu văn có tác dụng biểu cảm cao như: câu cảm, câu cầu khiến, câu hỏi tu từ…)  -Biểu cảm thông qua các biện pháp tu từ như cách nói ẩn dụ, so sánh, điệp ngữ, thậm xưng,…)  **2. Yêu cầu biểu cảm**.  Cảm xúc phải thật sự, chân thực của bản thân trước điểu mình muốn nói.  -Yếu tố biểu cảm chỉ đóng vai trò bổ trợ để tang thêm hiệu quả thuyết phục cho văn bản nghị luận; không được để yếu tố biểu cảm lấn át vai trò chủ đạo của yếu tố nghị luận hoặc phá vỡ mạch lạc nghị luận của văn bản. |

1. **Luyện tập:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| -***Hình thức tổ chức luyện tập: cặp đôi***  ***-HS thực hiện.***  **Bài tập 1:**  Hãy dùng yếu tố biểu cảm thay đổi hình thức diễn đạt trong từng câu văn nghị luận sau đây để tăng thêm giá tri thuyết phục:  -*Nhà văn sáng tác nghệ thuật không chỉ là phản ánh hiện thực đơn thuần.*  *-“Mùa xuân chín” của Hàn Mặc Tử là một bài thơ đáng để nhớ, để yêu.*  - *Bác Hồ là một nghệ sĩ thực sự khi sống trong hoàn cảnh nhà tù “không rượu cũng không hoa” mà vẫn đến với trăng, vẫn bày tỏ cùng trăng tình tri âm tri kỉ.* | **Bài tập 1:**  **Gợi ý:** Để tăng thêm giá trị thuyết phục cho các câu văn nghị luận, theo yêu cầu của bài tập, ta có thể thay đổi hình thức diễn đạt: hoặc là thêm bớt, thay đổi từ ngữ; hoặc là đảo trật tự diễn đạt trong câu; hoặc là thay đổi kiểu câu (từ câu trần thuật sang câu cảm)…  **Ví dụ:**  -*Nhà văn sáng tác nghệ thuật không chỉ là phản ánh hiện thực đơn thuần.*  Chuyển hình thức diễn đạt:  *Sẽ rất sai lầm nếu cho rằng quá trình sáng tác nghệ thuật của nhà văn chỉ là phản ánh nghệ thuật đơn thuần. (*Hoặc: *Sẽ sai lầm biết bao nhiêu nếu cho rằng …đơn thuần)*  *--“Mùa xuân chín” của Hàn Mặc Tử thật đúng là một bài thơ đáng để nhớ, để yêu!*  - *Khi sống trong hoàn cảnh nhà tù “không rượu cũng không hoa”, Bác vẫn đến với trăng, vẫn bày tỏ cùng trăng tình tri âm tri kỉ, Người quả là một nghệ sĩ thực sự!* |
| -***Hình thức tổ chức luyện tập: nhóm***  ***-HS thực hiện.***  **Bài tập 2:**  Có một học sinh viết 1 đoạn văn nghị luận về tình bạn như sau:  *Sống ở đời ai cũng cần có tình bạn. Một người bạn tốt, một tình bạn đẹp đem lại cho ta biết bao niềm vui và hạnh phúc trong cuộc đời. Không có tình bạn, con người sẽ cảm thấy đơn độc, lẻ loi, thiếu đi một chỗ dựa tinh thần to lớn. Bạn giúp ta chia sẻ niềm vui, nỗi buồn. Bạn cùng ta vững bước đi trên đường đời, tiếp thêm cho ta nghị lực để vượt qua mọi khó khăn thử thách. Ai không biết quý tình bạn thì người đó sẽ không hiểu hết được giá trị to lớn của tình cảm này.*  a.Trong đoạn văn nghị luận trên, sức thuyết phục có cao không? Vì sao?  b.Bổ sung những yếu tố biểu cảm (dùng từ, đặt câu, dùng các biện pháp nghệ thuật) để viết lại đoạn văn nhằm tăng sức thuyết phục. | **Bài tập 2:**  a.Sức thuyết phục của đoạn văn nghị luận đó chưa cao vì trong đoạn văn chưa có yếu tố biểu cảm, cách dùng từ, đặt câu chưa thể hiện được thái độ của người viết.  **b. Gợi ý:** Để viết lại đoạn văn, HS cần làm theo gợi ý của đề để là bổ sung yếu tố biểu cảm cho đoạn thông qua các hình thức dùng từ, đặt câu, dùng các biện pháp nghệ thuật như so sánh, điệp ngữ,…  Ví dụ:  *Tình bạn là thứ tình cảm không thể thiếu được trong cuộc đời của mỗi người. Thật vui, thật hạnh phúc biết bao khi ta có được một người bạn tốt, một tình bạn đẹp! Không có tình bạn, con người sẽ cảm thấy đơn độc, lẻ loi, thiếu đi một chỗ dựa tinh thần to lớn. Bạn có thể giúp ta chia sẻ niềm vui, nỗi buồn. Bạn cùng ta vững bước đi trên đường đời, tiếp thêm cho ta nghị lực để vượt qua mọi khó khăn thử thách. Nếu ai không biết quý tình bạn thì người đó sẽ không hiểu hết được giá trị to lớn của tình cảm này…* |
| -***Hình thức tổ chức luyện tập: cả lớp***  ***-HS thực hiện.***  **Bài tập 3.** Cho các từ:  *phải, phải là, phải biết, phải có, cho dù, cho nên.* Hãy điền các từ trên vào chỗ trống trong đoạn văn nghị luận sau sao cho tăng thêm sức thuyết phục nhờ khả năng biểu cảm.  *Nhà văn chân chính (…) người ý thức được thiên chức của mình trong quá trình sáng tạo là “nâng đỡ cái phần tốt đẹp để trong đời có nhiều công bằng và yêu thương hơn” (Thạch Lam). (…) để tạo ra những giá trị nghệ thuật đích thực cho đời, người cầm bút (…)yêu thương và đặt niềm tin vào con người. (…) nhìn ra từ cái bên ngoài có khi bình thường, thậm chí xấu xí, vẻ đẹp tiềm ẩn trong con người. (…) niềm tin vào bản chất tốt đẹp của con người (…) điều nhà văn phản ánh có xấu xa, ghê tởm đến đâu.* | **Bài tập 3.**  (Các từ đã cho có ý nghĩa gần giống nhau. Để điền vào đoạn văn một cách hợp lí, HS cần căn cứ vào nội dung của cả câu văn – xét trong mối quan hệ với các từ ngữ đứng trước hoặc đứng sau chỗ trống)  …phải là…Cho nên…phải…Phải biết…Phải có…cho dù… |
| -***Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân, nhóm***  ***-HS thực hiện.***  **Bài tập 4.**   Viết một đoạn văn nghị luận nói về lợi ích của việc đi bộ. Trong đoạn văn có sử dụng yếu tố biểu cảm.  (Về cách thức diễn đạt: Có thể vận dụng một số từ ngữ đã có sẵn trong bài tập 3; vận dụng cả cách thức diễn đạt ở 1 số câu văn trong đoạn ấy. Tuy nhiên, không nên quá máy móc, dập khuôn mà phải có sáng tạo.) | **Đoạn văn tham khảo:**  Đi bộ là một hoạt động thể chất rất có lợi cho sức khỏe. Chạy bộ đều đặn, thường xuyên sẽ giúp cơ thể bạn trở nên thon gọn, cơ bắp săn chắc, khỏe mạnh. Không chỉ dáng người mà cả làn da cũng sẽ mịn màng, bóng khỏe và tràn đầy sức sống. Bên cạnh đó, chạy bộ còn giúp bạn tăng cường sức đề kháng và giảm bệnh tật hiệu quả. *Thật tuyệt với biết bao* khi cảm nhận cơ thể ta khỏa khoắn, linh hoạt hơn mỗi ngày nhờ đi bộ! |

**III.Củng cố, dặn dò:**

Sưu tầm một văn bản nghị luận (dài khoảng 1 – 2 trang) giàu yếu tố biểu cảm. Nhận xét về tác dụng của những yếu tố biểu cảm được sử dụng trong văn bản đó.

**Văn bản tham khảo:**

**Thư gửi các chiến sĩ Cảm tử quân Thủ đô (27-1-1947)**

*Cùng các chiến sĩ yêu quý Trung đoàn Thủ đô,*

*Các em ǎn Tết thế nào? Vui vẻ lắm chứ? Tôi và nhân viên Chính phủ vì nhớ đến các em cho nên cũng không ai nỡ ǎn Tết. Còn 90 phần trǎm đồng bào ở hậu phương cũng giảm bớt 90 phần trǎm mâm cỗ tiệc tùng, ai cũng tiết kiệm để dự bị công cuộc trường kỳ kháng chiến.*

*Các em là đội cảm tử. Các em cảm tử để cho Tổ quốc quyết sinh 1 . Các em là đại biểu cái tinh thần tự tôn tự lập của dân tộc ta mấy nghìn nǎm để lại, cái tinh thần quật cường đó đã kinh qua Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, truyền lại cho các em. Nay các em gan góc tiếp tục cái tinh thần bất diệt đó, để truyền lại cho nòi giống Việt Nam muôn đời về sau.*

*Chí kiên quyết dũng cảm, các em đã sẵn có, đây tôi chỉ nhắc lại một vài điều mà các em phải nhớ luôn luôn.*

*1. Phải hết sức khôn khéo, nhanh chóng, bí mật, phải biết cách hoá chỉnh vi linh 2 .*

*2. Phải rút kinh nghiệm hàng ngày hàng giờ. Phải đề phòng Việt gian trinh thám.*

*3. Phải hết sức cẩn thận. Phải luôn luôn có sáng kiến để lợi dụng thời cơ.*

*4. Tuyệt đối đoàn kết.*

*Các em hǎng hái tiến lên, lòng Già Hồ, lòng Chính phủ và lòng toàn thể đồng bào luôn luôn ở bên cạnh các em.*

*Tôi thay mặt Chính phủ và đồng bào gửi cho các em lời chào thân ái và quyết thắng.*

*Ngày 27 tháng 1 nǎm 1947*

*HỒ CHÍ MINH*

Yếu tố biểu cảm trong văn bản có tác dụng tác dộng mạnh mẽ tới tình cảm của người đọc (người nghe)

**Ngày soạn: Ngày dạy:**

**Buổi 12 – Tiết 3:**

**ÔN TẬP VĂN BẢN CHUẨN BỊ KIỂM TRA VĂN**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

1. **Kiến thức:**

Ôn tập củng cố kiến thức về văn bản đã học:

- Tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác.

- Đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của các tác phẩm đã học.

***2. Kỹ năng:***

- Đọc – hiểu, cảm thụ tác phẩm văn học.

- Xây dưng đoạn văn, bài văn phân tích đoạn thơ, bài thơ hoặc đoạn văn, bài văn.

**3. Thái độ, phẩm chất:**

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**4. Năng lực**:

-Năng lực chung: tự học và tự chủ, giải quyết vấn đề và sáng tạo,…

- Năng lực chuyên biệt: NL sử dụng ngôn ngữ, tạo lập văn bản …

**II. Tiến trình lên lớp:**

**A. Hệ thống kiến thức đã học.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tác phẩm** | **Tác giả** | **HCST, xuất xứ** | **Nội dung** | **Nghệ thuật** |
| **Nhớ rừng** | - Thế Lữ:     + Là nhà thơ tiêu biểu trong thơ mới hiện đại (1932 - 1945)  + Thơ ông dồi dào, đầy lãng mạn, qua đó thể hiện những ẩn ý sâu sắc | Bài thơ được sáng tác vào năm 1934  In trong tập Mấy vần thơ - 1935 | - Bài thơ mượn lời con hổ nhớ rừng để thể hiện sự u uất của lớp những người thanh niên trí thức yêu nước, đồng thời thức tỉnh ý thức cá nhân. Hình tượng con hổ cảm thấy bất hòa sâu sắc với cảnh ngột ngạt tù túng, khao khát tự do cũng đồng thời là tâm trạng chung của người dân Việt Nam mất nước bấy giờ. | - Thể thơ tự do, linh hoạt về vần nhịp, số câu.  - Cảm hứng lãng mạn bao trùm toàn bài thơ.  - Xây dựng thành công những hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng.  - Nghệ thuật tương phản, đối lập.  - Hình ảnh thơ giàu chất tạo hình.  - Ngôn ngữ, nhạc điệu phong phú. |
| Quê hương | - Tế Hanh  + Ông có mặt trong phong trào thơ Mới ở chặng cuối với những bài thơ mang nỗi buồn và tình yêu quê hương  + Sau năm 1945, Tế Hanh sáng tác phục vụ cách mạng và kháng chiến  - Phong cách sáng tác: thơ ông chân thực với cách diễn đạt bằng ngôn ngữ giản dị, tự nhiên và rất giàu hình ảnh, bình dị mà tha thiết. | Bài thơ viết năm 1939, khi Tế Hanh đang học tại Huế trong nỗi nhớ quê hương- một làng chài ven biển tha thiết.  - Bài thơ được rút trong tập Nghẹn ngào (1939) và sau đó được in trong tập Hoa niên (1945) | Bài thơ đã vẽ ra một bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển. Trong đó nổi bật lên hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của người dân chài và cảnh sinh hoạt lao động chài lưới. Qua đó cho thấy thấy tình cảm quê hương trong sáng, tha thiết của nhà thơ. | - Thể thơ 8 chữ.  - Sử dụng phương pháp biểu đạt tự sự đan xen miêu tả và biểu cảm.  - Ngôn ngữ bình dị mà gợi cảm, giọng thơ khỏe khoắn hào hùng  - Hình ảnh thơ phong phú, giàu ý nghĩa  - Nhiều phép tu từ được sử dụng đạt hiệu quả nghệ thuật |
| Khi con tu hú | Tố Hữu: là một trong những lá cờ đầu của nền văn nghệ Cm VN. Những chặng đường thơ của ôngluôn gắn bó,song hành với những chặng đường cm.  Thơ Tố Hữu là tấm gương phản chiếu tâm hồn một người chiến sĩ cách mạng suốt đời phấn đấu, hi sinh vì tương lai tươi đẹp của dân tộc, cuộc sống hạnh phúc của con người. | Sáng tác vào tháng 7 năm 1939 tại nhà lao Thừa Phủ, khi tác giả bị bắt giam  In trong tập *Từ ấy* | Bài thơ thể hiện niềm tin yêu cuộc sống thiết tha và sự khao khát tự do mãnh liệt của người chiến sĩ trong cảnh tù đầy | Thể thơ lục bát sử dụng uyển chuyển  - Giọng điệu linh hoạt  - Từ ngữ tự nhiên và gần gũi với đời thường |
| Tức cảnh Pác Bó | - Hồ Chí Minh  + Là vị lãnh tụ kính yêu của nước Việt Nam  + Người để lại một số di sản văn học quý giá, xứng đáng là một nhà văn, nhà thơ lớn của dân tộc.  + Thơ Bác hay viết về thiên nhiên đất nước với tình yêu tha thiết, niềm tự hào, lời thơ nhẹ nhàng, bay bổng lãng mạn. | Sau ba mươi năm hoạt động cách mạng ở nước ngoài, tháng 2-1941 Bác Hồ trở về Tổ quốc, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng ở trong nước. Khi đó, Người sống và làm việc trong một điều kiện hết sức gian khổ nhưng Bác vẫn vui vẻ lạc quan. Bài thơ Tức cảnh Pác Bó là một trong những tác phẩm Người sáng tác trong thời gian này. | Bài thơ thể hiện tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác trong cuộc sống cách mạng gian khổ | - Sử dụng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật  - Giọng thơ trong sáng, sâu sắc, thể hiện sự lạc quan trong hoàn cảnh khó khăn  - Ngôn từ sử dụng giản dị, đời thường. |
| Ngắm trăng | Hồ Chí Minh | Ngắm Trăng là bài thơ số 21 trong tập thơ Nhật kí trong tù của Bác.  Bài thơ sáng tác lúc Bác đang bị giam trong nhà tù Tưởng Giới Thạch, Trung Quốc | Bài thơ thể hiện tình yêu thiên nhiên say mê và phong thái ung dung của Bác ngay cả trong cảnh tù đày. | Sử dụng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt giản dị  - Hình ảnh thơ trong sáng, đẹp đẽ  - Ngôn ngữ lãng mạn  - Màu sắc cổ điển và hiện đại song hành |
| CHIẾU DỜI ĐÔ | Lí Công Uẩn:  + Ông là người thông minh, có chí lớn, lập được nhiều chiến công  + Sáng tác của ông chủ yếu là để ban bố mệnh lệnh, thể hiện tư tưởng chính trị lớn lao có ảnh hưởng đến vận nước | Năm 1010, Lí Công Uẩn quyết định dời đô từ Hoa Lư ra Đại La, đổi tên Đại Việt thành Đại Cồ Việt. Nhân dịp này ông đã viết bài chiếu để thông báo rộng rãi quyết định cho nhân dân được biết | Bài Chiếu phản ánh khát vọng của nhân dân về một dân tộc độc lập thống nhất đồng thời phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt trên đà lớn mạnh. | - Chiếu dời đô là áng văn chính luận đặc sắc viết theo lối biền ngẫu, các vế đối nhau cân xứng nhịp nhàng  - Cách lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc sảo rõ ràng.  - Dẫn chứng tiêu biểu giàu sức thuyết phục.  - Có sự kết hợp hài hòa giữa tình và lí. |
| HỊCH TƯỚNG SĨ | Trần Quốc Tuấn (1231-1300) còn được gọi là Hưng Đạo Đại Vương  + Là danh tướng kiệt xuất của dân tộc  + Ông lập nhiều chiến công lớn: 3 lần đánh tan quân Nguyên Mông   + Tác phẩm nổi bật: Binh thư yếu lược, Đại Việt sử kí toàn thư | Được viết vào khoảng thời gian trước cuộc kháng chiến chống quân Nguyên – Mông lần thứ hai (1285): Khi giặc Nguyên Mông sang xâm lược nước ta lần thứ hai, lúc này quân giặc rất mạnh muốn đánh bại chúng phải có sự đồng tình, ủng hộ của toàn quân, toàn dân, vì vậy Trần Quốc Tuấn đã viết bài hịch này để kêu gọi tướng sĩ hết lòng đánh giặc | Bài Hịch phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược, thể hiện lòng căm thù giặc và ý chí quyết thắng. | - Hịch tướng sĩ là một áng văn chính luận xuất sắc  - Lập luận chặt chẽ, lĩ lẽ rõ ràng, giàu hình ảnh, có sức thuyết phục cao  - Kết hợp hài hoà giữa lí trí và tình cảm  - Lời văn giàu hình ảnh nhạc điệu |
| NƯỚC ĐẠI VIỆT TA | Nguyễn Trãi ( 1380-1442), hiệu là Ức Trai   + Ông là một nhà chính trị, nhà thơ dưới thời nhà Hồ và nhà Lê sơ Việt Nam  + Nguyễn Trãi tham gia khởi nghĩa Lam Sơn và trở thành cánh tay đắc lực của Lê Lợi, có công lớn trong công cuộc giải phóng dân tộc thế kỉ XV     + Nguyễn Trãi là anh hùng dân tộc, ông để lại cho đời sau một di sản to lớn trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là sự nghiệp văn học.  Thơ ông mang nhiều tư tưởng yêu nước, thể hiện những triết lí sâu sắc, tinh tế lãng mạn, sáng tạo và thanh khiết. | Đầu năm 1428, sau khi quân ta đại thắng, Nguyễn Trãi đã thừa lệnh vua Lê Thái Tổ (Lê Lợi) soạn thảo Bình Ngô đại cáo để thông cáo với toàn dân về sự kiện có ý nghĩa trọng đại này.  Trích trong *“ Bình Ngô đại cáo”* | Đoạn trích Nước Đại Việt ta có ý nghĩa như một bản tuyên ngôn độc lập: Nước ta là đất nước có nền văn hiến, có lãnh thổ riêng, phong tục riêng, có chủ quyền, có truyền thống lịch sử…bất kì hành động xâm lước trái đạo lí nào của kẻ thù đều sẽ phải chịu một kết cục thất bại. | Áng văn chính luận với lập luận chặt chẽ  - Chứng cứ hùng hồn giàu sưc thuyết phục  - Lời thơ đanh thép thể hiện ý chí của dân tộc  - Lời văn biền ngẫu nhịp nhàng |
| BÀN VỀ PHÉP HỌC | - Nguyễn Thiếp (1723-1804) tự là Khải Xuyên, hiệu là Lạp Phong Cư Sĩ, người đương thời kính trọng gọi là La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp  + Ông từng làm quan dưới triều Lê nhưng sau đó từ quan về dạy học     + Ông từng được vua Quang Trung viết thư mời giúp triều Tây Sơn, góp phần xây dựng đất nước về mặt chính trị  Những tác phẩm tiêu biểu: La Sơn tiên sinh thi tập, Hạnh Am di văn… | Nguyễn Thiếp làm quan một thời gian dưới triều Lê rồi về dạy học. Khi Quang Trung xây dựng đất nước đã viết thư mời ông giúp dân giúp nước về mặt văn hóa giáo dục, vì vậy tháng 8 năm 1971, Nguyễn Thiếp đã đang lên vua bản tấu này  Trích từ bài tấu của Nguyễn Thiếp gửi vua Quang Trung vào tháng 8- 1971. | Bài tấu giúp ta hiểu được mục đích của việc học là để làm người có đạo đức, có tri thức, góp phần xây dựng đất nước chứ không phải học để cầu danh lợi. Học tốt phải có phương pháp học đặc biệt học phải đi đôi với hành. | Bài tấu có cách lập luận chặt chẽ, lí lẽ rõ ràng  - Ngôn ngữ giản dị, rõ ràng, ý tứ bộc lộ trực tiếp giàu sức thuyết phục |
| THUẾ MÁU | Nguyễn Ái Quốc là tên gọi khác của Bác Hồ khi mới sang Pháp (Ngày 18 tháng 6 năm 1919, nhân danh một nhóm người Việt Nam yêu nước, Bác phổ biến "Yêu sách của nhân dân An Nam", gồm tám điểm và được viết bằng tiếng Pháp, ký tên Nguyễn Ái Quốc. Từ đó Người dùng tên Nguyễn Ái Quốc. | Văn bản được viết bằng tiếng Pháp vào khoảng những năm 1921-1925, được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1925 tại Pháp, ở Việt Nam vào năm 1946  Chương I- Trích “ Bản án chế độ thực dân Pháp” | Đoạn trích tố cáo bộ mặt giả dối, thủ đoạn của chính quyền thực dân Pháp trong việc biến người dân thuộc địa thành vật hy sinh cho lợi ích của chúng trong những cuộc chiến tranh phi nghĩa tàn khốc | - Nghệ thuật đả kích, châm biếm sắc sảo, tài tình  - Lựa chọn và xây dựng hình ảnh mang ý nghĩa tố cáo  - Giọng điệu trào phúng đặc sắc  - Ngôn từ mang màu sắc châm biếm  - Thủ pháp tương phản, đối lập |

**B.Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Đề bài:** ***Dựa vào các bài ''Chiếu dời đô'' và ''Hịch***  ***t­ướng sĩ'', hãy chứng minh rằng: những ng­­ười lãnh đạo anh minh như­­ Lí Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn luôn luôn quan tâm đến việc chăm lo hạnh phúc lâu bền của muôn dân.***  HS dựa vào kiến thức đ­ợc tìm hiểu để lập dàn bài đảm bảo các ý cơ bản sau  HS dựa vào kiến thức đ­ược tìm hiểu để viết bài đảm bảo các ý cơ bản trong dàn bài  GV gọi một số HS đọc bài và cùng nhận xét, chữa bài hoàn chỉnh | **\* Tìm hiểu đề**  - Thể loại: NL  - Nội dung cần làm sáng tỏ: ''Chiếu dời đô'' và ''Hịch tướng sĩ'', hãy chứng minh rằng: những ng­­ười lãnh đạo anh minh như­­ Lí Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn luôn luôn quan tâm đến việc chăm lo hạnh phúc lâu bền của muôn dân.  - Cách làm: phân tích các luận điểm để làm sáng tỏ vai trò của những ng­ười lãnh đạo.  **\*. Dàn ý**  **a) Mở bài**: Nguyễn Trãi đã từng viết:  ''Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau  Song hào kiệt đời nào cũng có''.  Trải qua mấy nghìn năm dựng n­­ước và giữ n­­ước, qua bao thăng trầm của lịch sử, n­­ước ta đã có bao những vị anh hùng, những vị vua anh minh và có cả tàn bạo, trong số những vị minh quân, những anh hùng thời đại ta không thể không nhắc tới những vị nh­­ư Lí Công Uẩn, Trần Quốc Tuấn, bởi họ là những vị lãnh đạo anh minh, luôn luôn quan tâm đến việc chăm lo hạnh phúc lâu bền của muôn dân.  (hoặc mở bài bằng phư­­ơng pháp đặt câu hỏi)  **b) Thân bài:**  - Tại sao họ đ­­ược l­­ưu danh thiên cổ? Phải chăng họ là những ng­ười xuất chúng, tài ba lỗi lạc hay còn vì lí do gì khiến họ thu phục nhân tâm đến như­­ vậy ? Hai tác phẩm ... đ­­ược nhân dân ta biết đến bởi ngư­­ời viết đã xuất phát từ lòng yêu th­­ương con ngư­­ời.  - **''Chiếu dời đô'': Lí Công Uẩn** biên soạn để thể hiện tư­­ tư­­ởng muốn rời kinh đô.  + Việc dời đô là vất vả, to lớn, tốn kém, rắc rối; nếu muốn sống yên thân thì vua không làm nh­­ vậy. Nh­ng kinh đô ở nơi trung tâm trời đất, thế mạnh, binh hùng không sợ ngoại xâm, dân sẽ đ­­ợc h­­ưởng thái bình  vua đã không quản ngại viết ''Thiên đô chiếu''  + Ông đã đ­ưa ra các dẫn chứng cụ thể để thuyết phục lòng ngư­­ời: như­­ nhà Thư­­ơng, nhà Chu; 2 triều Đinh, Lê không theo dấu cũ nên triều đại không đ­­ược lâu bền. Bằng nhãn quan tinh tư­­ờng, Lí Công Uẩn đã quyết định chọn Đại La làm kinh đô để dân đ­­ược cuộc sống yên ổn, thái bình  th­­ương dân, lo cho dân, văn bản là bài ca yêu n­­ước. Lí Công Uẩn là ngư­ời nhìn xa trông rộng.  🡪Văn bản còn giúp người đọc thấy được khát vọng của nhân dân ta về một đất nước độc lập, thống nhất và khí phách của dân tộc đang trên đà lớn mạnh.  + Lời lẽ kết hợp hài hoà giữa lí và tình: sức thuyết phục qua dẫn chứng cụ thể, tình đ­u­ợc thể hiện ở việc không tự quyết định mà hỏi han, bộc lộ nỗi lòng ''trẫm rất đau xót về việc đó'', ''Trẫm muốn dựa ... nghĩ thế nào ?''  Lí Công Uẩn thấu tình, đạt lí, yêu dân như­­ con.  **- “Hịch t­­ướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn:**  + Là một văn bản có lập luận chặt chẽ, sắc bén với lời văn giàu cảm xúc và sức thuyết phục.  + Văn bản thể hiện lòng căm thù giặc tột cùng, khơi dậy sự đồng lòng, quyết tâm bảo vệ Tổ Quốc của nhân dân ta  Trần Quốc Tuấn yêu dân, thư­­ơng dân nên kiên quyết, mạnh mẽ, không chiụ lùi b­­ước trư­­ớc kẻ thù, ý chí quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược.  + Quan tâm, lo cho dân, Trần Quốc Tuấn đã kể tội của giặc để khích lệ lòng căm thù giặc.  + Động viên tinh thần luyện tập đánh giặc, nêu ra những kỉ c­­ương nghiêm khắc.  + Kết hợp chặt chẽ lí và tình: tấm lòng của vị chủ soái khi căm thù giặc, khi chăm lo cơ sở vật chất và tinh thần cho binh sĩ, vẽ ra 2 viễn cảnh khi n­­ước mất nhà tan và khi ca khúc khải hoàn chiến thắng  minh chứng cho lòng yêu th­­ương binh sĩ.  \* 2 triều đại, 2 trái tim lúc nào cũng h­­ướng về t­­ương lai tốt đẹp của nhân dân, trong thâm tâm họ lúc nào cũng nghĩ đến việc làm sao cho dân giàu nư­­ớc mạnh; chăm lo cho hạnh phúc lâu bền của muôn dân đ­­ược đặt lên hàng đầu.  **c) Kết bài:**  - Tuy 2 tác phẩm đ­­ược viết trong 2 thời đại khác nhau nh­­ưng đều có điểm t­­ương đồng; chăm lo ... đó chính là yếu tố quan trọng nhất để 2 tác phẩm sống mãi với thời gian. ''Chiếu dời đô'' và ;Hịch t­­ướng sĩ'' là minh chứng cho 2 tấm lòng cao cả, lớn lao của 2 vị lãnh đạo anh minh Lí Công Uẩn, Trần Quốc Tuấn với dân với nư­­ớc. |

**III.Củng cố, dặn dò:**

* Nắm chắc nội dung, nghệ thuật của các văn bản đã học.
* Tiết sau luyện đề

***Buổi 13 - Tiết 1:***

**ÔN TẬP VĂN BẢN CHUẨN BỊ KIỂM TRA VĂN (Tiết 2: Luyện tập)**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

Củng cố, hệ thống lại nội dung chính, nghệ thuật và ý nghĩa của các tác phẩm văn chương đã học trong chương trình Ngữ văn 8 học kì II.

1. Kiến thức:

- Kiểm tra, đánh giá được các kiến thức cơ bản về nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa của phần thơ hiện đại (Nhớ rừng, Quê hương, Tức cảnh Pác Bó, Ngắm trăng), văn bản nghị luận trung đại (Chiếu dời đô, Hịch tướng sĩ, Nước Đại Việt ta, Bàn luận về phép học), văn chính luận (Thuế máu) và văn học nước ngoài (Đi bộ ngao du).

2. Kĩ năng:

- Đọc hiểu văn bản : Vận dụng những kiến thức và kĩ năng đã học một cách tổng hợp, toàn diện để hiểu và cảm thụ được văn bản.

- Tạo lập văn bản (viết đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ, cảm nhận về văn bản đã học hoặc một văn bản cùng chủ đề với các văn bản đã học).

- So sánh, đối chiếu giữa các văn bản cùng chủ đề hoặc ra đời trong cùng một giai đoạn.

3. Thái độ, phẩm chất:

- Chủ động, tích cực khi ôn tập, hệ thống kiến thức.

- Sáng tạo, độc lập suy nghĩ khi tìm hiểu cảm thụ cái hay, cái đẹp của tác phẩm văn học.

4. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề.

- Năng lực tư duy phê phán.

- Năng lực giao tiếp Tiếng Việt.

- Năng lực sáng tạo và cảm thụ thẩm mĩ.

**II. Tiến trình lên lớp:**

**A. Hệ thống kiến thức: (5 phút)**

*GV tổ chức thảo luận nhóm.*

*GV phát phiếu học tập có sẵn bảng thống kê.*

*HS thảo luận và làm bài trong tối đa 5 phút.*

*GV cho HS trình bày. GV nhận xét và chốt ý nhanh.*

*\*Vì đây là mảng kiến thức đã được ôn tập ở tiết trước nen GV khích lệ HS làm đúng và nhanh.*

**Hoàn thành bảng thống kê sau:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên văn bản** | **Tác giả** | **Chủ đề** |
| 1 | Nhớ rừng | Thế Lữ | **Thơ mới** |
| 2 |  | Vũ Đình Liên |
| 3 | Quê hương |  |
| 4 |  | Tố Hữu |  |
| 5 |  | Hồ Chí Minh |
| 6 | Ngắm trăng  (Vọng nguyệt) | Hồ Chí Minh |
| 7 |  | Hồ Chí Minh |
| 8 | Chiếu dời đô |  |  |
| 9 |  | Trần Quốc Tuấn |
| 10 | Nước Đại Việt ta |  |
| 11 |  | Nguyễn Thiếp |
| 12 | Thuế máu |  | **Văn chính luận** |
| 13 | Đi bộ ngao du |  | **Văn học**  **nước ngoài** |

**Đáp án**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên văn bản** | **Tác giả** | **Chủ đề** |
| 1 | Nhớ rừng | Thế Lữ | **Thơ mới** |
| 2 | Ông đồ | Vũ Đình Liên |
| 3 | Quê hương | Tế Hanh |
| 4 | Khi con tu hú | Tố Hữu | **Thơ ca**  **cách mạng** |
| 5 | Tức cảnh Pác Bó | Hồ Chí Minh |
| 6 | Ngắm trăng  (Vọng nguyệt) | Hồ Chí Minh |
| 7 | Đi đường (Tẩu lộ) | Hồ Chí Minh |
| 8 | Chiếu dời đô | Lí Công Uẩn | **Văn nghị luận trung đại** |
| 9 | Hịch tướng sĩ | Trần Quốc Tuấn |
| 10 | Nước Đại Việt ta | Nguyễn Trãi |
| 11 | Bàn luận về phép học (Luận học pháp) | Nguyễn Thiếp |
| 12 | Thuế máu | Nguyễn Ái Quốc | **Văn chính luận** |
| 13 | Đi bộ ngao du | Ru- xô | **Văn học**  **nước ngoài** |

**B. Luyện tập:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gv và hs** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***\* GV tổ chức cho HS ôn tập kiến thức từ câu 1-5******(20 phút)***  *GV cho HS trả lời miệng kết hợp lên bảng làm.*  *Cả lớp nhận xét, GV chốt ý. HS tự ghi câu trả lời vào vở.*  *Câu 1:* Chỉ ra điểm giống nhau về thể loại và ngôn từ trong ba bài thơ: Nhớ rừng (Thế Lữ), Ông đồ (Vũ Đình Liên), Quê hương (Tế Hanh)  *Câu 2:* Các văn bản “Tức cảnh Pác Bó” , “Ngắm trăng” , “Đi đường” giúp em hiểu thêm được vẻ đẹp gì về phong thái và tấm lòng của Bác?  *Câu 3:* So sánh hình thức và nội dung tư tưởng của các văn bản nghị luận trung đại:Chiếu dời đô, Hịch tướng sĩ, Nước Đại Việt ta.  *Câu 4:* Thái độ, tình cảm của Nguyễn Ái Quốc được thể hiện ra sao trong văn bản *Thuế máu*?  *Câu 5:* Văn bản *Đi bộ ngao du* (Ru-xô) giúp em hiểu gì về lợi ích của việc đi bộ?  ***\*GV cho HS thực hành giải đề văn cụ thể: (20 phút)***  *GV phát đề cho HS và quy định thời gian làm bài là 15 phút.*  *GV sửa bài, định hướng cho HS trong khoảng 5 phút.* | **Bài 1**  - Số câu, số chữ, cách gieo vần khá tự do, không bị gò bó trong niêm luật  - Lời thơ tự nhiên, không có tính chất ước lệ, khuôn sáo, cảm xúc chân thật.  Bài 2  - Phong thái ung dung, lạc quan.  - Ý chí chiến đấu kiên cường của một người chiến sĩ cách mạng.  - Yêu thiên nhiên, sống giao hòa cùng thiên nhiên.  - Tấm lòng yêu nước sâu nặng luôn thường trực trong Bác.  => Trong Bác có sự hòa quyện giữa người nghệ sĩ và chiến sĩ cách mạng, giữa chất thơ với chất thép.  **Bài 3**  **a. Điểm giống:**  \* Về hình thức:  - Đều thuộc thể loại văn bản nghị luận trung đại.  - Kết hợp giữa lí và tình, chứng cứ dồi dào, lập luận đầy sức thuyết phục.  \* Về nội dung tư tưởng: Các văn bản đều tập trung thể hiện:  - Ý thức độc lập dân tộc, chủ quyền đất nước.  - Tinh thần dân tộc sâu sắc, lòng yêu nước nồng nàn.  **b. Điểm khác:**  \* Về hình thức: Mỗi văn bản được viết bằng một thể loại cụ thể chiếu, hịch, cáo. (Yêu cầu HS tự xem lại)  \* Về nội dung tư tưởng:  - Ở *Chiếu dời đô* là ý chí tự cường của quốc gia Đại Việt đang lớn mạnh, thể hiện ở chủ trương dời đô.  - Ở *Hịch tướng sĩ* là tinh thần bất khuất, quyết chiến quyết thắng giặc Mông Nguyên - là hào khí Đông A sôi sục.  - Ở *Nước Đại Việt ta* là ý thức sâu sắc , đầy tự hào về một nước Đại Việt độc lập.  Bài 4  - Xót xa, thương cảm sâu sắc đối với số phận của người dân các nước thuộc địa.  - Mỉa mai, châm biếm, căm phẫn, đả kích thủ đoạn của bọn thực dân.  Bài 5  - Đi bộ ngao du rất thoải mái, được tự do thưởng ngoạn.  - Đi bộ ngao du trau dồi kiến thức, tăng sự hiểu biết về thiên nhiên, cuộc đời.  - Đi bộ ngao du tăng cường sức khỏe, tinh thần cho con người |

***ĐỀ VĂN THAM KHẢO***

***Đọc đoạn thơ sau trả lời các câu hỏi:***

*[...] Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng*

*Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.*

*Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã*

*Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang.*

*Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng*

*Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...*

*(Quê hương- Tế Hanh)*

Câu 1: Ghi ngắn gọn nội dung chính của đoạn thơ trên.

Câu 2: Hình ảnh con thuyền được miêu tả qua biện pháp nghệ thuật nào? Biện pháp ấy có tác dụng gì trong việc tái hiện vẻ đẹp con thuyền?

Câu 3: Thông qua hình ảnh con thuyền tác giả muốn thể hiện vẻ đẹp gì của người dân làng chài?

Câu 4: Tình yêu quê hương là một tình cảm thiêng liêng, lâu bền trong tim mỗi người. Hãy kể tên các tác phẩm văn học cùng viết về đề tài quê hương (kèm theo tên tác giả).

***Đáp án gợi ý:***

Câu 1: Nội dung chính của đoạn thơ: Cảnh người dân và con thuyền ra khơi đánh cá tràn đầy sức sống.

Câu 2:

*Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã*

So sánh

*Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng*

*Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang.*

Nhân hóa

*Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...*

Các biện pháp nghệ thuật này có tác dụng làm cho con thuyền trở nên gần gũi, sống động hơn, đồng thời diễn tả được vẻ đẹp tràn đầy sức sống của con thuyền.

Câu 3: Thông qua hình ảnh con thuyền tác giả muốn thể hiện vẻ đẹp khỏe khoắn, tươi vui và tình yêu lao động, niềm lạc quan yêu cuộc sống của người dân làng chài.

Câu 4: Các tác phẩm văn học cùng viết về đề tài quê hương:

- Quê hương (Đỗ Trung Quân).

- Quê hương (Giang Nam).

- Tiếng gà trưa (Xuân Quỳnh).

- Cô Tô (Nguyễn Tuân).

- Nhớ con sông quê hương (Tế Hanh)...

**III. Củng cố - Dặn dò:**

***GV yêu cầu HS ghi bài tập về nhà làm (GV nên gợi mở, định hướng cho HS cách làm).***

***Câu 1:* Từ đoạn thơ trong Đề tham khảo, hãy viết đoạn văn ngắn (12 -15 câu) trình bày cảm nhận của em về cảnh người dân chài ra khơi đánh cá.**

- **Yêu cầu về kĩ năng**: Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp, đáp ứng tương đối dung lượng theo yêu cầu.

**- Yêu cầu về kiến thức:**

HS có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau nhưng phải hợp lý, có sức thuyết phục và hướng vào những nội dung sau:

- Người dân chài ra khơi khi một ngày mới bắt đầu, trời trong gió nhẹ. Khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp, dịu mát.

- Con thuyền là hiện thân cho vẻ đẹp của người dân làng chài. Đoạn thơ sử dụng biện pháp so sánh, nhân hóa khi miêu tả hình ảnh con thuyền. Qua đó càng làm nổi bật vẻ đẹp của người dân chài : Yêu lao động, mạnh mẽ, khỏe khoắn và tràn đầy sức sống, tư thế hiên ngang làm chủ thiên nhiên.

- Nhận xét về tình cảm của Tế Hanh đối với quê hương qua đoạn thơ.

***Câu 2:* Nhận xét về hai bài thơ *Nhớ rừng* ( *Thế Lữ* ) và *Khi con tu hú* ( *Tố Hữu),* có ý kiến cho rằng :** “*Cả hai bài thơ đều thể hiện lòng yêu nước và niềm khao khát tự do cháy bỏng của tầng lớp thanh niên trí thức. Tuy nhiên thái độ đấu tranh cho tự do ở mỗi bài lại hoàn toàn khác nhau”.*Hãy trình bày suy nghĩ về ý kiến trên.

***\* Cả hai bài thơ đều thể hiện lòng yêu nước và niềm khao khát tự do cháy bỏng :***

*- Vì yêu nước nên mới thấy hết nỗi tủi cực của cuộc sống nô lệ* (Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt…) , mới uất ức khi bị giam cầm ( Ngột làm sao , chết uất thôi…)

*- Không chấp nhận cuộc sống nô lệ , luôn hướng tới cuộc sống tự do:*

+ Con hổ hồi tưởng và tiếc nuối về cuộc sống tự do vùng vẫy ở núi rừng đại ngàn.

+ Người thanh niên yêu nước tuy thân bị tù đày nhưng tâm hồn vẫn hướng ra ngoài song sắt để cảm nhận bức tranh mùa hè rộn rã, lòng vẫn hướng về cách mạng.

***\*Thái độ đấu tranh cho tự do khác nhau:***

- “Nhớ rừng” là tiếng nói của tầng lớp thanh niên yêu nước, đau đớn về thân phận nô lệ nhưng chưa tìm được con đường giải thoát, đành buông xuôi, bất lực. => Đây là thái độ đấu tranh tiêu cực.

- “Khi con tu hú” là tiếng nói của những chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi, biết rõ con đường cứu nước là gian khổ nhưng vẫn kiên quyết theo đuổi. Họ không ngừng đấu tranh để giải phóng dân tộc .

=> Đây là thái độ đấu tranh tích cực.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Ngày soạn: / /20... Ngày dạy: / /20...**

***Buổi 13 - Tiết 2:* LỰA CHỌN TRẬT TỰ TỪ TRONG CÂU**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

1. Kiến thức:

- Cách sắp xếp trật tự từ trong câu.

- Tác dụng diễn đạt của những trật tự từ khác nhau.

2. Kỹ năng:

- Phân tích hiệu quả diễn đạt của việc lựa chọn trật tự từ trong một số văn bản.

- Lựa chọn trật tự từ hợp lí trong nói và viết, phù hợp với hoàn cảnh và mục đích giao tiếp.

3. Thái độ, phẩm chất:

- Yêu thích bộ môn Tiếng Việt và có ý thức diễn đạt trật tự từ đúng, đảm bảo tính lô gíc khi nói và viết .

4. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề.

- Năng lực tư duy phê phán.

- Năng lực giao tiếp Tiếng Việt.

- Năng lực sáng tạo và cảm thụ thẩm mĩ.

**II. Tiến trình lên lớp**

1. ***Hệ thống lại kiến thức đã học: (5 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **1. Ôn tập khái niệm trật tự từ:**  \*Nhắc lại khái niệm trật tự từ. | **I. Khái niệm trật tự từ:**  *- Trật tự từ là cách sắp xếp từ ngữ trong câu.* |
| **2. Ôn tập tác dụng của việc lựa chọn trật tự từ trong câu:**  \* Nhắc lại các tác dụng của việc lựa chọn trật tự từ. | **II. Tác dụng của việc lựa chọn trật tự từ trong câu:**  *- Thể hiện thứ tự nhất định của sự vật, hiện tượng, hoạt động, đặc điểm…*  *- Nhấn mạnh hình ảnh, đặc điểm của sự vật, hiện tượng.*  *- Liên kết câu với những câu khác trong văn bản.*  *- Đảm bảo sự hài hòa về ngữ âm của lời nói.* |

***B. Luyện tập: (40 phút)***

GV đưa ra hệ thống bài tập để luyện tập lại các kiến thức vừa ôn. Bài tập có kèm theo đáp án.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***1. BT1:* Trật tự các từ và cụm từ in đậm dưới đây có tác dụng gì?**  - HS trả lời, GV nhận xét, sửa bài.  - HS tự ghi vào vở.     a. *Tiếng Việt chúng ta phản ánh sự* ***hình thành và trưởng thành*** *của xã hội Việt Nam và của dân tộc Việt Nam, của tập thể nhỏ là****gia đình, họ hàng, làng xóm và tập thể lớn là dân tộc, quốc gia.***  (Phạm Văn Đồng)  *b.*  ***Tre xanh! Xanh tự bao giờ?***  *Chuyện ngày xưa đã có bờ tre xanh.*  *c. Đẹp vô cùng, Tổ quốc ta ơi!*  ***Rừng cọ, đồi chè, đồng sanh ngào ngạt.***  *d. Cùng lắm, nó có giở quẻ, hắn cũng chỉ đến đi ở tù.****Ở tù,****hắn coi là thường.*  e. *Tin vui chiến thắng trăm miền*  ***Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên****vui về*  *Vui từ****Đồng Tháp, An Khê***  *Vui lên****Việt Bắc, đồi De, núi Hồng.***  f. *Ca Huế có****sôi nổi, tươi vui, có buồn cảm, bâng khuâng, có tiếc thương, ai oán...***  g. ***Ruộng,*** tôi có năm sào. ***Tiền,*** tôi có rất nhiều. | ***1. BT1:* Trật tự các từ và cụm từ in đậm dưới đây có tác dụng gì?**  a. Thể hiện *thứ tự nhất định* của sự vật, hiện tượng (Sự tăng dần của phát triển và mở rộng của quy mô).    b. Nhấn mạnh màu xanh đặc trưng của tre Việt Nam.  c. Tạo sự hài hòa về ngữ âm của lời nói.  d. Liên kết câu với câu trước nó.  e. Nhấn mạnh những địa danh làm nên chiến thắng lừng lẫy và tạo sự hài hòa về mặt âm điệu.  f. Thể hiện *thứ tự nhất định* của cung bậc cảm xúc có ở ca Huế.  g. Nhấn mạnh của cải nhằm tác dụng khoe khoang. |
| ***2. BT2:* Giải BT trắc nghiệm.**  **-** GV phát đề cho HS.  - HS làm bài trắc nghiệm trong vòng 20 phút.  - GV sửa bài và nhận xét trong vòng 8 phút.  - HS tự sửa bài.  ***Câu 1:*****Hiệu quả diễn đạt của trật tự từ trong câu thơ "Xanh xanh bãi mía bờ dâu" (Hoàng Cầm, Bên kia Sông Đuống) là gì?**  A. Nhằm miêu tả vẻ đẹp của bãi mía bờ dâu.  B. Nhằm nhấn mạnh màu xanh tràn đầy sức sống của bãi mía bờ dâu.  C. Nhằm giúp người đọc hình dung ra màu sắc của bãi mía bờ dâu.  D. Cả A, B, C đều sai.  ***Câu 2:*** **Trật tự của câu nào thể hiện thứ tự trước sau theo thời gian?**  A. Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gây nền độc lập. (Nguyễn Trãi)  B. Đám than đã vạc hẳn lửa. (Tô Hoài)  C. Tôi mở to đôi mắt, khẽ reo lên một tiếng thú vị. (Nam Cao)  D. Mày dại quá, cứ vào đi, tao chạy cho tiền tàu. (Nguyên Hồng)  ***Câu 3:*****Trật tự từ của câu nào nhấn mạnh đặc điểm của sự vật được nói đến?**  A. Sen tàn, cúc lại nở hoa. (Nguyễn Du)  B. Những buổi trưa hè nắng to. (Tô Hoài)  C. Lác đác bên sông chợ mấy nhà. (Bà Huyện Thanh Quan)  D. Tràng thở đánh phào một cái, ngực nhẹ hẳn đi. (Kim Lân)  ***Câu 4:*** **Hiệu quả diễn đạt của trật tự từ trong câu văn “Cả tiền phạt, tiền thuốc, tiền lợn, mày phải chịu một trăm bạc trắng ”(Tô Hoài) là gì ?**  A. Thu hút sự chú ý của người đọc vào cụm từ *Cả tiền phạt, tiền thuốc ...*  B. Nhấn mạnh việc liệt kê các loại tiền mà người nghe phải đóng.  C. Bộc sự quan tâm của người nói đối với người nghe.  D. Gồm ý A và B.  ***Câu 5:*****Trật tự từ của dòng thơ nào góp phần tạo nên tính nhạc?**  A. Tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong/ Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp. (Hoàng Cầm)  B. Con lại về quê mẹ nuôi xưa/ Một buổi trưa nắng dài bãi cát. (Tố Hữu)  C. Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối/ Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan. (Thế Lữ)  D. Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm/ Heo hút cồn mây súng ngửi trời. (Quang Dũng)  ***Câu 6:*** **Cho câu văn: “ Nhanh như cắt, chị Dậu nắm ngay được gậy của hắn” (Ngô Tất Tố, Tắt đèn). Cách thay đổi vị trí cụm từ “nhanh như cắt” nào dưới đây làm biến đổi ý nghĩa của câu văn trên nhiều nhất?**  A. Chị Dậu nhanh như cắt nắm ngay được gậy của hắn.  B. Chị Dậu nắm nhanh như cắt gậy của hắn.  C. Chị Dậu nắm ngay được gậy của hắn nhanh như cắt.  D. Nắm ngay được gậy của hắn, chị Dậu nhanh như cắt.  ***Câu 7:* Vì sao tác giả lại đảo cụm từ “nhanh như cắt” lên trước cụm chủ - vị?**  A. Để ca ngợi sự phản kháng quyết liệt của chị Dậu.  B. Để tô đậm hơn độ nhanh nhạy trong hành động nắm được gậy của chị Dậu.  C. Để câu văn có sự hài hoà về mặt ngữ âm.  D. Ca A, B C đều sai.  ***Câu 8:*** **Trong những cụm từ in đậm của câu văn dưới đây, trật tự cụm từ nào thể hiện thứ bậc quan trọng của sự việc được nói đến?**  A. Theo sau thống lí là một lũ thống quan (một chức việc như phó lí), xéo phải (như trưởng thôn) và một bọn thị sống vẫn thường ra vào hầu hạ, ăn thịt, uống rượu, hút thuốc phiện nhà thống lí. (Tô Hoài)  B. Chị Hoàng cười như nhiều quá, phát ho, chảy cả nước mắt ra ngoài. (Nam Cao)  C. Bà lão lật đật chạy xuống bếp, lễ mễ bưng ra một cài nồi khói bốc lên nghi ngút.  (Kim Lân)  D. Người Việt khô khốc, thèm tắm và rất thèm vào bếp lục cơm nguội. (Nguyễn Thi)  ***Câu 9:*** **Dòng nào nêu đúng nhất trật tự của câu văn “Chống tay lên trán, chị như nghĩ ngợi phân vân” (Ngô Tất Tố, Tắt đèn)**  A. Cụm từ chỉ cách thức của hành động đứng trước cụm chủ - vị.  B. Cụm từ chứa vấn đề được bàn bạc trong câu đứng trước cụm chủ - vị.  C. Cụm từ chỉ hành động đặt trước cụm chủ - vị.  D. Cụm từ chỉ đặc điểm của nhân vật đứng trước cụm chủ - vị.  ***Câu 10:*** **Nguyên nhân của việc sắp xếp thứ tự các cụm từ in đậm trong câu văn sau là gì:“Hắn gắt gỏng với con, với vợ, với bất cứ ai, với chính mình.”**  A. Nhằm thể hiện mức độ “gắt gỏng” tăng dần của nhân vật.  B. Nhằm thể hiện sự gắt gỏng vô lí của nhân vật.  C. Nhằm thể hiện rõ hơn đặc điểm của nhân vật.  D. Cả A, B, C đều sai.  ***Câu 11:*** **Hiệu quả diễn đạt của việc sắp xếp trật tự các cụm từ in đậm trong câu văn “Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời xây nền độc lập/Cùng Hán, Đường, tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương” là gì ?**  A. Nhằm thể hiện trình tự theo thời gian của sự việc được nói đến.  B. Nhằm thể hiện quan hệ không gian của các sự việc được nói đến.  C. Nhằm tạo mối liên kết tương xứng giữa hai vế của câu văn.  D. Gồm A và C.  ***Câu 12:*** **Trật tự của câu nào đảm bảo sự hài hoà về mặt ngữ âm?**  A. Mà mưa xối xả trắng trời Thừa Thiên. (Tố Hữu)  B. Một chiều êm ả như ru, văng vẳng tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió nhẹ đưa vào. (Thạch Lam)  C. Chữ ông Huấn cao đẹp lắm, vuông lắm. (Nguyễn Tuân)  D. Tháng Tám, hồng ngọc đỏ, hồng hạc vàng, không ai không từng ăn trong tết Trung thu... (Băng Sơn)  ***Câu 13:*****Việc sắp xếp trật tự từ trong câu gạch chân ở ví dụ sau có tác dụng gì?**  …. “Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến”.  A. Thứ tự nhất định của hành động.  B. Nhấn mạnh hình ảnh, đặc điểm của sự vật hiện tượng.  C. Liên kết câu với các câu khác trong văn bản.  D. Đảm bảo sự hài hoà về ngữ âm của lời nói.  ***Câu 14:*** **Câu văn nào sau đây sử dụng lựa chọn trật tự từ nhằm nhấn mạnh tính chất của sự việc:**  A. Trong vườn những chùm quả xoan lắc lư.  B. Tôi thấy một anh bọ ngựa trịnh trọng tiến vào.  C. Tôi thấy trịnh trọng tiến vào một anh bọ ngựa.  D. Hôm nay, trời mưa tầm tã.  ***Câu 15:*****Các cụm từ in đậm được đặt ở đầu câu trong đoạn văn có tác dụng gì?**  “Một thời đại vừa chẵn mười năm.  **Trong mười năm ấy**, thơ mới đã tranh đấu gắt gao với thơ cũ, một bên giành quyền sống, một bên giữ quyền sống. **Trong sự thắng lợi ấy**, cũng có công những người tả xung hữu đột nơi chiến trường, nhưng trước hết là công những nhà thơ mới.”  A. Thể hiện thứ tự trước sau của sự việc.  B. Nhấn mạnh hình ảnh, đặc điểm của sự vật, hiện tượng.  C. Liên kết câu với câu khác trong văn bản.  D. Đảm bảo sự hài hòa về mặt ngữ âm của lười nói. | ***2. BT2:* Giải BT trắc nghiệm.**  ***Câu 1:******B***  ***Câu 2:*** **A**  ***Câu 3:*** **C**  ***Câu 4:*** **D**  ***Câu 5:*****B**  ***Câu 6:***  **D**  ***Câu 7:* B**  ***Câu 8:*** **A**  ***Câu 9:*** **C**  ***Câu 10:*** **A**  ***Câu 11:*** **D**  ***Câu 12:*** **A**  ***Câu 13:******A***  ***Câu 14:*** **C**  ***Câu 15:*****C** |

**III. Củng cố - Dặn dò:**

- Xem lại các bài tập và sửa lại các câu sai.

- Sưu tầm những câu thơ, câu văn có cách lựa chọn trật tự từ độc đáo.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Ngày soạn: / /20... Ngày dạy: / /20...**

***Buổi 13 - Tiết 3:***

**TÌM HIỂU YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ TRONG VĂN NGHỊ LUẬN**

***(Chủ đề: Luyện viết văn nghị luận)***

**I. Mục tiêu cần đạt:**

1. Kiến thức:

- Hiểu sâu hơn về văn nghị luận, thấy được tự sự và miêu tả là những yếu tố cần thiết trong văn nghị luận.

- Nắm được cách thức cơ bản khi đưa các yếu tố tự sự và miêu tả vào văn nghị luận.

2. Kĩ năng:

- Vận dụng các yếu tố tự sự và miêu tả vào văn nghị luận.

3. Thái độ, phẩm chất:

- Có ý thức tự giác tìm hiểu, rèn luyện việc vận dụng các yếu tố tự sự và miêu tả vào văn nghị luận.

4. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề.

- Năng lực tư duy phê phán.

- Năng lực giao tiếp Tiếng Việt.

- Năng lực sáng tạo và cảm thụ thẩm mĩ.

**II. Tiến trình lên lớp**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học: (10-15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| \*Yêu cầu HS nhắc lại vai trò của yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận.  ? Cần chú ý điều gì khi đưa yếu tố tự sự và miêu tả vào bài văn nghị luận?  GV nhấn mạnh: Các yếu tố tự sự, miêu tả trong văn nghị luận là các yếu tố có tính hỗ trợ, bổ sung làm sáng tỏ luận điểm. Không lạm dụng các yếu tố tự sự, miêu tả bởi đây không phải đích của văn nghị luận. | \****Vai trò của yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận.***  *- Yếu tố tự sự và miêu tả giúp cho việc trình bày luận cứ trong bài văn nghị luận rõ ràng, cụ thể, sinh động, có sức thuyết phục hơn.*  *- Đưa yếu tố tự sự và miêu tả vào bài văn nghị luận nhưng không được phá vỡ mạch lạc nghị luận của bài văn.* |

***B. Luyện tập:***

GV đưa ra hệ thống bài tập để luyện tập lại các kiến thức vừa ôn. Bài tập có kèm theo đáp án.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***1. BT1:* Hãy chỉ ra yếu tố miêu tả và tự sự trong đoạn văn sau và cho biết vai trò của các yếu tố ấy trong văn nghị luận.**  **-** HS trả lời, GV nhận xét, chốt ý.  **-** HS tự ghi vào vở.  *Để ghi nhớ công lao người lính An Nam, chẳng phải người ta đã lột hết tất cả của cải của họ, từ chiếc đồng hồ, bộ quần áo mới toanh mà họ bỏ tiền túi ra mua, đến các vật kỷ niệm đủ thứ, v.v. trước khi đưa họ đến Mácxây xuống tàu về nước, đó sao? Chẳng phải người ta đã giao họ cho bọn súc sinh kiểm soát và đánh đập họ vô cớ đó sao? Chẳng phải người ta đã cho họ ăn như cho lợn ăn và xếp họ như xếp lợn dưới hầm tàu ẩm ướt, không giường nằm, không ánh sáng, thiếu không khí đó sao? Về đến xứ sở, chẳng phải họ đã được một quan cai trị biết ơn đón chào nồng nhiệt bằng một bài diễn văn yêu nước. "Các anh đã bảo vệ Tổ quốc, thế là tốt. Bây giờ, chúng tôi không cần đến các anh nữa, cút đi!", đó sao?*  *Thế là những "cựu binh" - đúng hơn là cái xác còn lại - sau khi đã dũng cảm bảo vệ chính nghĩa và công lý nay tay không trở về với chế độ bản xứ của họ, một chế độ không biết gì đến chính nghĩa và công lý cả.*  *(Thuế máu – Nguyễn Ái Quốc)* | 1. ***BT1:***   **Hãy chỉ ra yếu tố miêu tả và tự sự trong đoạn văn sau và cho biết vai trò của các yếu tố ấy trong văn nghị luận.**     - Yếu tố tự sự: Kể lại tội ác của quân Pháp đối xử với người lính chiến đấu trở về.     - Yếu tố miêu tả: bộ quần áo mới toanh, cho họ ăn như cho lợn ăn, xếp như xếp lơn, hầm tàu ẩm ướt, không giường nằng, không ánh sáng, thiếu không khí, đón chào nồng nhiệt     ⇒ *Sử dụng yếu tố miêu tả và tự sự trong đoạn trích trên cho thấy sự độc ác, vô nhân tính, tráo trở của thực dân, làm cho bài văn trở nên cụ thể, sinh động, giàu sức thuyết phục.* |
| ***2. BT2:* Hãy chỉ ra yếu tố miêu tả và tự sự trong đoạn văn sau và cho biết vai trò của các yếu tố ấy trong văn nghị luận.**  **-** HS trả lời, GV nhận xét, chốt ý.  **-** HS tự ghi vào vở.  *“Cái răng cái tóc là góc con người” nêu lên nét đẹp và phẩm cách của con nguời. “Góc con người” là cái sắc sảo, duyên dáng, mặn mà, tươi đẹp của con người, nhất là con gái, con trai. Ngày xưa, răng đen hạt na, tóc đen bóng, dày là đẹp. Ngày nay, răng đều, trắng bóng thì mới xinh. Nhất là thiếu nữ. Để tóc dài, cắt tóc ngắn, uốn tóc … đều phải theo nước da và khuôn mặt, dáng vẻ mỗi người. Câu tục ngữ không những chỉ nêu lên nét đẹp con người mà còn nhắc nhở chúng ta biết giữ gìn chăm sóc cái răng cái tóc của mình. Có hàm răng đẹp, mái tóc đẹp là “của Trời cho”. Vì vậy, thuở xưa, khi còn bé, con gái để tóc trái đào, nhưng đến tuổi trưởng thành thì không bao giờ cắt tóc nữa mà cứ để cho dài mãi. Có được một mái tóc dài và bóng mượt là niềm kiêu hãnh của người con gái. Họ thường gội bằng nước bồ kết cho sạch, gội xong phải xả lại bằng chanh cho mềm tóc. Ở miền Nam trồng nhiều dừa, người ta còn bôi nhẹ một lượt dầu dừa lên mái tóc để lấy mùi thơm và làm bóng tóc. Vì vậy chúng ta phải chú ý chăm sóc vẻ đẹp bên ngoài lần phẩm chất bên trong.*  (Tổng hợp từ nguồn Internet) | 1. ***Bài 2***      - Yếu tố tự sự: Kể về cách chăm sóc tóc của con gái thời xưa.     - Yếu tố miêu tả: Miêu tả vẻ đẹp của răng và tóc thời xưa và thời nay.     ⇒ *Sử dụng yếu tố miêu tả và tự sự trong đoạn văn cho thấy tầm quan trọng và giá trị của răng và tóc, làm cho bài văn trở nên cụ thể, sinh động, giàu sức thuyết phục.* |

**III. Củng cố - Dặn dò:**

*GV phát đề cho HS. HS làm bài trong vòng 7 phút.*

*HS trả lời. GV nhận xét, chốt ý.*

\*Đọc đoạn văn dưới đây và trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 4 :

... *“Huống gì thành Đại La, kinh đô cũ của Cao Vương: Ở vào nơi trung tâm trời đất; được cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đúng ngôi nam bắc đông tây; lại tiện hướng nhìn sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng; đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt; muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi. Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.”*

(Lí Công Uẩn – Chiếu dời đô)

***Câu 1: Luận điểm được trình bày trong đoạn văn trên là gì?***

1. Vẻ đẹp của thành Đại La – kinh đô cũ của nước ta.
2. Thành Đại La có nhiều thuận lợi, xứng đáng trở thành kinh đô bậc nhất.
3. Thành Đại La có những ưu thế hơn hẳn kinh đô Hoa Lư.
4. Thành Đại La có địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng.

***Câu 2: Trong đoạn văn trên, câu nào là câu chủ đề?***

A. Địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng.

B. Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa.

C. Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước, cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.

D. Đã đúng ngôi nam bắc đông tây, lại tiện hướng nhìn sông dựa núi.

***Câu 3: Tác giả đã sử dụng yếu tố nào để làm sáng tỏ luận điểm trên?***

A. Miêu tả B. Biểu cảm C. Tự sự D. Thuyết minh

***Câu 4: Tác dụng của việc miêu tả những thuận lợi của thành Đại La?***

A. Giúp cho người đọc hình dung được những vẻ đẹp cụ thể của thành Đại La.

B. Thuyết phục người đọc bằng cách giúp hình dung chi tiết những thuận lợi nhiều mặt của thành Đại La.

C. Giúp cho đoạn văn thêm dễ hiểu, do đó thu hút người đọc.

D. Giúp cho việc trình bày luận điểm của tác giả được chặt chẽ và logic hơn.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** |
| B | C | A | B |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Bài 14**

**Tiết 1 - Chủ đề: Đọc hiểu văn bản kịch**

**ÔNG GIUỐC-ĐANH MẶC LỄ PHỤC**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- HS tái hiện kiến thức cơ bản về thể loại hài kịch và rút ra bài học, quan điểm của bản thân sau khi đọc văn bản Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục.

***2. Kỹ năng:***

- Đọc – hiểu văn bản kịch.

***3. Thái độ, phẩm chất:***

- HS rút ra được bài học sâu sắc từ văn bản ***Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục***, trình bày quan điểm, suy nghĩ của bản thân về giá trị sống, đức tính giản dị, lựa chọn cách ăn mặc phù hợp với lứa tuổi, cá tính, sở thích, hoàn cảnh của bản thân.

***4. Năng lực:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ và tạo lập văn bản.

- Năng lực tự học, tìm kiếm xử lí thông tin, thuyết trình.

**II. Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định lớp:***

***2. Kiểm tra bài cũ:***

***3. Bài mới:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| HS thảo luận, hoàn thành phiếu học tập theo nhóm.  GV gọi học sinh trả lời nhanh.  GV trao đổi, chốt kiến thức.  GV giao đề bài.  Hướng dẫn học sinh xác định vấn đề nghị luận.  HS trao đổi, thảo luận, xây dựng luận điểm, thể hiện quan điểm bản thân về vấn đề.  HS viết đoạn văn thể hiện quan điểm cá nhân. | **A. Hệ thống kiến thức:**  - Thể loại: Hài kịch.  - Xuất xứ: lớp 5, hồi II, trích từ hài kịch ***Trưởng giả học làm sang***.  - Tóm tắt: Ông Giuốc-đanh là nhân vật chính của hài kịch, tuổi ngoài bốn mươi, con một nhà buôn giàu có nhưng dốt nát, quê kệch lại muốn học đòi làm sang. Ông có ý định may bộ quần áo sang trọng để khẳng định vị trí xã hội thượng lưu của mình. Nhưng vì thiếu hiểu biết, dốt nát nên ông trở thành nạn nhân của thói học đòi: bị ăn bớt vải, bộ lễ phục bị may hỏng. Ông Giuốc-đanh từ chối gả con gái mình là Uy-xin cho Cleong vì thấy chàng không phải là quý tộc. Sau đó Cleong cải trang thành hoàng tử Thổ Nhĩ Kì đến hỏi vợ và được ông ưng thuận.  - Ý nghĩa: Phê phán thói học đòi làm sang của tầng lớp trưởng giả.  **B. Luyện tập:**  **Đề bài:** Từ văn bản *Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục*, hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về cách lựa chọn trang phục phù hợp trong xã hội hiện nay.  **Hướng dẫn:**  1. Xác định vấn đề nghị luận: Từ bài học rút ra sau khi đọc văn bản, trình bày suy nghĩ về cách lựa chọn trang phục phù hợp trong xã hội hiện nay.  2. Một số nội dung gợi ý:  - Xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu của con người cũng thay đổi theo.  - Trang phục không chỉ giúp con người đẹp hơn, tự tin hơn, nó còn thể hiện phẩm chất, tính cách của mỗi người.  - Trang phục phải phù hợp với xu thế, nhưng cũng phải phù hợp với lứa tuổi, điều kiện của bản thân, gia đình, hoàn cảnh giao tiếp,…  - Liên hệ, rút ra bài học nhận thức và hành động. |

**III. Củng cố - Dặn dò:**

- Kĩ năng đọc – hiểu văn bản kịch.

- Hoàn thiện đoạn văn nghị luận.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

***Ngày soạn:***

***Ngày dạy:***

**Bài 14**

**Tiết 2 - Chủ đề: Ngữ pháp**

**LỰA CHỌN TRẬT TỰ TỪ TRONG CÂU (TIẾP)**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Lựa chọn cách sắp xếp trật tự từ trong câu đạt mục đích giao tiếp.

***2. Kỹ năng:***

- Lựa chọn, sắp xếp trật tự từ trong câu khi tạo lập văn bản.

***3. Thái độ, phẩm chất:***

- HS có ý thức tìm hiểu, sử dụng ngôn ngữ Tiếng Việt chuẩn mực.

- Rèn luyện tính chăm chỉ, chủ động tích cực, tinh thần, trách nhiệm trong học tập.

***4. Năng lực:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ và tạo lập văn bản.

- Năng lực tự học, tìm kiếm xử lí thông tin, thuyết trình.

**II. Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định lớp:***

***2. Kiểm tra bài cũ:***

***3. Bài mới:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV gọi học sinh khái quát nhanh tác dụng của việc lựa chọn trật tự từ trong câu.  Giải đáp thắc mắc của học sinh.  Chốt kiến thức. | **A. Hệ thống kiến thức:**  **1.** Trật tự từ có vai trò quan trọng trong việc diễn đạt đúng ý nghĩa của câu. Các từ được sắp xếp theo những trật tự khác nhau có thể làm cho ý nghĩa của câu khác nhau.  **2.** Trong văn bản, việc lựa chọn trật tự từ trong câu còn có tác dụng làm cho văn bản có tính mạch lạc, liên kết chặt chẽ. Thông thường, các mục đích của việc lựa chọn trật tự từ trong câu là:  a. Thể hiện trình tự nhất định của sự việc, hiện tượng, hoạt động, tính chất…(theo mức độ, theo một trình tự thời gian, theo trật tự quan sát, trình tự nhận thức…)  b. Nhấn mạnh đặc điểm, tính chất, khía cạnh…của sự vật, hiện tượng.  c. Tạo sự liên kết với những câu khác.  d. Tạo sự hài hòa về mặt âm thanh.  **3**. Trật tự sắp xếp các từ ngữ, đặc biệt trong chuỗi liệt kê, còn có giá trị thể hiện mối quan hệ giữa các đặc điểm, tính chất: tăng dần hoặc giảm dần. |
| **Bài 1.** Giải thích lí do lựa chọn trật tự các từ ngữ in đậm trong những câu sau:  1. **Lúc vào lễ, bài văn tế được đọc lên**, khách khứa ai cũng bụm miệng cười. **Bực mình,** ông chủ nhà gọi thầy đồ đến trách…  *(Truyện dân gian)*  2. Trước cách mạng, ông (Nguyên Hồng) sống chủ yếu ở thành phố cảng Hải Phòng, trong một xóm chợ lao động nghèo. Ngay từ tác phẩm đầu tay, Nguyên Hồng đã hướng ngòi bút về những người cùng khổ gần gũi mà ông yêu thương thắm thiết. **Sau cách mạng,** Nguyên Hồng tiếp tục bền bỉ sáng tác, ông viết cả tiểu thuyết, kí, thơ, nổi bật hơn cả là các bộ tiểu thuyết sử thi nhiều tập.  *(Ngữ văn 8, tập 1)*  3. Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ  **Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi**  Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,  Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!  *(Tế Hanh)*  4.  **Ta bước chân lên, dõng dạc, đường hoàng,**  Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng  *(Thế Lữ)*  5. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ **cứng dần và nhọn hoắt.**  *(Tô Hoài)*  **Bài 2.** Có thể thay đổi trật tự hai vế câu trong câu sau được không? Tại sao?  *Chẳng may bà chủ nhà ốm chết, ông chồng bèn nhờ thầy làm cho bài văn tế.*  (Truyện dân gian)  **Bài 3.** Giải thích sự khác nhau giữa các cụm từ:  1. Ăn ít – Ít ăn  2. Tay mát – Mát tay  **Bài 4.** Hãy giải thích tại sao tác giả lại đưa những từ ngữ in đậm lên đầu câu:  a. Những **cuộc vui ấy**, chị còn nhớ rành rành.  (Ngô Tất Tố)  b. **Đã** **tan tác** những bóng thù hắc ám  **Đã** **sáng lại** trời thu tháng Tám  (Tố Hữu)  **Bài 5**. Hãy viết 2 đoạn văn, mỗi đoạn (khoảng 10 câu) có dùng câu sau:  *a. Trên mặt biển, nhô dần lên một con thuyền.*  *b. Một con thuyền nhô dần lên trên mặt biển.*  GV định hướng:  - Hai cách viết câu văn trên khác nhau thế nào? Trong những tình huống nào, khi muốn nhấn mạnh, tập trung vào điều gì thì sử dụng câu văn a hoặc b?  - Lựa chọn điểm nhìn, bố cục quan sát để viết đoạn văn cho phù hợp. | **B. Luyện tập**  **Bài 1**  1. Trật tự các từ sắp xếp như vậy là hợp lí, theo trình tự nhất định của các sự việc xảy ra.  2. Trật tự từ trong những từ ngữ in đậm là để tạo sự liên kết với câu trước đó.  3. Trật tự từ trong câu tạo sự hài hòa về âm điệu trong câu thơ.  4. Trật tự từ trong câu tạo sự hài hòa về âm điệu trong câu thơ.  5. Trật tự từ trong cụm từ in đậm được sắp xếp theo trình tự thời gian và sự phát triển ở mức độ tăng dần tương ứng của những chiếc vuốt.  **Bài 2.** Xét về trình tự thời gian và tính logic của các sự việc: sự việc bà chủ chết thì mới dẫn đến sự việc ông chồng nhờ làm văn tế. Từ đó kết luận không thể đổi trật tự các vế ở trong câu được.  **Bài 3.** Việc thay đổi trật tự từ trong cụm từ cũng dẫn đến sự thay đổi về ý nghĩa:  1. - **ăn ít:** nói đến lượng ăn của cơ thể.  **- ít ăn:** nói đến tần suất ăn của một người (số lần ăn trong một khoảng thời gian các định).  2. - **Tay mát:** nói đến nhiệt độ bàn tay.  **- Mát tay:** Nói đến sự thích hợp, thích ứng trong một công việc nào đó mà dễ đem lại may mắn, đem lại hiệu quả cao.  **Bài 4.**  a. Nhấn mạnh ý: “cuộc vui ấy”, làm nổi bật ý cả câu là những điều nhân vật không thể quên.  b. Những từ ngữ được đặt ở đầu câu có tác dụng nhấn mạnh cảm xúc tự hào, sung sướng của tác giả khi cách mạng thành công.  **Bài 5.** HS tự luyện tập viết đoạn văn theo yêu cầu.  *\* Đoạn văn mẫu:*  Bình minh trên biển thật là một “kì quan” khiến người ta phải ngỡ ngàng, say mê, thích thú. Mặt biển trong xanh, êm đềm, gió xô bờ những con sóng trắng. Những người dân chài lao xao trò chuyện, chờ đón đoàn thuyền đánh cá trở về. Ai ai cũng hướng ra khơi. Tiếng động cơ xa xa. *Trên mặt biển, nhô dần lên một con thuyền.* Rồi cả đoàn thuyền xuất hiện trong ánh bình minh tráng lệ. Nụ cười rạng rỡ của những người ngư dân báo hiệu một chuyến ra khơi bội thu cá nặng lưới đầy. Không khí nhộn nhịp, tưng bừng, tiếng cười nói, tiếng rì rào của biển hòa vào nhau một khúc ca chào ngày mới. |

**III. Củng cố - Dặn dò:**

- Hệ thống lại vai trò, ý nghĩa của việc lựa chọn trật tự từ trong câu.

- Hoàn thiện các bài tập luyện tập.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

***Ngày soạn:***

***Ngày dạy:***

**Bài 14**

**Tiết 3 - Chủ đề: Văn nghị luận**

**LUYỆN TẬP SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ, TỰ SỰ**

**TRONG VĂN NGHỊ LUẬN**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Cách làm bài văn thuyết minh.

***2. Kỹ năng:***

- Kĩ năng làm bài văn thuyết minh.

***3. Thái độ, phẩm chất:***

- HS có ý thức tìm hiểu, sử dụng ngôn ngữ Tiếng Việt chuẩn mực.

- Rèn luyện tính chăm chỉ, chủ động tích cực, tinh thần, trách nhiệm trong học tập.

***4. Năng lực:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ và tạo lập văn bản.

- Năng lực tự học, tìm kiếm xử lí thông tin, thuyết trình.

**II. Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định lớp:***

***2. Kiểm tra bài cũ:***

***3. Bài mới:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV hướng dẫn học sinh tái hiện tác dụng và những lưu ý khi sử dụng yếu tố tự sự, miêu tả trong bài văn nghị luận.  **Bài 1:** Đọc đoạn văn trích từ văn bản ***Tuyên ngôn độc lập*** – Hồ Chí Minh và trả lời các câu hỏi sau:  1. Tìm các yếu tố miêu tả, tự sự được sử dụng trong đoạn văn.  2. Cho biết tác dụng của các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm đó.  GV trình chiếu bài tập.  HS làm việc nhóm bàn, trả lời các câu hỏi định hướng.  GV cho cả lớp trao đổi, thống kê các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm được sử dụng trong đoạn văn.  Nêu tác dụng.  **Bài 2**  Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về hiện trạng bạo lực học đường trong học sinh phổ thông hiện nay.  ***GV định hướng:*** Đối với đoạn văn trình bày hiện trạng, khi đưa dẫn chứng kết hợp sử dụng các yếu tố tự sự và miêu tả để tăng tính thời sự, sinh động, thuyết phục cho đoạn văn nghị luận.  HS viết đoạn văn theo định hướng của GV.  GV gọi 3-5 học sinh đọc bài.  HS khác nhận xét, bổ sung.  GV nhận xét, kết luận. | **A. Hệ thống kiến thức:**  - Sử dụng yếu tố tự sự, miêu tả trong bài văn nghị luận giúp cho việc trình bày luận cứ cụ thể, rõ ràng, sinh động, và vì thế có sức thuyết phục mạnh mẽ hơn.  - Yếu tố biểu cảm giúp cho bài văn đạt hiệu quả thuyết phục lớn hơn, vì nó tác động mạnh mẽ tới tình cảm của người đọc.  \* Chú ý: Yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong luận cứ của bài văn nghị luận phải tập trung làm rõ luận điểm, không lan man, lạc đề.  **B. Luyện tập**  **Bài 1:**  **1. Thống kê:**  ***- Các yếu tố miêu tả:***  *+ Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.*  *+ Chúng bóc lột dân ta đến xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều.*  *+ Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.*  ***- Các yếu tố tự sự:***  + *Hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta.*  *+ Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.*  *+ Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta.*  *+ Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.*  *+ Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.*  *+ Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu.*  *+ Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.*  *+ Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn trở nên bần cùng.*  *+ Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên.*  *+ Mùa thu năm 1940, … hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.*  *+ Ngày 9 tháng 3 năm nay, … hai lần cho Nhật.*  *+ Trước ngày 9 tháng 3, … Yên Bái và Cao Bằng.*  *+ Sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, … bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ.*  **2. Tác dụng:**  - Cho người nghe/người đọc thấy rõ tội ác của thực dân Pháp và phát xít Nhật trên đất nước Việt Nam.  - Khẳng định chính nghĩa, chiến thắng phải thuộc về dân tộc Việt Nam.  **Bài 2**  Học sinh sử dụng yếu tố tự sự, miêu tả trong quá trình đưa dẫn chứng vào đoạn văn nghị luận:  ***Ví dụ:***  *- Chiều 10/7 trên mạng xã hội Facebook lan truyền clip ghi lại cảnh một nhóm học sinh trường THCS Bình Châu "vây" đánh hội đồng 1 em học sinh lớp 7, diễn ra ngay trong trường. Theo điều tra, có 11 em liên quan, trong đó 5 em trực tiếp đánh, 1 em quay clip, các em còn lại đứng xem, hô hào "cổ vũ".* |

**Phục lục bài tập 1:**

**Tuyên ngôn độc lập *(Trích)***

*Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.*

*Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.*

*Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.*

*Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.*

*Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.*

*Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.*

*Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều. Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu.*

*Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.*

*Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn trở nên bần cùng.*

*Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.*

*Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng Minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.*

*Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy, hoặc là đầu hàng. Thế là chẳng những chúng không "bảo hộ" được ta, trái lại, trong 5 năm, chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật.*

*Trước ngày 9 tháng 3, biết bao lần Việt Minh đã kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật. Bọn thực dân Pháp đã không đáp ứng, lại thẳng tay khủng bố Việt Minh hơn nữa. Thậm chí đến khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng.*

*Tuy vậy, đối với người Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thùy, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ.*

**III. Củng cố - Dặn dò:**

- Hoàn thiện đoạn văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về hiện trạng bạo lực học đường trong học sinh phổ thông hiện nay có sử dụng yếu tố miêu tả, tự sự.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ngày soạn: Ngày dạy:

**BUỔI 15**

**Tiết 1: Ôn tập chữa lỗi diễn đạt (lỗi lô-gic)**

**I. Mục tiêu cần đạt:** Qua bài học, HS đạt được:

**1. Kiến thức:**

- Mở rộng, củng cố, nâng cao về lỗi diễn đạt (lỗi lô-gic) thường gặp

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng tìm và sửa câu mắc lỗi diễn đạt (lỗi lô-gic)

**3. Thái độ:**

- Bồi dưỡng tình yêu và sự trân trọng với Tiếng Việt

**4. Năng lực cần hình thành:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực cảm thụ thẩm mĩ.

**II. Tiến trình lên lớp:**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Ôn tập lỗi diễn đạt (lỗi lô-gic)**  GV hỏi: Em hãy nhắc lại lỗi diễn đạt (lỗi lô-gic) của câu là gì?  GV lưu ý việc diễn đạt trong việc viết văn của HS. | **I. Kiến thức cần nhớ: Lỗi diễn đạt (lỗi lô-gic)**  **-** Câu cần thể hiện một nội dung hoàn chỉnh, các vế câu cần có sự liên kết lô-gic trong việc diễn đạt  – Về mặt lô-gíc, cần chú ý tránh một số lỗi sau:  + Lỗi mâu thuẫn lô-gíc giữa chủ ngữ và vị ngữ: Cái bàn này vuông.  + Lỗi liệt kê không đồng loại: Em rất thích học văn, sử và nhiều môn học tự nhiên khác.  + Quan hệ giữa các vế câu không lô-gíc: Vì trời mưa nên em vẫn đi học.  - Nếu các vế câu không có sự lô-gic thì câu mắc lỗi diễn đạt, cần phải sửa để câu trọn vẹn về nghĩa. |

***B. Luyện tập (35 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 2: Luyện tập chữa lỗi diễn đạt**  **Bài 1: Chữa lỗi diễn đạt (lỗi lô-gic) trong những câu dưới đây:**  a. Mưa bão suốt mấy ngày đêm, đường ngập nước, người đi lại rất đông vui, xe cộ phóng nhanh như bay.  b. Chiều tàn, chợ đã vãn, người ta chen lấn, xô đẩy nhau ra về.  c. Tố Hữu là một nhà thơ lớn vì ông hoạt động cách mạng từ thời thơ ấu.  d. An không những học giỏi mà còn rất chăm làm nên bạn ấy luôn được điểm 10.    **Bài tập 2: Những câu sau mắc lỗi lô-gíc nào? Hãy chữa lại các lỗi đó.**  1. Em hứa sẽ học tốt các môn Toán, Lí, Hoá và các môn Khoa học Xã hội khác.  2. Con thích mua xe hay xe đạp?  3. Trong việc học tập nói chung và lao động nói riêng, bạn Nam đều rất gương mẫu.  **Bài 3: Phát hiện lỗi lô-gíc trong các câu sau. Chữa lại các lỗi đó.**  1. Tố Hữu là một nhà thơ lớn, ông đã để lại hàng trăm bài văn tuyệt tác.   1. Nếu không tin bạn thì sao em lại cố tình không nói những bí mật của em.   2. Tuy nhà rất xa trường nhưng hôm nào em cũng đi học muộn.  3. Trời đã bắt đầu tối nên em nhìn rõ bạn Nam đang vẫy em ở đầu phố.  **Bài 4:** Thực hành tìm lỗi diễn đạt trong bài tập làm văn của bạn và sửa lỗi.  GV yêu cầu HS lấy bài tập làm văn gần nhất vừa được trả bài và thực hiện yêu cầu bài tập. | **II. Luyện tập**  **Bài 1:**  a. Lỗi lô-gic: Quan hệ giữa các vế câu không lô-gic (Mưa, bão – đi lại đông vui, xe cộ phóng nhanh)  - Sửa: Mưa bão suốt mấy ngày đêm, đường ngập nước, người đi lại rất thưa thớt, xe cộ đi lại chậm chạp.  b. Lỗi lô-gic: Quan hệ giữa các vế câu không lô-gic (Chợ vãn – con người chen lấn)  - Sửa: Chiều tàn, chợ đã vãn, người ta bình thản ra về.  c. Lỗi lô-gic: Quan hệ giữa các vế câu không lô-gic (Tố Hữu là nhà thơ lớn không phải lí do duy nhất vì ông hoạt động cách mạng, đây là 2 nội dung độc lập)  - Sửa: Tố Hữu là một nhà thơ lớn, hơn thế nữa, ông hoạt động cách mạng từ thời thơ ấu.  d. Lỗi lô-gic: Quan hệ giữa các vế câu không lô-gic (An học giỏi và chăm làm không phù hợp với hệ quả luôn được điểm 10, người đọc dễ hiểu chăm làm là làm những công việc ngoài học tập)  - Sửa: An không những học giỏi mà còn rất chăm làm bài tập nên bạn ấy luôn được điểm 10  **Bài 2: Đáp án**  a. Lỗi lô-gic: liệt kê không đồng loại  - Sửa: Em hứa sẽ học tốt các môn Toán, Lí, Hoá và các môn Khoa học Tự nhiên khác.  b. Lỗi lô-gic: Quan hệ giữa các vế câu không lô-gic  - Sửa: Con thích mua xe hay đi bộ?  c. Lỗi lô-gic: Việc học tập và lao động không thuộc một phạm trù.  - Sửa: Trong việc học tập và lao động, bạn Nam đều rất gương mẫu.  **Bài 3: Đáp án**  a. Lỗi lô-gic: Nhà thơ lớn – bài văn tuyệt tác  - Sửa: Tố Hữu là một nhà thơ lớn, ông đã để lại hàng trăm bài thơ tuyệt tác.  b. Lỗi lô-gic: Cặp quan hệ từ “nếu…thì” chưa lô-gic  - Sửa: Vì không tin bạn nên em cố tình không nói những bí mật của em.  c. Lỗi lô-gic: Hai vế câu chưa lô-gic với nội dung cần biểu đạt  - Sửa: Tuy nhà rất xa trường nhưng hôm nào em cũng đi học đúng giờ.  d. Lỗi lô-gic: Sự việc tương phản cần sử dụng quan hệ từ tương phản  - Sửa: Trời đã bắt đầu tối nhưng em nhìn rõ bạn Nam đang vẫy em ở đầu phố.  Bài 4  Học sinh làm bài, gv nhận xét. |

**Tiết 2+3: Hướng dẫn viết bài tập làm văn số 7**

**I. Mục tiêu cần đạt:** Qua bài học, HS đạt được:

**1. Kiến thức:**

- Mở rộng, củng cố, nâng cao kiến thức về văn văn nghị luận, chuẩn bị viết bài tập làm văn số 7

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng viết câu, viết đoạn, viết bài nghị luận

**3. Thái độ:**

- Bồi dưỡng tình yêu và sự trân trọng với Tiếng Việt

**4. Năng lực cần hình thành:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực cảm thụ thẩm mĩ.

**A. Hệ thống kiến thức đã học (15 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Ôn tập chung về văn nghị luận**  GV hỏi: Luận điểm là gì?  HS trả lời, GV nhận xét và chốt  GV hỏi: Luận điểm cần đảm bảo những yêu cầu nào để đạt hiệu quả trong bài văn nghị luận?  HS trả lời, GV nhận xét và chốt  GV: Em cần lưu ý điều gì về lập luận và cách diễn đạt trong bài nghị luận?  GV hỏi: Nêu bố cục của bài văn nghị luận? | **I. Kiến thức cần nhớ:**  - Luận điểm trong bài văn là những tư tưởng, quan điểm, chủ trương mà người viết nêu ra nhằm giải quyết vấn đề một cách hợp lí, chính xác.  - Yêu cầu về luận điểm:  + Muốn giải quyết được vấn đề, người viết phải có một hệ thống luận điểm. Bài viết phải có luận điểm chính, luận điểm phụ; chúng liên kết với nhau theo một trình tự hợp lí. Nghĩa là:  + Các luận điểm được sắp xếp theo tầng bậc rõ ràng và các luận điểm ngang nhau đều được chia ra từ một căn cứ duy nhất.  + Các luận điểm ngang bậc nhau không được trùng lặp hoặc chồng chéo lên nhau.  + Các luận điểm phải có quan hệ hợp lô - gíc của quá trình giải quyết vấn đề: bắt đầu từ luận điểm xuất phát, qua các luận điểm phát triển để đi tới luận điểm kết luận toàn bài.  + Các luận điểm phải phát triển từ dễ đến khó, từ thấp đến cao.  - Trình bày luận cứ để làm rõ luận điểm (lập luận): sắp xếp các luận cứ thành hệ thống; các luận cứ phải liên kết chặt chẽ với nhau (lí lẽ trước gợi mở ra lí lẽ tiếp sau, lí lẽ sau kế thừa và phát triển lí lẽ trước). Lập luận tốt sẽ tăng sức thuyết phục.  - Phải biết dùng từ ngữ giàu hình ảnh, gợi cảm; dùng các biện pháp tu từ, diễn đạt tốt sẽ tăng sức truyền cảm.  - Bố cục bài văn nghị luận: 3 phần  + Mở bài: Nêu vấn đề nghị luận  + Thân bài: Trình bày tư tưởng, quan điểm, đánh giá về vấn đề nghị luận  + Kết bài: Kết luận về vấn đề |

**B. Luyện tập: Hướng dẫn viết bài tập làm văn số 7**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của gv và hs | Nội dung |
| **Đề 1: Tuổi trẻ và tương lai đất nước**  \* GV hướng dẫn HS đọc đề, xác định kiểu bài, vấn đề nghị luận và phạm vi dẫn chứng. Sau đó gợi ý tìm ý và lập dàn ý.  - Kiểu bài: nghị luận xã hội  - Vấn đề nghị luận: tuổi trẻ và tương lai đất nước  - Phạm vi dẫn chứng: trong văn học và trong cuộc sống  - Tìm ý và lập dàn ý: | **1. MỞ BÀI:** Giới thiệu vấn đề nghị luận: trích dẫn danh ngôn, thơ….  Khẳng định: Tuổi trẻ đóng vai trò quan trọng, quyết định tương lai đất nước.  **2. THÂN BÀI:**  **a. Giải thích ý nghĩa câu nói:**  - Tuổi trẻ là những chủ nhân tương lai đất nước, là chủ nhân của thế giới và là động lực giúp cho xã hội phát triển.  - Tuổi trẻ là lực lượng nòng cốt, tiên phong, xông pha vào những nơi gian khổ, khó khăn.  => Câu nói muốn khẳng định vai trò của thế hệ trẻ với tương lai đất nước. Và để có thể là chủ nhân tương lai của đất nước, thế hệ trẻ hôm nay cần cố gắng học tập, tích lũy tri thức, kinh nghiệm.  **b. Bàn luận: Vì sao nói tuổi trẻ là tương lai của đất nước**  - Tuổi trẻ luôn dồi dào năng lượng, nhiệt tình sẵn sàng cống hiến hết mình cho quê hương đất nước.  - Tuổi trẻ là độ tuổi luôn mang trong mình những mơ ước, khát vọng những hoài bão lớn lao. Và trong lồng ngực trẻ ấy luôn khát khao thực hiện mơ ước của bản thân dù phải trải qua nhiều khó khăn, gian nan.  - Người ta thường vẫn nói, “tre già măng mọc” khi các thế hệ cha anh đã cống hiến hết sức mình thì các thế hệ tiếp bước chính là tuổi trẻ, là các bạn. Sự tiếp bước ấy không chỉ là một ving quang mà còn là một nhiệm vụ, trách nhiệm làm rạng danh nước nhà trên trường quốc tế.  **c. Bài học: Tuổi trẻ hôm nay cần làm những gì để làm chủ tương lai đất nước mai sau**  - Ghi nhớ sâu sắc những lời dạy của Bác, cố sức học hành, tích lũy tri thức, mở mang vốn hiểu biết của bản thân.  - Xác định đúng mục đích học tập, từ đó đưa ra kế hoạch học tập đúng đắn cho bản thân.  - Mỗi cá nhân phải có tinh thần cầu thị, không ngại khó, không sợ khổ sẵn sàng vượt qua mọi gian nan, thử thách.  - Tiếp thu tri thức nhân loại đồng thời các bạn cũng cần rèn luyện đạo đức cho bản thân.  **d. Phản đề:** Hiện nay vẫn có những bạn học sinh chưa xác định được vai trò, ý nghĩa của bản thân với tương lai đất nước nên vẫn còn thờ ơ, lơ là học tập. Các bạn đã lãng phí thời gian vào những trò chơi vô bổ, chểnh mảng việc học hành.  **3. KẾT BÀI:**Khẳng định ý nghĩa vấn đề: tuổi trẻ hiện nay cần thực hiện tốt trách nhiệm và bổn phận của mình góp phần xây dựng đất nước – Liên hệ bản thân em. |

Tiết 2

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của gv và hs | Nội dung |
| **Đề 2: Văn học và tình thương**  \* GV hướng dẫn HS đọc đề, xác định kiểu bài, vấn đề nghị luận và phạm vi dẫn chứng. Sau đó gợi ý tìm ý và lập dàn ý.  - Kiểu bài: nghị luận văn học  - Vấn đề nghị luận: văn học và tình thương  - Phạm vi dẫn chứng: trong văn học  - Tìm ý và lập dàn ý: | **1. Mở bài: Khẳng định mối quan hệ mật thiết bền chặt giữa văn học và tình thương** - Lòng nhân ái, tình yêu thương giữa con người với con người là đạo lí của dân tộc ta và nhiều dân tộc khác trên thế giới.  - Văn học, với chức năng cao cả của nó, luôn luôn ngợi ca những tấm lòng nhân ái “thương người như thể thương thân”, đồng thời cũng lên án những kẻ thờ ơ, dửng dưng hoặc nhẫn tâm chà đạp lên số phận con người.  **2. Thân bài:**  ***a. Giải thích ý nghĩa câu nói:***  **- Văn học là một loại hình nghệ thuật sử dụng ngôn từ thông qua lăng kính quan sát, tư duy, tái hiện của tác giả để phản ánh cuộc sống. Văn học có thể bắt nguồn từ lao động, ca hát… nhưng nguồn gốc cốt yếu nhất của văn học là tình thương.**  **-** Tình thương là sự xót xa, thương cảm của con người dành cho người hoặc sự vật khác kém may mắn hoặc bất hạnh hơn mình. Tình thương là tình cảm cao quí, đẹp đẽ mang đậm tính nhân văn.  → Văn học và tình thương có mối quan hệ đặc biệt bền chặt. **b) Mối quan hệ giữa văn học và tình thương** - Theo Hoài Thanh (ý nghĩa văn chương) thì nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người...) - Các tác phẩm văn chương thường khơi gợi tình thương và lòng nhân ái của con người...).  - Nhờ có tình thương mà tác phẩm văn học dễ dàng đến với người đọc, tưới mát và thanh lọc tâm hồn người đọc.  → Mối quan hệ giữa văn học và tình thương rất mật thiết, bền chặt. **c) Bàn luận về văn học và tình thương**  \* Văn học ca ngợi tình thương cao đẹp: - Trước hết là những tình cảm ruột thịt trong mỗi gia đình: + Cha mẹ yêu thương, hết lòng, hi sinh vì con cái. + Con cái hiếu thảo, yêu thương, kính trọng cha mẹ. + Anh chị em ruột thịt yêu thương, đùm bọc nhau. (Dẫn chứng: + Người mẹ trong “Cổng trường mở ra, Mẹ tôi”: Tình thương yêu, sự lo lắng, quan tâm mà người mẹ dành cho các con là vô bờ, thẳm sâu + Người cha trong “Lão Hạc, Mẹ tôi”: yêu thương, chăm sóc và có thể hi sinh cả cuộc đời vì con + Hai anh em Thành - Thủy trong “Cuộc chia tay của những con búp bê”: lo lắng, quan tâm, nhường nhịn yêu thương nhau). - Tình làng nghĩa xóm. (Dẫn chứng: ông giáo với lão Hạc, bà lão láng giềng với gia đình chị Dậu: sự thương xót, sẻ chia, cảm thông trong những hoàn cảnh khó khăn thiếu thốn nhất) - Tình đồng nghiệp, bạn bè, thầy trò... (Dẫn chứng: 3 nhân vật họa sĩ trong “Chiếc lá cuối cùng”, cô giáo và các bạn của Thủy trong “Cuộc chia tay của những con búp bê”: Sự thương xót, cảm thông, chia sẻ, đồng cảm giữa những con người chung hoàn cảnh sống dành cho nhau lúc khó khăn, hoạn nạn).  **c) Văn học phê phán những kẻ thờ ơ hoặc nhẫn tâm chà đạp lên số phận con người** - Văn học phê phán những kẻ thiếu tình thương ngay trong gia đình. (Dẫn chứng: bà cô bé Hồng trong “Trong lòng mẹ”, ông bố nghiện ngập trong “Cô bé bán diêm”: lạnh lùng, độc ác thậm chí là cay nghiệt với những người thân yêu gần gũi nhất với mình). - Văn học lên án đanh thép những kẻ lạnh lùng, độc ác ngoài xã hội. (Dẫn chứng: vợ chồng nghị Quế trong “Tắt đèn” , những người qua đường đêm giao thừa trong “Cô bé bán diêm”: những con người lạnh lùng, không quan tâm đến người khác thậm chí là tàn nhẫn, độc ác với đồng loại).  GV nhấn mạnh yêu cầu: Khi triển khai viết bài, HS cần nhấn mạnh luận điểm được thể hiện trong từng dẫn chứng.  **3. Kết bài:** Khẳng định ý nghĩa cao cả của văn chương, mang tình thương làm đẹp cuộc sống con người. |

**III. Củng cố, dặn dò**

**- HS về nhà học bài, nắm chắc kiến thức đã học. Hoàn thiện những bài tập còn lại**

**-** Chuẩn bị kiến thức, tâm thế làm bài tập làm văn số 7

**IV.** Rút kinh nghiệm cá nhân:

**…**…………………………………………………………………………………………..

**…**…………………………………………………………………………………………..

**…**…………………………………………………………………………………………..

**…**…………………………………………………………………………………………..

**Ngày soạn: Ngày dạy:**

**BUỔI 16 - TỔNG KẾT PHẦN VĂN**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

1. Kiến thức:

**-** Hệ thống hoá, củng cố những kiến thức các văn bản ở lớp 8, khắc sâu những hiểu biết về tác giả, giá trị tư tưởng - nghệ thuật.

2. Kỹ năng:

Luyện kĩ năng tổng hợp, hệ thống hoá, so sánh, phân tích, chứng minh, cảm thụ,..

3. Thái độ, phẩm chất: Chăm chỉ, cẩn thận, tỉ mỉ, yêu nước,nhân ái, …

4. Năng lực: Năng lực tự học, năng lực quan sát, phân tích, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, sáng tạo, năng lực cảm thụ,…

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 1: Ôn Tập Phần Thơ Việt Nam (1900-1945)**

|  |
| --- |
| **Hoạt động của GV - HS** |
| GV giới thiệu về Thơ Mới  - Hình thức tổ chức : cá nhân, nhóm  ? Trình bày hiểu biết về giá trị nội dung và nghệ thuật của các văn bản:  Nhóm 1: Nhớ rừng  Nhóm 2: Quê hương  Nhóm 3: Khi con tu hú  Nhóm 4: Tức cảnh Pác Bó  Nhóm 5: Ngắm trăng  Nhóm 6: Đi đường  - Các nhóm thảo luận, trao đổi, hoàn thành vào phiếu học tập  - GV theo dõi, giúp đỡ HS  - Đại diện nhóm báo cáo, trao đổi giữa các nhóm |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Kiên thức cần đạt** | | |
|  | **NỘI DUNG** | **NGHỆ THUẬT** |
| **Nhớ rừng** | Mượn lời con hổ ở vườn bách thú với nỗi chán ghét thực tại tầm thường, tù túng và niềm khao khát tự do, được sống đúng với bản chất của mình, tác giả đã thể hiện tâm sự u uất và niềm khao khát tự do mãnh liệt, cháy bỏng của con người bị giam cầm nô lệ. Bài thơ đã khơi dậy tình cảm yêu nước, niềm uất hận và lòng khao khát tự do của con người VN khi đang bị ngoại bang thống trị. Phảng phất trong bài thơ có nỗi đau thầm kín của Thế Lữ và cũng là của những người thanh niên thuở ấy trước cảnh nước mất nhà tan. | Bài thơ mang đặc trưng thể thơ tám chữ, gieo vần linh hoạt, uyển chuyển, ngắt dòng độc đáo. Bút pháp lãng mạng, giọng điệu sôi nổi, tràn đầy cảm xúc. Hình ảnh thơ sống động, mang ý nghĩa biểu tượng cao. Tác giả rất thành công trong sử dụng thủ pháp đối, điệp ngữ, câu hỏi tu từ,… |
| **Quê hương** | Sáng tác khi Tế Hanh sống xa quê. Những h/a về làng chài và những người dân chài đều được tái hiện từ nỗi nhớ của nhà thơ nên rất gợi cảm và sinh động.  Vẻ đẹp của bài thơ thể hiện ở chất thơ bình dị nhưng tràn ngập cảm xúc. Nhà thơ viết về quê hương với tình cảm thiết tha, từ niềm tự hào về 1 miền quê tươi đẹp, có những đoàn thuyền, những người trai mạnh mẽ đầy sức sống, đương đầu với sóng gió trùng dương vì c/s, niềm vui và hp của làng chài | Bài thơ trữ tình kết hợp miêu tả và biểu cảm. Tác giả sử dụng nhiều hình ảnh thơ sáng tạo, cách diễn đạt giàu cảm xúc khiến những hình ảnh vô hình trở nên hữu hình. Giọng thơ trong sáng, khỏe khoắn. |
| **Khi con tu hú** | Bài thơ nói lên nỗi nhớ quê nhà khi mùa hè đã đến, đồng thời thể hiện niềm uất hận và lòng khao khát tự do của người chiến sĩ cách mạng đang bị cùm trói trong nhà tù đế quốc | Bài thơ lục bát được sáng tác khi ông đang bị địch giam trong nhà lao Thừa Phủ (Huế) 7. 1939. Đây là bài thơ lục bát giản dị, thiết tha., ngoài ra còn sử dụng phép đối, xây dựng những hình ảnh thơ trong sáng, giàu sức gợi. |
| **Tức cảnh Pác Bó** | Người sống và làm việc trong hoàn cảnh hết sức gian khổ: ở trong hang Pác Bó- một hang núi nhỏ sát biên giới Việt – Trung (Hà Quảng – Cao Bằng); thường phải ăn cháo ngô, măng rừng thay cơm; bàn làm việc là một phiến đá bên bờ suối cạnh hang được người đặt tên là suối Lê-nin. Bài thơ được Bác sáng tác trong hoàn cảnh này.Bài thơ thể hiện cốt cách, tinh thần Hồ Chí Minh luôn tràn đầy niềm lạc quan, tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng. | Bài thơ tứ tuyệt bình dị pha giọng đùa vui, phóng khoáng; ngôn ngữ giản dị dễ hiểu, hình ảnh chân thực, đời thường. |
| **Ngắm trăng** | - Bài thơ ghi lại cảnh ngắm trăng, qua đó thể hiện tình yêu trăng, yêu thiên nhiên, tinh thần lạc quan yêu đời và phong thái ung dung của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đày.  - Tác phẩm thể hiện sự tôn vinh cái đẹp của tự nhiên, của con người bất chấp hoàn cảnh tù ngục. | Bài thơ được viết bằng chữ Hán, thể thơ tứ tuyệt, giọng điệu tự nhiên, thoải mái, pha chút vui đùa hóm hỉnh, tất cả toát lên 1 cảm giác vui thích, sảng khoái. |
| **Đi đường** | - Bài thơ nói lên những suy ngẫm của tác giả về đường đời vô cùng gian lao vất vả, luôn luôn đứng trước bao thử thách khó khăn, phải có dúng khí và quyết tâm vượt lên để giành thắng lợi. Con đường ở đây mang hàm nghĩa là con đường cách mạng.  Đi đường viết về việc đi đường gian lao, từ đó nêu lên triết lí về bài học đường đời, đường cách mạng: vượt qua gian lao sẽ tới thắng lợi vẻ vang. | Kết cấu chặt chẽ, lời thơ tự nhiên, bình dị, gợi hình ảnh và giàu cảm xúc. |

**Tiết 2: Ôn tập các văn bản nghị luận, văn chính luận**

|  |
| --- |
| **Hoạt động của GV - HS** |
| - Hình thức tổ chức : cá nhân  ? Điền vào sơ đồ câm sau các đặc điểm của các thể văn nghị luận cổ  - Hs trả lời nhanh |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kiến thức cần đạt** | | | | |
| **Nội dung** | **Chiếu** | **Hịch** | **Cáo** | **Tấu** |
| Người viết | Vua, tướng lĩnh | Vua, tướng lĩnh | Vua chúa, thủ lĩnh | Bề tôi, thần dân |
| Người đọc | Thần dân | Thần dân, tướng sĩ | Thần dân | Vua chúa, tướng lĩnh |
| Loại văn | Văn vần, biền ngẫu, văn xuôi | Văn biền ngẫu | Văn biền ngẫu, văn xuôi | Văn biền ngẫu, văn xuôi |
| Mục đích viết | Ban bố mệnh lệnh | Thuyết phục, kêu gọi đấu tranh | Công bố kết quả, chủ trương | Trình bày sự việc, ý kiến, đề nghị |
| Lập luận | Lí lẽ sắc bén, thể hiện tư tưởng lớn lao, có ý nghĩa với vận mệnh đất nước | Kết cấu chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, dẫn chứng thuyết phục  Kết cấu thay đổi linh hoạt | Lí lẽ sắc bén, dẫn chứng thuyết phục, lời lẽ đanh thép, lập luận chặt chẽ | Lí lẽ sắc bén, dẫn chứng thuyết phục |

|  |
| --- |
| **Hoạt động của GV - HS** |
| - Hình thức tổ chức : cá nhân, nhóm  ? Trình bày hệ thống luận điểm của các văn bản:  Nhóm 1: Chiếu dời đô  Nhóm 2: Hịch tướng sĩ  Nhóm 3: Nước Đại Việt ta  Nhóm 4: Bàn luận về phép học  Nhóm 5: Thuế máu  - Các nhóm thảo luận, trao đổi, hoàn thành vào phiếu học tập  - GV theo dõi, giúp đỡ HS  - Đại diện nhóm báo cáo, trao đổi giữa các nhóm |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Kiên thức cần đạt** | | |
|  | **Thể văn** | **Hệ thống luận điểm** |
| Chiếu dời đô | Chiếu | - Lí do dời đô cũ  + Gương sáng đời xưa  + Thực tế triều đai Đinh, Lê  - Ý chí định đô mới  + Lợi thế của Đại La  + Quyết định của nhà vua  => Ý nghĩa lịch sử của sự kiện dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long và nhận thức về vị thế, sự phát triển đất nước của Lí Công Uẩn. |
| Hịch tướng sĩ | Hịch | - Gương sáng đời xưa  - Tình hình đất nước hiện tại, nỗi lòng chủ tướng và thái độ, cách đối xử của chủ tướng đối với tì tướng.  + Tố cáo tội ác của quân thù  + Tâm sự của chủ tướng  + Phê phán lối sống sai lầm của tướng sĩ,  + Chỉ ta hậu quả mà chủ tướng và tướng sĩ phải chịu  + Việc cần làm và tương lai tốt đẹp  -> Hịch tướng sĩ nêu lên vấn đề nhận thức và hành động trước nguy cơ đất nước bị xâm lược. |
| Nước Đại Việt ta | Cáo | - Nguyên lí nhân nghĩa của cuộc khởi nghĩa  - Quan niệm về Tổ quốc và chân lí về độc lập dân tộc của dân Đại Việt  + Có văn hiến  + Có lãnh thổ  + Có phong tục riêng  + Có chủ quyền  + Có truyền thống lịch sử  - Niềm tự hào về sức mạnh của dân Đại Việt  -> Nước Đại Việt ta thể hiện qua niệm tư tưởng tiến bộ của Nguyễn Trãi về Tổ quốc và có ý nghĩa như bản tuyên ngôn độc lập. |
| Bàn luận về phép học | Tấu | - Mục đích chân chính của việc học  - Phê phán lối học lệch lạc  + Học hình thức, cầu danh lợi  + Khoog biết đến tam cương, ngũ thường  - Phương pháp học:  + Từ thấp đến cao  + Học rộng nhưng nắm gọn  + Theo điều học mà làm  -> Đề cao việc học, thực học để có ích cho xã hội, đất nước |
| Thuế máu |  | - Chiến tranh và người bản xứ: Thái độ của thực dân Pháp đối với người bản xứ  + Trước chiến tranh  + Khi có chiên tranh  - Chế độ lính tình nguyện  - Kết quả của sự hi sinh  -> Vạch trần bản chất xấu xa của chính quyền thực dân, biến người dân bản xứ thành vật hi sinh để phục vụ lợi ích cho chúng trong chiến tranh tàn khốc |

**Tiết 3: Ôn tập văn học nước ngoài**

**Luyện tập**

**A: Ôn tập văn học nước ngoài**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức : cá nhân  ? Nêu các luận điểm cơ bản trong *Đi bộ ngao du*?  ? Mâu thuẫn và tình huống truyện trong Ông Giuốc đanh mặc lễ phục? | **1. Đi bộ ngao du**  - Đi bộ ngao du thì ta hoàn toàn được tự do, tùy theo ý thích, không lệ thuộc vào bất cứ ai hay cái gì  - Đi bộ ngao du giúp ta có thể trau dồi tri thức về tài nguyên thiên nhiên, nông nghiệp, địa lí  - Đi bộ ngao du giúp tăng cường sức khỏe, vui vẻ, ăn uống ngon lành  **2. Ông Giuốc – đanh mặc lễ phục**  - Mâu thuẫn: khát khao trở thành quý tộc và sự ngu dốt ngớ ngẩn họ đòi cùng trong một nhân vật khiến ông ta trở thành điển hình của kẻ hám danh.  - Tình huống: bất ngờ, thú vị: vì quá ham muốn học làm sang nên mất khôn, ngờ ngệch, nực cười, bị kẻ khác lừa bịp. |

**B: Luyện tập:**

|  |  |
| --- | --- |
| **-** Hình thức tổ chức: cá nhân  **Bài tập 1:** Đọc câu thơ sau và làm theo yêu cầu bên dưới:   “Khi con tu hú gọi bầy…”  (Khi con tu hú- Tố Hữu)  a) Chép chính xác các câu thơ tiếp theo để hoàn thiện bài thơ.  b, Nêu nội dung chính của của bài thơ đó.  c) Chỉ ra và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng hai câu thơ 5-6 | **Bài tập 1:**  a. Học sinh chép chính xác các câu thơ còn lại của bài thơ  *Khi con tu hú gọi bầy*  *Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần*  *Vườn râm dậy tiếng ve ngân*  *Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào*  *Trời xanh càng rộng càng cao*  *Đôi con diều sao lộn nhào từng không…*  *Ta nghe hè dậy bên lòng*  *Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!*  *Ngột làm sao, chết mất thôi*  *Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!”*  b. Nội dung chính của bài thơ:  Lòng yêu cuộc sống và niềm khao khát tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng.  c. Các biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ cuối bài là :  Nhân hóa (diều sáo lộn nhào)  - Tác dụng của các biện pháp tu từ  +  Các từ  *“lộn, nhào ”*cho ta cảm nhận được bức tranh thiên nhiên nhiều màu sắc, tràn đầy sức sống, sống động về âm thanh, rực rỡ về màu sắc. |
| **-** Hình thức tổ chức: cá nhân, nhóm  **Bài tập 2:** Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi: “ Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt, lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng"(Ngữ văn 8, tập 2, NXB Giáo dục)a. Đoạn trích trên nằm trong văn bản nào?b. Đoạn trích sử dụng những biện pháp tu từ nào?c. Nêu hiệu quả của biện pháp tu từ đó bằng đoạn văn khoảng 4-6 câu. | **Bài tập 2:**  a. Đoạn trích nằm trong văn bản: Hịch tướng sĩ  b. Biện pháp tu từ:  + Nói quá  + Liệt kê  + Dùng điển tích, điển cố  c.  - HS viết đoạn văn đảm bảo hình thức  - Nội dung: Các biện pháp tu từ nhằm to đậm lòng căm thù giặc của tác giả: sục sôi, căm uất, sẵn sang và quyết tâm hi sinh vì nước |
| **-** Hình thức tổ chức: cá nhân **Bài tập 3:** Chứng minh rằng: “Thuế máu”- Nguyễn Ái Quốc đã lên án và tố cáo tội ác tày trời của chủ nghĩa tư bản Pháp trên các lĩnh vực: Kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội | **Bài tập 3:**  1. Tìm hiểu đề:  - Thể loại: Nghị luận.  - Nội dung: Tội ác tày trời của chủ nghĩa tư bản Pháp trên các lĩnh vực: Kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội…qua văn bản “Thuế máu”.  2. Dàn ý:  \* Mở bài: Giới thiệu về tác giả Nguyễn Ái Quốc; Giới thiệu tác phẩm.  \* Thân bài:  **+** Tình hình nước ta trong giai đoạn chiến tranh thế giới lần thứ nhất, Pháp vơ vét, bóc lột mọi mặt, bóc lột “đến cả cái khố rách” của người dân thuộc địa.  + Văn bản đã nghiêm khắc lên án và tố cáo các tội ác ấy qua ba luận điểm chính:  - Chiến tranh và người bản xứ: Tố cáo chiến tranh phi nghĩa, bọn tư bản lợi dụng xương máu của người dân thuộc địa làm những tấm bia đỡ đạn cho chúng trên các chiến trường khiến số phận của họ rất thê thảm.  - Chế độ lính tình nguyện: Tác giả vạch trần bộ mặt giả dối, những chính sách bịp bợm của bọn cầm quyền thực dân và quan lại tay sai ở thuộc địa đồng thời cho thấy số phận đáng thương của những nạn nhân của các vụ bắt lính dưới chiêu bài lính tình nguyện.  - Kết quả của sự hi sinh.  \* Kết bài: Nêu nhận định và bày tỏ thái độ của mình trước vấn đề đã nghị luận. |
| Hình thức tổ chức: cá nhân, nhóm  **Bài tập 4:** Hãy lập dàn bài cho đề: Phân tích bài thơ Tức Cảnh Pác Bó của Hồ Chí Minh | **Bài tập 4:** Phân tích bài thơ Tức Cảnh Pác Bó của Hồ Chí Minh (Lập dàn bài)  a. Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm  b. Thân bài:  \* Điều kiện sống và làm việc của Bác ở Pác Bó  - Nơi ở quá chật hẹp: một cái hang nhỏ bên bờ suối: “Sáng ra bờ suối, tối vào hang”.  - Điều kiện sinh hoạt: quá thiếu thốn. Bữa ăn hằng ngày là cháo bẹ (cháo ngô) là măng rừng “Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng”.  - Điều kiện làm việc là tảng đá bên bờ suối.  - Ba câu thơ đầu bài thơ nói về cảnh sinh hoạt và làm việc của Bác. Tất cả đều rất khó khăn, thiếu thốn.  \* Hình ảnh Bác Hồ trong bài thơ:  - Phong thái ung dung tự tại của Bác: Ba câu thơ đầu.  + Câu thứ nhất nói về việc ở. Giọng điệu thể hiện trong câu thơ này rất thoải mái, phơi phới, cho thấy Bác sống thật ung dung, hòa điệu với nhịp sông núi rừng: Sáng ra bờ suối, tối vào hang. Nhịp thơ 4/3 tạo thành hai vế sóng đôi, toát lên cảm giác về sự nhịp nhàng, nề nếp: sáng ra, tối vào…  + Câu thứ hai nói về việc ăn: Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng, ở câu thơ này có thêm nét vui đùa. Bởi vì thực tế quá khó khăn mà Bác lại nói như là lương thực, thực phẩm ở đây thật đầy đủ, đầy đủ tới dư thừa (cháo bẹ rau măng luôn có sẵn).  + Câu thứ ba nói về điều kiện làm việc. Bàn làm việc là tảng đá bên suối chông chênh mà thôi. “Chông chênh” là từ láy miêu tả duy nhất của bài thơ, rất tạo hình và gợi cảm. Ba chữ dịch sử Đảng toàn vần trắc, toát lên cái khỏe khoắn, mạnh mẽ, gân guốc. Như vậy, trung tâm của bức tranh Pác Bó là hình tượng người chiến sĩ được khắc họa vừa chân thực, sinh động vừa có tầm vóc lớn lao, một tư thế uy nghi lồng lộng, giống như một tượng đài về vị lãnh tụ cách mạng Bác Hồ đang dịch Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô làm tài liệu huấn luyện cán bộ cách mạng nước nhà.  \* Cái “sang” của cuộc đời cách mạng:  - Niềm vui lớn nhất của Bác trong bài thơ không phải chỉ là “thú lâm tuyền” giống như những ẩn sĩ xưa mà trước hết đó là niềm vui vô hạn của người chiến sĩ yêu nước vĩ đại, sau ba mươi năm xa nước, “đêm mơ nước ngày thấy hình của nước” (thơ Chế Lan Viên), nay được trở về sống giữa lòng đất nước, yêu dấu, trực tiếp lãnh đạo cách mạng để cứu nước, cứu dân.  - Bác Hồ còn rất vui vì Người tin chắc rằng, thời cơ giải phóng dân tộc đang tới gần, điều mà Bác chiến đấu suốt đời để đạt tới đang trở thành hiện thực. So với niềm vui lớn lao đó thì những gian khổ trong sinh hoạt có nghĩa lí gì. Thậm chí, tất cả những hang tối, cháo bẹ, rau măng, bàn đá chông chênh… không phải là gian khổ mà đều trở thành sang trọng…  - Chữ “sang” kết thúc bài thơ có thể coi là chữ thần, là “nhãn tự” đã kết tinh, tỏa sáng tinh thần toàn bài.  c. Kết bài:Giá trị bài thơ |
| Hình thức tổ chức: cá nhân, nhóm  **Bài tập 5:**  Dựa vào các văn bản: “Chiếu dời đô” và “Hịch tướng sĩ”, hãy nêu suy nghĩ của em về vai trò của những người lãnh đạo anh minh như Lý Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn?  \* Yêu cầu Hs lập dàn ý  - HS thảo luận, trao đổi, báo cáo | **Bài tập 5 :**  1. THĐ:  - Thể loại: Nghị luận.  - Nội dung: vai trò của những người lãnh đạo anh minh như Lý Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn?  2. Dàn ý:  **-** Mở bài: Lịch sử nước ta là một cuộc đấu tranh liên tục chống ngoại xâm để giành lại tự do và xây dựng, bảo vệ đất nước. Chính vỡ vậy, vai trũ của những người lónh đạo đất nước là vô cùng quan trọng, có phần quyết định đến tương lai của đất nước. Đọc hai văn bản: “Chiếu dời đô” và “Hịch tướng sĩ”, ta càng hiểu thêm về vai trò của những người lãnh đạo anh minh như Lý Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn đối với vận mệnh của dân tộc.  - Thân bài:  \* Lý Công Uẩn:  - Quyết định dời đo từ Hoa Lư về Đại La trước hết là vì nhân dân, bất chấp mọi khó khăn, thử thách.  - Anh minh trong việc lựa chọn Đại La làm kinh đô:  + Mục đích trước nhất là vì dân, vì nước, vì sự nghiệp lâu dài của dân tộc.  + Thể hiện ý nguyện, khát vọng của nhân dân về việc xây dựng một đất nước độc lập, thống nhất.  - Sự anh minh trong cách cư xử và thái độ trân trọng với bề tôi.  => Quyết định của ông dó ảnh hưởng lớn tới vận mệnh của dân tộc, là một quyết định vô cùng đúng đắn đã được thực tế chứng minh.  \* Trần Quốc Tuấn:  - Trọng nhân nghĩa, sẵn sàng xả thân cho đất nước, là một tấm gương sáng.  - Tấm lòng yêu nước nồng nàn, lòng căm thù giặc sâu sắc, quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược dẫu có phải hi sinh bản thân.  - Luôn tỉnh táo, nhận rõ nguy cơ của đất nước, chỉ ra cho tướng sĩ các sai lầm để tránh, bên cạnh đó ông luôn khuyên nhủ, động viên tướng sĩ, tạo niềm tin vững chắc cho họ.  - Ngày đêm thảo binh thư yếu lược, khuyến khích tướng sĩ học sách ấy để giỏi võ nghệ, giết giặc bảo vệ đất nước.  => Vai trò của mỗi người là khác nhau, nhưng đều có điểm chung là luôn lo lắng cho dân, cho nước, yêu nước, thương dân. Chính sự lãnh đạo anh minh sáng suốt của các vị lãnh đạo ấy đã làm nên sức mạnh và sự bền vững lâu dài cho đất nước.  \* Bài học cho bản thân em.  - Kết bài: Nêu suy nghĩ của bản thân về vai trò của những người lãnh đạo anh minh như Lý Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn đối với vận mệnh của dân tộc. |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- Tiếp tục ôn tập kiến thức

- Bài tập về nhà

**Bài tập 1:** Hoàn thành bài viết ở Bài tập 5 .

**Ngày soạn: Ngày dạy:**

**BUỔI 17**

**ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

1. Kiến thức

- Học sinh hệ thống các kiến thức về từ vựng và ngữ pháp đã học ở học kì II

**-**Ở mỗi kiểu câu, học sinh  cần nắm được *đặc điểm hình thức* và *chức năng* của kiểu câu đó để nhận biết hành động nói, lựa chọn trật tự từ

  - Nắm được các khái niệm, đặt câu, viết được đoạn hội thoại, đoạn văn

2. Kỹ năng

- Rèn cho học sinh kĩ năng vận dụng thuần thục kiến thức Tiếng Việt đã học ở học kì II để hiểu nội dung, ý nghĩa văn bản hoặc tạo lập văn bản.

3. Thái độ, phẩm chất

- Giáo dục học sinh có ý thức thái độ đúng trong học tập, ôn luyện Tiếng Việt.

- Ham hiểu biết, yêu tiếng Việt

4. Năng lực

- Giải quyết vấn đề, thẩm mỹ cho học sinh

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 1: *A. Hệ thống lại kiến thức đã học***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động thầy – trò** | **Kiến thức cần đạt** |
| Tùy vào cách phân loại, câu được chia thành các nhóm khác nhau. Tuy nhiên, ở phần này, học sinh tập trung cách phân loại câu theo mục đích nói gồm có: câu nghi vấn (câu hỏi), câu cầu khiến, câu cảm thán và câu trần thuật.  H: Nêu đặc điểm hình thức, chức năng chính của các câu phân theo mục đích nói? Lấy VD?  - GV nêu câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV chốt lại kiến thức trọng tâm.  **Cho các câu sau, hãy cho biết đó là kiểu câu gì? Tác dụng của kiểu câu ấy?**  *a. Sao cậu lười học thế ?*  *b. Hãy gọi người hàng hành vào cho ta !*  *c. Bác có thể cho cháu ngồi nhờ một lát được không ạ ?*  *d. Cậu không làm thì ai làm đây ?*  *e. Có phá hết các vòng vây đi không ?*  *f. Hắn vừa đi vừa chửi.*  *g. Mẹ kiếp!*  *h. Thế có phí rượu không? Thế thì có khổ hắn không?*  *i. Tức thật!* | ***1. Câu phân loại theo mục đích nói***   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | TT | Câu | Đặc điểm hình thức | Chức năng chính | Ví dụ | | 1 | *Câu nghi vấn* | - Có những từ nghi vấn (ai, gì, nào, sao, tại sao, đâu, bao giờ, bao nhiêu ...hoặc từ hay (nối các vế có quan hệ lựa chọn  - Kết thúc câu bằng dấu hỏi chấm (?). Ngoài ra còn kết thúc bằng dấu chấm, dấu chấm than hoặc dấu chấm lửng. | - Dùng để hỏi.  - Ngoài ra còn dùng để đe doạ, yêu cầu, ra lệnh, bộc lộ tình cảm cảm xúc... | - Mai cậu có phải đi lao động không?  - Cậu chuyển giùm quyển sách này tới H được không? | | 2 | *Câu cầu khiến* | - Có từ cầu khiến: hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào... hay ngữ điệu cầu khiến  - Kết thúc bằng dấu chấm than  - Ý cầu khiến không mạnh kết thúc bằng dấu chấm. | - Dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo.... | - Hãy lấy gạo làm bánh mà lễ Tiên Vương.  - Ra ngoài! | | 3 | *Câu cảm thán* | - Có từ ngữ cảm thán: ôi, than ôi, hỡi ôi, biết bao, xiết bao, biết chừng nào...  - Kết thúc bằng dấu chấm than | - Dùng để bộc lộ cảm xúc trực tiếp của người nói (viết) xuất hiện chủ yếu trong ngôn ngữ nói hàng ngày hay ngôn ngữ văn chương. | - Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu? | | 4 | *Câu trần thuật* | - Không có đặc điểm hình thứccủa các kiêu câu nghi vấn, cảm thán....  - Kết thúc bằng dấu chấm đôi khi kết thúc bằng dấu chấm, hoặc dấu chấm lửng | - Dùng để kể, thông báo nhận định, miêu tả....  - Ngoài ra còn dùng để yêu cầu, đề nghị, bộc lộ tình cảm, cảm xúc...  - Là kiểu câu cơ bản và được dùng phổ biến trong giao tiếp. | - Trời đang mưa.  - Quyển sách đẹp quá! Tớ cảm ơn bạn! Cảm ơn bạn! | | 5 | *Câu phủ định* | - Có từ ngữ phủ định: Không, chẳng, chả, chưa... | - Thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất, quan hệ nào đó -> Câu phủ định miêu tả.  - Phản bác một ý kiến, một nhận định-> Câu phủ định bác bỏ. | - Tôi không đi chơi.  - Tôi chưa đi chơi.  - Tôi chẳng đi chơi.  - Đâu có! Nó là của tôi. |   **Ví dụ :**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ví dụ** | **Kiểu câu** | **Tác dụng** | | *a. Sao cậu lười học thế ?* | *Nghi vấn* | *Khắng đinh* | | *b.Hãy gọi người hàng hành vào cho ta* | *Cầu khiến* | *Ra lệnh* | | *c.Bác có thể cho cháu ngồi nhờ một lát được không ạ ?* | *Nghi vấn* | *Nhờ vả* | | *d. Cậu không làm thì ai làm đây ?* | *Nghi vấn* | *Phủ định và khẳng định* | | *e.Có phá hết các vòng vây đi không ?* | *Nghi vấn* | *Ra lệnh* | | *f. Hắn vừa đi vừa chửi.* | *Trần thuật* | *Kể* | | *g.Mẹ kiếp!* | *Cảm thán* | *Bộc lộ cảm xúc tức giận* | | *h.Thế có phí rượu không? Thế thì có khổ hắn không?* | *Nghi vấn* | *Bộc lộ cảm xúc* | | *i.Tức thật!* | *Cảm thán* | *Bộc lộ cảm xúc tức giận* | |
| ? Thế nào là hành động nói ?  - GV nêu câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV chốt lại kiến thức trọng tâm.  (Học sinh theo dõi các nhóm hành động nói với kiểu câu tương ứng thông qua bảng liệt kê dưới đây. )  **H:**  Đặt 3 câu thực hiện hành động nói theo cách gián tiếp. | ***2. Hành động nói và các kiểu câu tương ứng***   |  |  | | --- | --- | | Hành động nói | Kiểu câu | | Trình bày (kể, tả, giới thiệu, nhận xét, đánh giá, báo cáo, dự báo…) | Câu trần thuật*(kiểu câu chính),* câu cầu khiến, câu cảm thán, câu nghi vấn. | | Hỏi (hỏi, đề nghị, bộc lộ cảm xúc…) | Câu nghi vấn *(kiểu câu chính)*, câu trần thuật, câu cầu khiến, câu cảm thán. | | Điều khiển (yêu cầu, ra lệnh, đề nghị, khuyên nhủ…) | Câu cầu khiến *(kiểu câu chính)*, câu cảm thán, câu trần thuật, câu cầu khiến | | Hứa hẹn (hứa, bảo đảm, đe dọa…) | Câu trần thuật*(kiểu câu chính),* câu cầu khiến, câu cảm thán | | Bộc lộ cảm xúc (cảm ơn, xin lỗi, than phiền…) | Câu cảm thán, *(kiểu câu chính),*câu nghi vấn, câu trần thuật, câu cầu khiến. |   **Ví dụ:**   1. Bạn đóng hộ mình cửa sổ được không? 2. Như thế chẳng phải là mẹ bạn rất thương bạn đó sao? 3. Sao tôi khổ thế này? |
| H: Thế nào là vai xã hội trong hội thoại ?  - GV nêu câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV chốt lại kiến thức trọng tâm.  ***H: Em có nhận xét gì về cách nói năng của bà vợ trong đoạn trích sau:***  *Đồ ngu! Đòi một cái máng thật à? Một cái máng thì thấm vào đâu! Đi tìm lại con cá và đói một cái nhà rộng.* | 3. Hội thoại.  - Vai xã hội là vị trí của người tham gia hội thoại trong cuộc thoại.  - Quan hệ xã hội: Trên dưới hoặc ngang hàng theo tuổi tác, thứ bậc trong gia đình xã hội.  - Lượt lời: Mỗi lần tham gia nói được tính là một lượt lời.  **Ví dụ:**     Cách xưng hô của bà vợ với chồng : ***Đồ ngu***     ⇒ Cho thấy mụ vợ không tôn trọng chồng |
| HS cần nắm được những tác dụng sau: | 4. Mục đích của việc lựa chọn trật tự từ trong câu.  - Thể hiện thứ tự nhất định của sự vật hiện tượng, hoạt động, đặc điểm.  - Nhấn mạnh hình ảnh, đặc điểm của sự vật, hiện tượng.  - Liên kết câu với những câu khác trong văn bản.  - Đảm bảo sự hài hoà về ngữ âm của lời nói. |

**Tiết 2 + 3 LUYỆN TẬP:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động thầy - trò** | **Kiến thức cần đạt** |
| **H: 1.**Viết đoạn hội thoại chủ đề tự chọn rồi xác định:  - Quan hệ vai xã hội của các nhân vật tham gia giao tiếp .  - Lượt lời của các nhân vật .  **2.**Xác định kiểu câu và hành động nói trong câu sau:  *“- Con nhớ em quá! Hay là u hãy cho con ở nhà một đêm nay nữa, để con ngủ thêm với em, để con nói chuyện với em”*  **3.**Viết một đoạn văn từ 5 – 7 câu bàn về phương pháp học tập, trong đó có sử dụng một câu cầu khiến (hoặc câu nghi vấn).  - GV nêu câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời.  - HS khác nhận xét, bổ sung. | **1. Bài tập 1**  **1.** Viết đoạn hội thoại chủ đề tự chọn rồi xác định:     - Quan hệ vai xã hội của các nhân vật tham gia giao tiếp: đoạn hội thoại có mấy nhân vật? Quan hệ vai xã hội: ngang hàng, trên dưới hay thân sơ.     - Lượt lời của các nhân vật: mỗi nhân vật có những lượt lời nào? (số lượng) .  **2.** Xác định kiểu câu và hành động nói trong câu :*“- Con nhớ em quá!*  → Kiểu câu cảm thán, hành động bộc lộ cảm xúc  *Hay là u hãy cho con ở nhà một đêm nay nữa, để con ngủ thêm với em, để con nói chuyện với em”*  → Kiểu câu cầu khiến, hành động yêu cầu, nài nỉ  **3.** Gợi ý :     - Phương pháp học tập đúng đắn là chia khóa để chiếm lĩnh tri thức một cách hiệu quả, nhanh chóng.     - Phương pháp học tập có thể là: học tuần tự từ đơn giản đến phức tạp, từ thấp lên cao; học đi đôi với hành, vận dụng các phương pháp học tập tích cực; đa dạng hình thức học tập: học theo nhóm, tổ…     - Lời khuyên cần xác định phương pháp học tập đúng đắn.     - Có sử dụng 1 câu cầu khiến (hoặc nghi vấn) |
| **H:** Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:  *“Lão Hạc thổi cái mồi rơm, châm đóm. Tôi đã thông điếu và bỏ thuốc rồi. Tôi mời lão hút trước. Nhưng lão không nghe…*  *- Ông giáo hút trước đi.*  *Lão đưa đóm cho tôi…*  *- Tôi xin cụ.*  *Và tôi cầm lấy đóm, vo viên một điếu. Tôi rít một hơi xong, thông điếu rồi mới đặt vào lòng lão. Lão bỏ thuốc, nhưng chưa hút vội. Lão cầm lấy đóm, gạt tàn, và bảo:*  *- Có lẽ tôi bán con chó đấy, ông giáo ạ!”*  *(Lão Hạc - Ngữ văn 8 Tập hai)*  a)Trong đoạn trích trên mỗi nhân vật nói bao nhiêu lượt lời?  b) Xác định vai xã hội của hai nhân vật tham gia cuộc thoại trên?  - GV nêu câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV chốt lại | **2. Bài tập 2**  a) Nhân vật ông giáo: 1 lượt lời.  Nhân vật lão Hạc: 2 lượt lời.  b) Vai xã hội của Lão Hạc và ông giáo:  + Xét về tuổi tác: Lão Hạc ở vai trên, ông giáo ở vai dưới.  + Xét về địa vị xã hội: Lão Hạc có địa vị thấp hơn ông giáo. |
| H: Đọc kĩ đoạn văn và thực hiện các yêu cầu bên dưới:  *…Một người đã khóc vì trót lừa một con chó! … Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên lụy đến hàng xóm, láng giềng … Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư? Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn …*  (Nam Cao, *Lão Hạc*)  a, Xác định câu nghi vấn trong đoạn văn trên? Căn cứ vào đâu mà em biết đó là câu nghi vấn?  b, Đoạn văn trên có câu phủ định không? Vì sao?  - GV nêu câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV chốt lại | **3. Bài tập 3**  a) Câu nghi vấn : Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư?  - Căn cứ vào dấu câu (?) và từ ngữ nghi vấn (ư)  b) Ko có câu phủ định nào. Bởi vì ko có dấu hiệu của bất kỳ từ mang nghĩa phủ định nào hết |
| **H:** Câu 1: a) Hành động nói là gì?  b) Cho đoạn văn:  **(1)** Với vẻ mặt băn khoăn, cái Tí lại bưng bát khoai chìa tận mặt mẹ:  **(2)** - Này u ăn đi! **(3)** Để mãi! **(4)** U có ăn thì con mới ăn. **(5)** U không ăn thì con cũng không muốn ăn nữa.  **(6)** Nể con, chị Dậu cầm lấy một củ, rồi chị lại đặt xuống chõng.  **(7)** Vẻ nghi ngại hiện ra sắc mặt, con bé hóm hỉnh hỏi mẹ một cách thiết tha:  **(8) -** Sáng ngày người ta đấm u có đau lắm không?  **(9)** Chị Dậu khẽ gạt nước mắt:  **(10)** - Không đau con ạ!  **Xác định các kiểu câu chia theo mục đích nói và các kiểu hành động nói trong đoạn văn theo bảng sau:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Thứ tự câu | Kiểu câu chia theo mục đích nói | Kiểu hành động nói | | 1 |  |  | | 2 |  |  | | 3 |  |  | | 4 |  |  | | 5 |  |  | | 6 |  |  | | 7 |  |  | | 8 |  |  | | 9 |  |  | | 10 |  |  |   **Câu 2: Các câu văn sau đây mắc lỗi gì ? Hãy chữa lại cho đúng:**  a) Chị dắt con chó đi dạo, thỉnh thoảng dừng lại ngửi ngửi những gốc cây ven đường.  b) Các nhà thơ Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Nguyễn Tuân đều thuộc lớp nhà thơ trưởng thành trong phong trào Thơ mới.  **Câu 3:** a. Sắp xếp trật tự từ có tác dụng như thế nào?  b. Hãy sắp xếp cụm từ in đậm trong câu: “ Tre ***giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín.***”(Thép Mới, Cây tre Việt Nam) bằng hai cách khác nhau. Cách sắp xếp nào hợp lí? Vì sao?  **Câu 4:** Viết một đoạn hội thoại ngắn (chủ đề tự chọn) trong đó có sử dụng một số kiểu câu phân loại theo mục đích nói và cho biết vai xã hội của các nhân vật trong cuộc hội thoại đó. *(Chỉ rõ các kiểu câu phân loại theo mục đích nói đã dùng)*  - GV nêu câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV chốt lại  **GV Yêu cầu về hình thức:**  HS trả lời đúng, trình bày sạch đẹp; không mắc lỗi về từ ngữ, ngữ pháp, chính tả. Phần giải thích tại sao sắp xếp trật tự từ là hợp lí rõ ràng, chính xác. Đoạn văn hội thoại phù hợp, có sử dụng một số kiểu câu phân loại theo mục đích nói  hợp lí, diễn đạt mạch lạc, liên kết câu đảm bảo lô gic. | **4. Bài tập 4**  *Câu 1:*  **a) Hành động nói là:** hành động được thực hiện bằng lời nói nhằm mục đích nhất định.  **b)Xác định các kiểu câu chia theo mục đích nói và các kiểu hành động nói trong đoạn văn theo bảng sau:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***Thứ tự câu*** | ***Kiểu câu chia theo mục đích nói*** | ***Kiểu hành động nói*** | | 1 | Câu trần thuật |  | | 2 | Câu cầu khiến | Điều khiểu (cầu khiến) | | 3 | Câu cầu khiến | Điều khiểu (cầu khiến) | | 4 | Câu trần thuật | Trình bày (kể) | | 5 | Câu phủ định | Trình bày (báo tin) | | 6 | Câu trần thuật |  | | 7 | Câu trần thuật |  | | 8 | Câu nghi vấn | Hỏi | | 9 | Câu trần thuật |  | | 10 | Câu phủ định | Trình bày (kể) |   *Câu 2:*  a) Lỗi lô-gic: mối quan hệ ý nghĩa giữa thành phần chủ ngữ và vị ngữ không hợp lô-gic  - Chữa lại: Chị dắt con chó đi dạo, thỉnh thoảng con chó dừng lại ngửi ngửi những gốc cây ven đường.  b) Lỗi lô-gic: *Nguyễn Tuân* không thuộc nhóm các nhà thơ nêu ở chủ ngữ  - Chữa lại: Các nhà thơ Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên đều thuộc lớp nhà thơ trưởng thành trong phong trào Thơ mới.  *Câu 3:*  **a. Tác dụng của việc lựa chọn trật tự từ trong câu:**  - Thể hiện thứ tự nhất định của sự vật, hiện tượng, hành động, đặc điểm.  - Nhấn mạnh hình ảnh, đặc điểm vủa sự vật, hiện tượng;  - Liên kết câu với câu khác.  - Đảm bảo sự hài hoà về ngữ âm của lời nói.  **b. Sắp xếp cụm từ in đậm trong câu, giải thích:**  - Có thể sắp xếp câu như sau:  + Tre giữ nước, giữ làng, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín.  + Tre giữ làng, giữ nước, giữ đồng lúa chín, giữ mái nhà tranh.  **- Chỉ ra cách sắp xếp hợp lí? Vì sao?**  + Cách sắp xếp trật tự từ trong văn bản đã cho của Thép Mới mang lại hiệu quả diễn đạt cao.  + Vì diễn đạt theo trình tự từ nhỏ bé đến rộng lớn, từ gần đến xa, tạo sự hài hòa về ngữ âm, tạo nhịp điệu cho câu văn.  *Câu 4***:** Viết một đoạn hội thoại (chủ đề tự chọn) trong đó có sử dụng một số kiểu câu phân loại theo mục đích nói và cho biết vai xã hội của các nhân vật trong cuộc hội thoại đó.*(Chỉ rõ các kiểu câu phân loại theo mục đích nói đã dùng)*  - Viết được đoạn hội thoại theo yêu cầu  - Chỉ ra các kiểu câu phân loại theo mục đích nói và vai xã hội |
| **Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**  *Tôi đang dạo bộ trên bãi biển khi hoàng hôn buông xuống. Biển đông người nhưng tôi lại chú ý đến một cậu bé cứ liên tục cúi xuống nhặt thứ gì lên và ném xuống. Tiến lại gần hơn, tôi chú*   * *thấy cậu bé đang nhặt những con sao biển bị thủy triều đánh giạt lên bờ và ném chúng trở lại với đại dương.*   + *Cháu đang làm gì vậy?*   + *Tôi làm quen.*   + *Những con sao biển này sắp chết vì thiếu nước. Cháu phải giúp chúng.*   + *Cậu bé trả lời.*   *- Cháu có thấy là mình đang mất thời gian không. Có hàng ngàn con sao biển như vậy. Cháu không thể nào giúp được tất cả chúng. Rồi chúng cũng sẽ phải chết thôi.*  *Cậu bé vẫn tiếp tục nhặt một con sao biển khác và nhìn tôi mỉm cười trả lời:*  *- Cháu biết chứ. Nhưng cháu nghĩ cháu có thể làm được điều gì đó chứ. Ít nhất cháu đã cứu được những con sao biển này.* (*Hạt giống tâm hồn,* tập 3, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, tr. 132-133)  a. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản.  b. Xét theo mục đích nói, những câu văn sau thuộc kiểu câu gì?  *a. Tôi đang dạo bộ trên bãi biển khi hoàng hôn buông xuống.*  *b. Cháu đang làm gì vậy?*  c. Cậu bé trong văn bản đã làm gì với những con sao biển? Hành động của cậu bé giúp em rút ra bài học gì cho bản thân?  - GV nêu câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV chốt lại | **5. Bài tập 5**  **Đọc hiểu văn bản trong *Hạt giống tâm hồn***  a, Phương thức biểu đạt chính: Tự sự  b, + *a*. Câu trần thuật.  + *b*. Câu nghi vấn.  c, Hành động của cậu bé: nhặt những con sao biển bị thủy triều đánh giạt lên bờ và ném chúng trở lại với đại dương.  HS rút ra được 01 bài học hợp lí từ hành động của cậu bé. (Có thể là: Bài học về ý thức bảo vệ thiên nhiên; Bài học về lối sống biết sẻ chia, giúp đỡ vật hoặc người khi gặp hoạn nạn, khó khăn; Không thờ ơ, lạnh lùng, vô cảm trước sự vật, sự việc, hiện tượng diễn ra xung quanh mình. |
| Viết đoạn văn giới thiệu về cuốn sách Ngữ văn 8 tập 2. Trong đoạn văn có sử dụng câu cầu khiến (gạch chân dưới câu cầu khiến đó).  - HS viết đoạn văn dựa vào phần chuẩn bị ở nhà.  - Đọc đoạn văn trước lớp.  - HS và GV nhận xét.  - Cho điểm những đoạn văn hay. | **6. Bài tập 6**  *Triển khai nội dung thuyết minh đảm bảo một số ý sau:*  - Giới thiệu chung về cuốn sách giáo khoa Ngữ văn 8 tập 2.  - Nguồn gốc: Bộ giáo dục đào tạo.  - Cấu tạo gồm 159 trang, bìa màu tím, bìa trước là dòng chữ Ngữ văn 8 tập 2, sách in theo khổ giấy 17x24cm, bên trong là nội dung của chương trình học và một số hình ảnh minh họa. Mỗi bài được cấu tạo theo nội dung kiến thức các phần: Văn bản, Tiếng việt và làm văn…Cuốn sách là sự phát triển và kế tiếp của sách giáo khoa Ngữ văn lớp 6 và lớp 7..  - Công dụng: giúp cho quá trình học tập trở nên dễ dàng hơn.  - Cách bảo quản: cần giữ gìn cẩn thận, không nên quăng quật, vo tròn, gập đôi cuốn sách. Tránh để sách gần lửa, hay nơi ẩm thấp, nên bọc thêm cho bìa sách một chiếc ni lông vừa bền, vừa đẹp để sách sạch sẽ hơn…  - Đoạn văn có sử dụng câu cầu khiến. |
| Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:  *“Lão Hạc thổi cái mồi rơm, châm đóm. Tôi đã thông điếu và bỏ thuốc rồi.* *Tôi mời lão hút trước. Nhưng lão không nghe…*  *- Ông giáo hút trước đi.* *Lão đưa đóm cho tôi…*  *- Tôi xin cụ.* *Và tôi cầm lấy đóm, vo viên một điếu. Tôi rít một hơi xong, thông điếu rồi mới* *đặt vào lòng lão. Lão bỏ thuốc, nhưng chưa hút vội. Lão cầm lấy đóm, gạt tàn, và* *bảo:*  *- Có lẽ tôi bán con chó đấy, ông giáo ạ!”*  (*Lão Hạc -* Nam Cao)  a. Trong đoạn trích trên mỗi nhân vật nói bao nhiêu lượt lời?  b. Xác định vai xã hội của hai nhân vật tham gia cuộc thoại trên? - GV nêu câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV chốt lại | **7, Bài tập 7**  a. Nhân vật ông giáo: 1 lượt lời  Nhân vật lão Hạc: 2 lượt lời.  b. Vai xã hội của Lão Hạc và ông giáo:  + Xét về tuổi tác: Lão Hạc ở vai trên, ông giáo ở vai dưới.  + Xét về địa vị xã hội: Lão Hạc có địa vị thấp hơn ông giáo. |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- GV yêu cầu HS nhớ lại đơn vị kiến thức đã học

- Bài tập về nhà

**Bài 1:** Viết đoạn văn diễn dịch khoảng 12 câu trong đó có dùng một câu cảm thán (gạch chân câu cảm thán), phân tích khổ thơ sau:

“ Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,

Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;

Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm

Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”.

( “Quê hương” - Tế Hanh ).

***Gợi ý:***

- Viết đúng đoạn văn theo cách diễn dịch

- Có câu câu cảm thán

- Đoạn văn cần đảm bảo được các ý sau:

\* giới thiệu tác giả, tác phẩm và hoàn cảnh sáng tác bài thơ, trích dẫn bốn câu thơ.

+ Hai câu thơ “Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng. Cả thân hình nồng thở vị xa xăm”. Hình ảnh những chàng trai sức vóc dạn dày sóng gió.

Họ là những đứa con thực sự của đại dương “Cả thân hình nồng thở vi xa xăm”. Nếu là những sinh thể được tách ra từ biển, mang theo về cả những hương vị của biển xa. Câu thơ thật lãng mạn, khoáng đạt. Chân dung người dân chài hiện lên thật tầm vóc và hình khối mà lại rất đặc trưng, chỉ có người dân biển mới có được.

+ Hai câu thơ: “Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm. Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ” Nghệ thuật nhân hóa biền con thuyền thành một sinh thể sống.

\* Cụm từ “ im bến mỏi”vừa nói được sự nghỉ ngơi thư giãn của con thuyền sau chuyến đi vất vả trở về, vừa nói được vẻ yên lặng nơi bến đỗ.

\* Con thuyền như “ nghe” thấy vị muối của biển đang râm ran chuyển động trong cơ thể mình.

\* Đây là những câu thơ hay trong bài thơ tả cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về, vừa diễn tả được vẻ đẹp khỏe khoắn của người dân chài, vừa diễn tả được cuộc sống lao động của người dân chài nơi quê hương. Qua đó, thể hiện tình yêu quê hương của tác giả.

**Bài 2: Đọc bài thơ sau, rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

***NGẮM TRĂNG***

*Trong tù không rượu cũng không hoa,*

*Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ;*

*Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,*

*Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

*( Trích Ngữ văn 8- Tập 2 )*

**Câu 1**

Xác định tên phiên âm chữ Hán và thể thơ của bài thơ “*Ngắm trăng*”.

**Câu 2**

Từ *“không”* trong câu thơ “*Trong tù không rượu cũng không hoa”,* là dấu hiệu hình thức của kiểu câu nào? Kiểu câu đó được dùng trong bài thơ để làm gì?

**Câu 3**

Câu thơ “*Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ”* thực hiện kiểu hành động nói nào?

Kiểu hành động nói ấy được dùng gián tiếp hay trực tiếp?

**Câu 4**

Qua bài thơ, em cảm nhận được gì về vẻ đẹp tâm hồn của Bác Hồ?

***Gợi ý:***

**Câu 1:**

-Tên phiên âm chữ Hán của bài thơ: Vọng nguyệt

-Thể thơ: thất ngôn tứ tuyệt

**Câu 2**:

-Kiểu câu: phủ định

-Kiểu câu đó được dùng trong bài thơ để: thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất, quan hệ nào đó (phủ định miêu tả).

**Câu 3:** Kiểu hành động nói: Bộc lộ cảm xúc

- Cách dùng: gián tiếp

**Câu 4:** Trước khó khăn, thử thách, Bác vẫn giữ vững phong thái ung dung, tự tại của người chiến sĩ cách mạng bất chấp sự thiếu thốn của nhà tù.

-Tâm hồn nghệ sĩ rất lãng mạn và tinh tế, luôn mở lòng giao hòa cùng thiên nhiên và tình yêu thiên nhiên say đắm.

**Ngày soạn: Ngày dạy:**

**BUỔI 18:**

**Tiết 1 : CHỦ ĐỀ : VĂN BẢN HÀNH CHÍNH CÔNG VỤ**

- *Luyện tập viết văn bản tường trình*

**I. Mục tiêu cần đạt:**

1. Kiến thức:

- Giúp học sinh nhớ lại kiến thức về văn bản tường trình, biết cách viết văn bản tường trình

2. Kỹ năng:

Rèn kĩ năng viết văn bản tường trình.

3. Thái độ, phẩm chất:

Có ý thức làm văn nghị luận

4. Năng lực :

- *Năng lực chung*: Tư duy, tự học, hợp tác và giải quyết vấn đề, phân tích và khái quát.

*- Năng lực riêng*: Sử dụng ngôn ngữ diễn đạt, sáng tạo, thẩm mĩ.

**II. Tiến trình lên lớp**

1. ***Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV: ?**Em đã được học những loại văn bản hành chính công vụ nào trong chương trình Ngữ văn 7?  HS trả lời: Em đã được học những loại văn bản hành chính công vụ trong chương trình Ngữ văn 7 là: Văn bản đề nghị, văn bản báo cáo  ? Văn bản tường trình là gì?  HS trả lời: Tường trình là loại văn bản trình bày thiệt hại hay mức độ trách nhiệm của người tường trình trong các sự việc xảy ra gây hậu quả cần phải xem xét.  ? Hãy nêu một số trường hợp cần viết văn bản tường trình?  HS trả lời: Một số trường hợp cần viết văn bản tường trình là:  - Về việc lớp mất sổ đầu bài  - Về vấn đề vệ sinh chưa tốt  - Về việc đi học muộn  - Về việc gia đình mình bị kẻ gian đột nhập lấy trộm đồ  - Về việc em làm vỡ cửa kính…. | **1. Khái niệm**  Tường trình là loại văn bản trình bày thiệt hại hay mức độ trách nhiệm của người tường trình trong các sự việc xảy ra gây hậu quả cần phải xem xét. |
| ? Khi viết văn bản tường trình cần tuân thủ theo những yêu cầu nào?  HS trả lời: Văn bản tường trình phải tuân thủ thể thức và phải trình bày đầy đủ, chính xác thời gian, địa điểm, sự việc, họ tên những người liên quan cùng đề nghị của người viết; có đầy đủ người gửi, người nhận, ngày tháng, địa điểm. | **2. Yêu cầu**  - Văn bản tường trình phải tuân thủ thể thức và phải trình bày đầy đủ, chính xác thời gian, địa điểm, sự việc, họ tên những người liên quan cùng đề nghị của người viết; có đầy đủ người gửi, người nhận, ngày tháng, địa điểm thì mới có giá trị.  - Phần nội dung: trình bày ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc. |
| GV: ? Em hãy nêu bố cục phổ biến của văn bản tường trình?  HS trả lời: VB tường trình cần có bố cục 3 phần:  a)  Thể thức mở đầu  b)  Nội dung  c)  Kết thúc | **3**. **Cách làm văn bản tường trình**  Một văn bản tường trình gồm có ba phần chính:   1. Thể thức mở đầu VB tường trình   - Quốc hiệu, tiêu ngũ (ghi chính giữa)  - Địa điểm, thời gian làm tường trình (Ghi góc bên phải)  - Tên văn bản (Ghi chính giữa)  - Người (cơ quan) nhận tường trình: Kính gửi….  b. ND tường trình: Người viết trình bày thời gian, địa điểm, diễn biến, sự việc, nguyên nhân vì đâu, hậu quả thế nào, ai chịu trách nhiệm. Thái độ tường trình nên khách quan, trung thực.  c. Thể thức kết thúc VB tường trình: Lời đề nghị hoặc cam đoan, chữ kí và họ tên người trường trình |

***B. Luyện tập***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài 1:**   1. Chỉ ra nét khác biệt giữa văn bản tường trình và văn bản thông báo. 2. Văn bản tường trình và văn bản thông báo có cần độ chính xác, chân thực không? Vì sao? 3. Chỉ ra những nét khác biệt về ngôn ngữ giữa văn bản hành chính với văn bản nghệ thuật?   GV gọi HS đọc đề. Cho HS làm bài cá nhân | **Bài 1:**  a.Văn bản tường trình và văn bản thông báo khác nhau ở nội dung, mục đích viết   |  |  | | --- | --- | | **Văn bản tường trình** | **Văn bản thông báo** | | Nhằm trình bày khách quan, chính xác các sự việc đã xảy ra để người có trách nhiệm giải quyết nắm bắt được bản chất sự việc để đánh và có phương hướng xử lí đúng. | Truyền đạt thông tin cụ thể từ phía cơ quan, đoàn thể, người tổ chức cho những người dưới quyền, thành viên được biết để thực hiện hay tham gia. |  1. Văn bản tường trình và văn bản thông báo cần độ chính xác, chân thực. Vì:  * Văn bản tường trình là căn cứ để người có trách nhiệm giải quyết, nắm bắt được bản chất sự việc để đánh giá và có phương hướng xử lí đúng đắn. * Văn bản thông báo giúp người tham gia có thông tin chính xác để quyết định tham gia và thực hiện , để hoạt động có hiệu quả, tránh lãng phí và mất tín nhiệm của một cơ quan, tổ chức.  1. Ngôn ngữ của văn bản hành chính công vụ trang trọng, nghĩa rõ ràng, không sử dụng biện pháp tu từ.   Ngôn ngữ của văn bản nghệ thuật có nhiều lớp nghĩa, sử dụng biện pháp tu từ mang dấu ấn cá nhân đậm nét |
| **Bài 2: Dùng văn bản nào cho phù hợp với tình huống sau đây? (Đánh dấu + vào ô lựa chọn)**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Tình huống** | **Tường trình** | **Thông báo** | | 1 | Một nhóm trong lớp tự đi tham quan và một số bạn bị thương nhẹ do sự cố giao thông |  |  | | 2 | Nhà trường có tổ chức hoạt động ngoại khóa văn học cho học sinh khối 8 |  |  | | 3 | Điều hòa trong lớp học bị hỏng. |  |  | | 4 | Trong lớp em xảy ra một vụ cãi lộn |  |  | | 5 | Lớp em có giờ thí nghiệm môn Hóa, sau giờ học, bị thiếu một dụng cụ thí nghiệm. |  |  | | 6 | Em bị mất cặp sách khi cả lớp ra sân tập thể dục. |  |  | | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Tình huống** | **Tường trình** | **Thông báo** | | 1 | Một nhóm trong lớp tự đi tham quan và một số bạn bị thương nhẹ do sự cố giao thông | + |  | | 2 | Nhà trường có tổ chức hoạt động ngoại khóa văn học cho học sinh khối 8 |  | + | | 3 | Điều hòa trong lớp học bị hỏng. | + |  | | 4 | Trong lớp em xảy ra một vụ cãi lộn | + |  | | 5 | Lớp em có giờ thí nghiệm môn Hóa, sau giờ học, bị thiếu một dụng cụ thí nghiệm. | + |  | | 6 | Em bị mất cặp sách khi cả lớp ra sân tập thể dục. | + |  | |
| **Bài 3: Lựa chọn một tình huống viết tường trình ở bài tập 2, em hãy viết một văn bản tường trình** | **Bài 3:** Bài mẫu lựa chọn tình huống thứ 6: Em bị mất cặp sách khi cả lớp ra sân tập thể dục.  CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  *Bắc Ninh, ngày 05 tháng 11 năm 2019*  **BẢN TƯỜNG TRÌNH**  (Về việc mất cặp sách)  Kính gửi: Cô Nguyễn Thị Huệ, giáo viên chủ nhiệm lớp 8B, trường THCS Hàn Thuyên  Tên em là: Nguyễn Văn Đức, học sinh lớp 8B, trường THCS Hàn Thuyên.  Vào lúc 6h50 phút ngày 5 tháng 11 năm 2019, em đến lớp và truy bài, để cặp dưới ngăn bàn của em – ngăn bên trái, bàn thứ ba, tổ 1. Lúc 7h, em cùng cả lớp xuống sân học giờ thể dục, cặp sách em vẫn để trong ngăn bàn. Lúc 7h45’, sau khi kết thúc giờ thể dục, em cùng các bạn lên lớp thì phát hiện không còn cặp sách trong ngăn bàn. Em đã hỏi các bạn trong lớp nhưng không ai nhìn thấy ở đâu. Trong cặp sách của em có 04 cuốn sách giáo khoa, 04 cuốn vở bài tập, 04 cuốn vở ghi, hộp bút và 20 nghìn đồng cùng chìa khóa xe đạp điện.  Em xin cam đoan những điều em tường trình là đúng sự thật. Nếu sai, em xin chịu mọi hình thức kỉ luật của cô giáo và tập thể lớp.  Người viết tường trình  Nguyễn Văn Đức |

**Ngày soạn: Ngày dạy:**

**Tiết 2, 3: ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

1. Kiến thức:

- Giúp học sinh nhớ lại kiến thức về văn thuyết minh, văn nghị luận, biết cách viết đoạn văn, bài văn thuyết minh, văn nghị luận

2. Kỹ năng:

Vận dụng kiến thức đã học để làm bài văn thuyết minh, văn nghị luận.

3. Thái độ, phẩm chất:

Yêu thích dạng bài văn thuyết minh, dạng bài văn nghị luận

4. Năng lực

- *Năng lực chung*: Tư duy, tự học, hợp tác và giải quyết vấn đề, phân tích và khái quát.

*- Năng lực riêng*: Sử dụng ngôn ngữ diễn đạt, sáng tạo, thẩm mĩ, năng lực tìm ý, viết đoạn

**II. Tiến trình lên lớp**

1. **Hệ thống kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV:? Em hãy nhắc lại những dạng bài thuyết minh đã học trong chương trình học kì II  HS trả lời: những dạng bài thuyết minh đã học trong chương trình học kì II là:  TM về một phương pháp, cách làm  TM về một di tích lịch sử  GV: ? Em hãy nêu bố cục chung của bài thuyết minh về một phương pháp, cách làm?  HS trả lời: Bố cục bài thuyết minh về một phương pháp, cách làm gồm 3 phần: MB, TB, KB  GV:? Trong phần thân bài của bài thuyết minh về phương pháp, cách làm cần nêu được những nội dung cơ bản nào?  HS trả lời:  Cần làm nổi bật các ý sau:   * Nguyên liệu để làm thành sản phẩm * Các dụng cụ để làm thành sản phẩm. * Các bước sơ chế nguyên liệu * Thứ tự các bước làm thành sản phẩm. * Yêu cầu cần đạt với sản phẩm.   GV nhấn mạnh:  Muốn làm được dạng bài này, hs cần phải biết quan sát, không phải là một khách thể bên ngoài mà là hoạt động của mình, hoạt động có mục đích.  “Cách làm” cần được hiểu là các thao tác thực hiện để tạo ra một sản phẩm nào đó. Có thể là một món ăn, một vật dụng. | 1. **Thuyết minh về một phương pháp, cách làm**    * + 1. MB: Giới thiệu chung về đối tượng cần thuyết minh 2. TB: Trình bày nội dung thông tin về đối tượng thuyết minh theo trình tự nhất định  * Nguyên liệu để làm thành sản phẩm: đó là nguyên liệu gì, yêu cầu với từng nguyên liệu , số lượng đối với mỗi loại. * Các dụng cụ để làm thành sản phẩm. * Các bước sơ chế nguyên liệu: cần làm gì đối với mỗi loại nguyên liệu. * Thứ tự các bước làm thành sản phẩm. * Yêu cầu cần đạt với sản phẩm.  1. KB: Đưa ra nhận định chung về đối tượng |
| GV: ? Em hãy nêu bố cục chung của bài thuyết minh về di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh?  HS trả lời: Bố cục bài thuyết minh về một phương pháp, cách làm gồm 3 phần: MB, TB, KB  GV:? Trong phần thân bài của bài thuyết minh về di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh cần nêu được những nội dung cơ bản nào?  HS trả lời:  Cần làm nổi bật các ý sau:   * Vị trí địa lí * Lịch sử vùng đất * Nét độc đáo, đặc sắc về địa hình, cảnh vật * Ý nghĩa của danh lam thắng cảnh: * Tình cảm của bản thân đối với danh lam thắng cảnh; ý thức giữ gìn bảo vệ danh lam thắng cảnh | 1. **Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh**    * + 1. MB: Giới thiệu chung về đối tượng cần thuyết minh        2. TB: Trình bày nội dung thông tin về đối tượng thuyết minh theo trình tự nhất định  * Vị trí địa lí * Lịch sử vùng đất: quá trình hình thành, phát triển, đã qua những lần tôn tạo nào? * Nét độc đáo, đặc sắc về địa hình, cảnh vật: danh thắng gồm những bộ phận nào; được xây dựng từ những chất liệu gì; vẻ đẹp nổi bật là gì? * Ý nghĩa của danh lam thắng cảnh: gắn bó với truyền thống gì; tượng trưng cho điều gì; có vai trò như thế nào trong đời sống văn hóa người Việt? * Tình cảm của bản thân đối với danh lam thắng cảnh; ý thức giữ gìn bảo vệ danh lam thắng cảnh   + - 1. KB: Đưa ra nhận định chung về đối tượng |
| GV: ? Thế nào là luận điểm trong bài văn nghị luận?  HS trả lời: Luận điểm trong bài văn nghị luận là những tư tưởng, quan điểm... mà người viết nêu ra trong bài.  GV:? Luận điểm có những tính chất nào?  HS trả lời: Luận điểm cần chính xác, rõ ràng, phù hợp với vấn đề nghị luận | **3.Luận điểm**  Luận điểm trong bài văn nghị luận là những tư tưởng, quan điểm... mà người viết nêu ra trong bài.  - Tính chất của luận điểm:      + Chính xác, rõ ràng, phù hợp với yêu cầu giải quyết vấn đề và đủ làm sáng tỏ vấn đề được đặt ra.      + Luận điểm là một hệ thống: có luận điểm chính, luận điểm phụ      + Các luận điểm vừa có sự liên kết chặt chẽ vừa có sự phân biệt với nhau và được sắp xếp theo một trật tự hợp lí.     Ví dụ: Với đề bài "Vì sao chúng ta phải đổi mới phương pháp học tập", có thể đưa ra một số luận điểm như sau:      + Phương pháp học tập có ảnh hưởng lớn đến kết quả học tập.      + Phương pháp học tập cũ (thụ động, máy móc...) hạn chế kết quả học tập.      + Cần xây dựng phương pháp học tập mới (tích cực, chủ động...) nhằm mang lại hiệu quả cao... |
| GV: ? Bài văn nghị luận cần có yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm không?  Vai trò của những yếu tố này trong văn nghị luận là gì?  HS trả lời: Trong bài văn nghị luận cần có yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm. Những yếu tố này có vai trò làm tăng tính thuyết phục cho bài văn nghị luận  **GV nhấn mạnh:**    Trong một bài văn nghị luận phải chú ý việc kết hợp các yếu tố biểu cảm, tự sự và miêu tả. Yếu tố tự sự là yếu tố dùng để trình bày một chuỗi các sự việc, sự kiện nối tiếp nhau, sự việc này nối tiếp sự việc kia để cuối cùng dẫn đến một kết thúc, thể hiện một ý nghĩa. Còn yếu tố, miêu tả là yếu tố giúp người đọc, người nghe hình dung ra những đặc điểm, tính chất nổi bật của sự vật, sự việc, người hoặc cảnh, ... làm cho chúng hiện lên trước mắt người đọc, người nghe với những đặc điểm như chúng vốn có.  -   Cùng với yếu tố biểu cảm, các yếu tố tự sự, miêu tả này giúp cho văn bản nghị luận trở lên cụ thể, dễ hiểu, đỡ khô khan và vì vậy có sức truyền cảm và sức thuyết phục hơn.  GV: ? Em hãy nêu một số ví dụ về sự kết hợp các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm trong đoạn văn nghị luận? | 1. **Yếu tố miêu tả, biểu cảm, tự sự trong bài văn nghị luận**  * Yếu tố biểu cảm giúp cho văn nghị luận có hiệu quả thuyết phục lớn hơn vì nó tác động mạnh mẽ đến tình cảm của người đọc (người nghe). Yếu tố biểu cảm không phá vỡ mạch văn nghị luận của bài văn, không làm bài văn nghị luận đứt đoạn, quẩn quanh. * Yếu tố tự sự, miêu tả giúp cho việc trình bày luận cứ trong bài văn nghị luận được rõ ràng, cụ thể, sinh động hơn, và do đó, có sức thuyết phục mạnh hơn.    -  **Ví dụ 1:** Trong Chiếu dời đô của Lý Công Uẩn có đoạn: "Huống gì thành Đại La, kinh đô cũ của Cao Vương. ... Thật là chốn tụ hội của bốn phương đất nước, cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời".  Trong đoạn trích trên, trước khi đi đến luận điểm: "Thành Đại La là nơi thắng địa, chốn tụ hội bốn phương, kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời", Lý Công Uẩn đã miêu tả rất chi tiết địa thế xung quanh Đại La. Cách miêu tả như vậy khiến người đọc, người nghe có thể hình dung rõ về nơi "thánh địa" ấy, qua đó, luận điểm của tác giả tăng thêm sức thuyết phục.   * **Ví dụ 2:** Trong văn bản “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn có đoạn: “Huống chi ta cùng các ngươi sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường…Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi để tai vạ về sau”   Trong đoạn văn trên, Trần Quốc Tuấn sử dụng hàng loạt những từ ngữ bộc lộ tình cảm cảm xúc và câu cảm thán để bộc lộ lòng căm giận, khinh bỉ quân giặc; nỗi lo lắng về tai họa của non sông. |

1. **Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài 1: Cho đề bài:** *Lòng yêu nước của thiếu niên học sinh trong thời đại hiện nay*.  a. Hãy xây dựng hệ thống luận điểm cho đề bài trên bằng cách trả lời các câu hỏi sau:   * Có ý kiến cho rằng: *Lòng yêu nước chỉ biểu hiện ở những người đã đến tuổi trưởng thành*. Nói thế đúng hay không? Vì sao? * Lòng yêu nước của thiếu niên, học sinh có hoàn toàn giống lòng yêu nước của người lớn hay không? Vì sao? * Trong hoàn cảnh hiện nay, để xây đắp lòng yêu nước, những học sinh còn nhỏ tuổi như chúng ta cần làm gì?   1. Hãy viết ít nhất một đoạn văn để trình bày một trong những luận điểm của bài, sao cho đoạn văn đó: * Trình bày được luận điểm một cách rõ ràng, mạch lạc. * Có những yếu tố biểu cảm được đưa vào một cách hợp lí.   GV chiếu đề lên máy chiếu  Gọi HS đọc đề  ? Xác định yêu cầu đề bài  HS trả lời: Đề bài có 2 yêu cầu:   * Tìm luận điểm * Viết hoàn chỉnh một luận điểm (có yếu tố biểu cảm)   + - * 1. Hoạt động nhóm: * Hình thức: cặp đôi * Thời gian: 5 phút * Yêu cầu: Tìm hệ thống luận điểm cho đề bài   GV gọi đại diện nhóm trình bày; các nhóm khác nhận xét. GV kết luận  b.HS làm bài cá nhân | **Gợi ý**  Cần có những luận điểm sau:   * Lòng yêu nước đã có, luôn luôn có và rất cần phải có cả ở những người còn nhỏ tuổi. * Tuy nhiên, lòng yêu nước của thiếu niên, học sinh không hoàn toàn giống lòng yêu nước của người lớn. * Trong hoàn cảnh hiện nay, để xây đắp lòng yêu nước, những học sinh còn nhỏ tuổi như chúng ta cần:   + Xác định đúng đắn trách nhiệm với đất nước.  + Chăm chỉ học tập và học tập giỏi, rèn luyện kĩ năng để sẵn sàng phục vụ đất nước.  + Thường xuyên rèn luyện phẩm chất đạo đức, khả năng lao động và sức khỏe để trở thành con người toàn diện, đáp ứng được yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.  + Sống gắn bó với gia đình, với quê hương yêu dấu, với thiên nhiên đẹp đẽ, với truyền thống văn hóa và các phong trào xã hội đang diễn ra trên đất nước   * + - * 1. Đoạn văn mẫu   Với thế hệ trẻ, có rất nhiều cách để thể hiện lòng yêu nước chân chính của mình. Cố gắng học tập tốt, rèn luyện tốt, hoàn thành nhiệm vụ học tập của mình hay tham gia nghiên cứu khoa học, đó là yêu nước; tự giác thực hiện chính sách, pháp luật, tôn trọng kỷ cương, đó cũng là yêu nước. Lựa chọn được một nghề nghiệp phù hợp với bản thân mình, gắn bó và cống hiến hết mình vì công việc, đó là yêu nước. Lao động tích cực, hăng hái, làm giàu chính đáng, đó là yêu nước. Có khi lại là việc nhỏ như không vứt rác bừa bãi, không tàn phá môi trường, không hủy diệt muông thú. Và thậm chí, nói một câu tiếng Việt đúng ngữ pháp, văn cảnh, thể hiện sự tự tôn với ngôn ngữ, văn hóa của dân tộc mình, cũng là biểu hiện của lòng yêu nước. Những việc làm không chỉ thể hiện ý thức công dân của mỗi người, mà còn là trách nhiệm xã hội, và thông qua đó, thế hệ trẻ chúng ta thể hiện lòng yêu quê hương, xứ sở của mình một cách sinh động nhất, hiệu quả nhất. |

**Tiết 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài 1:** Cho đoạn văn sau: “Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm tức chưa xả thịt, lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa ta cũng vui lòng.”Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Của ai?Nêu hoàn cảnh sáng tác của văn bản?Viết đoạn văn (7-9 câu) theo cách quy nạp trình bày cảm nhận của em về tâm trạng của tác giả | **Bài 1:**   1. Đoạn văn trích từ văn bản “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuân 2. Hoàn cảnh sáng tác: Bài hịch được viết trước cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên lần thứ 2 – năm 1285   c.\*Về hình thức:  - Viết đúng đoạn văn nghị luận (7-9 câu), nếu sai thể thức đoạn văn không cho điểm.  - Xác định được câu chủ đề của đoạn văn. Không có câu CĐ trừ ½ tổng số điểm.  - Viết theo lối quy nạp.  \*Về nội dung: Cần phân tích làm nổi bật nỗi lòng của chủ tướng Trần Quốc Tuấn trước sự lâm nguy của đất nước khi chứng kiến tội ác và sự ngang ngược của giặc:  - Lo lắng tột độ tới mức “quên ăn mất ngủ”.  - Đau đớn, tủi nhục khi lũ giặc đang lăm le bờ cõi nước ta, xúc phạm đến quốc thể.  - Căm thù giặc sôi sục, quyết không dung tha lũ giặc cướp nước “Xả thịt, lột da, nuốt gan, uống máu”  - Quyết tâm chiến đấu, sẵn sàng xả thân vì đất nước cho dù thịt nát. - Với thể văn biền ngẫu, giọng điệu lúc thống thiết, lúc đanh thép hùng hồn, đoạn văn thể hiện sâu sắc tấm lòng yêu nước của TQT. |
| Bài 2: Có ý kiến cho rằng:“Bài thơ Khi con tu hú của nhà thơ Tố Hữu thể hiện sâu sắc lòng yêu cuộc sống và niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trong hoàn cảnh tù đày.”Em hãy làm sáng tỏ nhận định trên bằng một bài văn nghị luận. GV chiếu đề. Gọi HS đọc đề  ? Xác định vấn đề nghị luận của đề?  HS trả lời: Vấn đề nghị luận  Bài thơ *Khi con tu hú* thể hiện sâu sắc **lòng yêu cuộc sống** và **niềm khát khao tự do cháy bỏng** của người chiến sĩ cách mạng.  GV hỏi: em hãy xác định các luận điểm lớn của bài  Hs trả lời: Các luận điểm lớn của bài:   * Khi con tu hú thể hiện tha thiết tình yêu cuộc sống của người chiến si trẻ tuổi. * Khi con tu hú thể hiện khát khao tự do mãnh liệt của người tù cách mạng. * Đánh giá chung   GV chia lớp thành hai 3 tổ. Thảo luận theo hình thức cặp đôi. Mỗi tổ thực hiện một luận điểm   * Yêu cầu: Tìm các luận cứ cho luận điểm * Thời gian: 10 phút   GV gọi đại diện nhóm trình bày, nhận xét, đưa ra kết luận.  **Bài tập về nhà: Viết hoàn thiện bài tập 2** | 1. **Mở bài:**  * TH là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng và kháng chiến. Bài thơ “Khi con tu hú” là một bài thơ lục bát, là tiếng lòng thành thực của TH khi bị giam trong nhà lao Thừa Phủ. * BT “Khi con tu hú” thể hiện sâu sắc lòng yêu cuộc sống và niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng  1. **Thân bài**   **\*) Khi con tu hú thể hiện tha thiết tình yêu cuộc sống của người chiến si trẻ tuổi.**  **- Âm thanh quyến rũ gọi mời**  +) Tiếng chim tu hú da diết gọi bầy, gọi bạn rót vào thính giác người chiến sĩ trẻ, đó là âm thanh báo hiệu hè về làm bừng thức trong tác giả sự sống tươi đẹp. Đó là tiếng gọi tự do.  +) Tiếng ve ngân “Vườn râm dậy tiếng ve ngân” – Một âm thanh xao xuyến ngập tràn trong thính giác. Chữ “ngân” gợi tả tiếng ve sôi lên ngân dài trong vườn quê tạo nên dư âm đặc biệt của ngày hè. Âm thanh ấy trở thành dấu ấn đặc biệt trong tâm tưởng người tù.  +) Tiếng sáo diều vi vu trên bầu trời – âm thanh gợi cuộc sống nên thơ, thanh bình.   * Âm thanh báo hiệu hè sang, như một bản nhạc sôi động đầu mùa. Đó là tín hiệu của mùa hè rực rỡ, của sự sống tưng bừng sinh sôi nảy nở. * **Sắc màu rực rỡ tươi đẹp**   +) Sắc vàng của lúa chín, của bắp ngô của trái ngọt vườn quê  +) Màu vàng hồng của nắng mới  +) Màu xanh thẳm của bầu trời   * Đó là những mảng màu sắc lung linh, rực rỡ của bức tranh quê. Gam màu tươi sáng, chan hòa rực rỡ. đó là màu của sự sống. sắc màu ấy tặng cho thị giác của con người sự thích thú gọi mời, quyến rũ. * **Hương vị ngọt ngào, hình ảnh sống động tươi đẹp**   +) cánh đồng lúa chín, trái cây trong vườn quê ngọt dần => báo hiệu mùa hè, bước chuyển mình của thời gian từ xuân qua hạ. các hình ảnh (lúa chín, trái ngọt, bắp vàng) gắn với những từ “đang chín”, “ngọt dần”, “đầy sân” gợi sự sống sinh sôi nảy nở, đầy đặn, ngọt ngào, gợi nhắc đến sự no đủ, tốt lành.  +) Hình ảnh “đôi con diều sáo lộn nhào” giữa nền trời xanh thẳm, không gian cao rộng của bầu trời quê hương thơ mộng gợi nhắc đến thế giới thanh bình, tự do.   * Bức tranh mùa hè tươi mới, sinh động, tràn đầy sức sống qua con mắt của một tâm hồn trẻ trung, yêu đời. phải vô cùng tinh tế mới có thể cảm nhận được từng bước chuyển của không gian, thời gian như vậy.   **\*) Khi con tu hú thể hiện khát khao tự do mãnh liệt của người tù cách mạng.**  - vì khát khao tự do nên trong cảm nhận của TH, mùa hè như mang đến sức sống, thôi thúc, giục giã người tù cách mạng đập tan phòng, chân muốn đạp đổ mọi xiềng xích để đến thế giới tự do bên ngoài.  - Vì khát khao tự do nên tâm trạng người tù CM thấy bí bách, ngột ngạt hơn bao giờ hết… Lòng uất hận căm tức dâng trào trong lòng, bật thốt thành lời thơ thống thiết “Ngột làm sao chết uất thôi”. Cách ngắt nhịp 3/3 kết hợp với các từ :ngột”, “chết uất” cùng một loạt các từ cảm thán trong đoạn thơ “ôi”, “làm sao” thể hiện ý chí mạnh mẽ kiên định, quyết không chịu đời nô lệ, phải sống cuộc đời tự do, thể hiện niềm khao khát cháy bỏng muốn thoát khỏi cảnh tù ngục, trở về với cuộc sống tự do bên ngoài của người thanh niên yêu nước đang bị giam cầm trong lao tù đế quốc. Một tinh thần khỏe khắn không cam chịu cuộc sống tù đầy chật chội và ngột ngạt.  - Trong hoàn cảnh bị giam cầm, người cộng sản phải tự đấu tranh với bản than để làm chủ mình, vượt lên những đắng cay nghiệt ngã của lao tù đế quốc, nuôi dưỡng ý chí, giữ vững khí tiết và tinh thần đấu tranh cách mạng. Đó là một hình thức đấu tranh tích cực.  - Vì khát khao tự do nên trong cảm nhận của tác giả tiếng chim tu hú là tiếng gọi tự do, tiếng chim giục giã lên đường chiến đấu, thúc giục niềm khao khát tự do, khát khao thoát khỏi chốn ngục tù và sâu xa hơn là khát khao đất nước được độc lập tự do đang cháy hừng hực trong lòng tác giả.  **\*) Đánh giá chung**  - Khẳng định lại nhận định  - “Khi con tu hú” sử dụng thể thơ lục bát dân tộc, với ngôn ngữ giản dị, giàu hình ảnh cảm xúc đã cho thấy tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống của người chiến sĩ trẻ và thể hiện khá khao tự do mãnh liệt của người tù cách mạng. Bài thơ là bức chân dung tự họa của người chiến sĩ cộng sản đẹp đẽ, sáng ngời tiêu biểu cho thể hệ trẻ VN thời chiến tranh.  **c. Kết bài**  - Khẳng định giá trị của bài thơ  - Liên hệ bản thân. |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**BUỔI 19**

Tiết 1

**Ôn tập tập làm văn (** *Tiếp)*

**I. Mục tiêu cần đạt**

1. Kiến thức

- Giúp HS hệ thống lại các kiến thức và kĩ năng phần tập làm văn đã học

2. Kĩ năng

- Biết cách viết bài văn thuyết minh

- Biết kết hợp miêu tả, biểu cảm trong tự sự

- Kết hợp tự sự, miêu tả, biểu cảm trong văn nghị luận

1.3. Thái độ

- Hs có ý thức học tập nghiêm túc

1.4. Năng lực cần phát triển

*\* Năng lực chung:*

- Năng lực phân tích

- Năng lực hợp tác

- Năng lực thuyết minh

- Năng lực giải quyết vấn đề

*\* Năng lực chuyên biệt:*

- Giao tiếp, phản hồi, lắng nghe tích cực, trình bày suy nghĩ

**2. Chuẩn bị**

2.1. Giáo viên: Giáo án, SGK, SGV, tài liệu

2.2. Học sinh: Bài soạn, chuẩn bị trước bài ở nhà

**3. Phương pháp**

- Phương pháp: phân tích cảm thụ văn học..

- Kĩ thuật dạy học: Động não, suy nghĩ

**II. Tiến trình dạy học**

1. Ổn định tổ chức

- Kiểm tra sĩ số:

2. Kiểm tra bài cũ:

- Kiểm tra phần chuẩn bị bài của học sinh

3. Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Hoạt động 1: Hướng dẫn HS lập dàn ý chi tiết cho đề văn nghị luận**  - GV gọi HS đọc đề bài số 3 trong SGK/128  ? Hãy nói “không” với các tệ nạn?  - HS đọc đề bài  - GV yêu cầu học sinh tìm hiểu đề bài:  ? Các em hiểu thế nào là tệ nạn xã hội? Kể tên một số tệ nạn xã hội?  - HS trả lời:  + Tệ nạn xã hội là những hành vi sai trái,không đúng với chuẩn mực xã hội,vi phạm đạo đức,pháp luật,gây ảnh hưởng nghiêm trọng.Tệ nạn xã hội là mối nguy hiểm,phá vỡ hệ thống xã hội văn minh,tiến bộ,lành mạnh.  + Các tệ xã hội thường gặp là: tệ nạn ma tuý,mại dâm, đua xe trái phép…  - GV: Vậy để viết được bài văn nghị luận nói “ không” với tệ nạn xã hội, chúng ta cần biết các tệ nạn xã hội gây ra hậu quả là gì, nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội đó và cách bài trừ chúng . Vậy cô và các em đi vào lập dàn bài chi tiết  - GV: mở bài chúng ta cần nêu khái quát vấn đề để dẫn dắt đưa vấn đề cần được nói đến vào bài.  - GV đưa ra ví dụ :  “Đất nước chúng ta đang trên con đường công nghiệp hoá,hiện đại hóa để tiến tới một xã hội công bằng dân chủ văn minh. Để làm được điều đó,chúng ta phải vượt qua các trở ngại, khó khăn. Một trong những trở ngại đó là các tệ nạn xã hội, một mối lo không của riêng ai.”  -Gọi HS đọc ví dụ  - GV gọi 1 vài HS làm phần mở bài  - Gọi HS khác nhận xét và GV nhận xét bài làm của HS  => Chuyển sang phần thân bài  - GV hỏi: em hiểu tệ nạn xã hội là gì ?  - HS trả lời: Tệ nạn xã hội là những hành vi sai trái,không đúng với chuẩn mực xã hội,vi phạm đạo đức,pháp luật,gây ảnh hưởng nghiêm trọng.Tệ nạn xã hội là mối nguy hiểm,phá vỡ hệ thống xã hội văn minh,tiến bộ,lành mạnh.  - GV : tệ nạn xã hội xuất hiện hầu hết ở các mặt của đời sống xã hội: văn hóa, kinh tế, xã hội. Vậy,các e hãy kể tên một số các tệ nạn xã hội mà e biết?  - HS nêu câu trả lời  + Về văn hóa đó là các tệ nạn như: bạo hành gia đình, bạo lực học đường, mê tín dị đoan,...  +  về kinh tế có các tệ nạn như: cờ bạc, lô đề, tham nhũng, cướp giật, cá độ, lừa đảo...  +  về xã hội là các tệ nạn: ma túy, mại dâm, xâm hại tình dục...  - GV chốt  - GV hỏi: bằng sự tìm hiểu trước ở nhà, e hãy nêu những nguyên nhân dẫn đến sự hình thành các tệ nạn xã hội?  - HS trả lời: Do nhận thức và trình độ học vấn của con người, nhận thức kém và thiếu hiểu biết, tình trạng thất nghiệp, nghèo đói tiềm ẩn nguy cơ nảy sinh các tệ nạn xã hội, lối sống thiếu lành mạnh, ăn chơi đua đòi, không có sự quan tâm giáo dục kịp thời của gia đình  - GV chốt  - GV hỏi: hậu quả của những tệ nạn xã hội đó là gì?  - HS suy nghĩ, trả lời  - GV lấy ví dụ và chốt  - GV hỏi: vậy để ngăn chặn những tệ nạn này tiếp tục phát triển trong xã hội, chúng ta cần làm gì?  - HS trả lời: tuyên truền về tác hại của các tệ nạn xã hội, kêu gọi mọi người cùng tránh xa các tệ nạn xã hội….  - GV chốt  - GV: các em trong quá trình viết bài hoàn chỉnh phải kết hợp thêm các yếu tố miêu tả, biểu cảm và tự sự vào trong bài viết để bài viết hoàn chỉnh hơn.  - Đưa ra bài văn tham khảo cho HS  - Gọi HS đọc  **\* Hoạt động 2: hướng dẫn HS tìm hiểu, lập dàn ý bài văn thuyết minh**  - GV cho đề bài: Em hãy thuyết minh về cây hoa đào ngày tết.  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề bài  ? Đối tượng cần được chứng minh trong đề là đối tượng nào?  - HS trả lời: cây hoa đào  => Chuyển sang hướng dẫn HS lập dàn ý chi tiết  - GV : phần mở bài chúng ta cần giới thiệu khái quát dẫn dắt đưa đối tượng cần thuyết minh vào bài  VD: “ Bàn về ngày lễ ở Việt Nam, không thể quên nhắc đến Tết. Nhắc đến Tết không thể quên nồi bánh chưng và cành mai, cành đào. Hình ảnh hoa đào, hoa mai đã trở thành linh hồn của ngày Tết. Nói đến mai là miền Nam rực rỡ sắc vàng, còn đào lại là sắc hồng thắm của miền Bắc. Hoa đào đã trở thành nét riêng của miền Bắc Việt Nam.”  - Gọi HS đọc ví dụ  - GV hỏi: bằng hiểu biết của em, hoa đào có đặc điểm như thế nào?  - HS trả lời: loài cây thân gỗ, nở hoa vào mùa xuân, hoa có màu hồng  - GV nhận xét, chốt  - GV hỏi: em hãy kể tên 1 số loại hoa đào mà em biết?  - HS trả lời: đào bích, đào phai, đào bạch..  - GV hỏi: vậy e hẫy nêu đặc điểm của từng loại?  - HS trả lời:  + Đào bích: Có hoa màu đỏ thẫm. Màu đỏ tượng trưng cho may mắn.  + Đào phai: Có màu hồng nhạt, sai quả, sai hoa, thường được trồng để lấy quả. Màu sắc trang nhã, kín đáo.  + Đào bạch: ít hoa, có màu trắng và tương đối khó trồng.  - GV hỏi: vậy hoa đào có ý nghĩa như thế nào?  -HS trả lời: là biểu tượng đặc trưng cho ngày tết của miền Bắc, đem lại sự may mắn, phúc lộc đầu năm.  - GV: ở phần kết bài, các em nêu lại đối tượng cần được thuyết minh, nêu tình cảm của bản thân dành cho đối tượng thuyết minh ( cây hoa đào)  - GV: các em trong quá trình viết bài hoàn chỉnh phải kết hợp thêm các yếu tố miêu tả, biểu cảm và tự sự vào trong bài viết để bài viết hoàn chỉnh hơn.  - GV đưa ra bài văn tham khảo cho HS  - Gọi HS đọc bài | **I. Văn nghị luận**  **1. Tìm hiểu đề bài văn nghị luận**  - Tệ nạn xã hội là những hành vi sai trái,không đúng với chuẩn mực xã hội,vi phạm đạo đức,pháp luật,gây ảnh hưởng nghiêm trọng.Tệ nạn xã hội là mối nguy hiểm,phá vỡ hệ thống xã hội văn minh,tiến bộ,lành mạnh.  - Các tệ xã hội thường gặp là: tệ nạn ma tuý,mại dâm, đua xe trái phép…  2. Lập dàn bài chi tiết  \* Mở bài:  - Nêu khái quát vấn đề để dẫn dắt vấn đề cần nói vào bài.  \*Thân bài:  - Giải thích các khái niệm:  + Tệ nạn xã hội là gì?  (Tệ nạn xã hội là những hành vi sai trái,không đúng với chuẩn mực xã hội,vi phạm đạo đức,pháp luật,gây ảnh hưởng nghiêm trọng.Tệ nạn xã hội là mối nguy hiểm,phá vỡ hệ thống xã hội văn minh,tiến bộ,lành mạnh.)  + Các tệ nạn xã hội:  > Về văn hóa đó là các tệ nạn như: bạo hành gia đình, bạo lực học đường, mê tín dị đoan,...  > về kinh tế có các tệ nạn như: cờ bạc, lô đề, tham nhũng, cướp giật, cá độ, lừa đảo...  >  về xã hội là các tệ nạn: ma túy, mại dâm, xâm hại tình dục...  - Nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội là gì?  Xuất phát từ nhiều góc độ khác nhau ( do nhận thức- trình độ, tình hình xã hội, lối sống)  + Do nhận thức và trình độ học vấn của con người, nhận thức kém và thiếu hiểu biết khiến con người dễ bị sa ngã, không phân biệt được đúng - sai, không ý thức được tác hại của các tệ nạn đối với bản thân, gia đình và xã hội  + Do xã hội còn nhiều bất cập, tình trạng thất nghiệp, nghèo đói tiềm ẩn nguy cơ nảy sinh các tệ nạn xã hội  + Do lối sống thiếu lành mạnh, ăn chơi đua đòi, không có sự quan tâm giáo dục kịp thời của gia đình nên khiến nhiều người bị lôi kéo vào con đường tệ nạn.  - Hậu quả:  + Các tệ nạn xã hội gây ra hậu quả nghiêm trọng không chỉ về sức khỏe, tinh thần đạo đức và nhân cách con người mà còn ảnh hưởng đến nền văn hóa xã hội, nền kinh tế và sự phát triển của đất nước.  + Các tệ nạn như nghiện hút, ma túy và mại dâm ảnh hưởng trực tiếp đến sức  khỏe con người, chúng là con đường ngắn nhất dẫn đến đại dịch thế kỉ HIV/AIDS; các tệ nạn như cờ bạc, mê tín, bạo lực khiến cho kinh tế gia đình suy sụp, phá hoại hạnh phúc gia đình gây mất trật tự an ninh xã hội.  + Những người mắc các tệ nạn xã hội trở thành những con người mất hết nhân cách, là thành phần ảnh hưởng xấu đến những người xung quanh  + Không kiểm soát và ngăn chặn các tệ nạn xã hội sẽ dẫn đến sự xuống cấp và suy đồi đạo đức xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của quốc gia, dân tộc.  - Cách ngăn chặn:  + thực hiện các biện pháp ngăn chặn tệ nạn xã hội như tuyên truyền giáo dục về các tệ nạn xã hội và tác hại của chúng, siết chặt hơn nữa sự quản lí của các cơ quan chức năng đảm bảo an toàn và an ninh xã hội, nâng cao tính pháp lí và quản lí chặt chẽ theo luật pháp  +  biết giúp đỡ người sa ngã vào tệ nạn biết quay đầu và làm lại, không nên xa lánh, miệt thị và ruồng bỏ. Gia đình và cộng đồng phải là nguồn động viên, dẫn dắt người tệ nạn đi sai đường trở về đúng đường.  \* Kết bài: rút ra kết luận, khẳng định lại vấn đề  3. Viết bài  **II. Văn thuyết minh**  1. Tìm hiểu đề bài văn thuyết minh  - Đối tượng cần thuyết minh: cây hoa đào  2. Lập dàn ý chi tiết  \* Mở bài: Giới thiệu khái quát dẫn dắt đưa đối tượng cần thuyết minh vào bài  - Giới thiệu chung về một loài hoa trong ngày tết cổ truyền của dân tộc (hoa đào)  – Xuất hiện vào mùa xuân , trong sự vui tươi, náo nức của ngày tết.  – Hoa đào là loài hoa đặc trưng cho Hà Nội, biểu tượng cho mùa xuân và sức sống của miền Bắc  \* Thân bài:  – Hoa đào là loài hoa đẹp, có sức sống mạnh mẽ, có ý nghĩa trong ngày tết cổ truyền của dân tộc- món ăn tinh thần không thể thiếu được của người Việt.  – Đặc điểm của hoa:  + Loài cây thân gỗ  + Nở vào mùa xuân  + Có màu đỏ, hồng hoặc trắng tùy loại  – Phân loại các loài hoa: đào bích , đào phai, đào bạch…  + Đào bích: Có hoa màu đỏ thẫm. Màu đỏ tượng trưng cho may mắn.  + Đào phai: Có màu hồng nhạt, sai quả, sai hoa, thường được trồng để lấy quả. Màu sắc trang nhã, kín đáo.  + Đào bạch: ít hoa, có màu trắng và tương đối khó trồng.  – Ý nghĩa tinh thần của loài hoa: Mọi người chuộng chơi đào ngày tết vì hoa đào đem lại sự may mắn, phúc lộc đầu năm.  – Biểu tượng đặc trưng cho ngày tết ở miền Bắc  – Tình cảm gắn bó với hoa đào…  \* Kết bài:  – Nhấn mạnh vẻ đẹp của hoa đào trong cuộc sống tinh thần của người Việt nói chung và bản thân nói riêng.  – Hoa đào là biểu hiện những đức tính, tâm hồn cao đẹp của con người Việt Nam; góp phần tô điểm sắc xuân thêm vui tươi và đầm ấm.  3. Viết bài |

**III. Củng cố - dặn dò**

**\* Hoạt động 4: Hướng dẫn học sinh củng cố**

? Sau bài học ngày hôm nay, các em đã học được những gì?

( - Cách lập dàn ý chi tiết cho bài văn nghị luận và thuyết minh

- cách viết bài hoàn chỉnh )

\* Hoạt động 5: dặn dò

- Ôn lại cách lập dàn ý chi tiết

- Cho HS một vài đề tham khảo về nhà làm.

+ Thuyết minh về áo dài Việt Nam

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 1:

**Luyện tập tổng hợp**

**I. Mục tiêu cần đạt**

1.1. Kiến thức

- Ôn tập kiến thức học kì II về phần:

+ Ngữ văn

+ Tiếng việt

+ Tập làm văn

1.2. Kĩ năng

- Kĩ năng bài học:

+ Học sinh làm được các bài tập liên quan đến kiến thức chung về ngữ văn, tiếng việt và tập làm văn của học kì II

1.3. Thái độ - phẩm chất

- Học sinh có thái độ ôn tập tốt, nhận diện và làm tốt bài kiểm tra học kì II

1.4. Năng lực cần phát triển

*\* Năng lực chung:*

- Năng lực phân tích

- Năng lực hợp tác

- Năng lực thuyết minh

- Năng lực giải quyết vấn đề

*\* Năng lực chuyên biệt:*

- Giao tiếp, phản hồi, lắng nghe tích cực, trao đổi kiến thức và bài tập khi ôn tập

**2. Chuẩn bị**

2.1. Giáo viên: Giáo án, SGK, SGV, hình ảnh, tài liệu về cầu Long Biên

2.2. Học sinh: Bài soạn, chuẩn bị trước bài ở nhà

**3. Phương pháp**

- Phương pháp: Đọc – hiểu văn bản, phân tích cảm thụ văn học..

- Kĩ thuật dạy học: Động não, suy nghĩ

**II. Tiến trình** dạy **học**

4.1. Ổn định tổ chức

- Kiểm tra sĩ số:

4.2. Kiểm tra bài cũ:

- Kiểm tra phần bị bài của học sinh

4.3. Bài mới:

**GV** cho học sinh làm đề thi minh hoạ sau

**Câu 1**: (2 điểm)

1. Cho câu thơ sau:

*“Ta nghe hè dậy bên lòng”*

1. Hãy chép tiếp các câu thơ còn lại để hoàn thành khổ thơ?
2. Khổ thơ vừa chép trích trong tác phẩm nào? Tác giả nào?

2. Trong văn bản *Nước Đại Việt ta* (Sách Ngữ văn 8 tập hai - NXB Giáo dục), Nguyễn Trãi khẳng định:

*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,*

*Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.*

Trình bày suy nghĩ của em về hai câu thơ trên?

**Câu 2**: (3 điểm)

1. Câu cầu khiến là gì? Cho ví dụ.

2. Xác định các kiểu câu và các hành động nói trong đoạn văn sau:

*“Với vẻ mặt băn khoăn, cái Tí lại bưng bát khoai chìa tận mặt mẹ (1):*

*- Này, u ăn đi! (2)”*

(Trích “Tắt đèn” - Ngô Tất Tố)

3. Nêu tác dụng trật tự từ của câu sau

*Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi.*

**Câu 3: (5 điểm)** Vẻ đẹp của bức tranh làng chài trong bài thơ “Quê hương” của Tế Hanh? Từ đó, liên hệ tình cảm của bản thân với quê hương?

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV**: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu và làm đề thi minh hoạ  **-** GV đưa ra một đề thi tham khảo  - Gọi HS đọc đề bài  - GV hướng dẫn HS làm bài: đưa ra các câu hỏi liên quan, dẫn dắt HS đưa ra đán áp đúng nhất.  **Câu 1**  - GV hỏi: Câu thơ trên được trích ra từ bài thơ nào? Yêu cầu học sinh đọc tiếp các câu thơ tiếp theo?  - Học sinh trả lời: Câu thơ trên thuộc bài thơ “*Khi con tu hú”*của Tố Hữu. Đọc thuộc các câu thơ còn lại  ? Qua hai câu thơ  *“Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,*  *Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.”*  Nguyễn Trãi đề đến nội dung gì?  - Cốt lõi nhân nghĩa trong 2 câu thơ trên là *yên dân, trừ bạo*. Muốn yên dân thì phải trừ bạo và trừ bạo chính là để yên dân.  ? Vậy người dân mà tác giả nhắc đến là ai? Và kẻ bạo ngược ở đây là ai?  - Người dân là con dân Đại Việt  - Kẻ bạo ngược là quân Minh  ? Tư tưởng Nhân Nghĩa được Nguyễn Trãi dùng ở nghĩa gì?  - Nhân nghĩa là yêu thương dân, lấy dân làm gốc  ? Nhân nghĩa là phạm trù khái niệm trong Nho giáo, Đạo giáo hay Phật giáo?  - Là khái niệm của Nho giáo.  ? Theo em tư tưởng này của Nguyễn Trãi có ý nghĩa gì?  - Tư tưởng tiến bộ so với thời đại, mang lại lợi ích cho nhân dân  **Câu 2**  ? Yêu cầu học sinh nhắc lại định nghĩa câu cầu khiến và cho ví dụ  - Câu cầu khiến là câu có những từ cầu khiến như: hãy, đừng, chớ, thôi, nào, … hay ngữ điệu cầu khiến  - HS tự cho ví dụ  ? *“Với vẻ mặt băn khoăn, cái Tí lại bưng bát khoai chìa tận mặt mẹ (1)* là kiểu câu gì? Hành động gì?  - Kiểu câu trần thuật – hành động trình bày  ? “*Này, u ăn đi”* thuộc kiểu câu gì? Hành động gì?  - Câu cầu khiến - hành động điều khiển  ? Trật tự từ trong câu “ *Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi”* có tác dụng gì?  - Tạo nhịp điệu mềm mại, uyển chuyển cho câu nói  **Câu 3**  Mở bài  - GV yêu cầu học sinh giới thiệu khái quát về tác giả Tế Hanh và bài thơ Quê Hương. Nêu ra được yêu cầu của đề bài là vẻ đẹp của bức tranh làng chài  Thân bài  - Không phải là làng quê của vùng đồng bằng Bắc Bộ, cũng không phải là vùng sông nước Nam Bộ mà vẻ đẹp của làng quê được Tế Hanh miêu tả là làng chài ven biển Trung Bộ, đây cũng chính là quê hương của tác giả.  ? Em hãy cho biết vẻ đẹp ấy được thể hiện qua những chi tiết nào?  - Vẻ đẹp của làng chài được thể hiện qua cuộc sống và con người làng chài, qua cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về, qua cảnh con thuyền nằm nghỉ, qua nỗi nhớ quê của tác giả.  ? Vẻ đẹp tươi sáng, khoẻ khắn của cuộc sống và con người làng chài được thể hiện qua các câu thơ nào?  - Thể hiện ở câu thơ thứ 3 đến câu thứ 8  ? Bức tranh ấy được hiện lên trong khung cảnh nào?  - Trong khung cảnh thiên nhiên trong sáng, thơ mộng của buổi bình minh.  ? Khí thế lao động diễn ra thế nào?  - Khí thế lao động hăng hái được gợi tả qua hình ảnh những chàng trai khoẻ khoắn và hình ảnh những con thuyền băng băng lướt sóng.  ? Hình ảnh cánh buồm mang nét độc đáo gì?  - Hình ảnh cánh buồm là một so sánh độc đáo gợi ra linh hồn của làng chài với bao nhiêu nỗi niềm của người dânh chài.  ? Vẻ đẹp của bức tranh làng chài còn được thể hiện qua cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về, vậy kết quả của ngày làm việc đó ra sao?  - Chuyến đi bình an, cá đầy ghe  ? Cảnh người dân được miêu tả ra sao?  - Ồn ào, tấp nập  ? Cách miêu tả của tác giả về cuộc sống nhộn nhịp trên bến đỗ thể hiện điều gì?  - Thể hiện khát vọng ấm no hạnh phúc của người dân chài.  - Hình ảnh dân trai tráng và con thuyền mang vẻ đẹp vừa thực vừa lãng mạn, đậm chất thơ.  - Vẻ đẹp của bức tranh còn được thể hiện qua nỗi nhớ quê hương của tác giả, nỗi niềm của người con xa quê  GV: Em hãy nêu cảm nhận của bản thân về vẻ đẹp quê hương mình?  - HS phát biểu ý kiến cá nhân  Kết bài  Khái quát lại vẻ đẹp của làng chài qua bài thơ Quê Hương. Liên hệ với bản thân thể hiện tình yêu quê hương đất nước. Trân trọng những nét đẹp riêng của từng vùng quê Việt Nam.  - Học sinh viết bài, đọc bài trước lớp  - GV nhận xét, sửa lỗi cho học sinh | **Câu 1**:  Ý 1:  a. Chép đúng các câu thơ tiếp  *Ta nghe hè dậy bên lòng*  *Mà chân muốn đạp tan phòng hè ôi!*  *Ngột làm sao, chết uất thôi*  *Khi con tu hú ngoài trời cứ kêu!*  b. Khổ thơ vừa chép nằm trong tác phẩm “Khi con tú hú” (sáng tác 7/ 1939 khi Tố Hữu bị bắt giam trong nhà lao Thừa Phủ - Huế)  Ý 2:  Hai câu thơ trên cho thấy nội dung Nguyễn Trãi đề cập đến là:  **-** Cốt lõi nhân nghĩa trong 2 câu thơ trên là *yên dân, trừ bạo*. Muốn yên dân thì phải trừ bạo và trừ bạo chính là để yên dân.  - Người dân mà tác giả nói là: Người dân Đại Việt  - Kẻ bạo ngược là quân Minh.  - Tư tưởng “*nhân nghĩa*” được tác giả dùng với nghĩa yêu thương dân, lấy dân làm gốc.  - Nhân nghĩa vốn là một khái niệm đạo đức của Nho giáo, nói về đạo lí, về cách ứng xử, tình thương giữa con người với nhau.  - Nguyễn Trãi đã tiếp thu tư tưởng nhân nghĩa của Nho giáo theo hướng lấy lợi ích của nhân dân, lợi ích của dân tộc làm gốc - đó là một tư tưởng rất tiến bộ so với đương thời.  **Câu 2**:  Ý 1:  - Câu cầu khiến là câu có những từ cầu khiến như: hãy, đừng, chớ, thôi, nào, … hay ngữ điệu cầu khiến  - VD: Em hãy cố gắng học tốt hơn.  Ý 2:  - Câu (1): Câu trần thuật - Hành động trình bày  - Câu (2): Câu cầu khiến - Hành động điều khiển  Ý 3:  Tác dụng trật tự từ của câu.  *Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi.*  -> Tạo nhịp điệu mềm mại, uyển chuyển cho câu nói  **Câu 3**  **Mở bài**  - Giới thiệu về bài thơ Quê hương của Tế Hanh  - Nêu vấn đề: Vẻ đẹp của bức tranh làng chài trong bài thơ “Quê hương” của Tế Hanh  **Thân bài**  \* Đó là vẻ đẹp của chính làng quê tác giả, một làng chài ven biển Trung Bộ (Phân tích hai câu thơ đầu)  \* Đó là vẻ đẹp tươi sáng, khoẻ khoắn của cuộc sống và con người làng chài khi đoàn thuyền ra khơi đánh cá:  6 câu tiếp theo  - Bức tranh ấy hiện lên trong khung cảnh thiên nhiên trong sáng, thơ mộng của buổi bình minh.  - Khí thế lao động hăng hái được gợi tả qua hình ảnh những chàng trai khoẻ khoắn và hình ảnh những con thuyền băng băng lướt sóng.  - Hình ảnh cánh buồm là một so sánh độc đáo gợi ra linh hồn của làng chài với bao nhiêu nỗi niềm của người dânh chài.  \* Vẻ đẹp của bức tranh làng chài trong cảnh thuyền cá trở về bến: (4 câu tiếp theo)  - Cảnh ồn ào tấp nập trên bến đỗ là một bức tranh sinh hoạt lao động ở làng chài được miêu tả hết sức sinh động, chan hoà niềm vui sướng trước thành quả lao động và thể hiện khát vọng ấm no hạnh phúc của người dân chài.  - Hình ảnh những chàng trai và những con thuyền sau chuyến ra khơi tạo nên một vẻ đẹp vừa thực vừa lãng mạn.  \* Đó là bức tranh làng quê thật tươi, sinh động và giàu sức sống, ấp áp tình người.  \* Vẻ đẹp bức tranh làng chài qua nỗi nhớ quê hương (4 câu cuối)  Trong bức tranh ấy là nỗi niềm của một người con xa quê nhớ quê da diết. Nỗi nhớ quê hương của Tế Hanh thấm đượm về những bức tranh về làng chài...  **Kết bài**  - Bức tranh quê trong bài thơ thể hiện tình cảm trong sáng, thiết tha của Tế Hanh với “Quê hương”.  - Bài thơ viết về làng quê riêng của chính tác giả nhưng mang theo nét đẹp của cuộc sống và con người ở mọi làng chài Việt Nam. |
| **GV** giao bài tập về nhà  Nêu điểm giống và khác nhau trong tinh thần yêu nước được thể hiện qua 3 văn bản : Chiếu dời đô – Hịch tướng sĩ – Nước Đại Việt ta?  **HS** về nhà tìm hiều làm bài tập vào vở | + giống: đều được viết bởi 3 nhân vật lịch sử, ra đời gắn liền với những sự kiện trọng đại trong lịch sử dựng nước giữ nước và đều thắm đượm tinh thần yêu nước nồng nàn. Đều thể hiện ý thức về chủ quyền dân tộc và đều khẳng địng nền độc lập dân tộc.  + khác:  - Chiếu dời đô của Lí Công Uẩn nổi bật lên khát vọng xây dựng đát nước bề vững và ý chí tự cường của dân tộc đang rên đà lớn mạnh.  - Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn là lòng căm thù sôi sục và tinh thần quyết chiến quyết thắng lũ giặc xâm lược  - Nước Đại Việt ta ( trích Bình Ngô đại cáo) của Nguyễn Trãi là sự khẳng địng mạnh mẽ nền độc lập trên cơ sở ý thức dân tộc đặc biệt sâu sắc, đồng thời thể hiện niềm tự hào cao độ về sức mạnh chính nghĩa cùng truyền thống lịch sử, văn hóa vẻ vang của dân tộc. |

**4, Củng cố, dặn dò**

- Học và ôn lại phần kiến thức đã học

- Thống kê lại những kiến thức đã học để làm một số bài tập ở tiết sau

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 3

**LUYỆN TẬP TỔNG HỢP** ( Tiếp)

**I. Mục tiêu cần đạt**

1.1. Kiến thức

- Ôn tập kiến thức học kì II về phần:

+ Ngữ văn

+ Tiếng việt

+ Tập làm văn

1.2. Kĩ năng

- Kĩ năng bài học:

+ Học sinh làm được các bài tập liên quan đến kiến thức chung về ngữ văn, tiếng việt và tập làm văn của học kì II

1.3. Thái độ

- Học sinh có thái độ ôn tập tốt, nhận diện và làm tốt bài kiểm tra học kì II

1.4. Năng lực cần phát triển

*\* Năng lực chung:*

- Năng lực phân tích

- Năng lực hợp tác

- Năng lực thuyết minh

- Năng lực giải quyết vấn đề

*\* Năng lực chuyên biệt:*

- Giao tiếp, phản hồi, lắng nghe tích cực, trình bày suy nghĩ

**2. Chuẩn bị**

2.1. Giáo viên: Giáo án, SGK, SGV, tài liệu

2.2. Học sinh: Bài soạn, chuẩn bị trước bài ở nhà

**3. Phương pháp**

- Phương pháp: Đọc – hiểu văn bản, phân tích cảm thụ văn học..

- Kĩ thuật dạy học: Động não, suy nghĩ

**4. Tiến trình dạy học**

4.1. Ổn định tổ chức

- Kiểm tra sĩ số:

4.2. Kiểm tra bài cũ:

- Kiểm tra phần chuẩn bị bài của học sinh

4.3. Bài mới:

Đề thi tham khảo:

**PHẦN I: Đọc - hiểu văn bản (6 điểm)**  
Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:  
“Xưa nay, thủ đô luôn là trung tâm về văn hóa, chính trị của một đất nước. Nhìn vào thủ đô là nhìn vào sự suy thịnh của một dân tộc. Thủ đô có ý nghĩa rất lớn. Việc dời đô, lập đô là một vấn đề trọng đại quyết định phần nào với tới sự phát triển tương lai của đất nước. Muốn chọn vùng đất để định đô, việc đầu tiên là phải tìm một nơi “trung tâm của trời đất”, một nơi có thế “rồng cuộn hổ ngồi”.Nhà vua rất tâm đắc và hào hứng nói tới cái nơi “đã đúng ngôi nam bắc đông tây, lại tiện hướng nhìn sông dựa núi”. Nơi đây không phải là miền Hoa Lư chật hẹp, núi non bao bọc lởm chởm mà là “địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng”. Thật cảm động một vị vua anh minh khai mở một triều đại chói lọi trong lịch sử Đại Việt đã rất quan tâm tới nhân dân. Tìm chốn lập đô cũng vì dân, mong cho dân được hạnh phúc: “Dân khỏi chịu cảnh ngập lụt”. Nơi đây dân sẽ được hưởng no ấm thái bình vì“muôn vật cũng rất mực tốt tươi...”. Nhà vua đánh giá kinh đô mới “Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chốn hội tụ trọng yếu của bốn phương đất nước, cũng là nơi kinh đô bậc nhất của của đế vương muôn đời”.Chính vì thế nhà vua mới bày tỏ ý muốn:“Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở. Các khanh nghĩ thế nào?”.   
Câu 1: (1 điểm) Đoạn trích trên gợi em nhớ đến văn bản nào đã học trong chương trình Ngữ văn 8, tập II? Cho biết tác giả và thời điểm ra đời của tác phẩm đó?  
Câu 2: (1 điểm) Tác phẩm được đề cập đến trong đoạn trích trên ra đời có ý nghĩa như thế nào đối với dân tộc Đại Việt lúc bấy giờ?  
Câu 3: (2 điểm)  
a.Xác định kiểu câu của hai câu sau:

(1)“Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở.

(2) Các khanh nghĩ thế nào?”.  
b. Hãy cho biết mỗi câu văn trên thực hiện hành động nói nào?  
Câu 4: (2 điểm) Viết đoạn văn (khoảng 10 dòng) trình bày cảm nghĩ của em về tác giả, người được nhận định là “một vị vua anh minh khai mở một triều đại chói lọi trong lịch sử Đại Việt đã rất quan tâm tới nhân dân”.  
**PHẦN II: Tạo lập văn bản (4 điểm)** Lịch sử hơn mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam luôn gắn liền với tên tuổi của những người anh hùng dân tộc vĩ đại như Lí Công Uẩn, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi, Quang Trung, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp... Những người anh hùng ấy đã làm nên những chiến thắng vẻ vang, mở ra những trang sử vàng cho đất nước. Tự hào về những trang sử vẻ vang ấy, tiếp nối truyền thống yêu nước của dân tộc, tuổi trẻ hôm nay sẽ làm gì để xứng đáng với tiền nhân?  
Hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của bản thân về chủ đề “Tuổi trẻ và tương lai đất nước”.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu và làm đề thi tham khảo**  **-** GV đưa ra một đề thi tham khảo  - Gọi HS đọc đề bài  - GV hướng dẫn HS làm bài: đưa ra các câu hỏi liên quan, dẫn dắt HS đưa ra đán áp đúng nhất.  - GV hỏi:  ? Đây là đoạn văn được viết theo thể văn gì?  - HS trả lời: văn nghị luận  ? Vậy trong số các văn bản nghị luận đã học trong chương trình ngữ văn lớ 8 học kì II, thì các e thấy đoạn văn trên thuộc văn bản nào? Tác giả là ai?  - HS trả lời: thuộc văn bản Chiếu dời đô của Lí Công Uẩn  ? Vậy, em hãy cho biết thời điểm sáng tác của văn bản trên?  - HS trả lời: Năm Canh Tuất niên hiệu Thuận Thiên thứ nhất (1010)  - GV nhận xét, đưa ra đáp án và điểm từng câu trả lời.  ? Vậy, bằng kiến thức đã được học, e hãy cho biết văn bản Chiếu dời đô có ý nghĩa gì?  - HS trả lời:  + Phản ánh khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập, thống nhất  + Phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh.  - GV nhận xét, đưa ra đáp án và điểm từng câu trả lời.  - GV: ở câu (1) “Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở.”: các em cho cô biết, mục đích của câu là gì? Từ đó các em nhận thấy câu (1) thuộc loại câu gì?  - HS trả lời: câu (1) có mục đích để trình bày về việc muốn chọn đất để định chỗ ở của vua => câu trần thuật  - GV nhận xét, chốt  - GV: tương tự như câu (1), nêu mục đích của câu (2)?  - HS trả lời: câu vua dùng để hỏi các đại thần => câu nghi vấn  - GV chốt  ? Vậy hành động nói của mỗi câu là gì?  - HS trả lời:  (1) hành động trình bày  (2) hành động hỏi  - GV nhận xét, đưa ra đáp án và điểm từng câu trả lời.  - GV: xác định yêu cầu của bài? Đoạn văn theo yêu cầu của bài thuộc văn gì?  - HS trả lời: yêu cầu của bài:  + Viết đoạn văn (khoảng 10 dòng)  +Trình bày cảm nghĩ của em về tác giả, người được nhận định là “một vị vua anh minh khai mở một triều đại chói lọi trong lịch sử Đại Việt đã rất quan tâm tới nhân dân”  => đoạn văn nghị luận  - GV nhận xét  - GV:bằng kiến thức đã được học về văn bản Chiếu dời đô cũng như sự tìm hiểu về tác giả Lí Công Uẩn, các e hãy nêu một số ý về tác giả ?  - HS trả lời:  + Là người thông minh, nhân ái, có chí lớn và lập được nhiều chiến công…  + Một vị vua anh minh, sáng suốt, có tầm nhìn xa rộng…  +Một người yêu nước thương dân, có tinh thần dân chủ …  - GV nhận xét, đưa ra thêm một vài ý khác và cho học sinh viết bài, sau đó gọi 1 số lên đọc bài viết của mình  - GV yêu cầu học sinh xác định: đây là đề văn thuộc loại văn gì? Yêu cầu chính là gì?  - HS trả lời:  + Đây là đề văn nghị luận  + Yêu cầu chính là: nghị luận về vấn đề tuổi trẻ và tương lai đát nước.  - GV hướng dẫn HS lập dàn ý chi tiết:  - GV: phần mở bài cần giới thiệu khái quát, đặt vấn đề dẫn dắt vấn đề cần nói vào bài.  VD: Có thể dẫn dắt lời thư của Bác Hồ: “Non sông Việt Nam công học tập của các em”hoặc một số câu khác có nội dung tương tự.  => Chuyển sang thân bài:  - GV: theo em thế nào là tuổi trẻ?  - HS trả lời:  + Là lứa tuổi thanh niên, thiếu niên.  + Là lứa tuổi được học hành, được trang bị kiến thức và rèn luyện đạo đức, sức khỏe, chuẩn bị cho việc vào đời và làm chủ xã hội tương lai.  + Là những người chủ tương lai của đất nước, là chủ của thế giới, động lực giúp cho xã hội phát triển.  - GV: vậy theo em tại sao thế hệ trẻ lại ảnh hưởng đến tương lai của đát nước?  - HS trả lời:  + Là thế hệ tiếp tục bảo vệ, xây dựng đất nước  + Được học tập, được rèn luyện, đưa ra những ý kiến sáng tạo mới cho đất nước và toàn thế giới.  + Một thế hệ trẻ giỏi giang, có đạo đức hôm nay hứa hẹn có một lớp công dân tốt trong tương lai gần  - GV: theo như các em thấy, việc học rất cần thiết cho sự phát triển cho thế hệ trẻ sau này, vậy e hãy nêu một số gương tiêu biểu cho việc học đã cống hiến quan trọng được cho đát nước như thế nào?  - HS trả lời: Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng. Các nhà khoa học xã hội có nhiều đóng góp cho đất nước trong mọi lĩnh vực như nhà bác học Lương Định Của, tiến sĩ Tạ Quang Bửu, anh hùng lao động Trần Đại Nghĩa.  - GV nhận xét  - GV: trong giáo dục chúng ta đã lấy ra những nhân vật tiêu bểu cho sự xây dựng đất nước, vậy trong chiết tranh và cả thời bình thì sao, các em hãy nêu cho co một vài ví dụ?  - HS trả lời:  - GV chốt đáp án  - GV: vậy chúng ta cần làm những gì để phát huy hết được vai trò của những người trẻ trong tương lai?  - HS trả lời:  + Đảng và nhà nước cần có những chính sách ưu tiên hơn nữa cho việc đào tạo thế hệ trẻ.  + Nhà trường phải đẩy mạnh công tác giáo dục thế hệ trẻ về tài, đức.  + Mỗi người trẻ cần ý thức được trách nhiệm của bản thân đối với sự phát triển của đất nước, phải chăm chỉ học hành, rèn luyện đạo đức.  - GV nhận xét, kết luận  => Chuyển sang phần kết bài  - GV: phần kết bài chúng ta cần khẳng định lại vai trò của tuổi trẻ trong tươi lai, liên hệ bản thân và rút ra bài học  - GV đưa ra bài viết tham khảo cho HS  - Gọi HS đọc bài | **I. Đề 1**  I. Đọc – hiểu văn bản: (6.0đ)  Câu 1:(1.0 điểm)  - Tác phẩm: Chiếu dời đô (0.25đ)  Tác giả: Lí Công Uẩn (0,25đ) - Thời điểm ra đời: Năm Canh Tuất niên hiệu Thuận Thiên thứ nhất (1010) (0.5đ)  Câu 2:(1.0 điểm) - Tác phẩm Chiếu dời đô ra đời có ý nghĩa:  + Phản ánh khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập, thống nhất (0.5đ) + Đồng thời phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh. (0.5đ)  Câu 3:(1.0 điểm)  Xác định kiểu câu của các câu sau: (1) “Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở.”  + Câu trần thuật (0.25đ)  + Hành động trình bày (nêu ý kiến) (0.25đ)  (2) “ Các khanh nghĩ thế nào?”  + Câu nghi vấn (0.25đ)  + Hành động hỏi (0.25đ)  Câu 4: (2.0đ)  (Học sinh có thể sử dụng nhiều phương thức biểu đạt: nghị luận- biểu cảm để  cảm nhận được về những đặc điểm nổi bật của tác giả - nhà vua Lí Công Uẩn)  - Một số ý tham khảo:  + Là người thông minh, nhân ái, có chí lớn và lập được nhiều chiến công…  + Ông đã lập nên một triều đại nhà Lí lẫy lừng và dưới sự trị vì của nhà vua Lí Công Uẩn đã đưa đất nước ta phát triển mạnh mẽ, khai mở một triều đại chói lọi trong lịch sử Đại Việt.  + Một vị vua anh minh, sáng suốt, có tầm nhìn xa rộng…  +Một người yêu nước thương dân, có tinh thần dân chủ …  ( 4 ý - mỗi ý 0.5đ)  II. Tạo lập văn bản (4.0đ)  1. Yêu cầu chung;  - Xác định đúng kiểu bài văn nghị luận, bố cục rõ ràng, cân đối  - Xác định đúng đề tài nghị luận: Tuổi trẻ và tương lai đất nước  - Trình bày sạch sẽ, đúng và đầy đủ bố cục 3 phần, không sai chính tả  2. Yêu cầu cụ thể:  \* Mở bài:  - Dẫn dắt, nêu vai trò của tuổi trẻ đối với tương lai của đất nước.  - Có thể dẫn dắt lời thư của Bác Hồ: “Non sông Việt Nam công học tập của các em”hoặc một số câu khác có nội dung tương tự. (0,5 đ)  \* Thân bài:  - Giải thích thế nào là tuổi trẻ?  + Tuổi trẻ là lứa tuổi thanh niên, thiếu niên. Là lứa tuổi được học hành, được trang bị kiến thức và rèn luyện đạo đức, sức khỏe, chuẩn bị cho việc vào đời và làm chủ xã hội tương lai.  + Tuổi trẻ là những người chủ tương lai của đất nước, là chủ của thế giới, động lực giúp cho xã hội phát triển. Một trong những việc làm quan trọng nhất của tuổi trẻ chính là nhiệm vụ học tập.  - Vì sao thế hệ trẻ lại ảnh hưởng đến tương lai đất nước?  + Thanh niên học sinh hôm nay sẽ là thế hệ tiếp tục bảo vệ, xây dựng đất nước sau này.  + Vốn tri thức được học và nền tảng đạo đức được nhà trường giáo dục là quan trọng, cơ bản để tiếp tục học cao, học rộng, đem ra thực hành trong cuộc sống khi trưởng thành.  + Một thế hệ trẻ giỏi giang, có đạo đức hôm nay hứa hẹn có một lớp công dân tốt trong tương lai gần. Do đó, việc học hôm nay là rất cần thiết.  + Thế giới không ngừng phát triển, muốn “sánh vai các cường quốc” thì đất nước phải phát triển về khoa học kĩ thuật, văn minh – điều đó do con người quyết định mà nguồn gốc sâu xa là từ việc học tập, tu dưỡng thời trẻ.  - Thực tế đã chứng minh, việc học tập của tuổi trẻ tác động lớn đến tương lai đất nước:    Những người có sự chăm chỉ học tập, rèn luyện khi còn trẻ thì sau này đều có những cống hiến quan trọng cho đất nước:  + Ngày xưa: Những người tài như Lí Công Uẩn, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi từ thời trẻ đã chăm chỉ luyện rèn  trưởng thành lập những chiến công làm rạng danh đất nước.  + Ngày nay: Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng. Các nhà khoa học xã hội có nhiều đóng góp cho đất nước trong mọi lĩnh vực như nhà bác học Lương Định Của, tiến sĩ Tạ Quang Bửu, anh hùng lao động Trần Đại Nghĩa.  Từ xưa đến nay, thế hệ trẻ luôn là lực lượng tiên phong, xông pha vào những nơi gian khổ mà không ngại gian khó, hy sinh.  + Trong chiến tranh: (Dẫn chứng cụ thể)  + Trong thời bình: (Dẫn chứng cụ thể)  Các thế hệ học sinh, sinh viên ngày nay cũng đang ra sức luyện tài, đã gặt hái được những thành công trong học tập, nghiên cứu khoa học đó sẽ là tiền đề quan trọng để đưa đất nước phát triển hơn trong tương lai.  - Làm thế nào để phát huy được vai trò của tuổi trẻ?  + Đảng và nhà nước cần có những chính sách ưu tiên hơn nữa cho việc đào tạo thế hệ trẻ.  + Nhà trường phải đẩy mạnh công tác giáo dục thế hệ trẻ về tài, đức.  + Mỗi người trẻ cần ý thức được trách nhiệm của bản thân đối với sự phát triển của đất nước, phải chăm chỉ học hành, rèn luyện đạo đức.  \* Kết bài:  - Khẳng định tầm quan trọng của việc học tập, rèn luyện của thế hệ trẻ đối với tương lai của đất nước.  - Liên hệ bản thân, rút ra bài học. |

**III. Củng cố - dặn dò**

**\* Hoạt động 4: Hướng dẫn học sinh củng cố**

? Sau bài học ngày hôm nay, các em đã học được những gì?

( - Biết cách vận dụng kiến thức vào làm các bài tập

- Biết cách xây dựng dàn bài chi tiế và phân bổ thời gian làm bài cho hợp lí)

5. Hướng dẫn học tập ( Hướng dẫn tự học và nghiên cứu ở nhà)

- Ôn lại tất cả các kiến thức đã được học để chuẩn bị làm bài thi học kì II

- Cho HS đề tham khảo về nhà luyện tập

I. ĐỌC - HIỂU(3,0 điểm):  
Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:  
“ Huống gì thành Đại La, kinh đô cũ của Cao Vương: Ở vào nơi trung tâm trời đất; được cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đúng ngôi nam bắc đông tây; lại tiện hướng nhìn sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng phẳng; đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt; muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi. Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chốn hội tụ trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời. Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở. Các khanh nghĩ thế nào? ”  
(SGK Ngữ văn 8, NXB Giáo dục Việt Nam, tập 2, trang 149)  
Câu 1 (1,5 điểm) Đoạn văn trên trích từvăn bản nào? Tác giả là ai? Văn bản đó được viết theo thể loại nào?  
Câu 2(0,5 điểm) Giải thích nghĩa của các từ: thắng địa, trọng yếu  
Câu 3(1,0 điểm)Xác định kiểu câu phân loại theo mục nói của hai câu văn: “Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở. Các khanh nghĩ thế nào? ”  
II. LÀM VĂN (7,0 điểm):  
Câu 1(2,0 điểm) Trong lớp em có một số bạn chưa chăm chỉ học tập. Em hãy viết một đoạn văn nghị luận để khuyên các bạn học tập chăm chỉ hơn để sau này có được niềm vui trong cuộc sống.  
Câu 2 (5,0 điểm)Văn bản “Nước Đại Việt ta” của Nguyễn Trãi là áng văn tràn đầy lòng tự hào dân tộc. Hãy viết bài giới thiệu về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm và làm sáng tỏ nhận định trên.

**Ngày soạn: Ngày dạy:**

**BUỔI 20 / KÌ II:**

**LUYỆN TẬP TỔNG HỢP**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

**1. Về kiến thức:** Hệ thống các kiến thức đã học về văn bản, Tiếng Việt và Tập làm văn ở học kì II.

**2. Về kĩ năng:** Vận dụng thuần thục kiến thức đã học ở học kì II để hoàn thành tốt các bài tập được giao.

**3. Về thái độ:** Học tập nghiêm túc.

**4. Các năng lực cần phát triển:**

- Năng lực tự học: Tự xác định nhiệm vụ học tập một cách tự giác, tích học.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Xác định được các thông tin liên quan đến nội dung bài học và giải quyết được các yêu cầu đặt ra.

- Năng lực sáng tạo, trình bày được nội dung liên quan đến bài học.

**II. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:**

**TIẾT 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: HS làm nhóm (4 nhóm)  - 4 nhóm HS thực hiện:  + Nhóm 1,2 điền bảng **a** (mỗi nhóm 3 văn bản thơ)  + Nhóm 3: điền bảng **b.**  + Nhóm 4: điền bảng **c**.  **Bài tập 1: Hoàn thành bảng hệ thống kiến thức sau:**  **a)** Điền bảng nội dung khái quát các văn bản thơ đã học theo mẫu.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Stt | Văn bản | Tác giả | Thể loại | Nội dung | | 1 |  |  |  |  | | … |  |  |  |  |   **b)** Điền bảng khái quát các văn bản nghị luận trung đại.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Stt | Văn bản | Tác giả | Thể loại | Nội dung | | 1 |  |  |  |  | | … |  |  |  |  |   **c)** Điền bảng khái quát kiến thức về các kiểu câu chia theo mục đích giao tiếp đã học.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Stt | Kiểu câu | Đặc điểm hình thức | Chức năng | Ví dụ | | 1 |  |  |  |  | | … |  |  |  |  | | | - GV chốt kiến thức |
| **Bảng a: Hệ thống kiến thức các văn bản thơ đã học.**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Văn bản** | **Tác giả** | **Thể loại** | **Nội dung** | | 1. | **Nhớ rừng** | Thế Lữ | Thơ mới tám chữ | Mượn lời con hổ bị nhốt ở vườn bách thú để diễn tả sâu sắc nỗi chán ghét thực tại tầm thường, tù túng và niềm khao khát tự do mãnh liệt bằng những vần thơ tràn đầy cảm hứng lãng mạn. Bài thơ đã khơi gợi niềm yêu nước thầm kín của người dân mất nước thuở ấy. | | 2. | **Quê hương** | Tế Hanh | Thơ mới tám chữ | Với những vần thơ bình dị mà gợi cảm, bài thơ **Quê hương** của Tế Hanh đã vẽ ra một bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển, trong đó nổi bật lên hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của người dân chài và sinh hoạt lao động làng chài. Bài thơ cho thấy tình cảm quê hương trong sáng, tha thiết của nhà thơ. | | 3. | **Khi con tu hú** | Tố Hữu | Thơ lục bát | Là bài thơ lục bát giản dị ,thiết tha, thể hiện sâusắc lòng yêu cuộc sống và niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đày. | | 4. | **Tức cảnh Pác Bó** | Hồ Chí Minh | Thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật | Là bài thơ tứ tuyệt bình dị pha giọng vui đùa cho thấy tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác hồ trong cuộc sống cách mạng đầy khó khăn gian khổ ở Pác Bó. Vời Người, làm cách mạng và sống hòa hợp với thiên nhiên là một niềm vui lớn. | | 5. | **Ngắm trăng** | Là bài thơ tứ tuyệt giản dị mà hàm súc, cho thấy tình yêu thiên nhiên đến say mê và phog thái ung dung của Bác Hồ ngay cả trong cảnh ngục tù cực khổ tối tăm.. | | 6. | **Đi đường** | Là bài thơ tứ tuyệt giản dị mà hàm súc, mang ý nghĩa tư tưởng sâu sắc; từ việc đi đường núi gợi ra chân lí đường đời: vượt qua gin lao chồng chất sẽ tới thắng lợi vẻ vang. | | | |
| **Bảng b:** Hệ thống kiến thức văn bản nghị luận trung đại đã học.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | 1. | **Chiếu dời đô** | Lí Công Uẩn | Chiếu (Chữ hán) | Phản ánh khát vọng của nhân dân về một đát nước độc lập, thống nhất, đồng thời phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh. Bài chiếu có sức thuyết phục mạnh mẽ vì nói đúng được ý nguyện của nhân dân, có sự kết hợp hài hòa giữa lí và tình. | | 2. | **Hịch tướng sĩ** | Trần uốc Tuấn | Hịch (Chữ hán) | Phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm,thể hiện qua lòng căm thù giặc, ý chí quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược. Đây là một áng văn chính luận xuất sắc, có sự kết hợp giữa lập luận chặt chẽ , sắc bén với lời văn thống thiết có sức lôi cuốn mạnh mẽ | | 3 | **Nước Đại Việt ta** | Nguyễn Trãi | Cáo | Với cách lập luận chặt chẽ và chứng cứ hùng hồn, đoạn trích **Nước Đại Việt ta** có ý nghĩa như bản tuyên ngôn độc lập: Nước ta là đất nước có nền văn hiến lâu đời, có lãnh thổ riêng, phong tục riêng, ó chủ quyền, có truyền thống lịch sử; kẻ xâm lược là phản nhân nghĩa, nhất định thất bại. | | 4 | **Bàn luận về phép học** | Nguyễn Thiếp | Tấu | Với cách lập luận chặt chẽ , bài văn giúp ta hiểu mục đích của việc học là để làm người có đạo đức có tri thức góp phần làm hưng thịnh đất nước, chứ không phải để cầu danh lợi. Muốn học tốt phải có phương pháp, học cho rộng nhưng phải nắm cho gọn, đặc biệt học phải đi đôi với hành. | | | |
| **Bảng c.** Hệ thống kiến thức về kiểu câu chia theo mục đích giao tiếp.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Câu** | **Đặc điểm hình thức** | **Chức năng** | **Ví dụ** | | **1** | **Câu nghi vấn** | - Có những từ nghi vấn (*ai, gì, nào, sao, tại sao, đâu, bao giờ, bao nhiêu* ...hoặc từ *hay* (nối các vế có quan hệ lựa chọn.  - Kết thúc câu bằng dấu hỏi chấm (?). Ngoài ra còn kết thúc bằng dấu chấm, dấu chấm than hoặc dấu chấm lửng. | - Dùng để hỏi.  - Ngoài ra còn dùng để đe doạ, yêu cầu, ra lệnh, bộc lộ tình cảm cảm xúc... | - Mai cậu có phải đi lao động không?  - Cậu chuyển giùm quyển sách này tới H được không? | | **2** | **Câu cầu khiến** | - có từ cầu khiến: *hãy, đừng, chớ,đi, thôi, nào*...hay ngữ điệu cầu khiến.  - Kết thúc bằng dấu chấm than.  - ý cầu khiến không mạnh kết thúc bằng dấu chấm. | - Dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo.... | - *Hãy lấy gạo làm bánh mà lễ Tiên Vương.*  - Ra ngoài! | | **3** | **Câu cảm thán** | - Có từ ngữ cảm thán: *ôi, than ôi, hỡi ôi, biết bao, xiết bao...*  - Kết thúc bằng dấu chấm than | - Dùng để bộc lộ cảm xúc trực tiếp của người nói (viết). | - *Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?* | | **4** | **Câu trần thuật** | - Không có đặc điểm hình thức của các kiểu câu khác.  - Kết thúc bằng dấu chấm. Đôi khi kết thúc bằng dấu hai chấm, hoặc dấu chấm lửng | - Dùng để kể, thông báo, nhận định, tả....  - Ngoài ra còn dùng để yêu cầu, đề nghị, bộc lộ cảm xúc... | - Trời đang mưa.  - Quyển sách đẹp quá! Tớ cảm ơn bạn! Cảm ơn bạn! | | | |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: HS làm việc cá nhân.  - HS thực hiện.  **Bài tập 2:**  **I. ĐỌC – HIỂU**  Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu của đề:  *“Ngọc không mài, không thành đồ vật; người không học, không biết rõ đạo”.*  *Đạo là lẽ đối xử hằng ngày giữa mọi người. Kẻ đi học là học điều ấy. Nước Việt ta, từ khi lập quốc đến giờ, nền chính học đã bị thất truyền. Người ta đua nhau lối học hình thức hòng cầu danh lợi, không còn biết đến tam cương, ngũ thường. Chúa tầm thường, thần nịnh hót. Nước mất, nhà tan đều do những điều tệ hại ấy.*  *Cúi xin từ nay ban chiếu thư cho thầy trò trường học của phủ, huyện, các trường tư, con cháu các nhà văn võ, thuộc lại ở các trấn cựu triều, đều tùy đâu tiện đấy mà đi học.*  *Phép dạy, nhất định theo Chu Tử. Lúc đầu học tiểu học để bồi lấy gốc. Tuần tự tiến lên học đến tứ thư, ngũ kinh, chư sử. Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm. Họa may kẻ nhân tài mới lập được công, nhà nước nhờ thế mà vững yên. Đó mới thực là cái đạo ngày nay có quan hệ tới lòng người. Xin chớ bỏ qua.*  (Nguyễn Thiếp, *Bàn luận về phép học*)  **1.1.** Xác định thể loại và phương thức biểu đạt chính của văn bản chứa đoạn trích trên.  **1.2.** Căn cứ vào mục đích nói, câu: “Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm.” thuộc kiểu câu gì? Chỉ ra kiểu hành động nói của câu văn.  **1.3.** Câu “Ngọc không mài, không thành đồ vật; người không học, không biết rõ đạo.” là câu phủ định. Đúng hay sai? Vì sao?  **1.4.** Tư tưởng tiến bộ của tác giả về việc học thể hiện rõ ở những nội dung nào trong đoạn trích?  **1.5.** Để thực hiện ước mơ, hoài bão của mình, mỗi học sinh cần lựa chọn một mục đích học tập đúng đắn. Vậy mục đích học tập của em là gì? Hãy lí giải vì sao em lựa chọn mục đích ấy.  **II. TẬP LÀM VĂN**  **2.1.** Kể tên các phương pháp thuyết minh mà em đã được học trong chương trình Ngữ văn 8?  **2.2.** Em hãy chọn, lập dàn bài và viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh nổi tiếng ở địa phương em.  - Hướng dẫn HS xây dựng dàn bài.  - Từ dàn ý đã xây dựng, HS viết một đoạn trong phần thân bài.  - GV đọc, nhận xét, góp ý bài của 1 số học sinh.  - Yêu cầu HS hoàn thiện bài tập làm văn ở nhà theo đầy đủ ba phần. | - GV chốt kiến thức  **I. ĐỌC – HIỂU**  **1.1.**  - Thể loại: tấu.  - Phương thức biểu đạt chính: nghị luận.  **1.2.** “Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm.”  - Kiểu câu: câu trần thuật.  - Kiểu hành động nói: điều khiển (cầu khiến).  **1.3.** Câu “Ngọc không mài, không thành đồ vật; người không học, không biết rõ đạo.” là câu phủ định.  - Đúng.  - Vì có dùng từ phủ định: “không”.  **1.4.**  - Xác định mục đích chân chính của việc học: học để làm người.  - Phê phán lối học hình thức: học hòng cầu danh lợi.  - Mở rộng phạm vi, đối tượng học: việc học phải được phổ biến rộng rãi, để ai cũng có cơ hội được học tập.  - Đề xuất phương pháp học đúng đắn: việc học phải bắt đầu từ thấp đến cao, biết tóm tắt những điều cơ bản, học đi đôi với hành.  **1.5.**  HS nêu ý kiến của riêng cá nhân, sau đây là định hướng:  - Học sinh nêu được ý kiến cá nhân về sự lựa chọn mục đích học tập của mình: biết gắn lợi ích riêng của cá nhân, gia đình,...với lợi ích chung của đất nước, dân tộc.  - HS giải thích được quan điểm đã lựa chọn một cách rõ ràng, hợp lý và thuyết phục, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.  - GV chốt kiến thức  **II. TẬP LÀM VĂN**  **2.1.** Các phương pháp thuyết minh được học: Nêu định nghĩa, giải thích; liệt kê; phân loại phân tích; dùng số liệu; nêu ví dụ; so sánh.  **2.2.**  \* Yêu cầu chung: Văn phong sáng sủa, thuyết minh rõ ràng, ngắn gọn, bố cục mạch lạc, không mắc lỗi chính tả.  \* Yêu cầu cụ thể: HS chọn 1 danh lam thắng cảnh ở địa phương và viết bài giới thiệu về danh lam thắng cảnh ấy.  **a. Mở bài:** Giới thiệu chung về di tích, thắng cảnh địa phương em.  **b. Thân bài:** Những đặc điểm nổi bật:  - Vị trí địa lí, lịch sử hình thành.  - Tên gọi qua các thời kì lịch sử.  - Đặc điểm về cấu trúc.  - Ý nghĩa của di tích, thắng cảnh đối với địa phương em.  **c. Kết bài:**  - Cảm nghĩ của em về di tích, thắng cảnh của địa phương.  - Hướng hành động của bản thân để giữ gìn các di tích, danh lam thắng cảnh đó.  *\* Lưu ý: Khuyến khích những bài viết thuyết minh sáng tạo, mới mẻ, hấp dẫn.* | |

**TIẾT 2: LUYỆN TẬP TỔNG HỢP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: HS làm việc cá nhân.  - HS thực hiện.  **Bài tập 1:**  **I. ĐỌC – HIỂU**  Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:  *Nay các ngươi nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn. Làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết tức; nghe nhạc thái thường để đãi yến ngụy sứ mà không biết căm. Hoặc lấy việc chọi gà làm vui đùa, hoặc lấy việc đánh bạc làm tiêu khiển ; hoặc vui thú vườn ruộng, hoặc quyến luyến vợ con; hoặc lo làm giàu mà quên việc nước, hoặc ham săn bắn mà quên việc binh; hoặc thích rượu ngon, hoặc mê tiếng hát. Nếu có giặc Mông Thát tràn sang thì cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp của giặc, mẹo cờ bạc không thể dùng làm mưu nhà binh; dẫu rằng ruộng lắm vườn nhiều, tấm thân quý nghìn vàng khôn chuộc, vả lại vợ bìu con díu, việc quân cơ trăm sự ích chi; tiền của tuy nhiều khôn mua được đầu giặc, chó săn tuy khỏe không đuổi được quân thù; chén rượu ngon không thể làm cho giặc say chết, tiếng hát hay không thể làm cho giặc điếc tai. Lúc bấy giờ, ta cùng các ngươi sẽ bị bắt, đau xót biết chừng nào!*  (Ngữ văn 8, tập hai)  **1.** Đoạn văn trích từ tác phẩm nào? Của ai ?  **2.** Kết thúc tác phẩm có đoạn văn trên, tác giả viết: “cho nên ta viết bài hịch này để các ngươi hiểu rõ bụng ta.” Theo em, “các ngươi” được nhắc tới ở đây là những ai và “hiểu rõ bụng ta” là hiểu điểu gì?  **3.** Hãy cho biết, theo mục đích nói, câu: “Lúc bấy giờ, ta cùng các ngươi sẽ bị bắt, đau xót biết chừng nào!” thuộc kiểu câu gì và thực hiện hành động nói nào?  **4.** Bao trùm toàn bộ đoạn trích là tấm lòng băn khoăn, lo lắng đối với vận mệnh đất nước của tác giả. Hãy viết một đoạn văn khoảng 12 câu theo cách lập luận diễn dịch để làm sáng tỏ nội dung nhận xét đã nêu. Trong đoạn có sử dụng một câu cảm thán. (Gạch chân câu cảm thán)  **II. TẬP LÀM VĂN**  *Để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, Thử thách dọn rác với dòng hashtag #ChallengeForChange đang trở thành một trào lưu mới được các bạn trẻ trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng hưởng ứng.*  Hãy viết một bài văn nghị luận với đề tài Học sinh với vấn đề bảo vệ môi trường để cùng nhau lan tỏa phong trào hết sức ý nghĩa trên.  - Hướng dẫn HS xây dựng dàn bài.  - Từ dàn ý đã xây dựng, HS viết một đoạn trong phần thân bài.  - GV đọc, nhận xét, góp ý bài của 1 số học sinh.  - Yêu cầu HS hoàn thiện bài tập làm văn ở nhà theo đầy đủ ba phần. | - GV chốt kiến thức  **I. ĐỌC – HIỂU**  **1.** Tác phẩm: *Hịch tướng sĩ* *(Dụ chư tì tướng hịch văn*)  - Tác giả: Trần Quốc Tuấn.  **2.**  - “**các ngươi”**: các tướng, sĩ (tướng lĩnh, binh sĩ)  - **“hiểu rõ bụng ta”**: hiểu rõ tấm lòng của Trần Quốc Tuấn yêu nước mãnh liệt, căm thù giặc sâu sắc; mong muốn tướng sĩ đồng lòng học tập Binh thư yếu lược, quyết tâm chiến đấu và chiến thắng giặc ngoại xâm.  **3.**  Câu: “Lúc bấy giờ, ta cùng các ngươi sẽ bị bắt, đau xót biết chừng nào!”:  - Kiểu câu: cảm thán.  - Hành động nói: bộc lộ cảm xúc.  **4.**  HS dựa vào đoạn trích của Trần Quốc Tuấn khai thác hiệu quả các tín hiệu nghệ thuật, có lí lẽ, dẫn chứng để viết một đoạn văn khoảng 12 câu theo cách lập luận diễn dịch làm sáng tỏ nội dung nhận xét đã nêu: *Bao trùm lên đoạn trích là tấm lòng băn khoăn, lo lắng đối với vận mệnh đất nước của tác giả.*  a. Hình thức: đúng hình thức đoạn văn, triển khai theo cách lập luận diễn dịch; đảm bảo độ dài, có câu cảm thán (Gạch chân)  b. Nội dung: Với nỗi lòng lo lắng cho vận mệnh đất nước:  - Tác giả đã chỉ ra thực trạng ăn chơi, hưởng lạc; ích kỉ, cá nhân của các tướng sĩ.  - Tác hại của thái độ, cách sống đó khi giặc tràn sang và hậu quả đau đớn không thể tránh khỏi khi đó  -> Từ tình cảm của mình, tác giả phân tích có tình, có lí theo quan hệ nhân - quả; chỉ rõ mối quan hệ tình cảm, quyền lợi gắn bó khăng khít giữa ông với các tướng sĩ để họ hiểu rõ trách nhiệm, vai trò đối với đất nước trước họa ngoại xâm.  **II. TẬP LÀM VĂN**  \* Yêu cầu chung:  - Về hình thức:  + Phương thức biểu đạt chủ yếu: Nghị luận, lưu ý có sự kết hợp yếu tố tự sự và miêu tả.  + Chọn cách trình bày luận điểm hợp lí. Văn phong sáng sủa, bố cục rõ ràng, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả.  - Về nội dung: Viết được một bài văn nghị luận về vấn đề học sinh với vấn đề bảo vệ môi trường.  - Về kiểu bài: Nắm vững kiểu bài và các thao tác khi làm bài văn nghị luận.  *\* Yêu cầu cụ thể:*  - Mở bài: Giới thiệu khái quát vấn đề cần nghị luận: Học sinh với vấn đề bảo vệ môi trường.  - Thân bài:  + Thực trạng môi trường hiện nay.  + Nguyên nhân dẫn đến thực trạng.  + Hậu quả do việc ô nhiễm môi trường mang lại.  + Học sinh cần có giải pháp gì để bảo vệ môi trường.  - Kết bài: Khái quát lại vấn đề nghị luận. Liên hệ hướng hành động cho bản thân.  *\* Lưu ý: Khuyến khích những bài viết mang dấu ấn cá nhân, có lập luận sáng tạo, mới mẻ.* |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: HS làm việc cá nhân.  - HS thực hiện.  **Bài tập 2:**  **I. ĐỌC – HIỂU**  Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi bên dưới:  *Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ*  *Khắp dân làng tấp nập đón ghe về.*  *“Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe”,*  *Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.*  *Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,*  *Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;*  *Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*  *Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.*  (Ngữ văn 8 - Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014)  **1.** Đoạn thơ trên trích trong bài thơ nào? Tác giả là ai?  **2.** Nêu nội dung chính của đoạn thơ?  **3.** Câu thơ “Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe.” thuộc kiểu câu gì xét theo mục đích nói và thực hiện hành động nói nào?  **4.** Vẻ đẹp của hình ảnh “Chiếc thuyền” trong hai câu thơ:  *Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*  *Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.*  **II. TẬP LÀM VĂN**  *Em hiểu như thế nào về câu nói của M. Go-rơ-ki “Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống”.*  - Hướng dẫn HS xây dựng dàn bài.  - Từ dàn ý đã xây dựng, HS viết một đoạn trong phần thân bài.  - GV đọc, nhận xét, góp ý bài của 1 số học sinh.  - Yêu cầu HS hoàn thiện bài tập làm văn ở nhà theo đầy đủ ba phần. | - GV chốt kiến thức  **I. ĐỌC – HIỂU**  **1.**  - Đoạn thơ được trích trong văn bản: *Quê hương.*  - Tác giả: Tế Hanh.  **2.**  Nội dung chính của đoạn thơ: Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về bến.  **3.**  - Câu thơ “Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe.” thuộc kiểu câu trần thuật.  - Hành động nói: Bộc lộ cảm xúc.  **4.**  HS có thể trình bày vẻ đẹp của hình ảnh “Chiếc thuyền” theo nhiều cách khác nhau nhưng cơ bản đảm bảo các ý sau:  - Hình ảnh “Chiếc thuyền” trong đoạn thơ là một hình ảnh đẹp, gợi nhiều liên tưởng.  - Hình ảnh “Chiếc thuyền” được xây dựng bằng các biện pháp tu từ nhân hóa và ẩn dụ:  + Các từ “im, mỏi, trở về, nằm” cho ta cảm nhận được giây phút nghỉ ngơi, thư giãn của con thuyền sau chuyến ra khơi vật lộn với sóng gió biển khơi. Nghệ thuật nhân hóa đã khiến con thuyền vô tri trở nên sống động, có hồn như con người.  + Từ “nghe” thể hiện sự chuyển đổi cảm giác thật tinh tế. Con thuyền như một cơ thể sống, nhận biết được chất muối của biển đang ngấm dần, lặn dần vào da thịt của mình.  ->Tâm hồn nhạy cảm, tinh tế và tình yêu, sự gắn bó máu thịt với quê hương mình của nhà thơ Tế Hanh.  **II. TẬP LÀM VĂN**  Giải thích ý nghĩa câu nói của M. Go-rơ-ki “Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống”.  **\* Yêu cầu về kỹ năng:** Trình bày đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Phần mở bài biết dẫn dắt hợp lý và giới thiệu được vấn đề cần nghị luận; phần thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm nổi bật vấn đề nghị luận; phần kết bài khẳng định được sự đúng đắn của nhận định được đề cập đến.  **\* Yêu cầu về kiến thức:**  HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các nội dung:  **a. Mở bài**  - Dẫn dắt  - Trích dẫn câu nói của M. Go-rơ-ki về giá trị của sách.  **b. Thân bài**  1. Giải thích khái niệm  + “sách” là nơi ghi chép, lưu trữ những hiểu biết của con người về thế giới khách quan. Trải qua tiến trình lịch sử lâu dài, từng thời đoạn lịch sử khác nhau, hình thức của sách cũng khác nhau. Hiện tại, người ta dùng các bộ nhớ lưu trữ điện tử để lưu giữ và phổ biến tri thức chứ không ghi chép ra giấy nữa.  + “nguồn kiến thức” là tất cả những thông tin mà con người đã ghi chép và lưu truyền ở trong sách.  + “con đường sống” là con đường đi đến thành công và sự thấu hiểu. Con đường sống hay chính là phương tiện giúp con người đạt được các giá trị để sống thành công và tìm thấy hạnh phúc.  -> Sách có tác dụng vô cùng to lớn trong việc bồi đắp trí tuệ, tâm hồn của mọi người.  2. Ý nghĩa câu nói của M.Go-rơ-ki: “Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống”  - Sách lưu giữ nguồn tri thức vô tận mà con người đã gìn giữ trong hàng chục nghìn năm qua. Từ những nhận thức đơn sơ của con người được ghi khắc lại trên vách đá đến những thành tựu khoa học hiện đại đều được lưu giữ trong sách. Ở đâu có sách là ở đó có kiến thức.  - Sách là cỗ máy thời gian thần kì đưa ta trở về với quá khứ và mở ra thế giới của tương lai.  - Sách hình thành, bồi dưỡng và phát triển nhân cách con người. Sách dạy cho chúng ta cách sống, cách làm người, hướng tới những giá trị chân, thiên, mĩ. Sách dạy cho chúng ta biết cách đối nhân xử thế, sống có trách nhiệm hơn. Sách nuôi dưỡng tâm hồn ta.  - Sách gắn kết con người trên toàn thế giới. Qua những trang sách hay, con người khắp thế giới sẽ tìm thấy một tiếng nói chung để xây dựng một thế giới hòa bình và phồn vinh.  - Sách còn là công cụ giải trí rất hiệu quả và tiết kiệm. Đọc sách để làm tươi trẻ tâm hồn là cách được nhiều người lựa chọn.  3. Bài học cho bản thân  - Phải yêu quý và trân trọng sách.  - Biết chọn sách để đọc cho hiệu quả.  - Biết cách đọc sách: làm cho cuộc sống của mình phong phú, đẹp hơn, góp phần làm cho cuộc sống của đất nước mình, nhân dân mình đẹp hơn.  **c. Kết bài:** Khẳng định lại vai trò lớn lao của sách; tình yêu sách của mỗi người. |

**TIẾT 3: LUYỆN TẬP TỔNG HỢP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: HS làm việc cá nhân.  - HS thực hiện.  **Bài tập 1:**  **I. ĐỌC – HIỂU**  **Câu 1.**  Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:  *Huống gì thành Đại La, kinh đô cũ của Cao Vương: Ở vào nơi trung tâm trời đất; được cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đúng ngôi nam bắc đông tây; lại tiện hướng nhìn sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng; đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt; muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi. Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.*  (Sách giáo khoa Ngữ văn 8, tập hai, NXBGD năm 2015)  **1.1.** Đoạn trích trên được trích từ văn bản nào? Tác giả là ai? Nêu hoàn cảnh ra đời và mục đích viết của văn bản đó.  **1.2.** Nội dung của đoạn trích trên là gì?  **1.3.** Đoạn trích thuộc kiểu văn bản nào?  (sử dụng phương thức biểu đạt)  Hãy kể tên hai văn bản khác cùng kiểu loại mà em đã được học trong chương trình Ngữ văn 8 (có tên tác giả).  **1.4.** Xác định kiểu câu chia theo mục đích nói, hành động nói và cách thực hiện hành động nói của câu: *Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa.*  **1.5.** Viết một đoạn văn (từ 6 đến 8 câu) trình bày cảm nhận của em khi đọc đoạn trích trên. Trong đoạn văn có sử dụng một câu nghi vấn (gạch chân câu nghi vấn đó).  **Câu 2.**  **2.1.** Kể tên các văn bản nghị luận trung đại mà em đã được học, kèm theo tên tác giả và thể loại.  **2.2.** So sánh các thể loại văn nghị luận cổ mà em đã học ấy.  **II. TẬP LÀM VĂN**  *Em hãy viết bài văn nghị luận nói lên suy nghĩ của em về vấn đề bạo lực học đường hiện nay.*  - Hướng dẫn HS xây dựng dàn bài.  - Từ dàn ý đã xây dựng, HS viết một đoạn trong phần thân bài.  - GV đọc, nhận xét, góp ý bài của 1 số học sinh.  - Yêu cầu HS hoàn thiện bài tập làm văn ở nhà theo đầy đủ ba phần. | - GV chốt kiến thức  **I. ĐỌC – HIỂU**  **Câu 1.**  **1.1.**  - Đoạn trích đã cho được trích từ văn bản: *Chiếu dời đô*.  - Tác giả: Lí Công Uẩn.  - Hoàn cảnh ra đời và mục đích viết: Năm Canh Tuất niên hiệu Thuận Thiên thứ nhất (1010), Lí Công Uẩn viết “Chiếu dời đô” để bày tỏ ý định dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) ra thành Đại La (Hà Nội ngày nay).  **1.2.**  Nội dung: Thành Đại La có đủ mọi điều kiện để xứng đáng là kinh đô bậc nhất của đất nước.  **1.3.**  - Kiểu văn bản: Văn bản nghị luận.  - HS chọn 2 trong số các văn bản khác cùng kiểu loại có tên tác giả.  *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn)  *Nước Đại Việt ta* (Nguyễn Trãi)  *Bàn luận về phép học* (Nguyễn Thiếp)  **1.4.**  - Kiểu câu: Câu trần thuật.  - Hành động nói: Trình bày (nhận định, đánh giá...)  - Cách thực hiện: Trực tiếp.  **1.5.**  *\* Hình thức:*  - Trình bày đúng thể thức một đoạn văn, đủ số câu theo qui định, diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.  - Sử dụng câu nghi vấn (có gạch chân).  *\* Nội dung:*  - Bằng những câu văn biền ngẫu kết hợp miêu tả sinh động, các vế liệt kê liên tiếp cân đối, nhịp nhàng..., tác giả đã chỉ rõ các lợi thế của thành Đại La: về lịch sử, về vị trí địa lí, về hình sông thế núi, về kinh tế, chính trị, văn hoá. Khẳng định Đại La là thắng địa bậc nhất, xứng đáng là nơi tốt nhất để định đô.  - Khẳng định ý chí tự lập, tự cường của Đại Việt đang trên đà lớn mạnh; thể hiện khát vọng xây dựng đất nước và niềm tin vào tương lai Đại Việt phồn thịnh lâu bền.  - Thêm hiểu và tự hào về thủ đô nước ta...; nhận thấy trách nhiệm của mình trong việc góp phần xây dựng và phát triển thủ đô đất nước Việt Nam trong hoàn cảnh hiện nay.  **Câu 2.**  **2.1.** Các văn bản nghị luận trung đại đã học, kèm tác giả và thể loại:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Tên tác phẩm** | **Tác giả** | **Thể loại** | | 1 | Chiếu dời đô | Lí công Uẩn | Chiếu | | 2 | Hịch tướng sĩ | Trần Quốc Tuấn | Hịch | | 3 | Nước Đại Việt ta | Nguyễn Trãi | Cáo | | 4 | Bàn luận về phép học | Nguyễn Thiếp | Tấu |   **2.2.** So sánh:  \* Giống nhau: Đều là thể văn nghị luận cổ; có kết cấu chặt chẽ, lập luận sắc bén; thường được viết bằng văn vần, văn xuôi hoặc văn biền ngẫu...  \* Khác nhau:  - Chiếu: do vua dùng để ban bố mệnh lệnh.  - Hịch: Thường được vua chúa, tướng lĩnh dùng để cổ động, thuyết phục, kêu gọi đấu tranh chống thù trong giặc ngoài.  - Cáo: Dùng để trình bày một chủ trương hay công bố một kết quả sự nghiệp để mọi người cùng biết.  - Tấu: Do bề tôi, thần dân gửi lên vua chúa để trình bày sự việc, ý kiến, đề nghị.  **II. TẬP LÀM VĂN**  *\* Yêu cầu về kĩ năng:*  - Biết vận dụng kiến thức về văn nghị luận để viết được bài văn hoàn chỉnh với bố cục 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài. Sắp sếp bố cục hợp lí giữa các phần, các đoạn văn. Đảm bảo phương thức nghị luận sử dụng các yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm trong bài viết. Chữ viết rõ ràng, có thể mắc một vài lỗi chính tả.  - Diễn đạt lưu loát, sử dụng từ ngữ chọc lọc, các biện pháp tu từ hợp lí. biết diễn tả cảm xúc phù hợp; viết đúng chính tả, ngữ pháp, lời văn chân thực, tự nhiên. Sử dụng đúng các dấu câu, các kiểu câu.  *\* Yêu cầu về kiến thức:*  Học sinh trình bày, diễn đạt theo cách của mình nhưng trong bài làm cần thể hiện được những nội dung cơ bản sau:  **a. Mở bài:** Giới thiệu và nêu vấn đề cần nghị luận: Bạo lực học đường ở học sinh.  **b. Thân bài:**  *1. Bạo lực học đường là gì?*  - Bạo lực học đường là những hành vi thô bạo, ngang ngược, bất chấp công lý, đạo lý, xúc phạm trấn áp người khác gây nên những tổn thương về tinh thần và thể xác diễn ra trong phạm vi trường học.  - Bạo lực học đường hiện nay có xu hướng gia tăng nhanh chóng, diễn ra ở nhiều nơi do đó đang trở thành một vấn nạn của xã hội.  *2. Biểu hiện của hành động bạo lực học đường:*  - Xúc phạm, lăng mạ, xỉ nhục, đay nghiến, chà đạp nhân phẩm, làm tổn thương về mặt tinh thần con người thông qua lời nói.  - Đánh đập, tra tấn, hành hạ, làm tổn hại về sức khỏe, xâm phạm cơ thể con người thông qua những hành vi bạo lực.  (Dẫn chứng minh họa)  *3. Nguyên nhân dẫn đến nạn bạo lực học đường:*  - Xảy ra vì những lí do trực tiếp rất không đâu: Nhìn đểu, nói móc, tranh giành người yêu, không cùng đẳng cấp...  - Sự phát triển thiếu toàn diện, thiếu hụt về nhân cách, thiếu khả năng kiểm soát hành vi ứng xử của bản thân, non nớt trong kĩ năng sống, sai lệch trong quan điểm sống.  - Do ảnh hưởng từ môi trường văn hóa bạo lực: phim, ảnh, sách, báo, đồ chơi mang tính bạo lực (kiếm, súng...)  - Sự giáo dục chưa đúng đắn, thiếu quan tâm của gia đình; tình trạng bạo lực trong gia đình cũng là một phần nhân tố ảnh hưởng không tốt. Và một khi bạo lực gia đình vẫn còn tồn tại thì bạo lực học đường sẽ vẫn còn có nguy cơ gia tăng.  - Xã hội thờ ơ, dửng dưng, buông xuôi, chưa có sự quan tâm đúng mức, những giải pháp thiếu thiết thực, chưa đồng bộ, triệt để.  *4. Tác hại của bạo lực học đường:*  - Với nạn nhân: Tổn thương về thể xác và tinh thần. Tổn hại đến gia đình, người thân, bạn bè người bị hại. Tạo tính bất ổn trong xã hội: tâm lí lo lắng bất an bao trùm từ gia đình, nhà trường, đến xã hội.  - Người gây ra bạo lực:  + Con người phát triển không toàn diện: phát triển ngược trở lại phía “con”, đi ngược lại tính “người” và mất dần nhân tính.  + Làm hỏng tương lại chính mình, gây nguy hại cho XH.  + Bị mọi người lên án, xa lánh, căm ghét.  *5. Làm gì để khắc phục bạo lực học đường?*  - Đối với những người gây ra bạo lực học đường: cố gắng mở rộng nâng cao nhận thức:  - Xã hội cần có những giải pháp đồng bộ, chặt chẽ giáo dục con người trong gia đình, nhà trường, trong toàn xã hội; coi trọng dạy kĩ năng sống, vươn tới những điều chân thiện mỹ.  - Có thái độ quyết liệt phê phán răn đe, giáo dục cải tạo, biện pháp trừng phạt kiên quyết làm gương cho người khác.  **c. Kết bài:** Khẳng định vấn đề:  - Hiện tượng trên chỉ là một phần rất nhỏ của xã hội nên không phải vì thế mà chúng ta mất đi niềm tin vào con người vào thế hệ trẻ. Cần nhân rộng những tấm lòng cao cả, nêu gương người tốt việc tốt điển hình. Hình thành thái độ đồng cảm, sẻ chia, yêu thương giúp con người nói chung, thế hệ trẻ nói riêng tiến tới những vẻ đẹp nhân cách chân thiện mĩ, phát huy những truyền thống nhân ái, nhân đạo từ ngàn xưa trước khi chúng ta phải đối phó với căn bệnh vô cảm.  - Có quan điểm nhận thức, hành động đúng đắn, hình thành những quan niệm sống tốt đẹp...  - Liên hệ thực tế nhà trường. |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: HS làm việc cá nhân.  - HS thực hiện.  **Bài tập 2:**  **I. ĐỌC – HIỂU**  Đọc kĩ những ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:  **Ngữ liệu 1:**  *Ta nghe hè dậy bên lòng*  *Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!*  ***Ngột làm sao, chết uất thôi***  ***Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu! (1)***  (Dẫn theo Ngữ văn 8, tập 2, trang 19)  **Ngữ liệu 2:**  ***Ngục trung vô tửu diệc vô hoa,***  ***Đối thử lương tiêu nại nhược hà? (2)***  *Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,*  *Nguyệt tòng song khích khán thi gia.*  (Dẫn theo Ngữ văn 8, tập 2, trang 37)  **1.** Những ngữ liệu trên được trích từ các văn bản nào? Điểm gặp gỡ trong hoàn cảnh sáng tác của các văn bản đó là gì?  **2.** Xác định kiểu câu (phân theo mục đích nói) và hành động nói được thực hiện ở câu (1) - ngữ liệu 1, câu (2) - ngữ liệu 2. Việc sử dụng các kiểu câu ấy giúp em cảm nhận được gì về vẻ đẹp tâm hồn của các nhân vật trữ tình?  **3.** Những hình ảnh nào của thiên nhiên đã tác động đến tâm trạng của nhân vật trữ tình trong mỗi đoạn thơ trên? Từ việc hiểu hai đoạn thơ và trải nghiệm của bản thân, hãy nói về ý nghĩa của thiên nhiên với đời sống tâm hồn con người. (Thể hiện bằng một đoạn văn khoảng 7-10 dòng).  **II. TẬP LÀM VĂN**  *“Bài thơ Khi con tu hú của nhà thơ Tố Hữu thể hiện sâu sắc lòng yêu cuộc sống và niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đày”.*  Em hãy làm sáng tỏ nhận định trên bằng một bài văn nghị luận.  - Hướng dẫn HS xây dựng dàn bài.  - Từ dàn ý đã xây dựng, HS viết một đoạn trong phần thân bài.  - GV đọc, nhận xét, góp ý bài của 1 số học sinh.  - Yêu cầu HS hoàn thiện bài tập làm văn ở nhà theo đầy đủ ba phần. | - GV chốt kiến thức  **I. ĐỌC – HIỂU**  **1.**  - Văn bản:  + Ngữ liệu 1: *Khi con tu hú* (Tố Hữu).  + Ngữ liệu 2: *Vọng nguyệt - Ngắm trăng* (Hồ Chí Minh)  - Điểm gặp gỡ trong hoàn cảnh sáng tác: cả hai bài thơ đều được ra đời lúc tác giả- người chiến sĩ cách mạng bị giam cầm nơi chốn ngục tù.  **2.**  \* Câu (1)  ***Ngột làm sao, chết uất thôi***  ***Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!***  - Kiểu câu: cảm thán.  - Hành động nói: bộc lộ cảm xúc.  - Vẻ đẹp tâm hồn: thể hiện tâm trạng bực bội, ngột ngạt khi sống trong cảnh tù đày. Từ đó hé mở một tâm hồn khao khát tự do mãnh liệt.  \* Câu (2)  ***Ngục trung vô tửu diệc vô hoa,***  ***Đối thử lương tiêu nại nhược hà? (2)***  - Kiểu câu: nghi vấn.  - Hành động nói: bộc lộ cảm xúc.  - Vẻ đẹp tâm hồn: thể hiện tâm trạng băn khoăn, bối rối khi trăng- người bạn tri kỉ- đến còn bản thân lại đang ở trong cảnh tù đày. Từ đó hé mở một tâm hồn luôn thiết tha với thiên nhiên, với trăng.  **3.**  - Hình ảnh thiên nhiên tác động đến tâm trạng của nhân vật trữ tình: tiếng chim tu hú, vầng trăng.  - Viết đoạn văn nói về ý nghĩa của thiên nhiên với đời sống tâm hồn con người:  *\* Yêu cầu về kĩ năng:* HS có kĩ năng dựng đoạn, không tách xuống dòng, hành văn trôi chảy, mạch lạc, tránh mắc lỗi chính tả, phương thức nghị luận, trình bày theo phương pháp qui nạp, diễn dịch hay song hành...  *\* Yêu cầu về kiến thức:* HS xây dựng được luận điểm cho đoạn văn, thấy được thiên nhiên có ý nghĩa to lớn với đời sống tâm hồn của con người. Dưới đây là một số gợi ý:  - Thiên nhiên là một phần của cuộc sống. Đến với thiên nhiên, ngắm nhìn một sông, một vầng trăng, một bông hoa nở, lắng nghe một tiếng chim ca, tiếng suối chảy…ta như thấy sự kì diệu của cuộc sống, thấy được niềm vui, niềm hạnh phúc, thấy ta được yêu thương thật nhiều.  - Cái đẹp của thiên nhiên có sức lay động. Trong những giây phút đắm mình cùng thiên nhiên ta sẽ suy ngẫm nhiều hơn, biết trân trọng hơn cuộc sống này.  **II. TẬP LÀM VĂN**  *“Bài thơ Khi con tu hú của nhà thơ Tố Hữu thể hiện sâu sắc lòng yêu cuộc sống và niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đày”.*  *\* Yêu cầu về kỹ năng:*  - Tạo lập 1 văn bản hoàn chỉnh, kiểu bài: nghị luận văn học.  - Luận điểm rõ ràng, sắp xếp hợp lí, logic; lí lẽ, dẫn chứng xác đáng, phù hợp; lập luận chặt chẽ, thuyết phục.  - Kết hợp các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm linh hoạt, diễn đạt trong sáng, giàu cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu…  *\* Yêu cầu về kiến thức:*  Học sinh có thể làm nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo những nội dung sau:  **a. Mở bài.**  - Nêu vấn đề: Giới thiệu chung về tác giả, tác phẩm.  - Dẫn dắt vấn đề vào ý kiến.  **b. Thân bài.**  - Giới thiệu về hoàn cảnh sáng tác bài thơ: Bài thơ *Khi con tu hú* được nhà thơ sáng tác trong nhà lao Thừa Phủ, khi tác giả mới bị bắt giam ở đây.  - Bài thơ *Khi con tu hú* thể hiện sâu sắc tình yêu cuộc sống của người chiến sĩ cách mạng:  + Tiếng chi tu hú đã làm thức dậy tâm hồn người chiến sĩ trẻ. Trong cảnh lao tù nhưng tác giả vẫn cảm nhận được âm thanh của cuộc sống.  + Âm thanh ấy mở ra một không gian mùa hè trong tâm tưởng. Đó là một mùa hè đẹp đẽ, tràn đầy sức sống: rộn rã âm thanh, rực rỡ sắc màu, tràn đầy hương vị. Một không gian cao rộng, thoáng đãng.  + Đó là sức cảm nhận mãnh liệt, tinh tế của một tâm hồn trẻ trung, yêu đời nhưng đang mất tự do.  - Bài thơ *Khi con tu hú* thể hiện niềm khát khao tự do đến cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng:  + Sự vận động của thời gian, sự mở rộng của không gian, sự náo nức của cảnh vật là khung trời của cuộc sống tự do, tràn đầy sức sống → đó chính là niềm khát khao cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đày.  + Càng khát khao tự do, người tù càng cảm thấy khổ đau, uất ức, ngột ngạt; muốn đạp tan xiềng xích ngục tù để hướng đến thế giới tự do  + Tiếng chim tu hú xuất hiện ở đầu bài thơ gợi ra cảnh tượng trời đất bao la, tưng bừng sự sống lúc vào hè. Đến cuối bài thơ, vẫn tiếng chim ấy lại khiến cho người chiến sĩ đang bị giam cầm cảm thấy uất ức, ngột ngạt. Mặc dù vậy, ở cả hai câu thơ cuối, tiếng chim tu hú đều là tiếng gọi tha thiết của tự do, của thế giới sự sống đầy quyến rũ đối với nhân vật trữ tình - người tù cách mạng trẻ tuổi.  **c. Kết bài:**  - Khẳng định (khái quát) lại vấn đề nghị luận: Bài thơ Khi con tu hú của nhà thơ Tố Hữu thể hiện sâu sắc lòng yêu cuộc sống và niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đày.  - Có thể liên hệ thực tế về tình yêu cuộc sống, sự quý trọng tự do. |

**III. CỦNG CỐ, DẶN DÒ**

- Nắm lại toàn bộ kiến thức liên quan đến các nội dung đã học trong HKII.

- Hoàn thiện các yêu cầu bài tập được giao.

- Bài tập về nhà:

1) *Vẽ sơ đồ tư duy hệ thống hóa kiến thức về các kiểu câu chia theo mục đích giao tiếp đã học.*

*2) Hoàn thiện và nộp toàn bộ các bài tập làm văn theo từng buổi để giáo viên chấm điểm và nhận xét.*